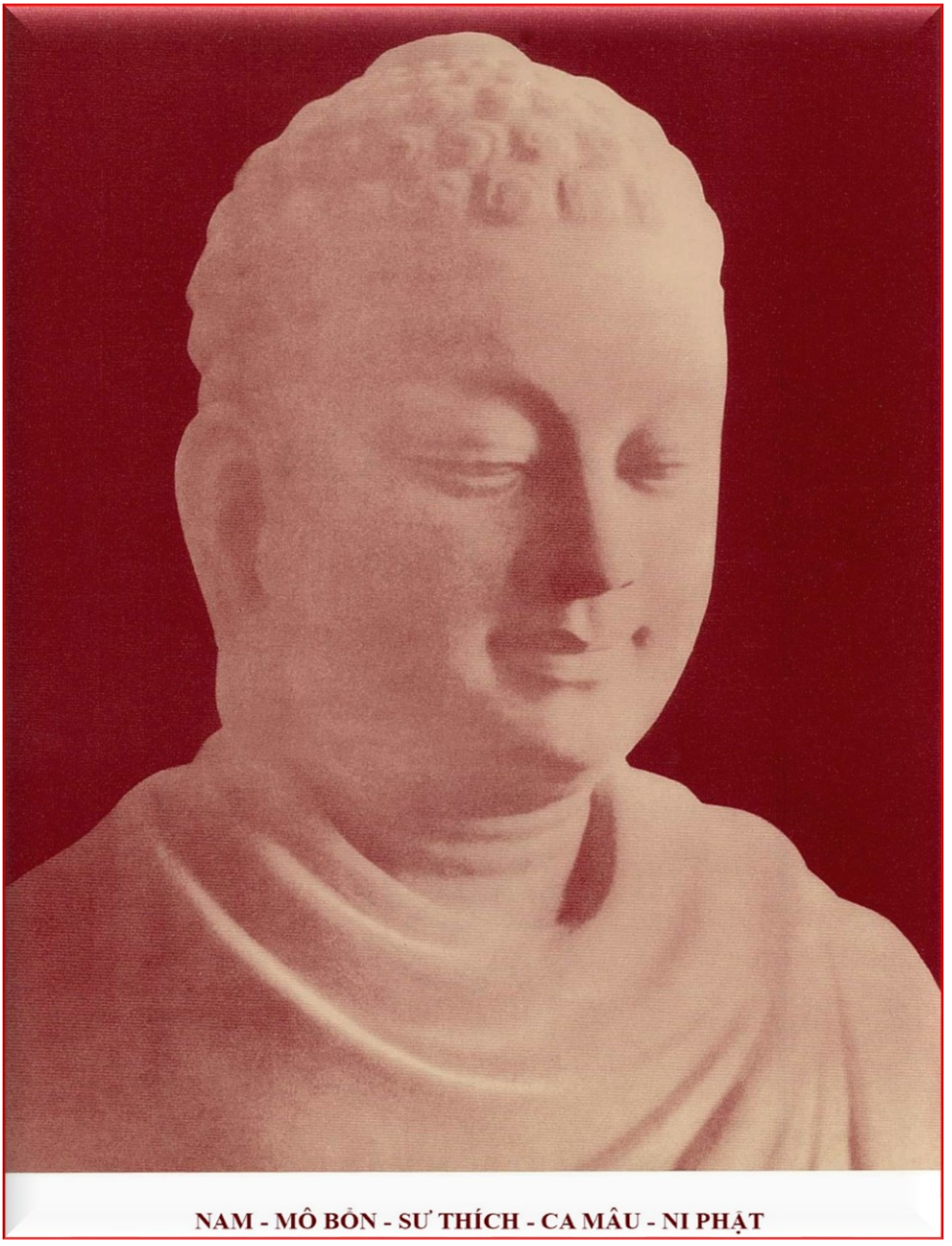

BỘ LUẬT 4 – T074

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 74

BỘ LUẬT

IV

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 74

BỘ LUẬT
IV

SỐ 1428 (tt)

(PHẦN 4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢ

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. Tên người: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...

2. Tên nước: Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...

3. Tôn xưng danh hiệu Phật: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...

4. Tác phẩm, kinh sách: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- <u>Viết hoa chữ đầu</u>:

1. Địa danh: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...

2. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...

3. Phẩm bậc, quả vị tôn kính: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...

4. Chủng loại: chư Thiên

5. Phương hướng: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. Nhân danh: Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...

2. Địa danh: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...

3. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh: A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...

4. Phẩm bậc, quả vị: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...

5. Chủng loại: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. Viết thành chữ: (những số quá lớn nên chú thích thêm số) ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...

2. Viết thành số: số hiệu kinh, số trang dẫn
ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

Âm "y" và "i": dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...

梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).

慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC
BỘ LUẬT 4 – T074

SỐ 1428 ..... **3**
LUẬT TỨ PHẦN **3**
PHẦN 4: NÊU DẪN CÁC VIỆC: PHÒNG XÁ, TẠP SỰ, NGŨ BÁCH KẾT TẬP, THẤT BÁCH KẾT TẬP, ĐIỀU ĐẠT, TỲ NI TĂNG NHẤT 3
Chương I : PHÒNG XÁ 3
PHẦN 4: NÊU DẪN CÁC SỰ VIỆC: PHÒNG XÁ, TẠP SỰ, NGŨ BÁCH KẾT TẬP, THẤT BÁCH KẾT TẬP, ĐIỀU ĐẠT, TỲ NI TĂNG NHẤT 61
Chương II: TẠP SỰ 61
PHẦN 4: NÊU DẪN CÁC SỰ VIỆC: PHÒNG XÁ, TẠP SỰ, NGŨ BÁCH KẾT TẬP, THẤT BÁCH KẾT TẬP, ĐIỀU ĐẠT, TỲ NI TĂNG NHẤT 202
Chương III: NGŨ BÁCH KẾT TẬP 202
PHẦN 4: NÊU DẪN CÁC SỰ VIỆC: PHÒNG XÁ, TẠP SỰ, NGŨ BÁCH KẾT TẬP, THẤT BÁCH KẾT TẬP, ĐIỀU ĐẠT, TỲ NI TĂNG NHẤT 223
Chương IV: THẤT BÁCH KẾT TẬP 223
PHẦN 4: NÊU DẪN CÁC SỰ VIỆC: PHÒNG XÁ, TẠP SỰ, NGŨ BÁCH KẾT TẬP, THẤT BÁCH KẾT TẬP, ĐIỀU ĐẠT, TỲ NI TĂNG NHẤT 246
Chương V: ĐIỀU BỘ 246
PHẦN 4: NÊU DẪN CÁC SỰ VIỆC: PHÒNG XÁ, TẠP SỰ, NGŨ BÁCH KẾT TẬP, THẤT BÁCH KẾT TẬP, ĐIỀU ĐẠT, TỲ NI TĂNG NHẤT 396
Chương VI: TỲ NI TĂNG NHẤT 396
SỐ 1429 ..... **559**
TỨ PHẦN TỲ KHEO GIỚI BỔN **559**
SỐ 1430 ..... **610**
TỨ PHẦN TĂNG GIỚI BỔN **610**
SỐ 1431 ..... **660**
TỨ PHẦN TỲ KHEO NI GIỚI BỔN **660**
SỐ 1432 ..... **721**
ĐÀM VÔ ĐỨC LUẬT BỘ TẠP YẾT MA **721**
PHẦN 1: CÁC PHÁP KẾT GIỚI TRƯỜNG 721
PHẦN 2: PHÁP THỌ GIỚI 727
PHẦN 3: CÁC PHÁP TRỪ TỘI 736
PHẦN 4: PHÁP THUYẾT GIỚI 746
PHẦN 5: PHÁP AN CƯ 751
PHẦN 6: PHÁP TỰ TỨ 753
PHẦN 7: PHÁP PHÂN CHIA Y VẬT 758

PHẦN 8: PHÁP TÁC TỊNH 761
PHẦN 9: PHÁP TINH LINH 764
TỲ KHEO NI TẠP YẾT MA ĐÀM VÔ ĐỨC LUẬT, TAM TẠNG PHÁP SƯ XUẤT 768
PHẦN 1: CÁC PHÁP KẾT GIỚI 768
PHẦN 2: PHÁP THỌ GIỚI 768
PHẦN 3: PHÁP TỘI KHÁC 786
PHẦN 4: PHÁP THUYẾT GIỚI 790
PHẦN 5: PHÁP AN CƯ 792
PHẦN 6: PHÁP TỰ TỨ 792
PHẦN 7: PHÁP PHÂN CHIA Y VẬT 794
SỐ 1433 795
YẾT MA 795
PHẦN 1: PHÁP KẾT GIỚI 795
PHẦN 2: PHÁP THỌ GIỚI 805
PHẦN 3: PHÁP TRỪ TỘI 816
PHẦN 4: PHÁP THUYẾT GIỚI 829
PHẦN 5: PHÁP AN CƯ 835
PHẦN 6: PHÁP TỰ TỨ 838
PHẦN 7: PHÁP CHIA Y 842
PHẦN 8: TỊNH PHÁP Y DƯỢC 846
PHẦN 9: PHÁP PHÒNG XÁ LINH TINH 849
PHÁP YẾT MA TỲ KHEO NI 853
PHẦN 1: PHÁP KẾT GIỚI 853
PHẦN 2: PHÁP THỌ GIỚI 853
PHẦN 3: PHÁP TRỪ TỘI 872
PHẦN 4: PHÁP THUYẾT GIỚI 875
PHẦN 5: PHÁP AN CƯ 877
PHẦN 6: PHÁP TỰ TỨ 878
PHẦN 7: PHÁP CHIA Y 879
PHẦN 8: PHÁP Y THỰC TỊNH 880
PHẦN 9: PHÁP LINH TINH 880
PHẦN 8: TÁC TỊNH PHÁP 890
PHẦN 9: PHÁP LINH TINH 890
SỐ 1434 891
PHÁP YẾT MA TỨ PHẦN TỲ KHEO NI 891
PHẦN 1: PHÁP KẾT GIỚI 891
PHẦN 2: PHÁP THỌ GIỚI 891

PHẦN 3: PHÁP TRỪ TỘI 911
PHẦN 4: PHÁP THUYẾT GIỚI 914
PHẦN 5: PHÁP AN CƯ 916
PHẦN 6: PHÁP TỰ TỨ 916
PHẦN 7: PHÁP CHIA Y 918
PHẦN 8: PHÁP Y THỰC TỊNH 918
PHẦN 9: PHÁP LINH TINH 919

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 74

LUẬT TỨ PHẦN
SỐ 1428 (tt)
(PHẦN 4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1428

LUẬT TỨ PHẦN

Phần 4: NÊU DẪN CÁC VIỆC: PHÒNG XÁ, TẠP SỰ, NGŨ BÁCH KẾT TẬP, THẤT BÁCH KẾT TẬP, ĐIỀU ĐẠT, TỲ NI TĂNG NHẤT

Chương I : PHÒNG XÁ

1. Ca-Lan-Đà Trúc Viên

Thế Tôn ở tại nước Ba-la-nại.

Bấy giờ, có năm người [1] từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chắp tay thưa Đức Thế Tôn:

- Chúng con nên ở những loại phòng ốc nào, và xử dụng loại ngọa cụ nào?

Phật nói:

- Cho phép, ở nơi A-lan-nhã hoặc dưới gốc cây hay nơi phòng trống, nơi hang cốc, trong hốc núi, chỗ đất trống, bên đống cỏ khô, hay đụn cỏ, trong rừng, bên bãi tha ma, bên mé nước. Trải cỏ hay lá để ngồi.

---

[1] Năm Tỳ-kheo đầu tiên.

Các Tỳ-kheo nằm không có gối nên bị đau. Đức Phật cho phép, dùng đá, ngói, cây, cánh tay, hay một trong mười loại y để gối.

Thế Tôn ở tại thành Vương xá. Vua Bình-sa nước Ma-kiệt có ý nghĩ: Nếu Đức Thế Tôn đến đây, trước hết vào khu vườn nào, ta sẽ dâng cúng khu vườn ấy để làm tăng-già-lam. Trong thành Vương xá, Ca-lan-đà Trúc viên [2] này là vườn đứng vào hàng tuyệt hảo.[3]

Đức Thế Tôn biết tâm niệm nhà vua như vậy nên đến Ca-lan-đà Trúc viên trước tiên. Từ xa vua thấy Đức Thế Tôn liền xuống voi, lấy chiếc nệm trên lưng voi xếp làm bốn lớp trải ra và cung kính thỉnh Đức Thế Tôn ngồi. Đức Thế Tôn an tọa nơi chỗ ngồi, vua Bình-sa cầm bình nước rửa bằng vàng, dâng nước cho Đức Phật và bạch:

- Trong thành Vương xá này, khu Ca-lan-đà trong Trúc viên này là đẹp hơn tất cả. Nay con xin dâng cúng Đức Thế Tôn. Xin Thế Tôn từ mẫn nạp thọ.

Đức Phật bảo vua:

- Đại vương nên đem vườn này dâng cúng cho Phật và bốn phương Tăng. Tại sao vậy? Nếu tăng-già-lam, vườn hay vật trong vườn, phòng xá hay vật trong phòng xá, y bát, tọa cụ, ống đựng kim,

---

[2] Xem Phần iii, ch.i, cht. 123.

3 Xem Phần iii, ch.i, Thọ giới.

tất cả sở hữu của Phật thì chư Thiên, người đời, Ma vương, Phạm vương, Sa-môn, Bà- la-môn, đều không thể dùng được, mà cung kính như bảo tháp.

Vua liền bạch Phật:

- Bạch Đại đức, con xin dâng cúng Ca-lan-đà Trúc viên này lên Đức Phật và bốn phương Tăng. Xin Thế Tôn và bốn phương Tăng giũ lòng thương vì con mà thâu nhận.

Đức Thế Tôn khuyến dụ bằng bài kệ sau đây:

Cúng vườn và cây trái
Cầu đò đưa rước người
Đường dài thí giếng nước
Và phòng nhà để ở.
Những người cúng như vậy
Ngày đêm phước càng thêm
Người trì giới vui pháp
Sẽ được sinh đường lành.

Vua Bình-sa đầu mặt kính lễ sát chân Đức Phật rồi ngồi lui qua một bên. Đức Thế Tôn vì vua phương tiện nói các pháp khiến vua được hoan hỷ. Vua nghe Đức Phật nói pháp được hoan hỷ rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, kính lễ Phật rồi cáo lui.

2. Tinh Xá

Bấy giờ, các Tỳ-kheo, vào buổi sáng sớm, từ núi Kỳ-xà-quật đến thành Vương xá. Trong thành có ông Đại trưởng giả gặp, bèn hỏi:

- Ban đêm Đại đức nghỉ ở đâu?

Quý vị trả lời:

- Nghỉ trong hang núi, bên mé nước, bên gốc cây, nghỉ bên hòn đá, nghỉ trên bãi cỏ.

Ông trưởng giả hỏi:

- Không có phòng xá hay sao?

- Không có.

Ông trưởng giả hỏi tiếp:

- Nếu làm phòng xá có được hay không?

- Đức Thế Tôn chưa cho phép làm phòng xá. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép, làm phòng xá.[4]

Ông trưởng giả nghe Đức Phật đã cho phép các Tỳ-kheo làm phòng xá, liền làm sáu mươi biệt phòng [5] tại núi Kỳ-xà-quật. Đầy đủ tất cả những thứ cần dùng. Rồi ông thỉnh Phật và Tăng sáng ngày mai đến thọ thực và cúng dường phòng xá. Trong đêm ấy, ông chuẩn bị các thức ăn ngon bổ. Sáng ngày, đi báo giờ. Đức Thế Tôn, vào lúc tảng sáng, cùng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, khoác y, bưng bát, đến nhà ông trưởng giả, an tọa nơi chỗ ngồi. Ông trưởng giả tự tay châm chước đầy đủ các thức ăn tinh khiết ngon lành dâng lên Phật và Tăng. Các vị ăn xong, ông trưởng giả lấy bình bằng vàng đựng nước dâng lên Đức Thế Tôn, rồi thưa:

---

[4] Pāli, Cullavagga vi. Sesānakkhandhaka, Vin.ii. 246: Thế tôn cho phép năm loại phòng xá (pañca lenānī): vihāra: Tinh xá, atthayoga: Nhà mái bằng, pāsāda: Nhà lầu, hammiya: Tầng gác, guha: Hang cốc.

[5] Biệt phòng 別房. Pāli (Vin.ii. 148): vihāra, tinh xá.

- Con cất sáu mươi phòng xá tại núi Kỳ-xà-quật. Đầy đủ tất cả nhưng thứ cần thiết, vì phước đức, vì đại tế tự, để sinh đường lành. Nay con xin dâng cúng Đức Phật và bốn phương Tăng. Cúi xin Thế Tôn từ mẫn thâu nhận.

Đức Thế Tôn nhận rồi, dùng những lời khuyến dụ sau đây để khuyến dụ:

Để ngăn sự lạnh nóng
Và các loài ác thú
Mòng, muỗi, các độc trùng
Và ngăn che mưa nắng.
Bạo bệnh, cùng ác phong
Tất cả đều ngăn che
Trì giới không hủy phạm
Siêng tu trong Phật pháp.
Bền chí và an vui
Thiền định phân biệt quán
Cúng phòng xá cho Tăng
Thế Tôn nói, bậc nhất.

Bấy giờ, trưởng giả thành Vương xá lấy cái ghế thấp ngồi trước Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện thuyết pháp, khai hóa, khiến trưởng giả được hoan hỷ. Sau khi nói pháp cho ông trưởng giả, khai hóa, khiến cho hoan hỷ rồi, Đức Thế Tôn từ chỗ ngồi ra về.

Khi vua Bình-sa nghe Đức Thế Tôn đã cho phép chúng Tăng làm phòng xá, ông muốn phát

nguyện xây cất đại giảng đường tại Ca-lan-đà Trúc viên, như cung điện của vua ngự, cung cấp đầy đủ tất cả những vật cần thiết. Đức Phật cho phép làm.

Có đàn-việt muốn xây lầu các [6] cho Tăng. Phật cho phép. Có đàn- việt muốn làm phòng tỳ-ma-na [7] cho Tăng. Phật cho phép. Có đàn-việt muốn làm phòng hình con voi [8] cho Tăng. Phật cho phép. Có đàn-việt muốn làm các loại phòng xá cho Tăng. Phật cho phép.

Các Tỳ-kheo muốn làm phòng, Phật cho phép. Tùy theo phương pháp làm phòng, tất cả những gì cần cũng đều cho phép. Làm phòng rồi, nếu đất bị bụi bẩn nên dùng bùn để trét. Không có đồ trải để nằm nên bệnh, Đức Phật Cho phép, dùng y lê-diên-đà, mạo-la, mạo-mạo-la, mao-lâu,[9] hay một trong mười loại y để trải dưới đất. Nếu vẫn còn mắc bệnh, Đức Phật cho phép làm giường.

Có năm loại giường, như trên.[10] Có vị muốn giường bện, Đức Phật cho phép bện nhưng trừ hai loại dây không được bện là da và tóc. Ngoài ra các loại dây khác được dùng để bện. Nếu dây không đủ thì xâu xuyên qua lỗ mộng để bện thưa. Giường

---

[6] Lâu các 樓閣, thực chất là nhà sàn. Pāli: Pāsāda. Xem cht. 4 trên. Cf. Vin. ii. 146

[7] Tỳ-ma-na phòng 毘摩那房. Pāli: vimāna, thiên cung. Có lẽ chính xác là hammiya: Tầng gác.Xem cht. 4 trên.

[8] Tượng hình phòng 象形房, chưa rõ hình dáng thế nào. Có lẽ chính xác là atthayoga: Nhà mái bằng; Hán đọc là hatthūpa? Xem cht. 4 trên.

[9] Mao lâu 毛 . Các phần trước đọc là cù-lâu. Xem Phần III, Ch. da thuộc.

[10] Xem Phần I, ch.v Ba-dật-đề 14, cht. 74.

của vị kia không có đồ trải để nằm nên sinh bệnh. Phật cho phép làm nệm để trải nằm. Có vị không biết dùng vật gì để làm, Phật cho phép dùng rơm, cỏ, lông, hay kiếp-bối để độn vào trong. Nếu nệm nhỏ thì trương ra may dính vào bốn phía giường. Nếu đường viền của nệm bị hỏng thì nên vá lại. Nếu đồ độn bị dồn một chỗ thì khâu chập lại. Nếu nệm cáu ghét thì nên may chồng lên một lớp. Nếu may chồng lên mà vẫn cáu ghét thì nên làm tấm giạ nằm phủ lên trên. Các Tỳ-kheo không có gối, Phật cho phép làm gối. Các vị không biết làm như thế nào, Phật bảo may vuông hay tròn hoặc ba góc.

3. Giường Nằm

- Bấy giờ, tại thành Vương xá, chúng Tăng nhận được nhiều gai xá-nậu.[11] Các Tỳ-kheo nghi không dám nhận. Đức Phật dạy:

- Cho phép, thọ dụng để làm giường dây, giường cây hoặc dệt làm nệm, áo lót, hay làm đồ trải dưới đất, hoặc làm dây, làm nệm độn.

Các Tỳ-kheo nhận được giường bện bằng dây cỏ bạt-ma,[12] Phật cho phép dùng.

Rắn, bò cạp, rít, độc trùng vào trong phòng. Các Tỳ-kheo chưa ly dục, thấy sợ. Phật cho phép làm chân giường. Nhóm sáu Tỳ-kheo làm chân giường cao, Đức Phật dạy:

---

[11] Xá-nậu ma 舍[少/(兔- ·)]麻; vải bố bằng gai thô. Pāli: sāna.

[12] Bạt-ma thảo 跋磨草.

- Không nên làm chân giường cao. Cao nhất là một thước năm hay một gang tay.[13]

- Có Tỳ-kheo cất y chỗ không bảo đảm. Phật bảo nên để bên đầu nằm. Hoặc để y sau lưng, nằm nghiêng, trở mình, đè lên y. Phật cho phép máng trên dây, hoặc trên cọc long nha, trên cột móc, trên giá y. Có vị để y thường mặc với y không thường mặc chung một chỗ, khi lấy y thường mặc để mặc, bị lộn. Đức Phật dạy:

- Không nên để y thường mặc chung một chỗ với y không thường mặc.

- Có vị đem bình bát để chung trong đãy với giày dép, ống đựng kim và dầu. Tỳ-kheo khác thấy, gớm. Đức Phật dạy:

- Đãy đựng bát, ống đựng kim để một chỗ. Đãy đựng giày dép, đồ đựng dầu để một chỗ.

- Các Tỳ-kheo ở trong phòng bị tối. Đức Phật cho thắp đèn. Cần dầu thì xin dầu. Cần đèn thì xin đèn. Cần đồ đựng dầu thì cho xin đồ đựng dầu. Tỳ-kheo không biết để cây đèn chỗ nào. Đức Phật dạy: Để bên góc của giường dây, giường cây, hoặc trên cái bình. Nếu để trên khám nơi vách, sợ kiến uống dầu, thì nên đậy lại. Nếu đèn không đủ sáng thì kéo tim cho cao lên. Dầu bẩn tay, cho phép, làm đôi đũa. Đũa cây sợ cháy nên làm bằng sắt.

- Phòng của Tỳ-kheo kia, không có cánh cửa

[13] Tỳ-kheo, Ba-dật-đề 84: không được làm chân giương cao quá 8 ngón tay Phật

nên không chắc chắn, bị kẻ trộm, chăn bò, chăn dê vào lấy bình bát, ống đựng kim, tọa cụ. Đức Phật cho phép làm cánh cửa. Cần làm khung cửa. Phật cho phép. Nếu sợ đóng cửa, trong phòng có mùi hôi. Đức Phật cho phép làm lỗ trên cánh cửa. Rắn, bò cạp theo lỗ vào phòng. Đức Phật cho phép lấy cái tấm ván rèm ngăn lại.

Cửa không có khóa, kẻ trộm, chăn trâu, chăn dê vào lấy y bát, ống đựng kim, tọa cụ của Tỳ-kheo. Đức Phật cho phép làm khóa. Tỳ- kheo không biết gắn khóa vào chỗ nào. Đức Phật bảo gắn một bên, hoặc phía trên hay phía dưới. Không biết mở bằng cách nào. Đức Phật bảo để cái lỗ, làm một cái lưỡi gà cong, làm một cái móc. Nếu sợ tối, Phật cho phép trổ cửa sổ. Cửa sổ không được ngăn, bị kẻ trộm, chăn trâu, chăn dê vào lấy y bát, ống đựng kim, tọa cụ. Đức Phật cho phép làm cánh cửa sổ bằng ván ngăn lại. Các vị ấy không biết làm bằng cách nào. Đức Phật dạy làm hình vuông hay hình tròn, hoặc như lỗ tai voi. Ban đêm sợ dơi bay vào, ban ngày sợ chim én bay vào. Đức Phật cho phép bện lưới lồng [14] để ngăn. Hoặc làm song cửa sổ. Cửa sổ không có chốt, bị kẻ trộm, chăn bò, chăn dê vào lấy y bát, ống đựng kim, tọa cụ của Tỳ-kheo. Đức Phật bảo cho phép làm chốt cửa. Tỳ-kheo phạm giới kéo cái dây mở cửa sổ lấy

[14] Lung sơ 籠疏. Vin.ii. 148: vātapāna-bhasikā (túi, bao cửa sổ). Bản dịch Anh cho là giống như bao cát chắn gió.

y bát, ống đựng kim, tọa cụ của Tỳ-kheo bỏ đi. Phật nói, cho phép làm cái chốt cài ngang qua.

4. Chăn Màn

Nhóm sáu Tỳ-kheo dùng riêng ngọa cụ của chúng Tăng. Các Tỳ- kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Không nên dùng riêng ngọa cụ của chúng Tăng. Đức Phật cho phép làm dấu để biết. Các vị ấy không biết làm dấu như thế nào. Đức Phật dạy: cho phép làm cái hình ma-hê-đà- la,[15] hay làm hình cái chén, hay hình dây nho, hay làm ngũ sắc, hay làm bông sen, hay ghi tên Nhóm sáu Tỳ-kheo làm dấu hiệu của Tăng trên vật dụng riêng của mình. Các Tỳ-kheo thấy, nói:

- Trưởng lão, Đức Thế Tôn không nói như vầy sao, vật của chúng Tăng không nên dùng riêng?

Nhóm sáu trả lời:

- Đây không phải là vật của chúng Tăng mà là vật của tôi. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không nên làm dấu hiệu của chúng Tăng trên vật riêng của mình. Cho phép nhuộm làm dấu riêng của mình.

Nhóm sáu Tỳ-kheo làm dấu hiệu riêng bằng hình tượng nửa mặt trăng, hoặc dấu hiệu tròn, làm dấu hiệu tia nắng, làm hình cây lúa, làm dấu hiệu một miếng gừng, làm dấu hiệu con bò. Đức Phật

[15] Ma-hê-đà-la 摩醯陀羅. Thần Mahīdhara?

dạy:

- Không nên làm như vậy. Cho phép làm như giọt nước rơi trên mặt đất, hay làm như viên phân trâu, hoặc làm cái bánh xe.

Có vị di chuyển ngọa cụ cố định trong phòng đến chỗ khác. Đức Phật dạy:

- Không nên di chuyển. Nên ghi rõ ràng ngọa cụ của phòng nào. Có Tỳ-kheo có sa-di nhỏ muốn trong phòng có bức phên ngăn.

Đức Phật cho phép làm.

Có Tỳ-kheo muốn mở ngõ tắt qua khúc ngăn trước phòng, Đức Phật cho phép làm. Muốn làm cái phòng trong ở phía sau, Phật cho phép làm. Cần cánh cửa, Phật cho làm cánh cửa. Cần vách, Phật cho làm vách. Cần vách phân nửa, Phật cũng cho làm. Cần làm giường lớn, Phật cho làm. Cần giường dây nhỏ, Phật cho làm. Cần giường đơn, Phật cho làm. Cần tấm phản, Phật cho làm. Cần đồ trải dưới đất cũng cho trải đất.

Có Tỳ-kheo muốn làm cái phòng có bốn mái hiên thò ra, trên đó đặt lan can, Phật cho phép làm.

5. Sảnh Đường

Ngày Bố-tát, chúng tập đông, sảnh đường [16] nhỏ không thể dung hết. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật cho phép làm lớn ra. Các vị ấy không biết

[16] Tập đường 集堂; nhà tập họp, hay hội trường của Tăng. Cũng gọi là giảng đường, thị giả đường, cúng đường. Pāli: upatthanasāla, Vin.ii. 153.

làm thế nào. Đức Phật dạy:

- Hoặc vuông, hoặc tròn, hoặc dài, có hai phòng, ba phòng, bốn phòng; đều cho phép làm. Tất cả những thứ cần để làm nhà lớn, đều cho phép.

Bấy giờ, ở trong sảnh đường, mỗi người đều chiếm một giường nên không đủ chỗ. Đức Phật dạy:

Nếu xấp xỉ ba tuổi hạ, ngồi chung một giường.[17] Nếu vẫn không đủ thì nên làm giường dài, phản dài. Nếu vẫn không đủ thì bện cỏ làm chỗ ngồi. Bện cỏ làm chỗ ngồi, y bị rách. Phật dạy: Nên dùng cỏ mềm quấn mép giường. Nếu vẫn không đủ dùng thì dùng nước bùn rưới lên đất, rồi rải cát hay cỏ, lá cây lên trên để ngồi.

Có vị cùng người nữ ngồi trên cỏ, lá.

Phật dạy: Không nên ngồi như vậy. Có vị cùng người nữ trải y.

Phật dạy: Không nên trải như vậy.

Có vị cùng người nữ ngồi trên y.

Đức Phật dạy: Không nên ngồi như vậy.

Có vị cùng người nữ ngồi trên đá.

Phật dạy: Không nên ngồi như vậy. Nếu một người leo lên mà đá không lung lay thì cho phép leo lên.

---

[17] Vin.ii. 169: Tivassantarena saha nisīditum.

Có vị cùng với người nữ lên thuyền,[18] nghi.

Phật dạy: cho phép đi đò ngang, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc nằm.

Các Tỳ-kheo đi kinh hành nơi đất trống, bị nắng, gió và mưa nên bệnh. Đức Phật cho phép làm nhà đi kinh hành.[19] Các vị ấy không biết cách làm. Đức Phật cho phép làm nhà dài theo đường đi. Những vật cần dùng làm nhà đều được cho phép.

Có vị Thượng tọa già bệnh, ốm yếu, khi đi kinh hành bị té xuống đất. Đức Phật cho phép buộc sợi dây hai đầu đường [20] để khi đi vịn tay vào đó. Khi nắm để đi, tay mềm nên bị rách. Phật dạy: Cho phép làm ống tròn như ống trúc rồi luồn sợi dây vào giữa ống. Khi kinh hành, nắm ống mà đi. Đi kinh hành mỏi mệt. Đức Phật cho phép đặt giường ở hai đầu.

Tỳ-kheo rửa chân ngoài trời mưa. Nước mưa làm cho y bị hư màu. Phật nói, nên làm chỗ rửa chân riêng. Cần bồn đựng nước thì cho bồn đựng nước. Cần bình đựng nước thì cho bình đựng nước. Cần đá rửa chân thì cho đá rửa chân. Cần tọa cụ thì cho tọa cụ. Có vị rửa chân khi trời mưa, bùn bẩn chân, bẩn y, ngọa cụ. Đức Phật cho phép dùng hòn đá hoặc gạch hay cây lót đường đi.

---

[18] 18. Tỳ-kheo, Ba-dật-đề 28: không đi chung thuyền với Tỳ-kheo-ni. Trừ qua đò ngang.

[19] 19. Kinh hành đường 經行堂. Pāli: cankamanasālā.

[20] 20. Buộc dây vào hai cột ở đầu và cuối đường kinh hành.

Trong núi Kỳ-xà-quật, cách xa chỗ có nước. Phật cho phép đào mương để đem nước vào. Sợ mương bị sạt lở, Phật cho phép dùng đá hay gạch hoặc cây chận hai bên bờ. Nếu trong chùa, nên đào ao. Sợ bờ ao lở, Đức Phật cũng cho phép dùng đá hay gạch hoặc cây chận xung quanh, bên trên làm nhà che. Sợ bên bờ ao bị bùn lầy, nên trấn bằng đá, gạch ván, đá vụn. Sợ con nít rơi xuống nước, Phật cho phép làm lan can. Nước trong ao bị nóng. Phật cho phép đựng trong bình, ban ngày đem vô trong nhà, ban đêm đem ra để bên ngoài. Nếu để trong nhà bị bùn bẩn thì cho phép cất nhà riêng để nước. Nếu đất bị bùn bẩn chân thì cho phép lót đá hay gạch hoặc đá dăm. Có vị cần đồ đựng nước, cho phép sắm. Có vị dùng vật báu làm đồ đựng nước. Phật nói, không nên dùng vật báu làm đồ đựng nước mà nên dùng sắt hay đồng hoặc sành để làm. Đồ đựng nước không có chỗ để, bị vỡ. Phật nói: Trong nhà đựng nước nên làm cái giá để để.

Chúng Tăng nhận được vỏ sò.[21] Phật cho phép chứa. Lại không biết để đâu. Phật cho phép để chung trong nhà để nước.

6. Cấp Cô Độc

Thế Tôn ở nơi thành Vương xá.

---

[21] Bối 貝.

Tại nước Xá-vệ, có cư sĩ tên là Tu-đạt-đa,[22] thường ưa cung cấp bố thí cho những người cùng cực, khổ sở; nhân việc làm như vậy nên có cái tên là Cấp Cô Độc Thực.[23] Cư sĩ có điền nghiệp nơi thành Vương xá. Năm nào cũng từ nước Xá-vệ đến thành Vương xá để coi ngó điền nghiệp. Trong thành Vương xá có ông trưởng giả là bạn thân.[24] Ông trưởng giả này đang tự trang hoàng nhà cửa để thỉnh Phật và Tăng sáng ngày thọ thực. Nhằm lúc ấy, ông Cấp Cô Độc Thực đến nhà ông trưởng giả. Theo thường lệ, ông trưởng giả thấy ông Cấp Cô Độc Thực đến thì liền ra ngoài nhà nghinh đón, rước vào và mời ngồi. Ngày hôm ấy không đứng dậy đón, không rước vào và mời ngồi, mà cứ cặm cụi tự trang hoàng nhà cửa để rước Phật và Tăng. Ông Cấp Cô Độc Thực đến, thấy vậy, hỏi ông trưởng giả:

- Ông bạn trang hoàng nhà cửa để làm việc gì? Muốn cưới hỏi cho cháu chăng? Muốn thỉnh vua chăng? Muốn tổ chức đại tế đàn [25] chăng?

Ông trưởng giả trả lời:

- Tôi không có tổ chức cưới hỏi, cũng không thỉnh vua. Mà tôi đang tổ chức đại tế đàn là thỉnh Phật và Tăng gồm một ngàn hai trăm năm mươi

---

[22] Tu-đạt-đa 須達多. Phiên âm, tên thật của ông Cấp-cô-độc. Pāli: Sudatta.

[23] Cấp Cô Độc Thực 給孤獨食; tức Cấp-cô-độc. Pāli: Anāthapittika (Skt. Athapittada). Truyện kể, Vin. ii. 154.

[24] Pāli, nt., Cấp-cô-độc là em rể của ông trưởng giả thành Xá-vệ.

[25] Đại tự 大祠; một đại lễ tôn giáo quan trọng của Bà-la-môn; xem Trường A-hàm 15, kinh số 23 - Cứu-la-đàn-đầu". Pāli, mahāyaññna, cf. D. 5. Kūnadanta-sutta.

vị. Sa-môn Cù-đàm có đại danh xưng, hiệu là Như Lai, Vô sở trước, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.

Ông Cấp Cô Độc Thực hỏi:

- Có thật là Phật hay chăng? Ông trưởng giả trả lời:

- Thật là Phật.

Ba lần hỏi cũng ba lần trả lời: Thật là Phật. Cấp Cô Độc Thực hỏi ba lần rồi, lại hỏi:

- Hiện nay Đức Phật ở đâu? Nay tôi muốn đến thăm hỏi Ngài. Ông trưởng giả trả lời:

- Hiện nay Đức Phật ở trong Ca-lan-đà Trúc viên.

Bấy giờ, Cấp Cô Độc Thực xem mặt trời, rồi nghĩ: Bây giờ đến gặp Đức Thế Tôn là không phải lúc. Sáng ngày ta sẽ đi.

Cấp Cô Độc Thực liền về nhà với tâm niệm hướng về Đức Phật mà ngủ.

Bấy giờ, có một thiên thần nọ, trước kia là tôn thân của Cấp Cô Độc Thực, vì lòng từ mẫn muốn điều lợi ích đối với Cấp Cô Độc Thực nên nghĩ như sau: Cấp Cô Độc Thực, Ông muốn gặp Đức Thế Tôn thì không nên trì hoãn mà không gặp. Vị thiên thần nọ liền dùng thần lực diệt trừ bóng tối, ánh sáng bỗng nhiên xuất hiện. Cấp Cô Độc Thực thấy ánh sáng, liền thức dậy, tự bảo là trời đã sáng,

liền đến cửa thành Thi-ha.[26] Vị thần giữ cửa từ xa thấy Cấp Cô Độc Thực muốn diện kiến Đức Thế Tôn liền chứ không trì hoãn, nên mở cửa liền. Cấp Cô Độc Thực ra khỏi cửa rồi, vị thần liền thu hồi thần lực nên ánh sáng liền tiêu mất, bỗng nhiên tối trở lại. Cấp Cô Độc Thực đâm ra sợ sệt, lông trong người dựng ngược, nghĩ rằng có kẻ oan gia muốn hại mình. Vị thần kia thấy Cấp Cô Độc Thực hoảng sợ liền an ủi: Đừng nên sợ! Đừng nên sợ! Vị thần nói kệ:

Dầu dùng trăm con ngựa
Và lại trăm kim anh
Ngựa xe cả trăm cỗ
Đồng nữ có trăm người.
Bảy báu là anh lạc
Trăm voi trắng Tuyết Sơn
Voi đều có sáu ngà
Và dùng đống lớn vàng.
Cùng tử ma kim sa
Vua và nghi vệ của vua
Con voi thuần của vua:
Bằng như trên bố thí.
Không bằng phần mười sáu,
Phước của một bước đi.

- Trưởng giả cứ đi tới, cứ đi tới, sẽ có lợi ích! Cấp Cô Độc Thực hỏi:

---

[26] Thi ha thành môn mahāyaññā, cf. D. 5. Kūnadanta-sutta.

- Ngươi là ai? Vị thần trả lời:

- Tôi là thần Thi-ha.

Cấp Cô Độc Thực khởi ý nghĩ: Thật chưa từng có! Ta được thiên thần khích lệ. Cấp Cô Độc Thực liền đến trong Ca-lan-đà Trúc viên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang đi kinh hành nơi đất trống, từ xa thấy Cấp Cô Độc Thực đến, ngài trở lại chỗ ngồi, trải chỗ ngồi mà ngồi. Theo thường pháp của các Đức Phật, có một vầng sáng tròn tỏa khắp thân. Cấp Cô Độc Thực từ xa thấy Đức Thế Tôn tướng mạo đoan chánh, các căn tịch tịnh, tối thượng điều phục, các căn kiên cố, như con đại long, như vực nước lóng trong, không có chút bợn nhơ. Thấy vậy, Cấp Cô Độc Thực phát sinh lòng kính tín. Với lòng tín kính hướng về Đức Phật, ông bạch:

- Ngài ngủ có ngon không? Đức Phật trả lời:

- Như người đời đều ngủ yên. Nhưng ta thì khác. Liền khi ấy Phật nói kệ:

Tất cả đều ngủ yên
Phạm hạnh đạt Niết-bàn
Nếu không phạm các dục
Được giải thoát các phược.
Tất cả ái đã đoạn
Điều phục các nhiệt não
Tĩnh chỉ, nằm nghỉ yên
Thân tâm đều tịch diệt.

Bấy giờ, Cấp Cô Độc Thực đến trước Đức Phật kính lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Đức Thế Tôn vì Cấp Cô Độc Thực phương tiện nói các pháp khai hóa, khiến được hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đạt được con mắt pháp trong sạch, thấy pháp đắc pháp, đặng quả tăng thượng, tâm nhàm chán phát sinh, bạch Đức Thế Tôn:

- Nay con xin quy y Phật, Pháp, Tăng làm người Ưu-bà-tắc của Đức Phật. Từ nay về sau trọn đời không sát sinh, cho đến không uống rượu. Cúi xin Đức Thế Tôn cùng chúng Tăng nhận lời thỉnh mời của con, an cư chín mươi ngày trong mùa hạ này.

Đức Phật nói:

- Như Lai đã nhận sự mời thỉnh của vua Bình-sa rồi. Cấp Cô Độc Thực lại thưa:

- Cúi xin nhận sự mời thỉnh vào năm đến. Đức Phật lại nói:

- Năm đến Như Lai cũng đã nhận sự mời thỉnh của vua Bình-sa. Cấp Cô Độc Thực lại thưa:

- Xin Đại đức nhận sự mời thỉnh của con vào năm sau nữa. Đức Phật trả lời:

- Nếu có trú xứ thanh tịnh như vậy, như vậy, không có ồn ào, không có ác thú, nơi rừng vắng người, có thể tọa thiền, thì Như Lai sẽ an trụ nơi như vậy.[27]

---

[27] Pāli, Vin.ii. 158: suññāgāre kho, gahapati, tathāgatā abhiramanti, - Gia chủ, các Như lai hoan hỷ trong các

Cấp Cô Độc Thực liền bạch Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, điều đó con đã biết. Con sẽ biết thời. Cấp Cô Độc Thực thưa tiếp:

- Cúi xin Đức Thế Tôn cùng chúng Tăng nhận sự mời thỉnh thọ thực của con vào ngày mai.

Đức Thế Tôn nhận lời bằng cách im lặng. Cấp Cô Độc Thực từ chỗ ngồi đứng dậy, kính lễ sát chân Phật, nhiễu quanh rồi cáo lui.

Vua Bình-sa nghe Cấp Cô Độc Thực thỉnh Phật và Tăng thọ thực vào ngày mai liền sai người đến nói: Ông là khách trọ ở xứ này. Chúng Tăng thì nhiều đến một ngàn hai trăm năm mươi người. Ông có thể khỏi phải dọn lễ. Tôi sẽ thiết lễ giùm ông. Cấp Cô Độc Thực liền sai người đến trả lời với vua: Như thế đã là đã giúp tôi rồi. Không cần thiết nữa. Tôi sẽ tự mình chuẩn bị lấy.

Bấy giờ, đại trưởng giả Ma-kiệt nghe Cấp Cô Độc Thực thỉnh Phật và Tăng thọ thực vào ngày mai, liền đến nói: Ông là khách trọ ở xứ này. Chúng Tăng thì nhiều đến một ngàn hai trăm năm mươi người. Ông có thể khỏi phải dọn lễ. Tôi sẽ thiết lễ giùm ông. Cấp Cô Độc Thực liền trả lời với ông trưởng giả: Như thế đã là đã giúp tôi rồi. Không cần thiết nữa. Tôi sẽ tự mình chuẩn bị lấy.

Cấp Cô Độc Thực trở về nhà, trong đêm đó sửa soạn các thức ăn ngon bổ. Khi đêm đã qua, vào lúc

---

nhà trống (không thất).

sáng sớm, cho người đến báo giờ. Đức Thế Tôn khoác y, bưng bát, cùng một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo Tăng đến nhà ông Cấp Cô Độc Thực an tọa nơi chỗ ngồi. Ông Cấp Cô Độc Thực tự tay châm chước các thức ăn ngon bổ cúng dường Phật và chúng Tăng một cách đầy đủ. Ăn xong, dẹp bát rồi, ông lấy một chiếc ghế thấp hơn ngồi trước Đức Phật. Đức Phật dùng vô số phương tiện vì Cấp Cô Độc Thực nói pháp khai hóa khiến được hoan hỷ. Thuyết pháp xong, Đức Phật liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Bấy giờ, Cấp Cô Độc Thực từ thành Vương xá trở về nước Xá-vệ. Ông đi đến các thôn xóm, thành ấp, nơi nơi đều ra lệnh như sau: Nơi nào đất trống, hãy lập vườn trồng cây trái, đào ao, bắt cầu đò. Đức Phật đã ra đời. Ngài đã nhận sự mời thỉnh của tôi, hạ an cư tại nước Xá-vệ. Ngài sẽ đi qua con đường này để đến nước Xá-vệ. Cầu mong các người được phước vô lượng.

Khi đến nước Xá-vệ rồi, Cấp Cô Độc Thực suy nghĩ: Nơi đây có khu đất nào không xa lắm, không gần lắm, tiện lui tới; đất rộng, bằng phẳng, ban ngày không ồn ào, ban đêm không có tiếng động, không có mòng muỗi, ruồi, ong, loài có nọc độc, ta sẽ mua, lập Tăng-già-lam cho Phật? Cấp Cô Độc Thực lại nghĩ: Vương tử Kỳ-đà [28] có vườn rất

[28] Kỳ-đà Vương tử 祇陀王子. Pāli: Jeta-kumāra.

tốt ở nước Xá-vệ, không gần không xa, tiện lui tới; đất rộng bằng phẳng, ban ngày không có các sự ồn ào, ban đêm không có tiếng động, cũng không có mòng muỗi, rắn độc, nay ta hãy đến chỗ Vương tử Kỳ-đà để hỏi mua.

Cấp Cô Độc Thực liền đến chỗ Vương tử nói:

- Đức Phật đã xuất thế, Ngài có biết chăng? Đức Phật đã nhận lời mời của tôi an cư mùa hạ tại nước Xá-vệ. Ngôi vườn này Ngài có thể bán cho tôi với giá trăm ngàn tiền vàng?

Vương tử nói:

- Không bán.

Cấp Cô Độc Thực lại trình bày như trên:

- Tôi xin mua khu vườn với giá hai trăm, ba trăm, bố trăm ngàn tiền vàng.

Vương tử nói:

- Nếu ông đem tiền vàng trải hết mặt đất, không trống một chỗ nào, tôi cũng không bán.

Cấp Cô Độc Thực liền nói:

- Như thế là ngài đã quyết giá, xin ngài nhận cho. Vương tử nói:

- Tại sao nói tôi quyết giá? Cấp Cô Độc Thực thưa:

- Vừa rồi ngài nói, nếu đem tiền vàng trải khắp mặt đất, không có khoảng trống, há không phải là quyết giá? Xin Vương tử xem lại cựu chế của

vua.[29]

Vương tử liền xem lại cựu chế của vua, theo đó, đã nói như vậy tức là đã quyết định giá. Vương tử liền nói:

- Tùy ý trưởng giả.

Bấy giờ, Cấp Cô Độc Thực trở về nhà, ra lệnh cho gia nhân xuất tiền vàng đem đến trải hết mặt đất khu vườn ông Kỳ-đà vương tử; còn một ít đất chưa trải hết. Kỳ Đà vương tử thấy vậy, liền nghĩ: Có lẽ đây là một người phi thường, cũng là phước điền phi thường nên mới khiến cho Cấp Cô Độc Thực không tiếc trân bảo như vậy. Vương tử liền nói với trưởng giả Cấp Cô Độc Thực:

- Thôi, đừng trải vàng nữa. Khoảnh đất còn lại, tôi muốn dâng cúng Đức Thế Tôn.

Cấp Cô Độc Thực nói:

- Điều đó tùy ý ngài.

7. Thứ Bậc Tăng Trong Già-Lam

Đức Thế Tôn từ thành Vương xá cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, đến nước Bạt-xà rồi mới quay trở lại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Nhóm sáu Tỳ-kheo đi trước Đức Phật, để lấy phòng xá cho Hòa thượng, đồng Hòa thượng; A-xà-lê, đồng A-xà-lê; cho tri thức thân hậu của họ. Xá-lợi-phất và Mục-liên đến sau.

[29] Vin.ii. 159: Cấp Cô Độc nhờ pháp quan phân xử. Pháp quan phán: Khu vườn như vậy đã được ngã giá.

Đức Phật hỏi:

- Phòng này của ai? Nhóm sáu Tỳ-kheo nói:

- Phòng của Hòa thượng, đồng Hòa thượng, A-xà-lê, đồng A-xà-lê, tri thức thân tình của con.

Vì Xá-lợi-phất và Mục-liên không nhận được phòng để ngủ nên phải ngủ bên ngoài bờ đất. Sáng ngày, Xá-lợi-phất và Mục-liên đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi Xá-lợi-phật và Mục-liên:

- Trong đêm ngủ có an lạc không?

Thưa:

- Bạch Thế Tôn, an lạc.

Đức Thế Tôn hỏi:

- Ngủ ở chỗ nào?

Thưa:

- Ngủ bên ngoài bờ đất.

Hỏi:

- Tại sao vậy?

Hai Tôn giả đem nhân duyên trên bạch đầy đủ lên Đức Phật. Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng và bảo:

- Theo ý các ngươi, ai xứng đáng ngồi chỗ thứ nhất, nhận nước trước, thọ thực trước; được đứng dậy nghinh đón, lễ bái, cung kính, tôn trọng, hỏi chào?

Có vị trả lời, người đại tánh xuất gia; có vị trả lời, người tướng mạo đoan chánh; có vị trả lời, người sống A-lan-nhã; có vị trả lời, vị nào trì khất thực; có vị trả lời, người trì y phấn tảo; có vị trả lời, vị làm pháp dư thực không ăn; có vị trả lời, vị nhất tọa thực; có vị trả lời, vị nhất đoàn thực; có vị trả lời, người sống nơi bãi tha ma; có vị trả lời, người ngồi nơi đất trống; có vị trả lời, người sống dưới gốc cây; có vị trả lời, vị thường ngồi; có vị trả lời, vị tùy tọa; có vị trả lời, vị trì ba y; có vị trả lời, vị có khả năng tụng kinh; có vị trả lời, vị đa văn; có vị trả lời, vị pháp sư; có vị trả lời, vị trì luật; có vị trả lời vị ngồi thiền... Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe câu chuyện nên cho hay không nên cho.

- Thuở quá khứ, có ba con vật bạn: voi, khỉ và con tu hú,[30] cùng sống trên cây Ni-câu-luật. Một hôm, ba con vật này suy nghĩ: "Chúng ta sống chung, sao không cung kính nhau mà lại khinh mạn nhau? Chúng ta nên tìm hiểu tuổi lớn nhỏ để rồi theo thứ tự lớn nhỏ mà cung kính lẫn nhau. Nếu ai lớn tuổi, thì sẽ được tôn trọng cung kính cúng cường. Lập ra phép tắc như rồi, chúng ta sống chung trong rừng." Khỉ và tu hú hỏi con voi: "Bạn

[30] Đoạt điểu 鳥. Không rõ chim gì. Từ nguyên: Một loại chim sẻ lớn bằng con le le, đen như quạ, bay rất nhanh; thành bầy đến cả nghìn con. Cũng gọi là - sẻ Đột quyết. Vin.ii. 161: Tit- tirika, chim chá cô. Anh dịch gọi là con gà gô (partridge).

nhớ có mặt nơi đây lâu mau rồi?" Voi nói: "Tôi nhớ lúc tôi còn nhỏ, khi tôi đi, cây ni-câu-luật này mới đụng ngang rốn." Voi và tu hú hỏi con khỉ: "Bạn nhớ có mặt nơi đây lâu mau rồi?" Vượn trả lời: "Tôi nhớ lúc còn nhỏ đưa tay thì cây ni-câu-luật này mới ngang đầu." Voi nói với con khỉ: "Như vậy là bạn lớn hơn tôi." Voi và con khỉ hỏi con tu hú: "Bạn nhớ có mặt nơi đây lâu mau rồi?" Tu hú trả lời: "Tôi nhớ ở bên phải núi chúa Tuyết sơn có cây ni-câu-luật rất lớn. Tôi ăn trái nơi cây đó, rồi đến đây đại tiện ra hột nên mọc lên cây ni-câu-luật này." Hai con kia đều nghĩ: "Con chim này lớn tuổi hơn mình." Bấy giờ, voi cõng khỉ trên đầu. Khỉ lại cõng tu hú trên vai. Rồi cùng nhau du hành trong nhân gian. Từ thôn này đến thôn kia, từ thành này đến thành nọ, và tuyên bố: "Người nào có sự kính trọng bậc Trưởng lão thì người ấy có thể an trú nơi pháp này, đời này có danh dự, đời sau sinh nơi đường lành." Bấy giờ, tu hú nói pháp như vậy, mọi người đều tùy thuận, và sự giáo huấn này cũng được truyền khắp.

- Các ngươi là những người xuất gia trong giáo pháp của Ta, cũng nên cung kính với nhau như vậy thì Phật pháp mới được truyền khắp. Từ nay về sau cho phép tùy theo lớn nhỏ mà cung kính lễ bái, nghinh đón hỏi chào bậc thượng tọa.

Khi các Tỳ-kheo nghe Đức Phật dạy là các Tỳ-kheo nên tùy theo lớn nhỏ cùng nhau cung kính

bậc thượng tọa, các vị lại lễ bái người bạch y, và nói: Ông lớn tuổi hơn tôi. Đức Phật dạy:

- Không nên lễ bái người bạch y. Các ngươi đối với người nào nên lễ, và không nên lễ như sau: Không nên lễ là tất cả những người nữ. Người thọ đại giới trước không lễ người thọ đại giới sau. Những người nói phạm biên tội, phạm Tỳ-kheo-ni, tặc tâm thọ giới, phá nội ngoại đạo, huỳnh môn, giết cha mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, ác tâm làm thân Phật ra máu, phi nhân, súc sinh, hai căn, bị cử, diệt tẫn, đáng diệt tẫn, và tất cả những người nói phi pháp, đều không nên lễ.

- Những người nào nên lễ? sa-di-ni nhỏ nên lễ sa di ni lớn, lễ sa-di, thức-xoa-ma-na, Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo, và tháp của những vị, tất cả đều nên lễ. Hoặc sa-di niên thiếu nên lễ sa-di lớn, lễ sa-di-ni, thức-xoa-ma- na, cho đến Tỳ-kheo và tháp, tất cả đều nên lễ. Thức xoa-ma-na nhỏ nên lễ thức xoa-ma-na lớn, lễ Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo và tháp; thảy đều nên lễ. Tỳ-kheo-ni tuổi nhỏ nên lễ Tỳ-kheo-ni lớn, Tỳ-kheo và tháp; thảy đều nên lễ. Tỳ-kheo nhỏ nên lễ Tỳ-kheo lớn, và tháp của Tỳ-kheo, cũng nên lễ. Tất cả chư Thiên, người đời, chư ma, phạm vương, Sa-môn, Bà-la-môn đều nên kính lễ Như Lai Thế Tôn, và tháp.

Khi Đức Thế Tôn dạy kính lễ tháp như vậy, thì các vị lại lễ tháp miếu của bạch y. Đức Phật dạy:

- Không nên lễ tháp miếu của bạch y.

Có vị đã không lễ tháp miếu của bạch y, lại đi quanh phía bên trái.[31] Vị thần bảo hộ tháp miếu giận. Đức Phật dạy:

- Tùy theo hướng đi đến mà đi. Không nên cố ý đi quanh phía bên trái.

Các Tỳ-kheo nghĩ, - Sa-di nên lấy tuổi đời làm lớn nhỏ hay lấy năm xuất gia làm lớn nhỏ? Đức Phật dạy:

- Nên lấy tuổi đời làm lớn nhỏ. Nếu tuổi đời bằng nhau thì nên lấy tuổi xuất gia làm lớn nhỏ.

Có vị Tỳ-kheo nọ đến trước. Tỳ-kheo đến sau lớn hơn một đêm.[32]

Vị đến sau bèn dời Tỳ-kheo đến trước đi. Đức Phật dạy:

- Không nên dời, cũng không nên đứng dậy. Cho phép ngồi vào giữa.[33] Khi ngồi vào giữa, lại có sự xê dịch với nhau khiến cho chúng bị náo loạn. Đức Phật dạy:

- Cho phép vị đến sau thì ngồi sau.

Khi cho ngồi sau, họ lại ngồi sau bạch y. Đức Phật dạy:

- Không nên ngồi như vậy.

Có vị lại ngồi sau sa-di. Đức Phật dạy:

---

[31] Đi quanh phía hữu, sợ phạm tội kính lễ tháp miếu quỷ thần.

[32] Đại nhất dạ 大一夜; đây chỉ thọ đại giới trước một ngày.

[33] Người lớn, đến sau, được ngồi vào giữa chúng..

- Không nên ngồi như vậy. Nên ngồi dưới đại Tỳ-kheo.

Có vị không kịp hậu an cư. Lấy số thọ đại giới mà tính tuổi. Đức Phật dạy:

- Không nên như vậy.

Hòa thượng A-xà-lê nên giáo thọ về thời tiết như sau: Mùa đông, mùa xuân, mùa hạ, ông được bao nhiêu ngày. Hoặc một tháng, hoặc nửa tháng, hay một ngày; hoặc bữa ăn trước, bữa ăn sau, cho đến theo bóng của mặt trời mà tính.

Nhóm sáu Tỳ-kheo ở trong nhà bạch y, thấy Thượng tọa đến, không đứng dậy chào, lại nói: Đây không phải là Tăng địa.

Phật nói:

- Không nên nói như vậy. Nên đứng dậy chào.

Nơi mé nước, dưới gốc cây, bên hòn đá, trên bãi cỏ, trên thuyền, có vị không đứng dậy tránh Thượng tọa, lại nói: Đây không phải là Tăng địa. Đức Phật dạy:

- Nên đứng dậy.

8. Trú Trì

Có cư sĩ làm phòng cho Tăng mà không vị nào đến ở, cư sĩ kia nói: Đại phú trưởng giả nhiều của nhiều tiền, làm phòng cho Tăng, Sa-môn Thích tử đến ở. Còn tôi nghèo khổ, đâu có vị nào đến ở! Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

Chúng Tăng nên sai một Tỳ-kheo đến ở [34] bằng bạch nhị yết-ma, theo pháp thức sau: Trong chúng nên sai một vị có thể tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng đem phòng [35]... này cho Phật cho phép cư sĩ thỉnh mọt Tỳ-kheo làm Ma-ma-đế ???, thường trú để trông coi. Cư sĩ cung cấp các nhu cầu nhật Tỳ-kheo tên là... liệu lý. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Phòng… này giao cho Tỳ-kheo... liệu lý.[36] Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng đem phòng... này giao cho Tỳ-kheo tên... liệu lý thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận giao phòng... này cho Tỳ-kheo... liệu lý rồi.

Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

9. Phòng Ốc

Bấy giờ, các Tỳ-kheo muốn làm phòng.[37] Đức

---

[34] Ngũ phần 25 (T22n1421 tr.167b29): Trú xứ không có Tỳ-kheo ở. dụng. Tham chiếu Pāli, Vin. ii. 159: Một người thợ may nghèo, muốn dựng chùa cho Tăng. Nhưng không tự làm nỗi. Ông than: Mình nghèo, nên không Tỳ-kheo nào ngó ngàng đến. Phật khiến Tăng cử Tỳ-kheo doanh sự (navakamma) để giúp cư sĩ dựng chùa.

[35] Pāli: vihāra: Tinh xá. Trong bản Hán, phòng và tinh xá được hiểu lẫn lộn, đều dịch từ vihāra, cũng gọi là chùa.

[36] Pāli: Bhikkhuno navakamma, giao cho Tỳ-kheo làm doanh sự.

[37] Xem cht. 35 trên.

Phật cho phép. Có vị muốn ban đất cho bằng. Phật cho phép. Nếu có đá, gốc cây, gai, nên dọn dẹp. Nếu có hầm, có kênh, chỗ cao chỗ thấp thì nên làm cho bằng. Nếu cần đề phòng nạn nước lũ thì nên đắp bờ ngăn. Nếu sợ đất có chủ, hoặc nói lôi thôi thì nên giải quyết cho phân minh. Nếu có gốc cây lớn hoặc đá thì nên bứng đi. Không bứng được thì nên đốt. Nếu vẫn không đi,[38] thì sau khi đốt, chế nước hay giấm [39] vào, rồi kê đá mà bẩy đi. Nếu khó phá thì nên dùng chùy sắt để phá ra. Nếu không thể được thì đào cái hầm một bên rồi chôn xuống.

Có vị cần ban đất cho bằng. Sau khi cày, cần ban cho phẳng. Không biết ai có thể ban. Phật nói, hoặc Tỳ-kheo, hoặc sa-di, hay người coi Tăng-già-lam, hoặc Ưu-bà-tắc.

Có vị cần ngói. Phật cho phép làm, hoặc tự làm hay bảo người làm đều được. Có vị cần khuôn làm ngói. Phật cho phép sắm. Có vị lấy bùn trét vào khuôn ngói. Phật dạy nên dùng vải xấu, nhúng vào nước, lau xung quanh. Chỗ làm ngói có cỏ. Phật dạy nên làm chỗ không có cỏ. Nếu ngói không khô thì nên lật lại. Khi lật, bị đứt cỏ, không phạm. Ngói không bằng thì nên gọt cho bằng. Nếu ngói khô thì nên chất đống lại. Nếu trời mưa thì nên tủ lên

---

[38] Các bản Tống-Nguyên-Minh: Nhược thạch bất khả khứ 若石不可去: Nếu đá khổng thể xeo đi. Bản Cao-ly, không có chữ thạch.

[39] Bản Cao-ly: khổ tửu 苦酒. Tống-Nguyên-Minh, không có chữ khổ.

trên. Nếu gió thổi thì nên lấy cây hay đá đè lên trên. Nếu sợ trâu, dê, hay các loài súc sinh ăn cỏ tủ lên trên, thì nên lấy bùn bôi lên trên cỏ.

Có vị cần cánh cửa, cho làm cánh cửa. Có vị làm hình rồng rắn bên cửa cánh cửa. Phật dạy, không được làm hình tượng như vậy. Cho phép vẽ hình dây nho hay hình bông sen. Có vị muốn làm hình lá cây nơi cánh cửa. Phật cho phép làm. Có vị muốn làm hình binh mã. Đức Phật dạy, không nên làm như vậy. Nên dùng màu tía hay màu chu, hay năm màu để làm.

Có vị dựa vào, nên màu bị mất.

Phật dạy, không được dựa như vậy.

Có vị Thượng tọa kia già bệnh, và Tỳ-kheo từ đường xa mới đến. Tỳ-kheo nếu không dựa thì thân không an ổn.

Đức Phật dạy, cho phép dùng cỏ, lá, vỏ cây hay một trong mười loại y lót sau lưng để dựa.

Có Tỳ-kheo kia ban ngày, chỗ đông người, nằm sát đất mà ngủ. Các cư sĩ thấy đều cơ hiềm, nói Sa-môn Thích tử tự xưng là giác ngộ mà ban ngày nằm sát đất ngủ hay sao? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy, không được nằm như vậy. Có Thượng tọa kia già bệnh, và Tỳ-kheo từ đường xa đến, vì ban ngày không ngủ, nên rất mỏi mệt. Đức Phật cho phép vào trong phòng đóng cửa lại rồi ngủ. Có vị đuổi người bệnh. Phật dạy, không được

đuổi người bệnh. Người bệnh cũng không nên đi.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lấy cớ bệnh không tránh Thượng tọa. Các Tỳ- kheo bạch Phật. Phật dạy, không được lấy cớ như vậy. Tỳ-kheo bệnh ở trên lầu gác, nơi phòng lớn, đại tiểu tiện, khạc nhổ, nhơ bẩn hôi thối, không sạch. Đức Phật dạy Tỳ-kheo bệnh không nên ở trên lầu gác, nơi phòng lớn. Nên ở nơi phòng nhỏ, hoặc làm nhà riêng biệt.

Tỳ-kheo bệnh không thể đến chỗ đại tiểu tiện. Đức Phật dạy cho phép làm nơi đại tiểu tiện gần chỗ ở nhất. Nếu không thể ra khỏi phòng, cho phép để đồ đại tiểu tiện trong phòng, hay không thể đứng dậy ra khỏi giường Đức Phật cho phép đục cái lỗ nơi giường, bên dưới để cái bô. Có bệnh nhân khạc nhổ trong phòng, bẩn đất. Đức Phật dạy, không nên nhổ như vậy. Có Tỳ-kheo già yếu, là bậc Thượng tọa, dậy nhiều lần, mệt. Đức Phật cho phép làm đồ để nhổ.

Trú xứ nọ đông người, vị kia bắt rận bỏ dưới đất. Đức Phật dạy, không nên bỏ như vậy. Có Tỳ-kheo già bệnh, là bậc Thượng tọa, phải dậy nhiều lần để vất rận, nhọc mệt. Đức Phật dạy, cho phép bỏ trong đồ đựng, hoặc lông, hoặc kíp bối, hoặc vật xấu rách hay bông. Nếu rận bò ra, thì nên dùng cái ống để đựng. Có vị dùng vật báu làm ống đựng. Phật dạy, không được dùng vật quý báu làm ống. Cho phép dùng xương, răng, sừng, sắt, đồng, thiếc, chì, ống tre, trúc cây... để làm ống đựng rận.

Nếu rận bò ra ngoài thì dùng đồ đậy lại. Có vị dùng vật báu làm đồ đậy. Đức Phật dạy, không nên dùng vật báu làm đồ đậy. Nên dùng xương, răng, cho đến cây để làm. Để chỗ không ổn định, Phật bảo nên dùng dây cột vào trong chân giường.

Bấy giờ, Tỳ-kheo phân phòng. Có Tỳ-kheo nhận được phòng hư đổ. Vị đó nghĩ như vầy: Chắc muốn khiến ta tu bổ phòng? Nên không nhận. Đức Phật dạy nên nhận rồi tùy theo khả năng mà tu bổ. Có Tỳ-kheo muốn tu bổ phòng, Đức Phật cho phép tu bổ. Tất cả vật cần thiết, đều cho phép cung cấp.

10. Tường Rào Chùa

Thế Tôn từ Tỳ-xá-ly du hành trong nhân gian, qua nước Bạt-xà, đến nước Xá-vệ, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo. Bấy giờ Cấp Cô Độc Thực nghe Đức Thế Tôn đến nước Xá-vệ, liền đánh xe đi nghinh đón. Từ xa thấy Đức Phật liền xuống xe, đi bộ đến trước mặt Đức Phật, đầu diện kính lễ sát chân rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện vì Cấp Cô Độc Thực nói pháp, khai hóa, khiến được hoan hỷ. Hoan hỷ rồi, Cấp Cô Độc Thực bạch Đức Thế Tôn:

- Cúi xin Ngài nghỉ nơi Kỳ-hoàn. Sáng mai con thỉnh thọ thực.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Cấp Cô Độc

Thực biết Đức Phật nhận lời rồi, kính lễ cáo lui. Về nhà, trong đêm Cấp Cô Độc Thực chuẩn bị các thức ăn ngon béo rồi, sáng ngày đến thỉnh Phật phú trai. Đức Thế Tôn khoác y, bưng bát, đến nhà ăn, an tọa nơi chỗ ngồi. Cấp Cô Độc Thực tự tay châm chước các thức ăn ngon bổ cúng dường Phật và chúng Tăng một cách đầy đủ. Ăn xong, cất bát, ông dùng bình bằng vàng dâng nước rồi bạch Phật:

- Con xin dâng cúng ngôi vườn Kỳ-hoàn lên Đức Thế Tôn. Cúi xin Thế Tôn thâu nhận.

Đức Phật dạy:

- Này Cư sĩ, Ông nên đem ngôi vườn này dâng cúng cho Phật và bốn phương Tăng. Tại sao vậy? Này cư sĩ, nếu là vườn hay vật trong vườn, phòng hay vật trong phòng, nhà hay vật trong nhà, y bát, tọa cụ, ống đựng kim, của Thế Tôn, thì tất cả chư thiên, người đời, Sa-môn, Bà-la-môn, ma phạm không thể sử dụng được.

Theo lời dạy, cư sĩ liền dâng cúng ngôi vườn lên Đức Phật và bốn phương Tăng. Đức Thế Tôn giũ lòng thương thọ nhận và nói kệ khuyến dụ:

Trồng cây trái lập vườn
Hoặc lập cầu và đò
Đào giếng nơi hoang vắng
Và bố thì phòng xá.
Những hạng người như vậy
Ngày đêm phước tăng ích

Nên giữ giới như pháp
Sau được sinh đường lành.

Bấy giờ, Cấp Cô Độc Thực đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói pháp, khai hóa khiến được hoan hỷ. Cấp Cô Độc Thực nghe pháp hoan hỷ rồi, kính lễ sát chân, cáo lui.

Bấy giờ trong vườn Kỳ-hoàn bò, dê ra vào tự do không có giới hạn ngăn cấm. Đức Phật bảo đào hào xung quanh cho chúng khỏi vào. Các Tỳ-kheo già bệnh là bậc Thượng tọa không thể bước qua được. Phật cho phép làm cầu để đi. Các vị ấy không biết làm thế nào. Phật bảo dùng ván hay gỗ để làm, hoặc dùng dây cột nối liền. Các Tỳ-kheo Thượng tọa già bệnh khi đi qua cầu, trượt chân bị ngã xuống. Đức Phật cho phép buộc dây hai bên để vịn. Nếu nắm sợi dây bị té thì nên làm lan can hai bên. Nếu hào không bảo đảm thì nên làm hàng rào. Không có cửa ngõ thì cho phép làm cửa ngõ. Nếu hàng rào không bảo đảm thì nên xây tường. Khi xây tường, cần thứ gì đều cho phép sắm để xây. Nếu không bảo đảm thì nên làm cổng có lầu. Vương tử Kỳ-đà tử muốn làm cổng lầu quý giá tại Kỳ-hoàn [40] được Đức Phật đồng ý.

Cây nơi vườn Kỳ-hoàn không được tốt. Phật bảo trồng ba thứ cây, cây bông, cây có trái và cây

[40] Vin. ii. 159: khoảng đất trước cổng chưa trải vàng, Vương tử Kỳ-đà không bán, mà cúng luôn cho Phật. Tại đó, ông xây một ngôi nhà nhỏ (kotthaka), một kiểu vọng lâu.

nhiều lá.

Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo Thượng tọa, nổi tiếng nhiều người biết, thọ thực nơi Xá-vệ rồi trở về Kỳ-hoàn bị bịnh nhiệt. Đức Phật cho phép dùng cỏ hay lá cây để che, hay lấy một trong mười loại y để che. Nếu vẫn cứ nóng thì nên trồng hai bên đường bằng ba thứ cây trên.

Kỳ-hoàn cách dòng nước xa, Phật cho phép đào mương dẫn nước vào. Mương sạt lỡ, Phật cho phép dùng cỏ để chận. Nếu cỏ bị rã nát, thì nên dùng gạch, đá hay cây để chận. Nếu cần đào giếng thì đào giếng, tất cả những thứ cần dùng đều cho sắm. Khi xách nước, bị bùn làm vỡ gàu xách, cho phép dùng cây gỗ lót xung quanh, để gàu vào giữa. Nếu đồ múc vẫn bị vỡ, cho phép dùng túi bằng lông [41] để đựng. Nếu vẫn bị vỡ, cho phép dùng da thuộc để làm. Nếu dây kéo bị đứt thì nên dùng da. Tỳ-kheo không quen xách, bị đau tay, cho phép dùng bánh xe để quay. Nếu lỗ bánh xe bị hư thì cho phép dùng sắt để làm. Nếu bị nước chảy ngược vào trong giếng thì nên dùng đá, gạch hay cây gỗ ngăn bốn bên. Nếu sợ chỗ rửa, nước đọng lại thành bùn bẩn, thì dùng gạch, đá để lót. Nếu sợ trẻ nít rơi xuống giếng thì nên dùng cây hay gạch đá làm lan can ngăn. Nếu xách nước, gàu bị đứt dây rớt xuống giếng, thì nên dùng móc để móc lên.

---

[41] Mao lâu nang 毛囊.

Cái gàu không có chỗ để ổn định. Đức Phật cho làm cái giá gần bên giếng để móc cái gàu lên.

11. Nhà Tắm

Kỳ-hoàn chưa có nhà tắm. Phật cho phép làm. Các vị ấy không biết cách làm. Phật bảo làm vuông hay tròn hoặc tám cạnh. Các vị ấy làm phía trước nhà. Đức Phật nói không nên làm trước nhà mà nên làm một bên, nơi chỗ khuất. Nhà tắm bị gió lạnh. Phật cho làm cửa để đóng lại. Bị khói, cho làm lỗ thông hơi. Bị tối, cho làm cửa sổ. Bị bùn, cho dùng gạch, đá, cây làm cái ghế ngồi tắm. Bị bùn bẩn chân, cho dùng đá hay gạch lót nền. Nếu đầu cây trật khớp, nên đục thành răng chó, ép lại với nhau.

Bấy giờ, khi Thượng tọa muốn mát, thì nhóm sáu Tỳ-kheo đóng cửa. Khi Thượng tọa muốn ấm, nhóm sáu Tỳ-kheo lại mở cửa. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Phải theo yêu cầu của chúng mà đáp ứng.

Nhóm sáu Tỳ-kheo vào nhà tắm trước, chiếm lấy chỗ tốt. Thượng tọa đến sau không có chỗ. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy nên tùy theo thứ tự mà ngồi. Vị Thượng tọa không vào, bỏ chỗ trống. Đức Phật dạy, vị thứ tọa nên ngồi. Khói xông lên mặt, Phật cho phép dùng vật để ngăn. Đầu bị nóng, cho phép trùm lại. Lưng nóng, cho phép che. Thân hôi thối, cho phép dùng bùn để

tắm. Có Tỳ-kheo nọ nghi, không dám dùng hương trộn với bùn. Đức Phật cho phép dùng hương để tắm. Trong nhà tắm, đất bị nóng, cho phép tưới nước cho mát. Có vị cùng bạch y tắm, xem đuôi của nhau, rồi nói, "đuôi người này dài," cái đuôi người kia to. Phật dạy, không được tắm chung với bạch y. Nếu người nào xưng tán Phật, Pháp, Tăng thì cho phép tắm chung.

Các Tỳ-kheo dùng y trải dưới đất trống, trời mưa ướt. Đức Phật cho phép xếp lại rồi máng trên vách, trên móc long nha, trên trụ cột hoặc trên giá y. Có vị lo ngại khói xông bẩn y. Đức Phật cho phép làm nhà để y riêng. Có vị khỏa thân chà mình cho người khỏa thân. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị khỏa thân chà mình cho người không khỏa thân. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị không khỏa thân, nghi, e ngại không dám chà mình cho người khỏa thân. Đức Phật cho phép. Có vị khỏa thân cạo tóc cho người khỏa thân. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị khỏa thân cạo tóc cho người không khỏa thân. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị không khỏa thân cạo tóc cho người khỏa thân. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị khỏa thân xỉa răng. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị khỏa thân rửa tay, rửa chân, rửa mặt. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị khỏa thân ăn. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị khỏa thân đại

tiểu tiện. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị lộ hình kính lễ người lộ hình. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị khỏa thân kính lễ người không khỏa thân. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị không khỏa thân kính lễ người khỏa thân. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị khỏa thân đi đường. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị khỏa thân đi kinh hành. Phật dạy, không được làm như vậy.

12. Dùng Nước

Bấy giờ, nhà tắm nơi Kỳ-hoàn cách xa nước. Phật cho phép đào mương hay đào giếng đem nước vào, như trên. Nếu nước ít thì nên đào mương cho lớn. Có vị xách nước đau tay. Phật cho phép làm con quay để quay. Không biết chứa nước chỗ nào. Phật cho phép đựng trong cái ghè. Khi xách nước, lúc trời mưa, có vị lo y bị ướt. Phật cho phép làm cái nhà trên cái giếng. Tỳ-kheo khỏa thân xách nước, thấy phụ nữ đến, hổ thẹn bèn ngồi xuống. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy, không được làm như vậy. Các Tỳ-kheo tắm nơi suối, nơi kênh, nơi ao, long nữ giận cơ hiềm. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy, không được tắm như vậy, cho phép dùng bốn loại tắm được che kín: Hoặc chỗ có vách che; hoặc chỗ có lá cây, cỏ che; hoặc lấy nước che thân; hoặc dùng y để che thân.[42] Nếu tắm

[42] Tham chiếu Pāli, Vin. ii. 122, Phật cho phép ba loại che tắm: che bằng nhà tắm, che bằng nước, che bằng y

tại ba chỗ trên, cần dùng thứ gì cho phép được trao đổi lẫn nhau. Dùng y che thân, tất cả đều như pháp.

Người xây cất, được phép tắm. Nếu nước ít thì nên mở rộng chỗ nước. Nếu sợ nước rò rỉ xuống nhiều, thì nên làm chỗ rò nhỏ ở mé.

Các Tỳ-kheo tắm nơi đất trống, mắc bệnh. Đức Phật dạy cho phép làm cái nhà tắm nhỏ để tắm. Nếu đất nơi nhà tắm bị bùn, cho phép dùng gạch đá hay cây hoặc đá dăm, cát để lót. Nước đọng lại, cho phép mở đường tháo nước ra ngoài.

13. Đất Trống

Các Tỳ-kheo nấu nước nơi đất trống, trời mưa y bị ướt. Đức Phật cho phép làm nhà để nấu nước. Các Tỳ-kheo để củi tươi nơi chỗ đất trống, trời mưa bị ướt. Đức Phật cho phép làm nhà để củi. Có Tỳ-kheo coi nấu thức ăn nơi chỗ đất trống, trời mưa y bị ướt làm bẩn vật đựng thức ăn của tịnh nhân. Đức Phật dạy cho phép làm tịnh trù để nấu thức ăn.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo được nhà bạch y mời thọ thực, trên đường đi bị mưa ướt y. Đức Phật dạy cho phép nơi khoảng không gian xóm làng nên thiết lập Tăng-già-lam.

Tỳ-kheo đại tiểu tiện nơi đất trống, người nữ

(vải). Tắm trong ba chỗ này, các Tỳ-kheo khỏa thân nhưng được phép giúp đỡ nhau hay trao nhau những vật dụng cần thiết. Tỳ-kheo khỏa thân phục vụ nhau, hay trao vật cho nhau, phạm Đột-kiết-la.

thấy, Tỳ-kheo vội vàng đứng dậy. Đại tiện chưa xong nên sinh bệnh. Đức Phật cho phép làm nhà vệ sinh. Kia chỉ làm một chỗ đại tiện, gặp lúc nhiều người đi phải đứng chờ. Phật cho phép làm nhiều chỗ, nên làm cửa, nên ngăn đừng cho thấy nhau. Tỳ-kheo Thượng toạ già bệnh, đại tiểu tiện xong bị té. Phật cho phép làm lan can hai bên. Có vị đại tiện xong chùi lung tung, hoặc nơi góc tường hoặc nơi hòn đá, hoặc trên cỏ. Phật dạy, không được chùi như vậy. Nên làm chỗ rửa riêng biệt. Có vị tiểu tiện lung tung bẩn đất. Phật dạy, không được tiểu như vậy. Nên tiểu tiện một chỗ ở mé. Nếu vẫn lo ngại bị bẩn thì làm riêng chỗ tiểu tiện. Các vị ấy không biết làm cách nào. Phật dạy đào một cái hầm, bên dưới để hòn đá, đặt một cái ghè lên. Chọc thủng đáy ghè để chỗ rút nước, hai bên lót cây. Nếu sợ hôi thối thì nên đậy lại.

Các Tỳ-kheo kinh hành nơi đất trống, có rắn, bò cạp, rít. Tỳ-kheo chưa ly dục, thấy sợ. Đức Phật cho phép làm chỗ kinh hành treo. Các thầy không biết cách làm. Đức Phật bảo đào đất trồng trụ rồi lót ván lên trên để đi. Sợ mưa gió, thì làm nhà che bên trên.

14. Lò Sưởi

Phật ở tại Câu-thiểm-di.

Nhóm sáu Tỳ-kheo dùng tơ lụa vẽ vời trang sức trong phòng, đốt lửa hơ ấm, khói xông bẩn

phòng, bẩn ngọa cụ. Phật dạy, không được làm như vậy.

Các Tỳ-kheo mùa đông bị lạnh. Phật cho phép nhúm lửa nơi đất trống để hơ cho ấm. Nhúm lửa nơi đất trống ngồi, bị lạnh sau lưng. Đức Phật cho phép nhen lửa bên ngoài, để cho hết khói rồi bưng vào trong phòng để hơ. Nếu có nhiều người không chấp nhận thì làm riêng nhà sưởi ấm.[43] Các thầy không biết làm sao. Đức Phật cho phép làm vuông, tròn hoặc dài.

Có vị nhúm bếp lung tung. Phật dạy, không được làm như vậy, nên để chính giữa một cái hỏa lò. Các Tỳ-kheo nhận được cái lò hình bánh xe.[44] Đức Phật cho phép chứa dùng. Các thầy không biết cho ai đẩy đi. Đức Phật dạy nên giao cho sa-di hoặc Tỳ-kheo hay người giữ Tăng-già-lam.

Tỳ-kheo kia không quen thổi lửa, nên thổi lửa mà sinh bệnh. Đức Phật cho phép làm cái ống để thổi. Có vị dùng vật báu để làm ống thổi. Phật dạy, không được dùng vật báu làm mà nên dùng xương, đồng, thiếc hay cỏ xá la, tre, trúc, cây để làm. Nếu sợ miệng ống thổi bị cháy thì cho phép dùng miếng sắt bao ngoài, đừng để củi lửa trong bếp rớt lên trên. Nếu sợ nóng tay nên làm cái kẹp. Có vị dùng vật báu làm cái kẹp. Phật dạy, không được

---

[43] Nhiên hỏa đường 燃火堂, nhà đốt lửa. Ngũ phần 25 (T22n1421 tr.168a19): Mùa lạnh, các Tỳ-kheo tập họp, sợ lạnh. Phật cho làm ôn thất 溫室. Pāli: aggisālā, nhà lửa; cf. Vin.ii. 154.

[44] Luân hỏa lô 輪火爐.

dùng như vậy. Nên dùng xương, răng, đồng, thiếc hay cây để làm. Nếu sợ cái đầu ống bị cháy, cho dùng miếng sắt để bao lại. Có vị muốn gom lửa lại, cho làm cái cào để cào. Muốn giữ lửa lại, cho moi cái hầm cho lửa xuống. Nếu sợ lửa tắt thì dùng tro phủ lên trên.

Các Tỳ-kheo dùng nước lạnh rửa mặt, rửa tay, rửa chân nên bị lạnh. Đức Phật cho phép nấu nước nóng để rửa. Các thầy không biết cách nấu. Đức Phật bảo dùng ghè tắm đựng đầy nước để bên lửa. Nếu ghè nhiều để bên lửa không đủ chỗ, làm ba cái nạng chống. Đổ nước đầy cái vò lớn rồi đặt lên đó mà hâm nóng. Nếu cái vò đun lớn khiến cho lửa bị ngộp, thì nên dùng dây treo lên. Nếu dây bị cháy thì dùng ống tre bao cái dây. Nếu ống tre bị cháy thì dùng bùn trét bên ngoài. Khi rót nước, ống bị gãy. Đức Phật bảo nên lấy vật khác kẹp lấy. Khi rót nước sợ chảy ra ngoài nên dùng ống để rót. Nếu cái dây treo bị đứt nên lấy sắt làm cái khâu để móc. Mùa đông, các Tỳ-kheo rửa chân bị lạnh. Đức Phật dạy nên để thau rửa mặt, nước rửa chân trong nhà mà rửa. Khi rửa, cần thứ gì nên cung cấp thứ ấy.

Buổi sáng, Tỳ-kheo thức dậy xoa dầu nơi chân, vào xóm khất thực, người nữ kính lễ sát chân, dầu dấy nơi tay rồi cầm bình bát Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo khác thấy gớm. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy, sáng sớm thức dậy không nên thoa dầu

nơi chân rồi đi vào xóm khất thực. Các Tỳ-kheo chân bị nứt, cho phép thoa dầu từ gót chân cho đến ngón chân. Bấy giờ, chúng Tăng nhận được phòng một tầng. Đức Phật cho phép ở.

15. Thọ Nhận Phi Pháp

Thế Tôn từ nước Ma-kiệt đến thành Khoáng dã. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo dùng các thứ có thêu vẽ hình tượng nam nữ trang hoàng phòng ốc, nhà cửa cho Đức Thế Tôn. Phật dạy, không được làm như vậy. Cho phép dùng hình vằn vện của cầm thú có nhiều màu để trang hoàng. Chúng Tăng nhận được hai phòng một cửa. Đức Phật cho phép ở.

Thế Tôn ở nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan nhận được phòng riêng. Đức Phật cho phép sử dụng.

Bấy giờ La-hầu-la ở trong rừng Na-lê. Tại đây có cư sĩ không quyên góp ai mà tự mình làm phòng xá cúng cho La-hầu-la. La-hầu-la ở phòng này một thời gian, rồi du hành trong nhân gian. Cư sĩ nghe La-hầu-la du hành nhân gian lại đem phòng xá cúng cho chúng Tăng.

Khi Đức Thế Tôn từ Ma-kiệt-đề du hành trong nhân gian, đến trong rừng Na-lê trải chỗ ngồi an tọa, lúc này La-hầu-la nghe cư sĩ đã đem phòng cúng cho chúng Tăng, liền đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi qua một bên,

bạch Phật:

- Tại Na-lê, có cư sĩ không quyên góp ai mà tự mình làm phòng cúng cho con. Con ở nơi phòng đó một thời gian rồi du hành trong nhân gian. Sau đó, cư sĩ kia lại đem phòng ấy cúng cho chúng Tăng.

Đức Phật bảo La-hầu-la:

- Ngươi đến chỗ cư sĩ hỏi thế này: Chẳng lẽ ông thấy tôi có điều gì đáng trách, không thanh tịnh, chẳng phải pháp Sa-môn, hoặc do miệng nói ra, hay do thân làm tà vạy?

La-hầu-la vâng lời dạy của Đức Thế Tôn, đến chỗ cư sĩ kia nói như trên.

Cư sĩ trả lời: Con không thấy Tôn giả có điều chi đáng trách, và chẳng phải pháp Sa-môn, hoặc do miệng nói, hay do thân làm không thanh tịnh cả.

Bấy giờ, La-hầu-la đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, bạch với Đức Thế Tôn:

- Vừa rồi theo lời dạy của Như lai, con đến chỗ cư sĩ hỏi, cư sĩ kia trả lời: con không thấy Tôn giả có điều chi đáng trách đối với pháp Sa-môn, cũng không có việc chi là không thanh tịnh, hoặc do miệng nói, hay do thân làm.

Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo:

- Các thầy khéo lắng nghe: Bố thí phi pháp, thọ nhận phi pháp, ở phi pháp; bố thí như pháp, thọ nhận như pháp, ở như pháp.

Thế nào là bố thí phi pháp, thọ nhận phi pháp, ở phi pháp?

Hoặc có người tự tâm hỷ lạc, làm phòng đem dâng cúng cho một người; rồi lại đem cúng cho nhiều người. Như vậy là bố thí phi pháp, thọ nhận phi pháp, ở phi pháp. Cúng cho một người; rồi lại đem cúng cho chúng Tăng, cũng như vậy. Cúng cho một người rồi, Tăng bị phá làm hai bộ, cúng cho đồng bộ của mình, cũng như vậy. Cúng cho một người rồi, cúng cho khác bộ cũng như vậy.

Hoặc có người tự tâm hỷ lạc, làm phòng dâng cúng cho số đông người; rồi lại đem dâng cúng cho chúng Tăng. Tức là bố thí phi pháp, thọ nhận phi pháp, ở phi pháp. Cúng cho số đông người rồi, Tăng bị phá làm hai bộ, cúng cho đồng bộ của mình cũng như vậy. Cúng cho số đông người rồi, cúng cho khác bộ cũng như vậy. Cúng cho số đông người rồi cúng cho một người cũng như vậy.

Làm phòng cúng cho Tăng rồi chuyển cúng cho người khác cũng như vậy. Làm phòng rồi cúng cho đồng bộ của mình cũng như vậy. Làm phòng rồi cúng cho khác bộ cũng như vậy. Đó gọi là bố thí phi pháp, thọ nhận phi pháp, ở phi pháp.

Thế nào là bố thí như pháp, thọ nhận như pháp,

ở như pháp?

Hoặc có người hỷ lạc tự làm phòng cúng cho một người là cúng như pháp, nhận như pháp, ở như pháp. Cúng cho số đông người, cúng cho Tăng, cúng cho hai bộ Tăng cũng như vậy. Đó gọi là cúng như pháp, nhận như pháp, ở như pháp.

16. Tứ Phương Tăng Vật

Thế Tôn cùng năm trăm Tỳ-kheo du hành nhân gian tại nước Ca-thi. Bấy giờ tại nước Ki-liên [45] có bốn cựu Tỳ-kheo A-thấp-bệ, Bất-na-bà-sa, Ban-đà, Lâu-hê-na.[46] Bốn Tỳ-kheo này nghe Đức Thế Tôn cùng năm trăm Tỳ-kheo du hành nhân gian sẽ đến Ki-liên. Hai đệ tử của Đức Thế Tôn là Xá-lợi-phất và Mục-liên cũng sẽ đến đây đuổi chúng ta ra khỏi trú xứ này. Chúng ta có thể chọn lựa một thượng phòng dành cho Đức Thế Tôn, ngoài ra chia làm bốn phần tư hữu. Tăng-già-lam, vật của Tăng-già-lam, phòng xá, vật của phòng xá làm phần của Tỳ-kheo thứ nhất. Hũ, ghè, nồi, vạc, búa, đục, đèn, đài, các vật nặng linh tinh làm phần của Tỳ-kheo thứ hai. Giường dây, giường cây, nệm lớn, nệm nhỏ, ngọa cụ tạp vật làm phần của Tỳ-kheo thứ ba. Cây, gỗ, tre, cỏ, bông trái làm phần của Tỳ-kheo thứ tư. Bốn cựu Tỳ-kheo chọn lựa thượng phòng dành cho Đức Thế Tôn, ngoài

---

[45] Xem ch. xi, cht. 13.

[46] A-thấp-bệ 阿濕, Bất-na-bà-sa 不那婆娑, Ban-đà , Lâu-hê-na 樓醯那. Ngũ phần 25 (T22n1421 tr.168c09): Năm Tỳ-kheo ở ấp Ngật-la-ngật-liệt, chia tứ phương Tăng vật thành 5 phần cho 5 người làm tư hữu. Vin. ii. 171, nhóm Tỳ-kheo Assaji-Punabbasu ở Kināgiri.

ra phân chia làm bốn phần như trên.

Đức Thế Tôn từ nước Ca-thi du hành trong nhân gian, đến Kỳ-liên, trải chỗ ngồi an tọa, rồi bảo Xá-lợi-phất và Mục-liên đến nói với cựu Tỳ-kheo kia: Thế Tôn cùng năm trăm Tỳ-kheo đến Ca-thi. Các thầy cần phải dọn chỗ nằm cho các Tỳ-kheo. Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên vâng lời dạy của Đức Thế Tôn đến chỗ cựu Tỳ-kheo bảo họ trải năm trăm chỗ nằm. Cựu Tỳ-kheo trả lời: Đức Thế Tôn là Pháp chủ, có thể tùy ý đi hay ở. Chúng tôi đã chọn lựa một thượng phòng dành cho Đức Thế Tôn. Ngoài ra, chúng tôi đã chia làm bốn phần như trên. Không còn ngọa cụ nào cho Tỳ-kheo khách. Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên đến chỗ Đức Thế Tôn đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng rồi bảo:

- Bốn phần đây là vật của bốn phương Tăng, không nên chia, không nên đem về cho mình, không nên mua bán, cũng chẳng phải vật mà Tăng được bán, chẳng phải của nhiều người cho đến một người được quyền bán. Nếu Tăng hay số đông người hoặc một người tự nhập vào của mình, hoặc chia, hoặc mua bán thì không thành, tự nhập không thành, chia không thành, mua bán không thành, phạm Thâu-lan-giá.

Thế nào là vật của Tăng bốn phương?[47]

Tăng-già-lam và vật của Tăng-già-lam; phòng và vật của phòng. Đây là phần thứ nhất. Vật của bốn phương Tăng không nên chia, không nên nhập vào của mình, không nên mua bán. Cho dù là Tăng hay số đông người, hay một người cũng không được chia, không được nhập vào của mình, không được mua bán. Nếu Tăng hay số đông người hoặc một người, đem chia, đem về cho mình hay số đông người hoặc một người, đem chia, đem về cho mình hay mua bán, thì không thành phân, không thành của mình, không thành mua bán, phạm Thâu-lan-giá. Phần thứ hai, phần thứ ba cũng như vậy. Trong phần thứ tư, bông trái cho phép chia, hoặc bông hoa dâng lên Đức Phật, ngoài ra cũng như trên.[48]

Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo làm phòng riêng trong đất của Tăng. Có vị Thượng tọa Tỳ-kheo khách đến, bảo: Dậy, nhường chỗ Thượng toạ! Tỳ-kheo kia trả lời: Không dậy. Thượng tọa hỏi: Tại sao? Tỳ-kheo kia nói: Đây là phòng riêng của tôi. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Bảo vị ấy nên dậy đi thì tốt. Nếu không dậy,

---

[47] 47. Bốn vật dụng thuộc Tứ phương Tăng. Vin. ii. 170: Năm thứ là Tứ phương Tăng vật không được chia cho cá nhân: 1. ārāmo ārāmavatthu (Tăng-già-lam, và vật thuộc Tăng-già-lam: đất vườn chùa và cây trái các thứ trong vườn), 2. vihāro vihāravatthu (tinh xá và vật dụng thuộc tinh xá: chùa và phòng ốc các thứ của chùa), 3. mañco pīthan bhisi bibbohanam (giường, ghế, đệm, gối các thứ), 4. lohakumbhī… (ghè, lu, nồi,… các thứ), 5. valli, venu, muñjam, (dây y leo, tre, cỏ muja,…).

[48] Hết quyển 50.

bảo trả đất lại cho Tăng. Không có lý gì lấy đất của Tăng làm của mình.

17. Tỳ-Kheo Tri Sự

Có Tỳ-kheo cất cái thất quá vội nên không chắc chắn. Đức Phật dạy: Không nên như vậy. Có vị lại kinh dinh một cái phòng thất mà suốt đời không xong. Đức Phật dạy: Không nên như vậy. Nếu làm cái nhà lầu tốt nhất, lâu lắm cũng trong vòng mười hai năm mà thôi.[49] Ngoài ra, tùy theo lớn nhỏ mà quy định.

Có vị là người xây dựng [50] cho nên tất cả thời xuân, hạ, đông, chiếm dụng phòng trị sự thường xuyên của Tăng. Phật dạy:

- Không nên làm như vậy. Cho phép, sau ba tháng hạ, chia lại từ Thượng tọa.

Có Tỳ-kheo làm người xây dựng chung cho các Tăng-già-lam, nên chỗ nào cũng nhận phần phòng của mình. Đức Phật dạy, không nên nhận như vậy. Nên nhận một nơi chín mươi ngày để ở. Tại trú xứ đông người, vị làm việc xây cất kia trú ở nhà ăn, nhà ấm, nhà kinh hành, khiến cho khách Tỳ-kheo không có chỗ ở. Đức Phật dạy, - Không

---

[49] Ngũ phần 25 (T22n1421 tr.169a12): Tỳ-kheo làm doanh sự, chiếm dụng phòng tri sự quá lâu, Phật quy định, làm doanh sự, được cấp phòng Tỳ-kheo doanh sự (tri sự), tối đa 12 năm. Nhưng phải chờ Tăng làm bạch nhị yết-ma cho phép.

[50] Kinh doanh nhân 經營人, hay doanh sự Tỳ-kheo 營事比丘, hay Tỳ-kheo tri sự của Tăng. Xem đoạn sau, yết-ma Tăng sai Tỳ-kheo doanh sự. Cf. Vin.ii. 160: Cư sĩ cất Già-lam cho Tăng, cần người giám đốc xây dựng. Phật cho phép Tăng bạch nhị yết-ma cử người làm quản đốc, tức doanh sự Tỳ-kheo, hay Tri sự Tăng. Pāli: Navakammika.

nên ở như vậy. Nếu tầng dưới sảnh đường là chỗ ở của số đông người thì nên ở tầng trên. Nếu tầng trên sảnh đường là chỗ ở của số đông người thì nên ở tầng dưới.

Có vị chỉ làm việc xây dựng nhỏ như đắp vách bùn, hoặc vá lại, hoặc san bằng đất, nhưng lại đòi hỏi làm tri sự. Đức Phật dạy, không được như vậy. Có vị sai sa-di, sai người Tăng-già-lam, bèn coi mình tri sự. Phật dạy, không được như vậy. Có vị làm cái phòng nhỏ, đòi hỏi cấp phòng tri sự. Đức Phật dạy, không được như vậy. Nếu phòng được làm có nhận giường dây, giường cây, cho phép cấp cho phòng tri sự. Có vị làm phòng xấu, đòi được cấp phòng tri sự. Đức Phật dạy, không được như vậy. Nếu phòng được làm có đủ các thứ trang hoàng và xông hương, cho phép cho cấp phòng tri sự.

Có Tỳ-kheo tri sự, nhận phòng rồi qua đời. Các Tỳ-kheo không biết phòng ấy thuộc về của ai, bạch Phật. Đức Phật dạy, tùy ý của Tăng.

Có Tỳ-kheo tri sự, sai người bạch Tăng để được cấp phòng. Tỳ-kheo kia đến trong Tăng bạch. Tăng cấp phòng rồi, Tỳ-kheo xây cất kia qua đời. Các Tỳ-kheo không biết phòng này nên giao cho ai. Đức Phật dạy, tùy ý của Tăng. Tỳ-kheo tri sự sai người trong Tăng xin cấp phòng. Tăng cấp rồi, Tỳ-kheo sai (sứ giả) kia qua đời. Các Tỳ-kheo không biết phòng này nên giao cho ai. Đức Phật

bảo, cho thầy tri sự đó. Tỳ-kheo tri sự qua đời trong mùa hạ an cư. Các Tỳ-kheo không biết phòng này nên giao cho ai. Đức Phật dạy, tùy ý của Tăng.

Có Tỳ-kheo làm phòng chưa lợp, bỏ đi. Tỳ-kheo khách nói với cựu Tỳ-kheo rằng, hãy lợp cái phòng này. Cựu Tỳ-kheo nói: Ai cất thì người đó lợp. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy, cho phép, làm phòng có gác lớn và đẹp nhất cũng trong vòng sáu năm là lợp thành. Còn loại phòng nhỏ hơn tùy theo đó mà lượng định.

Có một Tỳ-kheo làm phòng, Tỳ-kheo khác lợp, hai Tỳ-kheo tranh nhau ai sửa trước, ai sau. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Đức Phật dạy ai làm trước thì sửa trước. Có hai Tỳ-kheo cùng nhau làm phòng, cùng nhau tranh kẻ làm trước người làm sau. Đức Phật cho phép, cùng nhau làm thì Thượng tọa ở trước.

Tỳ-kheo tri sự, hạ an cư, nhận phòng do mình sửa (để ở), rồi lại nhận phòng khác (để ở). Phật dạy, không được làm như vậy. Nên an cư nơi phòng mình đã sửa chữa.

Thế Tôn ở tại Câu-thiểm-di. Bấy giờ vua Ưu-điền là bạn thân hậu của Bạt-nan-đà, mời Bạt-nan-đà hạ an cư tại Câu-thiểm-di. Bạt-nan-đà nhận lời an cư rồi, nghe trú xứ an cư nọ, Tăng nhận được nhiều y vật, liền đến nơi trú xứ đó một thời gian

ngắn, rồi trở lại Câu-thiểm-di. Vua Ưu-điền nghe, cơ hiềm: Bạt-nan-đà nhận lời mời của tôi an cư rồi. Nghe trú xứ nọ Tăng an cư nhận được nhiều y vật, lại đến nơi đó. Rồi trở lại đây. Các Tỳ-kheo nghe, đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu diện lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên, đem nhân duyên này trình bày đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng quở trách Bạt Nan Đà Thích tử:

- Tại sao, nhận lời mời an cư tại Câu-thiểm-di rồi nghe trú xứ nọ, Tăng hạ an cư nhận được nhiều y vật, lại đến đó ở một thời gian rồi về lại nơi đây?

Dùng vô số phương tiện quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu Tỳ-kheo nào an cư nơi đây, nghe trú xứ nọ Tăng an cư nhận được nhiều y vật mà đến đó ở, tức là mất trú xứ này. Ở nơi đó một thời gian, trở về trú xứ này, lại mất nơi trú xứ kia.[51]

Bấy giờ, phòng xá của chúng Tăng cũ hư, có cư sĩ thưa: Nếu cho phép, con sẽ tu bổ. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Cho phép bằng bạch nhị yết-ma.

Pháp thức như sau: Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma,[52] dựa theo sự việc trên tác bạch:

---

[51] Xem Phần iii, Ch. An cư.

[52] Yết-ma Tăng sai, cử Tỳ-kheo doanh sự, hay tri sự Tăng. Xem cht. 33 trên.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng đem phòng này giao cho cư sĩ tên... tu bổ, Tỳ-kheo... làm người doanh sự.[53] Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng đem phòng này giao cho cư sĩ tên... tu bổ, Tỳ-kheo... làm doanh sự. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng đem phòng này giao cho cư sĩ tên... tu bổ, Tỳ-kheo... làm người doanh sự thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã đồng ý đem phòng này giao cho cư sĩ... tu bổ, Tỳ-kheo... làm người doanh sự rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Bấy giờ Tỳ-kheo doanh sự (tri sự) chưa chia phòng, có việc cần đi. Sau đó các Tỳ-kheo chia phòng. Tỳ-kheo doanh sự kia khi trở về hỏi: Có để phòng doanh sự cho tôi không? Có vị trả lời: Không. Tỳ-kheo doanh sự liền cơ hiềm, trách các Tỳ-kheo: Tôi chưa chia phòng, có việc cần đi. Các vị sau đó lại chia phòng. Tôi có công quả trong này, sao không chia phòng cho tôi? Các Tỳ-kheo không biết như vậy có thành chia hay không? Đức Phật dạy, thành. Nhưng nên đợi người kia về. Vị kia cũng nên dặn người nhận phòng cho mình.

---

[53] Kinh doanh giả 經營者, tức doanh sự Tỳ-kheo, hay tri sự Tăng. Xem cht. 33 trên. Pāli: Navakammika.

Tỳ-kheo doanh sự chưa chia phòng, có việc cần ra ngoài, dặn Tỳ-kheo khác lấy phòng cho mình mà không nói rõ phòng nào. Tỳ-kheo kia xây cất nhiều chỗ, Tỳ-kheo này không biết lấy phòng nào. Các Tỳ-kheo chia phòng rồi, vị kia về hỏi các Tỳ-kheo: Chia phòng chưa? - Chia rồi. - Có để phòng cho tôi không? - Không. Vị kia liền cơ hiềm, trách: Chưa chia phòng, tôi có việc cần đi; dặn Tỳ-kheo khác nhận phòng cho tôi. Tôi có đóng góp trong việc này, sao không cho tôi phòng? Các Tỳ-kheo không biết như vậy có thành chia hay không? Đức Phật dạy, thành chia. Nhưng nên đợi người kia về. Người kia cũng nên chỉ rõ phòng nào cần nhận.

Tỳ-kheo doanh sự kia lấy phòng rồi, sau đó khi chia phòng theo thứ tự thì được phòng tốt hơn, liền bỏ phòng trước. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không nên làm như vậy. Nên từ Thượng tọa phân chia, nếu không có người lấy thì mới cho.

Tỳ-kheo kia nghi, không dám bốc vào chìa khóa cửa của chúng Tăng, hay cây gậy, cái khoen, cái cọc, cái chuôi bằng xương, bằng đồng, ghế ngồi tắm. Đức Phật dạy cho phép cầm nắm.

Có vị không dám từ trú xứ này di chuyển các vật đến trú xứ kia.

Đức Phật dạy cho phép di chuyển.

18. Chia cháo

Có năm pháp không nên sai vì Tăng chia cháo; dù đã sai cũng không được chia: có thiên vị, hay giận hờn, có khiếp sự, ngu si, không biết đã chia hay chưa. Có năm pháp như vậy không nên sai vì Tăng chia cháo. Đã sai, cũng không được chia.

Có năm pháp nên sai vì Tăng chia cháo: Không có thiên vị, không hay giận hờn, không có khiếp sợ, không ngu si, biết đã chia hay chưa chia. Có năm pháp như vậy nên sai vì Tăng chia cháo. Nếu đã sai thì khiến vì Tăng chia cháo, chia tiểu thực, chia khư-xà-ni,[54] mời đi phó trai, trải ngọa cụ, chia ngọa cụ, chia y tắm, chia y, cái nào cần lấy, cái nào cần cho. Sai Tỳ-kheo sứ, sai sa-di sứ, tất cả cũng như vậy.

Có năm pháp vì Tăng chia cháo vào địa ngục nhanh như tên bắn: có ái, có nhuế, có bố, có si, không biết đã chia chưa. Có năm pháp như vậy mà chia cháo thì vào địa ngục như tên bắn.

Có năm pháp chia cháo được sinh lên cõi trời như tên bắn: Không ái, không nhuế, không bố, không si, biết đã chia hay chưa. Có năm pháp như vậy vì Tăng chia cháo thì sinh lên cõi trời nhanh như tên bắn, cho đến sai sa-di sứ cũng như vậy.

---

[54] Thức ăn loại cứng

-oOo-

Phần 4: NÊU DẪN CÁC SỰ VIỆC: PHÒNG XÁ, TẠP SỰ, NGŨ BÁCH KẾT TẬP, THẤT BÁCH KẾT TẬP, ĐIỀU ĐẠT, TỲ NI TĂNG NHẤT

Chương II: TẠP SỰ

1. Bát

Thế Tôn ở tại Ba-la-nại, thì bấy giờ có năm Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật chúng con nên thọ trì loại bát nào? Đức Phật dạy:

- Cho phép thọ trì bát ca-la, bát xá-la.[55]

Bấy giờ, có Tỳ-kheo vào trong Tăng thọ thực mà không có bình bát. Đức Phật dạy:

- Vị ngồi cạnh nên cho. Nếu trong Tăng có hai loại bát này thì nên cho mượn.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bị rắn phun nọc độc trong bát, không rửa mà dùng để ăn. Ăn xong bị bệnh. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không nên không rửa bát mà đựng thức ăn để ăn. Cho phép, rửa bát rồi mới đựng đồ ăn.

2. Dao

Các Tỳ-kheo tóc dài. Phật cho phép cạo. Hoặc

---

[55] 55. Hai loại bát: ca-la 迦羅; xá-la 舍羅. Ngũ phần 26 (T22n1421 tr.170a02): Cho phép ba loại bát: Bát sắt 鐵, bát sành 瓦, bát tô-ma 蘇摩. Pāli, Vin. iii. 243, hai loại bát: Bát bát sắt và bát sành (dve pattā ayopatto mattikāpatto).

tự cạo, hoặc nhờ người cạo. Cần dao cạo, cho phép sắm. Có vị dùng vật báu làm cán dao. Đức Phật dạy, không được dùng vật báu. Cho phép, dùng đồng, thiếc để làm. Có vị để dao trần, khó cất giữ. Đức Phật cho phép làm bao dao. Có vị dùng vật báu để làm. Đức Phật dạy không được dùng vật báu để làm. Cho phép, dùng xương, ngà voi, đồng, sắt, bạch lạp, chì, thiếc, cỏ xá-la, trúc, tre, cây để làm. Có vị sợ khua động bao dao làm hư lưỡi dao, Phật cho dùng vật mịn để ngăn, như lông, như kíp bối, như da chó. Nếu sợ rơi, nên dùng sợi dây buộc dính lại. Nếu cầm nơi tay, khó giữ; nên dùng cái đãy để đựng. Đựng trong đãy bị rơi ra, nên dùng cái dây buộc miệng đãy lại. Nếu cầm đi, sợ rơi mất, nên dùng sợi dây buộc nơi vai.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo dùng dao. Dao bị cuốn lại. Cho phép mài [56] trên tay. Nếu vẫn cuốn, thì nên mài trên đá. Tay cầm đá, sợ mất; nên đựng trong túi dao. Nếu dao lụt, nên gọt.[57] Hoặc mình tự gọt hay nhờ người gọt. Có vị cần dao để gọt.[58] Đức Phật cho phép.

3. Râu-Tóc-Móng

Tỳ-kheo cạo tóc sợ tóc rơi trên y. Đức Phật cho phép sắm đồ để hứng tóc. Các Tỳ-kheo không biết

---

[56] Ma 磨; mài, ở đây hiểu là vuốt cho thẳng.

[57] Quát 刮, gọt; ở đây hiểu là mài.

[58] Dùng hai dao - gọt" nhau, liếc hay mài vào nhau.

làm như thế nào? Đức Phật cho phép bện bằng tre; hoặc uốn gỗ làm cái vành rồi cáng lá cây lên. Hoặc dùng một trong mười loại y để làm đồ hứng tóc. Có vị để đồ hứng tóc dưới đất nên khi để lên đầu gối để hứng, bùn, đất lang bẩn y. Phật dạy, không được làm như vậy. Cho phép dùng sợi dây buộc trên đầu cây trụ.

Tỳ-kheo lông mũi dài. Phật cho phép nhổ. Hoặc tự mình nhổ hay nhờ người nhổ. Có vị cần nhíp, Đức Phật cho phép sắm. Có vị dùng vật báu làm. Phật dạy, không được dùng vật báu làm mà nên dùng xương, ngà voi, đồng, sắt, bạch lạp, chì, thiếc để làm. Đầu nhíp bị sứt, nên bao bằng sắt. Cầm tay, khó giữ gìn, cho phép để trong bao của dao cạo tóc.

Móng tay của các Tỳ-kheo dài. Phật cho phép cắt. Hoặc tự mình cắt hay nhờ người cắt. Có vị cần dao để cắt móng tay, Phật cho phép sắm. Có vị dùng vật quý báu để làm. Phật dạy, không được dùng vật quý báu để làm. Cho phép dùng đồng hay sắt để làm. Cầm nơi tay, kho giữ. Phật cho phép dùng ống nhựa để đựng. Có vị dùng vật quý báu để làm ống. Phật dạy, không được dùng vật quý báu để làm mà nên dùng đồng, sắt, bạch lạp, chì, thiếc, tre hay cây để làm. Sợ trong ống rơi ra nên nhét miệng ống lại. Có vị dùng đồ quý báu để nhét. Phật dạy, không được dùng đồ quý mà nên dùng đồng, thiếc, bạch lạp, chì, kẻm, tre, cây để làm.

Nếu sợ để riêng một chỗ bị rơi mất thì nên để chung trong đãy của dao.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo móng tay dài, đến nhà bạch y. Tỳ-kheo này tướng mạo xinh đẹp, phụ nữ bạch y thấy liền để ý và nói với Tỳ-kheo rằng, tôi cùng thầy làm việc như vậy, như vậy. Tỳ-kheo nói, đại tỷ đừng nói như vậy. Pháp của chúng tôi không có việc ấy. Người phụ nữ nói, nếu thầy không làm theo lời của tôi, tôi sẽ tự lấy móng tay cào nơi mắt, nơi thân có thương tích, rồi khi chồng tôi về tôi nói là thầy bảo tôi làm việc như vậy, như vậy, tôi không chịu làm, thầy liền lấy móng tay cào nơi mặt, nơi thân tôi, thương tích đến như vậy. Tỳ-kheo nghe nói như vậy liền hoảng sợ, chạy vội vàng ra khỏi nhà. Trong khi Tỳ-kheo vừa chạy ra khỏi nhà thì người chồng cũng vừa từ ngoài về lại nhà. Người phụ nữ kia liền tự lấy móng tay cào vào thân vào mặt nói với người chồng rằng Tỳ-kheo bảo em làm việc như vậy, như vậy, em không đồng ý. Tỳ-kheo liền cào vào mặt vào thân em nên có thương tích như vậy. Người chồng liền đuổi theo bắt Tỳ-kheo và nói:

- Ông muốn phạm vợ tôi. Vợ tôi không đồng ý, ông cào vào mặt vào mình vợ tôi có thương tích, là sao?

Tỳ-kheo trả lời:

- Này cư sĩ, ông đừng nói như vậy. Pháp của

chúng tôi không có làm việc ấy.

Người chồng liền nói:

- Tại sao ông bảo tôi đừng nói như vậy? Móng tay của ông dài như vậy kia mà!

Nói xong, người chồng liền đánh Tỳ-kheo gần chết. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không nên để móng tay dài.

Nhóm sáu Tỳ-kheo cắt móng tay quá sát, khiến cho chảy máu. Phật dạy, không được cắt như vậy. Có vị cắt móng tay như hình bán nguyệt. Phật dạy, không được cắt như vậy. Có vị cắt móng tay nhọn trên đầu. Phật dạy, không được cắt như vậy. Có vị mài móng tay cho sáng. Phật dạy, không được mài như vậy. Có vị nhuộm móng tay thành màu sắc. Phật dạy, không được nhuộm như vậy. Đức Phật lại nói với các Tỳ-kheo:

- Các ông là những người ngu si, tránh những điều ta chế cấm này, để rồi làm bao nhiêu điều khác. Cho phép các Tỳ-kheo cắt móng tay vừa gần ngoài da.

Phật nói, dài nhất bằng hạt lúa là nên cắt.

Nhóm sáu Tỳ-kheo dùng kéo xén râu tóc. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị cạo tóc mà không cạo râu. Đức Phật dạy nên cạo cả râu tóc. Có vị cạo râu mà không cạo tóc. Đức Phật dạy nên cạo cả râu tóc. Có vị nhổ tóc, Phật dạy, không được nhổ. Có vị chừa tóc. Phật dạy, không được

để như vậy. Có vị vuốt râu mép cho cong lên. Phật dạy, không được vuốt như vậy.

- Các ông là những người ngu si, tránh những điều ta đã chế cấm này, để rồi làm bao nhiêu việc khác. Từ nay về sau, râu tóc nên cạo hết.

Các Tỳ-kheo không biết tóc dài bao nhiêu thì nên cạo. Đức Phật dạy dài nhất là hai ngón tay, hoặc hai tháng cạo một lần, đó gọi là dài nhất.

Nhóm sáu Tỳ-kheo chải râu tóc. Đức Phật dạy không nên chải như vậy. Có vị dùng dầu thoa vào tóc. Phật dạy, không được thoa như vậy.

Nhóm sáu Tỳ-kheo kẻ mí con mắt. Các cư sĩ thấy, cơ hiềm nói,

- Sa-môn Thích tử muốn nhiều không nhàm chán, mà tự xưng mình biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Giống như người bạch y! Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được kẻ mí mắt như vậy.

Các Tỳ-kheo bị bệnh mắt, Đức Phật cho phép nhỏ các loại thuốc.

4. Trang Sức

Nhóm sáu Tỳ-kheo dùng gương soi mặt hoặc soi mặt dưới nước, hay dùng vật mài cho có ánh sáng để soi mặt. Các cư sĩ thấy cơ hiềm, nói: Sa-môn Thích tử nhiều lòng ham muốn không biết nhàm chán, mà tự xưng là mình biết chánh pháp.

Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi soi gương giống như người bạch y? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không nên làm như vậy.

Có Tỳ-kheo bị mọc mụt nơi mặt, Đức Phật cho phép các Tỳ-kheo khác xức thuốc giùm. Nếu một mình ở trong phòng, Đức Phật cho phép dùng kiếng soi mặt để xức thuốc. Có Tỳ-kheo trau chuốt thân, trau chuốt tóc. Phật dạy, không được làm như vậy. Có Tỳ-kheo nhổ nước bọt vào mình rồi chà xát. Đức Phật dạy, không được làm như vậy.

Có vị tắm rửa nơi chỗ đất trống, các cư sĩ thấy, cơ hiềm nói: Sa-môn Thích tử ham muốn nhiều không nhàm chán, mà tự xưng là mình biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi tắm rửa nơi chỗ đất trống như bạch y! Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy, Không được tắm như vậy.

Có Tỳ-kheo nghĩ, tự đấm vào vai, vào cánh tay, cho nó nở to đẹp. Phật dạy, không được làm như vậy. Có Tỳ-kheo bôi hương vào mình cho thơm. Phật bảo, không được như vậy. Tỳ-kheo lo ngại thân mình hôi hám vì mồ hôi, Đức Phật cho phép dùng dao để nạo mồ hôi. Có vị dùng vật báu làm. Phật dạy, không được dùng vật báu để làm mà nên dùng xương, ngà voi, đồng, thiếc, sắt, kẽm, cỏ xá la, tre, cây để làm. Nhóm sáu Tỳ-kheo

làm dao nạo mồ hôi, cái đầu giống như dao cạo tóc, khi nạo mồ hôi, lông trong người cũng đứt luôn. Phật dạy, không được làm như vậy, cũng không nên cất chứa dao như vậy.

Có Tỳ-kheo bị bệnh ghẻ lở, dùng thuốc bột thô để rửa nên bị đau. Đức Phật dạy, cho phép dùng thuốc bột thứ mịn, hoặc là bùn mịn, hoặc lụa là, hoặc bông hay trái, tuỳ theo sự thích hợp với thân người bệnh, cho phép người rửa ghẻ dùng để trị các loại ghẻ, cho đến bệnh hôi mồ hôi.

Nhóm sáu Tỳ-kheo đeo hoa tai. Phật dạy, không được làm như vậy. Nhóm sáu Tỳ-kheo gắn hạt châu trên vành tai. Phật bảo, không được như vậy. Nhóm sáu Tỳ-kheo đeo khoen tai. Phật bảo, không được như vậy. Nhóm sáu Tỳ-kheo dùng lá đa-la, hoặc chì hoặc thiếc làm cái vòng căng lớn lỗ tai. Phật dạy, không được làm như vậy. Nhóm sáu Tỳ-kheo quấn thuỳ tai lại. Phật dạy, không được làm như vậy.

Có vị làm dây lưng bằng chì. Phật dạy, không được làm như vậy. Có vị đeo anh lạc quanh cổ. Phật dạy, không được đeo như vậy. Có vị đeo xuyến nơi tay chân. Phật dạy, không được đeo như vậy. Các vị kia đeo khoen [59] nơi ngón tay. Phật dạy, không được đeo như vậy. Có vị dùng chỉ năm màu buộc nơi nách, nơi lưng, nơi cánh tay. Phật

[59] Hoàn 環, khoen hay khâu, khác với nhẫn. Xem dưới.

dạy, không được buộc như vậy. Có vị đeo nhẫn.[60] Phật dạy, không được đeo như vậy.

5. Thần Biến Thị Đạo

Thế Tôn ở tại thành Vương xá. Bấy giờ, Lục sư ngoại đạo cùng đệ tử ở chung với nhau. Bất-lan Ca-diếp [61] cùng chín vạn đệ tử. Mạt-khư-la Cù-xa-la [62] cùng tám vạn đệ tử. Cứ như vậy giảm dần cho đến Ni-kiền Tử [63] cùng bốn vạn người. Khi ấy tại thành Vương xá, có trưởng giả là đệ tử của Lục sư nhận được một khúc gỗ chiên đàn, dùng làm cái bình bát đựng trong cái đãy bằng vật báu, treo lên cây trụ biểu cao trước sân, cùng với lời công bố: Nếu trong thành Vương xá này có Sa-môn, Bà-la-môn là A-la-hán có đại thần lực, thì cứ lấy chiếc bát này đi. Khi ấy Phú-lan [64] Ca-diếp đến chỗ ông trưởng giả nói:

- Tôi là A-la-hán có đại thần lực. Xứng đáng thọ trì chiếc bát cùng với đãy. Hãy lấy cho tôi.

Ông trưởng giả nói:

- Nếu ông là A-la-hán có đại thần lực thì tôi cho ông. Ông hãy lên mà lấy.

Vị kia muốn lấy nhưng không cách nào lấy được. Bấy giờ, Mạt-khư-la Cù-xa-la, A-di-đầu Xí-

---

[60] Chỉ ấn; Pāli angulimuddikā, như khâu hay khoen đeo nơi ngón tay, nhưng có hình tượng trưng làm tín vật.

[61] Bất-lan Ca-diếp. Xem Phần iii Ch. i & cht. 76.

[62] 62. Mạt-khư-la Cù-xa-la 末佉羅瞿奢羅. Các đoạn trước phiên âm là Mạt-khư-lê Cù-xa-li. Xem Phần iii Ch. i & cht. 76.

[63] Danh sách sáu tông sư ngoại đạo. Xem Phần iii Ch. i & cht. 76..

[64] Phú-lan 富蘭, trên kia âm là Bất-lan. Xem cht. 7.

xá-khâm-bà-la, Ba-cù Ca-chiên-diên, San-đâu Tỳ-la-tra Tử, Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử, đều đến chỗ trưởng giả nói:

- Tôi là A-la-hán có đại thần lực. Xứng đang thọ trì chiếc bát cùng với đãy. Hãy lấy cho tôi.

Ông trưởng giả nói:

- Nếu ông là A-la-hán có đại thần lực thì tôi cho ông. Ông hãy lên mà lấy.

Các vị kia muốn lấy mà không cách nào lấy được.

Bấy giờ, Tân-đầu-lô,[65] Đại Mục-liên, cùng ngồi trên một hòn đá lớn. Tân-đầu-lô nói với Mục-liên:

- Thầy là A-la-hán có thần túc, đã được Đức Thế Tôn thọ ký vào hạng nhất. Thầy có thể đến đó để lấy.

Mục-liên nói:

- Tôi chưa từng hiện thần túc trước người bạch y. Thầy cũng là A-la-hán có đại thần lực, đã được Đức Thế Tôn thọ ký cho là sư tử hống vào hàng tối thượng bậc nhất.[66] Thầy có thể đến đó lấy.

Khi Tân-đầu-lô nghe Mục-liên nói rồi, liền cùng với hòn đá vụt mình lên hư không, bay quanh thành Vương-xá bảy vòng. Người trong nước thấy, sợ đá rơi nên lấn nhau chạy trốn. Bấy giờ,

---

[65] Tân-đầu-lô 賓頭盧; Pāli, Vin. ii. 111, Pittola-Bhāradvāja.

[66] Cf. A. ii. 23. Cf. A-la-hán cụ đức kinh, T02, tr. 831.

ông trưởng giả kia từ trên lầu gác, nhìn thấy Tân-đầu-lô ở trên hư không, liền chắp tay kính lễ, thưa:

- Lấy chiếc bát đi, Tân-đầu-lô!

Tân-đầu-lô liền lấy chiếc bát. Ông trưởng giả lại nói:

- Xin dừng lại một chút, Tân-đầu-lô!

Tân-đầu-lô liền dừng lại một chút. Ông trưởng giả tự tay lấy bát và đựng đầy thức ăn ngon bổ dâng cho Tân-đầu-lô. Tân-đầu-lô nhận lại chiếc bát, trở lại dùng thần túc lực nương nơi hư không mà đi. Các Tỳ-kheo nghe chuyện, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Tân-đầu-lô: Sao lại hiện thần thông trước người bạch y? Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, biết mà vẫn hỏi Tân-đầu-lô:

- Thầy có hiện thần túc trước người bạch y không?

- Kính bạch Đức Thế Tôn! thật có.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Tân-đầu-lô:

- Thầy làm việc sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên

làm. Tại sao đối trước người bạch y mà hiện thần túc? Giống như dâm nữ vì nửa đồng tiền mà trình diện trước mọi người. Thầy cũng như vậy, vì chiếc bát bằng gỗ không đáng gì mà đối trước bạch y hiện thần túc. Phật dạy:

- Không nên đối trước bạch y hiện thần túc. Nếu hiện, phạm Đột-kiết-la. Tỳ-kheo không nên chứa cất bát bằng chiên-đàn. Nếu chứa thì sẽ trị như pháp.[67] Nếu nhận được bát đã làm thành thì nên phá ra chia cho các Tỳ-kheo làm thuốc trị mắt.

Bấy giờ, các ngoại đạo nghe Sa-môn Cù-đàm cấm các Tỳ-kheo không được hiện thần túc trước người bạch y. Bèn nghĩ, - Điều mà Sa-môn ấy cấm chế thì trọn đời không ai phạm. Nay chúng ta có thể đến chỗ họ nói: "Này Sa-môn Cù-đàm, các ông tự xưng là đắc A-la-hán, chúng tôi cũng là A-la-hán. Các ông tự xưng là có thần túc, chúng tôi cũng có thần túc. Các ông tự xưng là đại trí tuệ, chúng tôi cũng có đại trí tuệ. Nay chúng ta có thể cùng hiện thần lực, pháp thượng nhân. Nếu Sa-môn Cù-đàm hiện một pháp thượng nhân, thì chúng tôi sẽ hiện hai. Nếu hiện hai chúng tôi sẽ hiện bốn. Sa-môn Cù-đàm hiện bốn pháp thượng nhân, thì chúng tôi sẽ hiện tám. Nếu hiện tám thì chúng tôi sẽ hiện mười sáu. Nếu hiện mười sáu chúng tôi sẽ hiện ba mươi hai. Nếu hiện ba mươi

[67] Pāli, Vin.ii. 112: Na...dārupatto dhāretabbo. Yo dhāreyya, āpatti dukkanassa, - không được thọ trì bát gỗ. Ai thọ trì, phạm Đột-kiết-la.

hai chúng tôi sẽ hiện sáu mươi bốn. Nếu Sa-môn hiện tăng lên, chúng tôi cũng sẽ hiện tăng gấp đôi."

Các ngoại đạo đi khắp mọi nơi ở trong thành, tuyên truyền nói: Sa-môn Cù-đàm tự xưng là có thần lực, thì chúng tôi cũng có thần lực. Tự xưng có đại trí tuệ, thì chúng tôi cũng có đại trí tuệ. Nay chúng tôi muốn cùng Sa-môn Cù-đàm thi đấu hiện thần lực, pháp thượng nhân. Nếu Sa-môn Cù-đàm hiện một, chúng tôi sẽ hiện hai, tùy theo Sa-môn Cù-đàm hiện nhiều hay ít, chúng tôi cũng sẽ hiện gấp bội.[68]

Trong thành Vương xá có một chỗ đất bằng phẳng và rất rộng. Các trưởng giả đem nhiều hoa hương, anh lạc, kỹ nhạc, tràng phan, thức ăn, y phục, thuốc men, ngọa cụ đến cúng dường cho Bà-già-bà [69] của ngoại đạo tại đây. Bấy giờ, có trưởng giả nọ muốn lấy hoa để cúng dường ngoại đạo, đưa tay vào để lấy thì lại không lấy được. Muốn lấy hương anh lạc, tràng phan, kỹ nhạc, ẩm thực, y phục, thuốc men, ngọa cụ để cúng, bàn tay vừa đưa vào để lấy thì cũng không lấy được. Trong khi ấy, có vị trưởng giả kia muốn lấy hoa để cúng dường Phật thì đưa tay vào lấy không có gì trở ngại. Như vậy, tùy ý ông trưởng giả muốn lấy bất cứ thứ gì, cho đến thuốc men, ngọa cụ để cúng

[68] Xem Trường A-hàm 11, kinh 15 - A-nậu-di" (T01, tr.67c). Cf. D. 24. Pānikasutta.

[69] Bà-già-bà 婆伽婆, phiên âm (Pāli: Bhagavā), Thế Tôn.

cũng đều không trở ngại. Ông trưởng giả liền khởi ý nghĩ: Hy hữu thay! Thế Tôn có đại thần lực như vậy. Ông liền bạch Phật:

- Cúi xin Đức Thế Tôn cùng đại Tỳ-kheo Tăng nhận lời mời thọ thực của con vào ngày mai.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Ông trưởng giả biết Đức Thế Tôn im lặng nhận lời rồi, liền đến trước kính lễ sát chân Phật rồi cáo lui. Về đến nhà, trong đêm, chuẩn bị mọi thức ăn ngon bổ rồi, sáng ngày ông trưởng giả đến báo giờ. Đức Thế Tôn đắp y bưng bát cùng đại Tỳ-kheo Tăng một ngàn hai trăm năm mươi vị đến nhà ông trưởng giả. Khi Đức Thế Tôn bước đi, nơi dấu chân có đại thần lực khiến chư thiên trên hư không dùng hoa trời mạn-đà-la, hương chiên đàn, mạt hương, hoa ưu-bát-la, hoa bát-đầu-ma, hoa câu-mâu-đầu, hoa phân-đà-lợi rải nơi dấu chân Đức Phật và trổi kỹ nhạc cõi trời ca tụng tán thán Phật. Vị trưởng giả đi theo sau Đức Thế Tôn với ý nghĩ: Âm thanh này là từ dưới đất phát ra hay từ trên trời đưa lại? Trưởng giả ngửa nhìn lên hư không, từ xa thấy hoa trời mạn-đà-la cho đến hoa phân-đà-lợi, và kỹ nhạc cõi trời cũng từ trong hư không bèn nghĩ: Âm thanh này không phải từ dưới đất mà là từ trên không đưa lại. Đức Thế Tôn đến nhà ông trưởng giả, an tọa nơi chỗ ngồi.

Bấy giờ, các ngoại đạo nghe việc này, liền nghĩ: Ông trưởng giả này xưa nay thường cúng

dường cho chúng ta, nay tại sao lại thỉnh Phật và Tăng đến cúng dường? Chúng ta có thể đến khiến cho ông ta không đủ chỗ và thức ăn để thết đãi! Nghĩ xong các ngoại đạo liền cùng quyến thuộc đến nhà ông trưởng giả. Người giữ cửa thấy các ngoại đạo cùng quyến thuộc đến, liền vào thưa với ông trưởng giả:

- Thưa ông chủ, các ngoại đạo cùng quyến thuộc đến, cho vào hay không?

Ông trưởng giả nói: Đừng cho vào. Đức Phật bảo ông trưởng giả:

- Nên cho họ vào.

Ông trưởng giả bạch Phật:

- Ngoại đạo đông người. Chỗ nơi chật hẹp, sợ không dung hết. Đức Phật dạy:

- Cứ mời vào, nhường nhau thì đủ. Ông trưởng giả lại nói:

- Ngoại đạo đông người, chỗ ngồi có hạn, thức ăn có hạn, chỉ đủ cúng Phật và một ngàn hai trăm năm mươi vị Tăng, sợ không đủ.

Đức Phật nói với ông trưởng giả:

- Cứ mời vào. Nhường nhau thì thức ăn sẽ đủ.

Đức Thế Tôn dùng thần túc lực khiến cho mặt đất trở thành bằng phẳng, rộng lớn. Nhìn về phương Đông, vô số trăm ngàn tòa cao tự nhiên xuất hiện. Phương Nam, Tây, Bắc cũng lại như vậy. Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng một ngàn hai

trăm năm mươi Tỳ-kheo Tăng, cùng các ngoại đạo đều đủ chỗ ngồi. Ông trưởng giả trưng bày các thức ăn ngon bổ cúng dường Đức Phật, Tỳ-kheo Tăng và các ngoại đạo, tất cả đều đầy đủ. Phật ăn xong, cất bát. Ông trưởng giả lấy chiếc ghế thấp, ngồi trước Đức Phật. Đức Thế Tôn vì ông trưởng giả dùng vô số phương tiện nói pháp, giáo hóa, khiến được hoan hỷ. Nói pháp xong, Đức Phật từ chỗ ngồi cáo lui.

Bấy giờ các ngoại đạo cùng quyến thuộc đều đến chỗ vua Bình-sa, chắp tay trên đầu, nói:

- Cầu nguyện cho vua thường thắng. Rồi tâu:

- Sa-môn Cù-đàm tự nói là A-la-hán, chúng tôi cũng là A-la-hán. Sa-môn Cù-đàm tự nói có thần thông, chúng tôi cũng có thần thông. Sa-môn Cù-đàm tự xưng có đại trí tuệ, chúng tôi cũng có đại trí tuệ. Nay chúng tôi muốn cùng Sa-môn Cù-đàm thi đua về thần lực và pháp thượng nhân xem thử ai hơn. Nếu Sa-môn Cù Đam hiện một, chúng tôi sẽ hiện hai, cứ như vậy tùy Sa-môn Cù-đàm hiện nhiều hay ít, thì chúng tôi sẽ hiện gấp bội họ. Thưa đại vương, nay chúng tôi muốn cùng Sa-môn Cù-đàm thi đua về hiện thần lực và pháp thượng nhân.

Bấy giờ, vua Bình-sa đến chỗ Đức Phật, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên, đem sự việc vừa rồi bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn và thưa:

- Cúi xin Đức Thế Tôn cùng ngoại đạo thi đua về hiện thần lực và pháp thượng nhân. Đức Thế Tôn nói với vua:

- Thôi, đủ rồi! Như lai tự biết thời, Khi nào cần hiện thì sẽ hiện.

Hãy làm theo điều vua muốn. Sáng mai Như Lai sẽ ra đi.

Sáng ngày, Đức Thế Tôn cùng đại Tỳ-kheo chúng từ thành Vương-xá ra đi. Vua Bình-sa dùng năm trăm cổ xe chở các thức ăn ngon bổ theo sau Đức Thế Tôn. Các ngoại đạo nghe Đức Thế Tôn sáng sớm từ thành Vương-xá ra đi, liền nói:

- Sa-môn Cù-đàm không có thể cùng chúng ta thi đua thần thông nên đã ra đi.

Vua Bình-sa dùng năm trăm chiếc xe chở thức ăn ngon bổ là cho chúng ta chứ không phải là cho Sa-môn Cù-đàm. Nay chúng ta có thể đến chỗ mà Cù-đàm đi đến để nói với Cù-đàm cùng chúng ta thi thố thần lực và pháp thượng nhân.

Các ngoại đạo liền đi theo sau Đức Thế Tôn. Vua Bình-sa nghe Đức Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo sớm đã từ thành Vương-xá ra đi, vua cùng tám mươi bốn ngàn tùy tùng cũng đi theo sau Đức Thế Tôn. Phạm Thiên Vương, Thích Đề-hoàn Nhân, Tứ thiên vương, vô số chư thiên, trăm ngàn đại chúng cũng tùy tùng Đức Thế Tôn. Bấy giờ, Đức Thế Tôn đến thành

Ưu-thiền. Vua thành Ưu-thiền tên là Ba-la-thù-đề.[70] Các ngoại đạo nước Ma-kiệt, và các ngoại đạo thành Ưu-thiền, đều cùng đến chỗ vua Ba-la-thù-đề, chắp tay lên đầu, nói lời khen ngợi:

- Nguyện vua thường thắng. Nguyện xong nói:

- Sa-môn Cù-đàm tự xưng mình là A-la-hán, chúng tôi cũng là A-la-hán; tự xưng có thần lực, chúng tôi cũng có thần lực; tự xưng có đại trí tuệ, chúng tôi cũng có đại trí tuệ. Chúng tôi ở trong thành Vương-xá yêu cầu Cù-đàm cùng chúng tôi biểu diễn thần lực và pháp hơn người, mà Sa-môn Cù-đàm không thể cùng chúng tôi thi thố thần lực và pháp hơn người. Nay chúng tôi muốn cùng Cù-đàm thi thố thần lực và pháp hơn người. Nếu Sa-môn Cù-đàm hiện một, thì chúng tôi sẽ hiện hai. Cứ như vậy tùy Sa-môn Cù-đàm hiện nhiều hay ít, thì chúng tôi đều hiện gấp bội.

Vua Ba-la-thù-đề liền đến chỗ Đức Phật, đầu diện kính lễ sát chân rồi đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn:

- Lành thay! Đức Thế Tôn có thể cùng các ngoại đạo hiện thần lực và pháp hơn người?

Đức Thế Tôn nói với vua Ba-la-thù-đề:

- Thôi, đủ rồi! Như lai tự biết thời, Khi nào cần hiện thì sẽ hiện.

Hãy làm theo điều vua muốn. Sáng mai Như

---

[70] Xem Phần iii Ch. iv: Y, truyện Kỳ-bà.

Lai sẽ ra đi.

Sáng ngày, Đức Thế Tôn rời khỏi thành Ưu-thiền. Vua Ba-la-thù-đề dùng năm trăm cổ xe chở các thức ăn ngon bổ theo sau Đức Thế Tôn. Các ngoại đạo nghe Đức Thế Tôn ra đi, tuyên bố: Sa-môn Cù-đàm không thể cùng chúng ta biểu diễn thần lực và pháp hơn người nên mới bỏ đi. Vua dùng năm trăm chiếc xe để chở thức ăn cho chúng ta chứ không phải cho Cù-đàm. Chúng ta sẽ đến chỗ Cù-đàm định đến để cùng Cù-đàm biểu diễn thần lực và pháp hơn người. Họ liền đi theo sau Đức Thế Tôn.

Bấy giờ, vua Bình-sa nghe Đức Thế Tôn đã đi, liền cùng tám mươi bốn ngàn người, vua Ba-la-thù-đề cùng bảy mươi ngàn người, Thích, Phạm, Tứ thiên vương, chư thiên, đại chúng vô số trăm ngàn quyến thuộc vây quanh tùy tùng Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đến an trú trong vườn Cù-sư-la, nước Câu-thiểm-di. Bấy giờ, Ưu-đà-diên là vua. Các ngoại đạo nước Ma-kiệt, các ngoại đạo nước Ưu-thiền, và các ngoại đạo Câu-thiểm-di cùng đến chỗ vua Ưu-đà-diên chắp tay tới đầu khen:

- Nguyện vua thường thắng. Nguyện như vậy rồi nói:

- Sa-môn Cù-đàm tự xưng là A-la-hán, chúng tôi cũng là A-la-hán; tự xưng là có đại thần lực,

chúng tôi cũng có thần lực; tự xưng là có đại trí tuệ, chúng tôi cũng có đại trí tuệ. Khi Cù-đàm ở nước Ma-kiệt, nước Ưu-thiền, chúng tôi có yêu cầu cùng biểu diễn thần lực và pháp hơn người, mà Sa-môn Cù-đàm không thể cùng chúng tôi biểu diễn thần lực và pháp hơn người nên bỏ đi. Nay chúng tôi muốn cùng Sa-môn Cù-đàm biểu diễn thần lực và pháp hơn người. Nếu Sa-môn Cù-đàm hiện một, thì chúng tôi sẽ hiện hai, cứ như vậy tùy theo Sa-môn Cù-đàm hiện nhiều ít thì chúng tôi cũng hiện gấp bội.

Vua Ưu-đà-diên đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên trên bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn:

- Lành thay! Đức Thế Tôn, hãy cùng các ngoại đạo hiển hiện thần lực và pháp hơn người.

Đức Thế Tôn nói với vua:

- Thôi, đủ rồi! Như lai tự biết thời. Khi nào cần hiện thì sẽ hiện.

Hãy làm theo điều vua muốn. Sáng mai Như Lai sẽ ra đi.

Sáng sớm hôm sau Đức Như Lai ra đi. Bấy giờ, vua Ưu-đà-diên cùng năm trăm chiếc xe chở các thức ăn ngon bổ theo sau Đức Thế Tôn. Các ngoại đạo nghe Đức Thế Tôn đi liền nói: Sa-môn Cù-đàm không thể cùng chúng ta biểu diễn thần lực và pháp hơn người nên mới bỏ đi. Vua Ưu-đà-diên

chở thức ăn ngon bổ trên năm mươi cổ xe là vì chúng ta chứ không phải vì Cù-đàm. Nay chúng ta có thể đến chỗ mà Cù-đàm sẽ đến để biểu diễn thần lực và pháp hơn người. Họ liền đi theo sau Đức Như Lai.

Bấy giờ, vua Bình-sa cùng tám mươi bốn ngàn tùy tùng, vua Ưu-thiền cùng bảy mươi ngàn tùy tùng, vua Ưu-đà-diên cùng sáu mươi ngàn tùy tùng tiến bước sau Đức Thế Tôn, Thích, Phạm, Tứ thiên vương, vô số trăm ngàn chư thiên đại chúng tùy tùng sau Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đến an trụ trong vườn Ni-câu-luật, nước Ca-duy-la-vệ. Vua Phạm Thí nước Ca-duy-la-vệ là em khác mẹ với Đức Phật.[71] Các ngoại đạo nước Ma-kiệt, các ngoại đạo nước Ưu-thiền, các ngoại đạo nước Câu-thiểm-di, và các ngoại đạo nước Ca-duy-la-vệ cùng đến chỗ vua Phạm Thí, chắp tay lên đầu, nguyện vua thường thắng, rồi bạch với vua Phạm Thí:

- Sa-môn Cù-đàm tự xưng là A-la-hán, chúng tôi cũng là A-la-hán; tự xưng có đại thần lực, chúng tôi cũng có đại thần lực; tự xưng có đại trí tuệ, chúng tôi cũng có đại trí tuệ. Khi ở nước Ma-kiệt, nước Ưu-thiền, nước Câu-thiểm-di, chúng tôi cùng Sa-môn Cù-đàm thi thố thần lực và pháp hơn người. Sa-môn Cù-đàm không thể cùng chúng tôi

[71] Phạm Thí 梵施. Không thấy chỗ nào nói Ông này là em khác mẹ của Phật 佛異母弟.

thi thố thần lực và pháp hơn người nên bỏ đi. Nay chúng tôi muốn cùng Sa-môn Cù-đàm biểu hiện thần lực và pháp hơn người. Nếu Sa-môn Cù-đàm biểu hiện một thì chúng tôi sẽ biểu hiện hai. Cứ như thế tùy theo Sa-môn Cù-đàm biểu hiện nhiều hay ít thì chúng tôi cũng sẽ biểu hiện gấp bội.

Vua Phạm Thí đến chỗ Đức Phật, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

- Cúi xin Đức Thế Tôn biểu hiện thần lực và pháp hơn người. Đức Phật nói với vua:

- Thôi, đủ rồi! Như lai tự biết thời, Khi nào cần hiện thì sẽ hiện. Hãy làm theo điều vua muốn. Sáng mai Như Lai sẽ ra đi khỏi Ca-duy-la-vệ.

Sáng sớm hôm sau, Đức Thế Tôn ra đi. Vua Phạm Thí liền dùng năm trăm cổ xe chở các thức ăn đi theo Đức Thế Tôn. Các ngoại đạo nghe Đức Thế Tôn ra đi, bèn nói: Sa-môn Cù-đàm không thể cùng chúng ta biểu hiện thần lực và pháp hơn người nên mới bỏ chúng ta ra đi. Vua Phạm Thí chở năm trăm chiếc xe thức ăn là vì chúng ta chứ không phải vì Sa-môn Cù-đàm. Nay chúng ta nên đến chỗ Cù-đàm sẽ đến nói với Cù-đàm cùng chúng ta biểu hiện thần lực và pháp hơn người. Các ngoại đạo liền cùng quyến thuộc đi theo sau Đức Thế Tôn.

Vua Bình-sa nghe Đức Phật đã đi liền cùng tám mươi bốn ngàn tùy tùng, vua Ba-la-thù-đề

cùng bảy mươi ngàn tùy tùng, vua Ưu-đà-diên cùng sáu mươi ngàn tùy tùng, vua Phạm Thí cùng năm trăm tùy tùng theo sau Đức Thế Tôn, Thích, Phạm, Tứ thiên vương cùng các quyến thuộc vô số trăm ngàn người theo sau Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn từ nước Ca-duy-la-vệ du hành nhân gian đến an trụ trong vườn Kỳ-hoàn nước Xá-vệ. Bấy giờ, vua nước Xá-vệ là Ba-tư-nặc. Các ngoại đạo nước Ma-kiệt-đà, các ngoại đạo nước Ưu-thiền, các ngoại đạo Câu-thiểm-di, các ngoại đạo Ca-duy-la-vệ, và các ngoại đạo nước Xá-vệ cùng đến chỗ vua Ba-tư-nặc chắp tay lên đầu, bạch:

- Cầu nguyện vua thường thắng. Cầu nguyện xong, nói:

- Sa-môn Cù-đàm tự xưng là A-la-hán, chúng tôi cũng là A-la-hán; tự xưng là có đại thần lực, chúng tôi cũng có đại thần lực; tự xưng có đại trí tuệ, chúng tôi cũng có đại trí tuệ. Khi Cù-đàm ở nước Ma-kiệt, thành Ưu-thiền, Câu-thiểm-di, nước Ca-duy-la-vệ chúng tôi muốn cùng Cù-đàm biểu hiện thần lực và pháp hơn người, mà Cù-đàm không thể cùng chúng tôi biểu hiện thần lực và pháp hơn người nên bỏ đi. Nay chúng tôi muốn cùng Sa-môn Cù-đàm biểu hiện thần lực và pháp hơn người. Nếu Sa-môn Cù-đàm biểu hiện một thì chúng tôi biểu hiện hai. Cứ như vậy tùy theo sự biểu hiện nhiều hay ít của Sa-môn Cù-đàm mà

chúng tôi biểu hiện gấp bội.

Vua Ba-tư-nặc đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên trên bạch đầy đủ với Đức Thế Tôn:

- Lành thay, Đức Thế Tôn! Cúi xin ngài biểu hiện thần lực và pháp hơn người. Đức Phật bảo vua:

- Thôi, đủ rồi! Như Lai tự biết thời, Khi nào cần hiện thì sẽ hiện. Vào tháng chạp, trong mười lăm ngày, từ mồng một cho đến rằm, Như Lai sẽ hiện thần lực và pháp thượng nhân. Đại vương nếu muốn xem Như Lai hiện thần lực và pháp thượng nhân thì đến xem.[72]

Bấy giờ, tại nước Xá-vệ có một khu đất đặc biệt bằng phẳng rộng rãi, Đức Thế Tôn đến đó trải chỗ ngồi an tọa.[73] Phạm thiên vương để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chắp tay bạch Đức Thế Tôn:

- Con sẽ trải một tòa cao cho Thế Tôn. Đức Phật bảo Phạm vương:

- Thôi, được rồi. Như Lai tự biết thời.

Trời Đế Thích, Tứ thiên vương, vua Bình-sa, vua Ba-la-thù-đề, vua Ưu-đà-diên, vua Phạm Thí, vua Ba-tư-nặc, Mạt-lợi phu nhân, trưởng giả Lê-sư-đạt-đa, Phú-la-na, tất cả đều nói:

---

[72] Chi tiết toàn câu chuyện gần với truyện Ymka-pānihāriya trong sớ giải Pháp cú, Pāli, DhA. iii. 204; cũng được kể trong sớ giải Trường bộ DA. i. 57.

[73] Truyện kể Pāli: Gốc xoài Gattamba tại cổng thành Xá-vệ.

- Con sẽ trải một tòa cao cho Thế Tôn. Đức Phật bảo:

- Thôi, được rồi. Như Lai tự biết thời.

Bấy giờ, các cư sĩ có lòng tin đối với ngoại đạo, vì ngoại đạo thiết lập trăm ngàn chỗ ngồi cao có giá trị. Những người có lòng tin ưa, cung kính cúng dường Đức Thế Tôn theo thứ tự, từ ngày một cho đến ngày thứ mười lăm.

Bấy giờ Đức Thế Tôn xoay mặt nhìn về phương Đông, tức thì có vô số trăm ngàn chỗ tòa cao tự nhiên xuất hiện. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng lại như vậy. Ngay chính giữa có tòa sư tử cao bằng bảy báu tự nhiên xuất hiện. Như Lai an tọa trên đó. Bấy giờ các đại chúng đều an tọa nơi chỗ ngồi. Theo thứ tự, vị đàn-việt cúng dường ngày hôm ấy dâng cây dương chi lên Đức Phật. Thế Tôn nhận và xỉa răng xong, bỏ cây tăm phía sau lưng liền thành cây đại thọ,[74] gốc nhánh cành lá sum suê. Đại chúng thấy thần lực của Đức Thế Tôn như vậy rất hoan hỷ, được pháp vị tằng hữu, tâm yểm ly phát sinh. Đức Thế Tôn biết đại chúng được pháp vị tằng hữu, sinh tâm yếm ly liền vì họ dùng vô số phương tiện nói các pháp, khiến cho được hoan hỷ. Bấy giờ, ngay trên chỗ ngồi, trăm ngàn người xa lìa trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch. Đây là ngày đầu Đức Thế Tôn thị

[74] Truyện kể Pāli: vì Phật cho biết trước sẽ ngồi dưới gốc xoài Gattamba, nên ngoại đạo đã cho đốn mất.

hiện thần lực biến hóa.

Ngày thứ hai, cây kia trổ hoa, sắc hương đầy đủ. Hoa của cây rơi xuống khắp nơi. Đại chúng gom lại cho đến đầu gối. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và cả đại chúng đều ngửi được mùi hương của hoa này. Đại chúng thấy thần lực biến hóa của Thế Tôn như vậy đều rất hoan hỷ, được pháp vị tằng hữu, tâm yểm ly phát sinh. Đức Thế Tôn biết đại chúng được pháp vị tằng hữu, tâm yểm ly phát sinh, liền vì họ dùng vô số phương tiện nói các bài pháp khiến họ được hoan hỷ. Bấy giờ, trên chỗ ngồi, vô số trăm ngàn người xa trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch. Đây là ngày thứ hai Đức Thế Tôn thị hiện thần lực biến hóa.

Ngày thứ ba, trái của cây chín và tiết ra mùi thơm. Trái của cây không đợi rung, tự rơi xuống đất mà không bị hư. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và đại chúng đều cùng thọ thực. Dân chúng thấy thần lực biến hóa của Đức Thế Tôn như vậy rất hoan hỷ, được pháp vị tằng hữu, tâm yểm ly phát sinh. Đức Thế Tôn quán sát biết đại chúng được pháp vị tằng hữu, tâm yểm ly phát sinh, liền vì họ nói pháp, cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch như trên. Đây là ngày thứ ba Đức Thế Tôn thị hiện thần lực biến hóa.

Bấy giờ có đàn-việt theo thứ tự cúng dường, vào ngày thứ tư dâng nước cho Đức Thế Tôn. Thế

Tôn lấy một vốc nước đổ xuống chỗ đất phía trước. Do thần lực của Phật, liền thành một cái ao lớn. Nước trong sạch không có bợn nhơ. Người uống trừ được bệnh. Có các tạp hoa ưu-bát-la, bát-đầu-ma, câu-mâu-đầu, phân-đà-lợi; các loài chim khác lạ: chim le le, nhạn, uyên ương, các loài ba ba, rùa, cá trạnh, các loài thủy tộc làm vật trang nghiêm cho cái ao lớn ấy. Đại chúng thấy thần lực biến hóa của Đức Thế Tôn như vậy rất hoan hỷ, được pháp vị tằng hữu, tâm yểm ly phát sinh. Đức Thế Tôn quán sát biết đại chúng được pháp vị tằng hữu, tâm yểm ly phát sinh, liền vì họ nói pháp, cho đến được con mắt pháp trong sạch như trên. Đây là ngày thứ tư Đức Như Lai thị hiện biến hóa như vậy.

Đến ngày thứ năm, bốn phía của cái ao đều chảy ra một con sông. Dòng nước chảy thẳng không uốn cong, yên lặng không có sóng. Các loại hoa kỳ lạ đều trang nghiêm cho các con sông. Dòng nước của bốn con sông tạo thành tiếng pháp, tất cả các hành đều là vô thường, khổ, không, tất cả các pháp đều vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh. Đại chúng thấy thần lực biến hóa của Đức Thế Tôn như vậy rất hoan hỷ, được pháp vị tằng hữu, tâm yểm ly phát sinh. Đức Thế Tôn quan sát biết đại chúng nhận được pháp vị tằng hữu, tâm yểm ly phát sinh, liền vì họ nói pháp, cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch, như trên. Đây là ngày

thứ năm Đức Thế Tôn thị hiện biến hóa thần lực.

Ngày thứ sáu, Đức Thế Tôn hóa đại chúng đều như nhau không có sự sai khác. Đại chúng thấy Đức Thế Tôn dùng thần lực biến hóa như vậy đều rất hoan hỷ, được pháp vị tằng hữu, tâm yểm ly phát sinh.

Đức Thế Tôn quan sát biết đại chúng được pháp vị tằng hữu, tâm yểm ly phát sinh liền vì họ nói pháp, cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch như trên. Đây là ngày thứ sáu Đức Thế Tôn thị hiện biến hóa như vậy. Ngày thứ bảy Đức Thế Tôn ở trên không trung vì đại chúng nói pháp, chỉ nghe tiếng nói của Đức Như Lai mà không thấy hình Như Lai. Đại chúng thấy thần lực biến hóa của Đức Thế Tôn như vậy rất hoan hỷ, thấy được những việc chưa từng có, tâm yểm ly phát sinh. Đức Thế Tôn quán sát biết đại chúng coi việc đó là chưa từng có, tâm yểm ly phát sinh, liền vì họ nói pháp cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch như trên.

Ngày thứ tám, các cư sĩ tin theo ngoại đạo sai người thưa với các ngoại đạo: Các ngài có biết chăng, Sa-môn Cù-đàm đã hiện thần lực, nay đã tám ngày, sao các Ngài không đến?

Thật sự họ muốn đến mà không đến được. Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Giả sử dùng sợi dây da thật bền chắn buộc

thân của Bất-lan Ca-diếp vào con bò cho nó kéo, khiến dây đứt, cả thân thể rã; nếu không bỏ kiến giải của mình mà cố chấp luận nghị, thì không thể đến chỗ ta được. Cho đến Ni-kiền Tử v.v... cũng như vậy.

Bấy giờ, Phạm Thiên vương bảo Thiên đế Thích:

- Các ngoại đạo tự nói họ bằng với Đức Thế Tôn, mà nay họ không thể đến để cùng Đức Thế Tôn giác đấu thần lực được. Chúng ta hãy phá các cao tòa kia.

Thiên đế Thích bảo Tứ thiên vương:

- Các ngoại đạo tự nói họ bằng với Đức Thế Tôn, mà nay họ không thể đến để cùng Đức Thế Tôn giác đấu thần lực được. Chúng ta hãy phá các cao tòa kia.

Tứ Thiên vương liền gọi thần gió, thần làm mây, thần làm mưa, thần sấm sét đến bảo:

- Các ngoại đạo tự nói họ bằng với Đức Thế Tôn, mà nay họ không thể đến để cùng Đức Thế Tôn giác đấu thần lực được. Chúng ta hãy phá các cao tòa kia, khiến cho tiêu tan, không còn dấu vết gì nữa.

Bấy giờ, thần gió v.v... nghe Tứ Thiên vương dạy như vậy rồi, liền phá các cao tòa của ngoại đạo khiến không còn bất cứ dấu vết nào. Bấy giờ các ngoại đạo bị mưa to gió lớn thổi ướt dầm dề, liền

trốn vào trong hang động, cây cỏ rừng rú.

Có ngoại đạo lõa hình, ngoại đạo Tư-ni,[75] Ba-lê Tử Ba-tư-bà-xà-già,[76] lấy một cục đá lớn buộc vào cổ, tự trầm mình xuống hố sâu. Đại chúng thấy thần lực biến hóa của Đức Thế Tôn đều rất vui mừng, đắc pháp vị tằng hữu, tâm yểm ly phát sinh. Đức Thế Tôn liền vì họ nói pháp, cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch như trước. Đây là ngày thứ tám Đức Thế Tôn thị hiện biến hóa như vậy.

Ngày thứ chín Đức Thế Tôn ở trên đảnh Tu-di vì đại chúng nói pháp mà chỉ nghe tiếng chứ không thấy hình. Đại chúng thấy sự biến hóa của Đức Thế Tôn như vậy rất hoan hỷ, đắc pháp vị tằng hữu, tâm yểm ly của họ phát sinh. Đức Thế Tôn liền vì họ nói pháp, cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch như trên. Đây là ngày thứ chín Đức Thế Tôn thị hiện biến hóa.

Ngày thứ mười Đức Thế Tôn nói pháp ở trên cõi Phạm thiên, đại chúng chỉ nghe tiếng nói mà không thấy hình. Đại chúng thấy Đức Thế Tôn biến hóa như vậy đều rất hoan hỷ, đắc pháp vị tằng hữu, tâm yểm ly phát sinh. Đức Thế Tôn vì họ nói pháp, cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch, như trên. Đây là ngày thứ mười Đức Thế Tôn thị

---

[75] 75. Tư-ni 斯尼. Chỉ lõa hình Seniya được đề cập trong kinh Kukkuravatika, M. 387, Pāli. Theo đó, ông này sau theo Phật xuất gia và chứng quả A-la-hán. Hán tạng không có kinh tương đương.

[76] Ba-lê Tử Ba-tư-bà-xà-già 波梨子波私婆闍伽. Có lẽ phiên âm từ Skt. parivrājaka (Pāli: Paribbājaka), chỉ ngoại đạo xuất gia, hay ngoại đạo phổ hành, du sĩ ngoại đạo.

hiện biến hóa.

Ngày thứ mười một, Đức Thế Tôn ở trong đại chúng thị hiện thần túc biến hóa [77] một thân thành nhiều thân, nhiều thân thành một thân, lúc thì ở sát bên, lúc thì ở xa không thấy, hoặc tuy chướng ngại do tường đá ngăn che ở gần núi, nhưng thân Phật xuyên qua không có gì trở ngại; du hành nơi không trung như con chim liệng quanh; ra vào nơi đất như nước; đi trên sóng nước như đi trên đất liền; thân tuôn ra khói lửa bốc cháy như đống lửa lớn; tay sờ mặt trời, mặt trăng; thân cao cho đến Phạm Thiên.[78] Đại chúng thấy Đức Thế Tôn biến hóa như vậy rất hoan hỷ, đạt được pháp chưa từng có, tâm yếm ly phát sinh. Đức Thế Tôn liền vì họ nói pháp, cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch như trên. Đây là ngày thứ mười một Đức Thế Tôn thị hiện thần túc biến hóa như vậy.

Ngày thứ mười hai, Đức Thế Tôn ở trong đại chúng tâm niệm nói pháp:[79] nên nghĩ như thế này, không nên nghĩ như thế này; nên tư duy thế này, không nên tư duy như thế này; nên đoạn cái này, nên tu hành pháp môn này. Đại chúng thấy Đức Thế Tôn dùng thần túc biến hóa như vậy, rất vui mừng, đạt được những việc chưa từng có, phát

---

[77] Đây chỉ thần biến thị đạo. Xem Phần iii Ch.i, truyện Uất-bệ-la & cht. 107, 108.

[78] Pāli gọi đây là yamaka-pānihāriya, thần biến thị hiện song đối. Tức hiện từng cặp hiện tượng đối lập. Như vừa bốc lửa vừa trào nước. Duy chỉ Phật, không có Đại Thanh văn nào hiện được thần biến này.

[79] Ở đây Phật hiện ký tâm thị đạo. Xem Phần ii Ch.i truyện Uất-bệ-la & cht. 107, 109 trên. Skt. ādeśanā (Pāli: ādesanā): đọc ý nghĩ của người khác (Hán: ký tâm). Bản Hán hiểu là - thuyết pháp.

sinh tâm yểm ly. Đức Thế Tôn liền vì họ nói pháp, cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch như trên. Đây là ngày thứ mười hai Đức Phật thị hiện thần túc biến hóa như vậy.

Ngày thứ mười ba, Đức Thế Tôn vì đại chúng nói pháp giáo thọ.

Ngài dạy:[80]

- Tất cả đang bị bốc cháy. Cái gì mà nói là tất cả đang bị bốc cháy? Mắt đang bị bốc cháy. Sắc đang bị bốc cháy. Thức của mắt đang bị bốc cháy. Xúc của mắt đang bị bốc cháy. Các cảm thọ khổ, lạc, phi khổ phi lạc phát sinh do nhân duyên xúc của mắt, đang bị bốc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bởi lửa dục, lửa nhuế, lửa si. Sao gọi là đang bốc cháy? Đang bốc cháy vì sinh, già, bệnh, chết, sầu ưu, khổ não đều đang bốc cháy. Ta nói đây là chỗ sinh ra khổ. Cho đến ý cũng vậy. Tất cả đều đang bốc cháy.

Đại chúng nghe Đức Thế Tôn nói pháp giáo hóa như vậy đều rất hoan hỷ, cho là việc chưa từng có. Đức Phật liền vì họ nói pháp cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch, như trên. Đây là ngày thứ mười ba Đức Như Lai biến hóa như vậy.

Ngày thứ mười bốn, theo thứ tự, người đàn-việt cúng dường, rút một đóa hoa dâng lên Đức Thế Tôn. Thế Tôn ngửi xong, ném vào hư không.

---

[80] Phật hiện giáo giới thị đạo, thứ ba trong ba thị đạo. Xem Phần iii Ch.i truyện Uất-bệ-la & 107, 108, 109 trên.

Do thần lực của Đức Phật liền biến thành một vạn bốn ngàn lầu các đài hoa. Trong những lầu các đài hoa này, tất cả đều có tòa Phật ngồi, hai bên Đức Phật có Thiên đế Thích và Phạm thiên vương chắp tay kính lễ, nói kệ:

Kính lễ đấng Nhân vương [81]
Bậc đại nhân vô thượng.
Tất cả không thể biết
Thế Tôn trú thiền nào.

Đại chúng thấy thần lực Đức Thế Tôn biến hóa như vậy đều rất vui mừng, được pháp chưa từng có. Đức Thế Tôn liền vì họ nói pháp, cho đến đạt được con mắt pháp trong sạch như trên.

Bấy giờ vua Bình-sa nước Ma-kiệt, theo thứ tự, ngày thứ mười lăm thiết lễ cúng dường. Trong đêm, sửa soạn các thức ăn. Sáng ngày, dùng các thức ăn ngon bổ cúng dường Đức Phật và chúng Tăng. Vua Ba-la-thù-đề, Ưu-đà-diên, Phạm Thí, Ba-tư-nặc, Mạt-lợi phu nhân, trưởng giả Lê-sư-đạt-đa, Phú-lan-na, tất cả đại chúng đều cúng dường đầy đủ. Phật ăn xong, cất bát, xả bát. Vua Bình-sa lấy một chiếc ghế thấp ngồi trước Đức Phật. Khi Đức Thế Tôn buông bàn chân ra không ngồi kiết-già nữa, chân vừa đụng nơi bàn thì quả đất sáu lần rung động với mười tám hiện tượng rung động. Dưới bàn chân của Đức Thế Tôn có

[81] Nguyên Hán: Trượng phu vương 丈夫王.

luân tướng xuất hiện. Dấu bánh xe nghìn căm dưới bàn chân của Thế Tôn hiện lên, ánh sáng chiếu soi, từ bánh xe tỏa ra ánh sáng khắp ba ngàn đại thiên quốc độ.

6. Thiên Bức Luân

Vua Ma-kiệt thấy dấu bánh xe dưới chân Đức Thế Tôn như vậy liền từ chỗ ngồi đứng dậy để trống vai bên phải, chân bên phải chấm đất, bạch Đức Thế Tôn:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, trước kia làm phước đức gì mà dưới bàn chân có tướng bánh xe ngàn căm hoa, có ánh sáng chiếu soi khắp ba ngàn đại thiên quốc độ như vậy?

Đức Phật bảo vua Bình-sa:

Xa xưa về đời quá khứ, có vua tên là Lợi Ích Chúng Sinh, làm vua cõi Diêm-phù-đề. Bấy giờ, quốc độ Diêm-phù-đề phong phú, nhân dân no ấm khoái lạc. Có tám mươi bốn ngàn thành ấp, xóm làng có năm mươi lăm ức cơ sở. Vua Lợi Ích Chúng Sinh ngự tại thành tên là Huệ Quang, Đông Tây mười hai do-diên, Nam Bắc bảy do diên. Thành kia rộng lớn, nhân dân no ấm, của cải dồi dào, trang sức khoái lạc. Đệ nhất phu nhân tự là Huệ Sự, không có con. Vì để cầu con, Phu nhân kính lễ các loại trời thần, thần sông, thần ao, trời Mãn thiện, trời Bảo thiện, thần Mặt trời, thần Mặt trăng, Đế Thích, Phạm Thiên vương, thần đất,

nước, gió, lửa, thần Ma-hê-thủ-la thiên tử, thần vườn, thần rừng, thần đường sá, thần quỷ tử mẫu, các thần của xóm làng. Cúng dường khắp nơi để cầu nguyện cho có con. Sau đó một thời gian, Đệ nhất phu nhân có thai. Người nữ này khi mang thai có ba món trí tuệ: Biết người nam có dục ý, biết được khi có thai, biết từ đâu mà có được thọ thai. Khi ấy phu nhân liền đến chỗ vua thưa:

- Vua biết chăng, nay thiếp đã có thai. Vua nói:

- Tốt lắm!

Vua liền cung cấp cho Phu nhân thêm đồ ăn thức uống, y phục, thuốc men, ngọa cụ thuộc loại tối thượng, tất cả các thứ cần dùng đều gia tăng gấp bội. Mười tháng trôi qua, phu nhân sinh một bé trai, tướng mạo xinh đẹp. Ngày hài nhi chào đời, cũng là ngày tám mươi bốn ngàn thành có tám mươi bốn ngàn mỏ quý tự nhiên xuất hiện. Nơi mỏ bạc thì cây bằng bạc xuất hiện, gốc nhánh cành lá đều bằng bạch ngân. Chỗ nào mỏ vàng thì cây bằng vàng xuất hiện, gốc nhánh cành lá đều bằng vàng. Chỗ nào mỏ lưu ly, pha lê, xích, chân châu, mã não, xa cừ cũng đều như vậy.

Bấy giờ theo pháp luật của nước, trẻ nít mới sinh hoặc cha mẹ đặt tên, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn đặt tên. Vua Lợi ích Chúng Sinh nghĩ: Khỏi phải nhờ Sa-môn, Bà-la-môn đặt tên. Mẹ của hài nhi này tên là Huệ Sự. Nay ta nên đặt tên cho hài nhi

là Huệ Đăng. Vua đặt tên hài nhi là Huệ Đăng.

Lúc này, vua giao hài nhi cho bốn bà mẹ chăm nuôi. Một bà lo về thân thể, bà thứ hai lo về tắm giặt, bà thứ ba lo về bú sữa, bà thứ bốn lo về vui chơi. Bà lo về thân thể là lo việc chăm nom hình vóc tất cả các việc. Bà lo về tắm giặt thì lo tắm hài nhi và giặt y phục cho hài nhi. Bà lo về việc bú sữa thì lo về việc bú sữa, sú cơm. Bà lo về việc vui chơi thì vương tử nếu ở chỗ voi, ngựa, xe cộ du hý hay hoa hương bảo vật, các loại vui chơi phải phục vụ đầy đủ, cầm cây lộng khổng tước đi sau, giúp vui cho Vương tử, khiến cho được khoái lạc. Đức Thế Tôn nói kệ:

Tất cả phải tiêu vong
Ở cao, rồi phải rụng
Đã sinh tất phải chết
Có mạng đều vô thường.
Chúng sinh chìm cõi
Hữu Tất cả đều hữu vi
Tất cả các thế gian
Nào ai không già chết.
Đây lẽ thường ở đời
Sinh, sinh, đều phải chết
Tùy theo nghiệp đã tạo
Tội phước có quả báo. Á
c nghiệp đọa địa ngục
Thiện nghiệp sinh lên trời C
ao hành sinh thiện đạo

Đặng vô lậu Niết-bàn.

Khi vua Lợi Ích Chúng Sinh mạng chung, Vương tử tám, chín tuổi. Bà mẹ cho học các kỹ nghệ, thư họa, toán số, hý tiếu, ca vũ, kỹ nhạc, cỡi voi, ngựa, xe cộ, bắn cung một cách dũng kiện, và mau chóng. Đối với tất cả các kỹ nghệ, Vương tử đều tinh thông lão luyện. Đến tuổi mười bốn, mười lăm, quần thần đến chỗ Vương tử thưa:

- Vương tử có biết chăng, vua đã mệnh chung. Nay Vương tử nên đăng vương vị, làm vua, thi hành giáo lệnh.

Vương tử trả lời:

- Nay tôi không thể làm vua và thi hành giáo lệnh của vua được. Tại sao vậy? Đời trước tôi đã từng làm vua sáu năm. Do nhân duyên ấy mà tôi đã phải đọa vào địa ngục sáu ngàn năm. Cho nên nay tôi không thể làm vua, và thi hành giáo lệnh của vua được.

Quần thần nói:

- Có phương tiện nào để Vương tử có thể làm vua, thi hành giáo lệnh của vua hay không?

Vương tử trả lời:

- Có.

Quần thần hỏi, phương tiện đó là gì? Vương tử nói:

- Nếu có thể nói với kẻ nam người nữ trong cõi Diêm-phù-đề này phụng hành thập thiện không sát

sinh, cho đến không tà kiến, thì tôi có thể làm vua.

Quần thần nghe Vương tử dạy như vậy rồi, liền sai sứ công bố rao truyền khắp bốn phương như sau: Nhân dân biết chăng? vua Lợi Ích Chúng Sinh đã mệnh chung. Vương tử Huệ Đăng theo thứ tự là phải làm vua. Nhưng Vương tử nói, Ta không làm vua. Cho đến khi nào kẻ nam người nữ trong Diêm-phù-đề đều phụng hành thập thiện không sát sinh, cho đến không tà kiến, khi ấy ta sẽ làm vua. Quốc dân nghe công bố như vậy, tất cả đều tu hành thập thiện không sát sinh, cho đến không tà kiến. Quần thần liền đến chỗ vương tử Huệ Đăng thưa:

- Vương tử biết chăng? Kẻ nam người nữ trong Diêm-phù-đề này họ đều tự nói: Sẽ phụng hành thập thiện không sát sinh, cho đến không tà kiến. Nay Vương tử có thể đăng Vương vị thi hành giáo lệnh của vua. Vương tử nói:

- Lấy lụa đem đến đây!

Quần thần liền đem lụa bạch tốt nhất đến. Vương tử tự quấn trên đảnh và tuyên bố:

- Thời gian như vậy, có vị quốc chủ như vậy, có tốt đẹp không? Quần thần trả lời:

- Rất tốt.

Khi ấy quần thần tâu với vua:

- Khi vua mới sinh, có tám mươi bốn ngàn mỏ quý tự nhiên xuất hiện. Nay hãy đem nhập vào vào kho của vua.

Vua nói:

- Cần gì phải nhập vào kho. Hãy đem đến đầu các ngã tư mà bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo thiếu, cô đơn, già cả. Họ cần gì đều bố thí cho một cách đầy đủ.

Các đại thần nghe vua Huệ Đăng dạy như vậy rồi, liền ngay nơi tám mươi bốn ngàn thành, chỗ nào có mỏ quý, đều lấy mang đến các đầu ngã tư trong các cửa thành, sự bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo khổ, cô đơn, già nua. Họ cần chi đều bố thí cho đầy đủ.

Bấy giờ, Thiên đế Thích có ý nghĩ, vua Huệ Đăng ngay nơi tám mươi bốn ngàn thành, chỗ nào có mỏ quý, đều lấy mang đến các đầu ngã tư trong các cửa thành, sự bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo khổ, cô đơn, già nua. Họ cần gì đều bố thí cho đầy đủ. Có thể việc làm này sẽ chiếm đoạt ngôi vị của ta. Nhưng nay ta có thể đến thử xem vua Huệ Đăng vì Vô thượng đạo làm việc bố thí có thối chuyển hay không? Thiên đế Thích liền hóa làm một người đàn ông, nói với mọi người: Vua Huệ Đăng dạy chúng ta phụng hành thập ác, sát sinh cho đến tà kiến. Bấy giờ, các đại thần liền đến chỗ vua thưa:

- Sự thật vua có dạy quốc dân phụng hành thập ác, sát sinh cho đến tà kiến hay không?

Vua trả lời:

- Không! Tại sao vậy? Trước đây ta đã nói, ta không làm vua nếu quốc dân không phụng hành thập thiện, không sát sinh, cho đến không tà kiến. Do đó nay ta đã làm vua thì ta đâu có nói những lời như vậy. Nay các khanh cần trang nghiêm xa giá, ta muốn tự mình đi giáo hóa quốc dân.[82]

Bấy giờ, Thiên đế Thích nghĩ: Ta không nên để vua đi bằng chiếc xe thường của thế gian. Bèn thắng cỗ xe voi trời. Voi trời có sáu ngà. Ngà nào cũng vậm vỡ. Xe để ngay bên ngoài cửa. Vua Huệ Đăng thấy xa giá bằng voi như vậy, hỏi các đại thần:

- Voi này của ai? Các đại thần thưa:

- Không biết là voi của ai. Đây chắc là loại voi của vua, chứ chẳng phải là người thường có được. Vua có thể xử dụng.

Vua liền xử dụng. Vua bảo:

- Hãy đi chỉ cho ta người nào nói: Ta dạy nhân dân phụng hành thập ác. Người kia liền chỉ vua. Vua liền hỏi:

- Vua Huệ Đăng có dạy ngươi hành thập ác không? Người ấy trả lời:

- Có.

Vua lại hỏi:

- Có phương tiện nào để ngươi hành thập thiện không? Người kia nói:

---

[82] Hết quyển 51.

- Có. Vua hỏi:

- Đó là gì? Người kia nói:

- Nếu có ai đã thành tựu Bồ-tát, cho tôi được ăn sống người ấy, ăn thịt, uống máu người ấy; tôi mới hành thập thiện.

Bấy giờ, vua Huệ Đăng khởi ý nghĩ:

- Từ đời vô thỉ đến nay, ta đã trải qua các cái khổ luân chuyển trong năm đường; hoặc bị chặt tay, chặt chân, xẻo mũi tai, móc mắt, chặt đầu, rốt cuộc nào có lợi ích gì?

Nghĩ như vậy xong, vua liền lấy dao bén tự xẻo thịt nơi đùi vế mình, dùng đồ đựng máu đưa cho người kia và nói:

- Này nam tử, ngươi hãy ăn thịt và uống máu này, rồi phụng hành thập thiện.

Người đàn ông kia không kham nổi oai đức của vua Huệ Đăng, nên liền biến mất, bỗng nhiên Thiên đế Thích đứng trước mặt, hỏi vua:

- Nay vua bố thí vì một thiên hạ, hay vì hai, ba bốn thiên hạ? Vì Mặt Trời, Mặt Trăng, Thiên đế Thích, Ma vương, Phạm vương hay chăng? Vua trả lời:

- Tôi bố thí không vì một thiên hạ, hay hai, ba, bốn thiên hạ, cho đến Ma, Phạm vương. Tôi làm việc bố thí với ý nghĩ như vầy: Muốn cầu Vô thượng chánh chân Nhất thiết trí, độ người chưa độ, giải thoát người chưa giải thoát, người chưa

được Niết-bàn khiến được Niết-bàn, độ sinh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não. Vì tất cả như vậy.

Bấy giờ, Thiên đế Thích liền nghĩ: Nay ta để vua Huệ Đăng phải chết vì vết thương này thì thật không thích đáng. Thiên đế Thích liền dùng nước cam lồ của trời nhễu vào nơi vết thương. Vết thương liền bình phục lại như cũ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Vua Lợi Ích Chúng Sinh đâu phải ai khác, mà là Phụ vương Bạch Tịnh vậy. Đệ nhất phu nhân, nay là mẹ Ma-da. Vua Huệ Đăng, chính là thân Ta đây. Đời trước, Ta đã giáo hóa vô số kẻ nam người nữ nơi cõi Diêm-phù-đề này phụng hành thập thiện, không sát sinh, cho đến không tà kiến. Do nhân duyên như vậy, cho nên dưới bàn chân của ta có dấu bánh xe nghìn căm, ánh sáng chiếu soi ba ngàn đại thiên quốc độ.

Đại chúng thấy Đức Thế Tôn có thần lực biến hóa như vậy, đều rất vui mừng, được pháp chưa từng có, tâm yểm ly phát sinh. Đức Thế Tôn quán sát đại chúng đều hoan hỷ, tâm yểm ly phát sinh, nên dùng vô số phương tiện nói pháp, khiến cho trăm ngàn người, ngay nơi chỗ ngồi xa trần cấu, đạt được con mắt pháp trong sạch. Đây là ngày thứ mười lăm Đức Thế Tôn biến hóa.

7. Các Loại Bát Cấm

Thế Tôn ở tại thành Vương xá. Bấy giờ vua

Bình-sa cho phép các Tỳ-kheo tự do ra vào trong cung. Vua đặt người nơi chỗ khuất để nghe các Tỳ-kheo có nói gì thì bẩm báo lại. Nơi cung các kia dùng gỗ thi-xa-bà [83] quý giá làm cây trụ. Các Tỳ-kheo thấy, nói:

- Gỗ quý giá này thay vì dùng làm cây trụ, nếu dùng làm bình bát cho Tỳ-kheo thì hay biết mấy.

Cung nhân ở chỗ khuất nghe như vậy, liền đến tâu với vua. Vua liền ra lệnh thay cây trụ mới, lấy gỗ ấy làm bình bát, đem cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không dám nhận, nói: Đức Phật chưa cho phép chúng tôi nhận bình bát bằng gỗ thi-xa-bà. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

- Không được (952a1) chứa bình bát bằng gỗ. Đây là pháp của ngoại đạo. Nếu chứa, sẽ như pháp trị.

Vua Bình-sa dùng bình bát bằng đá, dâng cúng các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không nhận và nói:

- Đức Phật chưa cho phép chúng tôi dùng bính bát bằng đá. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được dùng loại bát này. Đây là bát theo pháp của Như Lai. Nếu dùng thì phạm Thâu-lan-giá.

Vua Bình-sa làm bát bằng vàng cúng cho Tỳ-

---

[83] 83. Thi-xa-bà 尸婆. Pāli: sisapā, cũng phiên âm là thân-thứ. Không có từ điển nào chỉ rõ là cây gì. Cây thường mọc thành rừng. Nhiều kinh được Phật giảng trong các rừng sisapā.

kheo. Tỳ-kheo không nhận và nói:

- Đức Thế Tôn chưa cho chúng tôi xử dụng bát bằng vàng. Các vị ấy bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Tỳ-kheo không nên cất chứa bát bằng vàng. Đây là pháp của bạch y. Nếu cất chứa sẽ như pháp trị.

Vua Bình-sa lại làm bình bát bằng bạc, bằng lưu ly, bằng vật báu, bằng tạp bảo để cúng cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không nhận và nói:

- Đức Phật chưa cho chúng tôi chứa cất các loại bình bát như vậy.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không nên chứa các loại bát đó. Đây là pháp của bạch y.

Nếu chứa sẽ trị phạt như pháp.

Thế Tôn ở tại nước Bà-già-đề. Tỳ-kheo người Bạt-xà ở Tỳ-xá-ly [84] dùng chiếc bình bát bằng vàng. Đức Phật dạy:

- Không được dùng.

Có vị lại dùng bát bằng bạc, bằng lưu ly, bằng vật báu, bằng tạp bảo. Đức Phật dạy:

- Không được dùng. Đức Phật quở:

- Các ông là những người ngu si, tránh dùng cái Ta chế cấm lại dùng các thứ khác. Từ nay về

---

[84] Tỳ-xá-ly Bạt-xà tử 毘舍離跋闍子. Bạt-xà (Pāli: Vajjī) đương thời là một bộ tộc lớn có nhiều nhánh, trong đó hai nhánh chính là Li-xa (Pāli: Licchavī) và Tỳ-đề-ha (Pāli: Vedehā) Tỳ-xá-ly (Pāli: Vesāli) là thủ phủ của nhánh Licchavī. Trong tạng Pāli, có một Tỳ-kheo tên là Vajjiputta (Bạt-xà Tử). Sau khi Phật Niết-bàn, chính nhờ nghe một bài kệ từ Tỳ-kheo này mà A-nan chứng quả A-la-hán.

sau, tất cả các loại bát làm bằng vật báu không nên dùng. Nếu dùng sẽ như pháp trị.

Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Các Lê-xa [85] nhận được chiếc bát ma-ni rất có giá trị, dùng bột hương chiên đàn đựng đầy bát, đem dâng cúng Đức Thế Tôn thưa:

- Bạch Đại đức, xin Ngài từ mẫn nhận chiếc bát ma-ni này. Đức Phật nói với các Lê-xa:

- Ta không dùng chiếc bát này. Lê-xa lại bạch:

- Cúi xin Ngài từ mẫn nhận bột hương chiên đàn. Đức Thế Tôn thọ nhận.

Các Lê-xa nghĩ: Nên đem chiếc bát này cúng cho ai? Có người nói nên cho Bất-lan Ca-diếp. Có người nói nên cho Mạt-khư-la Cù-xá- la, A-di-đầu Sí-xá-khâm-bà-la. Có người nói nên cho Ba-hưu Ca-chiên- diên. Có người nói nên cho San-nhã Tỳ-la-tra Tử. Có người nói nên cho Ni-kiền Na-da Tử.[86] Có người nói nên cho Tát-giá Ni-kiền Tử.[87] Vị kia liền đem bát cho Tát-giá Ni-kiền Tử.

Bấy giờ, Tát-giá Ni-kiền Tử nghe, các Lê-xa Tỳ-xá-ly đem các bát ma-ni rất quí giá này cúng cho Sa-môn Cù-đàm không nhận, sau đó mới đem cúng cho mình, do lòng kiêu mạn, cống cao, tật

---

[85] Lê-xa 梨奢, những người Licchavī. Xem cht. 27 trên.

[86] Ni-kiền Na-da Tử 尼犍那耶子. Các đoạn trên cũng phiên âm là Ni-kiền(-đà) Nhã-đề Tử. Cũng gọi là Ni-kiền Tử.

[87] Tát-giá Ni-kiền Tử 薩遮尼犍子. Tên một người theo phái Ni-kiền Tử. Có hai kinh quan trọng nói về vô ngã Phật giảng cho ông này. Xem, Trung A-hàm 5, kinh 110 - Tát-giá, Tăng Nhất 30, No 125(37.10), và một kinh thuộc Đại thừa, Đại Tát-giá Ni-kiền Tử sở thuyết kinh, No.272. Pāli, có hai kinh, M. 35. Mahā-Saccaka-sutta, M. 34. Cūna-Saccaka-sutta.

đố, giận dữ không vui, không tự kềm chế nên thốt lên lời hung dữ:

- Giả sử các ngươi cắt lưỡi của các Lê-xa đựng đầy bát, rồi sẽ nhận.

Các Lê-xa nghĩ:

- Tát-giá Ni-kiền Tử muốn làm tổn hại đến dòng họ chúng ta. Họ dùng một cục đá đánh chết. Tát-giá muốn tự liệu lý để rút lại lời nói dữ trước đó, nhưng các Lê-xa không chịu nghe, vẫn đánh chết. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu được lời, thì sự việc được cởi mở. Đức Phật dạy:

- Có năm pháp khiến cho lời nói có thể tự nêu rõ lý, không bị chê trách, khiến cho người kia hoan hỷ, sau khỏi hối hận. Năm pháp ấy là gì? Nói điều thiện chứ không nói điều bất thiện. Nói như pháp chứ không nói điều không như pháp. Nói lời êm dịu chứ không nói lời không êm dịu. Nói lời chân thật chứ không nói điều hư dối. Nói điều lợi ích chứ không nói điều không lợi ích. Có năm pháp này thì khiến cho lời nói có thể tự nêu rõ lý, không bị chê trách, khiến cho người kia hoan hỷ, sau khỏi hối hận.

Phật liền nói kệ:

Ai nói thiện thì thắng
Nói pháp không phi pháp
Ái ngữ; chân thật ngữ

Lợi ích không tổn hại.
Đối với người khéo nói
Khiến mình không nhiệt não
Không xâm phạm người khác
Như vậy là khéo nói.
Khéo nói với ái ngữ
Không bị người kia trách
Khi nói, lời thân thương
Các ác không tập hợp.
Chí thành nói cam lồ
Nói thật là tối thượng
Chân thật như Phật pháp
Thì trụ nơi Niết-bàn.
Pháp do Đức Phật nói
An ổn đến Niết-bàn
Dứt hết các gốc khổ
Khéo nói, đây là nhất.

Vua Bình-sa cúng bát sắt cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không nhận và nói:

- Đức Phật chưa cho phép chúng tôi dùng bát bằng sắt. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép dùng bát bằng sắt.

8. Xông Bát-Nung Bát

1. Bấy giờ, có người làm đồ sắt xuất gia, muốn làm bình bát cho các Tỳ-kheo. Bạch Phật. Phật cho phép làm. Người ấy cần lò, Đức Phật cho phép xây lò. Người ấy cần búa và kềm, Đức Phật cho

phép. Người ấy cần ống bệ. Phật cho phép. Người đó cần hòn đá mài, Phật cho phép. Vị đó cần con lăn, Đức Phật cho phép. Sợ con lăn, và các vật dụng khác rơi rớt, Đức Phật cho phép làm cái đãy để đựng, rồi treo trên cây trụ, trên cây long nha.

Vị kia cất chứa bát không xông nên bị bẩn và hôi. Phật cho phép xông. Vị đó không biết xông bằng cách nào. Phật cho phép dùng cái chõ, hay cái ghè để làm lò. Dùng các loại bùn để thoa. Dùng hột hạnh nhân, hột gai thoa bên trong. Lấy tro trải lên đất cho bằng, làm chỗ xông bát. Đặt chân chống, rồi để bát lên. Rồi úp lò lên bát. Lấy tro phủ bốn bên, lấy tay ém cho chắc. Lấy củi hoặc phân bò chất xung quanh đốt. Nên xông bát như vậy.

2. Thế Tôn du hành nhân gian tại nước Tô-ma.[88] Khi ấy có người thợ lò gốm có lòng tin. Đức Thế Tôn chỉ chỗ đất bùn và nói:

- Lấy đất chỗ này mà làm. Nhồi như vậy. Phơi như vậy. Làm bùn như vậy. Trộn đều như vậy. Làm thành cái bát như vậy. Xoa chà như vậy. phơi khô như vậy rồi, làm cái lò cho chắc, để cái bát vào trong. Đậy nắp lại, thoa bùn phủ lên trên. Dùng cây khư-la-đà,[89] hoặc cây táo, hoặc dùng

---

[88] Tô-ma 蘇摩. Trường A-hàm 15 nói là một trong các dòng họ lớn. Trung A-hàm 55 liệt kê vào một trong 16 đại quốc thời Phật. Trong liệt kê này, có 2 nước không đồng nhất với Pāli. Hán: Bạt-la và Tô-ma. Pāli: Gandhāra và Kamboja. Chưa có tài liệu xác định rõ vị trí của Tô- ma.

[89] Khư-la-đà 佉羅陀; có lẽ phiêm âm từ khadira (Pāli, Skt.), một loại cây cho gỗ cứng (ccia Catechu).

cây thi-xa-bà,[90] cây a-ma-lặc,[91] chất xung quanh rồi đốt. Người kia theo thứ tự làm theo lời Phật dạy, thành loại bát Tô-ma [92] khác lạ, quý giá, rất tốt, đem cúng cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không nhận và nói:

- Đức Phật chưa cho phép chúng tôi xử dụng loại bát như vậy. Các vị ấy bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép chứa dùng.

9. Trì Bát

1. Thế Tôn ở tại thôn Ưu-già-la.[93] Khi ấy có các Tỳ-kheo nhận được bát Ưu-già-la,[94] không dám thọ trì và nói:

- Đức Phật chưa cho phép chúng ta xử dụng loại bát như vậy. Các vị ấy bạch Phật. Đức Phật cho phép thọ trì.

Thế Tôn ở tại Ưu-già-xa.[95] Các Tỳ-kheo nhận được loại bát Ưu- già-xa, không dám thọ trì và nói:

- Đức Phật chưa cho phép chúng ta thọ trì loại bát này. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép thọ trì.

Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Các Tỳ-kheo nhận

---

[90] Xem cht. 26 trên.

[91] A-ma-lặc 阿摩勒; phiên âm từ Skt. āmra (Pāli: amba): cây xoài.

[92] Tô-ma bát 蘇摩; xem cht. 1 trên.

[93] Ưu-già-la 優伽羅. Pāli: Ugga (Skr. Ugra), thị trấn trong nước Kosala.

[94] Ưu-già-la bát 優伽羅; bát sản xuất tại Ưu-già-la, xem cht. 36 trên.

[95] Ưu-già-xa 優伽; chưa rõ địa danh này.

được bát đen, không dám thọ trì và nói:

- Đức Phật chưa cho chúng ta thọ trì loại bát này. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép thọ trì.

Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Có các Tỳ-kheo nhận được loại bát đỏ, không dám thọ trì, nói:

- Đức Thế Tôn chưa cho chúng ta dùng loại bát như vậy. Các vị ấy bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép thọ trì.

2. Có sáu loại bát: Bát bằng sắt, bát tô-ma, bát ưu-già-la, bát ưu-già-xa, bát đen, bát đỏ. Các thứ bát này chia thành hai loại: Bát bằng sắt và bát bằng sành. Một thứ đựng được một đấu rưỡi, một thứ đựng ba đấu. Hai loại bát này nên thọ trì.

3. Có vị máng bát nơi viên ngói sắp rơi. Đức Phật dạy: Không nên để như vậy.

Có vị để bình bát trên hòn đá sắp rơi. Đức Phật dạy: Không nên để như vậy.

Có vị để bát trên dàn gác. Đức Phật dạy: Không nên để như vậy. Có vị để bát giữa đường. Đức Phật dạy: Không nên để như vậy. Có vị để bát trên đá. Đức Phật dạy: Không nên để như vậy.

Có vị để bát dưới gốc cây có trái. Đức Phật dạy: Không nên để như vậy.

Có vị để bát nơi chỗ đất không bằng, Đức Phật bảo: Không nên để như vậy.

Có vị một tay cầm hai cái bát. Đức Phật dạy:

Không nên cầm như vậy. Trừ phi để ngón tay ở giữa.

Có vị một tay cầm hai cái bát mà mở cửa. Đức Phật dạy: Không nên như vậy. Trừ có dụng tâm.

Có vị để bát sau cánh cửa.

Đức Phật dạy: Không nên để như vậy.

Có vị để bát trước cánh cửa.

Đức Phật dạy: Không nên để như vậy.

Có vị để bát ở dưới giường dây, giường cây.

Đức Phật dạy: Không nên để như vậy.

Có vị để bát ở giữa các giường cây, giường giây.

Đức Phật dạy: Không nên để như vậy. Trừ trường hợp để tạm trong chốc lát.

Có vị để bát đầu góc giường giây, giường cây. Đức Phật dạy: Không nên để như vậy, trừ để tạm trong chốc lát.

Có vị đứng rửa bát; bát rơi vỡ. Đức Phật dạy: Không nên đứng rửa như vậy.

Có vị cố ý làm cho bát bị vỡ để xin bát mới. Đức Phật dạy: Không nên làm như vậy.

Có vị để đồ dư trong bát. Đức Phật dạy: Trong bát không được để bất cứ vật gì.

Có vị vẽ giây nho, hình bông sen trong bát. Đức Phật dạy: Không nên vẽ như vậy.

Có vị làm chữ vạn [96] trong bát. Đức Phật dạy:

Không nên làm như vậy.

Có vị viết tên của mình trong bát. Đức Phật dạy:

Không nên viết như vậy.

Có vị quấn bốn phía bát, chừa miệng.

Đức Phật dạy: Không nên làm như vậy.

Có vị quấn hết cả cái bát.

Đức Phật dạy: Không nên bao như vậy.

Nên bao quấn hai phần, chừa lại một phần.

Nếu có lủng lỗ nhỏ mà nhiều chỗ thì nên bao hết.

Có vị để bát dưới đất, bị hư xông. Đức Phật dạy:

- Không nên để như vậy, nên dùng nước bùn rưới đất rồi mới để. Nếu vẫn bị hư xông, nên để trên lá trên cỏ. Nếu vẫn bị hư xông, nên làm cái chân bát. Nếu vẫn bị hư xông,[97] dùng vật bao dưới đáy.[98]

Có vị dùng vật báu bao dưới đáy. Đức Phật dạy:

- Không được dùng vật quý, mà nên dùng chì hay thiếc để làm. Vị kia sợ bát rơi đổ. Đức Phật dạy:

---

[96] Vạn tự 萬字.

[97] Hoại huân 壞熏, bị rỉ sét, hay bị ăn mòn. Vin.ii. 112: Pattamūla ghasiyati, đáy bát bị ăn mòn.

[98] Pāli, ibid., pattamattala, đế tròn của bát.

- Nếu sợ rơi đổ, nên dùng nhựa cây hay sáp (gắn vào đế).

Có vị không rửa bát mà đem cất, Tỳ-kheo khác thấy gớm. Đức Phật dạy:

- Không nên như vậy. Nên rửa rồi mới cất.

Có vị không dùng tháo đậu để rửa nên không sạch. Đức Phật dạy:

- Không nên rửa như vậy. Nên dùng tháo đậu, hoặc đất, hoặc tro, hay phân bò, hoặc bùn để rửa.

Có vị dùng phân bò có trộn cát để rửa nên bát bị hỏng. Đức Phật dạy:

- Không nên rửa như vậy. Nên dùng đồ đựng nước ngâm phân bò, để lóng cát, rồi dùng để rửa. Hoặc dùng bột mịn, bùn mịn, hoặc lá, hoặc bông hay trái để rửa cho sạch. Nếu bát có lỗ, bị thức ăn nhét vào trong đó, thì nên cạy ra. Nếu cạy ra bát bị vỡ. Chỗ nào cạy được thì cạy. Chỗ nào không cạy được thì thôi, không sao.

Có vị rửa bát chưa khô mà đem cất, sinh ra cáu bẩn. Đức Phật dạy:

- Không nên như vậy. Nên để cho khô rồi mới cất.

Cầm bát nơi tay, khó giữ. Phật cho phép may cái đãy để đựng.

Miệng đãy không buộc, bát rơi ra. Phật cho phép buộc lại. Xách đãy đựng bát trên tay, khó giữ. Phật bảo nên dùng cái giây đai mang trên vai.

Có Tỳ-kheo kẹp bát dưới nách, miệng bát quay vào hông. Trên đường đi, gặp mưa, bị trượt chân té xuống đất, bình bát cấn hông, bị đau. Đức Phật dạy:

- Không nên mang bát như vậy. Nên để miệng bát hướng ra ngoài.

Bát Tô-ma trong đãy, lấy ra để vô khó khăn, bị vỡ. Đức Phật dạy:

- Nên làm cái hòm hay cái rương để đựng.

Có vị dùng vật quý báu làm cái hòm cái rương. Đức Phật dạy:

- Không được dùng vật quý báu mà làm. Nên dùng cỏ xá-la, hoặc cây tre để làm. Nếu bát bị đụng nhau thì dùng cỏ hay lá cây, hoặc một trong mười loại y để lót. Nếu bát rơi ra miệng hòm; Phật bảo, nên làm cái nắp đậy lại. Có vị, dùng vật quý báu làm cái nắp. Đức Phật dạy, Không được dùng vật quý báu làm nắp. Nên dùng cỏ xá-la, hoặc tre hay cây mà làm. Nếu nơi để bát không chắc thì nên dùng giây đai máng vào móc long nha.[99]

10. Tịnh Quả

Thế Tôn ở tại thành Vương xá. Vua Bình-sa cho phép các Tỳ- kheo tự do ra vào trong vườn xoài.[100] Nhóm sáu Tỳ-kheo đến chỗ người giữ

---

[99] Long nha dặc 龍牙杙; Thập tụng, Nghĩa Tịnh: Tượng nha. Pāli nāgadanta, răng rồng, cái móc làm bằng ngà voi, gắn vào vách, để treo đồ.

[100] Am-bà viên 菴婆羅園.

vườn nói:

- Tôi cần xoài.

Người giữ vườn liền hái xoài cho. Nhóm sáu lại đòi hỏi nữa. Người giữ vườn lại cũng hái xoài cho. Nhóm sáu cứ đòi hỏi như vậy cho đến vườn xoài hết cả trái. Sau đó, vua cần xoài, ra lệnh quan tả hữu hái xoài. Các quan thừa lệnh đến chỗ người giữ vườn bảo hái xoài. Người giữ vườn báo cáo là xoài hết rồi. Các quan hỏi tại sao hết? Người giữ vườn thưa là:

- Sa-môn Thích tử ăn hết. Đại thần liền hiềm trách:

- Sa-môn Thích tử không biết yểm túc, nhiều ham muốn mà tự nói mình biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Người thí tuy không nhàm chán, người nhận phải biết đủ chứ. Tại sao ăn hết vườn xoài của vua? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không nên ăn xoài.[101]

Các Tỳ-kheo khất thực nhận được nước xoài. Phật cho phép dùng. Có vị nhận được trái xoài nấu chín, Phật cho phép dùng. Có vị nhận được nước tương xoài,[102] Đức Phật cho phép. Nếu chưa thành rượu thì cho phép uống vào lúc phi thời. Thành

---

[101] Pāli, Vin.ii. 109: Phật nói, các Tỳ-kheo không được ăn quả xoài (amba). Ai ăn, phạm Đột- kiết-la. Sau đó quy định thêm: chỉ được phép ăn sau khi đã tác tịnh bằng một trong năm cách. Xem thên cht. 49 dưới.

[102] Am-bà quả tương 菴婆羅果漿; nước tương xoài hay ngâm xoài, để lâu có thể lên men thành rượu. Pāli: sūpe ambapesika, vỏ xoài bỏ trong nước thịt (súp thịt).

rượu rồi, không được uống. Nếu uống sẽ như pháp trị.

Sau đó một thời gian, xoài chín mùi, Tôn giả A-nan muốn ăn, đến chỗ Đức Phật, đầu diện kính lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

- Xoài trên cây đã chín mùi.

Đức Phật dùng nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, vì các Tỳ- kheo tùy thuận nói pháp, Ngài dùng vô số phương tiện khen ngợi hạnh đầu-đà đoan nghiêm thiểu dục tri túc, có trí huệ và bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay về sau cho phép ăn xoài.[103]

11. Câu-Chấp

Thế Tôn ở tại Câu-thiểm-di, thì khi ấy Nhóm sáu Tỳ-kheo khoác trái câu-chấp [104] để dọa nhau, chọc ghẹo nhau. Các cư sĩ thấy cơ hiềm: Sa-môn Thích tử không biết yểm túc, mà tự xưng là tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi khoác trái câu-chấp để dọa nhau, chọc ghẹo nhau, như đại thần của vua? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được khoác lộn trái câu-chấp, cũng không được dọa nhau,[105] chọc ghẹo nhau.

---

[103] Ngũ phần 26 (T22n1421 tr.171a12), Vin. ii. 109, ăn được sau khi đã tác tịnh, một trong năm cách. Xem, Phần iii, Ch. vii Thuốc, cht. 110.

[104] Câu chấp 拘執. Nhũ phần 26 (T22n1421 tr.171b16): câu nhiếp 拘攝. - Bạt-nan-đà khoác lộn trái câu-nhiếp, đi 4 chân trong tối, dọa các Tỳ-kheo. Pāli, Vin. i. 281, kojava áo choàng hay chăn bằng lông dê.

[105] Tỳ-kheo, Ba-dật-đề 55: không được dọa Tỳ-kheo khác.

Tỳ-kheo bệnh, đắp câu-chấp, mặt có lông vào trong. Lông bên trong dính nơi mụt ghẻ, bị đau. Phật dạy:

- Nên mặc cái áo lót. Nếu sợ nóng thì nên lộn trái câu-chấp rồi quàng cà-sa phủ lên trên.

12. Khâu Y

Có Tỳ-kheo y bị rách. Phật bảo, nên vá lại. Vị ấy không biết vá như thế nào. Đức Phật dạy: Lấy chỉ khâu lại, hay may chập lại. Nếu có lỗ, lấy đồ đắp lên. Lỗ rách lớn, miếng đắp nhỏ, khiến y bị chúm lại. Đức Phật dạy: Không nên vá như vậy. Lớn, nhỏ, tùy theo lỗ rách, rộng ra hai ngón tay, rồi vá. Khi vá sợ y bị chúm lại, nên dùng đá đè bốn góc. Nếu vẫn bị chúm, cắm cọc bốn góc để căng ra. Nếu nó vẫn co lại thì nên làm cái khung đẻ căng ra. Các vị ấy không biết cách làm. Đức Phật dạy: Nên dùng gỗ mà làm.

Có vị cần giây để căng. Phật cho phép dùng giây căng ra để vá.

Các vị ấy không biết dùng cái gì để vá. Phật cho phép dùng lông chim, hoặc cái trâm để vá. Nếu y mỏng, nhuyễn bị rách thì dùng kim để vá. Có vị dùng vật quý báu làm kim. Đức Phật dạy: Không được dùng như vậy. Nên dùng đồng hay thép để làm.

Khi vá y, tay bị đau, Đức Phật cho phép làm cái đê. Có vị dùng vật quý báu làm đê. Đức Phật

dạy: Không nên làm như vậy. Nên dùng đồng, sắt, xương, ngà, sừng, chì, thiếc, bạch lạp, cây, hồ giao để làm.

Khi vị kia vá y, sợ cong, Phật cho phép dùng giây mực khiến cho thẳng. Có vị cần chỉ tơ, Phật cho phép dùng. Có vị muốn nhuộm chỉ để may y, cần đá vôi, đất đỏ, đất trắng, màu huỳnh, tất cả đều được Phật cho phép dùng. Nếu không định được điểm giữa, nên dùng thước để đo. Có vị dùng vật quý báu làm thước đo. Đức Phật dạy: Không được dùng vật quý báu để làm. Nên dùng đồng sắt cho đến cây để làm.

Có vị trương y chấm đất. Khi vá, y dính bụi bẩn. Phật dạy: Cho phép dùng nước tưới đất cho hết bụi rồi mới trương ra.

Có vị khi vá y kim bị đụng đất, hư kim. Đức Phật dạy: Không nên làm như vậy.

Có vị trải y trên cỏ xa-bà-la [106] để vá, cỏ dính vào y. Đức Phật dạy: Không nên làm như vậy. Có vị trải y trên cỏ, trên lá để vá. Cỏ lá dính vào y. Đức Phật (954a1) dạy: Không nên trải như vậy. Nên dùng một trong mười loại y hoặc y-lê-điên-đà, mạo-la, mạo-mạo-la, mạo-lâu, trải lên trên đó để vá.

Tỳ-kheo kia sợ giây, chỉ, kim, dao... các dụng cụ để vá y lạc mất, Phật cho phép làm cái đãy để

[106] Xa-bà-la thảo 婆羅草.

đựng.

Có vị không tháo y ra khỏi cái khung căng, bị mưa ướt. Đức Phật dạy: Nên tháo ra. Các vị ấy không biết tháo ra rồi để khung đâu. Đức Phật dạy: Cho phép để nơi nhà kinh hành hoặc nơi nhà ấm, nhà ăn. Nếu đem vào nhà không lọt vì cửa hẹp thì để bên ngoài, chỗ không bị mưa ướt, bị gió. Nên treo lên chỗ cao ráo.

Có vị vá y rồi, tháo ra, không dẹp dọn cây gỗ. Đức Phật dạy: Nên dọn dẹp. Các vị ấy không biết dọn dẹp để vào chỗ nào. Đức Phật dạy: Nên để dưới gác, hoặc trên giường.

Có vị không dọn dẹp giây. Đức Phật dạy: Nên cuốn giây lại, để trên chỗ khung căng y.

Các Tỳ-kheo sợ kim rơi mất. Phật cho phép làm cái miếng bằng gỉa để để ghim. Nếu vẫn sợ mất thì nên làm cái ống để đựng. Có vị dùng vật quý báu làm cái ống. Đức Phật dạy: Không được dùng vật quý báu làm. Nên dùng đồng, sắt cho đến tre, cây để làm. Sợ kim rơi ra, Đức Phật cho phép làm nắp đậy lại.

Có vị dùng vật quý báu để làm nắp. Đức Phật dạy: Không được dùng vật quý báu làm mà nên dùng đồng, sắt, cho đến tre, cây để làm. Nếu kim bị rỉ sét thì nên để trong bột miến. Nếu vẫn sợ sét, tùy để chỗ nào khiến cho không rỉ sét.

Các Tỳ-kheo lo ngại ống đựng kim, dao con,

chỉ, và các vật vụn vặt bị lạc mất. Phật cho phép đựng trong cái đãy. Nếu các vật ấy rơi ra, dùng giây cột cái miệng đãy lại. Nếu cầm tay, khó giữ gìn; nên buộc trên vai.

13. Vá Bát

Bình bát bằng sắt của Tỳ-kheo bị thủng, Đức Phật cho phép vá lại, hoặc trám đinh, hoặc trét bùn, hay dán nhựa cây.

Bát Tô-ma bị lủng, Đức Phật cho phép dùng hồ giao nhét, hoặc dùng đá vôi, hoặc dùng đất trắng. Bát ca-la đen [107] bị thủng nên dùi cái lỗ, rồi lấy kim chỉ ràng lại. Có vị cần cái dùi khoan, Đức Phật cho phép. Có vị dùng vật quý để làm. Đức Phật dạy: Không được dùng vật quý để làm mà nên dùng đồng sắt. Nếu sợ chỉ bằng tơ sợi đứt thì nên dùng bằng sợi giây cước, hoặc dùng lông đuôi của bò, ngựa. Nếu sợ trùng cắn cái giây gân thì nên dùng hồ giao trét lên trên. Nếu sợ thức ăn hay nước thấm vào thì cũng nên dùng hồ giao trét lên trên. Nếu cũng lại sợ hư thì dát lá sắt dán vào.

14. Lấy Lửa

Thế Tôn ở tại thành Vương xá. Các Tỳ-kheo ở nơi A-lan-nhã dùng hỏa châu để lấy lửa, bọn giặc thấy ngọc châu nên đến quấy phá Tỳ- kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Ở nơi A-lan-

[107] Ca-la hắc bát 迦羅黑; ca-la, phiên âm (Skt. Pāli: kāla, đen); hắc, dịch nghĩa. Từ âm nghĩa hỗn hợp.

nhã, không nên dùng hỏa châu lấy lửa.

Các Tỳ-kheo cần lửa, Đức Phật cho phép Tỳ-kheo ở nơi A-lan-nhã dùng thuật lấy lửa. Cần bùi nhùi mồi lửa,[108] cho phép. Cần dùi để dùi lửa,[109] cho phép. Cần các thứ để làm giây, đều được cho phép. Dụng cụ lấy lửa bị rơi rớt. Phật cho phép dùng cái đãy để đựng. Dụng cụ dùi lửa để chỗ bị ẩm, Phật cho phép treo dưới giường hay trên móc long nha. Có vị không biết dùng cái gì để nhen lửa, Phật bảo nên dùng cỏ, lá, hoặc sô-ma, hoặc cỏ ma-sí-xa, hoặc phân bò, phân ngựa để lấy lửa. Tỳ-kheo thường xuyên dùi lửa, bị rách tay, Đức Phật cho phép nên dùng hỏa châu chỗ khuất để lấy lửa.

15. Lọc Nước

Thế Tôn ở tại nước Xá vệ. Nhóm sáu Tỳ-kheo dùng nước có lẫn trùng. Các cư sĩ thấy, cơ hiềm nói: Sa-môn Thích tử không có lòng từ, đoạn mạng chúng sinh, mà tự xưng là tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Không được dùng nước có lẫn trùng. Cho phép làm cái đãy lọc nước. Các vị ấy không biết làm cách nào. Đức Phật dạy: Làm như cái thìa, hoặc ba góc, hoặc làm như cái toi, hoặc làm cái bình lọc. Nếu sợ trùng nhỏ lọt qua thì cho cát vào trong cái đãy lọc. Có

---

[108] Hỏa mẫu mộc 火母木.

[109] Toàn hỏa tử 鑽火子.

vị đổ loại cát lọc lẫn trùng nơi đất khô. Đức Phật dạy: Không nên đổ như vậy. Nên đổ lại dưới nước.

Bấy giờ, có hai Tỳ-kheo cãi lộn nhau, cùng từ nước Câu-tát-la du hành. Một Tỳ-kheo có mang đãy lọc nước đi, nên có nước uống. Vị kia không đem đãy lọc nước theo. Hỏi mượn vị kia, nhưng vị kia không cho. Không có nước để uống, nên khát nước quá độ. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Tỳ-kheo này phải cho Tỳ-kheo kia mượn. Không nên không có đãy lọc nước mà đi, cho đến nửa do tuần. Nếu không có đãy lọc nước nên dùng cái chéo y Tăng-già-lê để lọc.

16. Ăn Ngủ Chung

1. Thế Tôn ở tại nước Bà-kỳ-đề.[110] Hai Tỳ-kheo Nhóm sáu, nằm ngủ chung một giường. Tỳ-kheo khác thấy, tưởng là cùng nằm với người nữ. Sau khi họ đứng dậy mới biết không phải người nữ. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được hai người nằm ngủ chung một giường.

Có vị nghi không dám cùng người bệnh nằm một giường, Đức Phật cho phép cùng người bệnh nằm một giường.[111]

Phật ở tại nước Bà-kỳ-đề. Hai vị trong Nhóm sáu Tỳ-kheo đồng đắp chung một cái chăn. Tỳ-

---

[110] Bà-kỳ-đề 婆祇提. Các đoạn trên phiên âm là Bà-kỳ-đà.

[111] Xem Phần ii, Ch. iv, Tỳ-kheo-ni, Ba-dật-đề 90.

kheo khác thấy, tưởng là cùng với người nữ nằm. Sau khi họ đứng dậy mới biết chẳng phải là người nữ. Các Tỳ- kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được hai người nằm đắp chung một cái chăn.[112]

Các Tỳ-kheo chỉ có một cái khăn trải bằng cỏ hay bằng lá. Đức Phật cho phép trên khăn trải này mỗi người riêng một cái khăn trải nằm bằng giạ. Khi thời tiết lạnh chỉ có một cái chăn, Phật cho phép bên trong mỗi người nên mặc áo lót, bên ngoài đắp chung một cái chăn.

2. Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Nhóm sáu Tỳ-kheo ăn chung một chiếc bát. Các cư sĩ thấy đều cơ hiềm nói: Sa-môn Thích tử không biết tàm quý, mà tự xưng là tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi hai người ăn chung một cái bát, giống như Đại thần của vua? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Không được hai người ăn chung một bát.

Có Tỳ-kheo đựng cơm chung một cái đồ đựng để ăn. Đức Phật dạy: Nên chia ra và đựng riêng để ăn. Nếu không có bát riêng thì nên ăn phân nửa, còn phân nửa để lại cho người kia ăn. Nếu gần quá giữa ngày thì nên lấy một vắt để ăn rồi đưa cho người kia ăn. Thay nhau ăn như vậy cho kịp giờ.

3. Nhóm sáu Tỳ-kheo nằm dựa gối vào bàn để

[112] Xem, Tỳ-kheo-ni, Ba-dật-đề 91.

ăn, các cư sĩ thấy cơ hiềm nói: Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, mà tự xưng là ta biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi nằm nghiêng dựa vào bàn để ăn giống như Đại thần của vua? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Không được ăn như vậy.

Bấy giờ có các Thượng tọa già bệnh không thể tự tay bưng bát để ăn, Phật cho phép buộc nơi đầu góc của giường giây, giường cây, hoặc để trên cái bình.

4. Nhóm sáu Tỳ-kheo đứng trên giường giây, giường cây, nên dây giường bị đứt, khiến cho chăn đắp bị rách. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Không được đứng như vậy. Nếu Tỳ-kheo muốn đưa cái gì hay vói nhận cái gì, thì cho phép đứng trên bệ giường.

Bấy giờ, có các ngoại đạo, đem cái giường giây lớn làm cái giường giây nhỏ để chứa dùng. Nhóm sáu Tỳ-kheo bắt chước ngoại đạo cất chứa giường giây như vậy. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Không được làm như vậy.

Ca-lưu-đà-di, vì thân hình lớn, mà cái giường trong nhà tắm lại nhỏ nên ngồi không vừa, nghi không dám lấy cái giường lớn bên ngoài để ngồi tắm, chỉ ngồi cái giường nhỏ. Đức Phật dạy: Trong nhà tắm nên để cả giường lớn và giường nhỏ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo chứa cất dụng cụ cày bừa

và đồ mò lặn của bạch y. Đức Phật dạy: Không được cất chứa như vậy.

Có vị cất chứa cái mâm cái gáo đồ tắm rửa quý báu. Đức Phật dạy: Không được chứa như vậy.

5. Có Tỳ-kheo tên là Da-ba-đồ phụng thờ các ngoại đạo, như lửa, như nhật nguyệt, như đạo không nói, pháp của ngoại đạo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Không được thờ các pháp của ngoại đạo.

6. Có Tỳ-kheo ở tại A-lan-nhã ăn xong ựa ra nhơi lại. Tỳ-kheo khác nói: Thầy phạm tội ăn phi thời. Vị kia nói: Tôi không phạm tội ăn phi thời, tôi chỉ ựa ra nhơi lại thôi. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Tỳ-kheo này vừa từ loài bò đầu thai, nếu không ựa nhơi lại thì không thể sống lâu được. Nếu có Tỳ-kheo nào có bệnh như vậy, làm như thế mới dễ chịu, thân không bịnh. Thức ăn chưa ra khỏi miệng được nuốt vô lại.

7. Trong Kỳ-hoàn có quạ, có két, kêu inh ỏi, làm loạn các Tỳ- kheo ngồi thiền. Đức Phật dạy: Nên khua tiếng cho chúng sợ bay đi. Hoặc giả làm tiếng của giây cung, hay đập vỗ vào cây để cho chúng bay đi.

8. Các Tỳ-kheo ban đêm tập hợp đến chỗ bố-tát, trời tối. Đức Phật cho phép cầm đuốc. Nếu chỗ ngồi bị tối thì cho phép thắp đèn. Có vị cần đồ đốt đèn, Phật cho phép sắm; cần dầu, cần đèn, cũng

cho phép sắm. Nếu đèn không được sáng thì kéo tim cao lên. Nếu bị dầu dính bẩn tay thì cho phép làm đũa để gắp. Nếu sợ cháy đũa thì cho phép làm đũa bằng sắt. Nếu sợ cái tim đèn nằm xuống thì chính giữa nên để cái tim bằng sắt. Nếu vẫn không sáng, thì cho phép làm cái tim cho lớn. Nếu vẫn còn tối thì nên để bốn góc nhà bốn cây đèn. Nếu lại không sáng thì nên làm cây đèn xoay tròn. Nếu vẫn không sáng thì trong nhà, xung quanh đều để đèn, hoặc để đèn giá đứng. Hoặc lấy cái bình, đổ nước vào rồi đổ dầu lên trên, lấy vải bọc hạt cải làm cái tim để thắp.

9. Bấy giờ, Tỳ-xá-khư Vô-di-la Mẫu sai người mang đến sáu thứ: Giường giây một người, lò lửa, lồng đèn, chổi quét, quạt, và cái đấu.[113] Các Tỳ-kheo không dám nhận, bạch Phật. Đức Phật cho phép nhận, ngoại trừ cái đấu [114] không nên nhận.

17. Chuyển Thể Phật Ngôn

Có Tỳ-kheo Dũng Mãnh [115] là Bà-la-môn xuất gia, đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu diện kính lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên bạch Đức Thế Tôn:

- Bạch Đại đức! Các Tỳ-kheo thuộc nhiều dòng họ xuất gia, tên gọi cũng khác, phá hoại

---

[113] Vin. ii. 129: Bà Visākhā sai mang ba thứ: Ghè nhỏ (ghanaka), đồ kỳ chân khi tắm (kataka) và chổi (sammajja).

[114] Đẩu 斗. Phật không cho nhận kataka. Bản Anh dịch là - đồ cọ chân bằng sành" (earthen ware foot-scrubber).

[115] Dũng Mãnh 勇猛. Vin. ii. 139: Yamenakekunā nāma bhikkhū dve bhātikā, hai Tỳ-kheo anh em tên là Yamena va Kekunā, giỏi ngôn ngữ, âm vận.

nghĩa của kinh Phật. Cúi xin Đức Thế Tôn cho phép chúng con vì Đức Thế Tôn dùng ngôn luận hoàn hảo của thế gian tu lý kinh Phật.[116]

Đức Phật dạy:

- Các ông là những người ngu si. Đó là sự huỷ hoại bằng cách đem ngôn luận của ngoại đạo mà pha trộn vào trong kinh Phật.

Đức Phật dạy:

- Cho phép, tùy theo ngôn ngữ, phong tục của từng nước mà giải thích, tụng đọc kinh Phật.[117]

18. Kín Đáo

1. Có Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la, trên đường đi, đến chỗ khuất đại tiểu tiện. Bấy giờ, có người nữ cũng đến chỗ khuất đại tiểu tiện. Cách đó không xa có một cái ao nước, Tỳ-kheo đến ao để rửa, người nữ kia cũng đến ao để rửa. Các cư sĩ thấy Tỳ-kheo này từ chỗ đó đi ra rửa, người nữ này cũng vậy. Họ bảo chắc Tỳ-kheo này xâm phạm người nữ kia. Các Tỳ-kheo nghe, bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không nên đại tiểu tiện chỗ như vậy, làm cho người ta sinh nghi.

Cũng không nên ở trên ao nước mà rửa.

2. Bạt-nan-đà Thích tử gần tối đến nhà bạch y,

---

[116] Pāli, ibid., biên tập lại lời Phật thành thơ (buddhavana chandaso āropemā). Chandasa, được hiểu là chandasi mà Panini thường dùng, chỉ phương ngữ Vệ-đà. Buddhaghosa giải thích, hai vị này muốn chuyển tải thành ngôn ngữ hoàn chỉnh của Vệ-đà, tức Sanskrit (sakkana-bhāsāya)

[117] Ngũ phần 26 (tr. 174b20); chuyển thể Phật ngữ sang ngoại thư ngữ, phạm Thâu-lan-giá.

ngồi trong nhà giây lát rồi ra đi không nói với chủ nhà. Trong khi ấy có bọn cướp suốt ngày rình nhà kia. Chiều hôm đó gặp lúc cửa mở nên liền vào. Chúng thu dọn đồ đạt tẩu thoát. Người chủ hỏi ai mở cửa đi ra mà không đóng. Gia nhân trả lời: Bạt-nan-đà Thích tử. Các cư sĩ cơ hiềm nói: Sa-môn Thích tử không biết xấu hổ thẹn, mà tự xưng là mình biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi cùng bọn giặc hẹn nhau để đến cướp đoạt của nhà tôi? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không nên đến nhà bạch y lúc chiều tối.

Bấy giờ, có các Tỳ-kheo vì việc Phật, việc Pháp, việc Tăng, việc Tháp, việc Tỳ-kheo bịnh, hoặc đàn-việt mời vào lúc xẩm tối, Tỳ-kheo nghi không dám đến. Đức Phật dạy:

- Nếu có những trường hợp như vậy thì nên đến.

3. Bạt-nan-đà Thích tử với ý dục mà nói pháp cho người nữ. Người nữ kia quan sát biết, liền nói:

- Tại sao Thầy không nói pháp cho chính Thầy? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không nên vì ý dục mà nói pháp.

Nhóm sáu Tỳ-kheo bói toán cho người nữ. Đức Phật dạy: Không được làm như vậy. Nhóm sáu lại đi nhờ người bói toán. Đức Phật dạy: Không được làm như vậy.

4. Nhóm sáu Tỳ-kheo cá cược [118] với người khác. Đức Phật dạy: Không được làm như vậy.

Người kia được vật liền lấy luôn. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy.

5. Nhóm sáu Tỳ-kheo nắm tay nhau đi ngoài đường, lấn người khác té xuống đất. Các cư sĩ thấy cơ hiềm nói: Sa-môn Thích tử không có yểm túc, mà tự nói ta biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi cùng nắm tay nhau đi ngoài đường như đại thần của vua? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được đi như vậy.

Các Tỳ-kheo đi trên đường, có người cho đôi guốc, bình hoa đựng dầu. Tỳ-kheo nghi không dám nhận. Đức Phật dạy:

- Cho phép nhận.

6. Nhóm sáu Tỳ-kheo đem đồ vật cho thuê.[119] Đức Phật dạy: Không được như vậy .

Nhóm sáu Tỳ-kheo giữ vật cho thuê của người khác.[120] Đức Phật dạy: Không được làm như vậy.

7. Nhóm sáu Tỳ-kheo gây gỗ với người khác.

Nói chuyện với Thượng toạ mà lật ngược y, y

---

[118] 118. Nguyên Hán: quỵ vật *物. Khang hy, quỵ *: đồng với tư 資 (giúp vốn), với đỗ 賭 (bài bạc). Có bản chép là hoá vật 貨物. Tham chiếu Căn bản Tạp sự 19 (T24n1451, tr. 296a14): Lục quần Tỳ-kheo mỗi khi có sự việc xảy ra, bèn đem y, bát, giây lưng các thứ ra cá cược (Hán: đổ quỵ 賭* , có bản chép là đổ hoá 賭貨).

[119] Xuất tức vật 出息物; chưa rõ nghĩa. Xem cht. 66 dưới.

[120] Tùng tha cử tức vật 從他舉息物; chưa rõ nghĩa. Có lẽ một hình thức cầm đồ. Để bản: Tùng tha 從他. Tống-Nguyên-Minh: Tùng địa.

quần cổ, y phủ đầu, y choàng cả hai vai, mang guốc dép. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy: Không được như vậy. Nên để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, đến trước Thượng tọa, cúi mình, chắp tay thưa: "Con có việc cần thưa với Thượng tọa." Vị thượng tọa nên nói: "Như pháp như luật thì nói."

19. Dù-Gậy-Quạt-Phất Trần

1. Bạt-nan-đà đi đường, cầm cây lọng tròn lớn và đẹp. Các cư sĩ từ xa thấy tưởng là vua hay Đại thần nên sợ sệt tránh đường. Khi đến gần, xem kỹ mới biết là Bạt-nan-đà, mới cơ hiềm nói: Sa-môn Thích tử ham muốn nhiều không nhàm chán, mà tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi cầm cây lọng tròn lớn và đẹp đi ngoài đường như Đại thần của vua, khiến cho chúng tôi sợ phải tránh đường? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Tỳ-kheo không nên cầm cây lọng tròn đi ngoài đường, cũng không được cất chứa.

Khi trời mưa, các Tỳ-kheo đến nhà ăn, hoặc ban đêm tập hợp, lúc Bố-tát, y mới nhuộm bị ướt hư màu. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Vì bảo vệ y, khi ở trong chùa, nên dùng vỏ cây, lá, hoặc tre làm dù để che mưa.

Có vị cần cán lọng, Đức Phật cho phép làm. Vị kia dùng vật quý báu làm. Đức Phật dạy: Không

được dùng vật quý báu để làm. Nên dùng xương, ngà, bạch lạp, chì thiếc, hay cây để làm.

Có vị cần chóp lọng, Phật cho phép làm. Vị kia dùng vật quý báu để làm. Đức Phật dạy: Không được dùng vật quý báu làm. Cho phép dùng xương, cho đến cây để làm.

Có vị cần cây lọng rộng, Đức Phật cho phép làm. Vị kia dùng vật quý báu để làm. Đức Phật dạy: Không được dùng vật quý báu để làm. Nên dùng xương cho đến cây để làm.

Có vị muốn phủ tàn lọng. Phật cho phép dùng lá cây đa-la, lá cây ma-lâu,[121] vỏ cây để phủ. Nếu sợ bốn phía bị hư, cho phép phủ nhiều lớp.

Có vị cần cán lọng, Đức Phật cho phép làm. Vị kia dùng vật quý báu làm. Đức Phật dạy: Không được dùng vật quý báu để làm. Nên dùng xương, ngà, bạch lạp, chì thiếc, hay cây để làm.

Có vị làm cái cán lọng dài, nhưng đem vô đem ra cửa không lọt. Đức Phật dạy: Nên tháo ra. Nếu sợ cán sút ra, nên đục cái lỗ để đóng vào. Nếu bị gãy hay cong, cho phép làm bằng sắt, trên đầu làm miếng sắt buộc vào.

2. Bạt-nan-đà Thích tử bỏ bát vào trong đãy, xỏ vào đầu cây gậy quảy đi. Các cư sĩ thấy tưởng là gia nhân của vua nên sợ tránh đường.

Khi đến gần mới biết là Bạt-nan-đà, nên cơ

---

[121] Ma-lâu ; Skt. mālu, một loại man thảo, giây leo; đằng thảo.

hiềm nói: Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, mà tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Không được làm như vậy. Cũng không nên cất chứa cây gậy để quảy bát như vậy.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo già bệnh đi đường bị té. Đức Phật dạy: Già bệnh cho phép cầm gậy.[122] Nếu sợ đầu dưới cây gậy bị cùn, cho phép làm cái khâu bịt lại. Vị kia dùng vật quý giá làm cái khâu. Đức Phật dạy: Không được dùng vật quý giá làm mà nên làm bằng xương, răng, bạch lạp, chì thiếc. Nếu trên đầu cây gậy bị hư hoại, cũng cho phép dùng vật như vậy để làm.

Nhóm sáu Tỳ-kheo cất chứa gậy không trung,[123] các cư sĩ cơ hiềm nói: Sa-môn Thích tử không biết yểm túc, không có hổ thẹn, mà tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi cầm cây gậy không trung như đại thần của vua Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Không được làm như vậy.

Các Tỳ-kheo đi đường thấy rắn rít, bò cạp. Những Tỳ-kheo chưa ly dục sợ, bạch Phật. Đức Phật dạy: Cho phép cầm cây tích trượng [124] để khua động. Hoặc khua ống đồng đựng đá vụn,

---

[122] Tỳ-kheo bịnh cần gậy để quảy bát đi đường, phải được Tăng yết-ma cho phép. Xem đoan sau.

[123] Không trung trượng 空中杖; chưa rõ gậy gì. Xem cht. 126 (mục 36, Ưu-đà-diên)

[124] Tích trượng. Skt. khakkara, gậy ăn mày (Monier). Tham chiếu Thập tụng 56 (T23n1435 tr.417a18), chế pháp về gậy; Căn bản Tạp sự 34 (T24n1451 tr.375a21). Xem thêm Ngũ phần 27 (T22n1421 tr.180b25), Tỳ-kheo A-lan-nhã còn thêm loại - gậy phá sương" (phác lộ trượng 撲 露杖)

hoặc đập tre làm cho có tiếng để chúng nó tránh đi.

3. Bấy giờ, Nhóm sáu Tỳ-kheo cầm cây quạt tròn lớn. Các cư sĩ thấy cơ hiềm nói: Sa-môn Thích tử không biết yểm túc, không có hổ thẹn, mà tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp trong khi cầm cây quạt tròn lớn như đại thần của vua? Các Tỳ- kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Không được cầm như vậy. Có vị nhận được vật đã làm thành, nghi không dám thọ trì, bạch Phật. Phật dạy: Cho phép nhận cho tháp. Tỳ-kheo trên đường đi bị nóng, bạch Phật. Đức Phật cho phép dùng lá cây hoặc nhánh cây hoặc cỏ hay một trong mười loại y làm cây quạt để quạt. Nhóm sáu Tỳ-kheo cầm cây quạt bằng da. Đức Phật dạy: Không được dùng. Nhóm sáu Tỳ-kheo ghép ngang dọc mười thanh gỗ rồi phất da lên trên để làm cây quạt. Đức Phật dạy: Không được làm như vậy. Cây quạt của Tỳ-kheo bị hư, Đức Phật cho phép dùng vỏ cây hay lá cây vá lại. Nếu vá bằng da mà bị hư hỏng thì nên dùng chỉ may lại. Nếu dùng chỉ may bị đứt thì nên dùng giây gân để may. Nếu bên lề bị hư thì nên dùng da để buộc.

Khi các Tỳ-kheo dùng bữa ăn chính bữa ăn phụ, hoặc ban đêm nhóm hợp, hay lúc thuyết giới bị nóng, Đức Phật cho phép làm cây quạt lớn như cỗ xe bằng quạt có cơ quan chuyển động. Các vị ấy không biết bảo ai đẩy. Đức Phật dạy: Cho phép

Tỳ-kheo hay sa-di, hoặc người giữ vườn, hay Ưu-bà-tắc kéo.

Nhóm sáu Tỳ-kheo dệt cây quạt bằng lông, giết nhiều loại trùng nhỏ hay cỏ, các cư sĩ thấy cơ hiềm nói: Sa-môn thích tử không biết hổ thẹn, hại nhiều sinh mạng mà tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi xử dụng cây quạt bằng lông, làm tổn hại nhiều mạng chúng sinh? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Không được xử dụng cây quạt bằng lông như vậy.

4. Các Tỳ-kheo bị trùng nơi cỏ, hay bụi bay nhớp thân, Đức Phật cho phép làm cái phất trần. Các vị ấy không biết cách làm. Đức Phật cho phép dùng cỏ, hoặc vỏ cây lá cây dùng chỉ may lại, hoặc dùng lụa vụn cắt may. Có Tỳ-kheo nhận được cái đuôi súc vật để phủi bụi. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật cho phép dùng.

20. Chỗ Ngồi

1. Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Ưu-ba-ly cùng các Tỳ-kheo bàn luận pháp luật. Các Tỳ-kheo cùng đến nghe giới, chỗ ngồi chật hẹp không đủ dung chứa. Đức Phật dạy:

- Hơn kém nhau ba tuổi hạ ngồi chung trên giường cây.[125] Hơn kém nhau hai tuổi hạ ngồi

[125] Xem Ch.i Phỏng xá, Sảnh đường.

chung trên giường giây nhỏ.

2. Tỳ-kheo-niên thiếu tân học chưa rõ việc, các con số lẫn lộn nhau. Phật cho phép dùng con toán để ghi số. Có vị dùng vật quý báu để làm. Phật dạy: Không được dùng vật quý báu làm. Nên dùng xương, nha, sừng, đồng, sắt, chì, thiếc, bạch lạp, cây để làm. Có vị để trên đất nhớp tay. Đức Phật dạy: Không được để trên đất. Nên để trên ván. Có vị để tấm ván trên đất rồi để trên đầu gối, bẩn y. Đức Phật dạy: Không được để như vậy. Nên lấy gót chân làm cái ghế. Có vị sợ con toán rơi rớt, Phật cho phép may cái đãy để đựng. Miệng đãy không buộc lại, nên bị rơi ra. Phật cho phép dùng giây buộc lại, rồi treo trên cây móc long nha, hay trên cây nhọn.

21. Tỏi

Thế Tôn ở tại vườn Kỳ-hoàn, thuyết pháp cho vô số trăm ngàn chúng vây quanh. Bấy giờ có Tỳ-kheo ăn tỏi nên đứng xa Đức Phật.

Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi Tôn giả A-nan:

- Tại sao Tỳ-kheo kia đứng xa Như Lai? Tôn giả thưa:

- Tỳ-kheo ấy ăn tỏi.

Đức Phật nói với Tôn giả A-nan:

- Đâu có thể vì tham ăn mùi vị như vậy mà không nghe pháp sao?

Từ nay về sau, tất cả không nên ăn tỏi.[126]

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bị chứng thống phong,[127] thầy thuốc bảo phải ăn tỏi, Đức Phật cho phép ăn.

22. Khuân Vác

Có Tỳ-kheo vác đồ trên lưng mà đi, cư sĩ thấy cơ hiềm: Sa-môn Thích tử giống như bạch y, vác đồ trên lưng mà đi. Họ sinh tâm khinh mạn. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Không được vác đồ vật trên lưng đi.[128]

Các Tỳ-kheo cần củi để nhuộm như cỏ, phân bò, lông, gai, tự mình vác đi. Đức Phật dạy: Chỗ không có người thì nên vác. Nếu thấy bạch y thì nên để xuống đất, hoặc di chuyển để trên đầu hay trên vai.

Có Tỳ-kheo Y-lê-a-nhã quấn y quá chặt.[129] Cư sĩ thấy cơ hiềm: Tỳ-kheo như chúng ta, quấn y khuân vác.[130] Họ sinh tâm khinh mạn, bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được quấn y như vậy cũng không nên vác như vậy.

---

[126] Tỳ-kheo-ni, Ba-dật-đề 70.

[127] Bệnh phong 病風. Pāli: udaravātābādho, đau bụng gió. Xem Ch. vii. Thuốc & cht. 14.

[128] Tham chiếu Vin.ii. 137: Thế tôn không cho phép Tỳ-kheo quảy gậy hai đầu (na ubhatokājam haratabbam). Cho phép gậy quảy một đầu (ekatokāja), gậy hai người khiêng (để đồ ở giữa, Pāli: antarākāja), đội đầu (sīrasabhāra), vác trên vai (khandhabhāra), ôm bên hông (kanibhāra), đeo sau lưng (olambaka).

[129] Hán: Trước y 著衣. Từ này tương đương với 2 từ Pāli nên khó phân biệt: Pārupati, khoác y, hay quàng y; nivāseti: quấn y (nội y). Đoạn này tương đương Pāli, Vin.ii. 137: rằng: savelliyam nivāsenti... seyyathāpi rañño muttavattīti quấn (nội y), quấn khố, bị chỉ trích giống như người khuân vác của vua.

[130] Hán; trước y đảm vật 著衣擔物. Xem cht. 65 trên.

Các Tỳ-kheo ở trong chùa, tập trung ngói đá cây củi, e ngại không dám gánh vác dọn dẹp, bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép ở trong chùa thì được gánh vác.

23. Tháp Thanh Văn

Sau khi Xá-lợi-phất, Mục-liên nhập Bát-niết-bàn, có đàn-việt nói: Nếu Đức Thế Tôn cho chúng ta xây tháp thì chúng ta sẽ xây. Các Tỳ-kheo bạch Phật, được Đức Phật cho phép. Vị kia không biết xây như thế nào. Đức Phật dạy:

- Xây vuông hay tròn hoặc bát giác.

Các vị ấy không biết xây bằng thứ gì, Đức Phật bảo dùng đá, gạch hoặc cây để xây. Xây rồi nên trét. Các vị ấy không biết dùng thứ gì để trét. Phật cho phép dùng bùn đen. Bùn tro, hoặc bùn phân bò, hay bùn trắng, hoặc dùng đá vôi, hay đát thó. Có vị muốn làm nền tháp, Đức Phật cho phép làm. Có vị muốn cúng dường bằng hương hoa. Phật cho phép cúng dường bằng cách xây lan can xung quanh rồi để hương hoa lên trên. Có vị muốn treo tràng phan bảo cái. Phật cho phép treo tràng phan bảo cái. Có vị leo trên tháp, vị thần hộ tháp giận. Đức Phật dạy:

- Không được leo. Nếu cần leo để lấy vật gì thì cho leo.

Có vị leo lên trên lan can, vị thần hộ tháp giận. Đức Phật dạy:

- Không được leo. Cần lấy cái gì thì cho phép leo.

Có vị leo lên móc long nha, trên cây cọc. Đức Phật dạy:

- Không được leo. Cần lấy vật gì thì nên leo.

Có vị leo lên trên tượng để treo bảo cái cúng dường. Đức Phật dạy:

- Không được leo như vậy, nên tạo phương tiện, dùng ghế để leo và treo.

Tháp kia ở giữa đất trống, bông hoa, đèn dầu, tràng phan bảo cái, kỹ nhạc cúng dường, bị mưa, bị gió, nắng, bụi bặm nhớp nhúa, chim quạ làm bất tịnh. Đức Phật dạy:

- Cho phép làm các loại nhà để che lên trên.

Khi cất nhà, cần dùng thứ gì, đều cho phép xử dụng. Đất có bụi nên trét bằng bùn đen, bùn phân bò. Nếu cần màu trắng thì dùng đá vôi hay đất thó.

Có vị cần đồ rửa chân nên cho xử dụng. Cần đá lót đường đi, Đức Phật cho phép dùng. Có vị cần đất trải, Phật cho phép làm.

Bấy giờ, bên ngoài không có tường để ngăn bò ngựa ra vô, Phật cho phép xây tường. Nếu cần cửa ngõ cho phép làm.

Khi ấy, có đàn-việt nghĩ như sau đối với Xá-lợi-phất và Mục-liên: Hai vị này lúc còn sinh tiền ta thường cúng dường thức ăn. Nay đã Niết- bàn, nếu Đức Thế Tôn cho phép chúng ta sẽ dâng cúng.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép cúng dường.

Các vị ấy không biết dùng cái gì đựng vật cúng dường. Đức Phật dạy:

- Cho phép dùng cái bát bằng vàng bạc, đồ quý báu, đồ tạp bảo. Các vị ấy không biết đem đi bằng cách nào. Đức Phật dạy:

- Cho phép dùng voi ngựa, xe cộ để chở, hoặc đội hay gánh.

Các vị Tỳ-kheo tự mình làm kỹ nhạc, hoặc thổi tù và để cúng dường. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy.

Có vị e ngại không dám khiến bạch y làm kỹ nhạc cúng dường.

Đức Phật dạy:

- Cho phép làm.

Có vị không biết thức ăn cúng dường nơi tháp rồi, ai thọ dụng.

Đức Phật dạy:

- Tỳ-kheo, sa-di, Ưu-bà-tắc, hay người xây dựng ăn thức ăn cúng dường ấy.

Bấy giờ, có đàn-việt khởi ý niệm như sau đối với Tôn giả Xá-lợi- phất và Mục-liên: Nếu Đức Phật cho chúng ta trang nghiêm cúng dường tháp của hai Ngài thì chúng ta sẽ làm. Đức Phật cho phép làm.

Có vị cần hương hoa, anh lạc, tràng phan, đèn

dầu, đài cao, xe. Phật cho phép dùng. Có vị muốn làm hình tượng, Đức Phật cho phép làm. Có vị không biết an trí xá lợi trong tháp bằng vàng, trong tháp bằng bạc, hoặc bảo tháp, hoặc tạp bảo tháp, hoặc dùng lụa gói lại, hoặc dùng y bát-tứ-đam-lam-bà,[131] hay dùng y đầu-đầu-la [132] gói lại. Vị kia lại không biết đem đi bằng cách nào, Đức Phật cho phép dùng voi ngựa xe cộ... chở, hoặc gánh, hoặc đội, để đem đi. Nếu nó nghiêng đổ thì nên vịn giữ. Có vị tự mình làm kỹ nhạc để cúng dường. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy. Có vị lại e ngại không dám khiến bạch y làm kỹ nhạc để cúng dường, Đức Phật cho phép làm. Có vị muốn lau quét tháp Thanh văn. Đức Phật dạy:

- Nên dùng lá cây đa-la, lá cây ma-lâu,[133] hoặc đuôi con công để lau quét. Có vị có nhiều hoa, Phật cho phép để trên nền tháp, trên lan can, trên cây trụ, trên móc long nha, hoặc để bên trong, hoặc dùng giây xâu lại treo trước mái hiên nhà. Nếu có nhiều bùn thơm, Đức Phật cho phép làm hình bàn tay, hình vòng tròn, hình ma-hê-đà-la, hình bụi cây, hình giây nho, hình bông sen, nếu còn dư thì trét dưới đất.

---

[131] Bát-tứ-đam-lam-bà y 肆酖嵐婆衣.

[132] Đầu-đầu-la y 頭頭羅衣.

[133] Ma-lâu thọ 摩樓樹. Xem cht. 67 trên.

24. Cạo Tóc

Thế Tôn ở tại thành Vương xá. Vì cung kính Đức Thế Tôn nên không vị nào dám cạo tóc cho Đức Phật. Chỉ có một thiếu nhi vì còn nhỏ nên chưa biết sợ, mới cạo tóc cho Đức Phật. Thiếu nhi tên là Ưu-ba-ly cạo tóc cho Đức Phật. Cha mẹ của thiếu nhi chắp tay thưa với Đức Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thiếu nhi Ưu-ba-ly cạo tóc cho Thế Tôn có được tốt hay không?

Đức Phật dạy:

- Tốt, nhưng đứng cho thong thả chứ đừng cúi xuống quá! Cha mẹ thiếu nhi lại bạch Phật:

- Thiếu nhi thế phát có tốt không?

- Tốt, nhưng đứng thẳng quá! Cha mẹ liền bảo:

- Con đừng đứng thẳng quá, khiến Đức Thế Tôn không an ổn. Cha mẹ thiếu nhi bạch Phật:

- Cháu thế phát có được tốt không? Đức Phật nói:

- Tốt, nhưng thở vào thô quá! Cha mẹ Ưu-ba-ly liền bảo:

- Con thở vô mạnh quá, Đức Thế Tôn không an ổn. Cha mẹ cháu lại bạch Phật:

- Ưu-ba-ly thế phát có được tốt không? Đức Phật dạy:

- Tốt, nhưng thở ra thô quá! Cha mẹ Ưu-ba-ly liền bảo:

- Con đừng thở ra mạnh quá, khiến đước Thế

Tôn không an ổn.

Bấy giờ, thiếu nhi Ưu-ba-ly thở ra thở vào, rồi không thở, vào đệ tứ thiền.[134]

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo A-nan:

- Ưu-ba-ly đã vào đệ tứ thiền. Ông lấy con dao nơi tay của thiếu nhi. A-nan vâng lời Phật dạy, liền lấy con dao.

Khi ấy, A-nan lấy đồ cũ đựng tóc Đức Thế Tôn. Phật dạy:

- Không được dùng đồ cũ đựng tóc Đức Như Lai. Nên dùng đồ mới để đựng, hay dùng y mới, hoặc tơ lụa, hoặc y bát-tứ-đam-lam-bà, hoặc y đầu-đầu-la để gói lại.

25. Tháp Phật

Bấy giờ, có Cù-ba-ly [135] tướng quân muốn đến phương tây để chinh phạt, đến xin râu tóc của Đức Thế Tôn. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật đồng ý cho. Vị kia nhận được tóc rồi, không biết cung trí chỗ nào.

Đức Phật cho phép để trong tháp bằng vàng, tháp bằng bạc, tháp bằng vật báu, tháp bằng tạp bảo, hay dùng tơ lụa, hoặc y bát-tứ-đam-lam-bà, y đầu-đầu-la để gói lại. Người ấy không biết đem đi bằng cách nào, Đức Phật cho phép dùng voi ngựa xe cộ để chở, hoặc đội trên đầu hoặc vác trên vai.

---

[134] Đệ tứ thiền không có hơi thở.

[135] Cù-ba-ly 瞿婆離.

Vương tử đem tóc của Phật đến chỗ chinh phạt, được đắc thắng. Khi Vương tử kia trở về nước vì Đức Thế Tôn xây tháp để thờ tóc. Đây là ngôi tháp của Đức Thế Tôn lúc Ngài còn tại thế.

Các Tỳ-kheo thưa:

- Nếu Đức Thế Tôn cho phép, chúng ta gánh tóc [136] Đức Thế Tôn đi thì chúng ta sẽ gánh đi. Các Tỳ-kheo bạch Phật, được Đức Phật cho phép. Các vị ấy không biết cung trí nơi chỗ nào, Đức Phật cho phép cung trí nơi tháp bằng vàng, bằng bạc, tháp bằng châu báu, tháp bằng tạp bảo, hay dùng y bát-tứ-đam-lam bà, y đầu-đầu-la gói lại. Các vị ấy không biết mang đi bằng phương tiện nào, Đức Phật cho phép chở bằng voi, ngựa, xe cộ, hoặc vác trên vai hay đội trên đầu. Có vị kẹp cái tháp Thế Tôn dưới nách. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy.

Có vị lật ngược y, y quấn cổ, y trùm đầu, y choàng cả hai vai hoặc mang guốc ép gánh tháp của Đức Thế Tôn. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy. Nên để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép để vác trên vai hay đội trên đầu, tháp Đức Thế Tôn mà đi.

Có vị mang tháp Đức Thế Tôn đến chỗ đại tiểu tiện. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy. Nên để chỗ thanh tịnh.

---

[136] Hiểu là - tháp thờ tóc.

Có vị không rửa chỗ đại tiểu tiện, bưng tháp Đức Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

- Không được như vậy. Nên rửa cho sạch rồi mới bưng.

Có vị cung trí tháp Đức Như Lai nơi phòng không tốt, mình ở phòng tốt. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy. Nên cung trí tháp Đức Như Lai nơi phòng tốt, mình ở nơi phòng không tốt.

Có vị cung trí tháp Đức Như Lai nơi phòng dưới, mình ở phòng trên. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy. Nên cung trí tháp Đức Như Lai nơi phòng trên, mình ở phòng dưới.

Có vị cùng ngủ một nhà với tháp Đức Như Lai. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy.

Có vị vì muốn giữ gìn cho chắc, nhưng e ngại không dám cùng ngủ, Đức Phật cho phép cung trí nơi đầu cây trụ, hay đầu móc răng rồng, hoặc một bên đầu để ngủ.

Các Ưu-bà-tắc nghĩ như vầy: Nếu Đức Thế Tôn cho phép chúng ta, ngay bây giờ, lúc Đức Thế Tôn còn hiện tại, xây tháp thờ Thê Tôn, thì chúng ta sẽ xây.

Các Tỳ-kheo bạch Phật, Đức Phật cho phép làm. Các vị ấy không biết làm thế nào. Đức Phật

dạy:

- Nên làm vuông hay tám cạnh hoặc làm tròn.

Các vị ấy lại không biết dùng vật gì để xây. Đức Phật dạy:

- Nên dùng gạch đá hoặc cây để làm.

Tất cả như trên đã nói, cho đến cách trải dưới đất cũng như trên đã nói.

Có vị cần tràng phan, Đức Phật cho phép làm tràng phan, hoặc tràng sư tử, hay tràng rồng, hoặc tràng trâu rừng.

Trường hợp xung quanh thấp không có hàng rào, nên trâu dê ra vào, Phật cho phép làm hàng rào để ngăn, như trên.

Bấy giờ, tháp miếu của các ngoại đạo thường dùng thức ăn thức uống cúng dường. Các Ưu-bà-tắc nghĩ: Nếu Đức Thế Tôn cho phép chúng ta dâng cúng những thức ăn hảo hạng thì chúng ta sẽ dâng.

Các Tỳ-kheo bạch Phật, Đức Phật cho phép, như trên. Các vị ấy không biết ai sẽ thọ hưởng thức ăn này. Đức Phật dạy: Vị làm tháp thọ hưởng.

Khi ấy, tháp miếu của các ngoại đạo, được họ trang nghiêm cúng dường, các Ưu-bà-tắc nghĩ: Nếu Đức Thế Tôn cho phép chúng ta trang nghiêm cúng dường tháp của Thế Tôn thì chúng ta sẽ làm. Các Tỳ-kheo bạch Phật, được Đức Phật cho phép làm, như trên.

Có vị ngủ trong tháp Đức Thế Tôn. Đức Phật dạy:

- Không được ngủ như vậy.[137]

Có vị vì bảo vệ tháp mà e ngại không dám ngủ trong tháp. Đức Phật dạy:

- Vì thủ hộ thì cho phép ngủ.

Có vị cất chứa vật trong tháp Phật. Đức Phật dạy:

- Không được cất chứa như vậy.[138]

Có vị vì muốn bảo đảm nên cất chứa vật trong tháp mà e ngại, không dám, nhưng được Đức Phật cho phép.

Có vị mang giày dép vào trong tháp. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy.[139]

Có vị xách giày dép vào trong tháp Phật. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy.

Có vị mang phú-la vào trong tháp. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy.[140]

Có vị xách phú-la vào trong tháp. Đức Phật dạy:

---

[137] Tỳ-kheo, pháp chúng học 60.

[138] Tỳ-kheo, pháp chúng học 61.

[139] Tỳ-kheo, pháp chúng học 62.

[140] Tỳ-kheo, pháp chúng học 65.

- Không được như vậy.

Có vị e ngại không dám mang phú-la di quanh (958a1) ngoài tháp.

Đức Phật dạy:

- Cho phép mang.

Có vị ăn dưới tháp làm nhớp. Đức Phật dạy:

- Không được ăn dưới tháp.[141]

Khi các Tỳ-kheo đi quanh nơi tháp, khi ở nơi phòng xá, khi tắm nơi ao, tập hợp số đông Tăng, chỗ chật không đủ dung, có vị e ngại không dám ngồi dưới tháp để ăn, họ bảo Đức Thế Tôn không cho phép ngồi ăn dưới tháp. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép ăn dưới tháp. Nhưng đừng làm nhơ nhớp không sạch. Các Tỳ-kheo không biết làm cách nào cho khỏi nhớp. Đức Phật dạy:

- Cho phép, gom những thứ bất tịnh gần bên chân. Khi ăn xong

đem ra ngoài bỏ.

Có vị khiêng tử thi đi qua dưới tháp. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy.[142]

Có vị chôn thây chết dưới tháp. Đức Phật dạy:

- Không được chôn như vậy.[143]

---

[141] Tỳ-kheo, pháp chúng học 67.

[142] Tỳ-kheo, pháp chúng học 68.

[143] Tỳ-kheo, pháp chúng học 69.

Có vị đốt tử thi dưới tháp. Đức Phật dạy:

- Không được đốt như vậy.

Có vị đốt tử thi trước tháp. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy.

Có vị đốt tử thi xung quanh tháp, khiến cho mùi hôi bay vào tháp, vị thần hộ tháp giận. Đức Phật dạy:

- Không được đốt tử thi xung quanh tháp khiến mùi hôi bay vào tháp. Có vị mang y, giường nằm của người chết đi qua dưới tháp, khiến vị thần hộ tháp giận. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy.

Có Tỳ-kheo mặc y phấn tảo, e ngại không dám mang y phấn tảo đi qua dưới tháp và nói Đức Thế Tôn có dạy:

- Không cho phép mang y người chết đi qua dưới tháp. Các Tỳ- kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu giặt nhuộm cho sạch và xông mùi thơm thì được mang đi qua.

Có vị đại tiểu tiện nơi tháp. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy.

Có vị đại tiểu tiện trước tháp. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy.

Có vị đại tiểu tiện xung quanh tháp, khiến mùi hôi bay vào, vị thần hộ tháp giận. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy.

Có vị xỉa răng dưới tháp. Đức Phật dạy:

- Không được xỉa như vậy.[144]

Có vị xỉa răng trước tháp. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy.

Có vị xỉa răng xung quanh tháp. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy.

Có vị khạc nhổ dưới tháp. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy.

Có vị hỉ mũi trước tháp. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy.

Có vị ngồi duỗi chân trước tháp. Đức Phật dạy:

- Không được duỗi chân như vậy.[145]

Nếu trong Tăng-già-lam đầy cả tháp, thì cho phép giữa khoảng cách hai tháp ngồi duỗi chân.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở tại nước Câu-tát-la, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, đến nơi thôn Đô- tử Bà-la-môn, một trú xứ nọ, Đức Thế Tôn mỉm cười. Lúc đó, Tôn giả A-nan liền nghĩ: Do nhân duyên gì, hôm nay Đức Thế Tôn mỉm cười? Không bao giờ Đức Thế Tôn không có nhân duyên gì mà mỉm cười. Tôn giả liền để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên phải chấm đất, chấp tay thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Không bao giờ Thế Tôn

---

[144] Tỳ-kheo, pháp chúng học 78

[145] Tỳ-kheo, pháp chúng học 84.

không có nhân duyên mà mỉm cười. Vừa rồi, do nhân duyên gì mà Thế Tôn mỉm cười? Chúng con nguyện muốn biết điều đó.

Đức Phật bảo Tôn giả A nan:

- Thuở đời quá khứ, khi Đức Phật Ca-diếp niết-bàn rồi. Bấy giờ, vua nước Sí-tỳ-già-thi,[146] tại địa điểm này bảy năm bảy tháng bảy ngày, sau khi xây dựng một tháp lớn rồi, bảy năm, bảy tháng bảy ngày thiết lập đại lễ cúng dường. Vua ngồi dưới bóng mát nơi hai bộ Tăng cúng bữa cơm thứ nhất. Bấy giờ cách chỗ đó không xa có một nông phu đang cày ruộng, Đức Phật đến nơi đó, lấy một nắm bùn đem lại, nói kệ:

Dầu dùng trăm ngàn anh lạc
Đều là vàng diêm-phù-đàn
Không bằng dùng một nắm bùn
Vì Phật xây dựng bảo tháp.
Dầu dùng trăm ngàn nắm vàng
Đều là vàng diêm-phù-đàn
Không bằng dùng một nắm bùn
Vì Phật xây dựng bảo tháp.
Dầu dùng trăm ngàn gánh vàng
Đều là vàng diêm-phù-đàn
Không bằng dùng một nắm bùn
Vì Phật xây dựng bảo tháp.
Dầu dùng trăm ngàn ôm vàng

[146] Sí-tỳ-già-thi 翅毘伽尸.

Đều là vàng diêm-phù-đàn
Không bằng dùng một nắm bùn
Vì Phật xây dựng bảo tháp.
Dầu dùng trăm ngàn vách vàng
Đều là vàng diêm-phù-đàn
Không bằng dùng một nắm bùn
Vì Phật xây dựng bảo tháp.
Dầu dùng trăm ngàn non (núi) vàng
Đều là vàng diêm-phù-đàn
Không bằng dùng một nắm bùn
Vì Phật xây dựng bảo tháp.
Dầu dùng trăm ngàn núi vàng
Đều là vàng diêm-phù-đàn
Không bằng dùng một nắm bùn
Vì Phật xây dựng bảo tháp.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều dùng một nắm bùn để nơi chỗ đó, liền thành một bảo tháp lớn. Khi ấy, các Tỳ-kheo lo trong phòng nhà có mùi hôi. Đức Phật dạy:

- Nên rưới nước quét. Nếu vẫn còn hôi thì dùng bột hương thoa.

Nếu vẫn còn hôi thì treo hương thơm bốn góc phòng nhà.

26. Tắm

Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Khi ấy, chúng Tăng nhận được nhiều thức ăn cúng dường. Các Tỳ-kheo không tự chế nên sinh bệnh, Đức Phật bảo

nên uống thuốc. Có vị cần thổ hạ thì nên cho thổ hạ, có vị cần cháo thì nên cho cháo, cần thịt chim rừng thì cho thịt chim rừng. Bấy giờ, Kỳ-bà Đồng tử trị bệnh cho chúng Tăng, vì Phật và Tăng làm thuốc thổ hạ, nấu cháo và nấu canh thịt chim rừng, không đủ cung cấp, đến chỗ Đức Thế Tôn đầu diện đảnh lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên, bạch Đức Phật:

- Kính bạch Đại đức, các Tỳ-kheo mắc bệnh. Nếu các vị ấy được phép tắm thì bệnh tình sẽ thuyên giảm.

Đức Thế Tôn chấp thuận bằng cách im lặng. Kỳ-bà Đồng tử biết Đức Phật cho phép rồi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, kính lễ sát chân Đức Phật, nhiễu quanh và cáo lui.

Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, dùng phương tiện tùy thuận thuyết pháp, khen ngợi hạnh đầu-đà, đoan nghiêm thiểu dục tri túc, ưa xuất ly và bảo các Tỳ-kheo:

- Cho phép các Tỳ-kheo làm nhà tắm để tắm.[147]

27. Úp Bát

Bấy giờ, Tỳ-kheo Từ Địa [148] đến nước Tỳ-xá-ly. Từ Địa cùng các Ly-xa [149] là thân tình tri thức. Các Đại Ly-xa [150] nghe Tỳ-kheo Từ Địa đến Tỳ-

---

[147] Hết quyển 52.

[148] Xem Phần i, Ch. ii. Tăng-già-bà-thi-sa 8 & 9.

[149] Các đoạn trước phiên âm là Lê-xa.

[150] Hán: chư đại Ly-xa 諸大離奢; bản Hán hiểu đại là danh từ chung. Nhưng, đại cũng có thể coi là dịch nghĩa tương đương Pāli Vattha: (thịnh vương, hay tăng trưởng). Do đó, Đại là tên người, một người Ly-xa tên là

xá-ly, liền đến thăm hỏi Tỳ-kheo Từ Địa, nhưng Từ Địa không trả lời. Các Ly-xa thấy vậy hỏi:

- Thưa Trưởng lão, chúng tôi có điều gì xúc phạm Ngài hay sao, mà Ngài không ứng đáp những điều chúng tôi thăm hỏi?

Từ Địa nói:

- Tôi bị Đạp-bà-ma-la Tử khinh mạn quấy nhiễu, mà các ông không hỗ trợ cho tôi, thì làm sao tôi ứng đáp những lời thăm hỏi của ông được.

Các Ly-xa nói:

- Chúng tôi yểm trợ bằng cách nào để Đạp-bà-ma-la Tử khỏi phải xúc phạm Ngài ?

Từ Địa nói:

- Các ông chờ khi nào Phật và chúng Tăng tập hợp đông đủ, đến thưa như thế này: "Bạch Đại đức, có việc như vầy, không thiện, không tùy thuận, chẳng phải oai nghi, không thích thời. Chúng tôi tưởng nơi đây là thanh tịnh an lạc không có sự khủng bố, mà ngược lại nơi đây lại sinh ưu não, như nước sinh ra lửa. Vì sao vậy? Đạp-bà-ma-la Tử xâm phạm vợ chúng tôi. Chúng Tăng nên hòa hợp để tẫn xuất." Như vậy sẽ không còn quấy nhiễu tôi nữa.

Các Ly-xa nói:

- Việc đó đâu có gì khó.

Đại, không phải hình dung từ. Pāli: Vattha-Licchavī.

Đại Ly-xa này [151] đến chỗ Đức Phật và đại chúng nói như trên. Bấy giờ, Đạp-bà-ma-la Tử ngồi cách Đức Phật không xa. Đức

Phật biết mà vẫn hỏi Đạp-bà-ma-la Tử:

- Thầy có nghe các Ly-xa này nói không? Thưa:

- Bạch Thế Tôn, con có nghe. Thế Tôn biết rõ việc đó. Đức Phật nói với Đạp-bà-ma-la Tử:

- Thầy không nên trả lời như vậy. Thật thì nói là thật. Dối thì nói là dối.

Đạp-bà-ma-la Tử nghe Đức Phật nói vậy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chấp tay bạch Phật:

- Từ khi con sinh ra đến bây giờ, trong mộng cũng chưa từng phạm dâm, huống nữa là khi thức.

Đức Phật dạy:

- Lành thay! Lành thay! Đạp-bà-ma-la Tử. Đây là câu trả lời hay.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các thầy hỏi Đại Ly-xa kia, phải chăng đã vu khống Tỳ-kheo thanh tịnh Đạp-bà-ma-la Tử bằng pháp bất tịnh không căn cứ?[152] Dùng pháp bất tịnh không cứ để vu khống Tỳ-kheo thanh tịnh thì mắc tội nặng lớn.

---

[151] Vin.ii. 124: Vattha, người Licchavī, thân tình của các Tỳ-kheo nhóm Mettiya-bhūmajaka. Ngũ phần 26 (T22n1421 tr.174c05): Lô-di Lực sĩ tử 盧夷力士子 nghe lời Từ Địa vu khống Tỳ- kheo Đà-bà 陀婆比丘.

[152] Vô căn bất tịnh pháp 無根不淨法; ở đây được hiểu là pháp phi tịnh hạnh không căn cứ. Tội danh chính xác là - vu khống bằng Ba-la-di không căn cứ.

Các Tỳ-kheo vâng lời Thế Tôn, liền gạn hỏi Đại Ly-xa:

- Ông có thể nói thật, việc này là thế nào? Đừng dùng pháp bất tịnh không căn cứ để vu khống Đạp-bà-ma-la Tử. Dùng pháp bất tịnh không căn cứ để vu khống Tỳ-kheo thanh tịnh thì mắc tội nặng lớn. Các Đại Ly-xa bị các Tỳ-kheo cật vấn liền nói như sau:

- Đạp-bà-ma-la Tử thanh tịnh không có sự bất tịnh hạnh. Việc này do Tỳ-kheo Từ Địa bảo tôi nói như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Đại Ly-xa: Đạp-bà-ma-la Tử thật không làm bất tịnh hạnh, tại sao lại dùng vô căn bất tịnh để vu khống? Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn tập họp Tỳ-kheo Tăng dùng vô số phương tiện quở trách Đại Ly-xa:

- Ông làm điều sai quấy, không phải hạnh tùy thuận, chẳng phải hạnh thanh tịnh.[153] Tại sao dùng pháp vô căn bất tịnh để vu khống Đạp-bà-ma-a Tử?

Dùng vô số phương tiện quở trách rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

---

[153] Văn thuật theo quán tính truyền khẩu. Không thể khiển trách cư sỹ bằng những lời không phù hợp như vây.

- Từ nay về sau, kết cho Đại Ly-xa pháp phúc bát,[154] không tới lui nói chuyện, bằng pháp bạch nhị yết-ma.

Nhà bạch y có năm pháp [155] nên trao cho pháp phúc bát: Không hiếu thuận cha, không hiếu thuận mẹ, không kính Sa-môn, không kính Bà-la-môn, không cung sự Tỳ-kheo. Nếu ai phạm vào năm pháp như vậy thì nên trao cho pháp phúc bát.

Và có năm pháp không nên trao cho pháp phúc bát: Hiếu thuận cha, hiếu thuận mẹ, cung kính Sa-môn, cung kính Bà-la-môn, kính sự Tỳ-kheo. Nếu ai có năm pháp như vậy thì không trao cho pháp phúc bát.

Lại có mười pháp chúng Tăng nên trao cho pháp phúc bát: Mắng chửi Tỳ-kheo, làm cho Tỳ-kheo bị tổn giảm, làm cho không lợi ích, phương tiện khiến cho không có trú xứ, gây xáo trộn cho Tỳ-kheo, trước Tỳ-kheo nói xấu Phật-pháp-tăng, dùng pháp vô căn bất tịnh vu khống Tỳ-kheo, phạm Tỳ-kheo-ni. Ai phạm vào mười pháp như vậy, thì tăng nên trao cho pháp phúc bát.

Như vậy, có chín, tám, bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai, một pháp [156] là mắng chửi Tỳ-kheo, nếu phạm

---

[154] Phúc bát 覆; úp bát. Pāli: Patta nikkujjatum.

[155] Luật Pāli, Vin. ii. 125, có tám điều: khiến Tỳ-kheo mất lợi dưỡng (bhikkhūna alābhāya), khiến Tỳ-kheo mất lợi ích (anatthāya), khiến Tỳ-kheo mất chỗ ở (avāsāya), mắng chưởi Tỳ- kheo (bhukkhū akkosati paribhāsati)), gây chia rẽ Tỳ-kheo (bhikkhū bhikkhūhi bhedeti), huỷ báng Phật (buddhassa avaññа bhāsati), huỷ báng Pháp, huỷ báng Tăng.

[156] Từ phạm cả 10 điều, cho đến chỉ phạm 1 điều.

vào một trong mười pháp, Tăng cần phải tác pháp phúc bát. Theo thể thức sau: Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc xảy ra như trên mà tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Đạp-bà-ma-la Tử thanh tịnh, mà Đại Ly-xa dùng pháp Ba-la-di không căn cứ để vu khống. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Nay tăng vì Đại Ly-xa tác pháp phúc bát, không lui tới quan hệ nữa. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Đạp-bà-ma- la Tử thanh tịnh, mà Đại Ly-xa dùng pháp Ba-la-di không căn cứ để vu khống. Nay Tăng tác pháp phúc bát, không lui tới quan hệ nữa. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng vì Đại Ly-xa tác pháp phúc bát, không quan hệ nữa, thì im lặng. Ai không đồng ý xin nói.

- Tăng đã đồng ý vì Đại Ly-xa tác yết-ma phúc bát, không lui tới quan hệ nữa. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Cho phép, sai sứ giả đến chỗ Đại Ly-xa nói:

- Tăng vì ông tác pháp phúc bát, không tới lui quan hệ,[157] bằng pháp bạch nhị yết-ma rồi.

Người có đủ tám pháp này nên sai đến: Có khả năng nghe, có khả năng nói, tự mình hiểu rõ, có khả năng khiến người khác hiểu rõ, có khả năng

[157] Pāli: asabhogam sanghena, không cộng sự với Tăng.

thọ giáo, có khả năng ghi nhớ, không nhầm lẫn, phân biệt được nghĩa tốt xấu. Người nào có tám pháp như vậy nên sai làm sứ giả cho Tăng.

Phật nói kệ:

Nếu ở trong đại chúng Tâm không có khiếp nhược Lời nói cũng không thêm Thọ giáo không thêm bớt.

Nói không có lẫn lộn Bị hỏi không dao động: Tỳ-kheo có như vậy

Có thể được Tăng sai.

Tôn giả A-nan có tám pháp như vậy. Cho phép bạch nhị yết-ma Tăng sai làm sứ giả, đến nói với Đại Ly-xa: Nay đã Tăng trao cho ông pháp phúc bát, không tới lui quan hệ. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Nay tăng sai A-nan vì Tăng làm sứ giả, đến chỗ Đại Ly-xa nói: "Nay đã Tăng trao cho ông pháp phúc bát, không tới lui quan hệ." Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng sai A-nan vì Tăng làm sứ giả đến chỗ Đại Ly-xa nói: "Nay Tăng đã trao cho ông pháp phúc bát, không tới lui quan hệ." Các Trưởng lão nào chấp thuận Tăng sai A- nan vì Tăng làm sứ giả thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Tăng đã đồng ý sai A-

nan vì Tăng làm sứ giả, đến chỗ Đại Ly-xa nói: "Nay Tăng đã trao cho ông pháp phúc bát, không tới lui quan hệ."

Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan khoác y bưng bát đến nhà Đại Ly-xa. Khi ấy Đại Ly-xa đang đứng dưới cửa chải tóc. Từ xa ông thấy A-nan đến nên vội vàng thu dọn dụng cụ chải tóc, nghinh đón A-nan, bạch:

- Lành thay Đại đức! Mời Đại đức vào nhà. Tôn giả A-nan trả lời:

- Tôi không được vào nhà ông, nhận chỗ ngồi và thức ăn cúng dường. Ly-xa thưa:

- Tại sao vậy, thưa Đại đức A-nan? Đáp:

- Tăng đã vì ông tác pháp phúc bát, không tới lui quan hệ. Ly-xa hỏi:

- Vì lý do gì?

Tôn giả A-nan liền đem sự việc trình bày lại. Ly-xa liền thốt lên:

- Đại đức A-nan ơi, như vậy là giết con rồi!

Ly-xa liền ngất xỉu, té xuống đất. Một hồi lâu mới tỉnh lại, lấy tay chùi nước mắt, bạch với Tôn giả A-nan:

- Con phải làm sao để được giải yết-ma, được tới lui quan hệ? Tôn giả A-nan nói:

- Ông nên đến sám hối chúng Tăng.

Đại Ly-xa tùy thuận chúng Tăng, không dám trái nghịch, đến Tăng xin giải yết-ma phúc bát, để được tới lui. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu Đại Ly-xa đã tùy thuận chúng Tăng không dám trái nghịch, đến tăng xin giải yết-ma phúc bát, để chư tăng tới lui quan hệ, thì nên xả bằng pháp bạch nhị yết-ma. Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng vì Đại Ly-xa giải pháp phúc bát không tới lui quan hệ, vì đã tùy thuận chúng Tăng không dám trái nghịch, đến Tăng xin giải yết-ma phúc bát không tới lui quan hệ. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tăng đã vì Đại Ly-xa tác yết-ma phúc bát không tới lui quan hệ. Nay người ấy đã tùy thuận chúng Tăng không dám trái nghịch, đến Tăng xin giải yết-ma phúc bát không tới lui quan hệ. Nay Tăng vì Đại Ly-xa giải yết-ma phúc bát để tới lui quan hệ. Các Trưởng lão nào đồng ý, Tăng vì Đại Ly-xa giải pháp yết-ma phúc bát để tới lui quan hệ thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận vì Đại Ly-xa giải yết-ma phúc bát để tới lui quan hệ rồi nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

28. Yết-Ma Trì Gậy

Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di ở tại A-lan-nhã, đốt cỏ nơi đường đi, ngọn lửa cháy mạnh lan tràn cháy luôn cả khu vườn Lộc uyển của vua Ba- tư-nặc, khiến cư sĩ cơ hiềm: Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, đoạn mạng chúng sinh, mà tự xưng tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi đốt vườn Lộc uyển của vua? Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được đốt như vậy.

Bấy giờ, có các Tỳ-kheo trên đường đi có cỏ, các ngài đề phòng và e ngại, Đức Phật cho phép dùng tre đè lên cỏ, hoặc đá hay cây đè lên trên.

Khi ấy, bên ngoài Kỳ-hoàn lửa cháy rừng tràn lan. Các Tỳ-kheo không biết làm cách nào, liền bạch Phật. Đức Phật cho phép dọn trống một khoảng cỏ, hoặc đào hầm làm cho gián đoạn, hay dùng đất dập cho tắt ngọn lửa. Trong khi lo toan lửa đốt có một Tỳ-kheo già yếu không có cây gậy để đi, không có đãy đựng bát, vị ấy tự nghĩ ta phải làm thế nào đây? Vị ấy liền bạch với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy: Cho phép Tăng vì Tỳ-kheo già yếu kia cho sử dụng gậy và đãy đựng bát,[158] bằng pháp bạch nhị yết-ma như sau: Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

---

[158] Đoạn này liên hệ với việc Bát-nan-đà treo bát vào gậy rồi quảy đi, ở trên

- Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… già yếu, không thể đi đâu nếu không có đãy đựng bát, không có gậy. Vị kia đến xin Tăng được sử dụng gậy và đãy đựng bát. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho phép Tỳ-kheo già yếu tên... này sử dụng gậy và đãy đựng bát. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là... già yếu, không thể không đi đâu nếu không có gậy và đãy đựng bát. Nay đến Tăng xin sử dụng gậy và đãy đựng bát. Nay Tăng cho Tỳ-kheo này sử dụng gậy và đãy đựng bát. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng cho Tỳ-kheo già yếu tên... sử dụng gậy và đãy đựng bát thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì xin nói.

- Tăng đã chấp thuận cho Tỷ kheo... sử dụng gậy và đãy đựng bát rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

29. Im Lặng Cho Qua

Bấy giờ, Xá-lợi-phất thấy khi chúng Tăng tác phi pháp yết-ma, có người không đồng ý, nhưng muốn im lặng để cho qua. Đức Phật dạy: Cho phép im lặng.

Có năm pháp không nên im lặng: Như pháp yết-ma mà không đồng ý, im lặng cho qua. Có bạn tán thành sự đồng ý, cũng im lặng cho qua. Thấy tội nhỏ mà im lặng. Người tác biệt trụ mà im lặng.

Trên giới trường mà im lặng. Năm pháp như vậy mà im lặng là phi pháp.

Có năm pháp nên im lặng: Thấy người khác phi pháp nên im lặng. Không có đồng bạn nên im lặng. Phạm trọng nên im lặng. Đồng trú nên im lặng. Tại phạm vi đồng trú nên im lặng. Năm pháp như vậy nên im lặng.

Có năm pháp nên hòa hợp: Nếu như pháp nên hòa hợp. Nếu im lặng cho qua. Nếu giữ dục. Nếu nghe từ người đáng tin cậy. Nếu trước đã ở trong im lặng mà ngồi. Năm việc như vậy nên hòa hợp.

30. Chúc Lành - Thề Thốt

1. Bấy giờ, Đức Thế Tôn tại Kỳ-hoàn đang nói pháp cho vô số Tỳ-kheo, bỗng nhiên Ngài nhảy mũi. Các Tỳ-kheo liền chú nguyện: Cầu cho trường thọ![159]

Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng đồng nói,

- Cầu cho trường thọ! Đại chúng trở thành náo nhiệt. Phật nói:

- Không được chúc như vậy.[160]

Bấy giờ, có cư sĩ nhảy mũi, các Tỳ-kheo e ngại không dám chúc lành - sống lâu. Các cư sĩ đều cơ hiềm nói: Chúng tôi nhảy mũi mà các Tỳ-kheo không chú nguyện cho sống lâu. Các Tỳ-kheo

---

[159] Một tập quán mê tín phổ biến, khi có chuyện bất thường, người ta cầu nguyện và chúc lành.

[160] Cf. Vin.ii. 140: Phật nói, - Các ngươi chúc sống lâu, có ai chết hay sống vì vậy chăng?

bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép chú nguyện sống lâu.[161]

Bấy giờ, các cư sĩ kính lễ Tỳ-kheo. Tỳ-kheo e ngại không nói lời chúc lành sống lâu, vì Đức Thế Tôn không cho phép Tỳ-kheo chú nguyện. Các cư sĩ cơ hiềm nói: Chúng tôi kính lễ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không chú nguyện cho chúng tôi sống lâu. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép nói lên lời chú nguyện sống lâu.

2. Bấy giờ, Nhóm sáu Tỳ-kheo vì một việc nhỏ mà thề: Nếu tôi làm như vậy sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; không sinh trong Phật pháp. Nếu người khác làm như vậy, cũng sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, không sinh trong Phật pháp.[162] Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

- Không được thề như vậy. Cho phép nói như vầy: Nếu tôi có làm việc như vậy thì Nam-mô Phật. Nếu người kia có làm việc như vậy thì cũng Nam-mô Phật.

31. Giây Nịt

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo chứa cất giây lưng mà ở đầu đặt tai nấm.[163] Đức Phật dạy:

- Không được như vậy.

---

[161] Vin.ii. 140: Gihī bhikkhave magalikā, Này các Tỳ-kheo, đó là sự chúc lành của người thế tục.

[162] Xem Tỳ-kheo-ni, Ba-dật-đề 88.

[163] Cf. Vin. ii. 136, quy định về giây thắt lưng (kāyabandha): Tỳ-kheo vào tụ lạc khất thực mà không có thắt lưng, phạm Đột-kiết-la. Lục quần Tỳ-kheo làm giây nịt bện (kalbuka), có hình đầu rắn nước (dettubhaka), có hình cái trống (muraja), gắn các khoen tai.

Có vị chứa cất giây giày. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lại chứa cất giây đai xà-đề-ra.[164] Đức Phật dạy:

- Không được như vậy.

Có vị chứa cất giây đai tán diên.[165] Đức Phật dạy:

- Không được như vậy. Các ông là những người ngu si, tránh những điều ta cấm chế, lại đi làm các việc khác. Từ nay về sau, tất cả các loại giây như vậy không được sử dụng.[166]

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo lại cất chứa loại giây vừa dài vừa rộng. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy, cho phép làm giây lưng rộng ba ngón tay, dài đủ quấn ba vòng vào lưng.

Nhóm sáu Tỳ-kheo lại nhuộm giây lưng màu thực. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy.

Vị kia làm giây đai gấm. Phật nói:

- Không được như vậy.

Có vị làm giây lưng màu trắng. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy. Cho phép làm giây lưng bằng màu ca sa.

---

[164] Xà-đề-na 闍提那帶. Skt. janila: đai bện ? Xem cht. 112 dưới

[165] Tán diên 散帶: đai có tua rẻo? Xem cht. 112 dưới.

[166] Tham chiếu, Pāli, Vin.ii. 136: Phật cho phép hai loại đai, pattika: đai bằng giải dài; sūkaranta: đai hình đuôi heo? Hán dịch Nam truyền dịch là biên đái : đai bện. Bản Anh, bỏ trống, nói là không dịch được.

32. Gốm

Bấy giờ, có người thợ gốm tin ưa Phật pháp, làm các thứ đồ dùng cúng cho các Tỳ-kheo. Tỳ-kheo không dám nhận, bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép nhận.

Có ba loại đồ không nên cất chứa: Giường ngồi bằng sành, hộc bằng sành; thưng, đấu, hạp bằng sành.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử đến nhà thợ đồ gốm, ngồi trên đồ sành, bị trượt té, làm vỡ đồ, và nằm ngửa lộ hình. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được ngồi trên đồ sành. Cũng không nên ngồi gấp đùi nơi nhà bạch y.

33. Chú Thuật

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo tụng thư chú, bùa kiết hung của ngoại đạo để an trí nhà, chú chi tiết, chú sát-lợi, chú thi-bà-la, chú biết người sống chết tốt xấu, chú hiểu rõ các thứ âm thanh.[167] Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật bảo:

- Không được tụng như vậy.

Có vị dạy người khác. Phật bảo:

- Không được dạy như vậy.

Vị kia dùng nghề này để nuôi sống. Đức Phật dạy:

---

[167] Xem, Tỳ-kheo-ni, Ba-dật-đề 107 & 108.

- Không được sống như vậy.[168]

34. Răng-Lưỡi

1. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bị hôi miệng, Đức Phật bảo nên xỉa răng. Không xỉa răng có năm điều lỗi: Miệng hôi, không phân biệt mùi vị, tăng thêm sức nóng, không dẫn thực, mắt không sáng. Đó là năm điều lỗi của không xỉa răng.

Xỉa răng có năm điều lợi ích: Miệng không hôi, phân biệt được mùi vị, tiêu sức nóng, dẫn thực, mắt sáng. Đó là năm điều lợi của việc xỉa răng. Đức Thế Tôn cho phép xỉa răng. Vị kia dùng cây dài xỉa răng. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy, dài nhất là một gang tay.[169] Có vị xỉa bằng cây hiếm có.[170] Đức Phật dạy:

- Không được xỉa như vậy.

Có vị xỉa bằng loại lá tạp. Đức Phật dạy:

- Không được xỉa như vậy.

Có vị xỉa toàn bằng vỏ. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy.

Có Tỳ-kheo xỉa bằng cây tăm ngắn, khi thấy Đức Phật, vì cung kính nên nuốt vào, bị bệnh. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy. Ngắn nhất là bốn ngón

---

[168] Xem, Tỳ-kheo-ni, Ba-dật-đề 169 & 170.

[169] Pāli, Vin.ii. 138: dài nhất là 8 ngón tay. Ngắn nhất là 4 ngón tay.

[170] Tước dương chi kỳ 楊枝奇. Chưa rõ nghĩa.

tay. Có vị xỉa nơi chỗ nhiều người, hoặc nơi nhà mát, nơi nhà ăn, nơi nhà kinh hành, các Tỳ-kheo thấy gớm bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy. Có ba việc nên làm nơi chỗ khuất: Đại tiện, tiểu tiện và xỉa răng. Ba việc này nên làm chỗ khuất.

2. Bấy giờ, có các Tỳ-kheo trên lưỡi có nhiều chất bẩn, Đức Phật cho phép dùng cây nạo lưỡi để nạo. Có vị dùng cây quí báu làm cây nạo lưỡi. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy, cho phép dùng sừng, xương, đồng, sắt, bạch lạp, thiết, kẽm, cỏ xá la, tre, trúc, cây để làm.

Có vị không rửa mà nạo, Tỳ-kheo khác thấy gớm. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy.

Có vị rửa rồi không để khô, đem dùng nên bị hư. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy.

Các Tỳ-kheo khi ăn, thức ăn nhét vào kẽ răng. Phật cho phép dùng vật gì để móc ra. Có vị dùng đồ quí để làm. Đức Phật dạy:

- Không được dùng vật quí báu để làm, nên dùng xương, sừng cho đến tre, trúc cây để làm. Có vị dùng rồi mà không rửa đem cất, các Tỳ- kheo thấy gớm. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy. Nên rửa rồi mới cất.

Có vị rửa rồi không để khô, đem cất bị hư. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy. Phải để khô rồi mới cất.

3. Các Tỳ-kheo lỗ tai bị bẩn. Phật cho phép dùng cái móc tai để móc. Có vị dùng vật quý báu để làm. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy. Nên dùng xương, sừng, cho đến trúc, tre, cây để làm. Có vị dùng rồi không rửa đem cất, các Tỳ-kheo khác thấy gớm. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy, nên rửa rồi mới cất. Có vị không để khô mà đem cất bị hư. Đức Phật dạy:

- Không được như vậy. Nên để khô rồi mới cất.

35. Nuôi Cầm Thú

Phật ở tại nước Xá-vệ. Khi ấy, các Tỳ-kheo nuôi nhiều chim, kéc, sáo; đầu đêm, cuối đêm kêu la inh ỏi, náo loạn các Tỳ-kheo ngồi thiền. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được nuôi các loài chim như vậy.

Thế Tôn ở tại Câu-thiểm-di. Bạt-nan-đà Thích tử nuôi chó. Thấy các Tỳ-kheo, nó sủa. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được nuôi.

Thế Tôn ở tại nước Bà-kỳ-đề. Tỳ-kheo Tỳ-xá-

ly Bà-xà Tử [171] nuôi một con gấu. Nó xé y, làm bể bát, rách tọa cụ, hư ống đựng kim, thậm chí làm cho Tỳ-kheo bị thương nơi thân thể. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được nuôi.

Thế Tôn ở tại nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ có các Ly-xa cỡi voi, ngựa, xe cộ, cầm đao kiếm để ngoài cửa chùa, vào trong thăm hỏi Đức Thế Tôn. Nhóm sáu Tỳ-kheo ra ngoài chùa, cỡi voi, ngựa, xe cộ và lấy gươm đao của họ cùng nhau vui đùa. Các cư sĩ thấy cơ hiềm nói: Sa- môn Thích tử không biết hổ thẹn, không biết yểm túc, nên mới cỡi voi, ngựa, xe cộ và cầm đao kiếm đùa giỡn như quốc vương đại thần. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Tỳ-kheo không được cỡi voi, ngựa, xe cộ để đùa giỡn. Tỳ-kheo cũng không được cầm đao kiếm như vậy.

Bấy giờ, có các Tỳ-kheo bậc thượng tọa già bệnh không thể từ trú xứ này đến trú xứ kia, nhưng vì e ngại không dám cỡi ngựa. Đức Phật dạy:

- Cho phép đi bằng loại xe kéo, hoặc do đàn ông kéo hay do súc sinh loài đực kéo.

Vị kia bị mạng nạn, phạm hạnh nạn, e ngại không dám cỡi ngựa chạy trốn. Đức Phật dạy:

- Nếu có những trường hợp như vậy, cho phép

---

[171] Bà-xà Tử 婆闍子. Trên kia, phiên âm là Bạt-xà-Tử.

cỡi voi, ngựa để trốn.

Bấy giờ, có bạch y đem đao kiếm đến gởi nhờ các Tỳ-kheo cất.

Các Tỳ-kheo e ngại không dám nhận vì Đức Thế Tôn không cho phép cầm đao kiếm, bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép, vì đàn-việt cần sự kiên cố nên nhận cất.

36. Ưu-Đà-Diên

Thế Tôn ở tại nước Câu-thiểm-di. Bấy giờ vua Ưu-đà-diên [172] là bạn thân quen với Tân-đầu-lô.[173] Sớm chiều vua thường hay đến thăm viếng.

Bấy giờ, có một vị đại thần Bà-la-môn bất tín, đến vua tâu:

- Tại sao Đại vương sớm chiều đến thăm viếng con người làm nghề hạ tiện ấy? Thấy vua không đứng dậy chào.

Vua trả lời:

- Sáng sớm ngày mai ta sẽ đến. Nếu vẫn không đứng dậy, sẽ giết.

Sáng sớm ngày hôm sau, vua đến chỗ Tân-đầu-lô. Từ xa Tân-đầu-lô thấy vua đến, liền nghĩ:

- Hôm nay vua đến với ác tâm, nếu ta không đứng dậy thì vua sẽ giết. Nếu ta đứng dậy thì vua

---

[172] Ưu-đà-diên 憂陀延. Pāli: Udena, vua nước Kosambī. Truyện kể trong Pháp cú truyện Pāli, Dhp. 21 (Dhp.A.1. 161).

[173] Pāli, Pittola-Bh?radv?ja, con trai của vị Bà-la-môn tư tế của vua Udena.

sẽ mất vương vị. Không đứng dậy, ta bị mất mạng, vua đọa địa ngục. Ta có nên làm cho vua đọa vào địa ngục chăng? Ta chỉ làm cho vua mất cương vị thôi chăng? Ta quyết định thà làm cho vua mất vương vị, còn hơn là làm cho vua phải đọa địa ngục. Nghĩ xong, Tân-đầu-lô liền đứng dậy, ra ngoài xa đón chào và lên tiếng thăm hỏi trước:

- Lành thay, Đại vương! Vua liền hỏi:

- Hôm nay sao thầy lại đứng dậy đón chào?

Tân-đầu-lô trả lời:

- Tôi vì vua nên đứng dậy chào hỏi. Vua hỏi:

- Hôm qua, sao Thầy lại không đứng dậy chào? Tân-đầu-lô trả lời:

- Hôm qua, tôi cũng vì vua nên không đứng dậy chào. Vua hỏi tiếp:

- Tại sao vì trẫm? Tân-đầu-lô nói:

- Hôm qua, vua đến với thiện tâm. Ngày nay, vua đến với ác tâm. Nếu tôi không đứng dậy chào thì vua sẽ giết. Nếu vua giết tôi thì vua chắc chắn phải đọa vào địa ngục. Tôi nghĩ: Với ác tâm, vua đến. Nếu tôi không đứng dậy, vua sẽ giết tôi. Nếu tôi đứng dậy, vua ắt mất vương vị. Nếu để cho vua giết tôi thì ắt vua đọa vào địa ngục. Thà để vua mất vương vị, chứ không để vua phải đọa địa ngục. Tôi nghĩ như vậy nên đứng dậy.

Vua hỏi: Trẫm sẽ mất vương vị phải không? Tân-đầu-lô trả lời: Vua sẽ mất.

Vua lại hỏi: Bao lâu sẽ mất?

Đáp: Trong vòng bảy ngày sẽ mất.

Vua liền trở về Câu-thiểm-di sửa chữa thành trì, tích trữ lương thực, củi đuốc; tập trung binh tướng, cảnh giác và đếm từng ngày. Nói,

- Nay là ngày thứ nhất. Như thế cho đến ngày thứ bảy. Vua nói: Lời nói của Sa-môn hư dối rồi! Vua liền cùng các thể nữ cỡi thuyền du hý trên Hằng thủy.

Khi ấy, vương quốc Ủy-thiền [174] bảy năm không mưa. Vua nghe nước vua Bình-sa nước Ma-kiệt có ngọc xuất thủy. Nếu ngọc ấy được đưa ra thì trời sẽ mưa liền. Vua nước Ủy-thiền liền khởi bốn bộ binh đến bao vây thành Vương-xá. Nhưng thành kia kiên cố, không cách nào tấn công được, trừ khi gạo nước trong thành hết, mới có thể tấn công được. Bấy giờ, trong thành có vị đại thần có nhiều phương tiện trí tuệ, dùng cọng lau cắm dưới ao, đặt các bông sen vào trên ống lau. Khi ấy vị đại thần kia đến chỗ vua Bình-sa tâu:

- Nay Đại vương có biết chăng? Thành Vương-xá rất kiên cố, không có phương tiện nào có thể tấn công được, chỉ có cách chờ khi lương thực hết thì mới có thể tấn công. Nay chúng ta nên cho sứ giả nói với vua Ba la-thù-đề: Hiện tại, chúng ta có thể đình chỉ không dùng đến voi ngựa, xe cộ, đao

[174] Ủy-thiền 慰禪. Pāli: Ujjenī. Xem chuyện Kỳ-bà chữa bịnh vua Ủy-thiền. Ch. vii. Y.

kiếm để đánh nhau. Ngài có thể dùng các loại hoa ưu-bát-la, bát-đầu-a, câu-đầu-ma, phân-đà-lợi để giao đấu. Tôi cũng sẽ dùng các thứ hoa như vậy để giao đấu, phân định thắng bại. Ngài có thể dùng vắt cơm để cùng đấu tranh, tôi cũng dùng vắt cơm đánh nhau.

Vua chấp thuận và cho sứ thần đến nói với vua Ba-la-thù-đề như trên. Vua nghĩ: Thành Vương-xá kiên cố. Chỉ có khi nào lương thực khô cạn thì mới có thể tấn công. Mà trong thành lương thực hết sức phong phú. Vua kia liền trả lời với xứ sứ thần:

- Ta không vì chiếm thành mà đến đây. Vì trong nước ta, bảy năm nay không mưa. Ta nghe nói trong nước của ông có ngọc thủy châu, nếu đưa ngọc ấy ra thì trời liền mưa, do vậy cho nên ta đến đây.

Sứ thần nói:

- Sao ngay lúc đầu, Đại vương không nói cần ngọc châu? Nếu Đại vương nói cần ngọc châu thì chúng tôi trao cho liền. Nay vua có thể rút binh. Chúng tôi sẽ đưa ngọc châu đến.

Vua liền rút quân hướng về nước Câu-thiểm-di. Trên đường vua kia nghe tiếng cười giỡn của vua Ưu-đà-diên cùng thể nữ, liền hỏi người bên cạnh:

- Tiếng vui đùa của ai đó? Quan cận thần trả

lời:

- Đại vương biết chăng? Tiếng vui đùa đó là của vua Ưu-đà-diên cùng thể nữ vui chơi trên ghe thuyền nơi sông Hằng thủy.

Vua liền ra lệnh cho vị cận thần:

- Đừng khua động! Thả con voi đến bờ Hằng thủy.

Người ấy liền thả một con bạch tượng đệ nhất. Người nài núp theo voi. Vị đại thần vua Ưu-đà-diên ra thấy con bạch tượng, tâu với vua:

- Có một con voi rừng. Vua liền ra lệnh:

- Đừng làm khua động. Cặp thuyền vào bờ!

Thuyền vừa cặp sát bờ, vua Ưu-đà-diên rành về nghề huấn luyện voi, liền tụng chú thuật, gảy đàn cầm, đến trước con voi để bắt nó. Người nài liền bắt vua. Vua rất hoảng sợ. Người kia hỏi vua:

- Vua sợ lắm phải không?

Vua đáp: Sợ.

Người kia nói:

- Vua chớ nên sợ.

Vua Ba-la-thù-đề cần gặp vua.

Vua lại càng sợ:

- Ba-la-thù-đề sẽ giết ta và tùy tùng của ta!

Vua liền bị trói, được hộ tống đến chỗ vua Ba-la-thù-đề. Vua được hỏi:

- Ngài có sợ không?

Đáp: Sợ.

Nói:

- Ngài chớ nên sợ! Ngài hãy dạy thuật điều phục voi cho con trai tôi là Câu-ba-la, và dạy đàn cầm cho con gái của tôi.

Vua được đưa về nước Ủy-thiền, bị xích chân trong thời gian bảy năm.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử từ nước Câu-thiểm-di, chỗ của Xà-di-bạt-đề [175] Phu nhân đến nước Ủy-thiền chỗ Ưu-đà-diên. Rồi mang tin của Ưu-đà-diên đến chỗ phu nhân. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Tỳ-kheo không nên làm sứ giả cho người bạch y. Nếu làm thì phạm Đột-kiết-la.[176]

Khi ấy, vua kia dạy nghệ thuật điều khiển voi cho con trai, và dạy đàn cho con gái của vua. Sau đó một thời gian vua kia lại cùng Vương nữ tư thông với nhau. Vương tử Câu-ba-la biết, nhưng lại nghĩ: Nếu ta tâu với vua cha thì chắc chắn vua kia bị giết. Vua kia là thầy dạy ta một cách khổ cực. Đây là vương nữ. Kia là vua. Cũng thích hợp thôi. Bèn che dấu không nên cho ai biết.

Sau đó, vua Ưu-đà-diên muốn tẩu thoát, nên tự trang bị cho mình một con voi cái chạy nhanh nhất. Câu-ba-la cũng biết điều đó, nhưng lại nghĩ:

---

[175] Xà-di-bạt-đề 奢彌跋提. Pāli: Sāmāvati, con gai của Ghosita, người đã cúng tinh xá Ghositārāma (Cù-sư-la viên).

[176] Xem, Tỳ-kheo, Tăng-già-bà-thi-sa 5.

Vua kia trang bị cho mình một con voi chạy nhanh nhất là muốn trốn thoát. Nếu ta báo cáo với vua cha thì chắc chắn vua này bị giết. Vua kia là Thầy dạy ta một cách khổ sở. Bèn dấu không cho ai biết. Vua kia để Vương nữ lên trên voi, với thời gian nhanh nhất, như thời gian chén lưu ly trên lưng voi rơi xuống chưa tới đất, đã từ nước Ủy- thiền đến nước Câu-thiểm-di. Vua kia đi thẳng đến chỗ Xa-di-bạt-đề phu nhân, nói như sau:

- Trong khi ta bị bắt, có nguyện sẽ cúng dường cho tám Bà-la-môn tất cả những thứ cần dùng, một cách đầy đủ. Nay ta muốn làm điều đó. Phu nhân hãy sắm sữa cho đủ.

Phu nhân trả lời:

- Nếu như vậy thì cả voi ngựa, xe cộ, vàng bạc, bảy báu của vua và bản thân của thần thiếp, tất cả đều đem dâng hết cho một vị thôi. Vị ấy thọ nhận mà không bao giờ thấy đủ. (Nói chi đến tám)

Vua nói:

- Vậy nên làm thế nào? Phu nhân trả lời:

- Ma-ha Ca-chiên-diên [177] này là đại Sa-môn. Nay ta có thể thỉnh ngài và thỉnh thêm bảy vị Tỳ-kheo nguyên thuộc dòng dõi Bà-la-môn, như vua đã nguyện để cúng dường. Pháp của tám vị này là không thọ nhận những thứ đó. Dâng cho, cũng

[177] 177. Ma-ha Ca-chiên-diên 摩訶迦旃延. Pāli: Mahā-Kaccāyana. Sinh quán tai Ujjena, con trai một người Bà-la-môn, đại thần của vua Ujjena. Ngài nhận chỉ giáo của Phật, cùng 7 Tỳ-kheo, đồng là bạn cũ, về hoằng pháp tại bản địa.

không nhận.

Vua nói:

- Như vậy là được.

Vua Ưu-đà-diên liền đến chỗ Ca-chiên-diên, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Ca-chiên-diên dùng mọi phương tiện vì vua nói pháp, khiến được hoan hỷ. Vua nghe pháp hoan hỷ rồi, bạch:

- Xin mời Ngài và bảy vị nữa nhận lời mời thọ thực của tôi vào ngày mai.

Ca-chiên-diên im lặng nhận lời. Vua biết Ca-chiên-diên nhận lời bằng cách im lặng rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu mặt kính lễ sát chân, hoan hỷ cáo lui.

Vua về đến nhà chuẩn bị các thức ăn ngon bổ, sáng sớm ngày mai đến thỉnh Ca-chiên-diên và bảy vị đến thọ thực.

Sáng sớm hôm ấy, Ca-chiên-diên khoác y, bưng bát và bảy vị kia đến cung của vua Ưu-đà-diên, trải chỗ ngồi an tọa.

Vua Ưu-đà-diên tự tay bào chế các thức ăn ngon bổ cúng dường các vị cho được no đủ rồi, khi ăn xong, cất bát, lấy bình bằng vàng đựng nước dâng, đem voi ra hiến. Ca-chiên-diên nói:

- Thôi, đủ rồi, Đại vương. Như thế là đã cúng dường. Chúng tôi không thích hợp để thọ nhận những vật cúng dường như vậy.

Vua lại đem xe, ngựa, người, huỳnh kim, vàng bạc, lưu ly, pha lê, chân châu, xa cừ, mã não, bảy báu dâng cúng. Ca-chiên-diên nói:

- Thôi, đủ rồi, Đại vương. Như thế là đã cúng dường. Chúng tôi không thích hợp để thọ nhận những vật cúng dường như vậy.

Vua Ưu-đà-diên liền đảnh lễ Ca-chiên-diên rồi, lấy một chiếc ghế thấp để ngồi. Ca-chiên-diên dùng mọi cách vì vua nói pháp, khiến được hoan hỷ rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Khi về đến chùa, Ca-chiên-diên bạch với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch phật. Đức Phật dùng nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, vì các Tỳ-kheo nói giới uẩn, gồm các điều lớn nhỏ:[178]

- Như lai xuất thế. Ngài là vị Ứng cúng, Chánh biết tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ở giữa các chúng hội gồm chư thiên, nhân loại, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên ma, Phạm vương, Ngài đã tự giác ngộ chứng tri, vì người nói pháp. Pháp ấy, khoảng đầu thiện, khoản giữa thiện, khoản cuối cũng thiện; có đầy đủ văn nghĩa, mở bày tịnh hạnh.

- Nếu cư sĩ hay con cư sĩ nghe, hoặc người sinh

---

[178] 178. Đại tiểu trì giới kiền độ 大小持戒揵度. Chi tiết quá trình tu tập giới của Tỳ-kheo, từ khi mới xuất gia cho đến khi chứng quả A-la-hán. Tất cả những điều này tập hợp lại dưới một bộ môn gọi là giới thân, giới uẩn, hay giới kiền độ, hay gọi là Thánh giới tụ. Điển hình đầy đủ về quá trình tu tập Thánh giới này, có thể xem Trung A-hàm 36, kinh 146 - Tượng tích dụ. Tương đương Pāli, M. 27. C?na-Hatthipadopm-sutta. Tham chiếu các kinh, Trường A-hàm 14 (21. kinh Phạm động, T01n1, tr.88b12), Pāli, D.1 Brahmajāla; Trường A-hàm 17 (27. kinh Sa-môn quả; T01n1, tr.107a20); Pāli, D.2 Sāmaññaphala

trong chủng tánh khác, sau khi nghe chánh pháp ấy, liền sinh tịnh tín; do tâm tín lạc, người ấy nghĩ như vầy: Nay, ta ở nơi gia đình vợ con trói buộc, không thể thuần tu phạm hạnh. Nay ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, do lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

- Rồi một thời gian sau, người ấy từ bỏ tiền tài, dù ít hay nhiều; từ giã thân thuộc, dù ít hay nhiều; cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, bỏ nhà vào nơi không nhà.

- Người ấy, cũng đồng với những người xuất gia khác, xả bỏ sự trang sức tốt đẹp, cùng các Tỳ-kheo đồng giới, không sát sinh, buông bỏ dao gậy, thường có hổ thẹn, từ niệm đối với chúng sinh. Đó gọi là không sát sinh. Xả bỏ trộm cắp, của cho thì lấy, không cho không lấy, tâm vị ấy thanh tịnh, không có tâm ý trộm cắp. Đó gọi là không trộm cắp. Xả bỏ dâm dục, bất tịnh hạnh, tu phạm hạnh, siêng năng tinh tấn, không đắm dục ái, sống trong sạch hương khiết. Đó gọi là xả dâm dục, bất tịnh hạnh. Xả bỏ nói dối, nói như thật, không khi trá đối với đời. Đó gọi là không vọng ngữ. Xả bỏ hai lưỡi, nghe lời nói người này không chuyển đến người kia, nghe lời nói người kia không chuyển đến người này, không gây chia rẻ. Với những ai ly biệt thì khéo làm việc hòa hợp; những ai đã hòa hợp thân ái thì thường khiến cho hoan hỷ, nói ra lời hòa hợp, nói đúng lúc. Đó gọi là không hai

lưỡi. Xa lìa lời thô ác. Những lời nói nào là thô cộc, gây khổ não cho người khác, khiến họ sinh sân nhuế, không hỷ lạc; người ấy trừ bỏ lời thô ác như vậy. Những lời nói nào mà nhẹ nhàng, không sinh oán hại, hay làm việc lợi ích, mọi người ái lạc, ưa nghe; người ấy thường nói ra lời khéo nói lợi ích như vậy. Đó gọi là lời nói không thô ác. Xa lìa lời nói không lợi ích, biết nói đúng lúc, lời nói thật, lời nói lợi ích, lời nói như pháp, lời nói như luật, lời nói chấm dứt tranh cãi, có nhân duyên mới nói, nói lời đúng lúc. Đó gọi là xa lìa lời nói không lợi ích. Không uống rượu, xa lìa chỗ phóng dật. Không đắm hương hoa, anh lạc. Không ca múa xướng hát, cũng không đến xem nghe. Không ngồi trên giường cao rộng. Không ăn phi thời; mà ăn một bửa. Không cần nắm vàng bạc bảy báu.

- Người ấy không nuôi chứa thê thiếp, đồng nữ; không nuôi chứa tôi tớ, voi ngựa, xe cộ, gà chó, heo dê, ruộng đất vườn tược, tích trữ dồn chứa các vật. Không lường gạt, cân già cân non. Không hòa hợp vật ác. Không buôn bán sinh lợi, chặt tay chân người, giết hại mạng sống, bắt nhốt người khác, xâm phạm tiền tài của người; làm người dịch sứ, làm các nghề nghiệp, lời nói hư trá, phát khởi kiện tụng, vất bỏ người khác. Người ấy đoạn trừ các việc bất thiện như vậy.

- Người ấy, khi đi thì biết đúng lúc. Chẳng phải lúc, thì không đi. Ăn vừa đủ no, mặc vừa đủ ấm,

biết đủ mà thôi. Y bát tùy thân. Như chim bay, mang theo hai cánh; Tỳ-kheo cũng vậy, đi đến chỗ nào, y bát tùy thân.

- Không như Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn của tín thí, mà còn mong cầu tích chưa đủ các thứ, ẩm thực, y phục, hương liệu, mỹ vị, xúc chạm, pháp. Người ấy xa lìa sự không biết chán đủ như vậy.

- Không như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của tín thí, mà vẫn tụ tập các hạt giống, trồng trọt cây cối, gieo hạt mầm sống.[179] Người ấy tránh xa những việc như vậy.

- Không như Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn của tín thí, mà còn phương tiện tìm cầu các lợi dưỡng, ngà voi, tạp bảo, giường cao rộng lớn, các thứ chăn đệm thêu thùa, và vác loại da thú nhiều màu sắc. Người ấy xa lìa các lợi dưỡng như vậy.

- Không như Sa-môn, Bà-la-môn khác ăn của tín thí, mà còn phương tiện tìm cầu sự nghiêm sức thân mình, chà xát thân mình bằng dầu bơ, tăm rửa bằng nước thơm, xoa bột thơm vào mình, chải đầu thơm bóng, đeo tràng hoa, nhuộm con mắt xanh, trang điểm đầu và mặt bàng đủ các thứ, buộc giây tơ màu vào cánh tay, cầm gậy,[180] nắm cầm đao kiếm, cây lọng khổng tước, dùng ngọc châu làm quạt, soi gương, mang giày dép nhiều màu, mặc y

---

[179] Nguyên Hán: quỷ thần thôn 鬼神村.

[180] Thông trung trượng 通中杖; trên kia dịch là không trung trượng (Xem ch.ii, mục 19: về gậy quạt). Dịch từ datta(ka), Skt. & Pāli: Gậy, biểu hiện quyền uy.

màu trắng. Người ấy xa lìa những sự trang sức như vậy.

- Không như Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn của tín thí, còn chuyên làm những việc vui đùa, đánh cờ bạc, cờ tám đường, cờ mười đường, các thứ ăn thua với nhau. Người ấy đoạn trừ các thứ vui chơi như vậy.

- Không như Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn của tín thí, mà còn nói những câu chuyện chướng ngại đạo pháp,[181] chuyện vua chúa, chuyện giặc cướp, chuyện chiến trận quân mã, chuyện đại thần, chuyện cỡi ngựa đánh xe, chuyện vườn cảnh, chuyện nằm ngồi,[182] chuyện nam nữ, chuyện y phục ăn uống, chuyện thôn xóm, chuyện quốc độ, chuyện nhớ thương, chuyện thế gian, chuyện đi biển. Người ấy đoạn trừ những câu chuyện chướng ngại đạo như vậy.

- Không như Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn của tín thí, mà còn dùng vô số phương tiện nịnh hót, chải chuốt mỹ từ, hiện tướng dối trá, khen chê dèm pha, lấy lợi cầu lợi. Người ấy xả bỏ những việc tà mạng siểm khúc như vậy.

- Không như Sa-môn Bà-la-môn khác, ăn của tín thí, còn tranh cãi luận nghị với nhau, hoặc ở công viên, hoặc nơi ao tắm, hoặc tại giảng đường;

---

[181] Những câu chuyện chướng ngại đạo, Pāli: Tiracchāna-kathā, súc sinh luận, chỉ những câu chuyện vô ích, ngu si.

[182] Ngoạ khởi sự 臥起事 (?). Có lẽ Pāli senā-katham, chuyện tướng quân, nhưng bản Hán đọc là senāsana-katham.

nói rằng, "Tôi biết pháp luật như vậy. Ông không biết gì. Ông đi theo tà đạo, tôi đi về chánh đạo. Lời nói trước thì ông đặt ra sau. Lời nói sau thì ông đặt ra trước. Tôi có thể nhẫn. Ông không thể nhẫn. Tôi thắng ông. Ông chỉ nói cuồng mà thôi. Cùng ông luận nghị, nay tôi đắc thắng. Hỏi được thì cứ hỏi." Người ấy đoạn trừ tất cả những việc tranh cãi như vậy.

- Không như Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn của tín thí, chỉ tạo phương tiện cầu làm sứ mạng cho vua, đại thần của vua, Bà-la-môn, cư sĩ, đưa tin từ chỗ này đến chỗ kia, từ chỗ kia lại chỗ này, đem tin người này đến người kia, đem tin người kia đến chỗ này, tự mình làm hay bảo người làm. Vị ấy xa lìa những việc làm sứ mạng như vậy.

- Không như Sa-môn Bà-la-môn khác, ăn của tín thí, chỉ làm những việc đấu tranh hý luận, hoặc đấu bằng cung, hoặc đấu bằng đao, hoặc đấu bằng trượng, hoặc đấu bằng gà, hoặc đấu bằng chó, hoặc đấu bằng heo, hoặc đấu bằng dê đen, hoặc đấu bằng dê đực, hoặc đấu bằng nai, hoặc đấu bằng voi, hoặc đấu bằng ngựa, hoặc đấu bằng lạc đà, hoặc đấu bằng bò, hoặc đấu bằng bò rừng, hoặc đấu bằng trâu, hoặc đấu bằng người nữ, hoặc đấu bằng người nam, hoặc đấu bằng đồng tử, hoặc đấu bằng đồng nữ. Vị ấy đoạn trừ các việc đấu tranh vui đùa như vậy.

- Không như Sa-môn, Bà-la-môn khác ăn của

tín thí mà làm những pháp tà mạng trở ngại đạo; tự mình xem tướng nam nữ tốt xấu, hay các loài súc sinh, tìm cầu lợi dưỡng. Vị ấy đoạn trừ các pháp trở ngại đạo như vậy.

- Không như Sa-môn Bà-la-môn khác, ăn của tín thí mà làm các pháp tà mạng trở ngại đạo, tự mình nuôi sống như triệu tập quỷ thần, hoặc sai khiến, thư yếm các loại. Vị ấy đoạn trừ các pháp làm trở ngại đạo như vậy.

- Không như Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn của tín thí mà làm những pháp tà mạng, trở ngại đạo pháp, sống tà mạng, hoặc vì người cầu nguyện bịnh, hoặc tụng ác thuật, hoặc tụng chú cầu nguyện tốt, hoặc trị bịnh đau lưng, hoặc làm cho xuất mồ hôi, hoặc trị bịnh bằng châm cứu, hoặc trị bịnh lỗ mũi, hoặc trị bệnh hạ bộ. Vị ấy đoạn trừ các thứ tà mạng trở ngại đạo pháp như vậy.

- Không như Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn của tín thí, làm những việc trở ngại đạo, sống tà mạng, làm thuốc trị bịnh, trị bịnh thổ hạ, bịnh nam bịnh nữ. Vị ấy đoạn trừ các pháp trở ngại đạo pháp như vậy.

- Không như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, ăn của tín thí, làm pháp trở ngại đạo, sống tà mạng, hoặc tụng chú lửa,[183] hoặc tụng chú tới lui, khiến cho tốt và lợi, hoặc tụng chú sát lợi,[184] hoặc tụng

---

[183] Hỏa chú 咒火. Pāli: aggi-homa, thờ cúng lửa.

[184] Sát-lợi chú 利咒. Pāli khatta-vijjā, chú thuật về quyền lực của vua chúa, tức khoa học chính trị.

chú chim, hoặc tụng chú chi tiết, hoặc tụng chú an trí nhà cửa, hoặc tụng chú trừ chuột cắn, lửa cháy các vật, hoặc tụng sách sống chết riêng biệt, hoặc tụng sách giải mộng, hoặc coi tướng tay, tướng lưng, hoặc tụng thiên nhân vấn,[185] hoặc tụng âm thanh sai biệt của loại cầm thú chim quạ. Vị ấy đoạn trừ các pháp trở ngại đạo như vậy.

- Không như Sa-môn Bà-la-môn khác, ăn của tín thí, sống tà mạng, coi tướng thiên thời, hoặc nói sẽ mưa, hoặc nói không mưa, hoặc nói mất mùa, hoặc nói được mùa, hoặc nói bệnh nhiều, hoặc nói bệnh ít, hoặc nói khủng bố, hoặc nói an ổn, hoặc nói đất động, hoặc nói sao chổi hiện, hoặc nói nguyệt thực, hoặc nói không nguyệt thực, hoặc nói nhật thực, hoặc nói không nhật thực, hoặc nói tinh thực, hoặc nói tinh không thực, hoặc nói nguyệt thực có báo ứng tốt như vậy, có báo ứng xấu như vậy. Nhật thực, tinh thực cũng như vậy. Vị ấy đoạn trừ các pháp tà mạng như vậy.

- Không như Sa-môn Bà-la-môn khác, ăn của tín thí, hành pháp trở ngại đạo, sống tà mạng, hoặc nói nước này sẽ thắng, nước kia thua, hoặc nói nước kia thắng, nước này thua, hoặc nói người này hơn, người kia không bằng, hoặc nói người kia hơn, người này không bằng, xem coi những việc tốt xấu lành dữ như vậy. Vị ấy đoạn trừ các pháp

[185] 185. Tụng thiên nhân vấn 誦天人問. Tham chiếu Pāli, đoạn liên hệ (D. i. 9, 67): Pakkajjhāna (dự báo vận mạng) saraparittānam (chú thuật phòng ngừag tên bắn).

trở ngại đạo như trên.

- Vị ấy ở trong đây mà tu tập Thánh giới. Bên trong không có tham đắm, tự tâm an lạc.[186]

- Mắt [187] tuy thấy sắc mà không thủ tướng, không bị nhãn sắc cướp đoạt.[188] Vị ấy an trú với nhãn căn kiên cố, tịch nhiên; không có gì để tham dục, không có ưu hoạn, không bị chảy lọt bởi các pháp ác bất thiện, kiên trì giới phẩm, khéo hộ trì căn con mắt.[189] Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy.

- Như vậy, ở nơi sáu xúc xứ,[190] vị ấy khéo léo học hộ trì điều phục, khiến đạt đến tịch tĩnh. Cũng như nơi đất bằng, chỗ đầu đường ngã tư, mà cỡi voi, ngựa, xe cộ, người khéo điều khiển, tay bên trái cầm cương, tay bên phải cầm roi, khéo léo học hộ trì, khéo léo học chế ngự, khéo léo học tịch tĩnh. Tỳ-kheo cũng như vậy, ở nơi sáu xúc xứ, khéo léo học hộ trì điều phục, khiến đạt đến tịch

---

[186] Kết luận các đoạn trên, Tỳ-kheo sau khi thành tựu Thánh giới uẩn, đoạn tiếp theo nói về Tỳ-kheo tu tập phòng hộ căn môn. Nhưng bản Hán ở đây lược bỏ đoạn nói về việc Tỳ- kheo thành tựu giới uẩn bằng sự chấp trì ba-la-đề-mộc-xoa. Tham chiếu Pāli đoạn liên hệ, Sāmaññaphala-sutta, D. i. 70: so iminā ariyena sīlakkhandhena samannāgato ajjhatta anavajja- sukha patisavedeti. Eva kho... bhikkhu sīlasampanno hoti, - vị ấy do thành tựu Thánh giới uẩn này mà nội tâm cảm thọ sự an lạc không cấu uế. Như vậy, Tỳ-kheo thành tựu giới. Kinh Tượng tích dụ (Trung A-hàm 146), sau Thánh giới uẩn là tri túc. Tiếp sau đó, thủ hộ căn môn.

[187] Từ đây trở xuống, Tỳ-kheo tu tập bằng sự thủ hộ căn môn. Bản Hán lược bỏ đoạn giới thiệu. Tham chiếu đoạn Pāli liên hệ: kathañ ca... bhikkhu indriyesu guttadvāro hoti? idha..., - Thế nào là Tỳ-kheo thủ hộ căn môn? Ở đây...

[188] Tham chiếu Pāli (D.i. 70): cakkhunā rūpa disvā na nimmittaggāhī hoti nānuvyañjanaggāhī,- sau khi mắt thấy sắc, vị ấy không chấp thủ tổng tướng, không chấp thủ biệt tướng (của sắc).

[189] Tham chiếu đoạn Pāli (nt.) liên hệ: yatvādhikaratam enam cakkhundriya asavuta viharan- tam abhijjhā-domanassā pāpakā akusalā dhammā anvāssaveyyu, tassa savarāya patipajjati...- Nguyên nhân gì mà vị ấy sống với căn con mắt không được phòng hộ khiến cho những tham và ưu, cùng những pháp ác bất thiện chảy lọt vào, vị ấy tu tập để chế ngự nguyên nhân ấy..

[190] Nguyên Hán : Xúc nhập 觸入.

tĩnh.

- Vị ấy sau khi thành tựu Thánh giới, đắc Thánh nhãn căn như vậy, ăn biết vừa đủ,[191] cũng không tham mùi vị; chỉ để nuôi thân, chứ không vì cống cao kiêu mạn; chỉ ăn vì mục đích duy trì thân, khiến không khổ hoạn, để có thể tu tịnh hạnh; khổ trước được tiêu trừ, khổ mới không phát sinh, không có tăng giảm, có đủ sức lực, vô sự, khiến thân an lạc. Cũng như con trai, con gái, trong thân bị nhọt, dùng thuốc xoa trị, khiến cho nhọt đặng lành. Tỳ-kheo ăn biết tri túc, chỉ cốt thân an, cũng lại như vậy. Ví như có người dùng mở dầu bôi nơi chiếc xe vì để chuyên chở đồ vật đến chỗ nào đó; Tỳ-kheo khi ăn biết chỉ túc, chỉ để nuôi thân, cũng lại như vậy.

- Tỳ-kheo đã có Thánh giới, đặng các căn của Thánh như vậy, trong sự ăn, biết vừa đủ như vậy, đầu đêm cuối đêm, tinh tấn tỉnh giác, hoặc lúc ban ngày, khi đi, khi đứng, thường như vậy nhất tâm chuyên niệm, đoạn trừ các triền cái.

- Vị ấy, đầu đêm, khi đi khi ngồi, thường như vậy nhất tam chuyên niệm, đoạn trừ các triền cái. Giữa đêm, vị ấy nằm nghiêng bên phải, hai chân chồng lên nhau, nghĩ tưởng sẽ chỗi dậy ngay, buộc

---

[191] Trở xuống, Tỳ-kheo sống tri túc. Đoạn Pāli (nt.) liên hệ, tiếp theo phòng hộ căn môn là Tỳ-kheo tu tập chánh niện chánh tri (sati-sampajađđena). Bản Hán nhảy qua đoạn này mà đưa xuống sau. Từ đây trở xuống, Tỳ-kheo tu tập chánh niệm chánh tri. Thứ tự tu tập trong bản dịch này có đảo lộn. Trong các kinh, tu tập bốn niệm xứ sau khi Tỳ-kheo đã có chánh niệm.

tư tưởng vào ánh sáng, tâm không rối loạn. Cho đến cuối đêm, vị ấy liền thức dậy tư duy, hoặc đi hoặc ngồi, thường như vậy nhất tâm chuyên niệm, đoạn trừ các triền cái.

- Tỳ-kheo như vậy thành tựu Thánh giới, thành tựu các căn của Thánh, ăn biết chỉ túc, đầu đêm cuối đêm tinh tấn tỉnh giác, thường như vậy nhất tâm chuyên niệm, không tán loạn.

- Thế nào là Tỳ-kheo chuyên niệm không tán loạn?

- Tỳ-kheo tu tập niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh tấn không biếng nhác, niệm không tán loạn, điều phục xan tham, ưu não của thế gian. Tu tập thân niệm xứ quán thân trên ngoại thân, tinh tấn, không biếng nhác, niệm không tán loạn, điều phục xan tham, ưu não của thế gian. Quán thân niệm xứ trên nội ngoại thân, tinh tấn, không biếng nhác, niệm không tán loạn, điều phục xan tham, ưu não của thế gian. Thọ, tâm, pháp cũng như vậy. Đó là Tỳ-kheo chánh niệm không tán loạn.

- Thế nào là Tỳ-kheo nhất tâm?[192]

- Đi đứng ra vào, nhìn ngó bên trái bên phải, uốn mình cúi ngửa, chấp trì y bát, nhận lấy thức ăn, đại tiểu tiện lợi, ngủ nghỉ thức dậy, khi ngồi lúc đứng, nói năng im lặng, tất cả như vậy đều thường chuyên niệm nhất tâm. Đó gọi là nhất tâm.

---

[192] Đây nên hiểu là chánh niệm. Từ đây trở xuống, Tỳ-kheo tu tập chánh niệm chánh tri. Thứ tự tu tập trong bản dịch này có đảo lộn. Trong các kinh, bốn niệm xứ được nói sau chánh niệm.

Thí như có người cùng đại chúng cùng đi, hoặc trước hoặc sau hay chính giữa, thường được an lạc, không hề có sợ sệt. Tỳ-kheo cũng lại như vậy, đi đứng ra vào, cho đến im lặng, thường chuyên niệm nhất tâm.

- Tỳ-kheo như vậy thành tựu Thánh giới, đặng căn của Thánh, ăn biết vừa đủ, đầu đêm sau đêm tinh tấn tỉnh giác, thường nhất tâm chuyên niệm, không có tán loạn, vui thú nơi A-lan-nhã, dưới gốc cây, trong hang núi, chỗ đất trống, bên đống phân, tại bãi tha ma, nơi bờ sông mé nước. Vị kia khất thực rồi, trở về, rửa chân, an trí y bát, kiết già phu tọa, ngay mình thẳng ý, buộc niệm trước mặt, đoạn trừ tâm xan tham, không cùng tương ưng, đoạn trừ sân nhuế, không có oán hận tật đố, tâm an trụ vô sân, thanh tịnh, không nhuế, thường có lòng từ mẫn, dứt bỏ ngủ nghỉ, không cùng tương ưng, buộc tư tưởng nơi ánh sáng, chánh niệm không tán loạn, đoạn trừ trạo hối, không cùng nó tương ưng, nội tâm tịch diệt, tâm trạo hối đã tịnh, đoạn trừ nghi hối, đã vượt qua nghi, tâm mộ ở trong pháp thiện.

- Thí như có người tôi tớ được chủ nhà ban cho tộc họ,[193] an ổn thoát khỏi nô lệ. Người tớ kia tự nghĩ: Trước kia ta là tôi tớ, nay được giải thoát an ổn, đã được tự tại, không còn bị lệ thuộc người.

[193] Dữ tánh 與姓, cho trở thành người tự do trong bốn giai cấp hay chủng tánh.

Do nhân duyên như vậy nên được hoan hỷ, trong tâm an lạc.

- Lại như có người mượn vốn của người để mưu sinh, thu lợi tức trả lại vốn xong rồi, lại còn dư đủ để nuôi sống vợ con. Người kia tự nghĩ: Trước đây ta mượn vốn của người để mưu sinh, thu lợi tức trả lại vốn xong rồi, lại còn thừa để nuôi vợ con. Nay ta được tự tại, không sợ ai nữa. Do nhân duyên ấy mà được hoan hỷ, tâm an lạc.

- Như người mắc bệnh từ lâu, nay được chữa lành, ăn uống tiêu hóa, cơ thể hồng hào. Vị kia tự nghĩ: Trước đây ta bệnh, nay được lành rồi, ăn uống tiêu hóa cơ thể hồng hào. Do nhân duyên ấy ta được hoan hỷ, tâm an lạc.

- Như có người bị tù đày lâu ngày, được thoát khỏi lao ngục. Người kia tự nghĩ: Trước đây ta bị trói nhốt, nay được giải thoát, không còn lo sợ. Do nhân duyên ấy ta được hoan hỷ, tâm an ổn.

- Lại như có người mang nhiều tiền của vượt qua sa mạc không bị giặc cướp, an toàn tới nơi. Vị kia nghĩ: Trước đây ta mang nhiều tiền của châu báu vượt qua sa mạc được an toàn nay không còn sợ sệt. Do nhân duyên ấy ta được hoan hỷ, tâm an lạc.

- Tỳ-kheo có năm triền cái cũng lại như vậy, như kẻ tôi tớ, người mắc nợ, kẻ bệnh trầm kha, người bị tù đày, kẻ qua sa mạc, tự thấy mình chưa

đoạn được triền cái, khiến tâm nhiễm ô, huệ lực không sáng tỏ. Vị kia liền ly dục, xả pháp ác bất thiện, có giác có quán, thọ hỷ lạc,[194] đắc Sơ thiền. Vị kia do hỷ lạc thấm nhuần khắp thân, một cách tràn đầy, không chỗ nào không cùng khắp. Như người khéo tắm, dùng đồ đựng đầy nước, bỏ thuốc bột mịn vào, ngâm nước cho hòa tan, nước ấy thấm nhuần, không chỗ nào không thấm nhuần, cũng không bị rơi vãi. Tỳ-kheo chứng nhập Sơ thiền cũng lại như vậy; hỷ lạc khắp cả người, không chỗ nào trống không. Đây là hiện pháp lạc trú [195] đầu tiên. Vì sao vậy? Do tâm không phóng dật, tinh tấn không giải đãi, chuyên niệm không tán loạn, ưa ở chỗ tịch tĩnh vậy.

- Vị kia xả giác quán, phát sinh nội tín,[196] tâm chuyên nhất cảnh,[197] không giác không quán, tâm định với hỷ lạc, nhập đệ Nhị thiền. Vị kia do tâm định hỷ lạc, thấm nhuần nơi thân, tràn đầy giáp khắp, không chỗ nào không biến mãn, cũng như suối nước từ trên đỉnh cao tuôn ra, cũng không từ đông tây nam bắc hay từ trên đổ xuống, mà nước phát xuất từ chính trong ao này, trong sạch mát mẻ, thấm nhuần cả ao, biến mãn tràn đầy, không có chỗ nào trống không. Tỳ-kheo chứng nhập đệ

[194] Hán dịch thiếu nghĩa: có hỷ lạc phát sinh do sự viễn ly.

[195] Nguyên Hán: Hiện thân đắc lạc 現身得樂.

[196] Nội tín 內信. Huyền Trang: Nội đẳng tịnh, trạng thái bình lặng, quân bình của nội tâm khi nhập đệ nhị thiền. Pāli: ajjhatta sampasādana.

[197] Hán: Tâm tại nhất xứ 心在一處. Pāli: cetaso ekodibhāva.

Nhị thiền cũng lại như vậy, tâm định hỷ lạc, biến mãn tràn đầy. Đây là lần thứ hai hiện pháp lạc trú bậc thứ hai.

- Vị kia xả tâm hỉ, an trú xả,[198] chánh niệm, chánh trí, thân thọ khoái lạc, như điều mà Thánh nói là, xả, niệm khoái lạc,[199] nhập đệ Tam thiền. Vị kia với thân không hỷ, mà lạc thấm nhuần tràn đầy khắp cả, không có chỗ nào không có. Thí như hoa ưu-bát-la, hoa câu-đầu-ma, phân-đà-lợi, tuy sinh trong ao mà chưa ra khỏi nước; gốc, cộng, bông, lá, lịm mình trong nước, không có chỗ nào không thấm nước. Tỳ-kheo chứng nhập đệ Tam thiền cũng lại như vậy, lìa hỷ an trú lạc, thấm nhuần cả thân, không chỗ nào không có. Đây là thành tựu hiện pháp lạc trú với đệ Tam thiền.

- Vị kia xả bỏ khổ lạc, ưu hỷ đã đoạn từ trước, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh,[200] chứng nhập đệ Tứ thiền, thân tâm thanh tịnh tràn ngập khắp cả, không chỗ nào không có. Cũng như nam tử nữ nhân tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới bạch tịnh, không chỗ nào không bao trùm. Tỳ-kheo vào đệ Tứ thiền cũng lại như vậy, tâm vị kia thanh tịnh biến mãn khắp cả thân, không chỗ nào không giáp

---

[198] Trú hộ niệm lạc 住護念樂. Hán hiểu sai từ nguyên của Skt. upeka (Pāli: upekkha) nên dịch là - hộ" thay vì dịch là - xả" như La-thập hay Huyền Trang. Pāli pītiyā ca virāgā ca upekkhako ca viharati, - vị ấy ly hỷ, an trú xả.

[199] Hán: Hộ niệm khoái lạc 護念快樂. Xem cht. 144 trên. Pāli: upekkhako satimā sukhaviharī, an trú lạc cùng với xả và niệm.

[200] 200. Hán: Hộ niệm thanh tịnh 護念清淨. Pāli: upekkha-sati-parisuddhi, xả niệm thanh tịnh, trạng thái thuần tịnh, trong suốt, do chỉ còn xả và niệm.

khắp. Vị kia vào đệ Tứ thiền tâm không trạo động, cũng không giải đãi, không tương ưng với ái nhuế, trụ vô động địa. Thí như ngôi nhà kín, trong ngoài đều trét bùn, đóng cửa kỹ, gió bụi không vào được, bên trong thắp ngọn đèn, không có nhân hay phi nhân thổi, hoặc chim bay khua động thì ngọn đèn kia cháy thẳng, không có chao động, lặng lẻ chiếu soi. Tỳ-kheo vào đệ Tứ thiền cũng lại như vậy, không có xao động, tâm không giải đãi, không cùng ái nhuế tương ưng, trụ vô động địa. Đây là sự thành tựu hiện pháp lạc trú với đệ Tứ thiền. Vì sao vậy? Do không phóng dật, tinh tấn không biếng nhác, chuyên niệm không thác loạn, ưa ở chỗ tịch tĩnh.

- Vị kia được định tâm thanh tịnh, không có cấu uế, nhu nhuyến điều phục, trụ vô động địa, chính trong thân tâm sinh khởi, có thể biến hóa làm thân khác, đầy đủ tay chân, các căn không thiếu. Khi ấy quán sát thân sắc này, do bốn đại hiệp thành; thân kia do sự biến hoá của sắc mà có. Sắc của thân do bốn đại này khác với sắc gồm bốn đại của thân được biến hoá kia. Từ trong sắc của thân do bốn đại này, được biến hoá bởi tâm, thân kia đầy đủ các căn, cùng với tay chân.

- Thí như có người rút con dao từ trong bao dao ra, nghĩ: Đây là cái bao, đây là dao; dao khác bao khác; từ bao dao rút ra con dao. Cũng như có người từ trong giỏ tre trút ra một con rắn, nghĩ:

Đây là cái giỏ, đây là con rắn; giỏ khác rắn khác; từ nơi giỏ này con rắn chạy ra. Thí như có người từ cái hòm mây lấy ra chiếc áo, nghĩ: Đây là cái hòm, đây là áo; áo khác hòm khác; áo từ hòm lấy ra. Tỳ-kheo lại cũng như vậy. Đây là thắng pháp tối sơ của Tỳ-kheo. Vì sao vậy? Do không phóng dật, tinh tấn không giải đãi, chuyên niệm không thác loạn, ưa chỗ tịch tĩnh.

- Vị kia do định tâm thanh tịnh, cho đến nhập bất động địa. Từ trong đại thân do bởi sắc gồm bốn đại của mình sinh khởi tâm biến hóa thành một hóa thân, đầy đủ tất cả các căn, cùng với tay chân. Vị kia nghĩ: Thân này là bốn đại hiệp thành, thân kia từ biến hóa mà có. Thân do bởi sắc gồm bốn đại này khác với thân do bởi sắc gồm bốn đại được biến hoá kia. Tâm này ở nơi thân này, trên thân này, được buộc vào thân này. Thí như hạt châu ma-ni, lưu ly, được đánh bóng, thật trong sáng không cấu uế. Rồi dùng một giây tơ xanh vàng đỏ xâu qua. Có nam tử với đôi mắt sáng, để trên lòng bàn tay nhìn, thấy rõ đây là ngọc, đây là sợi tơ. Tơ khác ngọc khác, hạt châu này được xâu bởi giây tơ. Tỳ-kheo cũng như vậy, Thân này là bốn đại hiệp thành, thân kia từ biến hóa mà có. Thân do bởi sắc gồm bốn đại này khác với thân do bởi sắc gồm bốn đại được biến hoá kia. Tâm này ở nơi thân này, trên thân này, được buộc vào thân này. Đây là thắng pháp thứ hai của Tỳ-kheo. Tại

sao vậy?

Do không phóng dật, tinh tấn không biếng nhác, chuyên niệm không thác loạn, ưa ở chỗ tịch tĩnh.

- Vị kia do định tâm thanh tịnh, cho đến nhập vô động địa, một lòng tu tập thần thông trí chứng. Vị kia có thể làm các thứ biến hóa, do một thân làm thành vô số thân, từ vô số thân trở lại một thân; thân có thể bay đi, xuyên qua tường đá không có gì trở ngại như đi vào chỗ hư không; đi đứng trong hư không như loài chim không khác; ra vào trong đất, như nước thẩm lậu; hoặc thành khói hoặc thành lửa, hay thành đống lửa to; tay có thể sờ chạm mặt trời mặt trăng, thân đến Phạm thiên. Thí như người thợ đồ gốm, khéo điều hòa bùn đất, tùy ý làm ra đồ dùng, tất cả đều thành tựu, mà có lợi ích. Thí như người thợ mộc, khéo hay bào miếng gỗ, để rồi làm các đồ dùng theo ý mình, đều thành tựu và lợi ích. Thí như thợ ngà voi khéo hay trau chuốt ngà voi theo ý muốn của mình, đều thành tựu và đem lại lợi ích. Thí như người thợ vàng khéo hay luyện chân kim để rồi làm thành các dụng cụ theo ý muốn của mình, đều thành tựu, đem lại lợi ích. Tỳ-kheo cũng như vậy, định tâm thanh tịnh, đến vô động địa, biến hóa theo ý muốn, cho đến Phạm thiên. Đây là thắng pháp thứ ba của Tỳ-kheo.

- Vị kia do định tâm thanh tịnh, cho đến nhập

vô động địa, một lòng tu tập, chứng thiên nhĩ trí. Thiên nhĩ của vị kia thanh tịnh vượt hẳn lỗ tai của người thường, nghe được hai loại âm thanh của nhân và phi nhân. Thí như trong thành đô quốc ấp có giảng đường cao rộng khoảng khoát, người với lỗ tai thông tỏ ở tại nơi đó, khỏi phải dùng sức để nghe một cách nhọc mệt mà có thể nghe được các thứ âm thanh. Tỳ-kheo cũng như vậy, do tâm định nên thiên nhĩ thanh tịnh, nghe được tiếng nói của nhân và phi nhân. Đây là thắng pháp thứ tư của Tỳ-kheo.

- Vị kia do định tâm thanh tịnh, cho đến nhập vô động địa, nhất tâm tu tập chứng tha tâm trí. Vị kia biết được tâm của chúng sinh ngoài mình, tâm ấy có dục không có dục, có cấu không có cấu, có si không có si, tâm rộng hay tâm hẹp, tâm nhỏ hay tâm lớn, tâm định hay tâm loạn, tâm bị trói buộc hay tâm được giải thoát, tâm cao thượng hay tâm không cao thượng, tất cả đều biết hết. Thí như kẻ nam người nữ tự cảm thấy hoan hỷ, dùng gương soi mặt, đâu có bộ phận nào nơi mặt mà không thấy. Tỳ-kheo cũng như vậy, do định tâm thanh tịnh nên biết được ý nghĩ của tất cả chúng sinh bên ngoài. Đây là thắng pháp thứ năm.

- Vị kia do định tâm thanh tịnh, cho đến nhập vô động địa, một lòng tu tập chứng túc mạng trí, bèn có thể nhớ biết vô số đời sống trước, với bao nhiêu sự việc; có thể nhớ một đời, mười đời, một

trăm đời, một ngàn đời, vô số một trăm, một ngàn đời, cho đến thời kiếp tận hỏa thiêu, quốc độ bị đốt cháy toàn bộ rồi sinh trở lại. Ta sinh nơi đây tên họ như vậy, chủng loại như vậy, tộc tánh như vậy, ăn uống như vậy, thọ mạng như vậy, ở đời như vậy, tuổi thọ hết như vậy, thọ khổ vui như vậy. Từ nơi kia mạng chung lại sinh nơi kia, lần lượt như vậy thọ sinh. Nơi đây hình sắc tướng mạo vô số các thứ sai khác như vậy, đều nhớ biết rõ ràng. Thí như có người từ nơi thôn xóm của mình lưu lạc đến nước khác, thời gian ở tại đó, đi đứng nói năng im lặng như thế nào; rồi từ nước đó lại đến nước khác, đi đứng nói năng im lặng như thế nào; lần lượt trở lại nước kia, khỏi phải dụng lực một cách nhọc nhằn mà có thể nhớ biết hành trình các nước. Ta từ nước này đến nước kia, khi ở nước kia, đi như vậy, đứng như vậy, nói năng như vậy, im lặng như vậy, từ nước kia đến nước kế tiếp, khi ở nước đó, đi như vậy, đứng như vậy, nói năng như vậy, im lặng như vậy, lần lượt trở lại bổn quốc. Tỳ-kheo cũng như vậy, có thể dùng định tâm thanh tịnh, cho đến nhập vô động địa, bằng trí túc mạng đã chứng có thể nhớ vô số trăm ngàn kiếp tất cả các sự việc. Đây là Tỳ-kheo chứng đắc minh thư nhất, vô minh diệt, minh pháp sinh, ám tiêu mất, pháp sáng tỏ hiện. Đây là Tỳ-kheo chứng đắc túc mạng trí minh. Tại sao vậy? Do tâm không phóng dật, siêng năng không biếng nhác, tâm không thác

loạn, ưa ở chỗ tịch tĩnh.

- Vị kia do định tâm thanh tịnh, cho đến nhập vô động địa, nhất tâm tu tập, chứng sinh tử trí, trí chứng thiên nhãn kia thanh tịnh, thấy chúng sinh chết nơi đây sinh nơi kia, hình sắc tốt xấu, các đường thiện ác, tôn quý ti tiện, tùy theo nghiệp chúng sinh tạo, tất cả nhân duyên nghiệp báo đều biết hết. Như người này, thân tạo ác hành, khẩu tạo ác hành, tâm tạo ác hành, phỉ báng Hiền Thánh, tà mạng. Do quả báo tà kiến, nên đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Như chúng sinh này thân hành thiện, khẩu hành thiện, tâm niệm thiện, không phỉ báng Hiền Thánh, chánh kiến, tu tập chánh nghiệp, khi chết được sinh trong cõi trời người. Thiên nhãn thanh tịnh như vậy, thấy chúng sinh chết nơi đây sinh nơi kia, tùy theo nghiệp đã tạo, tất cả nghiệp nhân đều biết. Thí như nơi chỗ đất bằng rộng lớn tại địa đầu đường ngã tư, có một chỗ ngồi nhà cao vút, một người với đôi mắt sáng ở nơi đó. Thấy chúng sinh từ phương đông đến phương tây, từ phương tây đến phương đông, từ phương nam đến phương bắc, từ phương bắc đến phương nam. Cũng như vậy, Tỳ-kheo dùng định tâm thanh tịnh, cho đến vô động địa, thấy chúng sinh chết nơi đây sinh nơi kia, cho đến tùy theo chỗ tạo nghiệp của chúng sinh, tất cả nhân duyên nghiệp báo đều biết. Đây là Tỳ-kheo chứng được minh thứ hai, vô minh đoạn, minh pháp sinh, ám

tiêu mất, minh xuất hiện. Đây là chứng sinh tử trí minh, thấy chúng sinh chết nơi này sinh nơi kia. Tại sao vậy? Do không phóng dật, siêng năng không biếng nhác, tâm không thác loạn, ưa sống chỗ tịch tĩnh.

- Vị kia do định tâm thanh tịnh, cho đến vô động địa, nhất tâm tu tập chứng vô lậu trí. Vị kia như thật biết Khổ thánh đế, Tập-Tận-Đạo đế; như thật biết hữu lậu, lậu tập, lậu tận, như thật biết con đường đưa đến lậu tận Đạo thánh đế. Vị kia biết như vậy, thấy như vậy, (966a1) tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu; sau khi đã giải thoát, biết rằng, "Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần đã làm xong, không còn tái sinh." Thí như trong ao nước trong có cây, đá, cá trạnh, các loài thủy tộc, đông tây du hành; người có mắt sáng thấy rõ cây, đá, cá trạnh: đây là cây đá, đây là cá trạnh du hành đây đó. Tỳ-kheo cũng như vậy, do định tâm thanh tịnh, cho đến vô động địa, đặng vô lậu trí chứng, cho đến không trở lại tại sinh. Đây là Tỳ-kheo đặng minh thứ ba, vô minh đoạn, minh pháp sinh, ám pháp hết, ánh sáng hiện, gọi là vô lậu trí minh. Tại sao vậy? Do không phóng dật, tinh tấn không biếng nhác niệm không thác loạn, ưa ở chỗ tịch tịnh.[201]

[201] Hết quyển 53.

-oOo-

Phần 4: NÊU DẪN CÁC SỰ VIỆC: PHÒNG XÁ, TẠP SỰ, NGŨ BÁCH KẾT TẬP, THẤT BÁCH KẾT TẬP, ĐIỀU ĐẠT, TỲ NI TĂNG NHẤT

Chương III: NGŨ BÁCH KẾT TẬP

Sau khi Đức Thế Tôn bát-niết-bàn giữa rừng Sa-la,[202] trong khu vườn của người Mạt-la,[203] thành Câu-thi,[204] những người Mạt-la rửa xá- lợi [205] của Phật xong, dùng kiếp-bối sạch gói lại, lấy năm trăm trương điệp theo thứ tự quấn lại, để trong kim quan bằng sắt, rồi đổ đầy dầu thơm vào; sau đó để xá lợi vào giữa và đậy nắp lại. Rồi lại làm cái quách bằng gỗ, đặt kim quan vào giữa. Bên dưới chất một đống củi bằng loại gỗ thơm. Khi ấy, thủ lĩnh của người Mạt-la cầm lửa đốt. Bấy giờ, chư Thiên liền làm cho lửa tắt. Các Đại Mạt-la Tử khác lần lượt cầm cây đuốc lớn để đốt. Chư Thiên cũng đều dập tắt ngọn lửa. A-na- luật nói

---

[202] Sa-la lâm 娑羅林. Pāli: sālavana. Khu rừng của những cây sa-la, chỗ Phật nhập niết- bàn. Trương A-hàm 4 (T01n1 tr.24b26): Bấy giờ Thế tôn ở tại Câu-thi-na-kiệt, rừng Sa-la, giữa cặp cây sa-la" Cf. D. ii. 137: igha me tva antarena yamaka-sālāna uttara-sīsaka mañcaka paññāpehi, - A-nan, hãy dọn gường nằm cho Ta giữa cặp cây sa-la, đầu hướng về phía bắc. Phiên dịch danh nghĩa 3 (T54n2131, tr.1100b18): Sa-la, đây gọi là kiên cố 堅固... vì đông cho đến hạ không thay đổi…Hoa nghiêm âm nghĩa dịch là cao viễn 高遠…. Cây mọc từng cặp, nên gọi là sa-la song thọ 娑羅雙樹; Pāli: yamaka-sālā.

[203] Mạt-la 末羅. Tên của một bộ tộc lớn thời Phật. Hán dịch là - lực sĩ. Bộ tộc này chia làm hai nhánh. Một đóng thủ phủ ở Pāvā (Ba-hoà hay Ba-bà) và một ở Kusināra (Câu-thi-na). Trường A-hàm 4, đã dẫn: Phật bảo A-nan, ngươi hãy vào Câu-thi-na-kiệt báo cho những người Mạt-la biết, nửa đêm hôm nay Như lai sẽ nhập niết-bàn giữa cặp cây sa-la trong vườn Sa-la.

[204]Câu-thi thành 拘尸城. Pāli: Kusinārā (Skt. Kuśinagara/ Kuśinagarā/Kuśigrāmaka, 拘尸那 竭: Câu-thi-na-kiệt). Thủ phủ của người Mạt-la.

[205] 205. Xá-lợi 舍利; Pāli: sarīra, thân thể, nhục thể. Đây nói nhục thân của Phật trước khi hỏa thiêu; không phải xá-lợi sau khi hỏa thiêu.

với những người Mạt-la:

- Không cần phải khổ nhọc như vậy. Chư Thiên dập tắt lửa của các ông.

Họ hỏi A-na-luật:

- Thưa Đại đức, vì sao Chư Thiên lại dập tắt lửa? A-na-luật trả lời:

- Vì Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp cùng Đại Tỳ-kheo gồm năm trăm vị hiện trên lộ trình đến đây, còn đang ở giữa hai nước Ba-bà và Câu- thi. Trưởng lão nghĩ rằng, "Ta có thể thấy được xá-lợi Phật, khi chưa thiêu hay chăng?" Chư Thiên biết tâm niệm của Ca-diếp như vậy, cho nên đã dập tắt lửa.

Những người Mạt-la nói:

- Đại đức A-na-luật, nay tạm đình hoãn, chìu theo ý Chư Thiên vậy.

Bấy giờ, Ma-ha Ca-diếp cùng đại Tỳ-kheo Tăng gồm năm trăm vị đang trên đường đi giữa hai nước kia, gặp một người Ni-kiền[206] cầm cành hoa mạn-đà-la [207] từ chỗ Đức Thế Tôn Niết-bàn ngược chiều đi đến. Ca-diếp thấy, bèn hỏi:

- Ông từ đâu đến đây? Người ấy trả lời:

- Tôi từ thành Câu-thi đến. Ca-diếp lại hỏi:

- Có biết Đức Thế Tôn của chúng tôi không? Trả lời:

---

[206] Cf. Vin. ii (Pañcasatikakkhanda) 184: Một người ājīvaka, tà mạng ngoại đạo.

[207] Mạn-đà-la hoa 曼陀羅華; Pāli: Mandārava, loại hoa được coi là chỉ có ở trên Trời, không có trong thế gian này.

- Biết. Lại hỏi:

- Nay Ngài còn tại thế chăng? Trả lời:

- Không còn tại thế. Nhập Niết-bàn trước đây bảy ngày rồi. Tôi từ đó cầm nhánh hoa này đến đây.

Ca-diếp nghe rồi, không vui. Trong số đó, có những Tỳ-kheo chưa ly dục, nghe Đức Thế Tôn đã Niết-bàn, liền gieo mình xuống đất. Cũng như cây bị chặt gốc ngã xuống; các vị chưa ly dục này cũng lại như vậy. Khóc than:

- Ôi! Đức Thiện thệ Niết-bàn sao quá sớm vậy? Ôi! Con mắt sáng của thế gian sao tắt nhanh vậy? Ôi! Chánh pháp mà chúng ta tuân thừa sao có thể diệt tận?

Có vị lăn tròn dưới đất. Cũng như khúc cây, các Tỳ-kheo chưa ly dục này cũng lại như vậy. Than khóc sầu não:

- Ôi! Đức Thiện thệ sao Niết-bàn quá sớm vậy?

Khi ấy Bạt-nan-đà Thích tử [208] cũng ở trong chúng, nói với các Tỳ-kheo:

- Thôi đủ rồi! Các Trưởng lão, đừng khóc nữa, đừng quá ưu sầu. Chúng ta nay đã thoát khỏi vị Ma-ha-la [209] ấy rồi. Lão ấy khi còn sống thường

---

[208] Bạt-nan-đà Thích tử, người được đề cập rất nhiều trong các nhân duyên Phật chế giới. Nhưng, Vin.ii. 184 nói: Subhadda, một Tỳ-kheo xuất gia khi tuổi đã già, nói lên điều này. Đây không phải là Subhadda (Tu-bạt), người Bà-la-môn được Phật độ cuối cùng, mà nguyên là một người thợ hớt tóc. Một số điều luật Phật chế do việc làm sai trái của ông này.

[209] Ma-ha-la 摩訶羅; Phiên dịch danh nghĩa 5 (T54n2131 tr.1137c16): Đây gọi là vô tri ??. Phiên âm từ Skt. mahālla: người già yếu, già lão, vô tri.

dạy chúng ta: "Cái này nên; cái này không nên. Phải làm điều này, không được làm điều này." Nay chúng ta được tự do làm theo ý muốn của mình. Muốn làm thì làm, không muốn làm thì thôi.

Đại Ca-diếp nghe như vậy không vui, liền bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy đứng lên! Nhanh chóng cầm y bát để kịp thời thấy xá-lợi của Đức Thế Tôn trước khi chưa thiêu.

Các Tỳ-kheo nghe Ca-diếp nói liền vội vã ôm cầm y bát để đi. Đại Ca-diếp cùng năm trăm vị đến thành Câu-thi rồi, ra khỏi thành, vượt qua sông Hê-lan-nhã,[210] đến chùa Thiên quan,[211] chỗ Tôn giả A- nan, nói:

- Này A-nan, tôi muốn kịp thấy xá-lợi Thế Tôn khi chưa thiêu. Tôn giả A-nan trả lời:

- Muốn kịp thấy xá-lợi của Đức Thế Tôn khi chưa thiêu, thật là khó. Vì sao vậy? Xá-lợi Đức Thế Tôn đã được tắm rửa, được bọc bằng kiếp-bối mới, rồi dùng năm trăm trương điệp tuần tự quấn lại, để trong kim quan bằng sắt, đổ đầy bằng dầu thơm, rồi để vào trong một cái quách bằng gỗ. Dưới cái quách chất một đống củi bằng cây thơm. Nay sắp sửa đốt. Cho nên khó có thể thấy được.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp từ từ bước đến chỗ kim

---

[210] Hê-lan-nhã 醯蘭若. Pāli: Hiraññavatī (Skt. Hirayavatī), cũng nói là Hi-liên-thiền, hay Kim hà. Con sông ở bìa rừng Sa-la, chỗ Phật nhập niết-bàn.

[211] Thiên quan tự. Trương A-hàm, đã dẫn: - Sau khi qua sông Hi-liên-thiền, đến chùa Thiên quan thì hoả thiêu.

quan đựng xá-lơi của Phật. Khi ấy cái quan và cái quách liền tự mở ra, chân Đức Thế Tôn hiện ra. Đại Ca-diếp thấy dấu bánh xe dưới bàn chân Thế Tôn có vết bẩn, liền hỏi Tôn giả A-nan:

- Nhan dung của Đức Thế Tôn đoan chánh, thân thể bằng sắc vàng, ai làm bẩn dấu bánh xe dưới chân?

Tôn giả A-nan trả lời với Đại Ca-diếp:

- Bạch Đại đức Ca-diếp, tâm người nữ [212] mềm yếu. Khi kính lễ Đức Thế Tôn, người ấy khóc. Nước mắt rớt xuống đó, rồi lấy tay nắm nên làm bẩn chân Đức Thế Tôn.

Đại Ca-diếp nghe nói, không vui, rồi kính lễ dưới chân Đức Thế Tôn. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, chư Thiên, đại chúng cũng đều kính lễ chân Đức Thế Tôn. Bấy giờ, chân Đức Thế Tôn hoàn lại trong kim quan, không còn hiện nữa. Đại Ca-diếp buồn than, nói kệ, nhiễu quanh kim quan bảy vòng, rồi lửa không châm mà tự nhiên cháy.

Đại Ca-diếp, sau khi lễ hỏa thiêu xá-lợi rồi, vì nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, kể lại:

- Trên đường đi về đây, tôi nghe Bạt-nan-đà nói với các Tỳ-kheo như sau: "Thôi đủ rồi! Các Trưởng lão, đừng khóc nữa, đừng quá ưu sầu. Chúng ta nay đã thoát khỏi vị Ma-ha-la ấy rồi. Lão

[212] Trường A-hàm, dd., - có một lão mẫu.

ấy khi còn sống thường dạy chúng ta: Cái này nên, cái này không nên; phải làm điều này, không được làm điều này. Nay chúng ta được tự do làm theo ý muốn của mình. Muốn làm thì làm, không muốn làm thì thôi."

Đại Ca-diếp nói:

- Nay, chúng ta hãy cùng nhau luận Pháp, Tỳ ni. Chớ để cho ngoại đạo nói thêm nhiều điều, biếm nhẻ rằng, "Pháp và Luật của Sa-môn Cù-đàm như khói. Khi Thế Tôn ấy còn sống, mọi người cùng học giới. Nay người ấy mất rồi, không còn ai học giới nữa." Các Trưởng lão, nay hãy lựa chọn cá Tỳ-kheo đa văn, trí tuệ, là những vị A-la-hán.

Bấy giờ, chọn được bốn trăm chín mươi chín vị đều là A-la-hán, đa văn trí tuệ. Các Tỳ-kheo đề nghị:

- Nên chọn Tôn giả A-nan ở trong số này. Đại Ca-diếp nói:

- Chớ chọn A-nan vào trong số đó. Hỏi:

- Vì sao vậy? Đáp:

- Vì A-nan còn có ái, nhuế, bố, si. Người có ái nhuế bố si thì không nên chọn vào trong số đó.

Khi ấy, các Tỳ-kheo lại nói:

- Tôn giả A-nan là người cúng dường [213] Phật, thường đi theo Phật, đích thân thọ nhận giáo pháp từ Đức Thế Tôn. Đây đó, những chỗ nghi vấn,

---

[213] Cúng dường 供養; chỉ (người) phục vụ, hay thị giả. Pāli: upatthāka; xem Phần iii, Ch.iii, An cư Cht. 3.

chắc chắn Tôn giả đã thưa hỏi Đức Thế Tôn. Vậy nên cần được chọn vào trong số đó.

Rồi Tôn giả được chọn vào trong số.

Các Tỳ-kheo đều nghĩ, - Chúng ta nên chọn chỗ nào mà tập hội để luận Pháp và Tỳ-ni, chỗ mà ẩm thực và ngọa cụ được đầy đủ không thiếu? Tất cả đều nói, - Chỉ có thành Vương-xá là nơi mà phòng xá, ẩm thực và ngọa cụ được đầy đủ dồi dào. Nay chúng ta nên đến đó tập hợp để luận Pháp và Tỳ ni.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp liền tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Các Tỳ-kheo này được Tăng sai. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng đến thành Vương-xá tập hội để luận Pháp và Tỳ ni. Đây là lời tác bạch.

Tác bạch rồi, tất cả đều đến Tỳ-xá-ly.

Khi ấy, A-nan đang trên đường đi, nơi chỗ thanh vắng, tâm tự suy nghĩ rằng, - Ví như con trâu nghé mới sinh còn bú sữa, cùng năm trăm con trâu lớn đồng đi. Nay ta cũng như vậy. Là hàng hữu học, còn có việc phải làm,[214] mà cùng đi với năm trăm vị A-la-hán!

Bấy giờ, các Trưởng lão đều đến Tỳ-xá-ly. A-nan cũng đang trụ tại Tỳ-xá-ly. Các Tỳ-kheo, Tỳ-

[214] 214. Hữu tác 有作. Vì còn phải tu tập. Khi một vị chứng quả A-la-hán, vị ấy được nói là - Đã làm những điều cần làm" (Pāli: kata karanīya: sở tác dĩ biện).

kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, quốc vương, đại thần, các Bà-la-môn, ngoại đạo đều đến thăm hỏi. Mọi người tụ hội đông đảo.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo Bạt-xà Tử [215] có đại thần lực, đã đặng thiên nhãn, biết được tâm trí của người khác, suy nghĩ: Hiện nay, A-nan cũng đang ở tại Tỳ-xá-ly. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, quốc vương đại thần, các Bà-la-môn ngoại đạo đều đến thăm hỏi. Mọi người tụ hội đông đảo. Nay ta nên quán sát xem A-nan là người hữu dục hay vô dục? Sau khi quán sát biết A-nan là người hữu dục chứ chẳng phải vô dục. Tỳ-kheo lại nghĩ, - Nay ta nên khiến cho A-nan sinh tâm yểm ly. Vì muốn khiến Tôn giả A-nan sinh tâm yểm ly, nên Bạt-xà Tử liền nói bài kệ:

Dưới gốc cây chỗ khuất, Tâm tư hướng Niết-bàn. Tọa thiền đừng buông lung.

Nói nhiều để làm gì?

Tôn giả A-nan nghe Tỳ-kheo Bạt-xà Tử nói pháp yểm ly rồi, liền ở riêng một mình, tinh tấn không buông lung, tịch nhiên, không loạn động. Đây là pháp vị tằng hữu [216] của A-nan. Bấy giờ, Tôn giả A-nan ở chỗ đất trống, trải giường giây, hầu hết suốt đêm đi kinh hành, đến lúc gần sáng, khi tướng bình minh sắp xuất hiện, thân mỏi mệt,

---

[215] Bạt-xà Tử 跋闍子; Pāli: Vajjiputta. Vị Tỳ-kheo này thuộc Vương tộc Licchav#, dòng họ Vajj#.

[216] Pháp đặc biệt duy chỉ A-nan có. Xem Trung A-hàm 8, kinh 33 - Thị giả". Trường A-hàm 4, (T01n1 tr.25c21): Phật nói 4 pháp kỳ đặc của A-nan. Cf. D.ii. 145: cattārome bhikkhave acchariyā abbhutā dhammā ānande.

nghĩ rằng,

- Nay ta quá mỏi mệt, cần ngồi một chút. Nghĩ xong, liền ngồi; rồi nghiêng mình muốn nằm. Trong khoảnh khắc, khi đầu chưa đến gối, bỗng nhiên tâm đắc vô lậu giải thoát. Đây là pháp vị tằng hữu của Tôn giả A-nan.

A-nan đắc A-la-hán rồi, liền nói kệ:

Đa văn, nói rất nhiều. Thường hầu hạ Thế Tôn. Đã đoạn sinh tử xong

Nay Cù-đàm [217] muốn nằm.

Các Tỳ-kheo từ Tỳ-xá-ly đến thành Vương xá, nói:

- Trước khi luận Pháp và Tỳ-ni, chúng ta cần làm việc gì? Sửa soạn phòng xá, ngọa cụ trước, hay luận Pháp, Tỳ-ni trước?

Tất cả đều nói, tu bổ phòng xá, ngọa cụ trước.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp vì nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng. Trong số này, Đà-hê-la Ca-diếp làm Thượng tọa. Trưởng lão Ba-bà-na là Thượng tọa thứ hai.[218] Đại Ca-diếp là Thượng tọa thứ ba. Trưởng lão Đại Châu-na là Thượng tọa thứ tư.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp biết Tăng sự liền tác

---

[217] A-nan thuộc Vương tộc họ Thích, nên tự gọi mình là Cù-đàm.

[218] Đà-hê-la Ca-diếp 陀醯羅迦葉, Ba-bà-na 婆婆那, và Đại Châu-na 大周那. Tăng kỳ 32 (T22n1425, tr.490c21): Ba vị Thượng thủ, thứ tự: Đại Ca-diệp 大迦葉, Na-đầu-lô 那頭盧, Ưu- ba-na-đầu-lô 優波那頭盧. Thập tụng 60 (tr. 446a4), bốn vị Thượng thủ của Diêm-phù-đề: đệ nhất Thượng tọa, trưởng lão A-nhã Kiều-trần-như; đệ nhị Thượng tọa, trưởng lão Quân-đà; đệ tam Thượng tọa, trưởng lão Thập Lực Ca-diếp; đệ tứ Thượng tọa, trưởnglão Ma-ha Ca-diếp.

bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng tập hợp để luận Pháp Tỳ ni. Đây là lời tác bạch.

Khi ấy, Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chắp tay, bạch Đại Ca-diếp:

- Tôi trực tiếp nghe từ Đức Phật, ghi nhớ lời Phật có dạy rằng, "Từ nay về sau, vì các Tỳ-kheo bỏ các giới nhỏ tiểu tiết."[219]

Ca-diếp hỏi A-nan:

- Ông có hỏi Đức Thế Tôn, giới nào là giới nhỏ tiểu tiết hay không?

Tôn giả A-nan trả lời:

- Lúc ấy tôi sầu ưu nên quên, không hỏi điều đó. Các Tỳ-kheo đều nói:

- Đến đây. Tôi sẽ nói với ông, trong giới nhỏ tiểu tiết.

Hoặc có vị nói, trừ bốn Ba-la-di, ngoài ra là giới nhỏ tiểu tiết. Hoặc nói, trừ bốn Ba-la-di và mười ba sự, ngoài ra là giới nhỏ tiểu tiết. Hoặc nói, trừ bốn Ba-la-di, mười ba việc, và hai bất định, ngoài ra là giới nhỏ tiểu tiết. Hoặc nói, trừ bốn Ba-la-di, mười ba việc, hai bất định, và ba mươi việc,

---

[219] Tạp toái giới 雜碎戒. Trường A-hàm 4 (tr.26a 29): Tiểu tiểu giới. Pāli: khudā-nukhudakāni sikhāpadāni, các học xứ nhỏ, và không quan trọng. Luật Pāli, Vin. ii. 189, các Tỳ-kheo trưởng lão nêu tội, không phải chỉ một mình Đại Ca-diếp. Trong đây, chỉ luận 5 tội Đột-kiết-la của A-nan. Thập tụng 60, đã dẫn, 6 Đột-kiết-la.

ngoài ra là giới nhỏ tiểu tiết. Hoặc nói, trừ bốn Ba-la- di, cho đến chín mươi việc, ngoài ra là giới nhỏ tiểu tiết. Đại Ca-diếp bảo các Tỳ-kheo:

- Các Trưởng lão! Nay, trong chúng mỗi vị nói một cách, không biết giới nào là giới nhỏ tiểu tiết. Từ nay về sau, nên cùng nhau lập ước chế: "Nếu trước đây, những gì Đức Phật không chế cấm thì nay không nên chế cấm. Trước đây những gì Đức Phật chế cấm thì nay không nên hủy bỏ. Nên tùy thuận học tập những gì mà Đức Phật đã quy định.

Đại chúng đều lập chế hạn như vậy. Đại Ca-diếp nói với A-nan:

- Ông là người đầu tiên thỉnh cầu Phật độ người nữ xuất gia ở trong Phật Pháp, mắc tội Đột-kiết-la. Nay nên sám hối.

Tôn giả A-nan trả lời:

- Bạch Đại đức, điều này tôi không cố ý làm. Ma-ha Ba-xà-ba-đề có đại ân đối với Đức Phật. Phật mẫu qua đời, nuôi nấng Thế Tôn. Bạch Đại đức, nay tôi đối với việc này, không tự thấy có tội. Nhưng vì kính tín Đại đức nên xin sám hối.

Đại đức Ca-diếp lại nói:

- Ông khiến Thế Tôn phải ba lần yêu cầu ông làm thị giả, mà ông nói không làm, phạm Đột-kiết-la tội. Nay ông nên sám hối.

Tôn giả A-nan trả lời với Đại Ca-diếp:

- Điều này, tôi không cố ý làm. Bởi vì làm thị

giả Phật là việc rất khó, nên tôi nói là tôi không thể. Nay, tôi đối với việc này, không tự thấy có tội. Nhưng vì kính tín Đại đức nên xin sám hối.

Đại đức Ca-diếp lại nói:

- Ông vá y Tăng-già-lê cho Đức Phật, dùng chân đạp để vá, mắc tội Đột-kiết-la. Nay phải sám hối.

A-nan trả lời Đại đức Ca-diếp:

- Điều này, tôi không cố ý làm. Chẳng phải tôi có tâm khinh mạn mà làm như vậy. Vì không có ai cầm nên tôi phải làm như vậy. Nay, tôi đối với việc này, không tự thấy có tội. Nhưng vì kính tín Đại đức nên xin sám hối.

Ca-diếp nói:

- Đức Thế Tôn muốn Niết-bàn, ba phen nói với ông. Ông không thỉnh Đức Thế Tôn ở lại thế gian một kiếp hay hơn một kiếp, để cho vô số người được lợi ích, vì thương tưởng thế gian, vì sự an lạc cho chư thiên, nhân loại. Ông mắc tội Đột-kiết-la. Nay phải sám hối.

Tôn giả A-nan thưa:

- Bạch Đại đức Ca-diếp, điều này không phải tôi cố làm, mà do ma ám tâm tôi, khiến tôi không thỉnh Phật ở đời thêm nữa. Trong đây, tôi không tự thấy có tội, nhưng vì kính tín Đại đức, nên xin sám hối.

Ca-diếp lại nói:

- Đức Thế Tôn bảo ông lấy nước, ông không lấy, mắc tội Đột- kiết-la. Nay phải sám hối.

A-nan thưa:

- Điều nầy không phải tôi cố ý làm. Nhưng vì lúc ấy có năm trăm chiếc xe đi ngang qua phía trên dòng nước, nên nước bị đục. Sợ Đức Thế Tôn uống bị bệnh, nên tôi không lấy.

Ca-diếp nói:

- Khi ấy ông lấy thì hoặc do oai thần của Phật, hoặc chư Thiên khiến cho nước được trong.

A-nan nói:

- Trong đây, tôi không tự thấy có tội. Nhưng vì kính tín Đại đức nên xin sám hối.

Ca-diếp lại nói:

- Ông không thưa hỏi Đức Thế Tôn, giới nhỏ tiểu tiết, là những giới nào, mắc tội Đột-kiết-la. Nay nên sám hối.

Ông A-nan thưa:

- Điều này, chẳng phải tôi cố ý làm, mà vì lúc ấy tôi sầu ưu, không nhớ để thưa hỏi Đức Thế Tôn giới nào là giới nhỏ, tiểu tiết. Trong đây, tôi không tự thấy có tội. Nhưng vì kính tín Đại đức nên xin sám hối.

Ca-diếp lại nói:

- Ông không ngăn người nữ, để cho họ làm bẩn chân Đức Phật.

Mắc tội Đột-kiết-la. Nay phải sám hối.

Tôn giả A-nan thưa:

- Điều này chẳng phải tôi cố làm, mà là do người nữ tâm mềm yếu nên khi kính lễ chân Phật, khóc chảy nước mắt, lấy tay lau, làm bẩn chân Đức Phật. Trong đây tôi không tự thấy có tội. Nhưng vì kính tín Đại đức nên nay xin sám hối.

Khi ấy, Đại Ca-diếp liền tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng hỏi Ưu-ba-ly Pháp Tỳ-ni. Đây là lời tác bạch.

Khi ấy Ưu-ba-ly liền tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng khiến Thượng tọa Ca-diếp hỏi, tôi đáp. Đây là lời tác bạch.

Đại Ca-diếp liền đặt câu hỏi:

- Giới Ba-la-di thứ nhất, duyên khởi tại chỗ nào? Ai là người phạm đầu tiên?

Ưu-ba-ly trả lời:

- Duyên khởi, đầu tiên tại Tỳ-xá-ly. Tu-đề-na Ca-lan-đà Tử là người phạm đầu tiên.

- Giới thứ hai, duyên khởi đầu tiên ở đâu?

- Tại thành Vương-xá. Tỳ-kheo Đà-ni-già,[220] con ông thợ đồ gốm, phạm đầu tiên.

---

[220] Đà-ni-già 陀尼伽. Trên kia, phiên âm là Đàn-nị-ca.

Lại hỏi:

- Giới thứ ba, duyên khởi đầu tiên ở đâu?

- Tại Tỳ-xá-ly. Tỳ-kheo bên sông Bà-cầu phạm đầu tiên. Lại hỏi:

- Giới thứ tư, duyên khởi đầu tiên ở đâu?

- Tại Tỳ-xá-ly. Tỳ-kheo bên sông Bà-cầu phạm đầu tiên. Lại hỏi:

- Giới thứ nhất của Tăng tàn, duyên khởi đầu tiên ở đâu?

- Tại nước Xá-vệ. Ca-lưu-đà-di là người phạm đầu tiên.

Như vậy, lần lượt tùy theo chỗ phát khởi đầu tiên như phần đầu đã nói.

Lại hỏi:

- Giới thứ nhất, bất định pháp, duyên khởi đầu tiên ở đâu?

- Tại nước Xá-vệ. Người phạm đầu tiên là Ca-lưu-đà-di. Giới thứ hai cũng vậy.

Lại hỏi:

- Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, duyên khởi đầu tiên ở đâu?

- Tại nước Xá-vệ. Nhóm sáu Tỳ-kheo phạm đầu tiên. Như vậy, lần lượt, như phần đầu đã nói.

Lại hỏi:

- Ba-dật-đề, duyên khởi đầu tiên ở đâu?

- Tại Thích-sí-sấu. Tỳ-kheo Tượng Lực Thích

tử là người phạm đầu tiên.

Như vậy, lần lượt, như phần đầu đã nói. Lại hỏi:

- Ba-la-đề-đề-xá-ni duyên khởi đầu tiên ở đâu?

- Tại nước Xá-vệ. Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc là duyên khởi. Thứ hai, thứ ba, thứ tư, như phần đầu đã nói.

Lại hỏi:

- Thứ nhất, chúng học pháp, duyên khởi đầu tiên ở đâu?

- Tại nước Xá-vệ. Nhóm sáu Tỳ-kheo phạm đầu tiên. Như vậy, lần lượt, như phần đầu đã nói.

Giới riêng của Tỳ-kheo-ni, như luật đã nói. Lại hỏi:

- Đầu tiên cho phép thọ đại giới, duyên khởi ở chỗ nào?

- Tại Ba-la-nại, năm Tỳ-kheo. Lại hỏi:

- Đầu tiên cho phép thuyết giới ở đâu?

- Tại thành Vương xá, vì các niên thiếu Tỳ-kheo. Lại hỏi:

- Đầu tiên cho phép an cư ở đâu?

- Tại nước Xá-vệ. Nhóm sáu Tỳ-kheo là duyên khởi. Lại hỏi:

- Ban đầu duyên khởi tự tứ ở đâu?

- Tại nước Xá-vệ. Nhóm sáu Tỳ-kheo là duyên khởi. Như vậy, lần lượt hỏi cho đến Tỳ-ni Tăng

nhất.

Bấy giờ, các vị tập hợp tất cả phần việc của Tỳ-kheo thành một nhóm gọi là - Luật Tỳ-kheo. Phần việc của Tỳ-kheo-ni thành một nhóm gọi là - Luật Tỳ-kheo-ni. Tất cả các pháp liên hệ thọ giới thành một nhóm gọi là - Kiền độ Thọ giới. Tất cả các pháp bố-tát thành một nhóm gọi là - Kiền độ Bố-tát. Tất cả các pháp an cư thành một nhóm gọi là - Kiền độ An cư. Tất cả các pháp tự tứ thành một nhóm gọi là - Kiền độ Tự tứ. Tất cả các pháp liên hệ sử dụng da thuộc thành một nhóm gọi là - Kiền độ Da thuộc. Tất cả các pháp liên hệ y phục thành một nhóm gọi là - Kiền độ Y. Tất cả các pháp liên hệ sự dùng thuốc thành một nhóm gọi là - Kiền độ Dược. Tất cả các pháp liên hệ Ca-thi-na y thành một nhóm gọi là - Kiền độ Ca-thi-na y. Hai bộ luật, tất cả những Kiền độ, Điều bộ, Tỳ-ni Tăng nhất, tập hợp lại gọi là - Tỳ-ni tạng.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp liền tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng hỏi A-nan Pháp Tỳ ni. Đây là lời tác bạch.

Khi ấy, Tôn giả A-nan liền tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng khiến Đại Ca-diếp hỏi, tôi trả lời. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Ca-diếp liền hỏi A-nan:

- Kinh Phạm động [221] được nói ở chỗ nào? Tăng nhất,[222] nói ở đâu? Tăng thập,[223] nói tại chỗ nào? Kinh nói về việc thế giới thành bại,[224] nói ở đâu? Kinh Tăng-kỳ-đà,[225] nói ở chỗ nào? Kinh Đại nhân duyên,[226] nói ở đâu? Kinh Thiên đế Thích hỏi,[227] nói ở đâu?

Tôn giả A-nan đều trả lời như được nói trong Kinh Trường A-hàm.

Các vị liền tập hợp tất cả các kinh dài lại gọi là - Trường A-hàm, tất cả kinh trung gọi là - Trung A-hàm. Từ một việc, cho đến mười việc; từ mười việc cho đến mười một việc gọi là - Tăng nhất. Nhặt lượm [228] những điều liên quan đến Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, chư Thiên, Đế Thích, Ma, Phạm vương, tập lại gọi là - Tạp A-hàm.

---

[221] Kinh Phạm động 梵動經. Trường A-hàm 14, kinh số 21, Phạm động, No 1(21). Tương đương Pāli, D.1. Brahmajāla-suttanta.

[222] Kinh Tăng nhất 增一經. Trường A-hàm 9, kinh số 11, Tăng nhất, No (11). Tương đương Pāli, không có. Như kinh Thập thượng, No 1(10)

[223] Kinh Tăng thập 增十經. Trường A-hàm 9, kinh số 10, Thập thượng, No 1(10). Tương đương Pāli, D. 34. Dasuttara-suttanta.

[224] Kinh Thế giới thành bại 世界成敗經. Trường A-hàm 18-22, kinh số 30, Thế ký, No 1(30). Không có Pāli tương đương.

[225] Kinh Tăng-kỳ-đà 僧祇陀經.Trường A-hàm 8, kinh số 9, Chúng tập, No 1(9). Tương đương Pāli, D. 33. Sangīti-suttanta.

[226] 226. Kinh Đại nhân duyên 大因緣經. Trường A-hàm 10, kinh số 13, Đại duyên phương tiện, No 1(13). Tương đương Pāli, D. 15. MahāNidāna-suttanta.

[227] Kinh Thiên đế Thích vấn 天帝釋問經. Trường A-hàm 10, kinh số 14, Thích Đề-hoàn Nhân vấn, No (14). Tương đương Pāli, D. 21. Sakkapañha-suttanta.

[228] Tạp 雜; được hiểu là - nhặt lượm những điều tạp toái, linh tinh, sát nghĩa Skt. sanykta (Pāli: sanyutta): liên kết những sự kiện có liên hệ nhau.

Như thị sinh kinh,[229] Bổn kinh,[230] Thiện nhân duyên kinh,[231] Phương đẳng kinh,[232] Vị tằng hữu kinh,[233] Thí dụ kinh,[234] Ưu-bà-đề-xá kinh,[235] Cú nghĩa kinh,[236] Pháp cú kinh,[237] Ba-la-diên kinh,[238] Tạp nan kinh,[239] Thánh kệ kinh:[240] các kinh như vậy tập hợp lại thành Tạp tạng. Có nạn không nạn ràng buộc tương ưng với nhau, tập hợp lại thành A-tỳ-đàm tạng. Bấy giờ, những lời dạy của Đức Phật được tập hợp lại thành Ba tạng.

Bấy giờ, Trưởng lão Phú-la-na [241] nghe tại thành Vương-xá, có năm trăm vị A-la-hán cùng nhau tập hợp Pháp Tỳ-ni, liền cùng năm trăm vị Tỳ-kheo, đến thành Vương-xá, chỗ Đại Ca-diếp nói:

- Tôi nghe Đại đức cùng năm trăm vị A-la-hán

---

[229] Như thị sinh kinh 如是生經. Skt. itivttaka/ ityukta, Pāli: itivuttka, 1 trong 9 hay 12 phần giáo; phiên âm là y-đế-mục-đa-già, cũng dịch là bản sự, gồm những chuyện cổ không thuộc bản sinh.

[230] 230. Bổn kinh 本經. Skt. Pāli: jātaka, chỉ bản sinh truyện, những chuyện về tiền thân của Phật.

[231] Thiện nhân duyên kinh 善因緣經. Skt. nidāna, tập họp những giải đáp của Phật do các đệ tử hỏi trong nhiều nhân duyên khác nhau.

[232] Phương đẳng kinh 方等經. Skt. vaipulya, âm là tỳ-phật-lược, dịch là phương đẳng hay phương quảng, xiển dương nghĩa lý quảng đại bình đẳng, tức diễn rộng nhưng ẩn ý vi mật trong các lời dạy của Phật.

[233] Vị tằng hữu kinh 未曾有經. Skt. adbhuta-dharma, âm a-phù-đa-đạt-ma, tập họp nhưng điều ly kỳ, hiếm có trên đời.

[234] 234. Thí dụ kinh 譬經. Skt. avadāna, âm a-ba-đà-na, gồm những chuyện ngụ ngôn để răn dạy đạo đức.

[235] Ưu-bà-đề-xá kinh 優婆提舍經. Skt. upadeśa, dịch là luận nghị, giải thích và biện luận ý nghĩa lời Phật.

[236] Cú nghĩa kinh 句義經. Skt. padārtha, không có Hán.

[237] Pháp cú kinh 法句經. Skt. dharmapada, tuyển tập những bài kệ của Phật.

[238] Ba-la-diên kinh 波羅延經. Tương đương Pāli: Pārāyana-vagga (phẩm đáo bỉ ngạn), phẩm thứ năm của Suttanipāta, Tiểu bộ Pāli (Khuddaka-Nikāya).

[239] Tạp nan kinh 雜難經. Không có Hán.

[240] Thánh kệ kinh 聖偈經. Tương đương Pāli: Theragathā (Trưởng lão kệ) và Therīgathā (Trưởng lão ni kệ), tuyển tập những bài kệ của các Thánh đệ tử, thuộc Tiểu bộ Pāli (Khuddaka- Nikāya).

[241] Phú-la-na 富羅那. Vin. ii. 289: Bấy giờ, Trưởng lão Purāna cùng với 500 Tỳ-kheo từ Nam sơn (Dakkhitāgiri) về Vương-xá để tham dự kết tập. Vị Trưởng lão này không được đồng nhất với Tôn giả Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, cũng gọi là Mãn Từ Tử (Skt. Pūrna-maitrāyani-putra, Pāli: Putta-Mantāni-putta),, 1 trong 10 Đại đệ tử.

cùng nhau tập hợp Pháp Tỳ-ni, tôi cũng muốn dự nghe pháp.

Đại Ca-diếp, vì nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng vì số Tỳ- kheo này hỏi lại Ưu-ba-ly, cho đến tập hợp thành Ba Tạng như trên đã nói.

Phú-la-na thưa Đại đức Ca-diếp:

- Tôi nhất trí tất cả, chỉ trừ tám việc.[242] Thưa Đại đức, chính tôi nghe từ Đức Phật và nhớ kỹ không quên, Đức Phật cho phép: Ngủ với thức ăn, nấu thức ăn trong giới, tự mình nấu thức ăn, tự mình lấy thức ăn, thọ thực lúc sáng sớm, từ người kia mang thức ăn đến, nếu có tạp quả, hoặc nước trong ao chảy ra mà có vật có thể ăn được thì được ăn. Tám trường hợp trên Phật đều cho phép không làm pháp dư thực mà được ăn.

Đại Ca-diếp trả lời:

- Thật đúng như lời Thầy nói. Đức Thế Tôn vì lúc mất mùa, lúc gạo khan hiếm, nhân dân đói khổ, khất thực khó, đã từ mẫn đối với Tỳ- kheo nên cho phép tám việc như vậy. Khi nào được mùa lúa gạo đầy đủ thức ăn nhiều thì Phật liền chế cấm, không cho phép làm như vậy.

Phú-la-na lại nói:

- Thưa Đại đức Ca-diếp, Đức Thế Tôn là bậc Nhất thiết tri kiến, không bao giờ cấm rồi lại mở; mở rồi lại cấm.

---

[242] Ngũ phần 30 (T22n1421 tr.191c27): Bảy điều.

Đại Ca-diếp trả lời:

- Vì Đức Thế Tôn là bậc nhất thiết trí kiến nên mới cấm rồi lại mở, mở rồi lại cấm. Này Phú-la-na, chúng ta nên lập chế ước như vầy: Những gì Đức Phật không cấm thì không nên cấm. Những gì Đức Phật chế cấm thì không nên hủy bỏ. Nên tùy thuận học tập những chế giới của Đức Phật.[243]

Tại thành Vương xá, năm trăm vị A-la-hán, cùng nhau kiết tập Pháp Tỳ-ni, cho nên gọi là: Tập Pháp Tỳ ni ngũ bách nhân.

-oOo-

[243] Ngũ phần, và Cũnavagga còn kết thêm pháp phạm-đàn (brahmadatta).

Phần 4: NÊU DẪN CÁC SỰ VIỆC: PHÒNG XÁ, TẠP SỰ, NGŨ BÁCH KẾT TẬP, THẤT BÁCH KẾT TẬP, ĐIỀU ĐẠT, TỲ NI TĂNG NHẤT

Chương IV: THẤT BÁCH KẾT TẬP

Sau khi Đức Thế Tôn Bát-Niết-bàn một trăm năm, tại Tỳ-xá-ly, các Tỳ-kheo người Bạt-xà [244] thi hành mười việc, nói là pháp thanh tịnh, được Đức Phật cho phép: được phép hai ngón tay lấy thức ăn, được phép giữa xóm làng, được phép trong chùa, được phép về sau hứa khả, được phép thường pháp, được hòa, được phép muối ngủ chung, được phép uống rượu xà-lâu-la, được phép chứa ngọa cụ không cắt rọc, được nhận vàng bạc.[245] Ngày bố-tát, đàn-việt cúng vàng bạc, họ chia cho nhau.

Bấy giờ, có Da-xá Già-na Tử [246] nghe Tỳ-kheo Tỳ-xá-ly làm việc như vậy, liền đến chỗ Tỳ-kheo người Bạt-xà, thì thấy họ khuyên đàn- việt khi bố-tát cúng dường vàng bạc cho chúng Tăng. Giữa Tăng, họ xướng, chia phần cho Tỳ-kheo Già-na Tử. Tỳ-kheo liền nói:

- Tôi không nhận.

---

[244] Bạt-xà Tử, xem cht. trên.

[245] So sánh 10 điều của Pāli, Vin.ii. 294. Xem giải thích ở đoạn sau.

[246] Da-xá ca-na Tử 耶舍迦那子. Pāli: Yasa-Kākattakaputta, đệ tử của A-nan.

- Tai sao vậy?

- Sa-môn Thích tử không được thọ nhận và cất giữ vàng bạc. Sa- môn Thích tử xả bỏ châu báu, không đắm nơi sự trang sức đẹp.

Vào một ngày khác, họ phân chia xong, mang đến cho Tỳ-kheo (969a1) Già-na Tử. Già-na Tử nói:

- Tôi không cần. Trước đây tôi đã nói Sa-môn Thích tử xả bỏ châu báu, không đắm vào sự trang sức đẹp đẽ.

Họ liền nói:

- Ưu-bà-tắc nơi Tỳ-xá-ly giận. Thầy đến giáo hóa khiến cho họ hoan hỷ.

Rồi sai người cùng đi. Tỳ-kheo Da-xá Già-na Tử đến Tỳ-xá-ly, chỗ Ưu-bà-tắc, nói:

- Thật sự các người giận lời nói của tôi phải không? Tôi nói: Sa- môn Thích tử không được nhận lấy vàng bạc, xả bỏ trân bảo, không đắm vào việc trang sức đẹp đẽ. Này, Ưu-bà-tắc, khi Đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá, bấy giờ trong cung, quần thần của vua, tập họp nói Sa- môn Thích tử được nhận vàng bạc, không xả bỏ châu báu, say đắm vào việc trang sức cho đẹp. Bấy giờ, trong nhóm quần thần kia có đại trưởng giả Châu Kế [247] nói với các đại thần: "Không được nói Sa-

[247] Châu Kế 珠髻. Xem, Phần I Ch, v. Ba dật đề 18. Pāli: Manicūlaka, một người thôn trưởng. Vin.ii. 296; S. iv. 325.

môn Thích tử được nhận lấy vàng bạc, không xả bỏ châu báu, đắm say vào việc trang sức cho đẹp. Tại sao vậy? Vì Sa-môn Thích tử không những không được phép nhận vàng bạc, mà còn xả bỏ châu báu, không đắm say vào việc trang sức đẹp." Bấy giờ, trưởng giả Châu Kế vì các đại thần giải thích nói rõ ràng, khiến họ hiểu và hoan hỷ. Sau đó, một thời gian Trưởng giả Châu Kế đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem nhân duyên trước kia bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ, rồi thưa: "Con giải thích rõ ràng, khiến họ hoan hỷ. Bạch Đức Thế Tôn, con nói như vậy có trái với Thánh chỉ, không như pháp đã dạy sao?" Đức Phật dạy ông trưởng giả: "Như lời ông nói là đúng pháp, đúng sự thật, không trái với giáo pháp Đức Thế Tôn. Tại sao vậy? Vì Sa-môn Thích tử không được phép nhận lấy vàng bạc; xả bỏ châu báu, không đắm vào việc trang sức cho đẹp. Người nào nhận lấy vàng bạc tức là thụ hưởng ngũ dục. Thọ ngũ dục thì không phải Sa-môn Thích tử. Này ông Trưởng giả! Nếu thấy Sa-môn Thích tử nào cầm nắm vàng bạc, quyết định người ấy không phải là Sa-môn Thích tử. Ta có nói, cho phép, ai cần tre, lau, cỏ, cây, được phép cầu xin; nhưng không bao giờ được phép tự mình nhận lấy vàng bạc"[248] Này Lê-

[248] Pāli, S. iv. 326: Tinam tinatthikena pariyesitabba… na...kenaci pariyāyena jātaruparajata sāditabbam pariyesitabbam, - ai cần cỏ thì xin cỏ…nhưng không vì bất cứ nhân duyên gì cho phép cầu xin vàng bạc.

xa, vì nhân duyên trên nên Sa-môn Thích tử không được phép nhận lấy vàng bạc, xả bỏ châu báu, không đắm say vào việc trang sức cho đẹp.

- Này Lê-xa, lại có một hôm, khi Đức Thế Tôn ở tại Kỳ-hoàn. Ngài bảo các Tỳ-kheo, có bốn trường hợp khiến cho mặt trời, mặt trăng không sáng tỏ, đó là A-tu-la, khói mây, sương và bụi. Bốn trường hợp này khiến cho mặt trời mặt trăng không sáng tỏ. Sa-môn Bà-la-môn cũng có bốn việc ô nhiễm bụi bẩn khiến cho Sa-môn Bà-la-môn không chói sáng. Đó là, nếu Sa-môn Bà-la-môn nào không thể trừ bỏ việc uống rượu, thì đây là bụi bẩn thứ nhất; hoặc có Sa-môn Bà-la-môn nào làm pháp ái dục, không thể xả ly, thì đây là bụi bẩn thứ hai; hoặc có Sa- môn Bà-la-môn nào nhận lấy vàng bạc, không xả bỏ sự trang sức cho tốt đẹp, thì đây là bụi bẩn thứ ba; hay có Sa-môn, Bà-la-môn nào dùng tà mạng để nuôi sống, không thể đoạn trừ, thì đây là bụi bẩn thứ tư, đó gọi là bốn việc. Vì bốn việc này cho nên khiến Sa-môn Bà-la-môn ô uế không sáng tỏ, không có sự sáng chói. Đức Thế Tôn nói kệ:

Sa-môn, Bà-la-môn
Bị bẩn bởi tham dục
Bị ngu si che lấp
Ái trước nơi sắc đẹp.
Uống rượu, tâm tán loạn
Rồi làm pháp ái dục

Nhận lấy vật quý báu
Đây là kẻ vô trí.
Sa-môn Bà-la-môn
Nuôi sống bằng tà mạng
Phật nói đây là xấu
Như mặt trời bị che.
Ánh sáng không chiếu soi
Ô uế không tinh sạch
Bị che bởi bóng tối
Người bị ái dục sai.
Tạo ác, không thiện nghiệp
Người si đâu hành đạo?
Oán tắng lại càng thêm
Lại thọ thân đời sau.

- Này Ly-xa, vì những nhân duyên như vậy, các ông nên biết, Sa- môn Thích tử không được thọ nhận vàng bạc, trừ bỏ sự trang sức. Các ông không tin lời nói của tôi hay sao?

Ly-xa nói:

- Không phải tôi không tin. Tôi rất kính tín đối với Ngài. Ngài có thể cư trú tại Tỳ-xá-ly này. Chúng tôi sẽ cung cấp y phục ẩm thực y dược, và tất cả thứ cần dùng.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Già-na tử vì các Ly-xa giải bày khiến họ được hoan hỷ rồi, cùng Tỳ-kheo sứ giả kia trở về chỗ Tỳ-kheo Bà-xà Tử.[249] Từ xa thấy

[249] Bà-xà Tử; trên kia, âm là Bạt-xà Tử.

Tỳ-kheo Già-na Tử đến, Bà-xà Tử liền hỏi Tỳ-kheo sứ giả:

- Tỳ-kheo Già-na Tử đã giải thích khuyến dụ các Ly-xa khiến họ tin tưởng rồi phải không?

Tỳ-kheo sứ giả trả lời:

- Vâng. Họ đã kính tín Già-na Tử. Chúng ta chẳng phải Sa-môn Thích tử.

Tỳ-kheo Bà-xà Tử hỏi:

- Tại sao vậy?

Sứ giả liền đem nhân duyên trước trình bày đầy đủ. Tỳ-kheo Tỳ- xá-ly nói với Tỳ-kheo Già-na tử:

- Trước đây Thầy mắng chửi chúng Tăng. Thầy có thấy tội hay chăng?

Già-na Tử trả lời:

- Tôi không mắng chửi chúng Tăng. Vị kia liền tập chúng để cử tội.

Tỳ-kheo Già-na Tử liền nghĩ: Tránh sự này nếu được Trưởng lão Ly-bà-đa [250] trợ bạn ta thì có thể chấm dứt như pháp.

Già-na tử liền hỏi thăm người khác để biết Ly-bà-đa hiện ở đâu. Người được hỏi trả lời: Nghe nói ở bên bờ sông Bà-kha.[251] Già-na Tử liền đến bên

---

[250] 250. Ly-bà-đa 離婆多. Pāli: Revata, vị trưởng lão này sống ở Soreyya, - thông bác, tinh thông A-hàm, Luật, Mattika…, Vin.ii. 299. Trùng tên với Revata, vị trưởng lão em út của ngài Xá-kợi- phất.

[251] Bà-kha 婆呵. Pāli: Payāga. Lộ trình từ Payāga đến Soreyya của Revata, phỏng lại lộ trình Phật đi từ Verañja (Tỳ-lan-nhã, chỗ Xá-lợi-phất thỉnh Phật chế giới cho Tỳ-kheo) đến Bārānasī, ngang qua Soreyya, Sankassa và Kattakujja.

Sông Bà-kha. Ly-bà-đa lúc ấy không có ở đó. Già-na Tử hỏi: Ly-bà-đa hiện ở đâu? Người ở tại đó trả lời: Nghe nói hiện ở nước Già-na-ủy-xà.[252] Già-na Tử liền đến nước đó, nhưng cũng không gặp Ly-bà-đa. Hỏi, được biết Ly-bà-đa hiện ở tại nước A-già-lâu-la.[253] Già- na Tử đến nước đó, lại cũng không có Ly-bà-đa, và hỏi tiếp được biết Ly-bà-đa hiện ở nước Tăng-già-xa.[254] Già-na tử liền đến đó, gặp được Ly-bà-đa hiện đang ở tại đó.

Bấy giờ, chúng đang tập hợp, Già-na Tử hỏi vị đệ tử thị giả của Ly-bà-đa:

- Đại đức Trưởng lão Ly-bà-đa của Thầy có đến trong chúng không?

Vị thị giả trả lời:

- Ngài sẽ đến.

Khi ấy, Ly-bà-đa đến thuyết pháp cho chúng nghe xong, quá nữa đêm, cầm ni-sư-đàn trở về lại thất.

Khi ấy, Da-xá Già-na Tử cũng ở trong chúng nghe pháp rồi, quá nửa đêm cầm ni-sư-đàn đến chỗ Ly-bà-đa, nghĩ: Bây giờ là thời gian thích hợp. Ta sẽ trình bày đầy đủ nhân duyên để Ly-bà-đa nghe.

Già-na tử liền hỏi Ly-bà-đa:

- Kính thưa Đại đức Thượng tọa, được phép

---

[252] Già-na-ủy-xà 伽那慰闍. Pāli: Kaḍḍakujja. Xem cht. 8 trên.

[253] 253. A-già-lâu-la 阿伽樓羅. Pāli: Agganapura, Vin.ii. 299.

[254] Tăng-già-xa 僧伽. Pāli: Sankassa. Xem cht. 8 trên.

hai ngón tay lấy thức ăn [255] hay không?

Ly-bà-đa hỏi lại:

- Hai ngón tay lấy thức ăn, là thế nào? Già-na Tử thưa:

- Bạch Đại đức Trưởng lão, ăn đủ rồi, xả oai nghi, không làm pháp dư thực, được dùng hai ngón tay lấy thức ăn để ăn không?

Ly-bà-đa nói:

- Không được làm như vậy. Già-na tử hỏi:

- Điều này Đức Phật chế cấm tại chỗ nào?[256] Ly-bà-đa trả lời:

- Tại nước Xá-vệ. Nhân có vị không làm phép dư thực mà ăn, cho nên Phật chế cấm. Già-na Tử lại hỏi:

- Thưa Đại đức Trưởng lão, được giữa xóm làng [257] hay không? Ly-bà-đa hỏi lại:

- Được giữa xóm làng, là thế nào? Già-na Tử nói:

- Thưa Đại đức Trưởng lão, ăn đủ rồi, xả oai nghi, không làm pháp dư thực, đi đến khoảng giữa hai thôn, được ăn.

Ly-bà-đa nói:

- Không được làm như vậy. Già-na Tử hỏi:

---

[255] 255. Đắc nhị chỉ sao 得二指抄. Pāli: dvangulakappa, nhị chỉ tịnh, được giải thích: dvangulāya chāyāya vītivattāya, (được phép ăn quá trưa) khi bóng chưa quá hai ngón tay. Liên hệ điều luật phi thời thực. Vin.ii. 230

[256] Xem Phần i, Ch. v. Ba-dật-đề 35.

[257] Đắc thôn gian 得村間. Pāli, ibid.: Gāmantarakappo. thôn gian tịnh; như Tứ phần

- Điều này Đức Phật chế cấm ở chỗ nào?[258]

- Tại nước Xá-vệ. Nhân có vị không làm pháp dư thực mà ăn, cho nên Đức Phật chế cấm.

Già-na Tử hỏi:

- Bạch Đại đức Trưởng lão, được trong chùa [259] hay không? Ly-bà-đa hỏi:

- Được trong chùa, là thế nào? Già-na Tử trả lời:

- Bạch Đại đức Trưởng lão, nghĩa là ở trong chùa được biệt chúng yết-ma.

Ly-bà-đa nói:

- Không được làm như vậy. Già-na Tử hỏi:

- Đức Phật chế cấm điều này ở đâu?

- Tại thành Vương xá. Chế cấm trong Kiền độ Bố-tát. Già-na Tử hỏi:

- Kính Đại đức Trưởng lão, được phép hứa khả sau [260] hay không? Ly-bà-đa hỏi lại:

- Thế nào là được phép hứa khả sau? Già-na Tử thưa:

- Bạch Đại đức Trưởng lão, tại nội giới, được phép biệt chúng yết- ma nếu sau đó được hứa khả.

Ly-bà-đa nói:

- Không được làm như vậy. Già-na Tử hỏi:

258

259 Đắc tự nội 得寺內. Pāli: āvāsakappo, trú xứ tịnh.

260 Đắc hậu thính khả 得後聽可. Pāli: anumatikappo, tùy hỷ tịnh; giải thích: kappati bhante vaggena sanghena kammam kātum, āgate bhikkhu anumesāmāti, được phép tác yết ma biệt chúng, nếu các Tỳ-kheo đến sau nói, - chúng tôi tuỳ hỷ.

- Điều này Đức Phật chế cấm ở chỗ nào?

- Tại Thành Vương xá. Cấm chế thuộc trong Kiền độ Bố-tát. Già-na Tử lại hỏi:

- Được thường pháp [261] hay không? Ly-bà-đa lại hỏi:

- Thế nào gọi là được thường pháp? Già-na Tử thưa:

- Bạch Đại đức Trưởng lão, việc này làm như vậy rồi, nói như vậy, xưa nay làm như vậy.

Ly-bà-đa nói:

- Tỳ-kheo biết chăng? Nên quán sát Tu-đa-la, Tỳ-ni, nghiệm xét Pháp Luật. Nếu không quán sát Tỳ ni không nghiệm xét Pháp Luật, mà trái nghịch Pháp thì, nếu đã làm không nên làm, chưa làm cũng không nên làm. Nếu quán sát Tu-đa-la, Tỳ-ni, kiểm xét Pháp Luật, cùng Tu- đa-la mà cùng pháp luật tương ưng, không trái với pháp sẵn có, thì những điều đã làm hay chưa làm đều nên làm.

Già-na tử hỏi:

- Bạch Đại đức Trưởng lão, được hòa [262] hay không? Ly-bà-đa hỏi:

- Thế nào là được hòa?

- Bạch Đại đức Trưởng lão, ăn đủ rồi, xả oai nghi, dùng tô du, mật, sinh tô, thạch mật, tô, hòa

---

[261] Đắc thường pháp 得常法. Pāli: ācittakappo, thường hành tịnh, - Được phép làm, vì Hoà thượng của tôi, A-xà-lê của tôi đã làm như thế. Vin.ii. 301.

[262] Đắc hoà 得和. Pāli: amathitakappa, được phép nếu chưa ngưng kết: đã ăn xong (túc thực), được phép uống sữa (khīra), nếu sữa chưa thành sữa đông (lạc). Vin. ii. 301.

chung lại, được ăn không?

Ly-bà-đa nói:

- Không được làm như vậy. Già-na Tử lại hỏi:

- Điều này được Đức Phật chế cấm ở đâu?

- Tại nước Xá-vệ. Nhân có vị không tác pháp dư thực mà ăn, nên Phật đã chế cấm.

Già-na tử lại hỏi:

- Bạch Đại đức Trưởng lão, muối ngủ chung [263] được phép không? Ly-bà-đa hỏi lại:

- Muối ngủ chung được phép, là thế nào?

- Bạch Đại đức Trưởng lão, dùng muối ngủ chung nêm trong thức ăn rồi ăn.

Ly-bà-đa nói:

- Không được làm như vậy. Già-na Tử hỏi:

- Điều này được Đức Phật chế ở đâu?

- Tại nước Xá-vệ. Trong Kiền độ Dược đã chế cấm. Già-na Tử lại hỏi:

- Bạch Trưởng lão Đại đức, được uống rượu xà-lâu-la [264] hay không?

Ly-bà-đa nói:

- Không được uống như vậy.

Già-na Tử hỏi:

- Điều này được Đức Phật chế cấm ở đâu?

---

[263] 263. Diêm cộng túc 鹽共宿, chỉ muối để dành cách đêm. Pāli: singilonakappo, giác diêm tịnh, được phép mang muối theo trong cái sừng, khi ăn, lấy ra dùng.

[264] Xa-lâu-la tửu 飲闍樓羅酒. Pāli: kappati jalogim pātum, được phép uống rượu pha. Rượu jalogi (xa-lâu-la), chỉ rượu loãng, hay nước trái cây để lâu mà chưa lên men thành rượu. Ngũ phần 30 (T22n1421 tr.192b01): rượu cất mà chưa chín.

- Tại nước Câu-thiểm-di. Vì Trưởng lão Tỳ-kheo Sa-già-đà [265] nên Phật đã chế cấm.

Già-na Tử lại hỏi:

- Bạch Đại đức Trưởng lão, được phép cất chứa tọa cụ không cắt rọc [266] hay không?

Ly-bà-đa nói:

- Không được cất chứa như vậy. Già-na tử hỏi:

- Điều này Đức Phật chế cấm tại chỗ nào?

- Tại nước Xá-vệ. Vì Nhóm sáu Tỳ-kheo nên chế cấm. Già-na Tử lại hỏi:

- Bạch Đại đức Trưởng lão, được phép nhận vàng bạc [267] hay không?

Ly-bà-đa nói:

- Không được thọ nhận như vậy. Già-na Tử hỏi:

- Điều này được Đức Phật chế cấm ở đâu?

- Tại thành Vương-xá, vì Bạt-nan-đà Thích Tử nên đã chế cấm. Già-na tử thưa:

- Bạch Đại đức Trưởng lão, tại Tỳ-xá-ly, Tỳ-kheo Bà-xà Tử thi hành mười điều này mà nói là như pháp thanh tịnh, là Phật cho phép. Ngày bố-tát họ khuyến khích đàn-việt cúng dường vàng bạc cho chúng Tăng, rồi sai người phân chia.

Ly-bà-đa nói:

---

[265] Xem Phần I, Ch. v Ba-dật-đề 51.

[266] Bất cát tiệt tọa cụ 不割截坐具. Ngũ phần 30 (T22n1421 tr.192b01): làm tọa cụ tuỳ ý lớn nhỏ. Pāli: adasaka nisīdana, tọa cụ không làm viền.

[267] Pāli: kappati jātarūparajam. Như Tứ phần.

- Thầy đừng nói với người khác.

- Tại sao vậy?

- Sợ các Tỳ-kheo chỗ hiểu biết không đồng nhau, đưa đến Tỳ- kheo không hòa hợp. Tỳ-kheo, Thầy có thể đến trong núi A-vu-hằng hà,[268] nơi đó có Tỳ-kheo Tam-phù-đà [269] là đồng Hoà thượng với tôi, cùng với sáu mươi Tỳ-kheo Ba-la-ly Tử [270] chung sống. Các vị ấy đều là những người dũng mãnh tinh tấn, không hề có sự sợ sệt. Thầy đem nhân duyên ấy trình bày đầy đủ với các vị ấy đó, rồi cùng hẹn đến bên bờ sông Bà-kha, tôi cũng sẽ đến đó.

Khi ấy Tỳ-kheo Da-xá Già-na Tử liền đến núi kia, chỗ ở của Tam-phù-đà và đem nhân duyên ấy trình bày đầy đủ với các vị ấy, và hẹn đến bờ sông Bà-kha, sẽ gặp Đại đức Ly-bà-đa cũng đến đó.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Bà-xà Tử ở Tỳ-xá-ly nghe Tỳ-kheo Da-xá Già- na Tử đi các nơi tìm trợ bạn, liền đem chiếc y tốt nhất ở Tỳ-xá-ly đến chỗ người đệ tử của Ly-bà-đa nói:

- Tôi đem chiếc y tốt nhất này đến đây để cúng cho Đại đức Ly- bà-đa. Nhưng thôi, nay không cúng nữa mà xin cúng cho Thầy. Thầy nhận cho.

---

[268] A-vu-hằng hà sơn 阿吁恒河山. Pāli: Ahogangā, tên một ngọn núi ở Bắc Ấn, nằm bên thượng lưu sông Hằng (uddham Gangāya).

[269] Tam-phù-đà 三浮陀. Pāli: Sambhūta.

[270] Ba-la-ly Tử 波羅離子. Pāli: Pātheyyakā (Pāveyyakā), các Tỳ-kheo người Pāva (Bà-ba hay Ba-hòa, xem trên), một thủ phủ của người Vajjī. Trong kết tập này, họ đứng về phía Re-vata. Họ được gọi là những người phương Tây.

Vị đệ tử của Ly-bà-đa nói:

- Thôi! thôi! Tôi không nhận.

Tỳ-kheo Bà-xà Tử ân cần khuyên, có tánh cách bắt ép khiến cho vị kia nhận. Khi vị kia nhận rồi Bà-xà Tử nói:

- Thưa Trưởng lão, Tỳ-kheo hai nước Ba-di-na [271] và Ba-lê [272] cùng nhau tranh cãi. Đức Thế Tôn xuất thế tại Ba-di-na. Lành thay! Trưởng lão bạch giùm tôi lên Đại đức Thượng tọa rằng, "Tỳ-kheo hai nước Ba- di-na và Ba-lê cùng nhau tranh cãi. Đức Thế Tôn xuất thế tại Ba-di-na. Lành thay! Đại đức hãy trợ Tỳ-kheo Ba-di-na.

Vị kia liền trả lời:

- Đại đức Trưởng lão Ly-bà-đa được nhiều người tôn kính. Tôi không dám thưa.

Vị kia bị cưỡng bức quá, liền đến chỗ Ly-bà-đa bạch:

- Kính bạch Đại đức, Tỳ-kheo hai nước Ba-di-na và Ba-lê cùng nhau tranh cãi. Đức Thế Tôn xuất thế tại Ba-di-na. Nguyện xin Đại đức hãy trợ Tỳ-kheo Ba-di-na.

Ly-bà-đa liền trả lời:

- Ngươi ngu si, muốn kéo ta vào trong bộ chúng bất tịnh chăng?

Ngươi hãy đi! Ta không cần ngươi.

---

[271] Ba-di-na 波夷那. Pācinakā, các Tỳ-kheo phương Đông, nhưng người ủng hội 10 điểm của Vajjiputtaka

[272] Ba-lê 波梨.Trên kia phiên âm là Pa-la-ly Tử; xem cht. 26.

Vị kia bị đuổi rồi liền đến Tỳ-xá-ly, chỗ Tỳ-kheo Bà-xà Tử thưa:

- Trưởng lão, trước đây tôi nói với Thầy, Đại đức Ly-bà-đa được nhiều người tôn kính. Tôi không dám nói. Nay tôi bị khiển trách.

Vị kia hỏi, bị khiển trách thế nào?

- Ngài khiển trách, đuổi tôi đi. Vị kia lại hỏi:

- Thầy bao nhiêu hạ?

- Tôi mười hai hạ.

- Thầy đã mười hai hạ mà còn sợ bị đuổi hay sao?

- Ngài ấy không chịu tôi làm thị giả, làm sao không sợ? Bấy giờ, Ly-bà-đa cùng các Tỳ-kheo nói:

- Nay chúng ta hãy đến ngay chỗ đã phát sinh tránh sự.

Các vị ấy đi bằng thuyền theo sông Hằng đến đó. Gặp lúc trời nóng, mệt mỏi, nên ghé thuyền vào bờ để nghỉ khỏe nơi bóng mát.

Lúc ấy, tại thôn Bà-sưu [273] có Trưởng lão đang trên đường đi, suy nghĩ: Trong việc tranh cãi này, nay ta nên xem xét Tu-đa-la, Tỳ-ni để biết ai là pháp ngữ, ai là phi pháp ngữ. Vị kia liền xem xét Tu-đa-la, Tỳ- ni; nghiệm xét Pháp Luật, nên biết Tỳ-kheo nước Ba-lê là pháp ngữ; Tỳ-kheo bước Ba-di-na là phi pháp ngữ.

---

[273] Bà-sưu thôn 婆搜村. Pāli: Sahajāti, tên một thị trấn, chỗ của Sā#ha. Ngũ phần 30: Sa-lan 沙蘭.

Bấy giờ, có vị trời không hiện hình, khen ngợi:

- Lành thay, thiện nam tử, như người quan sát biết Tỳ-kheo Ba-lê là như pháp ngữ, Tỳ-kheo Ba-di-na là phi pháp ngữ.

Bấy giờ, các Trưởng lão liền cùng nhau đến Tỳ-xá-ly. Tại Tỳ-xá- ly có Trưởng lão là Nhứt Thiết Khứ [274] là bậc tối thượng tọa trong Diêm-phù-đề. Khi ấy, Tam-phù-đà nói với Ly-bà-đa:

- Nay, ta nên đến trong thất thượng tọa Nhất Thiết Khứ nghỉ đêm, để nói việc này cho Thương tọa nghe.

Hai người cùng đến đó. Ban đêm Trưởng lão Nhất Thiết Khứ tọa thiền tư duy đã trải qua một thời gian lâu, Ly-bà-đa suy nghĩ: Thượng tọa này, tuổi đã già, khí lực suy yếu, mà còn tọa thiền lâu thế này huống là ta, tại sao không ngồi như vậy? Ly-bà-đa liền cũng ngồi tư duy trong một thời gian lâu. Trưởng lão Nhất Thiết Khứ lại nghĩ: Tỳ-kheo khách này đi đường xa mỏi mệt còn tọa thiền tư duy như thế này, huống là ta mà không ngồi lâu. Vì vậy Trưởng lão kia lại ngồi tư duy một thời gian lâu nữa. Khi trời đã sáng hẳn, Trưởng lão Nhất Thiết Khứ nói với Ly- bà-đa:

- Thưa Trưởng lão, đêm nay ngài tư duy pháp gì? Ly-bà-đa trả lời:

- Trước kia tôi còn là bạch y, thường tập từ

[274] Nhất Thiết Khứ 一切去. Pāli: Sabbakāmi.

tâm. Đêm nay tôi tư duy và nhập vào tam muội từ.

Vị kia liền nói:

- Như vậy là đêm nay ngài nhập tiểu định.

- Tại sao vậy?

- Từ tâm tam muội là tiểu định.

Ly-bà-đa hỏi lại Đại đức Nhất Thiết Khứ:

- Đêm nay Ngài tư duy pháp gì? Nhất Thiết Khứ nói:

- Trước đây, khi tôi còn là bạch y, tập pháp Không. Đêm nay phần nhiều tôi nhập vào tam muội Không.

Ly-bà-đa nói:

- Như Thế là đêm nay Đại đức tư duy pháp đại nhân.

- Tại sao vậy?

- Pháp đại nhân là nhập tam muội Không. Ly-bà-đa liền nghĩ:

- Bây giờ, chính là lúc ta có thể đem nhân duyên trước đây nói cho Đại đức Nhất Thiết Khứ biết.

Vị kia hỏi:

- Kính thưa Đại đức Trưởng lão, được phép dùng hai ngón tay để lấy thức ăn hay không?

- Thế nào là dùng hai ngón tay lấy thức ăn?

- Thưa Đại đức, ăn đủ rồi, xả oai nghi, không làm pháp dư thực, được phép dùng hai ngón tay

để lấy thức ăn?

Đáp:

- Không được làm như vậy.

- Điều này được Đức Phật chế chỗ nào?

- Tại nước Xá-vệ. Nhân có vị không làm pháp dư thực mà ăn nên Đức Phật đã chế cấm.

Trình bày từng điều một như trên, cho đến ngày bố-tát thọ nhận vàng bạc rồi sai người phân chia, như trên.

Vị kia liền nói:

- Đừng nên nói với người khác. Sợ nhân tâm không đồng, đưa đến việc không hòa hợp.

Thượng tọa Nhất Thiết Khứ là đệ nhất Thượng tọa. Tam-phù-đà là đệ nhị Thượng tọa. Ly-bà-đa là đệ tam Thượng tọa. Bà-sưu Thôn là đệ tứ Thượng tọa. Tôn giả A-nan là Hòa thượng của các vị ấy đó.

Trưởng lão Nhất Thiết Khứ là người hiểu biết Tăng sự, nên bấy giờ Thượng tọa liền tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng luận Pháp Tỳ ni. Đây là lời tác bạch.

Khi ấy, Tỳ-kheo Ba-di-na nói Tỳ-kheo Ba Lê:

- Các Thầy có thể mời người bình đáng.[275] Tỳ-kheo Ba Lê liền nói:

---

[275] Bình đáng nhân 平當人. Ngũ phần (T22n1421 tr.193c21): đoán sự chủ 斷事主. Pāli: ubbāhikāya, bối thẩm đoàn.

- Thượng tọa Nhất Thiết Khứ, Ly-bà-đa, Da-xá, Tô-mạn-na [276] là người bình đáng của chúng tôi.

Tỳ-kheo Ba-lê nói với Tỳ-kheo Ba-di-na:

- Các Thầy cũng nên mời người bình đáng. Tỳ-kheo kia liền nói:

- Trưởng lão Tam-phù-đà, Ba-sưu Thôn, Trưởng lão Sa-lưu,[277] Bất-xà-tô-ma [278] là người bình đáng của chúng tôi.

Trong số đó có Tỳ-kheo A-di-đầu [279] có khả năng làm người khuyến hoá.[280] Các Tỳ-kheo kia nói:

- Nên ghi tên Tỳ-kheo này vào trong túc số. Tại sao vậy? Ở tại chỗ này, vị kia khuyến hóa cho chúng ta.

Do vậy, vị kia được ghi vào túc số.

Các Thượng tọa liền nghĩ: Nếu chúng ta hỏi sự việc này ở trong chúng thì sợ sinh ra tránh sự khác, không biết ai nói đúng, ai nói sai. Nay, chúng ta nên lựa chọn, rồi bình luận nơi chỗ riêng biệt. Rồi các Trưởng lão lại nghĩ, - Chúng ta nên bình luận sự việc nơi nào cho thích hợp? Bèn nói, - Trong

---

[276] Tô-mạn-na 蘇曼那. Pāli: Sumana.

[277] Sa-lưu 沙留. Pāli: Sānha. Tức trên kia nói Trưởng lão người Bà-sưu thôn.

[278] Bất-xà-tô-ma 不闍蘇摩. Pāli: Khujjasobhita.

[279] A-di-đầu 阿夷頭. Pāli: Ajita, bấy giờ mới 10 hạ, nhưng được tham dự, làm người phu tòa (āsana-paññāpaka)sắp chỗ cho bồi thẩm đoàn.

[280] Khuyến hoa 勸化. Ngũ phân: Phu tòa 敷座. Pāli: āsana-paññapaka, xem cht. 35 trên.

rừng Bà-lê.[281]

Bấy giờ, Trưởng lão Nhất Thiết Khứ liền tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Đây là Tỳ-kheo đã được Tăng cử. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận trong rừng Bà- lê, luận Pháp Tỳ ni. Các Tỳ-kheo khác không được có mặt. Đây là lời tác bạch.

Tác bạch như vậy rồi nên yết-ma, sai hai, ba Tỳ-kheo lấy dục của các Tỳ-kheo khác đến trong rừng Bà-lê.

Khi ấy, Thượng tọa Nhất Thiết Khứ dùng nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng. Các Thượng tọa đều tập hợp. Thượng tọa Nhất Thiết Khứ liền tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng luận Pháp Tỳ ni. Đây là lời tác bạch

Khi ấy, Ly-bà-đa liền tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng hỏi Thượng tọa Nhất Thiết Khứ Pháp Tỳ ni. Đây là lời tác bạch.

Thượng tọa Nhất Thiết Khứ lại liền tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay

[281] Bà-lê lâm 婆梨林. Pāli: Vālikārāma, Tăng viện Vālika ở Vesāli.

Tăng khiến Ly-bà-đa hỏi, tôi trả lời Pháp Tỳ ni. Đây là lời tác bạch.

Ly-bà-đa hỏi:

- Thưa Đại đức Thượng tọa, được dùng hai ngón tay tịnh hay không?

Vị được hỏi liền hỏi lại:

- Hai ngón tay tịnh là thế nào?

- Thưa đại Trưởng lão, ăn đủ rồi, xả oai nghi, được dùng hai ngón tay lấy thức ăn để ăn?

Vị được hỏi trả lời:

- Không được làm như vậy.

- Điều này được Đức Phật chế cấm ở đâu?

- Tại nước Xá-vệ. Vì có vị không tác pháp dư thực mà ăn, cho nên Phật đã chế cấm.

Đây là việc thứ nhất phi pháp, phi tỳ ni, phi lời Phật dạy.

Sau khi đồng thuận nơi chỗ riêng rồi, liền bỏ xuống một xá-la. Kiểm xét như vậy từng việc một, cho đến việc thứ mười, tất cả đều là phi pháp, phi tỳ-ni, phi lời Phật dạy. Cứ một việc như vậy là bỏ xuống một xá-la. Rồi các Trưởng lão kia nói như vầy:

- Nay chúng ta đã đồng thuận nơi chỗ riêng biệt mười việc này rồi, bây giờ chúng ta ở giữa Tăng kiểm nghiệm như vậy. Vì sao? Để mọi người đều được biết.

Các Trưởng lão đều đến Tỳ-xá-ly.

Thượng tọa Nhất Thiết Khứ tập hợp Tỳ-kheo Tăng rồi tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng luận Pháp Tỳ ni. Đây là lời tác bạch.

Trưởng lão Ly-bà-đa liền tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng hỏi Thượng tọa Nhất Thiết Khứ pháp này. Đây là lời tác bạch.

Khi ấy, thượng tọa Nhất Thiết Khứ liền tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng khiến Ly-bà-đa hỏi Pháp Tỳ ni, tôi trả lời. Đây là lời tác bạch.

Ly-bà-đa liền hỏi:

- Bạch Đại đức Trưởng lão, dùng hai ngón tay, tịnh hay không? Nhất Thiết Khứ hỏi lại:

- Hai ngón tay tịnh, là thế nào?

- Thưa Đại đức Trưởng lão, ăn đủ rồi, xả oai nghi, không làm pháp dư thực, dùng hai ngón tay lấy thức ăn để ăn.

Thương tọa Nhất Thiết Khứ nói:

- Không được làm như vậy.

- Điều này được Đức Phật chế cấm ở đâu?

- Tại nước Xá-vệ. Nhân có vị không làm pháp

dư thực mà ăn nên Phật đã chế cấm.

Đây là việc thứ nhất phi pháp, phi tỳ-ni, phi lời Phật dạy.

Kiểm nghiệm giữa Tăng xong, bỏ xuống một xá-la. Như vậy tuần tự kiểm xét cho đến việc thứ mười, tất cả đều phi pháp, phi tỳ-ni, phi lời Phật dạy .

Mỗi việc kiểm nghiệm giữa Tăng xong, đều bỏ xuống một xá-la. Tại Tỳ-xá-ly, bảy trăm vị A-la-hán tập hợp để luận Pháp Tỳ-ni, cho nên gọi là - Thất bách tập Pháp Tỳ ni.

-oOo-

Phần 4: NÊU DẪN CÁC SỰ VIỆC: PHÒNG XÁ, TẠP SỰ, NGŨ BÁCH KẾT TẬP, THẤT BÁCH KẾT TẬP, ĐIỀU ĐẠT, TỲ NI TĂNG NHẤT

Chương V: ĐIỀU BỘ

A. BA-LA-DI

I. BẤT TỊNH HẠNH

1. Ưu-Ba-Ly Thỉnh Vấn

1. Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chắp tay thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn, Tu-đề-na Ca-lan-đà Tử [282] cùng vợ cũ làm bất tịnh hạnh, như vậy có phạm Ba-la-di hay không?

Đức Phật dạy:

- Ưu-ba-ly, lúc ban đầu chưa chế giới, nên không phạm.

Tỳ-kheo Bà-xà Tử [283] ưu sầu không vui, không thích sống đời tịnh hạnh liền trở về nhà cùng vợ cũ làm bất tịnh hạnh. Tỳ-kheo ấy nghĩ: Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo chế giới: "nếu Tỳ-kheo phạm

---

[282] Xem Phần I Chương I, Ba-la-di 1, cht. 25; q. 1 tr. 20.

[283] Bà-xà Tử 婆闍子. Trên kia dịch là Bạt-xà Tử. Xem Phần I. Chương I, Ba-la-di 1, cht. 33; q.1 tr.26.

bất tịnh hạnh, làm pháp dâm dục, phạm Ba-la-di, không được sống chung." Ta sầu ưu không vui, không thích sống đời tịnh hạnh, cùng vợ cũ làm bất tịnh hạnh như vậy có phạm Ba-la-di chăng? Không biết việc này thế nào, liền nói với Tỳ-kheo đồng bạn như sau:

- Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo chế giới: "Nếu Tỳ-kheo phạm bất tịnh hạnh, làm pháp dâm dục, phạm Ba-la-di, không được sống chung." Tôi sầu ưu không vui, không thích sống tịnh hạnh, trở về nhà cùng với vợ cũ làm bất tịnh hạnh. Tôi có phạm Ba-la-di? Lành thay, Trưởng lão có thể vì tôi bạch với Phật. Tùy theo lời Phật dạy, tôi sẽ phụng hành. Nếu tôi còn được phép ở trong Phật pháp tu phạm hạnh thì tôi sẽ tiếp tục tu.

Tỳ-kheo kia liền đến chỗ Đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên, đem nhân duyên trên bạch đầy đủ lên Đức Phật. Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tỳ kheo Tăng, dùng vô số phương tiện quở trách Tỳ-kheo Bà-xà Tử:

- Ngươi làm điều phi pháp, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Ngươi ngu si, vì sao không vui sống với tịnh hạnh, lại trở về nhà cùng với vợ cũ làm bất tịnh hạnh? Nếu đã vào thì phạm Ba-la-di, không được sống chung. Nếu các Tỳ-kheo khác sầu ưu không vui, không thích sống

tịnh hạnh, cho phép xả giới để về nhà. Nếu sau đó muốn trở lại trong Phật pháp tu hạnh thanh tịnh thì cho phép xuất gia, thọ đại giới lại.

2. Bấy giờ Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chắp tay bạch Phật:

- Là đạo,[284] tưởng là đạo. Có phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di. Ưu-ba-ly lại hỏi:

- Là đạo, nghi là đạo. Có phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di. Ưu-ba-ly lại hỏi:

- Là đạo, tưởng phi đạo có bị phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di. Ưu-ba-ly lại hỏi:

- Chẳng phải đạo, tưởng là đạo. Có phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá. Ưu-ba-ly lại hỏi:

- Chẳng phải đạo mà nghi. Có phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá. Ưu-ba-ly lại hỏi:

- Là nam mà tưởng là nữ, làm bất tịnh hạnh. Có phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

---

[284] Chỉ sinh dục đạo.

Ưu-ba-ly lại hỏi:

- Là nữ mà tưởng là nam, làm bất tịnh hạnh. Có phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di. Ưu-ba-ly lại hỏi:

- Với người nữ này tưởng cũng đồng như người nữ kia, cùng làm bất tịnh hạnh. Có phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

- Đối với người nam này tưởng là người nam kia, cùng làm bất tịnh hạnh. Có phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di

2. Cộng súc sinh

1. Khi ấy có Tỳ-kheo cùng với con voi cái làm bất tịnh hạnh, nghi không biết có phạm Ba-la-di hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm.

Cũng vậy, các loài cái như bò, ngựa, lạc đà, nai, lừa, dê, heo, chó, chim nhạn, khổng tước, gà ... Tất cả đều phạm Ba-la-di.

2. Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ có một Tỳ-kheo khất thực trú ở trong rừng. Có một con khỉ cái sống trong khu rừng ấy. Tỳ-kheo này vào trong

nhân gian khất thực đem về rừng ăn, thức ăn còn dư cho con khỉ cái ấy. Do đó, con khỉ cái kia ngày càng thân cận, thường đi theo Tỳ-kheo, cho đến Tỳ-kheo dùng tay bắt nó, nó vẫn không chạy. Khi ấy, Tỳ-kheo cùng nó làm bất tịnh hạnh. Bấy giờ chúng Tỳ-kheo đi xem xét phòng xá, ngọa cụ, lần lượt đến trong rừng kia. Con khỉ cái đến chỗ các Tỳ-kheo đứng đưa cái đuôi lên, hiện tướng. Các Tỳ-kheo kia nghĩ: Con khỉ cái này trước mặt ta hiện tướng như vậy, đâu không phải có Tỳ-kheo khác đã phạm đến con khỉ cái này? Các Tỳ-kheo liền ẩn trong chỗ khuất để rình. Khi Tỳ-kheo khất thực kia trở về lại trong rừng, ăn xong, cho khỉ ăn, khỉ ăn xong cùng nó làm bất tịnh hạnh. Các Tỳ-kheo thấy sự việc như vậy nói:

- Này Trưởng lão, há không phải Đức Phật không chế cấm Tỳ- kheo không được làm bất tịnh hạnh hay sao?

Vị ấy trả lời:

- Đức Phật cấm đối với người nữ chứ đâu cấm đối với súc sinh.

Các Tỳ-kheo về lại chỗ Đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Phật. Đức Phật dùng nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, quở trách Tỳ- kheo khất thực:

- Ngươi làm việc sai quấy, chẳng phải oai nghi,

chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao ngươi cùng con khỉ cái làm bất tịnh hạnh. Nếu vào, tức là phạm Ba-la-di. Ngươi là người si, không được sống chung.

3. Bấy giờ Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chắp tay thưa Đức Thế Tôn:

- Bạch Đại đức, nếu Tỳ-kheo cùng với loài súc sinh khác làm bất tịnh hạnh. Có phạm Ba-la-di hay không? Đức Phật dạy:

- Phạm.

3. Dữ học giới

1. Bấy giờ Đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Tỳ-kheo Nan- đề [285] ngồi thiền, đạt được tâm giải thoát thuộc thế tục, từ đệ tứ thiền giác tỉnh. Khi ấy có ma thiên nữ đứng trước mặt. Tỳ-kheo nắm lấy muốn phạm ma nữ. Ma nữ bèn ra ngoài, Tỳ-kheo cũng theo ra ngoài. Ma ra ngoài hành lang của thất, Tỳ-kheo cũng theo ra ngoài hành lang của thất. Ma ra giữa sân, Tỳ-kheo cũng ra giữa sân. Ma ra ngoài chùa, Tỳ-kheo cũng ra ngoài chùa. Bên ngoài chùa, lúc ấy có một con ngựa cái đã chết. Nơi xác chết của con ngựa im nữ ẩn hình, biến mất. Khi ấy Tỳ-kheo Nan-đề bèn làm bất tịnh hạnh với con ngựa chết. Làm bất tịnh hạnh xong,

[285] Xem Phần iii, ch. i Thọ giới, dữ học giới. Ngũ phần 34 (T22n1428 tr.809a14)

Tỳ-kheo hoàn toàn không có tâm che dấu, liền: Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo chế giới không được làm bất tịnh hạnh, nếu làm bất tịnh hạnh phạm Ba-la-di, không được sống chung. Nay ta làm bất tịnh hạnh hoàn toàn không có tâm che dấu. Ta đâu không phạm Ba-la-di, ta nên làm thế nào? Nan-đề liền nói với Tỳ-kheo đồng bạn: Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo chế giới, nếu Tỳ-kheo làm bất tịnh hạnh, phạm Ba- la-di, không được sống chung. Nay tôi phạm bất tịnh, hoàn toàn không có tâm che dấu, há không phạm Ba-la-di? Lành thay, Trưởng lão vì tôi bạch Phật. Tùy theo lời dạy của Đức Phật, tôi sẽ phụng hành.

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, bảo:

- Nay Tăng nên trao cho Tỳ-kheo Nan-đề giới Ba-la-di bằng pháp bạch tứ yết-ma.

Pháp thức như sau: Tỳ-kheo phạm nên đến trong Tăng, cởi bỏ giày dép, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chắp tay bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo Nan-đề phạm pháp dâm, hoàn toàn không có tâm che dấu. Nay đến trong Tăng xin Tăng giới Ba-la-di. Nguyện Tăng từ mẫn trao cho tôi giới Ba-la-di.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa xin như vậy.

Trong Tăng nên sai một vị có khả năng yết-

ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Nan-đề này phạm pháp dâm, hoàn toàn không có tâm che dấu. Nay đến trong Tăng xin giới Ba- la-di. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho Tỳ-kheo Nan-đề giới Ba-la-di. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Nan-đề này phạm pháp dâm, hoàn toàn không có tâm che dấu. Nay đến trong Tăng xin giới Ba- la-di, nay Tăng trao cho Tỳ-kheo Nan-đề này giới Ba-la-di. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng trao cho Tỳ-kheo Nan-đề giới Ba-la-di thì im lặng, vị nào không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy.

- Tăng đã trao cho Tỳ-kheo Nan-đề giới Ba-la-di rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Tỳ-kheo phạm được trao cho giới Ba-la-di rồi, nên làm hạnh tùy thuận. Tùy thuận pháp gồm có: Không được trao đại giới cho người và cho người y chỉ; không được nuôi sa-di; không được nhận giáo thọ Tỳ- kheo-ni, dù có sai cũng không được đến giáo thọ; không được vì Tăng nói giới; không được giữa Tăng vấn đáp Tỳ-ni; không được nhận Tăng sai làm người tri sự;[286] không được nhận

[286] Trên kia gọi là doanh sự Tỳ-kheo. Xem cht. 37, Phần ii, ch. ii, tr. 166.

Tăng sai làm bình đoán sự;[287] không được nhận Tăng sai làm sứ mạng; không được vào xóm làng sớm đến sẫm tối mới về; nên gần gũi Tỳ-kheo, không được gần gũi ngoại đạo, bạch y; nên tùy thuận pháp của Tỳ-kheo; không nói lời của thế tục; không được phạm trở lại tội này; tội khác cũng không được, hoặc tương tợ, hoặc từ tội này sinh, hoặc nặng hơn đối với tội này; không được ngăn yết-ma, ngăn người làm yết-ma; không được để cho Tỳ-kheo thanh tịnh trải chỗ ngồi ngồi, rửa chân, lấy đồ đựng nước, lau giày dép, xoa bóp thân thể, lễ bái, nghinh đón, hỏi chào; không được để cho Tỳ- kheo thanh tịnh cầm y bát; không được cử tội Tỳ-kheo thanh tịnh, tác ức niệm, tác tự ngôn; không được tán trợ thuyết của người khác; không được ngăn thuyết giới, tự tứ; không được cùng Tỳ-kheo thanh tịnh tranh cãi.

Tỳ-kheo được trao giới Ba-la-di rồi, khi Tăng thuyết giới và yết- ma, đến hay không đến, Tăng không phạm.

Các Tỳ-kheo thưa:

- Tỳ-kheo được trao giới Ba-la-di rồi, phạm trở lại, được trao giới Ba-la-di nữa hay không?

Đức Phật dạy:

- Không được trao mà nên diệt tẫn.

4. Phi đạo

---

[287] Trên kia gọi là bình đáng nhân. Xem cht. 34; Phần iv, Ch. ii, tr. 130.

1. Bấy giờ, có Tỳ-kheo cơ thể mềm mại, dùng nam căn để vào miệng. Vị ấy nghi không biết có phạm Ba-la-di hay không.

Đức Phật dạy:

- Phạm.

2. Có Tỳ-kheo tên là Lam-bà-na, nam căn dài, nắm để vào đường đại tiện. Vị ấy nghi không biết có phạm Ba-la-di hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm.

3. Khi ấy có Tỳ-kheo nam căn khởi. Tỳ-kheo khác liền nắm, để vào trong miệng mình. Tỳ-kheo này không cảm thấy khoái lạc, bỏ đi, không thọ. Nhưng sinh nghi: Như vậy mình có phạm Ba-la-di?

Đức Phật dạy:

- Không phạm. Tỳ-kheo kia phạm.

4. Có Tỳ-kheo khất thực buổi sáng, khoác y, bưng bát đến nhà bạch y. Nhà bạch y có đứa nhỏ nam căn khởi. Tỳ-kheo liền cầm, để vào trong miệng mình; rồi nghi: Mình có phạm Ba-la-di? Đức Phật dạy:

- Phạm.

5. Cưỡng dâm

1. Có Tỳ-kheo bắt ép Tỳ-kheo khác cùng hành dâm.

Vị kia nghi: Ta có phạm Ba-la-di?

Đức Phật hỏi:

- Ngươi có thọ lạc không?

Vị kia trả lời: Có.

Đức Phật dạy:

- Cả hai đều phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo cùng với sa-di hành dâm, rồi nghi, ta có phạm?

Đức Phật:

- Ngươi sa-di có thọ lạc không?

Sa-di thưa: Có.

Đức Phật dạy:

- Cả hai đều phạm.

Có sa-di bắt ép đại Tỳ-kheo cùng hành dâm, rồi nghi, Đức Phật hỏi Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo, ngươi có thọ lạc không?

Tỳ-kheo thưa: Có.

Đức Phật dạy:

- Cả hai đều phạm.

Có sa-di cùng với sa-di hành dâm, rồi nghi, Đức Phật hỏi:

- Ngươi có thọ lạc không?

Sa-di thưa: Có.

Đức Phật dạy:

- Cả hai đều phạm.

Có Tỳ-kheo bị cưỡng bức cùng Tỳ-kheo hành

dâm, không thọ lạc; lấy ra rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi có thọ lạc không?

Tỳ-kheo kia thưa: Không thọ lạc.

Đức Phật dạy:

- Ngươi không phạm. Người nào để vào thì phạm.

Có Tỳ-kheo cưỡng bức bắt ép sa-di hành dâm, không thọ lạc; lấy ra, vị kia nghi.

Đức Phật hỏi ông sa-di:

- Ngươi có thọ lạc không?

Sa-di thưa: Không thọ lạc.

Đức Phật dạy:

- Ngươi không phạm. Người để vào thì phạm.

Có sa-di cưỡng bức bắt ép Tỳ-kheo hành dâm, không thọ lạc; lấy ra rồi nghi.

Đức Phật hỏi:

- Ngươi có thọ lạc không? sa-di thưa: Không thọ lạc.

Đức Phật dạy:

- Ngươi không phạm. Người nào để vào thì phạm.

Có sa-di cưỡng bức bắt sa-di hành dâm, không thọ lạc.

Lấy ra rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi có thọ lạc không? Sa-di thưa: Không thọ lạc.

Đức Phật dạy:

- Ngươi không phạm. Người nào để vào thì phạm.

Có Tỳ-kheo thân căn bị hư hoại, không có cảm giác. Vị ấy có ý

nghĩ: Ta không có cảm giác, hành dâm không phạm.

Vị ấy hành dâm rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo nam căn không khởi, nghĩ rằng mình hành dâm không phạm. Vị ấy bèn hành dâm, rồi nghi.

Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo có ý nghĩ: Ta cùng với người nữ đang ngủ hành dâm. Nó không biết khoái lạc. Ta không phạm. Vị kia bèn hành dâm, rồi nghi.

Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo có ý nghĩ: Cùng với người nữ say hành dâm.

Người kia không biết khoái lạc. Ta không phạm. Vị kia bèn hành dâm, rồi nghi.

Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo có ý nghĩ: Ta cùng người nữ điên cuồng hành dâm. Người kia không biết cảm giác lạc. Ta không phạm. Vị kia bèn hành dâm, rồi nghi.

Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo có ý nghĩ: Ta cùng người nữ đang sân hận hành dâm. Người kia không thọ lạc, không phạm. Vị kia hành dâm, rồi nghi.

Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo có ý nghĩ: Ta cùng người nữ đang đau nhức khổ hành dâm. Người kia không thọ lạc. Ta không phạm. Vị kia hành dâm rồi nghi.

Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo có ý nghĩ: Ta cùng người nữ thân căn bị hư hoại hành dâm. Người kia không biết lạc. Ta không phạm. Vị kia hành dâm rồi nghi.

Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo có ý nghĩ: Ta cưỡng bức bắt buộc người nữ hành dâm. Người kia không thọ lạc. Ta không phạm. Vị kia bèn hành dâm, rồi nghi.

Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo có ý nghĩ: Ta cưỡng bức bắt buộc huỳnh môn hành dâm. Nó không thọ lạc. Ta không phạm. Vị kia liền hành dâm rồi nghi.

Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo có ý nghĩ: Ta cưỡng bức bắt buộc nam tử hành dâm. Nó không thọ lạc. Ta không phạm. Vị kia liền hành dâm, rồi nghi.

Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

Bấy giờ, có người nữ cưỡng bức bắt Tỳ-kheo hành dâm. Tỳ-kheo không thọ lạc; lấy ra rồi nghi.

Phật hỏi Tỳ-kheo:

- Ngươi có thọ lạc không? Vị đó thưa:

- Không thọ lạc.

Đức Phật dạy:

- Ngươi không phạm.

Có huỳnh môn cưỡng bức bắt Tỳ-kheo hành dâm, nghi.

Đức Phật hỏi Tỳ-kheo:

- Ngươi có thọ lạc không? Vị kia thưa:

- Không thọ lạc. Đức Phật dạy:

- Ngươi không phạm.

Có nam tử cưỡng bức bắt Tỳ-kheo cùng hành dâm. Tỳ-kheo không thọ lạc, lấy ra, rồi nghi, Đức Phật hỏi Tỳ-kheo:

- Ngươi có thọ lạc không?

Tỳ-kheo trả lời: Không thọ lạc.

Đức Phật dạy:

- Ngươi không phạm.

Bấy giờ, có ác Tỳ-kheo, ác sa-di, ác A-lan-nhã bắt ép Tỳ-kheo để vào đường đại tiện, hoặc nơi miệng hành dâm. Thân vị kia thọ lạc. Khi lấy ra, nghi.

Đức Phật hỏi:

- Ngươi có thọ lạc không? Vị kia trả lời:

- Có thọ lạc. Đức Phật dạy:

- Cả hai đều Ba-la-di.

Có ác Tỳ-kheo, ác sa-di, ác A-lan-nhã bắt ép Tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di ni, thức-xoa-ma-na để vào đường đại tiểu tiện hoặc trong miệng hành dâm. Vị kia thọ lạc. Khi lấy ra nghi.

Đức Phật hỏi:

- Ngươi có thọ lạc không? Vị kia trả lời: - Có thọ lạc.

Đức Phật dạy:

- Cả hai đều phạm.

Có ác Tỳ-kheo, ác sa-di, ác A-lan-nhã bắt ép Tỳ-kheo để vào đường đại tiện, trong miệng hành dâm. Vị kia không thọ lạc, nghi.

Đức Phật hỏi Tỳ-kheo:

- Ngươi Tỳ-kheo có thọ lạc không? Vị kia

thưa:

- Không thọ lạc. Đức Phật dạy:

- Ngươi không phạm. Người kia phạm.

Có ác Tỳ-kheo, ác sa-di, ác A-lan-nhã bắt ép Tỳ-kheo-ni, thức- xoa-ma-na, sa-di, sa-di ni để vào đường đại tiểu tiện, trong miệng hành dâm. Vị kia không thọ lạc. Khi lấy ra, nghi.

Đức Phật hỏi sa-di ni:

- Có thọ lạc không? Vị kia thưa:

- Không thọ lạc.

Đức Phật dạy:

- Ngươi không phạm. Người kia phạm.

Có ác Tỳ-kheo, ác sa-di, ác A-lan-nhã bắt ép Tỳ-kheo đang ngủ để vào đường đại tiểu tiện, trong miệng hành dâm. Vị đang ngủ kia không biết, khi thức dậy cũng không biết. Vị kia nghi.

Đức Phật hỏi:

- Người có biết hay không? Vị kia thưa:

- Không biết. Đức Phật dạy:

- Ngươi không phạm. Người kia phạm.

Có ác Tỳ-kheo, ác sa-di, ác A-lan-nhã bắt ép Tỳ-kheo-ni, thức- xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni đang ngủ để vào để vào đường đại tiểu tiện, trong miệng hành dâm. Vị đang ngủ kia không biết, khi thức dậy cũng không biết. Vị kia nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi có biết không? Vị kia trả lời:

- Không biết. Đức Phật dạy:

- Ngươi sa-di-ni [288] không phạm. Người kia phạm.

Có ác Tỳ-kheo, ác sa-di, ác A-lan-nhã đối với Tỳ-kheo đang ngủ để vào nơi đại tiện, trong miệng hành dâm. Vị ngủ kia tỉnh giấc, nhưng không thọ lạc. Khi lấy ra, vị kia nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi có thọ lạc không? Vị kia thưa:

- Không thọ lạc. Đức Phật dạy:

- Ngươi sa-di-ni không phạm. Người để vào phạm.

Có ác Tỳ-kheo, ác sa-di, ác A-lan-nhã với Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa- ma-na, Sa-di, Sa-di ni đang ngủ để vào đường đại tiểu tiện, trong miệng hành dâm. Vị đang ngủ kia không biết. Khi tỉnh giấc, không thọ lạc, nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi có thọ lạc không? Vị kia trả lời: Không thọ lạc. Đức Phật dạy:

- Ngươi không phạm. Người để vào kia phạm.

Có ác Tỳ-kheo, ác sa-di, ác A-lan-nhã với Tỳ-kheo đang ngủ để vào đường đại tiện, trong miệng hành dâm. Vị ngủ kia không biết, khi tỉnh giấc thì biết, thọ lạc. Khi lấy ra, nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi có thọ lạc không? Vị kia nói: Có thọ.

Đức Phật dạy:

---

[288] Để bản: Ngươi sa-di-ni... Các bản Tống-Nguyên-Minh lược bỏ. Đây kể luôn cả Tỳ-kheo vv.

- Cả hai đều phạm.

Có ác Tỳ-kheo, ác sa-di, ác A-lan-nhã, với Tỳ-kheo-ni, thức-xoa- ma-na, sa-di, sa-di ni đang ngủ, để vào trong đường đại tiểu tiện, trong miệng hành dâm. Vị ngủ kia không biết, tỉnh giấc mới biết, thọ lạc. Đức Phật hỏi:

- Ngươi có thọ lạc hay không? Vị kia thưa: Có thọ lạc.

Đức Phật dạy:

- Cả hai đều phạm.

2. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc, ban ngày không đóng cửa mà ngủ. Giặc vào nhà hành dâm, rồi đi. Tỳ-kheo-ni không biết. Thức dậy rồi, thấy đồ bất tịnh bẩn người, bèn nghĩ: Thân ta có đồ bất tịnh dơ dáy thế này, có người phạm dâm ta sao? Nghi. Đức Phật nói:

- Không phạm. Nhưng Tỳ-kheo-ni ban ngày không được không đóng cửa mà ngủ.

Tỳ-kheo-ni Nan-đà, ban ngày ngồi dưới gốc cây hoa, chỗ nhiều người vui đùa, bọn cướp bắt ép phạm dâm. Tỳ-kheo-ni nghi. Đức Phật hỏi:

- Này Nan-đà, ngươi có thọ lạc hay không? Tỳ-kheo-ni thưa:

- Bạch Đại đức, cảm thọ như bị sắt nóng áp vào người con. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng Tỳ-kheo-ni không được ở chỗ như vậy.

3. Có Tỳ-kheo trì khất thực. Buổi sáng, khoác y, bưng bát, đến nhà bạch y, bên dưới cửa của nhà kia có cột một con chó. Thấy Tỳ-kheo nó sủa, Tỳ-kheo giũ lòng thương đối với nó nên mở thả nó ra. Tỳ-kheo lại đến chỗ khác. Vợ cũ thấy, gọi vào làm bất tịnh hạnh. Vị kia tự nghĩ: Ta mở thả con chó của người khác, đã phạm Ba-la-di rồi. Bèn cùng vợ cũ làm bất tịnh hạnh. Các Tỳ-kheo nghĩ: Tỳ-kheo này, việc làm trước phạm, hay việc làm sau phạm?

Đức Phật dạy:

- Việc trước không phạm, việc sau phạm. Nhưng không được thả chó của người ta.

Có Tỳ-kheo, buổi sáng, khoác y, bưng bát đến nhà bạch y, thấy con heo con bị chìm xuống nước. Thấy Tỳ-kheo nó kêu. Tỳ-kheo thương xót, vớt nó lên và thả nó đi. Tỳ-kheo đến chỗ khác thấy người nữ tư thông trước kia, rủ làm bất tịnh hạnh. Tỳ-kheo với ý nghĩ: Ta thả con heo của người đi, đã phạm Ba-la-di rồi. Bèn làm bất tịnh hạnh. Tỳ-kheo khác nghĩ: Tỳ-kheo này, việc làm trước phạm hay việc làm sau phạm? Đức Phật dạy:

- Việc làm trước không phạm. Việc làm sau phạm. Nhưng không được làm việc như vậy.

Có một người đàn bà đến chỗ bán thịt bò, mua thịt mang đi. Có con quạ đớp lấy miếng thịt bay đi. Nhưng sơ ý, rơi xuống trong bình bát của Tỳ-

kheo khất thực. Người đàn bà kia thấy vậy kêu:

- Đại đức, miếng thịt đó của tôi, đừng mang đi! Tỳ-kheo trả lời:

- Nó rơi vào bát của tôi, chẳng phải thịt của bà. Tỳ-kheo nói như vậy rồi cứ mang đi.

Trên đường đi, sau đó, có dâm nữ rủ Tỳ-kheo cùng hành bất tịnh hạnh. Vị kia có ý nghĩ: Vừa rồi ta lấy thịt của người, đã phạm Ba-la-di rồi. Bèn cùng người nữ làm bất tịnh hạnh. Các Tỳ-kheo nghĩ: Tỳ-kheo kia, việc làm trước phạm, hay việc làm sau phạm? Đức Phật dạy:

- Việc làm trước không phạm. Việc làm sau phạm. Nhưng không được lấy thịt như vậy.

Có Tỳ-kheo hành dâm vào miệng con chó rồi nghi. Đức Phật nói:

- Phạm Ba-la-di.

4. Có Tỳ-kheo vén y tiểu tiện, có con chó đến liếm nước tiểu, rồi lại ngậm nam căn của Tỳ-kheo. Vị kia không thọ lạc; lấy ra, nghi. Đức Phật hỏi Tỳ-kheo:

- Ngươi có thọ lạc không? Tỳ-kheo thưa:

- Không thọ lạc. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

Có Tỳ-kheo vén y để tiểu tiện, con chó liếm nước tiểu rồi lại ngậm nam căn của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo thọ lạc; lấy ra, nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi có thọ lạc hay chăng? Tỳ-kheo thưa:

Có thọ lạc.

Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo vén y lội qua sông Y-la-bà-đề. Cá ngậm nam căn Tỳ- kheo. Tỳ-kheo không thọ lạc; lấy ra, nghi. Đức Phật hỏi Tỳ-kheo:

- Ngươi có thọ lạc không? Vị kia thưa: Không thọ lạc. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

Có Tỳ-kheo vén y lội qua sông Y-la-bà-đề. Cá ngậm nam căn.

Tỳ-kheo thọ lạc; lấy ra, nghi. Đức Phật hỏi Tỳ-kheo:

- Ngươi có thọ lạc hay không? Vị kia thưa: Thọ lạc.

Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

5. Có Tỳ-kheo hành dâm giữa đường đại tiện và tiểu tiện rồi nghi. Đức Phật nói:

- Phạm Thâu-lan-giá.

Nơi khuỷu chân, nách, lỗ tai, nơi mụt ghẻ lỡ, giữa giường dây, giường cây, nơi nạm lớn nạm nhỏ, nơi gối, nơi lỗ bùn, nơi miệng bình, hoặc tưởng đạo, hoặc nghi, tất cả đều phạm Thâu-lan-giá.

Có Tỳ-kheo khất thực, sáng sớm, khoác y, bưng bát đến nhà bạch

y. Có bé gái nằm ngửa ngủ bên trong cửa. Tỳ-kheo nghĩ: Nếu ta dùng nam căn để vào thì phạm tội Ba-la-di. Tỳ-kheo lấy ngón chân cái để vào nữ căn, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm tăng-tàn.

Có Tỳ-kheo đang ngáp. Tỳ-kheo khác dùng nam căn để vào trong miệng, không thọ lạc; lấy ra, nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi có thọ lạc không? Vị ấy trả lời:

- Không thọ lạc. Đức Phật dạy:

- Ngươi không phạm. Người nào để vào thì phạm. Từ nay về sau khi ngáp, nên dùng tay che miệng lại.

Có Tỳ-kheo ở trong nhà tắm, xoa mình cho vì Tỳ-kheo khác. Tỳ- kheo kia thân hình mềm mại. Tỳ-kheo này tâm dâm khởi lên, bèn làm bất tịnh hạnh. Vị kia không thọ lạc. Lấy ra, nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi có thọ lạc không? Vị kia thưa: Không thọ lạc. Đức Phật dạy:

- Ngươi không phạm. Người kia để vào là phạm.

6. Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo, ban ngày không đóng cửa mà ngủ, nam căn khởi. Lúc đó có một số đông người nữ đến tham quan nơi Tăng phòng, chỗ Tỳ-kheo kia ngủ. Thấy Tỳ-kheo nằm ngửa ngủ, nam căn khởi, hổ thẹn đi

ra gấp. Trong số đó có một tặc nữ cùng đi. Tặc nữ vào trong nhà, hành dâm bên trên thân của Tỳ-kheo. Hành dâm xong, lấy tràng hoa quàng lên đầu nam căn, rồi đi. Tỳ-kheo kia ngủ không biết. Khi thức dậy, thấy đồ bất tịnh bẩn thân; nam căn lại có quàng tràng hoa; bèn nghĩ: Có vật bất tịnh bẩn thân, nam căn lại có quàng trang hoa. Có người nữ hành dâm ta ư ? Sinh nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi có biết hay không? Vị kia thưa:

- Không biết. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được ban ngày không đóng cửa mà ngủ.

7. Bấy giờ tại nước Xá-vệ có Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo-ni, là mẹ con, an cư mùa hạ. Mẹ con thường gặp nhau. Vì việc thường thấy nhau nên đều sinh dục tâm. Người mẹ nói với con:

- Ông từ nơi đây mà ra, nay trở lại vào nơi đây, có thể được, không phạm.

Người con liền làm theo lời của mẹ, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

8. Có Tỳ-kheo hành dâm trên xác chết của người nữ rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

Nếu xác chết kia đa phần không hư hoại thì phạm Ba-la-di. Nếu hư hoại phân nửa thì phạm Thâu-lan-giá. Đa phần hư hoại, hoặc tất cả đều bị

hư hoại, cũng phạm Thâu-lan-giá. Nếu là bộ xương, cũng phạm Thâu-lan-giá.

9. Bấy giờ Ưu-bà-di Tô-tỳ nói với Tỳ-kheo: Nam căn, nữ căn đều có vật ngăn che, hành dâm có thể được, không phạm.

Tỳ-kheo liền như lời nói đó hành dâm, rồi nghi. Đức Phật nói:

- Phạm Ba-la-di.

Ưu-bà-di Tô-tỳ nói với Tỳ-kheo, - Thầy cùng tôi hành dâm, nhưng để tinh xuất ra ngoài, có thể được, không phạm.

Tỳ-kheo liền như lời nói đó, hành dâm; rồi nghi. Đức Phật nói:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

Có dâm nữ nói với Tỳ-kheo, - Thầy dùng lá cây bao nam căn, hành dâm có thể được, không phạm. Tỳ-kheo như lời nói kia hành dâm; rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo đi nơi bãi thây ma, thấy thân người nữ chết, y phục còn trang nghiêm, hành dâm rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

Tỳ-kheo giữ phòng, có bé gái đến báo giờ ăn. Tỳ-kheo liền bắt ép hành dâm. Nữ căn của đứa nhỏ bị vỡ, cùng đường đại tiện thông qua, đứa nhỏ mạng chung. Vị kia nghi. Đức Phật hỏi:

Ngươi với tâm niệm thế nào? Có vị thưa:

- Con không có tâm giết nó. Đức Phật dạy:

- Không phạm sát mà phạm dâm, Ba-la-di.

10. Có Tỳ-kheo hành dâm nơi tượng gỗ của người nữ rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

Hành dâm với hình tượng nữ nơi vách. Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

Có Tỳ-kheo cùng thiên nữ hành dâm rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

Hành dâm cùng A-tu-la nữ, Long nữ, Dạ-xoa nữ, Ngạ quỷ nữ hoặc súc sinh cái có thể biến hóa, tất cả đều phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo, buổi sáng khoác y, bưng bát đến nhà bạch y khất thực. Gặp lúc trời mưa lớn, có người nữ cúi người xuống để khơi thông nước ngập nên lộ hình. Vị kia nghĩ: Ta không xúc chạm nơi thân người nữ, mà chỉ dùng nam căn để vào, có lẽ không phạm. Nghĩ rồi hành dâm, và nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

11. Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Có Tỳ-kheo đến nơi A-lan-nhã, ngủ ngày. Bấy giờ, có người nữ hái củi hành dâm bên trên thân của Tỳ- kheo, rồi bỏ đi. Cách Tỳ-kheo không xa, đứng lại. Tỳ-kheo

thức dậy, thấy thân mình bất tịnh dơ bẩn, nghĩ: Chắc người nữ này hành dâm bên trên thân của ta. Sinh nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi có biết không? Vị kia thưa:

- Không biết.

Đức Phật dạy không phạm. Nhưng Tỳ-kheo không được ban ngày mà ngủ chỗ khuất như vậy.

Thế Tôn ở tại nước Bà-kỳ-đề. Bấy giờ có Tỳ-kheo trụ nơi A-lan- nhã, ngủ ngày. Có người nữ gánh cỏ, hành dâm bên trên thân của Tỳ- kheo. Tỳ-kheo bất ngờ biết, nhưng không thọ lạc; liền đuổi đánh người nữ. Tỳ-kheo nghi, Đức Phật hỏi:

- Ngươi có thọ lạc hay không? Vị kia thưa:

- Không thọ lạc. Đức Phật dạy:

- Ngươi không phạm. Nhưng đánh người nữ. Phạm Đột-kiết-la.

12. Thế Tôn ở tại nước Chiêm-bà. Có Tỳ-kheo đến chỗ A-lan- nhã, ban ngày tư duy, buộc niệm trước mặt. Tỳ-kheo này là bậc A-la- hán. Bị gió gắt, nam căn khởi. Bấy giờ, có tặc nữ cưỡng bức Tỳ-kheo hành dâm. Các Tỳ-kheo nói như vầy: A la hán còn có dục, nên nam căn khởi chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Có năm nhân duyên khiến cho nam căn khởi: đại tiện thúc bách, tiểu tiện thúc bách, gió gắt, trùng ủy-châu-lăng-già [289] cắn, có dục tâm. Đó là

[289] Ủy-châu-lăng-già trùng 慰周陵伽虫. Pāli. Vin.iii. 58: uccāliga, - sâu gặm.

năm nhân duyên khiến cho nam căn khởi. Không có trường hợp A-la-hán nam căn khởi do có dục tâm.

13. Thế Tôn ở tại thành Vương-xá.

Bấy giờ nam căn của Vương tử Vô Úy bị bệnh, khiến người nữ ngậm, sau đó được lành. Được lành rồi, Vương tử lại hành dâm nơi miệng người nữ này. Người nữ này ưu sầu không vui nên nghĩ: Nếu khi nào vua Bình-sa đến, ta sẽ trùm đầu, để lộ hình, đứng trước mặt người. Nếu vua hỏi: "Ngươi điên hay sao? Tại sao làm như vậy?" Khi ấy ta sẽ trả lời: "Tôi không điên. Nhưng vì Vương tử cần nên tôi phải trùm đầu lại để giữ. Tại sao vậy? Vương tử thường hành dâm nơi miệng tôi, nên tôi phải trùm đầu lại để giữ miệng."

Sau đó vua Bình-sa đến chỗ Vô úy. Người nữ kia làm như đã nghĩ trước mặt vua. Vua hỏi:

- Ngươi điên phải không? Tại sao làm như vậy? Người nữ trả lời:

- Tôi không điên. Nhưng vì Vương tử cần nên tôi phải trùm đầu lại để giữ.

Vua liền kêu Vô Úy đến hỏi:

- Tại sao con lại hành dâm nơi miệng của thị nữ?

Vô Úy nghe như vậy rất hổ thẹn. Sau đó Vương tử Vô Úy nói người nữ này có tội, cho mặc áo đen, để đứng bên ngoài cửa thành, với lời rao:

Nếu ai có mắc bệnh như vậy thì hành dâm nơi miệng người nữ này sẽ được lành bệnh.

Các Tỳ-kheo nghĩ: Nếu cần trị bệnh thì nên đem nam căn để vào trong miệng người nữ bảo họ ngậm lại thì không phạm phải không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

14. Bấy giờ có một thị trấn tên là Bà-lâu-việt-xa,[290] vua tự là Hải. Có một dâm nữ bị tội, vua truyền lệnh: Lóc thịt hai bên nữ căn của người ấy để trị phạt. Lệnh ấy được thi hành. Các Tỳ-kheo nói: Nếu đối với người còn sống mà hành dâm giữa hai đốt xương, có bị phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

II. BẤT DỮ THỦ

1. Ưu-ba-ly thỉnh vấn

Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chắp tay thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Đại đức Đà-ni-già, con ông thợ gốm, lấy cây gỗ của vua. Không cho mà lấy như vậy có phạm không?

Đức Phật dạy:

- Mới ban đầu chưa chế giới, không phạm. Ưu-

[290] Bà-lâu-việt-xa 婆樓越奢. Pāli: Bharukaccha (?), Vin.iii. 39.

ba-ly lại bạch Phật:

- Bạch Đại đức, nếu chỗ đồng trống, lấy vật có người thủ hộ, giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền. Có phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

- Vật của người khác tưởng là vật của người khác, giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, không được cho mà lấy, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

- Vật của người khác hay nghi, giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, không cho mà lấy. Có phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

- Chẳng phải vật của người khác, tưởng là vật của người khác, giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, lấy, phạm Thâu-lan-giá. Chẳng phải vật của người khác, nghi, giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, không cho mà lấy, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

- Vật của người tưởng là vật của người, giá trị dưới năm tiền, không cho mà lấy, phạm hay chăng?

Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

- Vật của người, nghi, dưới năm tiền, không cho mà lấy phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Đột-kiết-la.

Chẳng phải vật của người, tưởng là vật của người, dưới năm tiền, không cho mà lấy, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Phạm Đột-kiết-la.

- Chẳng phải vật của người, nghi, dưới năm tiền, không cho mà lấy, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Đột-kiết-la.

- Nếu khởi ý tưởng là người nữ mà lấy vật của người nam, năm tiền hay hơn năm tiền, không cho mà lấy, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

- Nếu ý tưởng là người nam mà lấy vật của người nữ, năm tiền hoặc trên năm tiền, không cho mà lấy, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

- Nếu khởi ý tưởng là người nữ này mà lấy vật của người nữ khác, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

- Nếu khởi ý tưởng là người nam này mà lấy vật của người nam khác, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

2. Vật gia dụng

1. Thế Tôn ở tại Ba-la-nại. Gặp lúc mất mùa nhân dân đói khát, khất thực khó được. Bấy giờ, có Tỳ-kheo khất thực, buổi sáng khoác y, bưng bát đến nhà bạch y. Nơi đó có người nữ dùng đồ đựng đầy thức ăn để dưới đất rồi vào nhà trong. Tỳ-kheo kia nhìn quanh thấy không có ai, bèn nghĩ: Ta lấy thức ăn này. Có ích cho ta. Nghĩ như vậy rồi lấy đi. Vị kia nghi, Đức Phật hỏi:

- Với tâm niệm như thể nào khi lấy? Vị kia thưa:

- Lấy với tâm ăn trộm. Đức Phật dạy:

- Nếu trị giá đủ năm tiền, lấy khỏi chỗ cũ, phạm Ba-la-di. Lương khô, cơm, cá, thịt, khư-xà-ni, tất cả các thứ như trên mà trị giá năm tiền, lấy khỏi chỗ cũ, phạm Ba-la-di.

2. Có Tỳ-kheo khất thực, buổi sáng khoác y, bưng bát đến nhà bạch y, thấy có cái bồn bằng đồng. Nhìn chung quanh không thấy ai, tự nghĩ: Cái này đối với ta có ích. Nghĩ như vậy rồi lấy đi, nhưng nghi. Đức Phật hỏi:

- Với tâm niệm thế nào khi ngươi lấy? Vị đó

thưa:

- Với tâm trộm cắp. Đức Phật dạy:

- Nếu trị giá năm tiền, lấy khỏi chỗ cũ, phạm Ba-la-di.

3. Có Tỳ-kheo khất thực, sáng sớm khoác y, bưng bát đến nhà cư sĩ thấy có chiếc ghế đơn.[291] Tỳ-kheo nhìn chung quanh không thấy ai, liền nghĩ: Chiếc ghế này có ích cho ta. Nghĩ như vậy rồi lấy đi, nhưng nghi. Đức Phật hỏi:

- Khi thầy lấy với tâm niệm như thế nào? Vị đó thưa:

- Với tâm trộm cắp. Đức Phật dạy:

- Nếu trị giá đủ năm tiền, lấy khỏi chỗ cũ, phạm Ba-la-di.

3. Y phục

1. Có Tỳ-kheo đến chỗ giặt y, lấy y của người khác đi, nhưng nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi lấy với ý nghĩ như thế nào? Vị đó nói: Lấy với tâm trộm cắp.

Đức Phật dạy:

- Nếu trị giá đủ năm tiền, lấy khỏi chỗ cũ, phạm Ba-la-di.

2. Có Tỳ-kheo đi cách chỗ giặt y không xa, thấy có chiếc y quý giá phơi, để ý, với ý nghĩ sẽ trở lại lấy, sinh nghi. Đức Phật hỏi:

---

[291] Độc tọa sáp đẳng 獨座榻.

- Khi ngươi muốn lấy với tâm niệm như thế nào? Vị đó thưa:

- Với tâm ăn trộm. Đức Phật dạy:

- Phương tiện tìm cầu năm tiền, chưa lấy khỏi chỗ cũ, phạm Thâu- lan-giá.

3. Có Tỳ-kheo khất thực, sáng sớm đắp y mang bát đến nhà bạch y, thấy bên dưới cửa có phơi một chiếc y quý giá, lấy chân lật qua để xem, rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Với ý nghĩ như thế nào trong khi làm như vậy? Vị đó thưa:

- Với tâm niệm kẻ trộm. Đức Phật dạy:

- Phương tiện tìm cầu năm tiền, chưa dời khỏi chỗ cũ, phạm Thâu- lan-giá.

4. Có Tỳ-kheo khất thực, sáng sớm khoác y, bưng bát đến nhà bạch y, thấy có cái giường đơn. Nhìn chung quanh không thấy ai, tự nghĩ: Cái này đối với ta có ích. Bèn lấy đi; rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Với ý nghĩ như thế nào khi ngươi lấy? Vị đó thưa:

- Với tâm ăn trộm. Đức Phật dạy:

- Ba-la-di.

5. Có Tỳ-kheo khất thực, sáng sớm khoác y, bưng bát đến nhà thế gian, thấy có cái giường ngồi một người và y. Nhìn chung quanh không thấy ai, tự nghĩ: Đối với ta cái này có ích. Bèn lấy đi; rồi

nghi. Đức Phật hỏi:

- Khi ngươi lấy với ý nghĩ thế nào? Vị đó thưa:

- Với tâm của kẻ trộm. Đức Phật dạy:

- Trị giá năm tiền, lấy khỏi chỗ cũ, phạm Ba-la-di.

6. Có Tỳ-kheo khất thực, sáng sớm khoác y, bưng bát đến nhà bạch y, thấy chiếc ghế ngồi một người, tạm lấy để dùng, nhưng nghi. Đức Phật hỏi:

- Với ý nghĩ thế nào khi ngươi lấy? Vị đó thưa:

- Với ý nghĩ lấy tạm chứ không có tâm trộm cắp. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được không hỏi chủ mà lấy như

vậy.

7. Có Tỳ-kheo lấy y trong tháp miếu của người khác rồi nghi. Đức

Phật hỏi:

- Với Tâm niệm thế nào khi ngươi lấy nó? Vị đó thưa:

- Nghĩ là y phấn tảo nên con lấy. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được lấy y trang sức trong tháp miếu của người.

4. Trốn thuế

1. Có Tỳ-kheo cùng đi với người bán tơ lụa. Vị đó nói với Tỳ-

kheo:

- Thưa Trưởng lão, các ngài đi qua chỗ quan thuế, khỏi phải đóng

thuế. Tôi muốn gởi tơ lụa này cho các ngài mang qua khỏi chỗ quan thuế.

Tỳ-kheo liền vì họ mang qua, nhưng nghi. Đức Phật hỏi:

- Với ý nghĩ thế nào khi thầy làm việc ấy? Vị đó thưa:

- Với tâm trộm cắp. Đức Phật dạy:

- Trị giá thuế đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di.

5. Trộm tổ chức

1. Có số đông Tỳ-kheo phương tiện sai một người lấy vật của người khác đáng giá năm tiền hay hơn năm tiền, rồi nghi. Đức Phật nói:

- Tất cả đều phạm Ba-la-di.

2. Có số đông Tỳ-kheo phương tiện sai một người lấy vật của người. Trong số đó có người nghi mà không ngăn. Vật ấy đáng năm tiền hoặc hơn năm tiền được lấy. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật dạy:

- Tất cả đều phạm Ba-la-di.

3. Có số đông Tỳ-kheo phương tiện sai một người lấy vật của người. Trong số đó có người nghi liền ngăn. Nhưng người kia vẫn cố đi lấy được năm tiền hoặc hơn năm tiền. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật dạy:

- Người ngăn phạm Thâu-lan-giá. Người

không ngăn phạm Ba-

la-di.

4. Có số đông Tỳ-kheo phương tiện sai một người lấy trộm vật của

người khác. Người kia đến tìm cầu năm tiền hay hơn năm tiền, nhưng lấy được dưới năm tiền. Vị kia nghĩ, - Chúng ta được dưới năm tiền, không phạm Ba-la-di.

Đức Phật dạy:

- Căn cứ theo chỗ vật vốn định lấy, đủ năm tiền thì phạm Ba-la-di.

5. Có số đông Tỳ-kheo phương tiện khiến một người lấy năm tiền

hoặc hơn năm tiền, trở về cùng nhau chia, mỗi phần đều dưới năm tiền. Vị kia nghĩ: Chúng ta được dưới năm tiền không phạm Ba-la-di.

Đức Phật dạy:

- Chung lại thành một phần, đều phạm Ba-la-di.

6. Có số đông Tỳ-kheo phương tiện khiến một người lấy vật của kẻ khác, đi lấy vật dưới năm tiền. Nhưng đem về vật giá trị năm tiền. Vị kia nghĩ: Chúng ta lấy được năm tiền, phạm Ba-la-di.

Đức Phật dạy:

- Căn cứ theo chỗ vật vốn định lấy, phạm Thâu-lan-giá.

6. Sở hữu tụ lạc

1. Bấy giờ, có Tỳ-kheo lấy vật của tụ lạc kia, rồi mang vào thành. Vị ấy nghi. Đức Phật dạy:

- Khi ngươi lấy, với tâm ý thế nào?

Vị kia thưa:

- Với tâm ăn trộm. Đức Phật dạy:

- Lấy năm tiền rời khỏi chỗ, phạm Ba-la-di.

7. Trộm kinh

Có Tỳ-kheo lấy trộm kinh của người khác với ý nghĩ: Lời của Đức Phật thì vô giá. Chỉ nên căn cứ giấy mực để định giá trị.

Vị kia nghi. Đức Phật dạy:

- Khi thầy lấy với tâm niệm thế nào? Vị kia thưa:

- Với tâm niệm kẻ trộm. Đức Phật dạy:

- Lấy năm tiền, rời khỏi chỗ, phạm Ba-la-di.

8. Đồng lõa

Bấy giờ, có người dũng kiện của Vương thất, do sự tin ưa nên theo Phật xuất gia. Có Tỳ-kheo phá giới khác đến dụ dỗ dối gạt: Trưởng lão, nơi thôn kia, trong đó có nhiều của cải, cũng có người khỏe nhưng không khỏe hơn ngài. Bây giờ chúng ta cùng đi lấy. Vị kia đồng ý. Tỳ- kheo kia nói xong rồi đi. Đi một đoạn đường không xa, Tỳ-kheo này khởi ý nghĩ: Với lòng tin, ta xuất gia, không được làm việc ác thế này.

Một thời gian sau, Tỳ-kheo phá giới kia lại đến

nói: Bây giờ chúng ta hãy cùng đi lấy tài vật đó. Vị kia nói: Tôi không đi. Tại sao vậy? Vị kia trả lời: Sau khi thầy đi, tôi suy nghĩ: "Ta vì tín tâm xuất gia không được làm việc ác như vậy." Vì vậy tôi không đi.

Sau đó một thời gian, Tỳ-kheo phá giới kia đến thôn đó lấy trộm của cải của người, chia cho nhau rồi, còn một phần đem đến cho Tỳ- kheo này. Tỳ-kheo này nói: Tôi không nhận phần này. Trước đây tôi đã nói, "Ta vì tín tâm xuất gia không được làm việc ác như vậy." Nhưng vị ấy lại nghi. Đức Phật hỏi:

- Ý nghĩ của ngươi như thế nào?

Vị kia liền đem nhân duyên trình bày rõ ràng với Đức Phật. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng trước có hứa khả nên mắc Đột-kiết-la.

9. Trộm nhầm

1. Có Tỳ-kheo muốn ăn trộm y của người khác mà nhầm lấy y của mình, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Thâu-lan-giá.

2. Có Tỳ-kheo lấy trộm y của người luôn cả y của mình, rồi nghi.

Đức Phật dạy:

- Y của mình phạm Thâu-lan-giá. Y của người phạm Ba-la-di.

3. Có Tỳ-kheo trộm đồ vật vốn là đồ ăn trộm

của người khác; rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

4. Có số đông bạch y, tại bãi tha ma, cởi y để một chỗ để chôn người chết. Có Tỳ-kheo trì y phấn tảo tưởng là y phấn tảo nên mang đi. Các bạch y thấy, nói: Đại đức, chớ lấy y của chúng tôi đi. Vị kia trả lời: Tôi tưởng là y phấn tảo. Nói như vậy rồi để y xuống mà đi. Nhưng nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi lấy với ý nghĩ như thế nào? Vị kia thưa:

- Con tưởng là y phấn tảo chứ không có tâm ăn trộm. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng nếu có đống y như vậy, không được gọi là y phấn tảo để lấy.

5. Có Tỳ-kheo đi cách bãi tha ma không xa, thấy có nhiều y phấn tảo, liền tập trung lại rồi đi, nghĩ rằng để trở về lại sẽ lấy. Sau đó có Tỳ-kheo trì y phấn tảo thấy, tưởng là y phấn tảo liền mang đi. Tỳ-kheo kia khi trở lại không thấy y, về đến chùa lại thấy có Tỳ-kheo đang giặt y, liền nói:

- Thầy lấy y của tôi, phạm tội ăn trộm. Vị kia trả lời:

- Tôi không lấy trộm mà chỉ lấy y phấn tảo. Vị kia nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi lấy với ý nghĩ thế nào? Vị kia trả lời:

- Con nghĩ là y phấn tảo nên lấy. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được lấy y phấn tảo mà tập trung thành đống như vậy.

6. Có cư sĩ đi cách bãi tha ma không xa, thấy có y phấn tảo rất quý giá, liền lấy để trong đám cỏ rồi đi, với ý định trở lại sẽ lấy để cúng cho Tỳ-kheo. Vào lúc đó có Tỳ-kheo trì y phấn tảo thấy, liền lấy đem đi. Cư sĩ kia khi trở lại không thấy chiếc y, lúc đến chùa thấy Tỳ-kheo đang giặt, nói:

- Thầy lấy trộm y của tôi. Tỳ-kheo trả lời:

- Tôi không lấy trộm y của người. Tôi chỉ lượm y phấn tảo.

Nhưng rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi với ý nghĩ thế nào khi lấy? Tỳ-kheo kia thưa:

- Con nghĩ là y phấn tảo nên lấy. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được lấy y phấn tảo để chỗ như vậy.

7. Có người chăn bò cởi y để trên đầu nằm ngủ. Có Tỳ-kheo trì y phấn tảo thấy tưởng là người chết, nên nghĩ: Đức Thế Tôn không cho phép Tỳ-kheo lấy y của người chết còn nguyên hình. Bèn lấy tay người chết đánh vào đầu người chết. Đứa chăn bò hoảng hốt thức dậy hỏi: Tại sao Đại đức lại đánh tôi? Tỳ-kheo trả lời: Tôi tưởng ngươi là người chết. Đứa chăn bò kia giận nói: Ông không thể phân biệt được người chết với người sống hay sao? Nói xong liền đánh Tỳ-kheo nhừ tử. Các Tỳ-

kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được đánh người chết khiến cho rã thây để lấy y.

8. Có số đông trẻ nhỏ cởi y để một chỗ rồi cùng nhau nô đùa. Tỳ- kheo trì y phấn tảo thấy, liền muốn lấy y. Mấy đứa nhỏ thấy, nói: Đừng lấy y của chúng tôi đi. Tỳ-kheo nói: Tôi tưởng là y phấn tảo. Tỳ-kheo để y lại đi, nhưng nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi nghĩ thế nào khi lấy? Tỳ-kheo thưa:

- Con nghĩ là y phấn tảo nên lấy. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được lấy y phấn tảo tập trung thành đống như vậy.

10. Di chuyển vật

1. Nhóm sáu Tỳ-kheo dùng đường mía khuyến dụ con nít để dẫn đi bán. Cha mẹ nó thấy, hỏi Tỳ-kheo: Đại đức nói gì với nó vậy? Tỳ- kheo nhóm sáu nói: Có nói gì đâu. Nhóm sáu để trẻ nít lại rồi đi; nhưng nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi dẫn chúng nó đi với ý nghĩ thế nào? Nhóm sáu thưa:

- Dẫn đi với tâm trộm. Đức Phật dạy:

- Trị giá năm tiền dời khỏi chỗ, phạm Ba-la-di.

2. Có Tỳ-kheo với tâm ăn trộm, đảo ngược và dời chỗ thẻ chia phần của người khác, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Khi dời liền thành Ba-la-di.

3. Có Tỳ-kheo ăn trộm thẻ chia vật của người khác, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Trị giá năm tiền, lìa khỏi chỗ cũ phạm Ba-la-di.

4. Có Tỳ-kheo lật nghiêng thẻ chia phần của người khác, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phương tiện lấy năm tiền, chưa rời khỏi chỗ cũ, phạm Thâu-lan-giá.

5. Có Tỳ-kheo ăn trộm lần thứ hai, lấy vật không đủ năm tiền, nghĩ: Ta lấy hai lần, trước sau (mỗi lần) không đủ năm tiền, không phạm Ba-la-di. Đức Phật dạy:

- Trước sau (cọng lại) đủ năm tiền, phạm Ba-la-di.

6. Cách Kỳ-hoàn không xa có cư sĩ cày đất. Tỳ-kheo khách thấy, nói rằng, - Đất này của Tăng. Chớ cày. Cư sĩ nói, - Chẳng phải đất của Tăng mà là đất của tôi. Tỳ-kheo lại nói, - Đây là đất của Tăng. Chớ cày. Cư sĩ liền thả bò đi, và nói rằng, - Đất của ta mà không được cày! Tỳ-kheo khách kia vào trong Kỳ-hoàn hỏi cựu Tỳ-kheo:

- Có cư sĩ cày khoảnh đất cách đây không xa. Vậy đất đó của ai? Cựu trú Tỳ-kheo nói:

- Đó là đất của cư sĩ.

Vị cựu trú Tỳ-kheo hỏi vị khách Tỳ-kheo:

- Tại sao thầy hỏi điều đó?

Khách Tỳ-kheo đem nhân duyên kia nói lại

đầy đủ, rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi nghĩ như thế nào?

Vị đó trình bày đầy đủ nhân duyên, Đức Phật dạy:

- Ngươi không phạm. Nhưng không được nói như vậy.

7. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, bạch Phật:

- Nếu tác ý làm hao hụt, lấy năm tiền hoặc hơn năm tiền, tự mình lấy hoặc dạy người lấy, tự đoạn hoại hoặc dạy người đoạn hoại, tự phá hoặc dạy người phá, hoặc đốt, hoặc chôn, hoặc làm hoại sắc, như vậy có phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Tất cả đều phạm Ba-la-di.

8. Có Tỳ-kheo chia đất, dời cột mốc của người khác; rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi nghĩ thế nào khi dời? Vị kia thưa: Với tâm ăn trộm. Đức Phật dạy:

- Dời cột mốc, nếu trị giá năm tiền,[292] phạm Ba-la-di.

11. Nguồn nước

1. Bấy giờ trong vườn của chúng Tăng không có nước nên bị cằn cỗi. Nhóm sáu Tỳ-kheo tháo

[292] Giá trị của phần điền thổ thêm hay bớt sau khi dời cột mốc. Không phải giá trị bản thân cột mốc.

nước từ ruộng của người khác vào trong vườn của Tăng, rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi tháo nước với ý nghĩ thế nào? Vị kia thưa:

- Với tâm của kẻ trộm. Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

Ruộng của nhà đàn-việt không có nước nên bị cằn cỗi. Tỳ-kheo kia tháo nước của người khác vào ruộng của đàn-việt, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Ba-la-di.

2. Có Tỳ-kheo cùng nhà bạch y oán cừu nhau, bèn tháo nước ruộng của người đó bỏ, khiến cho ruộng bị hoang phế. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật dạy:

- Ba-la-di.

3. Có Tỳ-kheo ăn trộm nước của người khác, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Tính đủ năm tiền phạm Ba-la-di.

Các Tỳ-kheo nghi, không dám lấy nước nơi kênh, nơi suối, nơi ao hồ. Đức Phật dạy:

- Không phải sở hữu của người nào đó thì không phạm.

12. Chiếm dụng

1. Tỳ-kheo Chiên-đà-la có việc tranh chấp. Vị ấy có chiếc bát quý giá của nước Tô-ma. Vì việc tranh chấp nên vị kia thường ôm lòng ưu sầu, nói, - Nếu ai có thể chấm dứt việc tranh chấp của tôi

thì sẽ lấy chiếc bát này. Bấy giờ, có Tỳ-kheo A-di-đầu thông minh, chuyên môn giải quyết việc tránh sự, liền vì vị kia giải quyết việc đấu tranh rồi lấy chiếc bát đi. Tỳ-kheo này nghĩ rằng chiếc bát bị mất nên đi tìm. Thấy Tỳ-kheo A-di-đầu bưng nơi tay liền nói, - Thầy lấy trộm chiếc bát của tôi. Vị kia liền trả lời, - Tôi không lấy trộm bát của thầy. Thầy đã có giao ước, nếu người nào có thể chấm dứt việc tranh đấu của tôi thì sẽ lấy chiếc bát này. Vì vậy nên tôi lấy chiếc bát. Vị kia nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi lấy với ý nghĩ thế nào?

Vị kia trình bày đầy đủ nhân duyên. Đức Phật dạy:

- Ngươi không phạm. Nhưng không được nhận vật như vậy.

2. Tỳ-kheo tên Da-thâu-già có y Tăng-già-lê. Tỳ-kheo tên Bà-tu- đạt-đa không nói mà lấy mặc vào trong xóm khất thực. Vị kia tưởng là y bị mất đi tìm. Thấy Bà-tu-đạt-đa mặc, liền nắm lấy nói, - Thầy phạm tội ăn trộm. Vị kia trả lời, - Tôi không trộm y của thầy, tôi lấy mặc với ý thân tình. Nói xong, nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi lấy với tâm niệm thế nào?

Vị kia thưa: Lấy với ý thân tình chứ không lấy với tâm ăn trộm. Đức Phật nói:

- Không phạm. Nhưng không được không phải

thân tình mà tác ý thân tình để lấy.

3. Tỳ-kheo tự Thanh Tịnh có y Tăng-già-lê. Tỳ-kheo Tu-đà-di không hỏi chủ mà tự tiện lấy mặc vào tụ lạc khất thực. Người chủ tưởng y bị mất nên đi tìm. Thấy Tu-đà-di mặc liền nắm lấy và nói, - Thầy lấy y tôi, phạm giới trộm. Tỳ-kheo kia trả lời tôi không ăn trộm mà mượn để dùng. Vị kia nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi lấy y với tâm nghĩ thế nào? Vị kia thưa:

- Với tâm mượn chứ không phải với tâm ăn trộm. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Không được không hỏi chủ mà vội lấy mặc vào tụ lạc như vậy.

13. Hoa quả

1. Có Tỳ-kheo lấy trái lê của người khác, nghi. Đức Phật dạy:

- Tính đủ năm tiền, dời khỏi chỗ cũ phạm Ba-la-di.

Trái diêm-bà, trái ba-lê-bà, các loại trái bồ đào, nếu trị giá năm tiền, tất cả đều phạm Ba-la-di.

2. Có Tỳ-kheo rung trái lê của người khác cho rụng, với ý muốn làm cho ít bớt. Đức Phật dạy:

- Tính đủ năm tiền, Ba-la-di.

Nếu rung cho rụng trái diêm-bà, trái ba-lê-bà, các loại trái bồ đào, cũng với ý muốn khiến cho ít bớt, tất cả đều Ba-la-di.

3. Có Tỳ-kheo ăn trộm dưa của người. Đức Phật dạy:

- Tính đủ năm tiền phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo ăn trộm mía, nghi. Đức Phật dạy:

- Tính đủ năm tiền, phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo lấy rau của người, nghi. Đức Phật dạy:

- Tính đủ năm tiền Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo lấy bông sen của người, nghi. Đức Phật dạy:

- Tính đủ năm tiền Ba-la-di.

Hoa bát-đầu-ma, câu-đầu-ma, phân-đà-lợi, tính đủ năm tiền, tất cả đều Ba-la-di. Nếu bẻ phá, làm hư hoại, hao hụt của người khác, tính đủ năm tiền tất cả đều Ba-la-di.

Có người canh giữ cho kẻ khác, và giặc, mang thức ăn khư-đà-ni cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo nghĩ đây không phải là của người này nên không nhận.[293] Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Đây tức là thức ăn của đàn-việt, cho phép tác tịnh,[294] rửa tay, rồi thọ nhận và ăn.

Có Tỳ-kheo lấy ngó sen của người, nghi. Đức Phật dạy:

- Tính đủ năm tiền, Ba-la-di.

---

[293] Cf. Pāli, Vin. iii. 66: Người giữ vườn (cho người khác) mang trái cây cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo không dám nhận, vì không phải của người mang cho.

[294] Năm cách tác tịnh đối với trái cây. Xem cht. 107. Phần iii, Ch. viii - Thuốc".

Có Tỳ-kheo lấy gỗ trong rừng do người khác bảo vệ, nghi. Đức Phật dạy:

- Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo với tâm trộm cắp, vô căn cứ lấy thức ăn của người, nghi. Đức Phật dạy:

- Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo vô căn cứ lấy thức ăn của người, nghi, Đức Phật hỏi:

- Ngươi với tâm niệm như thế nào khi lấy? Vị kia nói:

- Không có tâm trộm. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng vì vọng ngữ nên phạm Ba-dật-đề.

Có Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo lấy trộm giường dây, giường cây. Tỳ- kheo được sai tưởng là không phải ăn trộm nên lấy đem đến, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phương tiện dạy người phạm Ba-la-di. Vị bị sai không phạm.

Có Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo lấy giường dây. Vị được sai kia tưởng là bảo lấy trộm liền lấy đem đến, rồi nghi, Đức Phật nói:

- Người lấy phạm Ba-la-di. Người bảo không phạm.

14. Xe thuyền

1. Số đông Tỳ-kheo có chiếc xe, cho nhóm sáu

Tỳ-kheo cùng đi. Nhóm sáu Tỳ-kheo có ý muốn, trước khi đến trú xứ đó, sẽ lấy chiếc xe này. Đức Phật dạy:

- Nếu lấy trộm tại đây, phạm Ba-la-di. Nếu lấy giữa đường hay đến trú xứ đó cũng phạm Ba-la-di.

2. Nhóm sáu Tỳ-kheo thấy trên sông Hằng có chiếc thuyền, bèn nghĩ, - Chúng ta có thể trộm lấy chiếc thuyền này mà không lao nhọc chi cả. Nhưng nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi nghĩ như thế nào?

Nhóm sáu liền trình bày đầy đủ nhân duyên. Đức Phật dạy:

- Chỉ có ý nghĩ thì không phạm. Nhưng không được sinh ý nghĩ như vậy.

3. Có Tỳ-kheo trộm lấy thuyền của người từ bờ này đem đến bờ kia, nghi. Đức Phật dạy:

- Ba-la-di.

Từ bờ kia qua bờ này, xuôi dòng nước, ngược dòng nước, nhận chìm hay kéo đi đem lên bờ, dời địa điểm, tất cả đều phạm Ba-la-di. Nếu phương tiện muốn mở ra mà chưa rời khỏi chỗ cũ thì phạm Thâu- lan-giá.

4. Có hai Tỳ-kheo đến sông A-di-la-bạt-đề tắm, thấy cái giỏ tre đựng y quý giá trôi theo dòng nước. Một Tỳ-kheo thấy bèn nói: Cái giỏ tre này thuộc về của tôi. Tỳ-kheo thứ hai nói: Vật dụng

trong giỏ tre thuộc về của tôi. Hai vị cùng lấy được y quý giá, bèn nghi. Đức Phật dạy:

- Ngươi nghĩ thế nào? Vị kia thưa:

- Tưởng là y phấn tảo. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được lấy y phấn tảo trong nước.

15. Vật từ thú vật

1. Có Tỳ-kheo trộm tràng hoa bằng vàng, nghi. Đức Phật dạy:

- Ba-la-di.

2. Trong Kỳ-hoàn có nhiều tổ chim. Cuối đêm [295] chúng kêu inh ỏi, náo loạn các Tỳ-kheo ngồi thiền. Tỳ-kheo cựu trú sai người giữ vườn đuổi chúng đi. Người giữ vườn thấy trong tổ chim có vàng và lụa vụn, lấy đem đưa cho cựu Tỳ-kheo, Vị kia nghi. Đức Phật dạy:

- Các thứ đó vô dụng đối với loài chim nên không phạm. Nhưng không được nhận vật như vậy.

3. Trong Kỳ-hoàn có ổ chuột. Tỳ-kheo sai người giữ vườn phá ổ chuột. Trong ổ chuột có thuốc uống và lụa vụn, người giữ vườn lấy đem đưa Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nghi. Đức Phật dạy:

- Các thứ đó vô dụng đối với súc sinh nên không phạm. Nhưng không được nhận vật như

[295] Khuya, cho đến trước khi mặt trời mọc, được gọi là cuối đêm.

vậy.

4. Cách chùa không xa, có những con chuột tha trái bồ đào từ thôn đem đến trong chùa, dồn lần thành một đống lớn. Nhóm sáu Tỳ-kheo với tâm trộm lấy ăn, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

5. Cách Kỳ-hoàn không xa có người thợ săn gài bẩy để bắt nai, trong bẩy có con nai chết. Nhóm sáu Tỳ-kheo với tâm trộm lấy ăn, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Ba-la-di.

16. Giải phóng súc vật

1. Có Tỳ-kheo ban ngày đi vào chỗ A-lan-nhã, nơi đó có cướp, buộc con bò dưới gốc cây. Thấy Tỳ-kheo nó khóc. Tỳ-kheo từ niệm nên mở thả, rồi nghi, Đức Phật hỏi:

- Khi mở thả nó, ngươi nghĩ thế nào? Vị kia thưa:

- Vì lòng thương chứ không phải với tâm trộm. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được làm việc như vậy.

2. Có Tỳ-kheo ban ngày đến chỗ A-lan-nhã, nơi đó kẻ cướp cột con bò trong nhà trạm. Tỳ-kheo nhìn quanh không thấy ai, có ý nghĩ: Con vật này có ích cho ta. Bèn mở con bò dắt đi. Dắt đi không xa, Tỳ- kheo lại nghĩ: Ta cần gì con bò này? Vì

vậy thả nó đi. Rồi Tỳ-kheo nghi, Đức Phật hỏi:

- Khi dắt đi ngươi nghĩ thế nào?

Tỳ-kheo trả lời: Khi dắt với tâm trộm. Đức Phật dạy:

- Tính đủ năm tiền dời khỏi chỗ cũ, phạm Ba-la-di.

3. Con beo rượt bắt con nai. Nai bị thương chạy vào chùa, rồi chết.

Các Tỳ-kheo đem làm thịt ăn; rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

Ông thợ săn, săn con nai. Nai chạy vào chùa. Thợ săn tìm nai, đến

hỏi các Tỳ-kheo: Thấy có con nai như vậy, như vậy hay không?

Các Tỳ-kheo không thấy nên trả lời là không thấy. Người thợ săn tìm khắp nơi trong chùa, bắt gặp được con nai, nổi giận cơ hiềm nói các Tỳ-kheo: Sa-môn Thích tử không biết hổ thẹn, nói dối không thật, tự xưng là tôi biết chánh pháp. Nhưng như vậy có gì là chánh pháp, trong khi thấy con nai mà nói là không thấy?

Các Tỳ-kheo nghi, bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

17. Vật dụng của Tỳ-kheo

Có Tỳ-kheo ăn trộm lấy y ba-lị-ca-la, nghi, rời

khỏi chỗ cũ. Đức Phật dạy:

- Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo với tâm trộm lấy y ba-lị-ca-la của người, đem đến chỗ khác rồi nghi. Đức Phật nói:

- Phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo với tâm trộm di chuyển y ba-lị-ca-la sang một bên rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phương tiện tìm cầu năm tiền, chưa dời khỏi chỗ cũ phạm Thâu- lan-giá.

Có Tỳ-kheo với tâm trộm lấy giường dây, giường cây, nệm lớn, nệm nhỏ, gối, mền giạ, bình nước, bình tưới, gậy, quạt. Đức Phật dạy: Tính đủ năm tiền, tất cả đều phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo trao đổi giường dây, giường cây, nói đây cũng là Tăng, kia cũng là Tăng. Đức Phật dạy:

- Không được trao đổi như vậy.

Có Tỳ-kheo trao đổi giường cây, nệm lớn, nệm nhỏ, hoặc gối, nói đây cũng là Tăng kia cũng là Tăng. Và mền giạ, bình tưới nước, gậy, quạt, cũng nói đây là Tăng, kia cũng là Tăng. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy.

Có Tỳ-kheo ăn trộm đá của người, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Tính đủ năm tiền, thành Ba-la-di.

Trộm ao, hào, cây gỗ, tre trúc, cỏ văn nhã, cỏ bà bà, vỏ cây, hoặc cây lá, hoa trái có người bảo

vệ, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Tính đủ năm tiền, tất cả đều Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo từ trên giá y của người khác lấy trộm y rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo với tâm trộm lấy chiếc y trên giá, lìa khỏi giá rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo với tâm trộm, chuyển đổi y của người từ trên giá, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phương tiện tìm cầu năm tiền, chưa dời khỏi chỗ, phạm Thâu- lan-giá.

Có Tỳ-kheo lấy cái dây lưng trên giá y của người khác, và lấy luôn cái giá, rồi nghi, Đức Phật hỏi:

- Ngươi nghĩ thế nào khi lấy? Vị kia thưa:

- Với tâm trộm. Đức Phật dạy:

- Tính đủ năm tiền, dời khỏi chỗ cũ, thành Ba-la-di.

Khi ấy có số đông Tỳ-kheo cùng nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi ăn trong nhà bạch y. Bạch y dùng chiếc y đại giá trải làm chỗ ngồi. Một trong nhóm sáu Tỳ-kheo với tâm trộm dùng chân cuốn lại, rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Với ý nghĩ thế nào khi ngươi cuốn? Vị kia thưa:

- Với tâm trộm. Đức Phật dạy:

- Phương tiện cầu năm tiền, chưa dời khỏi chỗ, phạm Thâu-lan- giá.[296]

18. Phần của người khác

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Sai-ma, có nhà đàn-việt. Đệ tử của Tỳ-kheo- ni đến nhà người đàn-việt đó nói:

- A-di Sai-ma cần năm đấu vừng. Người đàn-việt kia nói:

- Có thể được..

Người đàn-việt đưa cho. Cô đệ tử kia nhận được vừng rồi, ăn

hết.

Sau đó vào một buổi sáng, Tỳ-kheo-ni Sai-ma, khoác y, bưng bát

đến nhà đàn-việt kia, trải chỗ ngồi ngồi, người đàn-việt hỏi:

- Vừng có tốt hay không? Sai-ma hỏi lại:

- Vừng gì?

Người đàn-việt thuật lại đầu đuôi. Tỳ-kheo-ni Sai-ma khi về chùa nói với người đệ tử:

- Cô ăn trộm của tôi năm đấu vừng (mè). Người đệ tử trả lời:

- Con không ăn trộm. Con nghĩ thân tình nên ăn. Sau đó nghi. Đức Phật hỏi:

- Cô dùng với ý gì? Cô đệ tử thưa:

---

[296] Hết quyển 55.

- Con dùng với ý thân tình. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được, không phải thân tình mà tác ý thân hậu để lấy dùng. Vì nói dối nên mắc tội Ba-dật-đề.

Tỳ-kheo-ni Sai-ma có nhà đàn-việt. Đệ tử của cô đến nhà đàn- việt đó nói:

- A-di Sai-ma cần cháo ba món thuốc. Người đàn-việt nói:

- Có thể được.

Rồi đưa cho. Cô đệ tử nhận được, ăn hết.

Sau đó, vào buổi sáng sớm, Tỳ-kheo-ni Sai-ma, khoác y, bưng bát đến nhà đàn-việt kia, trải chỗ ngồi an tọa. Người đàn-việt thưa hỏi:

- Thưa A di, cháo ba món thuốc có khá hay không? Sai-ma hỏi lại:

- Cháo ba món thuốc gì?

Người đàn-việt liền thuật lại đầu đuôi. Khi trở về chùa, Sai-ma nói với người đệ tử:

- Cô lấy trộm của tôi cháo ba món thuốc. Người đệ tử trả lời:

- Con không lấy trộm. Con lấy với ý thân tình. Cô đệ tử nói như vậy rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Cô lấy với ý gì?

- Con lấy với ý thân tình. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được, chẳng phải thân tình, mà tác ý thân tình để lấy. Vì nói dối nên phạm Ba-dật-đề.

Có Tỳ-kheo lấy phần khư-xà-ni của Hòa thượng. Hòa thượng nói:

- Ông ăn phần của tôi, phạm tội trộm. Tỳ-kheo thưa:

- Con không ăn trộm. Con lấy với ý thân tình.

Vị kia nghi, Đức Phật hỏi:

- Ông lấy với tâm gì?

- Con lấy với ý nghĩ là thân tình. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được, chẳng phải thân tình mà tác ý thân tình để lấy.

19. Cầm nhầm

1. Có người thợ gốm là đàn-việt của một Tỳ-kheo. Người đàn-việt nói:

- Đại đức cần đồ gì cứ nói. Tỳ-kheo nói:

- Tốt lắm.

Người đàn-việt nói xong, đứng dậy đi vào nhà. Có một người khác đến chỗ bán hàng để bán. Sau đó, Tỳ-kheo cầm (nhầm) cái bình của người bán hàng đi. Người ấy nói với Tỳ-kheo:

- Thưa Đại đức, chớ lấy cái bình của tôi đi. Tỳ-kheo nói:

- Cái bình này là cái bình của ai? Ông thợ gốm trước đây có nói với tôi, nếu cần đồ gì thì cứ lấy, cho nên tôi lấy.

Người bán hàng nói:

- Cái đó không phải là đồ của người ấy.

Tỳ-kheo liền để cái bình xuống mà đi. Nhưng rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi lấy với ý nghĩ thế nào?

Tỳ-kheo kia thuật lại đầy đủ nhân duyên với Đức Phật. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được không hỏi chủ mà lấy.

2. Có nhà bán rượu là đàn-việt của một Tỳ-kheo. Người đàn-việt nói với Tỳ-kheo:

- Đại đức cần cái nồi thì cứ lấy. Tỳ-kheo nói: Tốt lắm.

Người đàn-việt nói xong trở về nhà. Có một người khác đến đứng chỗ bán rượu. Sau đó, Tỳ-kheo cần cái nồi nên đến lấy (nhầm) đi. Người kia nói:

- Đại đức đừng lấy cái nồi của tôi đi. Tỳ-kheo nói:

- Cái nồi này của ai? Người bán rượu trước đây có nói với tôi, cần cái nồi thì cứ lấy. Cho nên tôi lấy.

- Đó không phải cái nồi của người ấy.

Tỳ-kheo để cái nồi xuống rồi đi. Nhưng rồi nghi, Đức Phật hỏi:

- Ngươi lấy với ý gì?

Tỳ-kheo trình bày rõ nhân duyên với Đức Phật. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được không nói

với chủ mà lấy vật của người.

3. Có người lái buôn là đàn-việt của Tỳ-kheo. Người đàn-việt nói:

- Đại đức cần gì cứ lấy. Tỳ-kheo nói: Tốt lắm.

Lái buôn kia trở về nhà. Có một người khác đến chỗ bán hàng.

Sau đó, Tỳ-kheo cần gạo, bèn đến lấy (nhầm) gạo đi, người kia nói:

- Đại đức đừng lấy gạo của tôi đi. Tỳ-kheo nói:

- Gạo này là của ai? Người lái buôn trước đây có nói với tôi là cần gì thì cứ lấy, nên tôi mới lấy.

Người kia nói:

- Đây không phải là gạo của ông lái buôn.

Tỳ-kheo liền để gạo xuống mà đi. Nhưng nghi. Đức Phật nói:

- Ngươi lấy với tâm gì?

Tỳ-kheo trả lời thuật lại đầy đủ nhân duyên với Đức Phật. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được không hỏi chủ mà lấy.

4. Bấy giờ, có người bán y là đàn-việt. Đàn-việt thưa:

- Đại đức cần gì thì cứ lấy. Tỳ-kheo nói: Tốt lắm.

Người đàn-việt kia qua đời. Còn một đứa con nhỏ. Tỳ-kheo cần y, liền lấy y đi. Đứa nhỏ nói:

- Đại đức đừng lấy y của con đi. Tỳ-kheo nói:

- Y này của ai? Người bán y trước đây có nói với tôi cần y cứ lấy.

Đứa nhỏ nói:

- Người bán y ấy chết rồi.

Tỳ-kheo liền bỏ y mà đi, nhưng nghi. Đức Phật nói:

- Ngươi lấy với ý gì?

Tỳ-kheo trình bày đầy đủ nhân duyên. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được không hỏi chủ mà lấy.

20. Vật vô chủ

1. Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Có một Ly-xa không có lòng tin, dùng một miếng giẻ rách gói năm tiền, để trong đống rác, sai người rình, nếu thấy ai lấy thì bắt. Bấy giờ có Tỳ-kheo trì y phấn tảo tưởng là y phấn tảo, liền lấy bỏ trong đãy. Sứ giả kia thấy, nói:

- Ông Ly-xa gọi Tỳ-kheo. Tỳ-kheo nói:

- Gọi đi đâu?

Khi Tỳ-kheo đi đến chỗ Ly-xa, Ly-xa hỏi:

- Đại đức được phép cầm tiền bạc của báu chăng? Tỳ-kheo nói:

- Điều đó không được. Ly-xa nói:

- Không được, sao thầy lấy? Tỳ-kheo nói:

- Tôi đâu có lấy.

Ly-xa bảo đưa chiếc đãy xem. Ly-xa liền lấy gói tiền từ trong đãy của Tỳ-kheo ra. Tỳ-kheo này hổ thẹn, và Tỳ-kheo khác cũng vậy. Các Tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

- Các ngươi lắng nghe. Nếu có Tỳ-kheo nào muốn lấy y phấn tảo như vậy, thì nên dùng ngón chân bên trái kẹp, ngón chân bên phải kéo ra để xem. Cái gì bất tịnh thì gỡ nó ra, cái gì tịnh thì lấy mang đi.

2. Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Ca-lưu-đà-di cùng nhóm sáu Tỳ- kheo tắm tại sông A-di-bà-đề. Ca-lưu-đà-di tắm xong lên bờ trước, mặc lộn y của Nhóm sáu Tỳ-kheo, rồi đi. Nhóm sáu Tỳ-kheo tắm rồi sau lên bờ không thấy y của mình mà lại thấy y của Ca-lưu-đà-di, bèn nói:

- Ca-lưu-đà-di ăn trộm y của chúng ta, liền tác pháp diệt tẫn, trong lúc vắng mặt Ca-lưu-đà-di.

Ca-lưu-đà-di nghe như vậy sinh nghi, đến chỗ Đức Thế Tôn đầu mặt đảnh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, đem nhân duyên trên trình bày đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn hỏi:

- Với ý nghĩ thế nào, khi ngươi lấy? Ca-lưu-đà-di thưa:

- Con tưởng là y của mình nên lấy, chứ không có tâm ăn trộm. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được không xem kỹ y mà vội lấy. Cũng không được không có mặt người mà tác pháp quở trách, tẫn, y chỉ, ngăn không cho đến nhà bạch y, cử tội, hay yết-ma diệt tẫn. Nếu làm thì không thành lại mắc tội Đột-kiết-la.

3. Có Tỳ-kheo lượm được cái y do gió thổi bay, nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi lấy với tâm gì? Vị ấy thưa:

- Với ý nghĩ là y phấn tảo, chứ không có tâm ăn trộm. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được lấy y phấn tảo do gió thổi bay.

4. Có cư sĩ giặt y rồi phơi trên tường. Khi ấy, có Tỳ-kheo trì y phấn tảo thấy, tưởng là y phấn tảo, nên lấy đi. Cư sĩ kia thấy, nói:

- Đại đức đừng mang y của tôi đi. Tỳ-kheo nói:

- Tôi tưởng là y phấn tảo.

Nói rồi liền bỏ y mà đi; rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi lấy với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo thưa:

- Con lấy với ý nghĩ là y phấn tảo. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được lấy y phấn tảo từ trên tường, trên rào, hay trong hào.

Có cư sĩ giặt y rồi phơi trên nia. Một vị trong nhóm sáu Tỳ-kheo, với tâm trộm lấy đi, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

5. Có số đông bọn cướp đi ra khỏi thành Xá-vệ, cách Kỳ-hoàn không xa, ban ngày uống rượu xong, còn dư, để giữa gốc cây, vào thành Xá-vệ. Bấy giờ, Nhóm sáu Tỳ-kheo ra ngoài Kỳ-hoàn, với tâm trộm, lấy uống. Đức Phật nói:

- Phạm Ba-la-di.

6. Có Tỳ-kheo khất thực, sáng sớm khoác y, bưng bát đến nhà đàn-việt, gặp lúc trời mưa to, nước trôi các loại mỡ lạng. Vị kia nghĩ đây là vật không cầu mà được, có thể dùng làm thuốc, liền lấy uống, rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi lấy, với ý nghĩ thế nào? Vị kia thưa:

- Tưởng là vật phấn tảo, cho nên lấy, chứ không với tâm trộm. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được lấy vật phấn tảo trong nước.

Không thọ mà dùng phạm Ba-dật-đề.[297]

21. Mượn tiếng lấy

Tỳ-kheo có nhà đàn-việt. Tỳ-kheo khác hỏi Tỳ-kheo này:

- Tôi muốn đến nhà đàn-việt của Thầy. Thầy có muốn nói gì? Vị kia nói:

- Tùy ý Thầy. Nói gì cũng được.

Tỳ-kheo này cần năm mươi lượng đường mía,

---

[297] Tỳ-kheo, Ba-dật-đề 40..

nên khi đến nhà đàn-việt nói:

- Tỳ-kheo kia cần năm mươi lượng đường mía. Người đàn-việt thưa:

- Có thể được.

Nói xong, liền lấy cho. Tỳ-kheo này nhận được đường rồi dùng hết không đưa cho Tỳ-kheo kia. Một thời gian sau, Tỳ-kheo kia đến nhà đàn-việt. Người đàn-việt ấy hỏi:

- Thưa Đại đức, đường mía có khá không? Tỳ-kheo kia hỏi lại:

- Đường mía gì? Cho ai?

Người đàn-việt thuật rõ đầu đuôi. Tỳ-kheo kia khi về chùa nói với Tỳ-kheo này:

- Ngươi lấy đường mía của tôi, phạm giới trộm. Tỳ-kheo này nói:

- Tôi không phạm giới trộm. Vì Thầy bảo tôi tùy ý muốn nói gì thì nói.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được nói như vậy. Phải bảo, "Nên nói như vầy. Nên bảo như vầy."

Có Tỳ-kheo trộm xe của người khác, rồi nghi. Đức Phật nói:

- Phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo trộm củi của người khác, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Tính đủ năm tiền, phạm Ba-la-di.

22. Bắt cóc trẻ

Người đàn-việt của Tất-lăng-già-bà-ta [298] có hai đứa nhỏ, thông tuệ sáng sủa, không sợ người. Mỗi lần Tất-lăng-già-bà-ta đến nhà, chúng nó liền ôm chân và chạy quanh vui chơi. Sau đó một thời gian hai, hai đứa nhỏ này bị cướp bắt. Bấy giờ, vào buổi sáng sớm Tất-lăng- già-bà-ta, khoác y, bưng bát đến nhà đàn-việt, trải chỗ ngồi an tọa, cha mẹ tiểu nhi đến khóc sướt mướt nói:

- Con của con cướp bắt mất rồi. Nếu chúng nó còn ở nhà thì đã đến ôm chân Đại đức, vui vẻ biết bao!

Tất Lăng Già Bà Ta nói:

- Nên tìm khắp trong nhà, xem thử chúng nó ở đâu? Cha mẹ tiểu nhi nói:

- Tìm khắp rồi mà không có.

Tất-lăng-già-bà-ta trở về chùa, vào trong phòng, tư duy nhập định, đặt niệm trên thân, dùng thiên nhãn thanh tịnh vượt hẳn người thường, thấy tiểu nhi bị giặc, để trong chiếc thuyền nơi dòng sông Hằng. Thấy rồi, trong khoảnh khắc bằng khi người lực sĩ co duỗi cánh tay, Tất-lăng- già-bà-ta biến mất khỏi chùa, xuất hiện đứng trong chiếc thuyền của cướp trên dòng sông Hằng. Tiểu nhi thấy liền vui vẻ đến ôm chân. Tất- lăng-già-bà-ta dùng thần túc khiến tiểu nhi trở về, và đem chúng

---

[298] Tất-lăng-già-bà-ta 畢陵伽婆蹉. Pāli, Pilindavaccha. Truyện kể, Vin.iii. 67.

để gác trên phòng, rồi đến nhà chỗ đàn-việt, trải chỗ ngồi an tọa. Bấy giờ, cha mẹ chúng cũng khóc kể và nói:

- Con của con nếu còn chúng sẽ đến ôm chân Đại đức thì vui biết bao!

Tất-lăng-già-bà-ta nói:

- Có thể tìm các phòng trên gác xem sao! Cha Mẹ nó nói:

- Đã tìm rồi mà không có. Tất-lăng-già-bà-ta nói:

- Nên tìm lại.

Cha mẹ chúng nó tìm lại ở trên, trên trong phòng thì bắt gặp hai

đứa nhỏ. Cha mẹ nó rất vui mừng nói:

- Con của tôi bị giặc bắt mất, Tất-lăng-già-bà-ta vì tôi bắt nó đem về.

Các Tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống khổ hạnh, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách Tất-lăng-già-bà-ta: Tại sao giặc bắt con người ta rồi đoạt lại?

Tất-lăng-già-bà-ta nghe rồi nghi, đến chỗ Đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, ngồi lui qua một bên, đem nhân duyên này bạch Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi:

- Với ý nghĩ thế nào khi Thầy bắt thiếu nhi lại?

- Bạch Thế Tôn với lòng từ con bắt thiếu nhi lại, chứ không có tâm trộm.

Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được làm việc như vậy.[299]

23. Nhận di chúc

Có Tỳ-kheo tự là Cao Thắng,[300] có người đàn-việt. Người đàn-việt bệnh, Tỳ-kheo đến thăm. Đàn-việt có hai tiểu nhi thông tuệ sáng sủa. Bấy giờ, người đàn-việt chỉ chỗ chôn của quý cho Tỳ-kheo và nói:

- Hai đứa con của con, khi nó lớn lên, đứa nào giỏi hơn[301] thì chỉ chỗ chôn của quý này cho nó.

Sau khi người đàn-việt qua đời, Tỳ-kheo Cao Thắng chỉ chỗ chôn của quý cho đứa tốt hơn. Tiểu nhi kia khóc kể, đến trong chùa nói với A-nan:

- Thưa Đại đức, tài sản cha con để lại cho hai đứa con. Tỳ-kheo Cao Thắng này lại giao hết cho một người.

A-nan nói với Tỳ-kheo Cao Thắng:

- Tại sao tài sản cha mẹ người ta để lại cho hai người, thầy lại đem giao hết cho một người? Này Cao Thắng, Thầy hãy đi đi. Tôi không đồng Bố-tát với Thầy.

Trải qua sáu lần bố-tát, A-nan không bố-tát chung.

---

[299] 299. Pāli, ibid., Phật nói: Không phạm, đối với ai hiện thần thông khi cần hiện thần thông. (anāpatti bhikkhave iddhipadamassa iddhavisaye).

[300] Cao Thắng 高勝. Ngũ phần 28: A-thù. Thập tụng 58: Trực Tín, đệ tử cộng hành của A-nan. Pāli, Vin.iii. 66: Ajju.

[301] Pāli, ibid., - cho đứa nào có tín tâm

Tỳ-kheo Cao Thắng là bạn hữu với La-hầu-la.[302] Bấy giờ, La-hầu- la vào buổi sáng, khoác y, bưng bát đến nước Ca-duy-la-vệ chỗ các bà Xá-di, bảo các bà Câu-lê:

- Các bà hãy bồng con của các bà đến để trước Ngài A-nan. Con của các bà khóc. Ngài A nan sẽ bảo các bà bồng nó lên. Các bà sẽ nói như vầy: "Chúng con sẽ không bồng con của chúng con lên, đến khi nào Tôn giả A-nan chịu nghe Tỳ-kheo Cao Thắng nói.

Các bà nghe theo lời La-hầu-la đem con mình để trước mặt Tôn giả A-nan. Khi ấy, các thiếu nhi khóc, Tôn giả A-nan bảo các bà:

- Bồng các con lên. Bấy giờ, các bà nói:

- Chúng con không bồng chúng nó lên, cho đến khi nào Tôn giả chịu nghe Tỳ-kheo Cao Thắng nói.

Tôn giả A nan động lòng từ liền nói với Cao Thắng:

- Sự việc của Thầy thế nào?

Cao Thắng liền trình bày đầy đủ nhân duyên với A-nan. Tôn giả A-nan nói:

- Như thế là Thầy không phạm, dù chỉ là tội Đột-kiết-la.[303]

---

[302] Ngũ phần 28, Tăng chia thành hai bộ, tán trợ A-thù (Cao Thắng) và A-nan; sáu năm không bố-tát. Do đó, La-hầu-la phải can thiệp, vận động các bà họ Thích yêu cầu A-nan hoà hiệp với A-thù.

[303] Pāli, ibid., do chính Upāli can thiệp.

III. ĐOẠN NHÂN MẠNG

1. Ưu-ba-ly thỉnh hỏi

Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chắp tay thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, các Tỳ-kheo ở bên sông Bà-cầu, quán bất tịnh, nhàm chán thân, tự sát, như vậy có phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Ban đầu chưa chế giới không phạm.

- Người, tưởng là người, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Ba-la-di.

- Là người mà nghi, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Thâu-lan-giá.

- Người mà tưởng là phi nhân, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Thâu-lan-giá.

- Phi nhân, mà tưởng là người, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Thâu-lan-giá.

- Phi nhân mà nghi, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Thâu-lan-giá.

- Bạch Đại đức, nếu khởi tưởng là người nữ mà

đoạn mạng người nam, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

- Bạch Đại đức, nếu khởi tưởng là người nam mà đoạn mạng người nữ, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Ba-la-di.

- Nếu khởi tưởng là người nữ này mà đoạn mạng người nữ kia, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

- Bạch Đại đức, nếu khởi tưởng là người nam này, mà đoạn mạng người nam kia, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Ba-la-di.

- Nếu tìm kiếm người cầm dao, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Nếu mạng bị dứt thì phạm.

2. Khuyến khích chết

Có Tỳ-kheo đến thăm đàn-việt bệnh. Vợ của người đàn-việt nhan sắc xinh đẹp. Tỳ-kheo thấy, tâm dục đắm trước. Tỳ-kheo nói với người vợ của đàn-việt:

- Cùng tôi làm việc như vậy, như vậy. Người vợ đàn-việt nói:

- Đại đức đừng nói như vậy! Chồng của con còn sống, con không muốn làm việc ác như vậy.

Tỳ-kheo liền đến nơi người chồng khen ngợi sự chết. Người chồng liền chết. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật hỏi:

Ngươi khen với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo thưa:

- Con khen với tâm sát. Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

3. Phương tiện giết

1. Có Tỳ-kheo đến thăm đàn-việt bệnh. Vợ của đàn-việt xinh đẹp. Tỳ-kheo thấy, tâm dục đắm trước, nói:

- Cùng tôi làm việc như vậy, như vậy. Vợ của đàn-việt nói:

- Chồng con còng sống, con không muốn làm việc như vậy.

Tỳ-kheo liền cho người chồng uống thuốc khiến cho chết. Tỳ- kheo nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi cho uống thuốc, với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo thưa:

- Với tâm sát. Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

2. Có Tỳ-kheo đến thăm đàn-việt bệnh. Vợ của đàn-việt xinh đẹp. Tỳ-kheo thấy, tâm dục đắm trước, nói:

- Cùng tôi làm việc như vậy, như vậy. Vợ của

đàn-việt nói:

- Chồng của con còn sống con không muốn làm việc như vậy.

Tỳ-kheo liền cho người chồng thuốc xổ khiến cho đứt mạng. Tỳ- kheo nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi với ý nghĩ thế nào khi cho uống thuốc? Tỳ-kheo thưa:

- Với tâm sát. Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

3. Có Tỳ-kheo tới thăm đàn-việt bệnh. Vợ của đàn-việt xinh đẹp.

Tỳ-kheo thấy, dục tâm tham đắm, nói:

- Cùng tôi làm việc như vậy. Vợ đàn-việt nói:

- Chồng con còn sống, con không muốn làm việc như vậy.

Tỳ-kheo liền cho người chồng ăn thức ăn không được phép ăn, khiến cho chết; rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi với ý nghĩ thế nào khi cho ăn thức ăn đó? Tỳ-kheo thưa:

- Với tâm sát. Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

4. Có Tỳ-kheo đàn-việt bịnh đến thăm. Vợ của đàn-việt xinh đẹp. Tỳ-kheo thấy, dục tâm đắm trước, nói:

- Cùng tôi làm việc như vậy. Vợ của đàn-việt

nói:

- Chồng con còn sống con không muốn làm việc như vậy.

Tỳ-kheo liền cho người chồng uống thuốc độc, khiến cho đứt mạng, rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Với ý nghĩ thế nào, khi thầy cho uống thuốc ấy? Tỳ-kheo thưa:

- Với tâm sát. Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

5. Có Tỳ-kheo đến thăm đàn-việt bịnh. Hình mạo của Tỳ-kheo đoan chánh. Vợ của đàn-việt thấy, tâm dục tham đắm, ngõ ý với Tỳ- kheo:

- Đại đức có thể cùng tôi làm việc như vậy. Tỳ-kheo nói:

- Này chị, không được nói như vậy. Việc đó tôi không được làm.

Chồng của chị còn, tại sao làm việc xấu như vậy?

Vợ của đàn-việt nói:

- Khi mà chồng tôi chưa chết, thì không thể hòa hiệp với thầy được.

Người vợ liền cho chồng uống thuốc cho chết. Chồng chết rồi người vợ nói với Tỳ-kheo:

- Chồng tôi đã chết, có thể cùng tôi làm việc như vậy. Tỳ-kheo nói:

- Đại tỷ chớ nên nói như vậy. Việc đó, tôi không được làm. Vợ của đàn-việt nói:

- Tôi vì Thầy nên đã giết chồng tôi rồi, tại sao Thầy không chịu làm việc như vậy?

Tỳ-kheo nghe sinh nghi, bạch Phật, Phật hỏi:

- Ngươi nghĩ thế nào?

Tỳ-kheo liền thuật lại đầy đủ nhân duyên với Đức Phật. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

Thuốc xổ, thức ăn không đúng, thuốc không đúng, cũng như vậy.

4. Phá thai

1. Bấy giờ, có người đàn bà chồng đi vắng, người đàn ông bên

cạnh làm cho có thai, liền đến vị Tỳ-kheo mà gia đình thường cúng dường thưa:

- Chồng con đi vắng, người đàn ông bên cạnh làm cho con có mang. Thầy cho con thuốc trụy thai.

Tỳ-kheo liền chú nguyện nơi thức ăn rồi cho ăn, khiến cho người kia thai bị sẩy. Tỳ-kheo nghi, Đức Phật hỏi:

- Ngươi với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo thưa:

- Với tâm sát. Đức Phật dạy:

- Ngươi phạm Ba-la-di.

2. Có người đàn bà chồng đi vắng, bèn có thai với người khác. Cô liền đến vị Tỳ-kheo mà gia

đình thường cúng dường, nói:

- Thưa Đại đức! Chồng con đi vắng, con có thai với người khác.

Thầy cho con thuốc để cho thai sẩy.

Tỳ-kheo liền chú nguyện nơi thuốc, đưa cho uống, khiến cho thai bị sẩy. Tỳ-kheo nghi, Đức Phật hỏi:

- Ngươi với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo thưa:

- Với tâm sát. Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

Chú nguyện nơi thuốc bột mịn, chú nguyện nơi tràng hoa, chú nguyện nơi hương xông y phục, chú nguyện nơi thai cũng như vậy. Tất cả đều phạm Ba-la-di.

3. Bấy giờ, có người phụ nữ, chồng đi vắng, bèn có thai với người khác. Cô liền đến vị Tỳ-kheo-ni mà gia đình thường cúng dường, thưa:

- Kính thưa A-di, chồng con đi vắng, người đàn ông bên cạnh làm con mang thai. Sư cô cho con thuốc làm sẩy thai.

Tỳ-kheo-ni nói:

- Này chị, tôi không rành về thuốc. Chị đến đây, tôi sẽ đè nơi bụng của chị.

Tỳ-kheo-ni đè nơi bụng, khiến cho thai bị sẩy; rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Cô làm với ý nghĩ như thế nào? Tỳ-kheo-ni

thưa:

- Với tâm sát. Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

4. Có người phụ nữ, chồng đi vắng, bèn có thai với người khác. Cô liền đến vị Tỳ-kheo-ni mà gia đình thường cúng dường, thưa:

- Kính thưa A di, chồng con đi vắng, người đàn ông bên cạnh làm cho con có mang. Sư cô cho con thuốc uống thai sẩy.

Tỳ-kheo-ni nói:

- Tôi không rành về thuốc, đại tỷ đến đây, tôi sẽ vì đại tỷ cắn nơi đó.

Cô ni liền cắn nơi bụng, chỗ có thai, khiến cho thai bị đọa, rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Cô làm với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo-ni thưa:

- Với tâm sát. Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

5. Có người phụ nữ chồng đi vắng, bèn có thai với người khác. Cô liền đến chỗ Tỳ-kheo thường cúng dường thưa:

- Đại đức, chồng con đi vắng, người bên cạnh làm cho con có mang. Thầy cho con thuốc để phá thai.

Tỳ-kheo cho thuốc thổ hạ quá độ làm cho bà mẹ chết mà con còn sống. Vị kia nghi. Đức Phật dạy:

- Bà mẹ chết không phạm. Phương tiện muốn

đọa thai mà thai không chết, phạm Thâu-lan-giá.

6. Có Tỳ-kheo đỡ người bịnh đứng dậy. Người bịnh qua đời, nghi. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

Nếu đỡ ngồi dậy mà qua đời, không phạm.

Nếu vì bệnh nhân tắm mà họ qua đời, không phạm. Nếu khi uống thuốc mà họ qua đời, không phạm.

5. Cho bệnh chết sớm

1. Bấy giờ, có Tỳ-kheo bệnh lâu ngày. Người nuôi bệnh mỏi mệt, cho ăn thức ăn không thích hợp, khiến cho bệnh nhân đoạn mạng; rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi với ý nghĩ thế nào? Vị nuôi bệnh thưa:

- Với tâm sát. Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

2. Có Tỳ-kheo bệnh lâu ngày. Người nuôi bệnh, mỏi mệt, cho ăn thức ăn không thích hợp, khiến cho bệnh nhân đoạn mạng; rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi với ý nghĩ thế nào? Vị nuôi bệnh thưa:

- Với tâm sát. Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo bệnh lâu ngày. Người nuôi bệnh mỏi mệt, cho uống không đúng thuốc, khiến cho chết; rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi với ý nghĩ thế nào? Vị kia thưa:

- Với tâm sát. Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

3. Có Tỳ-kheo bị bệnh lâu ngày mà có nhiều vật sở hữu. Vị nuôi bệnh với tâm tham của lợi, liền cho ăn thức ăn không thích hợp, khiến cho qua đời; rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi với ý nghĩ thế nào? Vị nuôi bệnh thưa:

- Với tâm sát. Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

4. Có Tỳ-kheo bệnh lâu ngày, mà có nhiều tài vật. Vị nuôi bệnh với tâm tham lợi, cho uống không đúng thuốc, khiến cho qua đời; rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi với ý nghĩ thế nào? Vị nuôi bệnh thưa:

- Với tâm sát. Đức Phật dạy:

- Ba-la-di.

5. Có Tỳ-kheo dưới nách có mụt nhọt, một Tỳ-kheo nặn giùm. Tỳ-kheo kia nói: Đừng nặn, đừng nặn nữa! Tỳ-kheo này vẫn cứ nặn, không chịu thôi. Tỳ-kheo kia chết. Tỳ-kheo này nghi, Đức Phật hỏi:

- Ngươi với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo thưa:

- Không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được nặn mạnh như vậy.

6. Có Tỳ-kheo bị sưng cả mình, một Tỳ-kheo dùng thuốc cấp tháo [304] thoa. Tỳ-kheo kia nói: Thôi, thôi đừng thoa nữa. Đau nhức và nóng quá. Tỳ-kheo này nói, - Gắng chịu đau một chút đi, sẽ khỏi. Tỳ- kheo này không chịu ngưng thoa thuốc. Tỳ-kheo kia chết. Tỳ-kheo này nghi, Đức Phật hỏi:

- Ngươi làm với ý nghĩ thế nào? Tỳ kheo thưa:

- Không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được cưỡng ép xoa như vậy.

7. Có Tỳ-kheo dời Tỳ-kheo bệnh từ chỗ bóng mát đến chỗ nắng. Tỳ-kheo bịnh qua đời. Tỳ-kheo kia nghi. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

Dời từ chỗ nắng đến chỗ bóng mát cũng như vậy, không phạm.

Tỳ-kheo bệnh tự ý muốn dời từ chỗ bóng mát đến chỗ nắng, từ chỗ nắng đến chỗ bóng mát. Người bệnh qua đời; người dìu nghi. Đức Phật nói:

- Không phạm.

Dìu người bịnh ra khỏi nhà hoặc vào nhà, rồi người bệnh qua đời.

Người dìu nghi. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

---

[304] Cấp tháo dược 急躁藥; không hiểu thuốc gì.

Người bệnh tự ý muốn ra khỏi phòng, dìu ra khỏi phòng; muốn vào phòng, dìu vào phòng, rồi qua đời. Người dìu không phạm. Dìu người bệnh đến chỗ đại tiện, rồi qua đời, hoặc dìu trở lại trong phòng rồi qua đời, người dìu đều không phạm. Dìu người bệnh đến chỗ tiểu tiện, rồi qua đời, hoặc dìu trở lại phòng, rồi qua đời, đều không phạm.

8. Có Tỳ-kheo bị sốt rét. Một Tỳ-kheo cưỡng bức đè xuống. Tỳ- kheo bệnh nói: Chớ đè, chớ đè! Tỳ-kheo kia cứ đè không thôi. Tỳ-kheo bệnh chết. Tỳ-kheo kia nghi, Đức Phật hỏi:

- Ngươi làm với ý gì? Tỳ-kheo kia thưa:

- Không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được cưỡng bức đè như vậy.

9. Có Tỳ-kheo bệnh, Tỳ-kheo khác đến thăm, lật ngược cái khăn để xem mặt và hỏi:

- Trưởng lão có bớt chút nào không? Tỳ-kheo bệnh nói:

- Đừng lật, đừng lật! Vị kia cứ lật, không nghe. Tỳ-kheo bệnh chết. Tỳ-kheo kia nghi, Đức Phật hỏi:

- Ngươi làm với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo thưa:

- Không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được cưỡng mà lật như vậy.

6. Sai bảo giết

1. Có số đông Tỳ-kheo, phương tiện sai một người đi giết người kia. Người được sai bèn đi giết; rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Tất cả đều phạm Ba-la-di.

2. Có số đông Tỳ-kheo phương tiện sai một người đi giết người khác. Trong số đó có một người nghi, mà không ngăn. Người được sai liền đi giết. Người kia nghi. Đức Phật dạy:

- Tất cả đều phạm Ba-la-di.

3. Có số đông Tỳ-kheo, phương tiện cùng giết người khác. Trong số đó có một người nghi, liền ngăn. Nhưng người được sai kia vẫn đi giết. Người kia nghi. Đức Phật dạy:

- Người ngăn phạm Thâu-lan-giá. Người không ngăn phạm Ba-la-di.

7. Ngộ sát và cố sát

1. Có kẻ trộm lấy y bát, ống đựng kim, tọa cụ của Tỳ-kheo. Tỳ-kheo bắt kẻ trộm đè xuống trị. Kẻ trộm chết. Tỳ-kheo nghi, Đức Phật hỏi:

- Ngươi với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo thưa:

- Không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được đè xuống để trị như vậy.

2. Có kẻ trộm lấy y bát tọa cụ ống đựng kim của Tỳ-kheo. Tỳ- kheo bắt kẻ trộm bỏ dưới cái hầm. Kẻ trộm chết, Tỳ-kheo nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi làm với tâm gì? Tỳ-kheo thưa:

- Không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được làm như vậy.

3. Có ác Tỳ-kheo lấy trộm y bát tọa cụ ống đựng kim của Tỳ- kheo. Tỳ-kheo khác nói: Ác Tỳ-kheo này trộm lấy y bát tọa cụ ống đựng kim của Tỳ-kheo. Cần phải bắt mà dạy cho biết pháp. Bèn bắt đánh một trận quá tay. Sau đó, Tỳ-kheo kia qua đời. Tỳ-kheo kia nghi, Đức Phật hỏi:

- Ngươi đánh với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo thưa:

- Không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng đánh người thọ đại giới, phạm tội Ba-dật- đề.[305]

4. Có Tỳ-kheo cùng bạch y cãi nhau. Tỳ-kheo đến quan kiện. Vị đại thần ra lệnh bắt nhốt bạch y vào ngục. Bạch y qua đời. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo thưa:

- Không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng kiện người mắc tội Đột-kiết-la.

5. Có Tỳ-kheo giết con khỉ; rồi nghi: Mình đã đoạn mạng người, phạm Ba-la-di. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Đoạn mạng súc sinh, phạm Ba-

[305] Tỳ-kheo, ba-dật-đề 78.

dật-đề.

6. Có Tỳ-kheo cùng với Tỳ-kheo kia tranh cãi. Tỳ-kheo kia bệnh, Tỳ-kheo này đến thăm. Tỳ-kheo khác xét thấy, Tỳ-kheo này cùng Tỳ- kheo bệnh trước có sự oán thù nhau, nay đến thăm ắt có việc gì khác. Tỳ-kheo này liền cho người bệnh dùng phi dược. Tỳ-kheo bệnh qua đời. Tỳ-kheo này nghi, Đức Phật hỏi:

- Ngươi làm với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo thưa:

- Với tâm sát. Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

7. Có Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo tranh cãi. Tỳ-kheo kia du hành trong nhân gian, rồi mắc bệnh. Tỳ-kheo này nói: Dù ngươi có đi đâu, cũng không thoát. Liền đến thăm hỏi. Tỳ-kheo khác xét thấy, Tỳ-kheo này trước đây cùng Tỳ-kheo bệnh có sự oán thù, nay đến thăm hỏi, chắc có việc gì khác. Tỳ-kheo này liền cho Tỳ-kheo bệnh phi dược. Tỳ-kheo bệnh qua đời. Tỳ-kheo này nghi, Đức Phật hỏi:

- Ngươi với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo thưa:

- Với tâm sát. Đức Phật dạy:

- Ba-la-di.

Cho phi thực, có hai loại, cũng như vậy.

8. Bấy giờ, vào buổi sáng, Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, khoác y, bưng bát đến nhà bạch y. Có một đứa bé đang ngủ trong nhà giã gạo. Thâu-la-

nan-đà đến mó vào cái chày giã. Chày rơi nhằm đứa nhỏ, nó chết. Thâu-la-nan-đà nghi, Đức Phật hỏi:

- Cô làm với tâm niệm thế nào? Tỳ-kheo-ni thưa:

- Không có tâm sát.

Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được sờ mó chày giã của người ta.

9. Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, vào buổi sáng, khoác y, bưng bát đến nhà bạch y. Có một đứa nhỏ nằm ngủ bên cái cối giã gạo. Thâu- la-nan-đà đụng cái cối. Cái cối bị lật, đè chết đứa nhỏ. Thâu-la-nan-đà nghi. Đức Phật hỏi:

- Cô làm với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo-ni thưa:

- Không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được đụng chạm cái cối của người ta như vậy.

10. Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà, vào buổi sáng, khoác y, bưng bát đến nhà bạch y. Trên giường có đứa nhỏ đang ngủ. Thâu-la-nan-đà không nhìn mà ngồi lên. Vợ người đàn-việt nói:

- A-di chớ ngồi lên đứa nhỏ!

Cô không nghe nên ngồi lên. Đứa nhỏ liền chết. Cô ni nghi, Đức Phật hỏi:

- Cô với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo-ni thưa:

- Không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được, nơi nhà bạch y không xem nơi chỗ ngồi mà ngồi.

11. Bấy giờ, nước Xá-vệ có đàn-việt thỉnh Phật và Tăng thọ thực vào sáng hôm sau. Đêm đó, sửa soạn các thức đồ ăn ngon bổ xong, sáng sớm đến thỉnh Thế Tôn phú trai. Đức Thế Tôn khoác y, bưng bát cùng một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo đều đến nhà đàn-việt, an tọa nơi chỗ ngồi. Theo thường pháp của Chư Phật là, chúng chưa tập hợp đủ thì không thọ thực. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo xuất gia khi tuổi muộn, dẫn theo đứa con cho xuất gia luôn. Tỳ-kheo, cha của đứa bé, khi tiểu thực, đi đến nhà bạch y khác. Các Tỳ-kheo hỏi đứa bé:

- Bố chú đi đâu, để Đức Thế Tôn đợi mà không ăn? Đứa bé thưa:

- Con không biết.

Các Tỳ-kheo bảo đứa bé đi tìm. Nó đi tìm gặp được Tỳ-kheo bố.

Nó nói:

- Bố đi đâu mà để Đức Phật và chúng Tăng phải chờ bố, không thọ thực?

Tỳ-kheo giận, nắm lấy đứa con. Đứa nhỏ vì tìm cách để chạy thoát khỏi nên xô Tỳ-kheo cha té xuống đất. Bố nó bị chết, nó nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi làm với ý nghĩ thế nào, khi xô bố ngươi? Nó thưa:

- Con không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được xô như vậy.

12. Có bà mẹ bắt Tỳ-kheo. Tỳ-kheo tìm cách thoát, nên xô bà mẹ té xuống đất chết. Vị kia nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi làm với ý nghĩ thế nào? Vị kia thưa:

- Không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được xô đẩy mẹ như vậy.

13. Có người cha bắt Tỳ-kheo. Tỳ-kheo tìm cách thoát, nên xô cha té xuống đất chết, rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi làm với ý nghĩ thế nào? Vị kia thưa:

- Không với tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được xô cha như vậy.

Anh bắt Tỳ-kheo, chị bắt Tỳ-kheo, vợ cũ bắt Tỳ-kheo cũng như vậy.

14. Bấy giờ, có chị của vợ cũ nói với người em mình:

- Tại sao không đến Tỳ-kheo đòi y thực? Người em nói:

- Vì đã xuất gia, em không muốn đòi cái gì cả. Người chị nói:

- Chỉ chỗ của Tỳ-kheo cho chị. Chị sẽ đòi cho. Người kia liền chỉ chỗ. Người chị nói với Tỳ-

kheo:

- Tại sao không cấp dưỡng y thực cho em gái tôi?

Người kia nắm Tỳ-kheo. Tỳ-kheo xô để thoát. Người kia té xuống

đất, chết. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo thưa:

- Không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được xô như vậy.

15. Có nam nữ bắt Tỳ-kheo, Tỳ-kheo xô để thoát, nam nữ bị té xuống đất chết. Tỳ-kheo nghi, Đức Phật hỏi:

Ngươi với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo thưa:

- Không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được xô như vậy.

16. Bấy giờ, cách chùa ni không xa có người đàn ông bị chặt tay chặt chân. Tỳ-kheo-ni bưng nước tô-tỳ-la đi [306] qua, cách nam tử không xa. Nam tử thấy, nói:

- A-di cho con nước uống.

Tỳ-kheo-ni đưa cho Người đàn ông uống rồi, chết. Tỳ-kheo-ni nghi. Đức Phật hỏi:

---

[306] Tô-tỳ-la tương 蘇毘羅漿. Pāli: suvīraka, cháo chua. Cf.Vin. iii. 86: cho uống takka, sữa bò tinh luyện, sữa bơ. Tham chiếu Thập tụng 58 (T23n1435 tr.436a23): có phạm chí bịnh ghẻ ngứa, xin thuốc nước tô-tỳ-la 蘇毘羅漿. Người ấy uống và chết.

- Cô cho với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo-ni thưa:

- Con không có ý nghĩ sát sinh. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

17. Cách chùa Tỳ-kheo-ni không xa, có người bị chặt tay, chặt chân. Tỳ-kheo-ni bưng nước đi qua, cách người đó không xa. Người đó thấy, nói:

- A di cho con uống nước.

Tỳ-kheo-ni cho người đó uống rồi họ chết. Tỳ-kheo-ni nghi. Đức Phật hỏi:

- Cô cho với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo-ni thưa:

- Con không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

18. Cách chùa Tỳ-kheo-ni không xa, có người bị chặt tay, chặt chân. Tỳ-kheo-ni bưng nước tô-tỳ-la đi qua cách người đó không xa. Người đó thấy, nói:

- A-di, tôi cần tô-tỳ-la để rửa vết thương cho bớt nhức.

Tỳ-kheo-ni liền cho để rửa, rửa rồi bị chết. Tỳ-kheo-ni nghi. Đức Phật hỏi:

- Cô cho với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo-ni thưa:

- Con không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được cho rửa như vậy. Bưng nước đi cũng thế.

19. Cách chùa Tỳ-kheo-ni không xa, có người bị chặt chân, chặt tay. Tỳ-kheo-ni bưng nước tô-

tỳ-la đi qua cách đó không xa. Tỳ-kheo-ni nghĩ: Nếu cho tô-tỳ-la để rửa vết thương, may ra có thể chết sớm. Nghĩ rồi liền cho. Người đó rửa xong thì chết. Tỳ-kheo-ni nghi. Đức Phật hỏi:

- Cô với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo-ni thưa:

- Con cho với tâm sát. Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

Bưng nước cho để rửa cũng như vậy.

20. Có số đông Tỳ-kheo cùng nhóm sáu Tỳ-kheo ở tại núi Kỳ- xà-quật, cùng nhau xẻ cây để lợp nhà. Một vị trong Nhóm sáu Tỳ-kheo cầm một khúc cây nhọn, ném thẳng trúng nhằm một người. Khúc cây xuyên qua mình, người kia chết liền. Vị này nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi làm với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo thưa:

- Không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được ném thẳng như vậy; mà nên liệng ngang.

21. Tỳ-kheo tri sự làm phòng mới. Đá rơi, trúng Tỳ-kheo chết. Vị kia nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi làm với ý nghĩ thế nào? Vị kia thưa:

- Con không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

Ngói rơi, cây rơi, kèo rơi, xà rơi, đòn dông roi, gỗ rơi, trúng người; cũng như vậy.

22. Bấy giờ, tại núi Kỳ-xà-quật, có người chăn bò, thả bò ăn cỏ.

Một vị trong nhóm sáu Tỳ-kheo lấy hòn đá đập vào sừng bò. Đá văng trúng người chăn bò, chết. Vị ấy nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi làm với ý nghĩ thế nào? Vị ấy thưa:

- Không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng đánh súc sinh không thể biến hóa thì mắc tội Đột-kiết-la.

23. Có Tỳ-kheo ở trong núi Kỳ-xà-quật cạy đá rơi, trúng người đi đường chết; nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi làm với ý nghĩ thế nào? Vị kia thưa:

- Con không có ý nghĩ giết người. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được cạy đá. Nếu có nhân duyên cần lấy đá thì nên bảo người đi tránh xa nơi đó.

24. Có Tỳ-kheo muốn xả giới, làm nghề hạ tiện.[307] Vị ấy nghĩ: Ta đã từng xuất gia trong Phật pháp thì không thể lại làm ác sự như vậy. Nghĩ như vậy xong, vị ấy liền lên trên đỉnh núi Ma-đầu tự gieo mình xuống để tự tử. Nhưng rơi trúng người đốn tre. Tỳ-kheo sống, người kia chết. Tỳ-kheo nghi, Đức Phật nói:

- Người kia chết, (Tỳ-kheo) không phạm. Nhưng phương tiện muốn tự sát, phạm Thâu-lan-giá.

---

[307] Hạ nghiệp 下業; nghề nghiệp thấp hèn, thường chỉ nghề giết chó của Chiên-đà-la. Skt. nīca-karma.

25. Có Tỳ-kheo muốn thôi tu, làm nghề hạ tiện. Nhưng nghĩ: Ta đã từng xuất gia trong Phật pháp thì không thể lại làm ác sự như vậy. Vị kia liền leo lên đảnh núi Ba-la-ha-na, tự gieo mình xuống để chết, nhưng rơi trúng trên người chặt trúc. Người kia chết, Tỳ-kheo sống. Vị Tỳ-kheo nghi, Đức Phật nói:

- Người kia chết, (Tỳ-kheo) không phạm. Nhưng phương tiện muốn tự sát mắc tội Thâu-lan-giá.

26. Có Tỳ-kheo bưng nước tô-tỳ-la đi cách bãi tha ma không xa. (Theo phép nước, trị người có tội, lấy cọc nhọn xiên người rồi đem vất.)[308] Một người bị bêu trên cỏ nhọn, nói,- Cho tôi uống nước. Tỳ- kheo cho uống rồi, người ấy liền chết. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi cho uống với ý tưởng thế nào?

Tỳ-kheo thưa:

- Không có tâm sát. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

27. Có Tỳ-kheo bưng nước đi cách bãi tha ma không xa. Một người bị bêu trên cọc nhọn nói, - Cho tôi uống nước. Tỳ-kheo cho uống rồi, người ấy chết. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật nói:

- Không phạm.

28. Có Tỳ-kheo điên cuồng giết người, sau khi

---

[308] Đoạn trong ngoặc, có trong Tống-Nguyên-Minh, nhưng không có trong bản Cao-ly.

tỉnh lại thì biết, bèn nghi. Đức Phật nói:

- Không phạm. Nếu tâm thác loạn, bị thống khổ bức bách, tất cả đều không phạm.

IV. ĐẠI VỌNG NGỮ

1. Ưu-ba-ly thỉnh vấn

1. Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chấp tay bạch Đức Thế Tôn:

- Kính bạch Đại đức, Tỳ-kheo ở bên sông Bà-cầu, sự thật mình không có, nhưng vì miếng ăn, lại đến trước bạch y, tự khen mình, nói là được pháp thượng nhân. Như vậy có phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Ban đầu chưa chế giới, không phạm.

2. Có Tỳ-kheo tăng thượng mạn, tự bảo là đã đắc đạo, sau đó tinh cần không biếng nhác, chứng tăng thượng thắng pháp. Vị kia nghĩ: Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo chế giới, Nếu Tỳ-kheo nào không tự tri kiến mà tự xưng là đắc pháp thượng nhân, nói: "Tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy." Sau thời gian khác, hoặc có người hỏi, hoặc không có người hỏi, vì mong cầu sự thanh tịnh, cho nên nói: "Tôi thật sự không biết, không thấy mà tự nói là biết là thấy." Tỳ-kheo nói hư vọng, phạm Ba- la-di, không được sống chung. Tôi do tăng thượng

mạn, tự bảo là đã đắc đạo. Sau đó, tinh tấn không biếng nhác, đặng tăng thượng thắng pháp. Ta nên làm thế nào?

Vị ấy, liền đem nhân duyên này trình bày đầy đủ với các Tỳ-kheo đồng ý, nói:

- Lành thay, Trưởng lão vì tôi bạch Đức Thế Tôn. Tùy theo lời dạy của Đức Thế Tôn, tôi sẽ y theo đó mà thực hành.

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi đem nhân duyên này bạch lên Đức Phật một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, tùy thuận nói pháp, dùng vô số phương tiện khen ngợi trang nghiêm hạnh đầu-đà là điều khó làm, thiểu dục tri túc ưa xuất ly, và bảo các Tỳ-kheo: Nếu là tăng thượng mạn thì không phạm.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Đại đức, nếu đối trước loài súc sinh không thể biến hóa, tự xưng là đắc pháp thượng nhân thì phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Đột-kiết-la.

- Bạch Đại đức, người tưởng là người, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

- Người mà nghi, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

- Người mà khởi ý tưởng chẳng phải người, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

- Chẳng phải người mà tưởng là người, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Thâu-lan-giá.

- Chẳng phải người mà nghi, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Thâu-lan-giá.

- Bạch Đại đức, nếu trước người nam mà khởi ý tưởng là nữ, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Ba-la-di.

- Trước người nữ mà tưởng là nam, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Ba-la-di.

- Nếu đối với trước người nữ này mà khởi ý tưởng là người nữ kia, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Nếu nói rõ ràng thì phạm Ba-la-di. Nói không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá.

- Đối trước người nam này mà khởi ý tưởng người nam kia, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Nếu nói rõ ràng thì phạm Ba-la-di. Nói không

rõ ràng phạm Thâu-lan-giá.

Nếu bằng ấn tín, hoặc sai người, hay viết thư, hiện tướng khiến cho họ biết rõ ràng thì phạm Ba-la-di; không rõ ràng phạm Thâu-lan- giá.

- Kính bạch Đại đức, nếu đối trước Trời rồng, A-tu-la, Kiền-thát-bà, Dạ-xoa, Ngạ quỷ, súc sinh có thể biến hóa được, tự xưng đắc pháp thượng nhân, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Nói rõ ràng thì phạm Thâu-lan-giá; không rõ ràng phạm Đột- kiết-la.

Bằng ấn tín, sai sứ, viết thư, hiện tướng khiến cho họ biết rõ ràng thì phạm Thâu-lan-giá; không rõ ràng phạm Đột-kiết-la.

2. Tự xưng

1. Có Tỳ-kheo trước người khác tự xưng là đắc pháp thượng nhân, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Nếu nói rõ ràng thì phạm Ba-la-di. Không rõ ràng, phạm Thâu- lan-giá.

Muốn nói với người này, lại nói với người kia , tất cả đều phạm Ba-la-di.

2. Có số đông Tỳ-kheo du hành tại nước Câu-tát-la. Khi ấy, có Bà-la-môn tin Phật, giỏi xem tướng, gặp họ, nói:

- Đại đức A-la-hán đến. Tỳ-kheo hỏi:

- Ông nói gì? Đáp:

- Đại đức xứng đáng nhận y phục, thuốc men, những gì cần thiết.

- Có lý đó.

Tỳ-kheo nói rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

3. Có Tỳ-kheo tự nói chứng đắc căn, lực, giác ý, thiền định, giải thoát, tam muội, chánh thọ. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-la-di.

4. Có Tỳ-kheo giảng cho người về căn lực, giác ý, thiền định, giải thoát tam muội, chánh thọ. Nhưng không tự nói là đã đạt được. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

3. Tự ám chỉ

1. Bấy giờ, Tỳ-kheo có đàn-việt. Tỳ-kheo nói:

- Người thường nói pháp cho thí chủ đây là vị A-la-hán. Đàn-việt liền hỏi:

- Đại đức vừa nói gì?

Tỳ-kheo im lặng, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Nói không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá.

2. Bấy giờ, Tỳ-kheo có đàn-việt. Tỳ-kheo nói:

- Người thường đến nhà thí chủ đây là A-la-hán. Đàn-việt liền hỏi:

- Đại đức vừa nói gì?

Tỳ-kheo không trả lời, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Nói không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá.

3. Tỳ-kheo có đàn-việt. Tỳ-kheo nói:

- Người thường đến ngồi chỗ ngồi đây là A-la-hán. Đàn-việt liền hỏi:

- Đại đức vừa nói gì?

Tỳ-kheo im lặng; rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Nói không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá.

4. Tỳ-kheo có đàn-việt. Tỳ-kheo nói người:

- Thường nhận thức ăn của ngươi là A-la-hán. Đàn việt liền hỏi:

- Đại đức vừa nói gì?

Vị kia im lặng, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Nói không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá.

4. Tự hiện tướng

1. Bấy giờ, đàn-việt nói với Tỳ-kheo mà mình thường cúng dường: Nếu Đại đức là A-la-hán thì cởi Tăng-già-lê ra.

Tỳ-kheo liền cởi y, hiện tướng, mà không nói; nhưng rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

2. Đàn-việt nói với Tỳ-kheo mà mình thường cúng dường:

- Nếu Đại đức là A-la-hán thì có thể ngồi trên giường giây.

Vị kia liền ngồi, hiện tướng, không nói; nhưng rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

3. Đàn-việt nói với Tỳ-kheo mà mình thường cúng dường:

- Nếu Đại đức là A-la-hán thì đứng dậy.

Vị kia liền đứng dậy, hiện tướng, không nói; nhưng rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm, Thâu-lan-giá.

4. Đàn-việt nói với Tỳ-kheo mà mình thường cúng dường:

- Nếu Đại đức là A-la-hán, thì lên trên tầng gác.

Tỳ-kheo đi lên, hiện tướng, mà không nói. Nhưng rồi nghi. Phật nói:

- Phạm Thâu-lan-giá.

5. Đàn-việt nói với Tỳ-kheo mà mình thường cúng dường:

- Nếu Đại đức là A-la-hán thì có thể bước xuống.

Tỳ-kheo liền bước xuống, hiện tướng, không nói rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

6. Tỳ-kheo có đàn-việt. Tỳ-kheo nói:

- Người thường nói pháp cho thí chủ đây là Thanh văn đệ tử Phật.

Đàn-việt hỏi:

- Đại đức nói gì?

Vị kia im lặng, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Nói không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá.

Thường vào nhà đàn-việt, nhận chỗ ngồi, nhận thức ăn, cũng như vậy.

7. Có đàn-việt nói với Tỳ-kheo mà mình thường cúng dường:

- Nếu Đại đức là Thanh văn đệ tử Phật thì cởi tăng-già-lê.

Vị kia liền cởi, hiện tướng, không nói nhưng rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

Khoác tăng-già-lê, ngồi, đứng dậy, leo lên nhà gác, leo xuống cũng như vậy.

5. Mục-liên tự thuyết

1. Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên nói với các Tỳ-kheo, về nghiệp, báo nhân duyên, đạt được thần túc. Các Tỳ-kheo nói với Tôn giả:

- Tôn giả nói có nghiệp báo, nhân duyên, đạt được thần túc. Việc không thể có. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, phạm Ba-la-di, chẳng phải Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Có nghiệp báo, nhân duyên, và có thể đạt được thần túc như vậy.

Mục-liên không phạm.

2. Mục-liên bảo các Tỳ-kheo là có nghiệp báo,

nhân duyên, đạt được thiên nhĩ, biết túc mạng, biết được tâm của kẻ khác, thiên nhãn.

Các Tỳ-kheo nói với Mục-liên:

- Tôn giả nói có nghiệp báo nhân duyên đạt được thiên nhĩ, cho đến thiên nhãn, là điều không thể có. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội Ba-la-di, chẳng phải Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Có nghiệp báo, nhân duyên, có thể đạt được thiên nhĩ, cho đến đạt được thiên nhãn. Mục-liên không phạm.

3. Mục-liên bảo các Tỳ-kheo:

- Này các Trưởng lão, có chúng sinh như vậy, từ hư không bay qua, nghe tiếng xúc chạm của xương cốt nó.

Các Tỳ-kheo nói với Mục-liên:

- Đại đức, thầy nói có chúng sinh như vậy từ hư không bay qua, nghe tiếng khua động của xương cốt họ. Đó là điều không thể có. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội Ba-la-di, chẳng phải Tỳ- kheo.

Các Tỳ-kheo bạch Phật, Đức Phật dạy:

- Có chúng sinh như vậy. Mục-liên không phạm.

4. Mục-liên bảo các Tỳ-kheo:

- Tôi thấy có chúng sinh toàn lông trong người của nó đều bằng kim, khi rút ra, khi đâm vào, nhận

lấy vô lượng khổ. Nó kêu lớn tiếng vừa khóc vừa la.

Các Tỳ-kheo nói với Mục-liên:

- Tôn giả nói có chúng sinh như vậy. Đó là điều không thể có. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội Ba-la-di, chẳng phải Tỳ- kheo.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Trước đây ta cũng thấy chúng sinh như vậy, mà ta không nói. Tại sao vậy? Vì sợ mọi người không tin. Người không tin sẽ chịu khổ lâu dài. Chúng sinh ở trong thành Vương-xá này ưa nói hai lưỡi, đấu tranh. Ác nghiệp nhân duyên này phải đọa vào trong địa ngục trải qua trăm ngàn vạn năm, thọ các khổ não. Đây là nhân duyên tội còn sót lại, nên thọ lấy hình trạng như vậy. Do đó Mục-liên không phạm.

5. Mục-liên bảo các Tỳ-kheo:

- Tôi Thấy có chúng sinh lặn hụp trong hầm xí, chịu đại khổ thống, rên khóc kêu la.

Các Tỳ-kheo nói với Mục-liên:

- Tôn giả tự nói thấy có chúng sinh lặn hụp trong hầm cầu, chịu đại khổ thống kêu la rên khóc như vậy. Đó là điều không thể có. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội Ba-la-di, chẳng phải Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Trước đây, ta cũng thấy chúng sinh như vậy,

mà không nói. Tại sao vậy? Vì sợ mọi người không tin. Người không tin phải chịu khổ lâu dài. Chúng sinh ở trong nước Ba-la-nại này, thời Đức Phật Ca-diếp, làm Bà-la-môn, khi ấy thỉnh Phật và Tăng thọ thực, rồi dùng cái máng đựng đầy phẩn, sai người đến bạch: "Đến giờ." Khi Phật và Tăng đến, Bà-la-môn thưa: "Chư Đại đức, các Ngài có thể dùng thức ăn này theo ý muốn của mình, và tùy ý mang đi." Do ác nghiệp nhân duyên này mà đọa trong địa ngục Nê lê, thọ khổ trăm ngàn vạn năm. Vì tội ác nhân duyên còn sót lại, phải lặn trong hầm cầu tiêu. Cho nên Mục-liên không phạm.

6. Mục-liên bảo các Tỳ-kheo:

- Tôi thấy có chúng sinh ngồi trên giường bằng sắt. Lửa từ giường sắt tuôn ra đốt cháy cả thân, y bát tọa cụ, ống đựng kim cũng đều bị đốt cháy.

Các Tỳ-kheo nói với Mục-liên:

- Tôn giả nói thấy chúng sinh như vậy, thọ khổ như vậy, là điều không thể có. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội Ba-la-di, chẳng phải Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Trước đây ta cũng thấy chúng sinh như vậy, mà không nói. Tại sao vậy? Vì sợ mọi người không tin. Người không tin phải thọ khổ lâu dài. Chúng sinh ở nước Ba-la-nại này, trong quá khứ,

thời Đức Phật Ca-diếp, đã làm Tỳ-kheo ác. Do nhân duyên này đọa vào địa ngục trăm ngàn vạn năm thọ các khổ thống. Vì ác nghiệp nhân duyên còn sót lại nên thọ thân như vậy. Do đó Mục-liên không phạm.

Tỳ-kheo-ni ác, thức-xoa-ma-na ác, sa-di, sa-di-ni thọ khổ cũng như vậy.

7. Mục-liên bảo các Tỳ-kheo:

- Tôi thấy chúng sinh, thân hình của nó bị đốt cháy, các con ruồi bao quanh rúc rỉa, đau khổ kêu la

Các Tỳ-kheo nói với Mục-liên:

- Tôn giả nói thấy có chúng sinh như vậy, thọ khổ như vậy, là điều không thể có. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội Ba-la-di, chẳng phải Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Trước đây ta cũng thấy chúng sinh như vậy, mà không nói. Tại sao vậy? Vì sợ mọi người không tin. Người không tin thọ khổ lâu dài. Chúng sinh này là đệ nhất phu nhân của vua Ca-lăng-già, vì tâm tật đố, nên lấy dầu và nước sôi rót vào đầu của đệ nhị phu nhân đang ngủ. Do nghiệp báo nhân duyên này phải đọa vào địa ngục trăm ngàn vạn năm chịu các sự đau khổ. Vì nghiệp báo nhân duyên còn dư nên thọ thân này như vậy. Do đó Mục-liên không phạm.

8. Mục-liên bảo các Tỳ-kheo:

- Tôi thấy cung điện thành quách của A-tu-la ở dưới đáy biển mà nước treo bên trên, không vào trong cung thành của họ.

Các Tỳ-kheo nói với Mục-liên:

- Tôn giả tự nói là thấy cung thành của A-tu-la ở dưới đáy biển, bốn bên và trên đều không có nước vào, là điều không thể có. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội Ba-la-di, chẳng phải Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Có sự việc như vậy. Cung thành của A-tu-la, bốn phía và trên có bốn loại gió để giữ nước lại:[309] trụ phong, trì phong, bất diệt phong, lao hệ phong. Cho nên Mục-liên không phạm.

9. Mục-liên bảo các Tỳ-kheo:

- Tôi thấy có chúng sinh như vầy: Không xương, không da, không thịt, không máu, không có bất tịnh cũng không có nhọc mệt, và người nữ mà không sinh sản.

Các Tỳ-kheo nói với Mục-liên:

- Tôn giả tự nói có chúng sinh như vậy, cho đến có người nữ mà không sinh sản, là điều không thể có. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội Ba-la-di, chẳng phải Tỳ-kheo.

---

[309] Bốn thứ gió: Trụ phong 住風, trì phong 持風, bất diệt phong 不滅風, lao hệ phong 牢繫風. Xem Trường A-hàm 20 (T01n01 tr.130a25): Trụ phong 住, trì phong 持, bất động phong 不動, kiên cố phong 堅固.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Có chúng sinh như vậy, Mục-liên không phạm.

10. Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, đại Mục-liên bảo các Tỳ-kheo:

- Các Trưởng lão, tôi nhập định không huệ,[310] nghe có tiếng nước khi voi chúa Y-la-bà-ni đi [311] xuống ao Nan-đà.[312] Các Tỳ-kheo nói với Đại đức Mục-liên:

- Đại đức nói nhập định không huệ, nghe tiếng có nước khi voi chúa Y-la-bà-ni đi xuống ao Nan-đà. Đại đức nhập định không huệ mà nghe âm thanh là điều không thể có. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội Ba-la-di, chẳng phải Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Có loại định như vậy mà không thanh tịnh. Mục-liên không phạm.

11. Mục-liên bảo các Tỳ-kheo:

- Tôi nhập định không huệ, nghe tiếng nước khua động của tám mươi bốn ngàn con voi vào trong ao Mạn-đà-diên.

Các Tỳ-kheo nói với Mục-liên:

---

[310] Đây chỉ không vô biên xứ định. Định thuộc thế gian, hữu lậu. Cf. Vin.iii. 108: Nghe đàn voi đang qua sông khi nhập bất động tam muội (āneñja samādhi).

[311] Y-la-bà-ni tượng vương 伊羅婆尼象王. Pāli: erāvana (Skt. airāvana), con voi sáu ngà của Thiên đế Thích. Xem, Trường A-hàm 20 (T01n01 tr.132a19): Y-bát-la Long vương 伊羅龍王.

[312] Nan-đà trì 難陀池. Pāli: Nandapokkharanī, ao sen trong vườn Nanda trên trời Đao-lợi (Tāvatisa). Xem Trường A-hàm 20 (T01n01 tr.132a11): Đại hỷ trì 大喜池.

- Đại đức tự nói nhập định không huệ mà nghe tiếng khua động của nước do các con voi kia vào trong ao Mạn-đà-diên.

- Đại đức, vào định không huệ mà con nghe âm thanh là điều không thể có. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội Ba-la-di, chẳng phải Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Có loại định như vậy, nhưng không thanh tịnh. Mục-liên không phạm.

12. Mục-liên bảo các Tỳ-kheo:

- Tôi nhập định không huệ, nghe tiếng nước khua động của voi chúa nọ vào trong ao Tô.

Các Tỳ-kheo nói với Mục-liên:

- Tự nói, nhập định không tuệ mà nghe tiếng khua động của nước do voi chúa nọ vào trong ao Tô. Làm sao nhập vào định không huệ nào mà còn nghe âm thanh? Điều này không thể có. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội Ba-la-di, chẳng phải Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dạy:

- Có loại định như vậy, nhưng chẳng phải là thanh tịnh. Mục-liên không phạm.

Thức không huệ xứ, vô sở huệ không xứ [313] cũng như vậy. 13. Bấy giờ, Mục-liên bảo các Tỳ-kheo:

---

[313] Tức thức vô biên xứ định, và vô sở hữu xứ định

- Các Trưởng lão, phương Bắc có ao tên là A-nậu-đạt.[314] Nước trong ao thanh tịnh không có cấu uế. Trong ao có hoa phân-đà-lợi,[315] lớn như bánh xe, gốc của nó như cái trục xe. Bẻ nó, thì có một loại nước màu trắng tiết ra như sữa, vị của nó như mật.

Các Tỳ-kheo nói:

- Tôn giả tự nói phương Bắc có cái ao như vậy, đó là điều không thể có. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội Ba-la-di, chẳng phải Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Phương Bắc có cái ao như Mục-liên đã nói. Mục-liên không phạm.

14. Mục-liên bảo các Tỳ-kheo:

- Phương Bắc có ao tên là A-nậu-đạt. Cách ao ấy không xa, lại có một ao tên là Man-đà-diên,[316] ngang dọc năm mươi do tuần. Nước trong ao thanh tịnh, không có cấu uế. Trong ao có bông sen sắc vàng, lớn như bánh xe.

Các Tỳ-kheo nói với Mục-liên:

- Như lời Thầy nói có cái ao như vậy, đó là điều không thể có. Bấy giờ, đại Mục-liên dùng sức thần lực đến nơi đó, hái một bông sen đem về chùa để trong phòng, mời các Tỳ-kheo đến nói:

---

[314] A-nậu-đạt 阿耨達. Pāli: Anotatta, xem cht. trên.

[315] Phân-đà-lợi 分陀利. Pāli: Puttarīka, hoa sen trắng

[316] Mạn-đà-diên 曼陀延. Pāli: Mandākinī, một trong bảy hồ lớn trên Himālaya. Cf. A.iv.101.

- Phương Bắc có ao tên là A-nậu-đạt, cách ao đó không xa có ao tên là Man-đà-diên, trong ao có hoa sen sắc vàng, lớn như bánh xe.

Các Tỳ-kheo nói với Mục-liên:

- Không có điều đó. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội Ba-la-di, chẳng phải Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Mục-liên trở về trong phòng lấy hoa sen đem ra chỉ cho các Tỳ-kheo và nói:

- Các Trưởng lão, hoa sen này là thật chăng? Các Tỳ-kheo lại nói:

- Tôn giả là A-la-hán, có sức thần thông, có thể biến hóa ra chứ

chẳng phải là chân thật. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội Ba-la-di, chẳng phải Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Mục-liên nói đúng sự thật. Không phạm.

15. Mục-liên bảo các Tỳ-kheo:

- Phương bắc có ao tên là A-nậu-đạt. Nước từ trong ao ấy chảy đến đây; trào vọt ra ở đây.[317]

Các Tỳ-kheo nói với Mục-liên:

- Tôn giả nói phương Bắc có ao tên là A-nậu-đạt. Nước từ trong ao ấy chảy đến đây; trào vọt ra ở đây. Đức Thế Tôn đã dạy như vầy: "Dựa vào

[317] A-nậu-đạt được coi là phát nguyên của bốn sông lớn: Hằng hà, Tín độ, Đồ-đa, Phược-xo. Xem Câu-xá 11.

gốc để biết." Nước trong ao kia trong mà mát, mà nước này nóng và bẩn đục. Sự việc này không phù hợp. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội Ba-la-di, chẳng phải Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Mục-liên nói đúng vì nước này chảy qua tiểu địa ngục rồi mới tuôn ra nơi thành Vương-xá, cho nên mới nóng và bẩn. Mục-liên không phạm.

16. Mục-liên bảo các Tỳ-kheo:

- Ở chỗ xuất xứ của dòng nước này, bên dưới đó có ao nước trong mát. Nước từ đó chảy đến đây.

Các Tỳ-kheo nói với Mục-liên:

- Mục-liên nói như vậy. Nhưng Thế Tôn dạy: "Dựa vào gốc để biết." Nước này nóng sôi; mà nước bên dưới lại trong mát. Điều này không phù hợp. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội Ba-la-di, chẳng phải Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo, như Mục-liên nói. Chỗ xuất xứ của dòng nước sôi này, bên dưới có ao nước trong mát, không có bẩn đục. Nước từ đó chảy qua tiểu địa ngục rồi tuôn ra nơi thành Vương-xá, cho nên nóng sôi, có bẩn đục. Mục-liên không phạm.

17. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, và vua A-xà-thế nước Ma-kiệt, đánh nhau ở biên giới

giữa hai nước. Vua Ba-tư-nặc phá vỡ quân của vua A-xà-thế. Lúc ấy, Mục-liên bảo các Tỳ-kheo:

- vua Ba-tư-nặc, và vua A-xà-thế đánh nhau ở biên giới giữa hai nước. Vua Ba-tư-nặc đã thắng.

Sau đó, vua A-xà-thế cất quân đánh lại. Vua A-xà-thế thắng. Bấy giờ, thành Vương-xá công bố cho quốc nội được biết, vua A-

xà-thế phá quân của vua Ba-tư-nặc. Các Tỳ-kheo nói với Mục-liên:

- Thầy nói, vua Ba-tư-nặc cùng vua A-xà-thế đánh nhau, vua Ba- tư-nặc phá quân của A-xà-thế, mà nay trong nước Ma-kiệt công bố vua A- xà-thế phá quân của vua Ba-tư-nặc. Mục-liên, dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội Ba-la-di, chẳng phải Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Có sự việc như vậy. Vua Ba Tư Nặc phá quân vua A-xà-thế. Vua A Xà Thế, sau đó lại cất quân phá quân của vua Ba-tư-nặc trở lại. Mục-liên thấy việc trước mà không thấy việc sau cho nên Mục-liên không phạm.

Vua A Xà Thế cùng Tỳ-xá-ly đánh nhau cũng như vậy.

18. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Mục-liên:

- Thôi, đủ rồi, Thầy đừng nói nữa. Tại sao vậy? Các Tỳ-kheo không tin lời Thầy. Đừng khiến cho các Tỳ-kheo không tin mà phải mắc nhiều tội.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các ngươi nên tin Tỳ-kheo A-la-hán có đại thần lực này. Chớ có nghi ngờ, không tin, để rồi phải chịu khổ lâu dài.

19. Trong số đó có Tỳ-kheo tên là Nghiêm Hảo,[318] bảo các Tỳ-kheo:

- Các Trưởng lão, tôi nhớ sự việc của năm trăm kiếp. Các Tỳ-kheo nói:

- Đức Thế Tôn chưa từng tự nói là nhớ sự việc của năm trăm kiếp, mà Thầy tự nói như vậy. Dối xưng đạt được pháp thượng nhân, mắc tội Ba-la-di, chẳng phải Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Tỳ-kheo Nghiêm Hảo nhớ sự việc của một đời sống.[319] Ta còn nhớ sự việc của vô số đời sống khác nhau, cho đến việc thọ hình tướng mạo, những gì đã nói năng thảy đều nhớ hết.

Đức Phật dạy: Tỳ-kheo Nghiêm Hảo không phạm.

B. TĂNG-GIÀ-BÀ-THI-SA

I. LỘNG ÂM

1. Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất chắp tay, bạch Phật:

---

[318] Nghiêm Hảo 嚴好. Vin. iii. 109: Sobhita. Được Phật công nhận là có thể nhớ nhiều tiền kiếp (pubbenīvāsānussata).

[319] Chỉ nhớ được đời sống của một người (trải qua nhiều kiếp). Cf. ibid., sā ca kho ekāyeva jāti.

- Bạch Đại đức! Ca-lưu-đà-di cố ý lộng âm xuất bất tịnh, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Ban đầu chưa chế giới, không phạm.

2. Có Tỳ-kheo ngủ với tâm tán loạn, trong mộng xuất bất tịnh, biết rõ. Vị kia nghĩ: Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo chế giới, "Cố ý lộng âm xuất bất tịnh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa." Ta ngủ với tâm tán loạn, trong mộng xuất bất tịnh, tự nhớ biết rõ, vậy ta có phạm không? Không biết nên thế nào, Vị ấy đem nhân duyên này thưa với các Tỳ-kheo: Lành thay, Trưởng lão! Thầy vì tôi bạch với Đức Phật. Nếu Đức Phật dạy thế nào thì tôi phụng hành thế ấy.

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tỳ-kheo Tăng và bảo các Tỳ-kheo:

- Ngủ với tâm tán loạn có năm điều tai hại:

1. Mộng thấy việc ác.
2. Chư thiên không hộ vệ.
3. Tâm không nhớ pháp.
4. Không buộc tư tưởng nơi ánh sáng.
5. Trong mộng bị xuất tinh. Ngủ với tâm tán loạn có năm điều tai hại như vậy.

- Ngủ trụ tâm có năm điều công đức:

1. Không thấy ác mộng.

2. Chư thiên hộ vệ.

3. Tâm tư vui nơi pháp.

4. Buộc tư tưởng nơi ánh sáng.

5. Không xuất bất tinh. Ngủ trụ tâm có năm điều công đức như vậy.

- Trong mộng xuất bất tịnh, không phạm.

3. Có Tỳ-kheo, trong mộng hồi tưởng rồi lộng âm xuất bất tịnh.

Vị kia nghi. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

Có Tỳ-kheo hồi tưởng tà vạy, xuất bất tịnh. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nếu thấy sắc đẹp, không xúc chạm mà xuất bất tịnh thì không phạm.

Có Tỳ-kheo hồi tưởng, rồi lộng âm xuất bất tịnh, vị kia nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Có Tỳ-kheo hồi tưởng, lộng âm mà không xuất, nghi. Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

4. Có người nữ nắm phía trước Tỳ-kheo. Tỳ-kheo động thân, xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Có người nữ nắm phía trước Tỳ-kheo, không động thân mà xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Đột-kiết-la.

Nắm sau Tỳ-kheo có ba việc, cũng như vậy.

5. Có người nữ cầm chân Tỳ-kheo kính lễ. Vị ấy động thân, xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Có người nữ cầm chân Tỳ-kheo kính lễ, không động thân, mà xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Đột-kiết-la.

Có người nữ kính lễ sát chân Nan-đà. Nan-đà đa dục, xuất bất tịnh, rơi trên đầu người nữ. Người nữ hổ thẹn. Nan-đà cũng xấu hổ. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép Nan-đà sắm chiếc y để ngăn thân.

6. Có Tỳ-kheo khi đi, nam căn chạm vào niết-bàn-tăng, xuất bất tịnh. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

Nếu khi đại tiểu tiện xuất bất tịnh, không phạm. Nếu tắm rửa trong nước lạnh, nước nóng, bị xuất bất tịnh, không phạm.

7. Có Tỳ-kheo đem nam căn để ngược nước, tưởng tượng, thân động xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Có Tỳ-kheo dùng nam căn để xuôi nước, tưởng tượng, thân động xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy:

- Tăng-già-bà-thi-sa.

Có Tỳ-kheo dùng nước rưới nam căn, tưởng

tượng, động thân xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy:

- Tăng-già-bà-thi-sa.

Có Tỳ-kheo dùng nam căn để ngược gió, tưởng tượng, động thân xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy:

- Tăng-già-bà-thi-sa.

Trường hợp để xuôi gió, dùng miệng thổi nam căn, tưởng tượng, động thân xuất bất tịnh, tưởng tượng không động thân, xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy:

- Tất cả các trường hợp trên đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Có bà mẹ nắm con là Tỳ-kheo. Tỳ-kheo thân không động, xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Đột-kiết-la.

Người chị nắm Tỳ-kheo, vợ cũ, người tình cũ, dâm nữ nắm Tỳ- kheo cũng như vậy.

8. Có Tỳ-kheo tưởng tượng rồi vọc kẽ giữa của xương, xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy:

- Thâu-lan-giá.

Có Tỳ-kheo tắm trong nhà tắm, dùng thuốc bột mịn hoặc bùn xoa chà nơi thân, xúc chạm nhầm, xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

Khi kêu lớn tiếng, hoặc khi dụng sức để làm việc, xuất bất tịnh, không phạm.

Có Tỳ-kheo tưởng tượng, vọc ở khoảng giữa đường đại tiểu tiện, xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy:

- Nếu tưởng là đạo hoặc nghi, phạm Thâu-lan-giá. Nếu tưởng phi đạo mà không nghi, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Cũng vậy, nơi bắp vế, eo bàn chân, eo đầu gối, bên nách, kẽ vú, nơi nách, lỗ mũi, lỗ tai, nơi mụt ghẻ, nơi kẽ giường giây, giường cây, hoặc nơi nệm lớn, nệm nhỏ, nơi gối, nơi đất, nơi bùn, nơi gạch, trong miệng bình, tất cả những trường hợp như vậy, nếu tưởng là đạo hoặc nghi, đều phạm Thâu-lan-giá; nếu tưởng là phi đạo, không nghi, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo vì mục đích khoái lạc, nên tưởng tượng và vọc âm, xuất bất tịnh, nghi. Đức Phật dạy:

- Tăng-già-bà-thi-sa.

Vì mục đích khoái lạc, vì để thử nghiệm, vì phúc đức, vì thờ tự, vì thiện đạo, vì bố thí, vì lấy giống, vì vui đùa, vì sức lực, vì nhan sắc, nên thẩm định mà làm, tất cả đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.[320]

II. XÚC NỮ

1. Thế Tôn ở nước Xá-vệ. Bấy giờ Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối

[320] Hết quyển 56.

bên phải chấm đất, chắp tay, bạch Phật:

- Kính bạch Đại đức, Ca-lưu-đà-di cùng người nữ, hai thân xúc chạm nhau, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Ban đầu chưa chế giới, không phạm. Thưa:

- Bạch Đại đức, nếu cùng đàn ông, thân xúc chạm nhau, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Đột-kiết-la. Thưa:

- Bạch Đại đức, nếu cùng huỳnh môn, thân xúc chạm nhau phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá. Thưa:

- Bạch Đại đức, nếu cùng người hai căn, thân xúc chạm nhau, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Thâu-lan-giá. Thưa:

- Bạch Đại đức, nếu cùng súc sinh không thể biến hóa, thân xúc chạm nhau, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Đột-kiết-la. Thưa:

- Nữ loài người, tưởng là nữ loài người, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Tăng-già-bà-thi-sa. Thưa:

- Nữ loài người, mà nghi, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Thâu-lan-giá. Thưa:

- Nữ loài người, tưởng nữ loài phi nhân, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Thâu-lan-giá. Thưa:

- Nữ loài phi nhân, tưởng là nữ loài người, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Thâu-lan-giá. Thưa:

- Nữ loài phi nhân, nghi, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Thâu-lan-giá. Thưa:

- Bạch Đại đức, nếu khởi tưởng là người nữ, nhưng xúc chạm thân người nam, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Thâu-lan-giá. Thưa:

- Nếu khởi tưởng là người nam nhưng xúc chạm người nữ, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Thâu-lan-giá. Thưa:

- Xúc chạm thân người nữ này nhưng khởi ý tưởng là thân người nữ khác, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Tăng-già-bà-thi-sa. Thưa:

- Xúc chạm thân người nam này, nhưng khởi ý tưởng là thân người nam khác, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Đột-kiết-la. Thưa:

- Cùng thiên nữ, long nữ, a-tu-la nữ, dạ-xoa nữ, ngạ quỉ nữ, súc sinh cái có thể biến hóa, thân xúc chạm nhau, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Thâu-lan-giá.

2. Có người nữ nắm chân Tỳ-kheo kính lễ. Khi cảm giác được xúc chạm, vị ấy cảm thọ lạc, động thân; sinh nghi. Đức Phật dạy:

- Tăng-già-bà-thi-sa.

Có người nữ nắm chân Tỳ-kheo kính lễ. Khi cảm giác được xúc chạm, vị ấy cảm thọ lạc, không động thân; sinh nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Đột-kiết-la.

Có người nữ nắm chân Tỳ-kheo kính lễ. Khi cảm giác được xúc chạm, vị ấy cảm thọ lạc, động ngón chân cái; sinh nghi. Đức Phật dạy:

- Tăng-già-bà-thi-sa.

Có người nữ giỡn, nắm Tỳ-kheo. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật hỏi Tỳ-kheo:

- Khi biết được xúc chạm, ngươi có cảm giác thọ lạc không? Vị kia thưa:

- Không.

Đức Phật dạy:

- Không phạm.

Tỳ-kheo giỡn, nắm tay người nữ; cũng như

vậy.

3. Có Tỳ-kheo nắm đuôi con trâu cái lội qua sông. Lội qua rồi mới biết là con trâu cái. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật nói:

- Không phạm. Nhưng không được nắm đuôi con trâu cái để lội qua sông.

Có Tỳ-kheo vì dục tâm nắm chéo y người nữ, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

Có Tỳ-kheo vì dục tâm nên nắm lấy đồ trang sức phần trên thân người nữ, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Thâu-lan-giá.

4. Có Tỳ-kheo vì tâm dục sờ đốt xương cùng của người nữ rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

5. Có người mẹ nắm Tỳ-kheo. Tỳ-kheo khi cảm giác được xúc chạm thì cảm thọ lạc, không động thân; nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Đột-kiết-la.

Chị, vợ cũ, dâm nữ; cũng như vậy.

6. Có Tỳ-kheo vì dục tâm nắm tóc người nữ, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

7. Có người đàn bà chưa chồng bị nước trôi. Tỳ-kheo thấy, khởi từ tâm liền vớt lên, rồi nghi, Đức Phật hỏi Tỳ-kheo:

- Khi biết được xúc chạm, ngươi có cảm giác thọ lạc không? Tỳ-kheo thưa:

- Không.

Đức Phật dạy:

- Không phạm.

Có người nữ Ma hương [321] bị nước trôi, Tỳ-kheo thấy khởi từ tâm liền vớt lên, rồi nghi, Đức Phật hỏi Tỳ-kheo:

- Khi biết được xúc chạm, ngươi có cảm giác thọ lạc không? Tỳ-kheo thưa:

- Không.

Đức Phật dạy:

- Không phạm.

Có Tỳ-kheo xúc chạm thân người nữ chết mà chưa rã, rồi nghi.

Đức Phật dạy:

- Phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu xúc chạm với thân mà đa phần chưa hư hoại, cũng phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu xúc chạm với thân hư hoại phân nửa, phạm Thâu-lan-giá. Nếu xúc chạm với thân phần nhiều bị hư hoại, hoặc tất cả đều hư hoại, đều phạm Thâu-lan-giá.

8. Có người nữ dựa vào giường. Tỳ-kheo vì dục tâm động vào giường, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

---

[321] Ma hương nữ nhân 磨香女人. Có lẽ phiên âm từ một dạng hỗn chủng giữa vañjihā (Pāli) v vandhyā (Skt.): Thạch nữ, người đàn bà không sinh đẻ.

Có Tỳ-kheo vì dục tâm nắm tay người nữ, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Có Tỳ-kheo vì dục tâm nắm chân người nữ, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Có người nữ nắm tay Tỳ-kheo. Tỳ-kheo khi cảm giác được xúc chạm, có cảm thọ lạc, bèn động thân, rồi nghi. Đức Phật hỏi Tỳ-kheo:

- Khi biết được xúc chạm, ngươi có cảm giác thọ lạc không? Đáp:

- Có.

Đức Phật dạy:

- Phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Người nữ nắm chân Tỳ-kheo cũng như vậy.

Có Tỳ-kheo vì giỡn nắm tay người nữ, rồi nghi, Đức Phật hỏi Tỳ-kheo:

- Khi biết được xúc chạm, ngươi có cảm giác thọ lạc không? Vị kia thưa:

- Không.

Đức Phật dạy:

- Không phạm.

Nắm chân cũng như vậy.

Có người nữ vì giỡn, nắm tay Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nghi, Đức Phật hỏi Tỳ-kheo:

- Khi biết được xúc chạm, ngươi có cảm giác

thọ lạc không? Vị kia thưa:

- Không.

Đức Phật dạy:

- Không phạm.

Nắm chân cũng như vậy.

Có Tỳ-kheo vì dục tâm nắm chéo y người nữ kéo. Tỳ-kheo nghi.

Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

Có Tỳ-kheo vì dục tâm cùng người nữ đập giũ y, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

Có Tỳ-kheo vì dục tâm nắm khoen tai của người nữ, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

Nắm tràng hoa, nắm vòng xuyến, tất cả đều phạm Thâu-lan-giá.

9. Có Tỳ-kheo đi chung với người nữ trong mưa. Bùn trơn, người nữ bị trượt chân té xuống đất. Tỳ-kheo cũng trượt chân té xuống đất, nằm lên trên người nữ, rồi nghi, Đức Phật hỏi:

- Khi đụng chạm nhau, ngươi có thọ lạc không? Tỳ-kheo trả lời:

- Không.

Đức Phật dạy:

- Không phạm.

Tỳ-kheo té xuống, người nữ té chồng lên trên cũng vậy.

Có Tỳ-kheo đi chung với người nữ trong mưa. Cả hai đều trượt chân, cùng té, chạm nhau và cùng lăn, rồi tách ra. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật hỏi:

- Khi đụng chạm nhau, ngươi có thọ lạc không? Vị kia thưa:

- Không.

Đức Phật dạy:

- Không phạm.

10. Có Tỳ-kheo, tay đụng chạm vào khoảng giữa đường đại tiện và tiểu tiện của người nữ, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu đụng chạm giữa đùi, vào háng, vào khuỷu chân, bên hông, giữa hai vú, lỗ tai, lỗ mũi, vào mụt nhọt, tất cả đều phạm Tăng-già-bà- thi-sa.

11. Có Tỳ-kheo ôm sa-di nhỏ, vuốt ve, hôn; rồi nghi, Đức Phật bảo:

- Ngươi làm như vậy với ý nghĩ thế nào? Vị kia thưa:

- Vì thương mến nó, chứ không có tâm dục. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được làm như vậy.

12. Có Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo-ni, hai thân xúc chạm nhau; rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Thức-xoa-ma-na, sa-di-ni; cũng như vậy.

13. Có Tỳ-kheo bưng nước tô-tỳ-la đi trên đường. Vợ cũ gọi, bảo cùng làm bất tịnh hạnh, rồi đưa nữ căn ra cho thấy. Vị kia liền dùng nước tô-tỳ-la rưới trên đó và nói: Đồ thối thì cho dính đồ thối. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi với tâm như thế nào khi làm như vậy? Tỳ-kheo thưa:

- Vì làm nhục tâm ý nó chứ không có dục tâm. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng không được làm như vậy. Bưng nước đi trên đường, cũng như vậy.

Có dâm nữ rủ Tỳ-kheo bảo làm bất tịnh hạnh. Dâm nữ khoe nữ căn cho Tỳ-kheo thấy. Tỳ-kheo lấy hòn đá đập vào nữ căn của người kia, rồi nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi nghĩ thế nào khi đập như vậy? Vị kia thưa:

- Vì làm nhục tâm ý của nó chứ không có dục tâm Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng đánh người nữ phạm Đột-kiết-la

14. Có người nữ dựa vào cây, Tỳ-kheo vì dục tâm động cây, nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

Giường giây, giường ngồi, giường xí,[322] ván, đá, bình phong, thang, tất cả đều phạm Thâu-lan-giá.

Có người nữ đi trên xe. Tỳ-kheo vì dục tâm, động xe, rồi nghi.

Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá.

Xe kéo, thuyền, cũng như vậy.

Có người nữ nắm sau lưng Tỳ-kheo. Tỳ-kheo quay lại nhìn, thấy là người nữ, có cảm thọ lạc khi biết được xúc chạm, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

III. THÔ ÁC NGỮ

1. Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất chấp tay, bạch Phật:

- Bạch Đại đức, Ca-lưu-đà-di nói lời thô ác với người nữ, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Ban đầu chưa chế giới, không phạm. Hỏi:

- Kính bạch Đại đức, nếu nói lời thô ác với người nam, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Đột-kiết-la. Hỏi:

- Nếu nói lời thô ác với huỳnh môn, phạm hay

[322] Xí sàng 企床; không hiểu loại giường gì.

không? Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá. Hỏi:

- Nếu nói lời thô ác với người hai căn, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá. Hỏi:

- Nếu nói lời thô ác với súc sinh có thể biến hóa được, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Đột-kiết-la. Hỏi:

- Kính bạch Đại đức, nữ loài người, tưởng là nữ loài người, nói lời thô ác, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Hỏi:

- Nữ loài người mà nghi, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá. Hỏi:

- Nữ loài người tưởng nữ loài phi nhân, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá. Hỏi:

- Nữ loài phi nhân, tưởng là nữ loài người, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá. Thưa:

- Nữ loài phi nhân mà nghi, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá. Thưa:

- Kính bạch Đại đức, tưởng là người nữ, nói

lời thô ác với người nam, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá. Hỏi:

- Bạch Đại đức, tưởng là người nam, nói lời thô ác với người nữ, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá. Thưa:

- Bạch Đại đức, nếu khởi ý tưởng là người nữ này mà nói lời thô ác với người nữ kia, rồi nghi.

Đức Phật dạy:

- Nếu nói rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nói không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá.

Ấn tín, thơ tín, ra dấu, người kia biết rõ ràng, phạm Tăng-già-bà- thi-sa; không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi:

- Bạch Đại đức, nếu khởi ý tưởng là người nam này, nói lời thô ác với người nam kia, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Đột-kiết-la. Hỏi:

- Bạch Đại đức, nếu cùng thiên nữ, long nữ, a-tu-la nữ, dạ xoa nữ, ngã quỷ nữ, súc sinh cái có thể biến hóa được nói lời thô ác, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Nói rõ ràng phạm Thâu-lan-giá, không rõ

ràng phạm Đột-kiết-la.

Ấn tín, thư tín, ra dấu người ấy biết rõ ràng phạm Thâu-lan-giá; không rõ ràng, phạm Đột-kiết-la.

2. Bấy giờ, có Tỳ-kheo nói thô ác đối với người nữ, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Nói rõ ràng phạm Tăng-già-bà-thi-sa, không rõ ràng phạm Thâu- lan-giá. Muốn nói với người này, nhưng nhầm với người kia, tất cả đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Có dâm nữ bảo Tỳ-kheo cùng làm bất tịnh hạnh. Dâm nữ khoe nữ căn cho thấy. Tỳ-kheo nói:

- Mong cho nữ căn của ngươi bị vỡ, bị thúi, bị rã, bị cháy, bị rụng mất, để cho con lừa làm chuyện như vậy như vậy.

Tỳ-kheo nói như vậy rồi nghi, Đức Phật hỏi:

- Ngươi nói như vậy với ý nghĩ thế nào? Tỳ-kheo thưa:

- Chỉ muốn làm nhục tâm ý nó, chứ không có tâm dục. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nhưng dùng ác ngôn, phạm Đột-kiết-la.

3. Ca-lưu-đà-di là người có tánh ưa nói tục. Phật nói:

- Tánh ưa nói tục, phạm Đột-kiết-la.

Nhóm sáu Tỳ-kheo, có tánh ưa nói tục. Phật nói:

- Đột-kiết-la.

4. Bấy giờ, có Tỳ-kheo khất thực, sáng sớm khoác y, bưng bát đến nhà bạch y, nói với vợ đàn-việt:

- Có thể được hay không? Vợ đàn-việt liền hỏi lại:

- Đại đức vừa nói gì, có thể được hay không? Tỳ-kheo im lặng; rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Nói không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá.

Có Tỳ-kheo khất thực, sáng sớm khoác y, bưng bát đến nhà bạch y nói với vợ đàn-việt:

- Cho tôi đi!

Vợ cư sĩ liền hỏi lại:

- Đại đức nói cho cái gì?

Tỳ-kheo im lặng, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Nói không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá.

Hoặc nói, - Sẽ cho tôi không? Hoặc nói, - Hãy xem. Hoặc nói, - Giống cái gì? Nói không rõ ràng, tất cả đều phạm Thâu-lan-giá.

5. Tỳ-kheo có đàn-việt. Đàn-việt nói với vợ:

- Tỳ-kheo ấy, cần gì thì cho. Người vợ trả lời:

- Được.

Đàn-việt ấy liền đến chỗ Tỳ-kheo nói:

- Tôi đã bảo vợ tôi, Tỳ-kheo ấy cần gì thì cho. Đại đức cần gì thì cứ đến lấy.

Tỳ-kheo nói:

- Được.

Sau đó, Tỳ-kheo khoác y, bưng bát đến nhà đàn-việt, trải chỗ ngồi an tọa. Vợ đàn-việt nói với Tỳ-kheo:

- Chồng tôi bảo tôi rằng, Tỳ-kheo cần gì thì cho. Nay Đại đức có cần gì thì cứ nói.

Tỳ-kheo nói:

- Cô không thể cho hết cho tôi đâu.[323] Vợ đàn-việt thưa:

- Thưa Đại đức, cho hết, là cho cái gì mà không thể? Tỳ-kheo im lặng, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Nói không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá. Tỳ-kheo có đàn-việt. Đàn-việt bảo vợ:

- Tỳ-kheo ấy cần gì thì cứ cho.

Đàn-việt liền đến chỗ Tỳ-kheo nói:

- Con đã bảo vợ con, Đại đức cần gì thì cứ cho. Vậy Đại đức cần gì thì cứ đến lấy.

Tỳ-kheo nói:

- Tốt.

Sau đó, Tỳ-kheo khoác y, bưng bát đến nhà đàn-việt trải chỗ ngồi an tọa. Vợ đàn-việt thưa:

- Chồng con đã bảo, Tỳ-kheo ấy cần gì thì cho. Bây giờ Đại đức cần gì, thì cứ nói.

Tỳ-kheo nói:

- Cô có thể cho hết, trừ việc ấy thì không thể

---

[323] Đoạn này được kể lại trong điều 4 - Sách cúng dương" ở sau.

cho. Vợ đàn-việt biết ý của Tỳ-kheo liền nói:

- Cho hết được. Việc ấy cũng cho được. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật dạy:

- Phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo có đàn-việt. Đàn-việt nói với vợ: Hết thảy cái gì Tỳ-kheo ấy cần cứ cho hết.

Đàn-việt đến chỗ Tỳ-kheo thưa:

- Con đã bảo vợ con, hết thảy cái gì Tỳ-kheo ấy cần cứ cho hết.

Vậy Đại đức cần gì cứ đến lấy.

Tỳ-kheo nói:

- Được.

Sau đó, Tỳ-kheo khoác y, bưng bát đến nhà kia, trải chỗ ngồi an tọa. Vợ đàn-việt thưa:

- Chồng con đã dặn: Hết thảy cái gì Tỳ-kheo ấy cần cứ cho hết.

Giờ Đại đức cần gì thì cứ nói.

Tỳ-kheo nói:

- Cô không nên cho hết. Vợ đàn-việt hỏi:

- Đại đức, cái gì mà nói là không nên cho hết? Tỳ-kheo im lặng, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Nói không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá.

(Vế kế tiếp hoàn toàn đồng với vế này, thay bằng câu nói: Cô hết thảy nên cho, trừ việc này không được cho. Cô kia nói: Việc này cũng có thể cho, Tỳ-kheo nghi. Đức Phật dạy: Tăng-già-bà-

thi-sa).[324]

Có Tỳ-kheo khất thực sáng sớm khoác y, bưng bát đến nhà bạch y, nam căn khởi, nói với vợ đàn-việt:

- Nảy nở.[325] Vị kia hỏi:

- Đại đức, nảy nở cái gì?

Tỳ-kheo im lặng, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Nói không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá.

6. Tỳ-kheo có thức-xoa-ma-na là đàn-việt. Cô thường phạm giới, đối trước Tỳ-kheo sám hối. Tỳ-kheo nói:

- Ngươi không hổ thẹn, phạm bất tịnh hạnh. Tỳ-kheo nghi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi nói với tâm ý thế nào? Vị kia thưa:

- Vì giáo thọ chứ không có dục tâm. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

7. Tỳ-kheo có đồng nữ là đàn-việt, thường phạm giới, nói cho Tỳ- kheo biết. Tỳ-kheo nói:

- Ngươi không hổ thẹn, phạm người trì giới. Tỳ-kheo nghi. Phật hỏi:

- Ngươi nói với tâm ý thế nào? Vị kia thưa:

- Vì giáo thọ, chứ không có dục tâm. Đức Phật dạy:

---

[324] Trong ngoặc, phụ chú trong bản Hán.

[325] Hán: Tăng ích 增益. Có lẽ Pāli: vuddhi, hay Skt. viddhi, sự phát triển, sự khuếch đại, mà Hán thường dịch là tăng ích hay tăng trưởng.

- Không phạm.

8. Có Tỳ-kheo sáng sớm khoác y, bưng bát đến nhà bạch y. Nơi đây, có người nữ đang quậy sữa,[326] để hớ hênh. Tỳ-kheo thấy rồi nói:

- Cô quậy sữa? Cô gái hỏi lại:

- Thưa Đại đức, đúng vậy, tôi đang quậy sữa. Tỳ-kheo im lặng, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Nói không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá.

Có Tỳ-kheo khất thực, sáng sớm khoác y, bưng bát đến nhà bạch y, bấy giờ, có người đàn bà quàng áo đỏ, để lộ hình. Tỳ-kheo thấy, bèn nói:

- Cô quàng áo đỏ?[327] Cô ấy trả lời:

- Thưa Đại đức, tôi quàng đỏ. Tỳ-kheo im lặng, rồi nghi. Phật:

- Phạm Thâu-lan-giá.

9. Thế Tôn ở tại Ba-la-nại. Có dâm nữ là đàn-việt của Tỳ-kheo, nói với Tỳ-kheo:

- Thưa Đại đức, nếu cần chuyện ấy, cứ nói. Tỳ-kheo im lặng. Dâm nữ nói:

- Thưa Đại đức, bây giờ Đại đức cần cái gì? Sao im lặng? Vị kia nghi. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

10. Thế Tôn ở nước Xá-vệ. Có người nữ ngoại đạo,[328] tướng mạo xinh đẹp. Tỳ-kheo thấy phải

---

[326] Hán: Tiêu tô 消酥. Skt. dadhi mathati, quậy hay trộn sữa đông làm thức uống.

[327] Vin.iii. 130, lohita kho te, bhagini, - Này chị, cái của chị đỏ.

[328] Ngoại đạo nữ nhân 外道女人; Pāli (Vin. iii. 131): Paribbajikā, nữ xuất gia (ngoại đạo), nữ du sỹ.

lòng người ấy.

Thời gian sau, người nữ này đang đi cách Kỳ-hoàn không xa. Tỳ-kheo nói:

- Cô làm nhiều.[329] Người nữ nói:

- Thật vậy, làm nhiều.[330]

Tỳ-kheo nghi. Đức Phật dạy:

- Tăng-già-bà-thi-sa.[331]

IV. SÁCH CÚNG DƯỜNG

1. Thế Tôn ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, bạch Đức Thế Tôn:

- Kính bạch Đại đức, Ca-lưu-đà-di đối trước người nữ, tự khen ngợi thân mình, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Ban đầu chưa chế giới, không phạm. Hỏi:

- Bạch Đại đức, nếu đối trước đàn ông, tự khen ngợi thân mình; phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Đột-kiết-la. Hỏi:

- Bạch Đại đức, đối trước huỳnh môn, tự khen

---

[329] Đa tác 多作. Từ này tương đương với nhiều từ Pāli. Hoặc bahukata, được làm nhiều, hay tu tập nhiều. Hoặc bahukicca, công việc nhiều, bận rộn… Cf. Vin.iii. 131, kacci bhagini maggo sansādati, Nghĩa thông thường: Này chị, con đường tận cùng rồi. Nhưng Tỳ-kheo nói ngụ ý. Sớ giải: Maggo... angajātamagga sandhāyāha, đạo, nói ngụ ý sinh dục đạo. Do đó, sasīdati cũng ngụ ý - thụng xuống".

[330] Pāli, dẫn trên, āma bhikkhu panipajjissati, vâng, Tỳ-kheo, ông sẽ đi theo. Cô này không hiểu ngụ ý, nên đáp thực tình.

[331] Theo kết luận này thì cô kia hiểu ngụ ý dâm dục của Tỳ-kheo. Nhưng, Pāli, ibid., āptti thullaccayassa, phạm Thâu-lan-giá, vì người nghe không hiểu ngụ ý.

ngợi thân mình, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá. Hỏi:

- Bạch Đại đức, đối trước người hai căn, tự khen thân mình, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá. Hỏi:

- Nếu đối với súc sinh không thể biến hóa, tự khen thân mình, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Đột-kiết-la. Thưa:

- Nữ loài người tưởng là nữ loài người, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Thưa:

- Nữ loài người mà nghi, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá. Thưa:

- Nữ loài người tưởng nữ phi nhân, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá. Thưa:

- Nữ phi nhân tưởng nữ loài người phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Thâu-lan-giá. Thưa:

- Nữ phi nhân, nghi, phạm hay không? Đức Phật dạy:

- Thâu-lan-giá. Thưa:

- Bạch Đại đức, nếu khởi ý tưởng là nữ, nhưng đối trước người nam, tự khen ngợi thân mình, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Thâu-lan-giá. Thưa:

- Bạch Đại đức, nếu khởi ý tưởng người nữ này, nhưng đối trước người nữ kia, tự khen ngợi thân mình, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Nói rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nói không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá.

Ấn tín, thư tín, hiện tướng rõ ràng thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá.

Hỏi:

- Bạch Đại đức, nếu đối trước người nam này, khởi ý tưởng là người nam kia, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Đột-kiết-la. Thưa:

- Bạch Đại đức, nếu đối trước thiên nữ, long nữ, a-tu-la-nữ, dạ-xoa nữ, ngã quỉ nữ, súc sinh cái có thể biến hóa, tự khen ngợi thân mình, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Nói rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá, không rõ ràng thì phạm Đột- kiết-la.

Ấn tín, thư tín, hiện tướng khiến cho biết rõ

ràng phạm Thâu-lan- giá, không rõ ràng, Đột-kiết-la.

2. Tỳ-kheo có đàn-việt. Đàn-việt nói với vợ:

- Nếu Tỳ-kheo ấy nói cần thứ gì, thì tùy theo đó, mình nên cúng dường. Người vợ nói:

- Được.

Nói với vợ xong, đàn-việt đến chỗ Tỳ-kheo nói:

- Con đã bảo vợ con, Tỳ-kheo ấy nếu cần thứ gì thì tùy theo yêu cầu, mình nên cúng dường. Đại đức cần chi thì cứ đến lấy.

Tỳ-kheo nói: Được.

Sau đó, vào buổi sáng, Tỳ-kheo khoác y, bưng bát, đến nhà kia, an tọa nơi chỗ ngồi. Vợ đàn-việt nói:

- Chồng của con đã bảo con, Tỳ-kheo (989a1) cần chi thì tùy theo yêu cầu, con nên cúng dường. Vậy nay Đại đức cần gì cứ nói.

Tỳ-kheo nói:

- Cô không thể cúng dường tất cả đâu.[332] Vợ đàn-việt hỏi:

- Đại đức, không thể cúng dường tất cả, là sao? Tỳ-kheo im lặng, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Nói không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá.

(Trong đây bốn vế, đồng với bốn vế trong giới

[332] Đoạn này cũng được kê trong điều ba trên.

nói lời thô ác. Kia nói thô ác, đây nói cúng dường chỉ khác nhau như thế. Cho nên ở đây chỉ nói một vế chứ không nói hết, vì sợ phiền vậy).[333]

Bấy giờ, có Tỳ-kheo đến nhà người nữ kia là đàn-việt, nói:

- Chị, sự việc này là đệ nhất tối thượng, với thân từ, khẩu từ, ý từ mà cúng dường Tỳ-kheo trì giới thực hành thiện pháp.

Vị kia nghi. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

V. MÔI GIỚI

1. Thế Tôn ở thành Xá-vệ. Bấy giờ, Ưu-Ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải đầu gối bên phải chấm đất, chắp tay bạch Phật:

- Bạch Đại đức, Tỳ-kheo Ca-la làm mai mối, đến người nam khen người nữ, đến người nữ khen người nam, để làm thành việc vợ chồng, hoặc làm thành việc tư thông, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Ban đầu chưa chế giới, không phạm. Thưa:

- Nhận lời bên này đến nói bên kia, đem lời bên kia trở về nói bên này, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Tăng-già-bà-thi-sa. Thưa:

- Nếu nhận lời bên này đến nói bên kia; nhưng

---

[333] Đoạn trong ngoặc, phụ chú của bản Hán.

không đem lời bên kia trở lại nói bên này, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Thâu-lan-giá.

Nếu nghe rồi đến bên kia nói, không đem trở lại nói bên này, phạm Thâu-lan-giá.

Nếu không nhận lời, nhưng đến bên kia nói, đem lời bên kia trở lại, Thâu-lan-giá.

Nếu nhận lời, không đến bên kia nói, không đem lời bên kia trở về, Đột-kiết-la.

Nếu nghe, không đến bên kia nói, không đem lời bên kia trở về, Đột-kiết-la.

Nếu không nhận lời, đến bên kia nói, không đem lời bên kia trở về, Đột-kiết-la.

2. Tỳ-kheo có nhà đàn-việt. Vợ đàn-việt qua đời chưa bao lâu, Tỳ-kheo đến thăm. Đàn-việt có hai đứa con. Tỳ-kheo nói:

- Sao ông không lấy người vợ khác? Đàn-việt nói:

- Sợ hai con phải bị khổ. Nếu được cô đồng nữ kia đồng ý thì tôi sẽ lấy.

Tỳ-kheo liền đến chỗ cô gái nói:

- Tôi nghe cư sĩ kia nói, nếu được cô gái kia đồng ý, thì sẽ lấy làm vợ.

Đồng nữ nói:

- Ông ấy chịu tôi làm vợ, tôi cũng chịu ông ấy làm chồng. Tỳ-kheo liền trở lại chỗ đàn-việt nói:

- Tôi nghe người nữ kia nói, ông ấy cần tôi làm vợ thì tôi cũng cần ông ấy làm chồng.

Tỳ-kheo không đem lời ấy nói trở lại, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Nếu nghe mà đến người kia nói, không đem lời bên kia trở lại, phạm Thâu-lan-giá.

Người nữ Ma hương [334] cũng như vậy.

3. Có cư sĩ đến trong Tăng-già-lam nói với các Tỳ-kheo:

- Đại đức vì tôi nói giùm. Các Tỳ-kheo hỏi:

- Cư sĩ muốn nói gì? Cư sĩ nói:

- Nói với cư sĩ ấy giùm tôi, gả con gái làm vợ tôi. Tỳ-kheo nói với cư sĩ:

- Sẽ nói giùm cho ông.

Các Tỳ-kheo liền sai một Tỳ-kheo bằng pháp bạch nhị yết-ma, khiến đến chỗ cư sĩ kia nói với cư sĩ:

- Tôi truyền đạt lời chúng Tăng muốn nói với ông. Người kia nói:

- Thưa Đại đức, Tăng cần dạy tôi điều gì? Tỳ-kheo nói:

- Chúng Tăng nói, ông nên gả con gái của ông làm vợ cư sĩ kia. Người kia nói:

- Thưa Đại đức, tôi xin vâng lời Tăng dạy.

Tỳ-kheo kia trở về trong Tăng-già-lam bạch

---

[334] Ma hương nữ nhân, xem cht. 35 trên.

Tăng. Tăng liền báo cho cư sĩ kia biết. Tỳ-kheo nghi, đức Phật dạy:

- Tất cả phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Có đàn-việt đến trong Tăng-già-lam nói với các Tỳ-kheo:

- Đại đức Tăng nói giùm tôi. Tỳ-kheo hỏi cư sĩ:

- Muốn nói điều gì? Đàn-việt nói:

- Nói với cư sĩ kia cho con gái của ông làm vợ tôi.

Tỳ-kheo nói:

- Tôi sẽ nói giùm cho.

Các Tỳ-kheo liền sai một Tỳ-kheo bằng pháp bạch nhị yết-ma, khiến đến cư sĩ kia nói:

- Này cư sĩ, tôi chuyển lời của chúng Tăng đến ông. Cư sĩ kia nói:

- Đại đức Tăng cần dạy tôi điều gì? Tỳ-kheo nói:

- Chúng Tăng nói ông cho con gái của ông làm vợ cư sĩ kia. Người kia nói:

- Thưa Đại đức, tôi sẽ vâng lời dạy của Tăng.

Tỳ-kheo sứ giả kia nghĩ: Nay ta, nếu trở về bạch chúng Tăng thì ân ấy không thuộc về ta. Tỳ-kheo ấy liền tự đến báo với cư sĩ kia, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Chúng Tăng phạm Thâu-lan-giá. Tỳ-kheo sứ giả phạm Tăng- già-bà-thi-sa.

Có đàn-việt đến chỗ Tỳ-kheo thường cúng dường nói:

- Thầy nói với cư sĩ ấy giùm tôi, cho con gái ông làm vợ tôi. Tỳ-kheo nói với cư sĩ:

- Tôi sẽ nói cho ông.

Tỳ-kheo liền đến chỗ cư sĩ kia nói:

- Ông nên cho con gái ông làm vợ cư sĩ kia. Cư sĩ kia nói:

- Con gái của tôi đã hứa cho người khác rồi.

Hoặc nói người khác đã chuẩn bị dẫn đi, hoặc nói chết, hoặc nói giặc cướp đi, hoặc nói không. Tỳ-kheo trở lại chỗ cư sĩ nói như vậy, tất cả đều phạm Thâu-lan-giá.

Có đàn-việt nói với Tỳ-kheo thường cúng dường:

- Thầy đến nói với cư sĩ kia giùm tôi, hãy cho con gái của cư sĩ ấy, làm vợ tôi.

Tỳ-kheo nói:

- Tôi sẽ nói cho ông.

Tỳ-kheo liền đến chỗ cư sĩ kia nói:

- Ông nên cho con gái làm vợ cư sĩ kia. Cư sĩ nói:

- Con gái của tôi bị bịnh hủi.

Hoặc nói bệnh ung thư, hoặc nói bệnh hủi trắng, hoặc nói bệnh can tiêu,[335] hoặc nói bị

[335] Xem cht. 22, Phần i, Ch.iv Ni-tát-kỳ 2.

cuồng, hoặc nói bị bệnh trĩ, hoặc nói bị bệnh ra máu, hoặc nói bị bệnh thường nóng dưới chân. Tỳ-kheo trở lại chỗ cư sĩ nói như vậy, rồi nghi, đức Phật dạy:

- Tất cả đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

4. Có cư sĩ cãi nhau với vợ, đuổi vợ đi. Vợ đến chỗ Tỳ-kheo thường cúng dường nói:

- Thưa Đại đức, chồng tôi với tôi cãi nhau, rồi đuổi tôi đi. Nay tôi muốn sám hối.

Tỳ-kheo liền vì sự hòa hợp, khiến cho người vợ sám hối; rồi nghi.

Đức Phật dạy:

- Vì sự sám hối nên không phạm.

Có người vợ cãi nhau với chồng rồi bỏ đi, đến chỗ Tỳ-kheo thường cúng dường nói:

- Tôi cãi nhau với chồng rồi bỏ đi, nay muốn sám hối.

Tỳ-kheo liền vì sự hòa hợp đến khiến sám hối, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Vì sự sám hối nên không phạm. Có người vợ cãi lộn với chồng, nói:

- Nếu ông không cần tôi làm vợ thì cứ nói không cần. Người chồng nói: Tôi không cần bà làm vợ. Rồi đuổi vợ đi. Người vợ đến chỗ Tỳ-kheo thường cúng dường nói:

- Tôi cãi nhau với chồng. Tôi nói với chồng tôi: Nếu không cần tôi làm vợ thì cứ nói không

cần, người chồng nói không cần và đuổi tôi đi. Nay tôi muốn sám hối.

Tỳ-kheo liền vì sự hòa hợp, khiến sám hối, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Vì sự sám hối nên không phạm.

Có cư sĩ lấy dâm nữ làm vợ. Người khách trước thường lui tới cô, nay gặp lại, nói:

- Tôi muốn cùng cô làm việc như vậy như vậy. Nhưng những người khác nói bây giờ cô không làm như vậy nữa, mà làm vợ của cư sĩ kia rồi.

Người đó cưỡng bức hành dâm. Người chồng biết liền đuổi đi. Cô đến chỗ Tỳ-kheo thường cúng dường nói:

- Thưa Đại đức, tôi là vợ của cư sĩ kia xưa nay chưa từng phạm đến người đàn ông nào khác. Chỉ có gã giặc cướp này cưỡng bức phạm đến tôi. Nay tôi muốn sám hối chồng tôi.

Tỳ-kheo liền vì sự hòa hợp, khiến sám hối, rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Không phạm.

5. Có cư sĩ cung cấp mọi nhu cầu cho một dâm nữ, rồi đến vị Tỳ-kheo thường cúng dường, nói:

- Nói với dâm nữ ấy giùm tôi, đợi tôi tại chỗ đó. Tỳ-kheo nhận lời rồi đến chỗ dâm nữ nói:

- Cư sĩ kia nói với cô, chờ ông ta tại chỗ đó. Tỳ-kheo nói rồi nghi. Đức Phật dạy:

- Trước vì hòa hợp, không phạm. Ở đây, như

làm sứ giả cho bạch y, phạm Đột-kiết-la.

6. Có cư sĩ giám hộ cô gái kia, rồi không rước về làm vợ, cũng không cho người khác cưới. Cô kia nói với Tỳ-kheo thường cúng dường:

- Thưa Đại đức, vì tôi nói với cư sĩ kia rằng, Cha mẹ tôi muốn đoạt [336] tôi lại để gả cho người khác. Nếu ông ấy không rước tôi thì buông tôi ra.[337] Tỳ-kheo nhận lời, đến chỗ cư sĩ nói:

- Cô gái kia nói, cha mẹ tôi muốn đoạt cô lại để gả cho người khác. Ông nên rước cô ấy về, bằng không buông cô ta ra.

Tỳ-kheo nghi. Đức Phật dạy:

- (Hai bên) đã có lời giao ước trước rồi,[338] thì không phạm. Nhưng nếu làm sứ giả cho bạch y, mắc tội Đột-kiết-la.

Có cư sĩ giám hộ cô gái, rồi không rước về làm vợ, cũng không cho người khác cưới. Cha mẹ của đồng nữ nói:

- Không biết nhờ ai nói với cư sĩ kia, hãy rước con gái nầy đi, hoặc để cho người khác cưới.

Tỳ-kheo mà gia đình kia thường cúng dường đang mắc bệnh cuồng, liền nói:

- Tôi sẽ làm điều đó cho.

---

[336] Theo phong tục, đã trao tín vật hứa hôn, cô gái không thuộc quyền cha mẹ, mà thuộc quyền giám hộ của người đã trao tín vật. Vì vậy, nói là đoạt, tức cha mẹ cướp con gái lại. Xem Pháp uẩn 1 (tr. 456), quyền giám hộ, và quyền cướp đoạt đối với người nữ.

[337] Trả quyền giám hộ lại cho cha mẹ cô.

[338] Vì cô gái đã hứa hôn rồi.

Tỳ-kheo liền đến chỗ cư sĩ kia, nắm đầu cư sĩ nói:

- Ông phải rước cô gai kia về; bằng không, phải buông người ta ra. Sau đó, Tỳ-kheo hết cuồng, nghi. Đức Phật dạy:

- Điên cuồng tâm loạn, thống não bức bách, tất cả đều không phạm.

VI. VÔ CĂN BA-LA-DI [339]

1. Thế Tôn ở tại thành Vương xá. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chắp tay bạch Phật:

- Bạch Đại đức, Đạp-bà-ma-la Tử thanh tịnh mà Tỳ-kheo Từ Địa dùng vô căn hủy báng, như vậy phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Ban đầu chưa chế giới, không phạm. Thưa:

- Bạch Đại đức, nếu dùng vô căn pháp hủy báng Tỳ-kheo thanh tịnh, phạm hay không?

Đức Phật dạy:

- Phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

2. Có Tỳ-kheo cùng người nữ ngồi dưới gốc cây. Tỳ-kheo khác nói:

- Thầy phạm dâm với người nữ. Vị kia trả lời:

- Tôi không phạm. Tôi chỉ cùng ngồi dưới gốc cây thôi. Vị hủy báng kia nghi. Đức Phật dạy:

---

[339] Các điều 6 & 7. được lướt qua.

- Vì lời nói chân thật, chứ không cố ý hủy báng thì không phạm.

3. Có Tỳ-kheo về nhà cọng thông cùng vợ cũ. Có Tỳ-kheo nọ tướng mạo giống như với Tỳ-kheo này, nên các Tỳ-kheo khác nói với Tỳ-kheo giống:

- Ngươi phạm vợ cũ. Vị đó nói:

- Tôi không phạm, vị kia phạm. Tỳ-kheo kia giống tôi. Vị ấy nghi. Đức Phật dạy:

- Vì lời nói thật, chứ không vì hủy báng, không phạm.

4. Có dâm nữ là đàn-việt của Tỳ-kheo nọ. Tỳ-kheo khác nói:

- Ngươi phạm dâm nữ. Vị kia nói:

- Người ấy là đàn-việt của tôi. Tôi không phạm dâm với người ấy.

Vị hủy báng nghi. Đức Phật dạy:

- Vì thật ngữ, chứ không vì hủy báng thì không phạm.

Nếu đối với vợ, đồng nữ, huỳnh môn, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni cũng như vậy.

5. Có Tỳ-kheo ôm sa-di nhỏ, vuốt ve và hôn. Tỳ-kheo khác nói:

- Ngươi phạm với sa-di. Vị kia nói:

- Tôi không phạm. Chỉ vuốt ve và hôn thôi. Vị kia nghi, Đức Phật nói:

- Vì thật ngữ chứ không vì hủy báng, không phạm.

6. Có Tỳ-kheo lấy giây lưng của Tỳ-kheo khác. Vị kia nói:

- Ngươi lấy trộm dây lưng của tôi. Vị kia nói:

- Tôi không lấy trộm, tôi lấy với ý thân tình. Vị kia nghi. Đức Phật dạy:

- Vì thật ngữ chứ không vì hủy báng nên không phạm.

7. Có Tỳ-kheo dùng vô căn Tăng-già-bà-thi-sa hủy báng người khác, rồi nghi, Đức Phật dạy:

- Phạm Ba-dật-đề.

-oOo-

Phần 4: NÊU DẪN CÁC SỰ VIỆC: PHÒNG XÁ, TẠP SỰ, NGŨ BÁCH KẾT TẬP, THẤT BÁCH KẾT TẬP, ĐIỀU ĐẠT, TỲ NI TĂNG NHẤT

Chương VI: TỲ NI TĂNG NHẤT [340]

Tôi nghe như vầy, một thời, Phật ở tại tinh xá Kỳ-hoàn, trong

vườn của Cấp Cô Độc Thực, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy nên lắng nghe, khéo suy nghĩ! Nếu Tỳ-kheo nào dùng văn cú tương tợ [341] để ngăn trở Pháp và Tỳ-ni, thì Tỳ-kheo này sẽ khiến cho nhiều người không được lợi ích, tạo ra các nghiệp khổ, để tiêu diệt chánh pháp. Tỳ-kheo nào tùy thuận văn cú, không trái Pháp và Tỳ-ni, thì Tỳ-kheo này làm lợi ích nhiều người, không khiến tạo ra các khổ nghiệp, và chánh pháp được tồn tại lâu dài.

- Này các Tỳ-kheo, các Thầy cần phải tùy thuận văn cú, đừng thêm bớt trái với Pháp và Tỳ-ni. Hãy học tập như vậy.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi

---

[340] Tham chiếu Pāli, Luật tạng, Parivāra (Phụ tùy): Ekuttarikanaya (Tăng nhất pháp), Vin.v. 113ff. Thập tụng luật 48 (T23n1435 tr.346att).

[341] Tham chiếu Thập tụng 48 (T23n1435 tr.353a8): - Có Tỳ-kheo, nhiều tri thức, có thế lực; những gì được nói mọi người đều tin dung. Tỳ-kheo ấy ở trong pháp tỳ-ni mà Như lai hiển hiện phát sinh tư tưởng lệch lạc; ở trong văn tự mà chế tác văn cú tương tự, làm ngăn che pháp, che lấp pháp, không tùy thuận pháp, nói điều không trọn nghĩa. Tỳ-kheo đó là người biên bỉ, hạ tiện, không ích gì cho đời, không có sở hành của nam tử.

nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

Đức Phật dạy:

- Nếu Tỳ-kheo nào, phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, thì Tỳ-kheo này sẽ khiến nhiều người không được lợi ích, chỉ tạo ra các nghiệp khổ để diệt chánh pháp thôi. Tỳ-kheo nào, phi pháp nói là phi pháp, pháp nói là pháp, thì Tỳ-kheo này sẽ lợi ích nhiều người, tạo ra các thiện nghiệp, khiến chánh pháp tồn tại lâu dài. Vậy, các Thầy nên tùy theo lời dạy này: phi pháp nên nói là phi pháp, pháp nói là pháp.

Hãy học tập như vậy.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu Tỳ-kheo nào, phi tỳ-ni nói là tỳ-ni, tỳ-ni nói là phi tỳ-ni, thì sẽ khiến nhiều người không được lợi ích, và chỉ làm các nghiệp khổ để diệt chánh pháp. Trường hợp Tỳ-kheo nào, phi tỳ-ni nói là phi tỳ-ni, tỳ-ni nói là tỳ-ni, thì sẽ lợi ích được nhiều người, không tạo ra các khổ nghiệp, khiến chánh pháp tồn tại lâu dài.

- Vậy, các Thầy nên tùy theo lời dạy này: phi tỳ-ni nói là phi tỳ-ni, tỳ-ni nói là tỳ-ni. Hãy học tập như vậy.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo tiếp:

- Nếu Tỳ-kheo nào, phi chế lại chế, đã chế lại đoạn, thì những việc làm như vậy dần dần khiến cho giới bị hủy hoại,[342] khiến nhiều người không được lợi ích, tạo ra các nghiệp khổ, khiến diệt chánh pháp. Nếu Tỳ-kheo nào, phi chế không chế, đã chế không đoạn, thì như vậy lần lần khiến cho giới thành tựu, lợi ích nhiều người, không tạo ra các nghiệp khổ, khiến chánh pháp tồn tại lâu dài. Vậy, các Thầy, phi chế không được chế, đã chế không được đoạn, nên tùy theo giới luật đã chế mà học.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì. Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Như Lai ra đời, vì thấy những lỗi lầm, nên bằng một nghĩa, vì các Thanh văn kiết giới, nhiếp thủ Tăng. Do một nghĩa này nên Như Lai vì các Thanh văn mà kiết giới.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín ưa và thọ trì. Cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài. Mỗi đoạn đều nói như vậy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo tiếp:

- Như Lai ra đời, bằng một nghĩa, vì các Tỳ-kheo chế yết-ma ha trách, nhiếp thủ Tăng. Do một nghĩa này nên Như Lai ra đời, vì các Tỳ- kheo chế

[342] Thập tụng 48 (T23n1435 tr.353a5): - Như Lai xuất thế, hiện pháp tỳ-ni không thuyết một lúc mà được thuyết dần dần. Như Lai xuất thế, hiện pháp tỳ-ni không bị phá một lần, mà bị phá dần.

yết-ma ha trách.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín ưa và thọ trì. Cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài. Mỗi đoạn đều nói như vậy.

Cũng vậy, yết-ma tẫn, yết-ma y chỉ, yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y, yết-ma tác bất kiến tội cử, yết-ma không sám hối, yết-ma không bỏ ác kiến. Kiểm xét pháp luật chế định, chế thọ y chỉ, chế phạm phạt, chế cử tội, chế ức niệm, chế cầu thính, chế tự ngôn, chế ngăn A-nậu-bà-đà,[343] chế ngăn thuyết giới, chế ngăn tự tứ, chế giới, chế thuyết giới, chế bố-tát, chế yết-ma bố-tát, chế tự tứ, chế yết-ma tự tứ, chế bạch, Bạch yết-ma, chế Bạch nhị yết-ma, chế Bạch tứ yết-ma, chế Phú tàng, cho bản Nhật trị, cho Ma-na-đỏa, cho xuất tội, chế bốn Ba-la-di, chế mười ba Tăng-già-bà-thi-sa, hai bất định, ba mươi Ni-tát-kỳ, chín mươi Ba-dật-đề, bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni, Thức-xoa-ca-la-ni, bảy Diệt tránh.

Mỗi một đoạn đều như yết-ma quở trách.

I. MỘT PHÁP

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

1. Nói một lời liền thành xả giới. Nói như vầy: - Tôi xả Phật. Nói một lời như vậy, liền thành xả giới.

---

[343] A-nậu-bà-đà 阿(少/兔)婆陀. Pāli: anuvāda, phi nạn, buộc tội. Trong bốn tránh sự, Hán dịch là giáo giới (tránh sự), Pāli: anuvādādhikarana.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa thọ trì.

2. Nói, Tôi xả Pháp, - tôi xả Tăng, tôi xả Hòa thượng, tôi xả đồng Hòa thượng, xả A-xà-lê, xả đồng A-xà-lê, xả các Tỳ-kheo tịnh hạnh, xả giới, xả Tỳ-ni, xả học sự, tôi là bạch y, hãy nhớ cho tôi là người giữ vườn, hãy nhớ cho tôi là Ưu-bà-tắc, hãy nhớ cho tôi là sa-di, hãy nhớ cho tôi là ngoại đạo, là đệ tử ngoại đạo, hãy nhớ cho tôi chẳng phải là Sa-môn Thích tử.[344]

Mỗi mỗi trường hợp cũng đều như trên.

II. HAI PHÁP

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

1. Có hai loại phạm: một là khinh; hai là trọng.[345] Đó là hai loại phạm.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa thọ trì.

2. Lại có hai việc: một là khinh mà hữu dư,[346] hai là khinh mà được tác yết-ma.

3. Lại có hai việc: Ba-la-di, tăng-già bà-thi-sa.

4. Lại có hai việc: Ba-la-di, Thâu-lan-giá.

5. Lại có hai việc: Ba-la-di, Ba-dật-đề.

6. Lại có hai việc: Ba-la-di, Ba-la-đề-đề-xá-ni.

---

[344] Nguyên Hán: Sa-môn Thích tử pháp; dư chữ pháp. Tham chiếu Thập tụng 48 (T23n1435 tr.352c03).

[345] Pāli, Vin. v. 115, liệt kê khinh tội (lahukā āpatti), trọng tội (garukā āpatti)vào mục một pháp (ekakavāro). Sớ giải: Khinh tội, tội thuộc 5 thiên được thanh tịnh bằng xử trị nhẹ. Trọng tội, là Tăng-già-bà-thi-sa được thanh tịnh bằng xử trị nặng. Thập tụng liệt cặp khinh-trọng vào mục hai pháp.

[346] Pāli: sāvasesā āpatti, hữu dư tội; Sớ giải (Vin. vii. 1319): trừ các Ba-la-di ra, còn lại là tội hữu dư. Tội này cũng được liệt trong pháp một. Bản Hán nói, hữu dư khinh tội, trừ tăng-già-bà- ba-thi-sa, chỉ các tội còn lại.

7. Lại có hai việc: Ba-la-di, Đột-kiết-la.

8. Lại có hai việc: Ba-la-di, ác thuyết.

9. Tăng-già bà-thi-sa, cho đến ác thuyết cũng như vậy.[347] Thâu- lan-giá, cho đến ác thuyết cũng như vậy. Ba-dật-đề, cho đến ác thuyết cũng như vậy. Ba-la-đề-đề-xá-ni, cho đến ác thuyết cũng như vậy. Đột- kiết-la, ác thuyết cũng như vậy.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

10. Có hai sự thấy mà người xuất gia không nên hành: phi pháp thấy là pháp, pháp thấy là phi pháp.[348]

11. Lại có hai sự thấy: tỳ-ni nói là phi tỳ-ni, phi tỳ-ni nói là tỳ-ni.

12. Lại có hai kiến giải: phi phạm thấy là phạm, phạm thấy là phi phạm.[349]

13. Lại có hai sự thấy: khinh thấy là trọng, trọng thấy là khinh.

14. Lại có hai sự thấy: hữu dư thấy là vô dư, vô dư thấy là hữu

dư.[350]

15. Lại có hai sự thấy: thô ác thấy là phi thô ác, phi thô ác thấy

là thô ác.[351]

---

[347] Mỗi hạng mục gồm hai sự, cú pháp như mẫu trên.

[348] Thập tụng, có hai sự thấy phi pháp, và có hai sự thấy (như) pháp.

[349] Pāli: āpatti (tội) và anāpatti (phi/vô tội).

[350] Thập tụng, hai loại phạm: hữu tàn và vô tàn. Pāli: sāvasesā, anavasesā.Sớ giải: trừ Ba-la- di, còn lại là hữu dư (tàn). Vô dư (tàn) là Ba-la-di

[351] Thô ác và phi thô ác, Pāli: dutthulla, adutthulla, cùng với ác cặp kể trên trong Pāli được tách thành pháp

16. Lại có hai sự thấy: cựu pháp [352] thấy là phi cựu pháp, phi cựu pháp thấy là cựu pháp.

17. Lại có hai sự thấy: chế thấy là phi chế, phi chế thấy là chế.[353]

18. Lại có hai sự thấy: thuyết thấy là phi thuyết, phi thuyết thấy là thuyết.[354]

19. Lại có hai sự thấy: rượu thấy là chẳng phải rượu, chẳng phải rượu thấy là rượu.

20. Lại có hai sự thấy: ẩm thấy phi ẩm, phi ẩm thấy là ẩm.[355]

21. Lại có hai sự thấy: thực thấy phi thực, phi thực thấy là thực.[356]

22. Lại có hai sự thấy: thời thấy phi thời, phi thời thấy là thời.[357]

---

riêng và liệt kê vào mục một pháp. Sớ giải: dutthullā, thô ác tội, gồm hai tụ (Ba-la-di và tăng già-bà-thi-sa); adutthullā, phi thô ác, là các tội dư tàn (Ba-dật-đề các thứ).

[352] Cựu pháp, có lẽ Pāli: pubbāpatti, tiền tội; Sớ giải: tội tối sơ vi phạm (panhamam āpannāpatti), trái với aparāpatti, hậu tội, tội vi phạm sau khi hành biệt trụ (pārivāsikādīhi pacchā āpannāpatti).

[353] Chế 制, hay quy định. Pāli: paññatti. Pāli:Liệt kê : paññatti, chế ; anuppannapaññatti: bất tùy phạm chế (quy định không căn cứ theo vi phạm đã xảy ra); sab- batthapaññatti: biến xứ chế (quy định cho tất cả mọi trường hợp), padesapaññatti: nhất phần chế (quy định có giới hạn); sādhāranapaññatti, cộng thông chế (quy định chung cho cả hai bộ); asāhdāranapaññatti: bất cộng thông chế (quy định riêng cho mỗi bộ); ekatopaññatti: nhất bộ chế; ubhatopaññatti: lưỡng bộ chế.

[354] Thuyết và phi thuyết; Pāli: desanā vā adesanā. Trong Kinh, khi nói - thuyết, chỉ cho những điều được Phật thuyết (dhamma-desanā). Trong Luật, nói - thuyết chỉ sự thuyết tội, tức sám hối tội. Pāli: desanāgāminī-āpatti, tội cần được thuyết, chỉ các tội nhẹ, trừ Ba-la-di và Tăng-già- bà-thi-sa.

[355] Ẩm, hay ẩm liệu, Pāli: pāna, chỉ các thứ được quy định dùng như là thức uống. Phật quy định tám thứ nước trái cây được dùng như ẩm liệu. Xem phần iii, chương vii - Thuốc mục 5:

- Nay có tám thứ nước mà xưa kia Tiên nhân vô dục thường uống. Đó là: nước lê, nước diêm- phù, nước táo chua, nước mía, nước quả thị, nước xá-lâu-già, nước bà-lâu-sư và nước nho. Pāli (Vin.i. 246): ambapāna, nước quả xoài; jambupāna, nước quả hồng đào; cocapāna, nước dừa; mocapāna, nước chuối; madhūkapāna, mật; muddikapāna, nước nho; sālūkapāna, nước ngó sen; phārusa-kapāna, không rõ.

[356] 356. Thực 食, gồm năm loại thực phẩm chính gọi là chánh thực: phạn, khứu, can phạn, ngư, nhục 飯乾飯魚及肉. Pāli: odana (cơm chín), kummāsa (bánh bột, hay cháo chua), sattu (bánh khô), maccha (cá), mansa (thịt). Cf. Căn bản (T23n1442 tr.821b24), 5 loại thực phẩm bồ-thiện- ni 蒲繕尼食, cơm, đậu mạch, lương khô, thịt, bánh 飯麥豆飯糗肉餅.

[357] Thời, ngôn ngữ của Luật, chỉ thời gian cho phép xử dụng. Thời y (Pāli: kāla-cīvara), y mà Tỳ-kheo nhận được trong tháng hậu ca-đề, hay trong thời gian y ca-thi-na chưa xả. Thời thực, thời gian được phép ăn các

23. Lại có hai sự thấy: tịnh thấy không tịnh, không tịnh thấy là tịnh.[358]

24. Lại có hai sự thấy: trọng thấy phi trọng, phi trọng thấy là trọng.

25. Lại có hai kiến giải: nạn thấy phi nạn, phi nạn thấy là nạn.[359]

26. Lại có hai sự thấy: không có trùng thấy là có trùng, có trùng thấy là không trùng.

27. Lại có hai sự thấy: phá thấy là không phá, không phá thấy là phá.[360]

28. Lại có hai sự thấy: chủng thấy là phi chủng, phi chủng thấy là chủng.[361]

29. Lại có hai sự thấy: nghĩa đã giải [362] thấy là nghĩa chưa giải, nghĩa chưa giải thấy là nghĩa đã giải.

30. Lại có hai sự thấy: khả thân thấy phi thân, phi thân thấy là khả thân.[363]

31. Lại có hai sự thấy: sợ thấy là không sợ,

---

loại chánh thực từ mặt trời mọc, cho đến giữa trưa. Thời dược, chỉ các loại chánh thực được dùng như thuốc. Trái lại là các thứ phi thời. Mỗi thứ được dùng theo quy định riêng. Phi thời hành, Tỳ-kheo vào xóm từ sau giữa trưa cho đến sáng hôm sau.

[358] Tịnh 淨, theo nghĩa kinh, là sự thanh tịnh; Pāli: suddhi hay visuddhi. Tịnh dùng trong nghĩa Luật, chỉ sự hay vật được dùng đúng cách. Pāli: có hai hạng người như kappa.

[359] Nạn, chỉ các tai họa bất ngờ. Tám nạn sự được phép thuyết giới tóm lược: Vua, giặc cướp, lửa, nước, bệnh, nhân, phi nhân, ác trùng. Ngoài ra, các trường hợp khác còn thêm mạng nạn và phạm hạnh nạn. Pāli: rājantarāyo (vương nạn), corantarāyo (tặc nạn), agyantarāyo (nạn lửa), udakantarāyo (nạn nước), manussantarāyo (nạn loài người), amanussantarāyo (nạn loài phi nhân), vānantarāyo (nạn mãnh thú), sarīsapantarāyo (nạn rắn độc), jīvantarāyo (nguy hiểm sinh mạng), brahmacariyantarāyo (nguy hiểm phạm hạnh).

[360] Phá. Có hai nghĩa: vỡ đôi, chỉ sự phá Tăng (Pāli: sanghabheda); và huỷ hoại, chỉ phá giới (sīlavipatti), phá kiến (ditthivipatti), phá oai nghi (Pāli: ācāravipatti) và phá chánh mạng (Pāli: ājāvavipatti.)

[361] Chủng 種. Chưa rõ dùng theo nghĩa nào.

[362] Dĩ giải nghĩa 已解義, hay nói liễu nghĩa, chỉ điều đã được thuyết minh ý nghĩa rốt ráo. Pāli: nītattha.

[363] Thân 親, khả thân 可親, chỉ những chỗ đáng thân cận không không đáng thân cận.

không sợ thấy là sợ.[364]

32. Lại có hai sự thấy: đạo thấy là phi đạo, phi đạo thấy là đạo.[365]

33. Lại có hai sự thấy: khả hành thấy phi hành, phi hành thấy là khả hành.

34. Lại có hai sự thấy: xuất ly thấy không xuất ly, không xuất ly thấy là xuất ly.

35. Lại có hai sự thấy: khí (vất bỏ) thấy là không khí, không khí thấy là khí.[366]

36. Lại có hai sự thấy: thấy thế gian thường, thấy thế gian vô thường.

37. Lại có hai sự thấy: thấy thế giới có biên tế, thấy thế giới không biên tế.

38. Lại có hai sự thấy: thân tức là mạng, thân khác mạng khác.

39. Lại có hai sự thấy: Như Lai có diệt độ, Như Lai không diệt độ.[367]

40. Lại có hai sự thấy: Như Lai vừa có vừa không diệt độ, Như Lai chẳng phải có chẳng phải không diệt độ.[368]

Trong Phật pháp có hai sự thấy như vậy, người

---

[364] Bố 怖; sự hãi, chỉ những chỗ mất an ninh, thường có bọn cướp ẩn núp. Tỳ-kheo không được lai vãng chỗ đó. Pāli: bhaya, hay sappanibhaya.

[365] Đạo 道 (Pāli: magga), theo nghĩa Kinh, chỉ chánh đạo, con đường tu tập. Phi đạo 非道 (Pāli: amagga) chỉ tà đạo. Trong Luật, đạo, chỉ hai đường đại và tiểu tiện (Pāli: passāvamagga, tiểu tiện đạo; vaccamagga, đại tiện đạo). Phi đạo, những chỗ khác.

[366] Thập tụng, có hai loại khí (xả): khí (xả) do tự mình làm; khí (xả) do Tăng hoà hiệp như pháp tác pháp. Tức một loại không cần Tăng yết-ma, và một loại do Tăng yết-ma.

[367] Pāli: hoti tathāgato para maranam, Như Lai tồn tại tồn tại sau khi chết?

[368] Từ hai pháp: thế gian thường và vô thường, nêu 14 vấn đề không được Phật trả lời, gọi là 14 vô ký vấn. Xem Trung A-hàm 60 (kinh 221. Tiễn dụ, T1n26 tr.84a21), Pāli, M. 63. Cūla- Mālukya)

xuất gia không được hành, nếu hành thì sẽ như pháp trị.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

41. Có hai loại tỳ-ni: hữu phạm tỳ-ni,[369] hữu tránh tỳ-ni.[370]

42. Lại có hai loại tỳ-ni: phạm tỳ-ni, kết sử tỳ-ni.[371]

43. Lại có hai loại tỳ-ni: Tỳ-kheo tỳ-ni, Tỳ-kheo-ni tỳ-ni.

44. Lại có hai loại tỳ-ni: phương tỳ-ni, biến tỳ-ni.[372] Đây là hai loại tỳ-ni.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

45. Có hai hạng người sống không an lạc: một là ưa sân, hai là ôm lòng oán.[373]

46. Lại có hai pháp: một là cấp tánh, hai là khó xả.

47. Lại có hai pháp: một là xan, hai là tật đố.

---

[369] So sánh Pāli: sāvajjapaññatti, hữu tội (=phạm chế). Sớ giải: sāvajjapaññattīti lokavajjā, hữu tội chế, chỉ các tội (quy đinh) theo thế gian. Tức những điều luật Phật chế tùy theo quan điểm đạo đức của thế gian.

[370] Hữu tránh tỳ-ni, chỉ những điều luật được quy đinh do các tranh chấp khởi lên giữa các Tỳ-kheo.

[371] Tham chiếu Thập tụng: tham dục tỳ-ni, sự điều phục tham dục; sân nhuế tỳ-ni, sự điều phục sân nhuế.

[372] Phương tỳ-ni 方毘尼. chỉ địa phương tức bộ phận; đây chỉ sự điều phục một phần. Biến tỳ- ni 遍毘尼, điều phục phổ biến hay toàn diện. So sánh Pāli dẫn trên: padesapaññatti, nhất phần chế, và sabbatthapaññatti: biến xứ chế. Thập tụng: biến tỳ-ni và bất biến tỳ-ni.

[373] Sân và bất hỉ (bất mãn) là hai yếu tố thường khiến Tỳ-kheo phạm tội. Xem Tăng-già-bà- thi-sa 8 & 9, của Tỳ-kheo, và các Ba-dật-đề của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. Pāli: doso appatīto.

48. Lại có hai pháp: một là khi trá, hai là siểm khúc.

49. Lại có hai pháp: một là tự cao, hai là ưa tranh cãi.

50. Lại có hai pháp: một là ưa trang sức, hai phóng dật.

51. Lại có hai pháp: một là mạn, hai là tăng thượng mạn.

52. Lại có hai pháp: một là tham, hai là nhuế.

53. Lại có hai pháp: một là khen mình, hai là chê người.

54. Lại có hai pháp: một là tà kiến, hai là biên kiến.

55. Lại có hai pháp: một là khó dạy, hai là không nhận giáo huấn.[374]

Hai hạng người như vậy sống không an lạc. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

56. Tỳ-kheo hữu học, tâm chưa đạt đến vô học, thường cầu tu tập tăng tấn thắng pháp, có hai pháp được nhiều lợi ích, khiến đắc điều chưa đắc, nhập chỗ chưa nhập, chứng pháp chưa chứng.

Hai pháp đó là: khéo (biết) phạm,[375] khéo hay trừ phạm. Người học như vậy, tâm chưa đạt đến vô học, thường cầu tu tập tăng tấn thắng pháp, có hai pháp được nhiều lợi ích, khiến đắc điều chưa

---

[374] Xem Tỳ-kheo, Tăng-già-bà-thi-sa 13: Xiển-nặc - ác tánh bất thọ nhân ngữ, ngoan cố, khó dạy bảo, không nhận lời chỉ dạy.

[375] Hán: thiện phạm 善犯. Thập tụng: có hai thiện, biết phạm và biết hối lỗi.

đắc, nhập chỗ chưa nhập, chứng pháp chưa chứng. Cho nên các ngươi hãy siêng năng tu tập học pháp như vậy.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

57. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Có Tỳ-kheo tâm chưa đạt đến vô học, thường cầu tu tập tăng tấn thắng pháp, có hai pháp được nhiều lợi ích, khiến đắc điều chưa đắc, nhập chỗ chưa nhập, chứng pháp chưa chứng.

Hai pháp đó là: đối với các đáng nhàm chán thì sinh nhàm chán; nhàm chán rồi chánh ức niệm đoạn trừ. Người học như vậy tâm chưa đạt đến vô học, thường cầu tu tập tăng tấn thắng pháp, có hai pháp được nhiều lợi ích, khiến đắc điều chưa đắc, nhập chỗ chưa nhập, chứng pháp chưa chứng. Cho nên các ngươi, đối với cái đáng nhàm chán thì sinh nhàm chán; nhàm chán rồi chánh ức niệm đoạn trừ.

Đức Phật nói kệ:

Người sáng, tâm nhàm chán Nơi những gì đáng chán

Vô úy không sợ sệt

Người hay đoạn, đắc thánh. Tỳ-kheo chánh niệm đoạn Đặng vô thượng chánh đạo Không hề có thối chuyển Được trụ nơi Niết-bàn.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe,

hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

58. Phá giới đọa trong hai đường, địa ngục và súc sinh; trì giới sinh hai đường nhân và thiên.

59. Tạo ác nghiệp trong chỗ khuất kín, sinh đọa trong hai đường địa ngục và súc sinh. Tạo thiện nghiệp trong chỗ khuất kín, đặng sinh nơi hai đường thiên và nhân.[376]

60. Tà kiến sinh hai đường địa ngục và súc sinh. Chánh kiến sinh hai đường thiên và nhân.

61. Thánh đệ tử Phật tôn quý giữa trời người, có hai pháp không được giải thoát: một là phạm giới, hai là không thấy phạm.[377]

62. Có hai pháp tự mình được giải thoát: một là không phạm, hai là thấy phạm.

63. Có hai pháp không được giải thoát: một là phạm mà không thấy tội, hai là thấy phạm mà không như pháp sám hối.

64. Có hai pháp tự mình được giải thoát: một là thấy phạm tội, hai là phạm mà có thể như pháp sám hối.

65. Có hai pháp không được giải thoát: một là thấy tội mà không như pháp sám hối, hai là như pháp sám hối mà người kia không nhận.

---

[376] Thập tụng: người vô trí phú tàng có hai quả, địa ngục và ngạ quỷ. Người trí không phú tàng có hai quả, người và trời.

[377] Thập tụng: - Phật nói, không tín thọ những điều Ta dạy, phú tàng. Những ai phú tàng, không thể thoát ly sinh lão bịnh tử khổ. Tín thọ những điều Ta dạy, không phú tàng. Những ai không phú tàng, được thoát ly sinh lão bịnh tử khổ.

66. Có hai pháp tự mình được giải thoát: một là thấy tội mà có thể như pháp sám hối, hai là như pháp sám hối mà người kia có thể như pháp thọ.

67. Trói buộc, không trói buộc cũng như vậy.

68. Có hai thứ thanh tịnh: một là không phạm, hai là sám hối.[378] Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín ưa và thọ trì.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo tiếp:

69. Có hai loại người hủy báng Như Lai: một là không tin ưa lại oán ghét, hai là tin ưa nhưng không hiểu thọ trì.

- Cho nên, nay ta bảo các người, để biết ý nghĩa này: hủy báng Như Lai thì mắc đại trọng tội. Nếu hủy báng tất cả chư thiên và người trong đời, hoặc Ma, Phạm vương, Sa-môn, Bà-la-môn, tội đó còn nhẹ. Hủy báng Như Lai, tội kia rất nặng.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín ưa và thọ trì.

70. Lại có hai loại [379] hủy báng Như Lai: một phi pháp nói là pháp, hai là pháp nói phi pháp.

71. Có hai loại không hủy báng Như Lai: một là phi pháp nói phi pháp, hai là pháp nói pháp.

72. Có hai loại hủy báng Như Lai: một là phi tỳ-ni nói tỳ-ni, hai là tỳ-ni nói phi tỳ-ni.

---

[378] Thập tụng: có hai thứ thanh tịnh, giới thanh tịnh và kiến thanh tịnh.

[379] Chỉ hai hạng người.

73. Có hai loại không hủy báng Như Lai: một là phi tỳ-ni nói là phi tỳ-ni, hai là tỳ-ni nói tỳ-ni.

74. Có hai loại hủy báng Như Lai: một là phi chế nói là chế, hai đã chế mà đoạn.

75. Có hai loại không hủy báng Như Lai: một là phi chế, hai là chế mà không đoạn.

76. Có hai pháp [380] hủy báng Như Lai: một là phi pháp nói pháp, hai là pháp nói phi pháp.

77. Có hai pháp không hủy báng Như Lai: một là phi pháp nói phi pháp, hai là pháp nói pháp.

78. Cho đến thuyết nói phi thuyết cũng như vậy.

79. Hai xứ, hai sự, hai kiến cũng như vậy.

80. Lại có hai pháp không thọ nhận thiện giáo của Như Lai cũng như vậy.

81. Lại có hai pháp vi nghịch Như Lai cũng như vậy.

82. Lại có hai pháp kiên trì tranh thuyết cùng Như Lai cũng như vậy.

83. Lại có hai pháp không phụng thờ Như Lai cũng như vậy.

84. Lại có hai pháp không gặp Như Lai cũng như vậy.

85. Lại có hai pháp thô lỗ, không có từ tâm đối với Như Lai cũng như vậy.

---

[380] Ở trên, 2 & 3, chỉ hai hạng người. Đây chỉ hai pháp.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

86. Có hai chúng, một là chúng pháp ngữ, hai là chúng phi pháp ngữ.

Thế nào là chúng phi pháp ngữ? Trong chúng không dẫn Pháp Tỳ ni, không đem lời Phật dạy để nói. Sống với nhau mà không dạy điều nên dạy. Sống với nhau mà không chấm dứt điều nên chấm dứt. Đó gọi là phi pháp ngữ chúng.

Thế nào gọi là chúng pháp ngữ? Trong chúng dùng Pháp Tỳ ni, nói theo lời Phật dạy, dạy nhau điều nên dạy, chấm dứt điều nên chấm dứt. Đó gọi là pháp ngữ chúng.

Trong hai chúng này, chúng được pháp ngữ Ta khen ngợi là tôn quý.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

87. Lại có hai chúng, chúng như pháp và chúng không như pháp.

Thế nào là chúng không như pháp? Trong chúng, người phi pháp có thế lực, người như pháp không có thế lực; người phi pháp có bạn bè, người như pháp không có bạn bè. Yết-ma phi pháp, không tác yết-ma như pháp; tác yết-ma phi tỳ-ni, không tác yết-ma như tỳ-ni; phụng hành phi pháp, không hành như pháp. Đó gọi là phi pháp chúng.

Thế nào là chúng như pháp? Trong chúng, người như pháp có thế lực, người phi pháp không có thế lực; người như pháp có bạn bè, người không như pháp không có bạn bè. Tác yết-ma như pháp, không tác yết- ma phi pháp; tác yết-ma như tỳ-ni, không tác yết-ma phi tỳ-ni; phụng hành như pháp, diệt trừ phi pháp. Đó gọi là chúng như pháp.

Trong hai chúng này, chúng như pháp được ta khen ngợi là tôn quý.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

88. Có hai chúng; chúng bằng nhau,[381] chúng không bằng nhau cũng như vậy.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

89. Nếu pháp luật của nước, quyền lực của vua yếu thì bọn giặc xí thạnh. Bấy giờ, pháp vương [382] ra vào không được an lạc. Các tiểu vương của những nước ven biên cương không thuận theo giáo lệnh. Nhân dân ở trong nước cũng không ra vào an lạc, sinh nghiệp bị phế bỏ, ưu khổ, tổn giảm, không được lợi ích. Cũng vậy, Tỳ-kheo phi pháp có thế lực thì Tỳ-kheo như pháp không có thế lực. Tỳ-kheo như pháp không được an lạc, hoặc ở trong chúng, hoặc ở chỗ trống vắng, cũng không được nói. Khi ấy yết-ma phi pháp được thực hiện;

---

[381] Đẳng chúng và bất đẳng chúng.

[382] Pháp vương, chỉ vị vua cai trị bằng luật pháp, đạo đức, không dùng vũ lực trấn áp.

yết-ma như pháp không được thực hiện; tác yết-ma phi tỳ ni, mà không tác yết-ma như tỳ-ni, phi pháp được hành, mà như pháp không được thi hành. Chúng không cần hành tinh tấn, để đắc điều chưa đắc nhập chỗ chưa nhập, chứng pháp chưa chứng. Như vậy, khiến cho chư thiên, nhân dân không được lợi ích, thọ khổ lâu dài.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín ưa và thọ trì.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

90. - Nếu pháp luật của nước, quyền lực của vua mạnh thì sức giặc yếu. Hoặc tất cả đều đến quy phục hoặc chạy trốn. Bấy giờ, vị pháp vương ra vào an lạc, không có buồn lo. Tiểu vương các nước ven biên thuận tùng giáo lệnh. Nhân dân trong nước cũng được an lạc, sinh nghiệp tự do, không có các ưu khổ, được nhiều lợi ích, không có tổn giảm. Cũng vậy, Tỳ-kheo như pháp đặng thế lực, Tỳ-kheo phi pháp không thế lực. Tỳ-kheo phi pháp đến chỗ Tỳ-kheo như pháp phải tùy thuận theo giáo lệnh, không dám trái nghịch, hoặc sẽ bỏ trốn, không làm các điều ác. Khi ấy, Tỳ-kheo như pháp an ổn đặng vui. Nếu ở trong chúng hoặc ở chỗ trống vắng đều được nói. Tác yết-ma như pháp, không tác yết-ma phi pháp; tác yết-ma như tỳ-ni, không tác yết-ma phi tỳ-ni, như pháp được phụng hành, phi pháp không được áp dụng. Siêng năng tinh tấn tu hành, để đắc điều chưa đắc nhập

chỗ chưa nhập, chứng pháp chưa chứng, khiến cho chư thiên nhân dân được đại lợi ích.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín ưa và thọ trì.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

91. Thưa các Trưởng lão, khi có việc đấu tranh mà Tỳ-kheo cử tội người và Tỳ-kheo có tội không tự quán sát; nên biết, tránh sự này lại tăng trưởng, không được diệt trừ như pháp, như tỳ ni, khiến các Tỳ-kheo không được an lạc. Nếu Tỳ-kheo cùng tranh cãi, Tỳ-kheo cử tội người và Tỳ-kheo có tội, mỗi người đều tự quan sát lỗi lầm, thì việc tranh cãi này không tăng trưởng sâu rộng mà được như pháp, như tỳ-ni trừ diệt, các Tỳ-kheo được sống an lạc.

- Này các Tỳ-kheo, thế nào là tự quán sát lỗi lầm? Tỳ-kheo có tội nghĩ: "Ta đã phạm việc như vậy. Vị kia thấy ta phạm điều sai quấy. Nếu ta không phạm thì vị kia không thấy được ta phạm điều sai quấy. Vì ta phạm cho nên vị kia thấy ta phạm. Nay ta nên tự hối lỗi, khiến vị kia không dùng ác ngữ để quở trách ta. Nếu ta làm như vậy, khiến thiện pháp tăng trưởng." Đó gọi là Tỳ-kheo có thể tự quán sát lỗi của mình.

- Thế nào là Tỳ-kheo cử tội người, tự quán sát lỗi kia? Vị kia nghĩ: "Tỳ-kheo kia phạm điều sai quấy, khiến ta thấy được. Nếu Tỳ-kheo kia không

phạm điều sai quấy thì ta không thấy. Do Tỳ-kheo kia phạm điều sai quấy, khiến ta thấy được; nếu vị ấy có thể chí thành sám hối thì không khiến cho ta phải dùng ác ngôn. Như vậy khiến cho thiện pháp tăng trưởng." Tỳ-kheo cử tội người tự quán sát lỗi kia là vậy.

- Nếu Tỳ-kheo có tránh sự, Tỳ-kheo cử tội người và Tỳ-kheo có tội, có thể tự quán sát lỗi kia như vậy, thì lỗi lầm này không tăng trưởng, được chấm dứt như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy, các Tỳ-kheo được sống an lạc.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói như vậy. Các Tỳ-kheo nghe rồi hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

92. Có hai loại si:[383] một là phạm tội, hai là phạm không thấy.[384] Đó là hai loại si.

93. Lại có hai loại trí: một là không phạm tội, hai là phạm tội nhưng thấy. Đó là hai loại trí.

94. Lại có hai loại si: một là phạm tội mà không thấy, hai là thấy phạm tội mà không như pháp sám hối. Đó là hai loại si.

95. Lại có hai loại trí: một là thấy phạm tội, hai là thấy tội mà có thể như pháp sám hối. Đó là hai loại trí.

96. Lại có hai loại si: một là thấy tội không như

---

[383] Pāli: dve puggalā bālā, có hai loại người ngu.

[384] Không thấy được hiểu là - không tự mình thừa nhận. Trong trường hợp ngoan cố, Tăng tác yết-ma xả trí (yết-ma bất kiến tội cử, xem cht. 38, Phần iv, chương xi)

pháp sám hối, hai là như pháp sám hối mà vị kia không thọ nhận.

97. Lại có hai loại trí: một là thấy tội sám hối như pháp, hai là sám hối như pháp được vị kia thọ nhận. Đó là hai loại trí.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo nghe rồi hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

98. Vì các Tỳ-kheo có lỗi lầm nên Đức Thế Tôn chế pháp đoạn tránh với hai nghĩa:[385] một là người khó điều phục khiến được điều phục; hai là người biết hổ thẹn được an lạc.

Vì hai nghĩa này nên Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo chế pháp đoạn tránh. Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo nghe rồi hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

99. Tỳ-kheo cử tội người, muốn cử tội người nên tu hai pháp: một là chân thật, hai là không sân. Nên tu hai pháp như vậy.

100. Tỳ-kheo bị cử cũng nên tu hai pháp như vậy: một chân thật, hai không sân.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo nghe rồi hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

101. Tỳ-kheo có hai pháp làm cho chánh pháp tiêu diệt nhanh chóng: phi pháp nói là pháp, pháp

---

[385] Đoạn tranh pháp 斷諍法, tức các phát diệt tránh. Xem thêm cht. 55 đoạn dưới.

nói là phi pháp; cho đến thuyết, phi thuyết [386] cũng vậy.[387]

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

102. Lại có hai pháp không thể sinh thiện pháp: từ pháp, phi pháp, cho đến thuyết, phi thuyết cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

103. Lại có hai pháp Tỳ-kheo tự phá hoại, được liệt vào hạng phạm tội, bị người có trí chê trách, thọ nhiều tội báo: từ pháp, phi pháp, cho đến nói, không nói cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

104. Lại có hai pháp Tỳ-kheo đọa vào địa ngục như tên bắn: từ pháp, phi pháp, cho đến thuyết, phi thuyết cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy. Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

105. Có hai pháp khiến chánh pháp tồn tại lâu dài: phi pháp nói phi pháp, pháp nói là pháp, cho đến thuyết, phi thuyết cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

106. Lại có hai pháp, Tỳ-kheo có thể sinh các pháp thiện: phi pháp nói phi pháp, pháp nói là pháp, cho đến thuyết, phi thuyết cũng như vậy.

---

[386] Thuyết và bất thuyết 說不說, tức thuyết và phi thuyết: những điều được Phật nói, và những điều không phải do Phật nói.

[387] Thập tụng: hai pháp khiến pháp tiêu diệt, biến mất, chìm mất: Tỳ-kheo nghi pháp, nghi tỳ-ni. Lại có hai pháp khác: Tỳ-kheo dạy người phi pháp, phi tỳ-ni.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

107. Lại có hai pháp, Tỳ-kheo không tự phá hoại, không phạm tội, không bị người trí quở trách, thọ phước vô lượng: phi pháp nói phi pháp, pháp nói là pháp, cho đến thuyết, phi thuyết cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

108. Lại có hai pháp, Tỳ-kheo tự mình đặng sinh thiên nhanh như tên bắn: phi pháp nói phi pháp, pháp nói là pháp, cho đến thuyết, phi thuyết cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

109. Tỳ-kheo có hai pháp đáng bị cử tội: phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp cho đến nói, không nói cũng như vậy.

Đáng bị tác ức niệm, tác tự ngôn, tác ngăn A-nậu-bà-đà, ngăn thuyết giới, ngăn tự tứ cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

110. Lại có hai pháp Tỳ-kheo bị cử tội như pháp:[388] phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, cho đến thuyết, phi thuyết cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

Tác ức niệm, tác tự ngôn, tác ngăn A-nậu-bà-đà, ngăn thuyết giới, ngăn tự tứ cũng như vậy.

111. Lại có hai pháp Tỳ-kheo đáng bị trao cho

[388] 388. Để bản: như pháp cử 如法舉. Tống-Nguyên-Minh: bất như pháp ưng cử 不如法應舉.

yết-ma ha trách: phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, cho đến nói, không nói cũng như vậy. Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

Yết-ma tẫn,[389] yết-ma y chỉ, yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y, yết-ma cử tội cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai kiến cũng như vậy.

112. Có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: không hổ thẹn với điều đáng hổ thẹn, hổ thẹn với điều không đáng hổ thẹn. Có hai pháp này thì tăng trưởng hữu lậu.[390]

113. Có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: hổ thẹn với điều đáng hổ thẹn, không hổ thẹn với điều không đáng hổ thẹn.

114. Lại có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: bất tịnh thấy là tịnh, tịnh thấy là bất tịnh.[391] Có hai pháp như vậy thì tăng trưởng hữu lậu.

115. Lại có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: không tịnh thấy là không tịnh, tịnh thấy là tịnh. Có hai pháp như vậy thì không tăng trưởng hữu lậu.

116. Lại có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: không phạm thấy là phạm, phạm thấy là không

---

[389] Tẫn yết-ma 擯羯磨; yết-ma khu xuất, đuổi khỏi trú xứ hiện tại. Xem Tỳ-kheo, Tăng-già-bà-thi-sa 12 (Ô tha gia).

[390] Tham chiếu Pāli: có hai loại người tăng trưởng các lậu, 1. không nghi hối điều đáng nghi hối (na kukkuccāyitabba kukkucāyati), 2. nghi hối điều không đáng nghi hối.

[391] Tịnh, đây có nghĩa là - hợp thức", tức đúng theo điều luật đã quy định. Tham chiếu Pāli: akappiye kappasaññī, nơi điều không hợp thức (tịnh) cho là thức.

phạm. Có hai pháp như vậy thì tăng trưởng hữu lậu.

117. Lại có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: không phạm thấy không phạm, phạm thấy là phạm. Có hai pháp như vậy thì không tăng trưởng hữu lậu.

118. Lại có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: nặng thấy là nhẹ, nhẹ thấy là nặng. Có hai pháp như vậy thì tăng trưởng hữu lậu.

119. Lại có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: nhẹ thấy là nhẹ, nặng thấy là nặng. Có hai pháp như vậy thì không tăng trưởng hữu lậu.

120. Lại có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: vô dư thấy là hữu dư, hữu dư thấy là vô dư. Có hai pháp như vậy thì tăng trưởng hữu lậu.

121. Lại có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: vô dư thấy là vô dư, hữu dư thấy là hữu dư. Có hai pháp như vậy thì không tăng trưởng hữu lậu.

122. Lại có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: phi pháp thấy là pháp, pháp thấy là phi pháp. Có hai pháp như vậy thì tăng trưởng hữu lậu.

123. Lại có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: phi pháp thấy là phi pháp, pháp thấy là pháp. Có hai pháp như vậy thì không tăng trưởng hữu lậu.

124. Lại có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: phi

chế lại chế,[392] đã chế lại đoạn. Có hai pháp như vậy thì tăng trưởng hữu lậu.

125. Lại có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: phi chế không chế, đã chế thì không đoạn. Có hai pháp như vậy thì không tăng trưởng hữu lậu.

126. Có hai lời thành xả giới: "Tôi xả Phật, xả Pháp," cho đến "Tôi không phải là Sa-môn Thích tử," như trên.[393]

127. Đức Như Lai ra đời, thấy các lỗi lầm nên vì các Tỳ-kheo chế giới với hai nghĩa: một là nhiếp thủ Tăng, hai là khiến cho Tăng hoan hỷ.[394]

128. Lại có hai pháp: một là khiến người không tin sẽ tin, hai là khiến người đã tin thì tin tăng trưởng.

129. Lại có hai pháp: một là người khó điều phục được điều phục, hai là Tỳ-kheo biết tàm quý được sống an lạc.

130. Lại có hai pháp: một là khiến chánh pháp tồn tại lâu dài, hai là nhiếp thủ tỳ-ni.

131. Lại có hai pháp: một là đoạn trừ oán đời hiện tại, hai là đoạn oán đời vị lai.

132. Lại có hai pháp: một là diệt hữu lậu hiện tại, hai là diệt hữu lậu vị lại.

133. Lại có hai pháp: một là đoạn khủng bố

---

[392] Quy định điều mà Phật đã không quy định.

[393] Xem mục một pháp: một lời thành xả giới.

[394] Hai trong 10 mục đích Phật quy định giới (mười cú nghĩa). Xem Phần i, chương i, Ba-la-di 1, cht.31; Việt, quyển 1, tr. 25.

hiện tại, hai là trừ khủng bố vị lai.

134. Lại có hai pháp: một là đoạn trọng tội hiện tại, hai là đoạn trọng tội vị lai.

135. Lại có hai pháp: một là đoạn bất thiện pháp hiện tại, hai là đoạn bất thiện pháp vị lai. Vì hai nghĩa này, Đức Thế Tôn vì các Tỳ- kheo chế 21 Yết-ma

136. Lại có hai pháp, vì hai pháp nên Đức Thế Tôn chế yết-ma ha trách:[395] một là nhiếp thủ đối với Tăng, hai là khiến cho Tăng hoan hỷ, cho đến đoạn bất tịnh pháp hiện tại, bất thiện pháp vị lai cũng như trên.

Như vậy mỗi một câu cho đến bảy diệt tránh, như pháp yết-ma ha trách. Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo nghe rồi hoan hỷ, tin ưa thọ trì.[396]

III. BA PHÁP

1. Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Có ba yết-ma nhiếp tất cả yết-ma. Ba yết-ma ấy là: bạch yết-ma,[397] bạch nhị yết-ma, bạch tứ yết-ma. Đó là ba pháp yết-ma nhiếp tất cả các yết-ma.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo nghe rồi hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

---

[395] Thập tụng: Có hai sự, Phật quy định các yết-ma khổ thiết (yết-ma y chỉ, yết-ma khu xuất, yết-ma hạ ý... ma-na-đỏa, bản nhật trị, xuất tội), 1. khiến kẻ xấu không đắc lực; 2. người thanh tịnh đắc lực. Đoạn sau, có hai sự, như trên, 1. khiến đời nay thanh tịnh trì giới; 2. đời sau an lạc phạm hạnh lâu dài

[396] Hết quyển 57.

[397] Cũng nói là - đơn bạch yết-ma.

2. Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá, bảo các Tỳ- kheo: Có ba trường hợp trao ức niệm tỳ-ni phi pháp. Ba phi pháp ấy là:

a. Hoặc có Tỳ-kheo phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá. Các Tỳ-kheo nói là phạm Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá, và hỏi: - Ngươi có nhớ phạm Ba- la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Thâu-lan-giá không? Vị kia nói: - Căn bổn không thấy.[398] Này các Trưởng lão! Tôi không nhớ có phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Thâu-lan-giá. Đừng nạn vấn tôi mãi. Các Tỳ-kheo cứ nạn vấn không thôi, nên vị đó đến Tăng xin ức niệm tỳ-ni. Nếu Tăng cho vị đó ức niệm tỳ-ni, thì đó là trao ức niệm tỳ-ni phi pháp.

b. Hoặc có Tỳ-kheo phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá. Các Tỳ-kheo nói là phạm Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá, bèn hỏi: - Ngươi có nhớ phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Thâu-lan-giá không? Vị kia nói: - Căn bản không thấy. Thưa các Trưởng lão, tôi không nhớ có phạm trọng tội như vậy. Tôi phạm tiểu tội. Tôi sẽ sám hối thanh tịnh. Các Trưởng lão đừng nạn vấn tôi mãi. Vì các Tỳ-kheo cố nạn vấn không thôi, nên vị đó đến Tăng xin ức niệm tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho ức

[398] Để bản: bất kiến 不見. Các bản khác: bất hiện.

niệm tỳ-ni, thì đó là trao ức niệm tỳ-ni phi pháp.

c. Hoặc có Tỳ-kheo phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già- bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá. Các Tỳ-kheo hỏi: - Ngươi có nhớ phạm, trọng tội Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá không? Vị đó nói: - Căn bản không thấy. Thưa các Trưởng lão, tôi không nhớ có phạm trọng tội Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá. Tôi phạm tiểu tội, đã sám hối thanh tịnh. Các Trưởng lão đừng cật vấn tôi. Vì các Tỳ-kheo cật vấn không thôi, nên vị kia đến Tăng xin ức niệm tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho ức niệm tỳ-ni thì là phi pháp.

Đó là ba loại trao ức niệm tỳ-ni phi pháp.

3. Có ba trường hợp trao ức niệm tỳ-ni như pháp:

a. Nếu Tỳ-kheo không phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng- già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá. Các Tỳ-kheo khác nói là phạm trọng tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Thâu-lan-giá, bèn hỏi: Ngươi nhớ phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan- giá như vậy không? Vị kia không nhớ có phạm nên nói: Thưa Trưởng lão, tôi không nhớ phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà- thi-sa, hay Thâu-lan-giá như vậy. Các Trưởng lão đừng cật vấn tôi. Vì các Tỳ-kheo cứ cật vấn không thôi, cho nên vị kia

cố nhớ lại kỹ, rồi đến Tăng xin ức niệm tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho ức niệm tỳ-ni thì đó là trao ức niệm tỳ-ni như pháp.

b. Nếu Tỳ-kheo không phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng- già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá. Các Tỳ-kheo khác nói là phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá, bèn hỏi: - Ngươi phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Thâu-lan-giá, có nhớ không? Vị kia không nhớ có phạm, nên nói: Trưởng lão, tôi không nhớ phạm trọng tội, Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá như vậy. Tôi phạm tiểu tội, sẽ như pháp sám hối thanh tịnh. Các Trưởng lão đừng cật vấn tôi. Vì các Tỳ-kheo cứ cật vấn mãi không thôi, nên vị kia cố nhớ lại kỹ, rồi đến Tăng xin ức niệm tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho ức niệm tỳ-ni thì đó là trao ức niệm tỳ-ni như pháp.

c. Hoặc Tỳ-kheo không phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng- già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá. Các Tỳ-kheo khác nói là phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá, bèn hỏi:

- Ngươi phạm trọng tội, Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu- lan-giá như vậy, có nhớ không? Vị kia không nhớ có phạm nên nói: - Thưa Trưởng lão, tôi không nhớ phạm trọng tội, Ba-la-di, Tăng-già-bà- thi-sa, Thâu-lan-giá như vậy. Tôi phạm tiểu tội, đã sám hối thanh tịnh. Các Tỳ-kheo

đừng cật vấn tôi. Vì các Tỳ-kheo cứ cật vấn mãi không thôi, nên vị kia cố nhớ lại kỹ rồi đến Tăng xin ức niệm tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho ức niệm tỳ-ni, thì đó là trao ức niệm tỳ-ni như pháp.

Đó là ba trường hợp trao ức niệm tỳ-ni như pháp.

4. Lại có ba trường hợp trao cho bất si tỳ-ni phi pháp:

a. Nếu Tỳ-kheo không si cuồng mà dối làm si cuồng, phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo khác nói: - Ngươi phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan- giá. Vị kia nói: - Tôi điên cuồng tâm loạn, phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn. Đó chẳng phải là việc tôi cố ý làm, mà là do si cuồng. Các Trưởng lão đừng nên cật vấn tôi. Vì các Tỳ-kheo cứ vẫn cật vấn không thôi, nên vị kia đến giữa Tăng xin bất si tỳ-ni. Nếu Tăng cho bất si tỳ-ni, tức là cho bất si tỳ-ni phi pháp.

b. Nếu Tỳ-kheo không si cuồng mà dối làm si cuồng, phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo khác nói là phạm trọng tội, Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá, bèn hỏi:

- Ngươi nhớ phạm trọng tội, Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá không? Vị kia nói: - Trước đây, tôi si cuồng tâm loạn, phạm

nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải do tôi cố ý làm, mà là vì si cuồng nên làm như vậy. Như người nhớ việc trong mộng, tôi cũng như vậy. Các Trưởng lão đừng nên cật vấn tôi. Vì các Tỳ-kheo vẫn cứ cật vấn không thôi, (995a1) nên vị kia đến trong Tăng xin bất si tỳ-ni. Nếu Tăng cho bất si tỳ-ni, tức là cho bất si tỳ-ni phi pháp.

c. Nếu Tỳ-kheo không si cuồng mà dối làm si cuồng, phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo khác nói là phạm trọng tội, Ba-la-di, hoặc Tăng già bà thi sa, hay Thâu-lan-giá, bèn hỏi:

- Ngươi nhớ phạm trọng tội, Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá không? Vị kia nói: - Trước đây, tôi si cuồng nên làm như vậy. Như người từ trên núi cao rơi xuống, chỉ nắm được một ít cỏ cây mà thôi. Các Trưởng lão đừng nên cật vấn tôi. Vì các Trưởng lão vẫn cố cật vấn không thôi, nên vị kia đến giữa Tăng xin bất si tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho pháp bất si tỳ-ni, tức là trao bất si tỳ-ni phi pháp.

Đó là ba trường hợp trao bất si tỳ-ni phi pháp.

5. Lại có ba trường hợp trao Bất si tỳ-ni như pháp:

a. Nếu Tỳ-kheo si cuồng nên phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn. Sau đó, vị kia

trở lại bình phục. Các Tỳ-kheo khác nói: - Ngươi phạm trọng tội, Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá như vậy, có nhớ hay không? Vị kia nói: - Trước đây tôi si cuồng nên phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn; chẳng phải do tôi cố làm, mà vì cuồng si. Các Trưởng lão đừng gạn hỏi tôi. Vì các Tỳ-kheo cứ gạn hỏi mãi không thôi, nên vị kia khi si cuồng chấm dứt, đến trước Tăng xin bất si tỳ-ni. Nếu Tăng cho bất si tỳ-ni, tức là trao bất si tỳ-ni như pháp.

b. Nếu Tỳ-kheo si cuồng nên phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn. Sau đó, vị kia trở lại bình phục. Các Tỳ-kheo khác nói: - Ngươi phạm trọng tội, Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá như vậy, có nhớ hay không? Vị kia nói: - Trước đây tôi si cuồng nên phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn; chẳng phải do tôi cố làm, mà vì cuồng si. Như người nhớ lại việc làm trong mộng. Các Trưởng lão đừng nên gạn hỏi tôi. Vì các Tỳ-kheo vẫn cứ gạn hỏi không thôi, nên vị kia sau khi si cuồng chấm dứt, đến trước Tăng xin bất si tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho bất si tỳ-ni, tức là trao bất si tỳ-ni như pháp.

c. Nếu Tỳ-kheo si cuồng nên phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn. Sau đó, vị kia trở lại bình phục. Các Tỳ-kheo khác nói: - Ngươi phạm trọng tội, Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá như vậy, có nhớ hay không? Vị

kia nói: - Trước đây tôi si cuồng nên phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn; chẳng phải do tôi cố làm, mà vì cuồng si. Tôi nhớ như người từ trên núi cao rơi xuống chỉ nắm được một ít cỏ cây mà thôi. Các Trưởng lão đừng cật vấn tôi. Vì các Tỳ-kheo cứ cật vấn mãi không thôi, nên vị kia, sau khi cuồng si dứt, đến trước Tăng xin bất si tỳ-ni. Nếu Tăng cho bất si tỳ-ni, tức là trao cho bất si tỳ-ni như pháp.

Đó là ba trường hợp trao bất si tỳ-ni như pháp.

6. Có ba loại điều phục pháp:[399] ha trách, tẩn xuất, y chỉ. Đó là ba pháp điều phục.

7. Có ba pháp diệt tránh: Dùng lời của nhiều người, tội xứ sở, cỏ che đất. Đó là ba pháp diệt tránh.

8. Lại có ba pháp, nên gọi Tỳ-kheo đến hiện tiền rồi tác bạch, sau đó mới tác ba yết-ma. Ta nói pháp như vậy, đắc xứ sở, yết-ma thành tựu. Nếu Tỳ-kheo ưa đấu tranh, Tăng nên trao cho ba loại yết-ma: hoặc yết-ma ha trách, hoặc yết-ma y chỉ, hoặc yết-ma tẩn.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

9. Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo, có ba pháp không được cho thọ đại giới: một là phá giới,

---

[399] Ba biện pháp chế ngự Tỳ-kheo phạm luật.

hai là phá kiến, ba là phá oai nghi.[400] Người có ba pháp như vậy không được cho thọ đại giới.

Có ba pháp nên cho thọ đại giới: Không phá giới, không phá kiến, không phá oai nghi. Người có ba pháp như vậy nên cho thọ đại giới.

10. Tỳ-kheo có ba pháp, Tăng nên trao cho pháp yết-ma ha trách: phá giới, phá kiến, phá oai nghi. Phạm vào ba pháp như vậy Tăng nên trao cho pháp yết-ma quở trách.

11. Hoặc yết-ma tẫn, hay yết-ma y chỉ, yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y, yết-ma cử, cũng như vậy.

12. Người bị cử có ba pháp, không được cho giải yết-ma: Nên thấy [401] mà không thấy, nên sám mà không sám, nên xả mà không xả.[402] Vi phạm vào ba pháp như vậy, không được vì họ giải yết-ma.

13. Người bị cử [403] có ba pháp nên vì họ giải yết-ma: Nên thấy thì thấy, nên sám thì sám, nên xả thì xả. Làm được ba pháp như vậy, nên vì họ giải yết-ma.

14. Người bị cử có ba pháp, không được vì họ giải yết-ma: Nên thấy mà không thấy, nên sám mà không sám, nên tin mà không tin. Ai có ba pháp

---

[400] Tương đương với ba trong số 13 già nạn không được thọ cụ túc, theo thứ tự: phạm biên tội, pháp nội ngoại đạo, tặc trụ.

[401] Tức thấy tội, hay nhận tội.

[402] Kiên trì ác kiến không xả. Xem cht.43, Ch.xi (Phần iv). Xem Tỳ-kheo, ba-đạt-đề 68, 69.

[403] Bị Tăng xả trí. Xem thêm cht.2, cht.8 ch.ix; cht.13, ch.x.

như vậy, không được cho giải yết-ma.

15. Người bị cử có ba pháp nên cho giải yết-ma: Nên thấy thì thấy, nên sám thì sám, nên tin thì tin. Ai có ba pháp như vậy, nên cho giải yết-ma.

16. Tỳ-kheo có ba pháp nên trao cho pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y: Trước người bạch y mà chê trách Phật, Pháp, Tăng. Ai có ba pháp như vậy, nên trao cho pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y.

17. Trao cho Tỳ-kheo pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y nên bằng ba pháp để cân nhắc: xứng lượng Tỳ-kheo, xứng lượng bạch y, xứng lượng sự việc.

18. Lại có ba pháp: xứng lượng Tỳ-kheo, xứng lượng bạch y, xứng lượng yết-ma.

19. Lại có ba pháp: Xứng lượng Tỳ-kheo, xứng lượng bạch y, xứng lượng tội phạm.

20. Lại có ba pháp: có thật hay không thật, có làm hay không làm, đáng trao cho pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y, hay không đáng trao cho pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y. Đó là ba việc cân nhắc để trao cho Tỳ-kheo yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y.

21. Lại có ba pháp tác yết-ma quở trách phi pháp phi tỳ-ni yết-ma không thành, không đắc xứ sở. Ba pháp ấy là, không tác cử, không tác ức niệm, không tác tự ngôn.

22. Lại có ba pháp: không phạm, tội phạm không thể sám, hoặc tội đã sám rồi.

23. Lại có ba pháp: không tác cử, phi pháp, biệt chúng.

24. Lại có ba pháp: không tác ức niệm, phi pháp, biệt chúng .

25. Lại có ba pháp: không tác tự ngôn, phi pháp, biệt chúng.

26. Lại có ba pháp: không phạm, phi pháp, biệt chúng.

27. Lại có ba pháp: tội phạm không thể sám hối, phi pháp, biệt chúng.

28. Lại có ba pháp: tội phạm đã sám hối, phi pháp, biệt chúng.

29. Lại có ba pháp: không hiện tiền, phi pháp, biệt chúng.

Có ba pháp như vậy, tác yết-ma quở trách phi pháp, phi tỳ-ni, không thành, không đắc xứ sở.

30. Có ba pháp tác yết-ma quở trách như pháp, như tỳ-ni thành tựu, đắc xứ sở (đúng cách) (ngược lại với câu trên, để khỏi phiền nên không chép ra).[404]

31. Có ba việc lộng âm xuất tinh Tăng-già-bà-thi-sa: hồi tưởng, lộng, xuất bất tịnh. Làm ba việc như vậy phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

32. Lại có ba việc: hồi tưởng, lộng, muốn xuất

[404] Phụ chú trong nguyên bản.

bất tịnh màu xanh, hoặc xuất bất tịnh màu xanh, Tăng-già-bà-thi-sa.

33. Nếu hồi tưởng, lộng, muốn xuất bất tịnh màu xanh, cho đến xuất bất tịnh màu vàng, hoặc đỏ, hoặc trắng, hoặc đen, hoặc màu sữa, hoặc bất tịnh màu lạc tương, Tăng-già-bà-thi-sa.

34. Nếu hồi tưởng, lộng, cho đến muốn xuất bất tịnh màu nước sữa, hoặc xuất, Tăng-già-bà-thi-sa.

35. Nếu hồi tưởng, lộng, muốn xuất bất tịnh màu lạc tương, cho đến xuất bất tịnh màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, Tăng-già-bà-thi-sa.

36. Cũng vậy, vì khoái lạc, vì làm thuốc, vì thử nghiệm, vì phước đức, vì tế trời, vì thiện đạo, vì bố thí, vì lấy giống, vì vọc chơi, vì buông tuồng, vì thử sức, vì (996a1) nhan sắc, vì dễ ngươi; tất cả đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

37. Đối với nội sắc cũng như vậy. Đối với ngoại sắc cũng như vậy. Đối với nội ngoại sắc cũng như vậy. Nếu đối với nước, với gió, với hư không cũng như vậy.

38. Có ba hạng người phạm: không điên cuồng, không thác loạn, không thống não. Đó là ba hạng người phạm.

39. Có ba hạng người không phạm: điên cuồng, thác loạn, thống não. Đó là ba hạng người không phạm.

40. Có ba loại chúng sinh mà hành dâm với, phạm Ba-la-di: nhân, phi nhân, súc sinh. Đó là ba loại chúng sinh hành dâm phạm Ba-la-di.

41. Lại có ba loại: phụ nữ, đồng nữ, hai căn.

42. Lại có ba loại: phụ nữ, đồng nữ, huỳnh môn. 43. Lại có ba loại: phụ nữ, đồng nữ, nam tử.

44. Lại có ba: nam tử, hai căn, huỳnh môn.

45. Lại có ba loại phụ nữ mà hành dâm với, phạm Ba-la-di: phụ nữ loài người, phụ nữ loài phi nhân, súc sinh cái.

46. Đồng nữ cũng như vậy. Hai căn cũng như vậy. Huỳnh môn cũng như vậy. Nam tử cũng như vậy.

47. Với phụ nữ loài người, hành dâm tại ba chỗ: đại tiện, tiểu tiện và miệng, phạm Ba-la-di

48. Phụ nữ phi nhân, phụ nữ súc sinh; đồng nữ loài người, đồng nữ phi nhân; súc sinh cái, người hai căn, phi nhân hai căn, súc sinh hai căn cũng như vậy.

49. Có ba loại trộm phạm Ba-la-di: tự mình lấy, hiện tiền chỉ bảo lấy, sai phái người đi lấy.

50. Lại có ba: không nghĩ tưởng của mình mà lấy, không lấy tạm, chẳng phải thân tình mà lấy.

51. Lại có ba: của người, ý tưởng là của người, dời khỏi chỗ cũ.

52. Có ba loại đoạn mạng phạm Ba-la-di: người có ý tưởng là người, hoặc dùng thân, hay

dùng miệng để đoạn mạng. Đó là ba loại đoạn mạng phạm Ba-la-di.

53. Có ba loại đoạn mạng người không phạm Ba-la-di: người mà tưởng là phi nhân, hoặc dùng thân, hay dùng miệng để đoạn mạng. Đó là ba loại đoạn mạng người mà không phạm Ba-la-di.

54. Có ba loại tự xưng đặng pháp thượng nhân phạm Ba-la-di: không đắc nói đắc, không nhập nói nhập, không chứng nói chứng. Đó là ba loại.

55. Lại có ba loại: phạm do thân, phạm do miệng, phạm do cả thân và miệng.[405] Đó là ba loại (Trong ba điều phạm này lại có bốn vế khác tên: vế thứ nhất nói, ba loại tướng.[406] Vế hai, nói ba loại chú. Vế ba, nói ba phi oai nghi.[407] Vế bốn, nói ba tà mạng [408])[409]

56. Lại có ba: Tham, nhuế, si. Đó là ba.

57. Lại có ba: Thân dục, khẩu dục, thân khẩu dục. Đó là ba.[410]

58. Lại có ba: Thân nhuế, khẩu nhuế, thân khẩu nhuế. Đó là ba.

59. Lại có ba: Thân si, khẩu si, thân khẩu si.

---

[405] Tham chiếu Pāli: do ba hành tướng phạm tội (tīhākārehi āpatti āpajjati): phạm bởi thân, phạm bởi miệng, phạm bởi thân và miệng.

[406] Để bản: tướng 相. Các bản khác: kiến (đọc là hiện) tướng 見相. Pāli: ākāra, hành tướng, hay dấu hiệu. Xem cht.65 trên.

[407] Oai nghi, ở đây, Pāli: ācāra, hành vi hay cử chỉ. Ba phi oai nghi, Pāli: ba phi hành, phi hành nơi thân (kāyikena anācārena; Sớ giải: vi phạm học xứ đối với thân), phi hành nơi miệng, phi hành nơi thân và miệng.

[408] Ba tà mạng. Tham chiếu Pāli: tà mạng qua thân (kāyikena micchā?jivena), qua miệng, qua thân và miệng.

[409] Phụ chú trong bản Hán.

[410] Tham chiếu Pāli: cần thi hành yết-ma đối với Tỳ-kheo có đủ 3 chi: buông trôi theo dục lạc nơi thân (kāyikena davena samannāgatassa hoti, Sớ giải, như chơi câu, cờ bạc), nơi miệng, nơi miệng và thân.

Đó là ba.

60. Lại có ba: Thân dục hại, khẩu dục hại, thân khẩu dục hại.[411] Đó là ba. Nhuế si cũng như vậy.

61. Có ba hạng người phạm: một là Tăng, hai là số đông người, ba là một người.[412]

62. Có ba hạng người sám hối: Tăng, số đông người, một người.

63. Có ba hạng người nên thọ sám hối: Tăng, số đông người, một người.

64. Có ba hạng người phạm Ni-tát-kỳ: Tăng, số đông người, một người.

Phạm Ni-tát-kỳ nên đối trước ba hạng người xả: Tăng, số đông người, một người.

65. Có ba hạng người thọ Ni-tát-kỳ: Tăng, số đông người, một người.

66. Có ba loại im lặng: biết mà im lặng, không biết mà im lặng, si mà im lặng.

67. Có ba loại trụ: giới trụ, kiến trụ, yết-ma trụ.

68. Lại có ba: giới trụ, kiến trụ, oai nghi trụ.

69. Lại có ba: giới trụ, kiến trụ, mạng trụ.

70. Lại có ba hạng người tranh chấp: hoặc Tăng, hoặc số đông người, hoặc một người.

71. Có ba hạng người khơi dậy tranh chấp:

---

[411] Vi phạm điều Phật chế do bởi tham dục nơi thân, nơi miệng, nơi thân và miệng. Tham chiếu Pāli: ba vi hại, vi hại qua thân (kāyikena upaghātikena; Sớ giải, không học học xứ Phật chế nơi thân), vi hại qua miệng, qua thân và miệng.

[412] Tham chiếu Pāli: có tội Tăng-già phạm (atthāpatti sangho āpajjati), biệt chúng (gana) không phạm, cá nhân (puggala) không phạm. Có tội biệt chúng phạm, Tăng không phạm, cá nhân không phạm. Có tội cá nhân phạm, Tăng không phạm, biệt chúng không phạm.

hoặc Tăng, hoặc số đông người, hoặc một người.

72. Có ba hạng người xả tranh chấp: Tăng, số đông người, hoặc một người.

73. Nên đối trước ba hạng người để xả: hoặc Tăng, hoặc số đông người, hay một người.

74. Có ba hạng người diệt tranh chấp: Tăng, số đông người, hay một người.

75. Có ba hạng người nên diệt tranh chấp: Tăng, số đông người, một người.

76. Có ba hạng người được diệt tranh chấp: Tăng, số đông người, hay một người.

77. Tỳ-kheo có ba thứ chánh ngữ nên nói với Tỳ-kheo: phá giới, phá kiến, phá oai nghi.

78. Cử tội Tỳ-kheo khác nên dùng ba việc: nghe, thấy, nghi.

79. Có ba loại che giấu: che giấu phá giới, che dấu phá kiến, che dấu phá oai nghi.

80. Có ba cách phát lồ: phá giới, phá kiến, phá oai nghi.

81. Có ba loại sám hối: phá giới, phá kiến, phá oai nghi.

82. Có ba loại yết-ma phóng dật:[413] Yết-ma phá giới, yết-ma phá kiến, yết-ma phá oai nghi.

83. Có ba học: tăng giới học, tăng tâm học, tăng huệ học. Đó là ba học.

---

[413] Phóng dật yết-ma 放逸羯磨.

84. Lại có ba học: oai nghi học, tịnh hạnh học, ba-la-đề-mộc-xoa học. Đó là ba học.

85. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, bạch Đức Thế Tôn:

- Đại đức là chủ của Pháp, nói về học. Vậy thế nào là học? Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Học nơi giới, nên gọi là học.

- Thế nào là học giới? Tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, cho nên gọi là học. Khi vị kia tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, được điều phục, dứt sạch tham dục, sân nhuế, ngu si. Vị kia khi đã dứt sạch hết tham dục, sân si rồi không tạo bất thiện, không gần các ác. Đó gọi là học.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

86. Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo:

- Các ngươi học những gì? Thế nào học? Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Đại đức là căn bản của Pháp, là chủ pháp, như điều Đức Thế Tôn vừa dạy chúng con thọ trì, cho nên gọi là học.

87. Lại có ba học: tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học. Học ba môn học này sẽ đạt được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Cho nên cần phải tinh tấn học ba môn học này.

88. Bấy giờ Tôn giả A-nan ở trong Kê viên,

thành Ba-la-lê Tử.[414] Khi ấy, có Khổng tước quan Bà-la-môn [415] đến chỗ Tôn giả thăm hỏi rồi, ngồi qua một bên, bạch Tôn giả:

- Sa-môn Cù-đàm tại sao vì các Tỳ-kheo chế tăng giới học, tăng tịnh hạnh học, tăng ba-la-đề-mộc-xoa học?

Tôn giả trả lời:

- Nhằm mục đích điều phục tham dục, sân nhuế, ngu si, khiến cho tận diệt, nên Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo chế giới.

Vị kia lại hỏi:

- Nếu Tỳ-kheo đắc lậu tận của A-la-hán, vị kia học cái gì? Tôn giả A-nan trả lời:

- Tham dục, sân nhuế, ngu si hết, không tạo bất thiện, không gần các ác, việc cần đã làm xong, gọi là vô học.

Bà-la-môn hỏi:

- Như điều vừa nói, được gọi là vô học phải không? A-nan trả lời:

- Chính như vậy.

Tôn giả A-nan nói như vậy. Khổng tước quan Bà-la-môn nghe rồi hoan hỷ tin ưa thọ trì.

89. Đức Thế Tôn ở trong thôn Băng-già-di,[416]

---

[414] Ba-la-lê Tử thành Kê viên 波羅梨子城雞園. Xem Trung A-hàm 60 (T01n26 tr.802a13): Ba-la-lợi Tử thành, Kê viên 波羅利子城雞園. Tạp A-hàm 24 (T02n99 tr.175b12): Ba-liên-phất ấp Kê lâm tinh xá 巴連弗邑雞林精舍. Pāli: Pānaliputta, Kukkunārāma.

[415] Khổng tước quan Bà-la-môn 孔雀冠婆羅門.

[416] 416. Băng-già-di 崩伽彌. Tham chiếu Tạp A-hàm 30 (T02n99, tr.213a05): Băng-già-xà, Băng- già-kỳ lâm 崩伽闍崩伽耆林. Pāli (A. i. 136): Pakadhā (bản Miến: Sakavā), một thị trấn ở Kosala.

nước Ma-kiệt, vì các Tỳ-kheo dùng vô số phương tiện nói giới pháp. Bấy giờ, có Tỳ-kheo cựu trú thuộc họ Ca-diếp [417] xuất gia. Tỳ-kheo này nghe Đức Thế Tôn nói pháp, không sinh lòng tin ưa, ưu sầu không vui, nói:

- Đức Thế Tôn cứ khủng bố chúng ta.[418]

Khi Đức Thế Tôn di chuyển đến thành Vương-xá không lâu, Tỳ- kheo họ Ca-diếp kia tâm tự hối hận, nói: - Ta đặng điều bất thiện, thiệt hại. Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo dùng vô số phương tiện nói giới, mà ta không sinh lòng tin ưa, sầu ưu không vui, lại nói: "Thế Tôn cứ khủng bố chúng ta." Nay ta cần phải đối trước Đức Thế Tôn chí thành sám hối.

Vị Tỳ-kheo kia liền khoác y, bưng bát đi qua thành Vương-xá, đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên trên bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đầu mặt kính lễ sát chân, chí thành hối quá:

- Kính bạch Đại đức, con ngu si, vô trí, bất thiện. Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo dùng vô số phương tiện nói giới pháp mà con sinh lòng không tin ưa, ôm sự ưu não, nói: "Thế Tôn cứ khủng bố chúng ta mãi." Cúi xin Đại đức nhận sự hối quá

---

[417] Tạp A-hàm, dẫn trên: Tôn giả Ca-diếp thị 尊者迦葉氏.

[418] Tạp A-hàm, dẫn trên, Tôn giả này nói: - Vị Sa-môn Cù-đàm này tán thán giới này quá đáng 此沙門極讚歎是戒. Pāli (dẫn trên): adhisallikhatevāya samano, - ngài Sa-môn này quá cực kỳ nghiêm khắc.

của con!

Phật bảo Tỳ-kheo:

- Ngươi tự sám hối sự ngu si, vô trí, bất thiện của mình. Ta đã vì các Tỳ-kheo nói giới. Ngươi tự mình không tin ưa, ôm lòng ưu sầu, nói: "Đức Thế Tôn cứ khủng bố chúng ta mãi." Ở trong giáo pháp của Ta, ai có thể chí thành như pháp sám hối thì được tăng ích. Ngươi sám hối thì nên sinh tâm yểm ly. Tỳ-kheo, ngươi chí thành như pháp sám hối.

Ta vì ngươi thọ nhận.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Ca-diếp kia kính lễ sát chân Phật rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

- Nếu Thượng tọa đã không học giới cũng không khen ngợi giới, mà nếu có Tỳ-kheo khác ưa học giới, khen ngợi giới, lại cũng không tùy thời khuyến khích, khen ngợi. Tỳ-kheo Ca-diếp, Ta không khen ngợi hạng Thượng tọa như vậy. Tại sao? Nếu Ta khen ngợi, khiến các Tỳ- kheo sẽ thân cận. Nếu có ai thân cận, khiến người khác học tập pháp (của vị) đó; thì người học tập theo pháp đó sẽ thọ khổ lâu dài. Vì thế cho nên, này Tỳ-kheo Ca-diếp, Ta thấy lỗi lầm của Thượng tọa như vậy nên không khen ngợi. Hàng trung hạ tọa cũng như vậy. (Đây là hàng Thượng, Trung, Hạ toạ không như pháp. Kế tiếp theo có hàng Thượng, Trung,

Hạ tọa như pháp, ngược lại văn trên, sợ phiền nên không chép ra).[419]

Đức Phật dạy như vậy. Tỳ-kheo Ca-diếp hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

90. Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Thí như có con lừa cùng đi với bầy bò, tự nói: "Ta cũng là bò, ta cũng là bò." Nhưng lông của lừa thì không giống bò, chân của lừa không giống bò, tiếng kêu không giống bò. Cùng đi với bò, tự nói là bò, cũng như vậy. Có người ngu đi theo Tỳ-kheo như pháp, tự nói ta là Tỳ- kheo. Người ngu này không có tăng giới, tăng tâm, tăng huệ như thiện Tỳ-kheo, cùng đi với chúng Tăng, tự nói là Tỳ-kheo. Do đó, các ngươi cần phải siêng năng tu tập tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

91. Đức Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ có Tỳ-kheo người Bạt- xà đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên bạch Đức Thế Tôn:

- Giới được thuyết trong mỗi nửa tháng nhiều quá, con không thể học hết số giới nhiều như vậy.

Đức Phật dạy:

- Ngươi học ba giới: Tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ thôi. Thầy học ba giới như vậy sẽ đạt đến chỗ

---

[419] Phụ chú trong nguyên bản Hán.

mà tham dục, sân nhuế, ngu si diệt tận, không tạo bất thiện, không gần các ác.

Tỳ-kheo thưa:

- Bạch Đại đức, con nguyện hoan hỷ thọ trì.

Tỳ-kheo người Bạt-xà sau nghe Đức Thế Tôn lược dạy rồi, một mình ở tại chỗ khuất, tinh cần không phóng dật. Đầu đêm sau đêm chuyên ý cảnh tỉnh, tư duy mục đích xuất gia. Tu tập không lâu, đặng vô thượng tịnh hạnh, ngay hiện tại mà tự biết tự chứng đắc, - Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần đã làm xong, không thọ sinh trở lại. Tỳ-kheo người Bạt-xà tự biết chứng A-la-hán.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

92. Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba học: tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học.

- Thế nào là tăng giới học?[420]

- Có Tỳ-kheo tôn trọng giới, lấy giới làm chủ; không đặt trọng nơi định, không lấy định làm chủ; không trọng nơi tuệ, không lấy tuệ làm chủ. Tỳ-kheo ấy ở nơi giới có phạm nhẹ liền sám hối. Tại sao vậy? Trong đây, không phải như đồ dùng đã vỡ, đá đã vỡ. Nếu là giới nặng, Tỳ-kheo ấy phải kiên trì, khéo trụ nơi giới, nên thân cận hành trì, không hành (với giới) bị sứt mẻ, không hành (giới)

[420] Tăng giới, tức tăng thượng giới. Pāli: adhisīla.

nhiễm ô, thường tu tập như vậy. Vị kia đoạn năm hạ kết sử,[421] sinh lên cõi trên mà Niết-bàn ở đó,[422] không trở lại nơi đây.[423]

- Nếu Tỳ-kheo trọng giới, lấy giới làm chủ; trọng nơi định, lấy định làm chủ; không trọng tuệ, không lấy tuệ làm chủ, như trên.

- Nếu Tỳ-kheo trọng giới lấy giới làm chủ, trọng định lấy định làm chủ, trọng tuệ lấy tuệ làm chủ. Vị kia lậu diệt tận, đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Ngay trong hiện tại, tự thân chứng ngộ, tự biết, "Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần đã làm xong, không còn tái sinh nữa"[424]. Người hành trọn đủ, thì thành tựu trọn đủ.[425] Người hành không trọn đủ, thì thành tựu không trọn đủ.[426] Ta nói, giới này không phải luống không.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

93. Lại có ba học: tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ học.

Thế nào là tăng giới học? Có Tỳ-kheo hành trì

---

[421] Hạ ngũ sử. Năm thuận hạ phần kết (Pāli: pañca orambhgiya sanyojana), 5 kết sử dẫn tái sinh Dục giới: thân kiến (sakkāyaditthi), giới thủ kiến (sīlabbata-parāmāso), nghi (vichikcchā), tham dục (kāmachando),sân nhuế (vyāpādo).

[422] Thánh giả A-na-hàm sau khi từ Dục giới chết sinh lên một trong năm tầng Tịnh cư thiên, và nhập Niết-bàn tại đó.

[423] Không tái sinh Dục giới, Bất hoàn.

[424] Nguyên Hán: bất hoàn thử; định cú để nói về vị A-na-hàm không tái sinh Dục giới. Nhưng trong đoạn này, đây là tuyên bố của vị đã chứng A-la-hán, nên có thể bản Hán đã chép sai. Thường nói là - bất thọ hậu hữu" sau đời này, không còn đời nào nữa.

[425] Chỉ Tỳ-kheo hành đủ cả ba học, thành tựu cũng trọn đủ là đắc cứu cánh trí, thành A-la- hán.

[426] Không hành đủ ba học, chứng đắc cao nhất là A-na-hàm, không thể đắc quả A-la-hán.

giới trọn đủ, hành trì định một ít, hành trì tuệ một ít. Vị kia đoạn năm hạ kết sử, sinh lên kia mà nhập Niết-bàn, không sinh trở lại cõi này.

Nếu không thể đến chỗ như vậy, thì có thể ba kết là tham dục, sân nhuế, si thành mỏng,[427] đắc quả Tư-đà-hàm, sinh trở lại thế gian, liền tận cùng biên tế của khổ.

Nếu không thể đến chỗ như vậy thì có thể đoạn ba kết [428] đặng quả Tu-đà-hoàn, không đọa ác đạo, quyết định đạt đến đạo, bảy lần sinh thiên thượng, bảy lần sinh trong loài người,[429] liền hết khổ tế. Nếu Tỳ-kheo hành trì giới đầy đủ, hành trì định đầy đủ, hành trì tuệ một ít thì cũng như trên.

Nếu Tỳ-kheo hành trì giới đầy đủ, hành trì định đầy đủ, hành trì tuệ đầy đủ thì cũng như trên.

94. Lại có ba học: tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học.

Thế nào là Tăng giới học? Tỳ-kheo thọ trì đầy đủ Ba-la-đề-mộc- xoa giới, thành tựu oai nghi, e sợ với cả khinh giới, xem nặng như kim cương, bình đẳng học tập các giới. Đó gọi là tăng giới học.

---

[427] Dịch sát theo Hán: 能薄三結。貪欲瞋恚愚癡. Chính xác, nên hiểu: ba kết (thân kiến, giới cấm thủ và nghi) đã đoạn tận; tham dục, sân nhuế, ngu si vơi mỏng. Xem Trường A-hàm 5 (T1n1, tr.34a27): 三結盡,薄婬怒癡,一來世間而般涅槃. Tham chiếu Pāli, Mahālisutta M, D. i. 156: tittam sanyojanāna parikkhayā rāgadosa-mohāna tanuttā sakadāgāmī hoti.

[428] 428. Ba kết 三結, Pāli: tīni sanyojanāni: thân kiến (sakkāyaditthi), giới thủ kiến (sīlabbataparāmāso), nghi (vichikcchā).

[429] Nguyên văn Hán: thất sinh thiên thượng, thất sinh nhân trung 七生天上七生人中; cộng tất cả, Tu-đà-hoàn có đến 14 lần tái sinh. Đoạn này Hán dịch hoàn toàn sai. Thánh giả Tu- đà-hoàn tái sinh kể cả thiên thượng, nhân gian, cộng lại không quá bảy lần; lần thứ bảy, nhập Niết-bàn, không có tái sinh lần thứ tám. Trong kinh thương thí dụ - Tu-đà hoàn tái sinh lần thứ tám (đệ bát hữu) để chỉ cho sự việc không bao giờ xảy ra. Xem Trường A-hàm 5 (dẫn trên): 斷 三結得須陀不墮惡道極七往返必得涅槃.

Thế nào là tăng tâm học? Tỳ-kheo xả dục ác,[430] cho đến nhập được đệ tứ thiền. Đó là tăng tâm học.

Thế nào là Tăng tuệ học? Tỳ-kheo như thật biết Khổ đế, biết Tập, Diệt, Đạo. Đó gọi là tăng tuệ học.

95. Lại có ba học: tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ học. Tăng giới, tăng tâm như trên.

Tăng tuệ học là Tỳ-kheo biết bên trong có tham dục, như thật biết. Bên trong không có tham dục, như thật biết. Nếu chưa sinh tham dục, như thật biết. Nếu chưa sinh tham dục, sau đó sinh, như thật biết.

Nếu đã sinh tham dục, có thể đoạn, như thật biết. Nếu tham dục chưa sinh, không khiến sinh, như thật biết.

Sân nhuế, thùy miên, trạo hối, nghi [431] cũng như vậy.

Tỳ-kheo kia nghĩ: Ta ở nơi sắc được nhận thức bởi mắt có tham dục, sân nhuế, như thật biết; không tham dục sân nhuế, như thật biết; ở nơi sắc được nhận thức bởi mắt tham dục, sân nhuế chưa sinh sẽ không sinh, như thật biết; ở nơi sắc được nhận thức bởi mắt tham dục, sân nhuế chưa sinh sẽ sinh, như thật biết; ở nơi sắc được nhận thức bởi mắt tham dục, sân nhuế đã sinh được đoạn

[430] Tức ly dục, ly pháp ác bất thiện... là những yếu tố để đắc sơ thiền.

[431] Gồm 5 triền cái.

diệt, như thật biết; ở nơi sắc được nhận thức bởi mắt tham dục, sân nhuế đã đoạn sau không sinh lại, như thật biết. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong có niệm giác ý,[432] như thật biết; trong không có niệm giác ý, như thật biết; niệm giác ý chưa sinh sẽ không sinh, như thật biết; niệm giác ý chưa sinh sẽ sinh, như thật biết; niệm giác ý đã sinh được tu tập đầy đủ, như thật biết; niệm giác ý chưa sinh, phương tiện khiến sinh, như thật biết. Cũng vậy, pháp giác ý, tinh tấn giác ý, ỷ giác ý, định giác ý, hỷ giác ý, hộ giác ý [433] cũng như vậy.

96. Lại có ba tụ: trì giới tụ, định tụ, tuệ tụ.

97. Tỳ-ni có ba trả lời: thấy như vậy, nghe như vậy, nhẫn khả như vậy.[434]

98. Tỳ-kheo có ba điều diệt chánh pháp: phi chế lại chế, chế lại đoạn, không theo điều đã chế mà làm.

99. Tỳ-kheo lại có ba pháp không diệt chánh pháp: (ngược lại câu trên).

100. Có ba trường hợp vọng ngữ trọn vẹn: biết trước mà muốn nói dối, khi đang nói dối biết là

---

[432] Giác ý, đây chỉ 7 giác chi, hay bồ-đề phần (Pāli: bojjhaga): niệm (Pāli: sati), pháp hay trạch pháp (dhamma-vicaya), tinh tấn (viriya), hỷ (pīti), khinh an (passaddhi), định (samādhi), xả (upekkha).

[433] Bảy giác ý: niệm, pháp, tinh tấn, ỷ, định, hỷ, hộ 念精進猗定喜護. Giữ nguyên dịch ngữ của bản Hán, mặc dù không chính xác. Xem cht.91 trên.

[434] Tham chiếu Pāli, có ba pháp Tỳ-kheo không được đáp trả tỳ-ni (na vinayo vasajjitabbo): không biết hổ thẹn, ngu si và hành hại (alajji, bâlo, apakatatto).

nói dối, nói dối rồi biết là nói dối.

101. Lại có ba trường hợp thật ngữ trọn vẹn (ngược lại nghĩa trên).

102. Lại có ba loại sứ giả: một là đẳng (phần) sứ, hai là tăng (phần) sứ, ba là giảm (phần) sứ.

Thế nào vọi là đẳng (phần) sứ? Người sứ có thể thọ giáo, mà không thêm không bớt, tùy theo sự nghe mà nói lại, đó gọi là đẳng (phần) sứ.

Thế nào gọi là tăng (phần) sứ? Người sứ thọ giáo rồi, vì muốn tăng thêm ích lợi nên nói thêm, đó gọi là tăng (phần) sứ.

Thế nào gọi là giảm (phần) sứ? Người sứ thọ giáo rồi, không nói lại đầy đủ, đó gọi là giảm (phần) sứ.

103. Lại có ba hạng con: Con bằng (cha mẹ), con hơn (cha mẹ), con không bằng (cha mẹ).

Thế nào gọi là con bằng? Cha mẹ có tín, giới, thí, huệ. Con cũng có tín, giới, thí, huệ. Đó gọi là con bằng.

Thế nào là con hơn? Cha mẹ không có tín, giới, thí, huệ, mà con có tín, giới, thí, huệ. Đó gọi là con hơn.

Thế nào gọi là con không bằng? Cha mẹ có tín, giới, thí, tuệ, mà con không có tín, giới, thí, huệ. Đó gọi là con không bằng.

Phật nói kệ:

Con bằng và con hơn Nên cầu con như vậy

Đừng cầu con không bằng Tại gia không lợi ích.

Con kia thường như pháp Thiện hành Ưu-bà-tắc Thành tựu tín trì giới

Bố thí không xan lẫn. Như trăng không mây che Tại gia cũng như vậy.[435]

104. Lại có ba bệnh: Hoặc có bệnh, dù được thức ăn tùy ý hay không được; dù được thuốc tùy bệnh hay không được; dù được người nuôi bệnh tốt tùy ý, hay không được; dù thế người bệnh cũng chết, không thể khỏi bệnh mà được lành. Hoặc có bệnh nhân như vậy.

Hoặc có bệnh nhân, dù được thức ăn tùy ý hay không được; dù được thuốc tùy bệnh hay không được; dù được người nuôi bệnh tốt tùy ý, hay không được; mà bệnh nhân này không chết, khỏi bệnh được lành. Hoặc có bệnh nhân như vậy,

Hoặc có bệnh nhân nếu không được thức ăn tùy ý, không được thuốc tùy bệnh, không được người nuôi bệnh tốt tùy ý, bệnh nhân này sẽ chết, không thể khỏi bệnh được lành. Nếu được thức ăn tùy ý, được thuốc tùy bệnh, được người nuôi bệnh tốt, thì người bệnh này không chết, khỏi bệnh được lành. Hoặc có bệnh nhân như vậy.

Trong số đó, đối với bệnh nhân nếu không được thức ăn tùy ý, không được thuốc tùy bệnh,

---

[435] Xem Tạp A-hàm 31, kinh số 874 (T02n99 tr.220c19).

không được người nuôi bệnh tốt tùy ý, bệnh nhân này sẽ chết, không thể khỏi bệnh được lành; hoặc nếu được thức ăn tùy ý, được thuốc tùy bệnh, được người nuôi bệnh tốt, thì người bệnh này không chết, khỏi bệnh được lành; Ta vì hạng người bịnh này, cho phép người bệnh ăn thức ăn tùy ý, thuốc tùy bệnh, người nuôi bệnh tốt. Vì nhân duyên người bệnh này nên đối với những bệnh nhân khác cũng nên cho người chăm nuôi cung dưỡng.

105. Có ba loại si:[436] một là phạm tội, hai là không thấy tội, ba là thấy tội không như pháp sám hối. Đó là ba loại si.

106. Có ba loại trí tuệ:[437] một là không phạm tội, hai là phạm tội có thể thấy, ba là thấy tội có thể sám hối.

107. Có ba loại si: một là phạm tội mà không thấy, hai là thấy phạm tội mà không sám hối, ba là sám hối mà không như pháp, nên vị kia [438] không chấp nhận.

108. Có ba loại trí tuệ: (Ngược nghĩa với câu trên).

109. Có ba loại an cư: tiền an cư, trung an cư, hậu an cư.

110. Đối với pháp luật của Thánh thì ca hát như khóc, múa nhảy như cuồng, cười đùa như con

---

[436] Chỉ ba loại người ngu. Xem mục hai pháp, số 14 trên.

[437] Chỉ ba loại người trí. Xem mục hai pháp, số 14 trên.

[438] Người thọ sám, hoặc Tăng.

nít.[439]

111. Có ba loại bất tịnh nhục không được ăn: thấy, nghe, nghi vì mình mà làm.

112. Có ba loại tịnh nhục nên ăn: không thấy, nghe, nghi không vì mình mà làm.

113. Có ba ngày bố-tát: ngày mười bốn, ngày mười lăm, ngày mồng một.[440]

114. Có ba hạng người bố-tát: Tăng, số đông người, hoặc một người.[441]

115. Có ba hạng người tác pháp bố-tát: Tăng, số đông người hoặc một người.[442]

116. Có ba hạng người cần tác pháp bố-tát: Tăng, số đông người, hoặc một người.[443]

117. Hoặc biết mà làm, hoặc không biết mà làm, hoặc thấy mà làm.

118. Hoặc biết mà làm, hoặc không biết mà làm, hoặc si mà làm.

119. Hoặc thân, hoặc miệng, hoặc thân khẩu đầy đủ.

120. Có ba thứ nên bình đoán là phạm tội: một là tựa của giới,[444] hai là chế, ba là trùng chế.

---

[439] 439. Thập tụng 49 (T23n1435 tr.356a8) có ba pháp: trong tỳ-ni mà ca pháp như khóc; trong tỳ-ni mà cười giỡn pháp như cuồng; trong tỳ-ni mà vung tay múa, pháp như trẻ con.

[440] Tính theo mỗi nữa tháng. Nữa tháng kia tương đương: ngày 29, 10 và 16. Tham chiếu Pāli: có ba loại bố-tát: ngày 14, ngày 15 và Tăng hoà hiệp (ngày bất thường tùy theo Tăng yết-ma).

[441] Pāli, ba loại bố-tát: Tăng-già bố tát (sanghe uposatho), biệt chúng bố-tát (gane uposatho), cá nhân bố-tát (puggale uposatho). Đây chỉ trú xứ bố-tát.

[442] Đây chỉ pháp thức bố-tát.

[443] Đây chỉ túc số bố-tát.

[444] Tức nhân duyên Phật chế giới. Xem cht.155 dưới

121. Có ba pháp bình đoán là không phạm: tựa của giới,[445] chế, trùng chế.

122. Có ba thứ tịnh. Có ba thứ bất tịnh. Có ba thứ cho phép. Có ba thứ không cho phép cũng như vậy.

123. Có ba không cung kính: Phật, Pháp, Tăng.[446]

124. Lại có ba không cung kính: Phật, Pháp, Giới.

125. Lại có ba không cung kính: Phật, Pháp, Định.

126. Lại có ba không cung kính: Phật, Pháp, Cha Mẹ.

127. Có ba không cung kính: Phật, Pháp, thiện pháp.

128. Cung kính có ba. Ba mục (tức ngược lại các mục trên).

129. Lại có ba bị cử:[447] Một là không thấy, hai không sám hối, ba ác kiến không bỏ.

130. Có ba pháp Tăng nên tác phúc bát:[448] trước Tỳ-kheo mà hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

131. Lại có ba niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

---

[445] Tức nhân duyên Phật chế giới. Xem cht. dưới.

[446] Tham chiếu Pāli, Vin.v. 92, sáu không cung kính (cha ag?rav?: bất kính, đồng nghĩa không xem trọng): không kính Phật, không kính Pháp, không kính Tăng, không kính học xứ (giới), không kính sự không phóng dật, không kính sự hòa thuận. Cf. Sang?tu, D. iii. 243.

[447] Bị Tăng tác yết-ma xả trí. Xem cht.2, 8 ch.ix (phần iii); đoạn 5 ch.xi.

[448] Xem phần iv, ch.ii, mục 27 - úp bát.

132. Lại có ba niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Giới.

133. Lại có ba niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Thí.

134. Lại có ba niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Thiên.[449]

135. Lại có ba thành tựu: trì giới thành tựu, định thành tựu, tuệ thành tựu.

136. Lại có ba: giới thành tựu, định thành tựu, giải thoát thành tựu.

137. Lại có ba: giới thành tựu, định thành tựu, kiến giải thoát huệ thành tựu.

138. Lại có ba hạ tiện pháp: đao tiện, y tiện, sắc tiện.[450]

139. Lại có ba hoại sắc: xanh, đen, mộc lan.

140. Lại có ba pháp gọi là trì luật: trì giới Ba-la-đề-mộc-xoa đầy đủ, đa văn, tụng hai bộ giới thông suốt không nghi.

141. Lại có ba: trì giới Ba-la-đề-mộc-xoa đầy đủ, đa văn, quảng tụng tỳ-ni thông suốt không nghi.

142. Lại có ba: trì giới Ba-la-đề-mộc-xoa đầy đủ, đa văn, trụ trong tỳ-ni không động.

143. Lại có ba: trì giới Ba-la-đề-mộc-xoa đầy

---

[449] Sáu niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên. Xem Trường A-hàm 2 (T01n01 tr.12a14).

[450] 450. Đao 刀, chỉ đao kiếm; y 衣, chỉ y phục; sắc 色, màu sắc. Chưa rõ ý nghĩa của những từ này.

đủ, đa văn, thiện xảo phương tiện có khả năng diệt tránh sự.

144. Lại có ba biện:[451] biện Tỳ-kheo, biện không phóng dật, biện thanh tịnh hành.

145. Lại có ba ngày tự tứ: ngày mười bốn, ngày mười lăm, mồng một.[452]

146. Lại có ba hạng người tự tứ: Tăng, số đông người, một người.

147. Lại có ba hạng người tác pháp tự tứ: Tăng, số đông người, một người.

148. Lại có ba hạng người cần tác pháp tự tứ: Tăng, số đông người, một người.[453]

149. Lại có ba hạng: biết, không biết, thấy.

150. Lại có ba hạng: biết, không biết, si.

151. Lại có ba hạng: thân, miệng, cả thân và miệng.

152. Lại có ba hạng: thấy, nghe, nghi.

153. Lại có ba lời xả giới: xả Phật, xả Pháp, xả Tăng.[454]

154-155. Cũng cú pháp như vậy, mỗi cặp ba làm thành một hạng mục, cho đến - chẳng phải Sa-môn Thích tử.

156. Lại có ba thứ nghĩa, nên Đức Như Lai ra đời vì các Tỳ-kheo chế giới. Từ - nhiếp thủ đối với

---

[451] Biện 辦; thường hiểu là thành biện, phận sự cần làm. Nhưng không rõ nghĩa chính xáctrong hạng mục này.

[452] Như hạn kỳ bố-tát; xem cht.101 trên.

[453] Như các pháp bố-tát, xem cht. 101, 102, 103 trên.

[454] Xem các hạng mục trên: một lời xả giới, hai lời xả giới.

Tăng,... cho đến khiến chánh pháp tồn tại lâu dài. Mỗi ba trong mười cú nghĩa sắp thành một hạng mục.[455]

157. Có ba thứ nghĩa, nên Đức Như Lai ra đời, vì các Tỳ-kheo chế yết-ma quở trách, từ nhiếp thủ đối với Tăng, ba lần ba làm thành câu, cho đến khiến chánh pháp tồn tại lâu dài cũng như vậy. Từ quở trách cho đến bảy diệt tránh cũng như vậy.

IV. BỐN PHÁP

1. Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở tại Địa thành, nước Bà-xà, bảo các Tỳ-kheo:

- Ta nói bốn loại quảng thuyết, các ngươi hãy khéo nghe kỹ. Ta sẽ nói cho các ngươi nghe.

Các Tỳ-kheo (999a1) thưa:

- Bạch Đại đức, chúng con nguyện ưa muốn nghe. Bốn thứ ấy là:

a. Nếu có Tỳ-kheo nào nói như vầy: - Thưa các Trưởng lão, tôi ở tại thôn đó, tại thành đó, nghe từ Đức Phật và ghi nhớ, "Đây là pháp. Đây là tỳ-ni. Đây là lời Phật dạy."

Khi nghe Tỳ-kheo kia nói như vậy không được sinh hiềm nghi liền, cũng không được chê trách, mà nên thẩm định văn cú rồi, tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, kiểm xét pháp luật. Nếu sau khi nghe Tỳ- kheo kia nói, rồi tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, kiểm xét pháp luật, mà lời nói ấy

[455] Xen mục - Hai pháp" hạng mục 127. Xem Phần i. chương i, Ba-la-di 1. Bản Việt, q.1, tr.25.

không cùng với Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật tương ưng, trái ngược với pháp, thì nên nói với Tỳ-kheo kia: - Những gì Thầy nói chẳng phải như lời Phật dạy. Hoặc là Trưởng lão không thấu triệt được lời Phật dạy. Tại sao vậy? Tôi đã tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, thì những lời đó không cùng Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật tương ưng, trái ngược với pháp. Trưởng lão đừng nên tụng tập, cũng chớ nên dạy Tỳ-kheo khác, mà nên xả bỏ.

Nếu sau khi nghe Tỳ-kheo kia nói, rồi tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa- la, tỳ-ni, pháp luật, mà lời nói đó tương ưng với Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, thì nên nói với Tỳ-kheo kia: - Thưa Trưởng lão, những lời Ngài nói đúng với lời Phật dạy, Ngài đã thấu triệt được lời Phật dạy. Tại sao vậy? Tôi đã tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, thì những lời ấy tương ưng, không trái ngược. Trưởng lão nên thiện trì tụng tập và dạy Tỳ-kheo khác, đừng khiến cho vong thất. Đây là quảng thuyết thứ nhất.

b. Nếu có Tỳ-kheo nào nói như vầy: - Thưa Trưởng lão, tôi ở tại thôn đó, thành đó, trong Tăng hòa hiệp, trước Thượng tọa, được nghe, "Đây là pháp. Đây là tỳ-ni. Đây là lời Phật dạy."

Khi nghe Tỳ-kheo kia nói như vậy không được sinh hiềm nghi liền, cũng không được chê trách, mà nên thẩm định văn cú rồi, tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, kiểm xét pháp luật. Nếu sau khi

nghe Tỳ- kheo kia nói, rồi tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, kiểm xét pháp luật, mà lời nói ấy không cùng với Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật tương ưng, trái ngược với pháp, thì nên nói với Tỳ-kheo kia: - Những gì Thầy nói chẳng phải như lời Phật dạy. Chúng Tăng và Thượng tọa kia, không thấu triệt được lời Phật, Trưởng lão cũng như vậy. Tại sao? Tôi đã tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, thì những lời đó không cùng Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật tương ưng, trái ngược với pháp. Trưởng lão đừng nên tụng tập, cũng chớ nên dạy Tỳ-kheo khác, mà nên xả bỏ.

Nếu sau khi nghe Tỳ-kheo kia nói, rồi tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa- la, tỳ-ni, pháp luật, mà lời nói đó tương ưng với Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, thì nên nói với Tỳ-kheo kia: - Thưa Trưởng lão, những lời Ngài nói đúng với lời Phật dạy. Chúng Tăng và Thượng tọa kia cũng như Trưởng lão đã thấu triệt lời Đức Phật dạy. Tại sao vậy? Tôi đã tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, thì những lời ấy tương ưng, không trái ngược. Trưởng lão nên thiện trì tụng tập và dạy Tỳ-kheo khác, đừng khiến cho vong thất.

Đây là điều quảng thuyết thứ hai.

(Tiếp theo, trường hợp thứ ba, ... nghe từ số đông Tỳ-kheo biết Pháp, Tỳ-ni, Ma-di ... cũng như vậy. Trường hợp thứ tư, ... nghe từ một Tỳ-kheo

biết Pháp, Tỳ-ni, Ma di,... cũng như vậy).[456]

Đó là bốn quảng thuyết.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, tin ưa hoan hỷ thọ trì.

2. Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Tăng có bốn hạng người đoán sự:[457] Hoặc có người ít nghe, không biết hổ thẹn. Hoặc có người nghe nhiều, không biết hổ thẹn. Hoặc có người ít nghe, biết hổ thẹn. Hoặc có người nghe nhiều, biết hổ thẹn.

a. Trong đây, Tỳ-kheo đoán sự ít nghe, không biết hổ thẹn, nếu có bàn luận đoán sự ở giữa Tăng, Tăng nên khắt khe quở trách, khiến cho hạng người không biết hổ thẹn đó, sau này không như vậy nữa.

b. Nếu người đoán sự nghe nhiều mà không có hổ thẹn kia có bàn luận đoán sự ở giữa Tăng, Tăng nên khắt khe quở trách, khiến cho người không biết hổ thẹn đó sau này không như vậy nữa.

c. Trong đây, Tỳ-kheo đoán sự có hổ thẹn mà ít nghe kia, nếu có bàn luận đoán sự ở giữa Tăng, Tăng không nên khắt khe quở trách mà nên yểm trợ khai thị, khiến cho vị biết hổ thẹn đó về sau có dự bàn luận đoán sự ở giữa Tăng.

d. Nếu Tỳ-kheo đoán sự nghe nhiều có hổ thẹn,

---

[456] Phụ chú trong nguyên bản.

[457] Thập tụng 49 (T23n1435 tr.357b13). Xem Phần iv, chương xvi, đoạn iii, mục 3.

có bàn luận đoán sự của họ ở giữa Tăng, Tăng không nên chê trách, mà sau khi nghe những gì vị đó nói rồi nên khen: - Thiện tai! Khiến cho vị có hổ thẹn đó sau này dự bàn luận đoán sự ở giữa Tăng.

3. Lại có bốn hạng Tỳ-kheo đoán sự: Hoặc không hổ thẹn và không thuộc kinh văn. Hoặc không hổ thẹn mà thuộc kinh văn. Hoặc có hổ thẹn mà không thuộc kinh văn. Hoặc có hổ thẹn lại thuộc kinh văn.

a. Hạng người không hổ thẹn lại không thuộc kinh văn có ba điều mất mát: Vị kia mất mát do không biết hổ thẹn; mất mát do đáng bị chê trách; mất mát do không thuộc kinh văn. Đó là ba điều mất mát của người đoán sự.

b. Người không hổ thẹn mà thuộc kinh văn có hai điều mất mát: mất mát do không biết hổ thẹn; mất mát do đáng bị chê trách. Vị kia không mất mát do không thuộc kinh văn. Đó là hai điều mất mát của người đoán sự.

c. Người có hổ thẹn mà không thuộc kinh văn có một điều mất mát: Vị kia mất mát do không thuộc kinh văn; không mất mát do không biết hổ thẹn; không mất mát do đáng bị chê trách. Đó là một điều mất mát của người đoán sự.

d. Người có hổ thẹn lại thuộc kinh văn thì không mất mát. Vị kia không mất mát do không

biết hổ thẹn; không mất mát do đáng bị chê trách; không mất mát do không thuộc kinh văn. Đây là Tỳ-kheo đoán sự tối thắng đệ nhất không mất mát.

4. Phá giới, với bốn trường hợp cũng như vậy. Phá kiến, với bốn trường hợp cũng như vậy. Phá chánh mạng, với bốn trường hợp cũng như vậy. (Trong đây tại Kì-Liên có bốn Tỳ-kheo chia vật bốn phần như trong - Kiền độ phòng xá [458] không khác, nên không chép ra).

5. Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chắp tay bạch Phật:

- Bạch Đại đức, phá Tăng, cho đến mức nào gọi là phá Tăng? Ai phá hòa hợp Tăng?

Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

- Nếu có Tỳ-kheo nào, phạm mà nói không phạm; không phạm mà phạm; nhẹ mà nói nặng; nặng mà nói nhẹ. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với bốn việc này, tìm cầu bạn bè, hoặc khiến người tìm; ở trong giới mà biệt bộ bố-tát, yết-ma thuyết giới. Cho đến mức ấy, Tăng được gọi là phá (vỡ). Đó gọi là Tăng hòa hợp bị vỡ.

Ưu-ba-ly lại hỏi:

- Thế nào là hòa hợp Tăng? Tăng vỡ rồi, ai làm cho hòa hợp? Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

- Nếu có Tỳ-kheo nào, phạm nói là phạm;

---

[458] Xem phần iv, chương i.

không phạm nói là không phạm; nhẹ nói là nhẹ; nặng nói là nặng. Tỳ-kheo kia, đối với bốn việc này, không tìm cầu bạn bè, không sai người tìm cầu, không biệt bộ yết-ma, bố-tát, thuyết giới. Như vậy gọi là Tăng hòa hợp. Đó gọi là Tăng vỡ rồi trở lại hòa hợp.

6. Đức Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Khi ấy các Tỳ-kheo ở Xá-vệ tranh chấp lẫn nhau. A-ni-lâu-đà [459] có đệ tử tên là Bà-di,[460] một mình nói giữa Tăng, một mình tranh cãi. A-ni-lâu-đà ở trong chúng không nói một lời nào để dạy dỗ, quở trách.

Bấy giờ, A-nan đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn biết mà vẫn cố hỏi:

- Này A-nan, tranh sự đã dứt chưa? A-nan thưa:

- Tránh sự đâu có thể dứt được! Đệ tử của A-ni-lâu-đà ở trong chúng một mình nói, một mình tranh cãi mà A-ni-lâu-đà ở trong chúng không nói một lời nào để giáo giới, khiển trách.

Đức Phật bảo A nan:

- A-ni-lâu-đà có khi nào diệt được tránh sự này. Tránh sự này há không phải do Xá-lợi-phất, Mục-liên diệt?

---

[459] A-ni-lâu-đà 阿尼樓陀. Pāli: Aunuddha. Xem cht. dưới.

[460] Bà-di 婆夷. Pāli, A. ii. 239: Bāhiya, đệ tử, hoặc người đồng trú xứ (saddhivihārika) với Anuruddha. Truyện xảy ra khi Phật trú tại Ghositārāma. (Kiều-thưởng-di), trong tinh xá Ghositārāma. Xem phần iii, chương ix - Câu-thiểm-di". Cf. Vin.i. Kosambaka-kkhandhaka.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Ác Tỳ-kheo có bốn pháp khi thấy Tăng bị vỡ thì hoan hỷ. Bốn pháp đó là gì?

a. Ác Tỳ-kheo ấy có ác pháp phá giới. Ác Tỳ-kheo kia khởi ý nghĩ như vầy: "Ta có ác pháp phá giới. Nếu Tỳ-kheo khác biết, tập chúng hòa hợp tác pháp diệt tẫn ta, ta có Tỳ-kheo khác trợ bạn." Đó là pháp thứ nhất, ác Tỳ-kheo thấy Tăng bị vỡ thì hoan hỷ.

b. Lại nữa, ác Tỳ-kheo sống tà mạng, nghĩ: "Ta sống tà mạng. Nếu Tỳ-kheo khác biết, tập chúng hòa hợp tác pháp diệt tẫn ta, ta có Tỳ-kheo khác trợ (1000a1) bạn." Đó là pháp thứ hai, ác Tỳ-kheo thấy Tăng bị vỡ thì hoan hỷ.

c. Lại nữa, ác Tỳ-kheo luôn luôn cầu lợi dưỡng cung kính, nghĩ: "Ta cầu lợi dưỡng cung kính. Nếu Tỳ-kheo khác biết, tập chúng hòa hợp Tăng diệt tẫn, thì ta có Tỳ-kheo khác trợ bạn." Đây là pháp thứ ba, ác Tỳ-kheo thấy Tăng bị vỡ thì hoan hỷ.

d. Lại nữa, ác Tỳ-kheo tà kiến, biên kiến, nghĩ: "Ta tà kiến, biên kiến, Nếu Tỳ-kheo khác biết, tập chúng hòa hợp tác pháp diệt tẫn ta, ta có Tỳ-kheo khác trợ bạn." Đó là pháp thứ tư, ác Tỳ-kheo thấy Tăng bị vỡ thì hoan hỷ.

7. Có bốn thứ tác pháp: trước tác phi pháp, sau tác phi pháp; trước tác phi pháp, sau tác như pháp; trước tác như pháp, sau tác phi pháp; trước tác như

pháp, sau tác như pháp.

a. Thế nào là trước tác phi pháp sau tác phi pháp? Trước, sự việc được khơi dậy một cách phi pháp; vị ấy cần được giáo giới, khiển trách, nhưng không được giáo giới khiển trách, mà an trú; đáng bị diệt tẫn nhưng không bị diệt tẩn, mà an trú. Đó là trước tác phi pháp, sau tác phi pháp.

b. Thế nào là trước tác phi pháp, sau tác như pháp? Nếu có người tác sự phi pháp, trước sự việc được khơi dậy một cách phi pháp; vị ấy cần được giáo giới, khiển trách, thì đã được giáo giới khiển trách, mà an trú; đáng bị diệt tẩn thì đã bị diệt tẩn, mà an trú. Đó là, trước tác phi pháp, sau tác pháp.

c. Thế nào là trước tác pháp, sau tác phi pháp? Nếu Tỳ-kheo khơi dậy việc một cách như pháp, cần được giáo giới, khiển trách nhưng đã không được giáo giới, khiển trách, mà an trú; đáng bị diệt tẫn nhưng không bị diệt tẫn, mà an trú. Đó là, trước tác như pháp, sau tác phi pháp.

d. Thế nào là trước tác như pháp, sau tác như pháp? Nếu Tỳ-kheo, trước sự việc được như pháp khơi dậy, cần được giáo giới, khiển trách thì đã được giáo giới khiển trách; đang bị diệt tẫn thì đã bị diệt tẫn, rồi sau mới an trú. Đó là trước tác như pháp, sau tác như pháp.

8. Có bốn thứ cúng dường: một là ẩm thực, hai là y dược, ba là y phục, bốn là cho các thứ cần

dùng.

9. Lại có bốn thứ lợi pháp: cầu xin phi pháp và cho phi pháp; cầu xin phi pháp và cho như pháp; cầu xin như pháp và cho phi pháp cho; cầu xin như pháp và cho như pháp.

a. Thế nào là cầu xin phi pháp và cho phi pháp? Hoặc có Tỳ-kheo quanh quẩn lai vãng, không hành theo pháp Sa-môn, thuyết phi pháp để tìm cầu lợi dưỡng một cách bất tịnh. Vị kia cầu lợi dưỡng một cách bất tịnh như vậy, và được cho với sự thiên vị: "Lấy cái này. Chớ lấy cái này. Lấy chừng đó. Chớ lấy chừng đó. Mang cái đó đến đây. Chớ mang cái đó đến đây. Mang chừng ấy đến. Chớ mang chừng ấy đến. Cho người này. Đừng cho người kia. Cho chừng ấy. Chớ cho chừng ấy. Người kia nên được cho. Người kia không nên được cho." Đó là tìm cầu lợi dưỡng phi pháp và cho phi pháp.

b. Thế nào là cầu xin phi pháp và cho như pháp? Hoặc có Tỳ-kheo quanh quẩn lai vãng, không hành theo pháp Sa-môn, thuyết phi pháp để tìm cầu lợi dưỡng một cách bất tịnh. Nhưng không được cho với sự thiên vị như trên. Đó là cầu xin phi pháp và cho như pháp.

c. Thế nào là cầu xin như pháp và cho phi pháp cho? Hoặc có Tỳ- kheo quanh quẩn lai vãng, hành theo pháp Sa-môn, không thuyết phi pháp để tìm

cầu lợi dưỡng một cách bất tịnh. Nhưng được cho với sự thiên vị như trên. Đó là cầu xin như pháp và cho phi pháp cho.

d. Thế nào là cầu xin như pháp và cho như pháp? Hoặc có Tỳ- kheo quanh quẩn lai vãng, hành theo pháp Sa-môn, không thuyết phi pháp để tìm cầu lợi dưỡng một cách bất tịnh. Nhưng không được cho với sự thiên vị như trên. cầu xin như pháp và cho như pháp

10. Có bốn pháp không được truyền trao đại giới cho người: không biết tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, không rộng tụng hai bộ giới. Có bốn pháp như vậy thì không được truyền thọ đại giới cho người.

Có bốn pháp nên cho người thọ đại giới: (Ngược lại với câu

trên).

11. Lại có bốn pháp không được truyền thọ đại giới cho người:

không biết tăng giới học, không biết tăng tâm học, tăng tuệ học, không quảng tụng tỳ-ni. Có bốn pháp như vậy không được truyền thọ đại giới cho người.

12. Lại có bốn pháp nên truyền thọ đại giới cho người (ngược lại với câu trên).

13. Lại có bốn pháp không được truyền thọ đại giới cho người: không biết tăng giới học, tăng tâm

học, tăng tuệ học, tuy tụng tỳ-ni mà không thể quyết liễu. Có bốn pháp như vậy không được truyền thọ đại giới cho người.

14. Lại có bốn pháp nên truyền thọ đại giới cho người: (Ngược lại câu trên).

15. Lại có bốn pháp không được truyền thọ đại giới cho người: không thọ trì hai trăm năm mươi giới; không đa văn; nếu đệ tử có ác kiến không thể giáo hóa để đệ tử bỏ ác kiến, tu tập thiện kiến; không đủ mười tuổi (hạ). Có bốn pháp như vậy không được truyền thọ đại giới cho người.

16. Lại có bốn pháp nên truyền thọ đại giới cho người (Ngược lại câu trên).

17. Có bốn pháp gọi là trì luật: biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng.

18. Lại có bốn pháp: biết phạm, biết không phạm, biết hữu dư, biết vô dư.[461]

19. Lại có bốn pháp: biết phạm, biết không phạm, biết thô ác, biết không thô ác.[462]

20. Lại có bốn pháp: biết tội có thể sám, biết tội không thể sám, biết sám hối thanh tịnh, biết sám hối không thanh tịnh.

21. Lại có bốn tránh sự: ngôn tránh, mích tránh, phạm tránh, sự tránh.

22. Có bốn sự sợ hãi phạm tội:[463]

---

[461] Xem cht. 11, mục - hai pháp hạng mục 14.

[462] Xem cht. 12, mục - hai pháp" hạng mục 15.

[463] Thập tụng 49 (T23n1435 tr.356c24): - Thế gian có bốn hạng người, thấy sự phạm tội thì sinh sợ hãi.

a. Có người đàn ông như vầy: tóc rủ, mặc áo đen, cầm con dao, đến giữa đám đông, nói như vầy: "Tôi đã tạo ra tội cực đại trọng ác, bị chém đầu, tùy theo sự vui lòng của mọi người tôi sẽ làm." Bấy giờ, mọi người liền bắt trói, đánh tiếng trống hung dữ, để báo hiệu sự chết, xướng lệnh dọc theo đường đi, dẫn ra khỏi cửa phía hữu, đến pháp trường để giết. Người trí thấy vậy, nói như sau: "Người này đã tạo tội ác cực trọng tử hình. Nay ta nên tự cảnh tỉnh và dạy người khác đừng tạo ra tội trọng ác tử hình như vậy." Cũng vậy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đối với pháp Ba-la-di sinh tâm sợ sệt, tâm niệm rằng, "Nếu chưa phạm Ba-la-di thì trọn đời không phạm. Nếu lỡ phạm thì hoàn toàn không có tâm che giấu, như pháp sám hối." Đây là sự sợ hãi phạm tội thứ nhất.

b. Có người đàn ông như vầy: tóc rủ, mặc áo đen, cầm gậy, đến giữa đám đông, nói như vầy: "Tôi làm điều ác bất thiện. Tùy theo sự vui lòng của mọi người tôi sẽ làm." Bấy giờ, đám đông người nọ liền đoạt lấy con dao, đánh và đuổi ra khỏi cửa phía hữu. Có người trí thấy bèn nói như vầy: "Đây là người làm tội ác. Nay ta nên tự cảnh tỉnh và dạy người khác đừng làm tội ác như vậy." Cũng vậy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đối với pháp tăng tàn sinh tâm sợ sệt, tâm niệm rằng, "Nếu chưa phạm tăng tàn thì trọn đời không phạm. Nếu lỡ phạm thì hoàn toàn không có tâm che giấu, như

pháp sám hối." Đây là sự sợ hãi phạm tội thứ hai.

c. Có người đàn ông như vầy: tóc rủ, mặc áo đen, cầm con dao, đến giữa đám đông, nói như vầy: "Tôi đã tạo tội ác. Tùy theo sự vui lòng của mọi người tôi sẽ làm." Bấy giờ, mọi người liền đoạt lấy cây gậy, rồi đuổi ra khỏi cửa hữu. Người trí thấy vậy, nói như sau: 'Người này đã tạo tội ác. Nay ta nên tự cảnh tỉnh và dạy người khác đừng tạo ra tội như vậy.' Cũng vậy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đối với pháp Ba-dật-đề sinh tâm sợ sệt, tâm niệm rằng, "Nếu chưa phạm Ba-dật-đề thì trọn đời không phạm. Nếu lỡ phạm thì hoàn toàn không có tâm che giấu, như pháp sám hối." Đây là sự sợ hãi phạm tội thứ ba.

d. Có người đàn ông như vầy: tóc rủ, mặc áo đen, đến giữa đám đông, nói như vầy: "Tôi đã làm điều ác bất thiện. Tùy theo sự vui lòng của mọi người tôi sẽ làm." Bấy giờ, mọi người liền khiển trách, rồi đuổi ra khỏi cửa hữu. Người trí thấy vậy, nói như sau: "Người này đã tạo tội ác. Nay ta nên tự cảnh tỉnh và dạy người khác đừng tạo ra tội như vậy." Cũng vậy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đối với pháp ba-đề-đề-xá-ni sinh tâm sợ sệt, tâm niệm rằng, "Nếu chưa phạm ba-đề-đề-xá-ni thì trọn đời không phạm. Nếu lỡ phạm thì hoàn toàn không có tâm che giấu, như pháp sám hối." Đây là sự sợ hãi phạm tội thứ tư.

23. Có bốn hạng người phạm:

a. Nếu Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo khác nói: "Thầy phạm tội, thấy không?" Vị kia nói: "Không thấy" Tỳ-kheo lại hỏi: "Này, Trưởng lão, nếu thấy tội nên sám hối"[464] Đây là người phạm thứ nhất.

b. Nếu Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo khác nói: "Này Trưởng lão, thầy phạm tội, có thấy không?" Vị kia nói: "Không thấy." Tỳ-kheo lại nói: "Này Trưởng lão, nếu thấy tội nên sám hối giữa Tăng."[465] Đây là người phạm thứ hai.

c. Nếu Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo khác nói: "Trưởng lão phạm tội, có thấy không?" Vị kia nói: "Không thấy" Tỳ-kheo lại nói: "Trưởng lão thấy tội hãy ở giữa Tăng này mà sám hối" [466] Đây là phạm nhân thứ ba.

d. Nếu Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo khác nói: "Này Trưởng lão, thầy phạm tội, thấy không?" Vị kia nói: "Không thấy" Bấy giờ, Tăng nên hoàn toàn xả bỏ [467] và nói: "Tùy ý Thầy hãy đi. Muốn đi đâu, tùy ý. Nhưng chỗ Thầy đến, ở đó thầy cũng sẽ bị cử tội. Các vị kia đối với thầy sẽ bị tác cử, tác ức niệm, tác tự ngôn, ngăn A-nậu-bà-đà, ngăn thuyết giới, ngăn tự tứ" Như ông thầy luyện ngựa. Con ngựa dữ khó huấn luyện, thì kết hợp buộc chặt vào cọc và đánh đuổi. Tỳ-kheo này cũng như

---

[464] Sám các tội Ba-dật-đề

[465] Sám các tội Thâu-lan-giá.

[466] Sám các tội Tăng-già-bà-thi-sa.

[467] Tăng tác yết-ma xả trí, vì ngoan cố không nhận tội.

vậy, tất cả đều xả bỏ. Đây là phạm nhân thứ tư.

24. Đức Thế Tôn ở tại thành Vương xá, trong núi Kỳ-xà-quật. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chấp tay bạch Phật:

- Vị Trưởng lão đối trước vị Tỳ-kheo-niên thiếu sám hối, bên trong có bao nhiêu pháp cần sám hối?

Đức Phật dạy:

- Bên trong có bốn pháp nên sám hối: để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, quỳ gối chắp tay, nói tên tội phạm: "Tôi phạm tội như vậy. Nay đối trước Trưởng lão sám hối" Vị kia nên nói: "Thầy nên cải hối, sinh tâm yểm ly" Đáp: "Xin vâng!" Tỳ-kheo Thượng tọa đối với Tỳ- kheo hạ tọa có bốn pháp như vậy nên sám hối.

Có bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni, nói như trên. Có bốn Ba-la-di nói như trên.

25. Có bốn yết-ma: phi pháp biệt chúng yết-ma, như pháp biệt chúng yết-ma, phi pháp hòa hợp chúng yết-ma, và như pháp hòa hợp yết-ma. Đó là bốn yết-ma. Ở đây, phi pháp biệt chúng yết-ma, không được làm. Phi pháp hòa hợp yết-ma, không được làm. Pháp biệt chúng yết-ma không được làm. Pháp hòa hợp yết-ma, nên làm. Đó là điều ta cho phép.

Phi pháp biệt chúng yết-ma, yết-ma không

thành. Phi pháp hòa hợp yết ma, yết-ma không thành. Pháp biệt chúng yết-ma, yết-ma không thành. Pháp hòa hợp yết-ma, yết-ma thành tựu.

Phi pháp biệt chúng yết-ma, không đúng cách. Phi pháp hòa hợp yết-ma, không đúng cách. Pháp biệt chúng yết-ma, không đúng cách. Pháp hòa hợp yết-ma, đúng cách.

26. Có bốn cách bố-tát: ba lời bố-tát, thanh tịnh bố-tát, thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa bố-tát, tự tứ bố-tát.

27. Có bốn vọng ngữ: vọng ngữ Ba-la-di, vọng ngữ tăng tàn, vọng ngữ Ba-dật-đề, vọng ngữ tỳ-ni a-tỳ-bà-la [468] vọng ngữ.

28. Có bốn chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

29. Lại có bốn chúng: sát-lợi, Bà-la-môn, cư sĩ, Sa-môn.

30. Lại có bốn chúng: Tứ thiên vương, Đao lợi thiên, Ma, Phạm.

31. Lại có bốn chúng: ái, nhuế, bố, si.

32. Lại có bốn chúng: không ái, không nhuế, không bố, không si.

33. Có bốn hạng trí tuệ bình đoán sự-nhân: Có người thân không hiện ác mà khẩu hiện. Có người miệng không hiện ác mà thân hiện. Có người thân khẩu hiện ác. Có người thân khẩu không hiện ác.

---

[468] Tỳ-ni a-tỳ-bà-la 毘尼阿毘婆羅. Không rõ. Theo đoạn mạch, đây chỉ vọng ngữ thuộc tội ác thuyết.

a. Thế nào là thân không hiện ác mà khẩu hiện? Hoặc có người thân không hiện ác, mà miệng nói chỉ thị khiến phải cộng đồng kiến giải.[469] Đó là thân không hiện ác mà khẩu hiện.

b. Thế nào là miệng không hiện ác mà thân hiện? Có người thân hiện ác, mà miệng không chỉ thọ, không bắt cùng đồng kiến giải. Đó là miệng không hiện ác mà thân hiện.

c. Thế nào là thân không hiện ác, khẩu không hiện ác? Có người thân không hiện, miệng không chỉ thọ, không bắt cùng đồng kiến giải. Đó là thân miệng không hiện ác.

d. Thế nào là thân miệng hiện ác? Có người thân hiện ác, miệng nói chỉ thọ, bắt ép cùng đồng kiến giải. Đó là thân hiện ác, khẩu hiện ác. Đó là bốn hạng người bình đoán sự có trí.

34. Tỳ-kheo có bốn pháp tự tổn hại, có phạm, bị người có trí quở trách, mắc nhiều tội. Bốn pháp đó là gì? Có ái (thiên vị), có nhuế (thù hận), có bố (sợ hãi), có si (bất minh). Tỳ-kheo có bốn pháp như vậy, tự tổn hại, bị người có trí quở trách, mắc nhiều tội.

35. Tỳ-kheo có bốn pháp không tự tổn hại: (Ngược lại hạng mục trên).

36. Có bốn pháp hướng đến phi đạo: có ái, có nhuế, có bố, có si.

---

[469] Áp chế bằng miệng mà không áp chế bằng thân, khi quyết đoán tránh sự.

37. Có bốn pháp không hướng đến phi đạo: (Ngược lại câu trên).

38. Có bốn pháp không được sai làm người chia cháo. Chưa sai thì không được sai. Đã sai thì không được chia: có ái, có nhuế, có bố, có si.

39. Có bốn pháp nên sai làm người chia cháo: (ngược lại câu trên).

Chia tiểu thực, chia thức ăn khư-xà-ni, hoặc sai phó hội, trải ngọa cụ, chia y tắm mưa, chia y nhận được.

Sai Tỳ-kheo làm sứ, cho đến sai sa-di làm sứ cũng vậy.

40. Có bốn pháp đọa vào địa ngục như tên bắn (tức là sai các tri sự như trên).[470]

41. Có bốn phi pháp ngăn thuyết giới, ngăn vô căn: phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng.

42. Có bốn như pháp ngăn thuyết giới, ngăn hữu căn: phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng. Đó là bốn như pháp ngăn thuyết giới.

43. Có bốn thanh tịnh: trì giới thanh tịnh, kiến thanh tịnh, oai nghi thanh tịnh, chánh mạng thanh tịnh. Đó là bốn thanh tịnh.

44. Có bốn pháp y chỉ: y phấn tảo, khất thực, nghỉ dưới gốc cây, thuốc hủ lạn. Đó là bốn pháp y chỉ.

---

[470] Xem mục - hai pháp.

45. Có bốn pháp tổn giảm: hoặc có trí có thể nhẫn, hoặc có trí có thể thân cận, hoặc có trí có thể giải, hoặc có trí có thể đoạn. Đó là bốn thứ tổn pháp.[471]

46. Đức Thế Tôn ở tại Ba-la-nại. Bấy giờ, Ngài biết mà vẫn hỏi Tôn giả A nan:

- Trong khi mất mùa, lúa gạo khan hiếm, Ta từ mẫn vì các Tỳ- kheo nên cho phóng xả bốn việc: ngủ chung với thức ăn trong nội giới, nấu trong nội giới, tự mình nấu, tự nhận thức ăn. Nay các Tỳ-kheo vẫn cứ tiếp tục như vậy hay sao?

A nan bạch Phật:

- Các Tỳ-kheo vẫn tiếp tục. Đức Phật dạy:

- A nan, không được ăn như vậy. Nếu ăn, sẽ như pháp trị.

47. Đức Phật bảo Tôn giả A nan:

- Do khi lúa gạo khan hiếm, Ta thương các Tỳ-kheo nên cho phép: sáng sớm thọ tiểu thực từ người kia mang đến, như trái hồ đào v.v... và thức ăn có thể ăn trong nước. Những thứ như vậy vẫn tiếp tục ăn hay sao?

Tôn giả A nan trả lời:

- Vâng!

Đức Phật dạy:

- Không được ăn. Nếu ăn, sẽ như pháp trị.

---

[471] Hết quyển 58.

48. Có bốn pháp tác yết-ma ha trách, phi pháp phi tỳ-ni yết-ma không thành, không đúng cách. Bốn pháp đó là gì? (1002a1) Vô căn phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng. Đó là bốn pháp.

49. Có bốn pháp tác yết-ma quở trách như pháp như tỳ-ni yết-ma thành tựu, đúng cách (ngược nghĩa với câu trên).

50. Có bốn đại tặc.[472] Những gì là bốn?

a. Hoặc có đại tặc sinh ý nghĩ như vầy: "Nếu có được trăm người, ngàn người để phá thành ấp đó." Một thời gian sau, tên giặc ấy có được trăm người, ngàn người phá thành ấp đó. Cũng vậy, ác Tỳ-kheo nghĩ như vầy: "Ở chỗ nào mà ta sẽ được một trăm nhân chúng, một ngàn nhân chúng để du hành tại thành ấp nào đó." Vào thời gian khác vị kia có được một trăm nhân chúng, một ngàn nhân chúng du hành nơi thành ấp kia. Đó là đại tặc thứ nhứt.

b. Lại nữa, có đại tặc chẳng phải tịnh hạnh tự nói là tịnh hạnh. Đó là hạng đại tặc thứ hai.

c. Lại nữa, có đại tặc vì miệng bụng, nên tuy không chân thật, chẳng phải mình có, mà đối giữa đại chúng cố ý vọng ngữ, tự xưng được pháp thượng nhân. Đó là hạng đại tặc thứ ba.

---

[472] Thập tụng 49 (T23n1435 tr.356b20): thế gian có ba đại tăc. 1. Thủ lãnh cướp, cầm đầu 100 cho đến 500 lâu la, cướp bóc làng xóm. 2. Tỳ-kheo lấy vật tứ phương Tăng đi bán để nuôi sống. 3. Tỳ-kheo trống rỗng mà tự xưng đắc pháp thượng nhân.

d. Lại có đại tặc xử dụng bông trái, rau lá của Tăng để tự nuôi sống. Đó là đại tặc thứ tư.

51. Có bốn tín pháp:

Nếu Tỳ-kheo ở nơi thành quách, thôn xóm, làm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn. Trong đây, nên tùy thuận giáo thọ cư sĩ khiến cho họ tin. Tỳ-kheo kia nói với Tỳ-kheo này: - Thầy ở nơi thành ấp, thôn xóm đó làm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn. Thầy nên trở lại giáo hóa cư sĩ kia. Nếu thầy không thể tùy thuận giáo hóa cư sĩ khiến cho họ tin thì Thầy không thể cư trú tại đây. Nếu Thầy có thể tùy thuận giáo hóa cư sĩ thì cho phép Thầy ở tại đây. Nếu không thể tùy thuận giáo hóa cư sĩ khiến cho họ tin thì các Tỳ-kheo không cùng Thầy đồng yết-ma, thuyết giới, tự tứ, chung đồng một chỗ ngồi, tiểu thực đại thực không theo thứ tự mà ngồi, cũng không đón tiếp, chắp tay lễ bái chào hỏi. Nếu Thầy có thể tùy thuận giáo hóa cư sĩ kia khiến cho họ tin thì các Tỳ-kheo sẽ cùng thầy đồng yết-ma, cho đến lễ bái hỏi chào. Đó là bốn tín pháp. Nếu là cư sĩ hay con cư sĩ cũng như vậy.

52. Có bốn phi Thánh pháp: cái không thấy nói thấy, cái không nghe nói nghe, cái không xúc nói xúc, cái không biết nói biết.[473] Đó là bốn phi

[473] 473. Kiến 見, văn 聞, xúc 觸, tri 知. Trường A-hàm 8 (kinh Chúng tập, T0n1 tr.50b27), bốn phi Thánh ngữ, và Thánh ngữ: kiến, văn, giác 覺, tri. Pāli, Vin. v. 124: cattāro anariyavohārā, aditthe ditthavāditā, assute sutavāditā, amute mutavāditā, aviññe viññātavāditā.

Thánh pháp.

53. Có bốn Thánh pháp (ngược lại nghĩa câu trên).

54. Có bốn phi Thánh pháp: cái thấy nói không thấy, cái nghe nói không nghe, cái xúc nói không xúc, cái biết nói không biết. Đó là bốn phi Thánh pháp.

55. Có bốn Thánh pháp: (ngược lại nghĩa câu trên).

56. Có bốn lời xả giới: - Xả Phật, xả Pháp, xả Tăng, xả Hòa thượng. Đó là bốn lời xả giới.

Cũng vậy, - xả Phật, xả Pháp, xả Tăng, làm phần đầu, rồi thêm, cho đến - phi Sa-môn Thích tử.[474] Mỗi cụm bốn lời như vậy.

57. Vì bốn nghĩa lợi nên Đức Như Lai ra đời vì các Tỳ-kheo chế giới: nhiếp thủ đối với Tăng, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài. Mỗi cụm gồm bốn nghĩa như vậy.[475]

58. Có bốn nghĩa lợi nên Đức Như Lai ra đời vì các Tỳ-kheo chế yết-ma ha trách; nhiếp thủ đối với Tăng, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài. Mỗi cụm gồm bốn bốn nghĩa như vậy.[476]

Cho đến bảy diệt tránh cũng như vậy.

V. NĂM PHÁP

[474] Chi tiết, xem mục - một pháp các hạng mục 1, 2.

[475] Chi tiết, xem mục - hai pháp hạng mục 127.

[476] Chi tiết, xem mục - hai pháp hạng mục 127.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở thành Vương-xá, bảo các Tỳ-kheo:

1. Có năm pháp không được trao đại giới cho người:[477] không giới, không định, không tuệ, không giải thoát tuệ, không tri kiến giải thoát. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

2. Lại có năm pháp nên trao đại giới cho người: (Ngược lại nghĩa câu trên).

3. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: tự mình không giới, không định, không tuệ, không giải thoát tuệ, không kiến giải thoát tuệ, cũng không thể dạy người khiến an trụ giới-định-tuệ, cho đến kiến giải thoát tuệ. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

4. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa câu trên).

5. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không tín, không tàm, không quý, giải đãi, quên nhiều. Có năm pháp như vậy, không được trao đại giới cho người.

6. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (Ngược lại nghĩa câu trên).

7. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ học, không biết bạch, không biết yết- ma. Có năm

[477] Không đủ tư cách làm Hoà thượng. Xem phần iii. chương i - Thọ giới. đoạn viii.

pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

8. Có năm pháp nên trao đại giới cho người (tức ngược với nghĩa câu trên).

9. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết oai nghi giới, không biết tăng tịnh hạnh,[478] không biết Ba-la-đề- mộc-xoa giới, không biết bạch, không biết yết-ma. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

10. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa câu trên).

11. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết phạm, không biết phạm rồi sám hối, không biết phạm rồi sám hối thanh tịnh, không biết bạch, không biết yết-ma. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

12. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa câu trên).

13. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết có nạn pháp, không biết không nạn pháp, không biết bạch, không biết yết-ma, không đủ mười tuổi (hạ). Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

14. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa câu trên).

15. Lại có năm pháp không được trao đại giới

---

[478] Tăng tịnh hạnh, hay tăng thượng phạm hạnh. Đọc đúng là - căn bản phạm hành. Hán đọc ādi-brahmacariya, thành adhi-brahmacariya.

cho người: không thể dạy người tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, không thể làm người nuôi bệnh,[479] cũng không thể nhờ người nuôi bệnh đến khi lành hoặc đến khi qua đời, hoặc không đủ mười tuổi (hạ). Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

16. Lại có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược nghĩa lại câu trên).

17. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thể dạy đệ tử tăng oai nghi giới, tăng tịnh hạnh, tăng Ba-la-đề-mộc-xoa giới, nếu đệ tử có ác kiến không thể phương tiện dạy khiến cho bỏ ác kiến trụ thiện kiến, hoặc không đủ mười tuổi (hạ). Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

18. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa câu trên).

19. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết phạm, không biết không phạm, không biết nhẹ, không biết nặng, không rộng tụng hai bộ tỳ-ni. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

20. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa trên).

21. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ Ba-la-đề-mộc-xoa

[479] Không thể chăm sóc đệ tử bệnh Xem phần iii, ch. i, dẫn trên.

giới, không đa văn, không thể dạy đệ tử Tỳ-ni, A-tỳ- đàm, không đủ mười tuổi. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới.

22. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa câu trên).

23. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ Ba-la-đề-mộc-xoa giới, không thể dạy đệ tử Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, nếu đệ tử có ác kiến không thể dạy khiến xả ác kiến trụ thiện kiến. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

24. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa câu trên).

25. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thể dạy đệ tử Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, nếu đệ tử có ác kiến không thể dạy khiến xả ác kiến trụ thiện kiến, nếu đệ tử không an lạc ở trú xứ này, không thể dời đến trú xứ khác an lạc, nếu đệ tử có sinh tâm nghi hối mà không thể khai giải đúng Phật Pháp. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

26. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa câu trên).

27. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: Không thể dạy đệ tử Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, nếu (1003a1) đệ tử có ác kiến không thể dạy khiến xả ác kiến trụ thiện kiến, nếu đệ tử không an lạc ở

trú xứ này, không thể dời đến trú xứ khác an lạc, không đủ mười tuổi. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

28. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa câu trên).

29. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết Ba-la-đề-mộc-xoa giới, cũng không thể thuyết giới, không biết bố- tát, không biết yết-ma bố-tát, không đủ mười tuổi. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

30. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại câu trên).

31. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không khéo biết phạm, không khéo biết sám hối phạm, không khéo nhập định, không khéo xuất định, không đủ mười tuổi. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

32. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại câu trên).

33. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết phạm, không biết không phạm, không biết nhẹ, không biết nặng, không đủ mười tuổi. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

34. Lại có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại câu trên).

35. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ Ba-la-đề-mộc-xoa giới, không đa văn, không thể dạy đệ tử tăng giới học, không thể chăm sóc bệnh, không thể nhờ người chăm sóc bệnh đến khi lành hay qua đời, không rộng tụng hai bộ tỳ-ni. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

36. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại câu trên).

37. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ Ba-la-đề-mộc-xoa giới, không đa văn, không thể dạy đệ tử tăng giới học, nếu đệ tử có ác kiến không thể dạy đệ tử xả bỏ ác kiến khiến trụ thiện kiến, không khéo tụng tỳ-ni. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

38. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại câu trên).

39. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ Ba-la-đề-mộc-xoa giới, không đa văn, không thể dạy đệ tử tăng giới học, nếu đệ tử không an lạc ở trú xứ này, không thể di chuyển đến trú xứ khác an lạc, không kiên trụ tỳ-ni. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

40. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (trái với nghĩa câu trên).

41. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, không đa văn, không thể dạy đệ tử tăng giới học; đệ tử có nghi, không thể như Phật pháp giải thích, không thể quyết đoán tránh sự. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

42. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược với câu trên).

Cũng vậy tăng tâm, tăng tuệ, tăng oai nghi học, tăng tịnh hạnh

học, tăng Ba-la-đề-mộc-xoa học (cũng từng mỗi cụm gồm năm như trên).

Nếu Tỳ-kheo nào tự điều phục, không sợ hãi, có khả năng nói năng; tự mình có những việc này, thì cũng có thể dạy đệ tử. Người như vậy nên trao đại giới cho người, nên cho người y chỉ, nên nuôi sa-di, nên nhận Tăng sai giáo thọ Tỳ-kheo-ni; nếu đã sai thì nên giáo thọ.

43. Có năm hạng người không được thọ đại giới: tự nói phạm biên tội, phạm Tỳ-kheo-ni, hoặc tặc tâm thọ giới, phá nội ngoại đạo, huỳnh môn.[480] Người có năm pháp như vậy không được cho thọ đại giới.

44. Lại có năm hạng người không được cho thọ đại giới: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá

[480] Năm trong số 13 già nạn. Xem phần iii, chương i - Thọ giới.

Tăng, ác tâm làm thân Phật ra máu.[481] Có năm pháp như vậy không được cho thọ đại giới.

45. Có năm hạng huỳnh môn: sinh huỳnh môn, hình tàn huỳnh môn, thạch huỳnh môn, biến huỳnh môn, bán nguyệt hình môn. Đó là năm hạng huỳnh môn.[482]

46. Có năm hạng bịnh nhân không được cho thọ đại giới: hủi, ung thư, hủi trắng, càn tiêu, điên cuồng. Năm hạng người có bệnh như vậy không được cho thọ đại giới.

47. Có năm hạng người thanh tịnh, không có nạn sự nên cho thọ đại giới: đàn ông,[483] không mắc nợ, chẳng phải tôi tớ, đủ hai mươi tuổi, cha mẹ cho phép. Năm hạng người thanh tịnh không có nạn sự như vậy nên cho thọ đại giới.

48. Có năm pháp (cách) cho người y chỉ: hoặc nói, - Được. Hoặc nói, - Chấp thuận. Hoặc nói, - Phải. Hoặc nói, - Ngươi hãy khéo tự tu hành. Hoặc nói, - Ngươi chứ buông lung. Đó là năm cách nói cho pháp y chỉ.

49. Có năm cách nói khi cho người y chỉ: Hoặc nói, - Lành thay. Hoặc nói, - Tốt. Hoặc nói, - Hãy đứng dậy. Hoặc nói, - Hãy đi. Hoặc nói, - Ta cho ngươi y chỉ. Đó là năm cách nói khi cho người y

---

[481] Năm trong số 13 già nạn. Xem phần iii, dẫn trên.

[482] Sinh, hình tàn, thạch, biến, bán nguyệt 生形殘變半月. Xem giải thích nơi phần iii, chương i - Thọ giới. Các thuật ngữ khác ở đây: sinh, kiền, đố, biến, bán nguyệt.

[483] 483. Trượng phu 丈夫, dịch từ Skt. (Pāli): nara: nghĩa đen là - đàn ông (không phải là đàn bà) chẳng liên hệ gì đến nghĩa đại trương phu hay tiểu trượng phu mà các bản dịch Việt thường nhầm lẫn tai hại.

chỉ.

50. Có năm pháp không được sống không y chỉ: không giới, không định, không tuệ, không giải thoát tuệ, không kiến giải thoát tuệ. Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

51. Có năm pháp có thể sống không y chỉ: (ngược lại với năm câu trên).

52. Lại có năm pháp không nên sống không y chỉ: không giới lại không thể tự siêng tu học giới, không định, không tuệ, không giải thoát tuệ, không kiến giải thoát tuệ, lại không thể tự siêng tu giới-định-tuệ, giải thoát tuệ, kiến giải thoát tuệ. Có năm pháp như vậy không nên sống không y chỉ.

53. Có năm pháp có thể sống không y chỉ: (ngược lại câu trên).

55. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, không đa văn, không thể tự học Tỳ-ni, A tỳ đàm, nếu tâm sinh ác kiến không thể khai giải khiến tu tập thiện kiến. Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

56. Có năm pháp có thể sống không y chỉ: (ngược lại câu trên).

57. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, không đa văn, không thể học Tỳ-ni, A tỳ đàm, không đủ năm tuổi (hạ). Có năm pháp như vậy

không được sống không y chỉ.

58. Có năm pháp nên sống không y chỉ: (ngược lại câu trên).

59.Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không thể tự học Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, ác kiến sinh không thể xả để trụ thiện kiến, nếu không an lạc sống nơi trú xứ này không thể đi đến chỗ khác an lạc, tâm có sinh nghi hối không thể như pháp khai giải. Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

60. Có năm pháp được sống không y chỉ: (ngược lại câu trên).

61. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không thể tự siêng năng tu giới, tăng tâm, tăng tuệ học, có bệnh không thể tự điều dưỡng, cũng không thể khiến người khác nuôi bệnh mình, không đủ năm tuổi. Đó là năm pháp không được sống không y chỉ.

62. Có năm pháp được sống không y chỉ: (ngược lại câu trên).

63. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không tự siêng năng tu oai nghi giới, không thể tăng tịnh hạnh,[484] tăng Ba-la-đề-mộc- xoa giới, có ác kiến không thể xả để trụ thiện kiến, không đủ năm tuổi. Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

---

[484] Xem cht. 136 trên..

64. Có năm pháp được sống không y chỉ: (ngược lại câu trên).

65. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không biết tránh sự, không biết tránh sự khởi, không biết tránh sự diệt, không biết hướng đến tránh sự diệt,[485] không đủ năm tuổi. Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

66. Có năm pháp được sống không y chỉ: (ngược lại câu trên).

67. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không biết phạm, không biết sám hối, không khéo vào định, không khéo xuất định, không đủ năm tuổi. Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

68. Có năm pháp được sống không y chỉ: (ngược lại câu trên).

69. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không biết phạm, không biết không phạm, không biết nhẹ, không biết nặng, không rộng tụng hai bộ tỳ-ni. Có năm pháp như vậy không được không y chỉ mà trụ.

70. Có năm pháp được sống không y chỉ: (ngược lại câu trên).

71. Lại có năm pháp mất y chỉ: hoặc bị đuổi

---

[485] Tham chiếu Pāli, Vin. v. 130, người trì luật có đủ 5 điều để được gọi là ngu si; không biết tránh sự (adhikarana), không biết gốc rễ của tránh sự (adhikaranasa mūla), không biết sự tập khởi của tránh sự, không biết sự dập tắt tránh sự (adhikarana-nirodha), không biết con đường dẫn đến sự dập tắt tránh sự (adhikarananirodhagāmini).

ra,[486] hoặc bỏ đi,[487] hoặc thôi tu, hoặc thôi không cho y chỉ,[488] hoặc đến trên giới trường. Có năm pháp như vậy mất y chỉ.

72. Lại có năm pháp mất y chỉ: hoặc chết, hoặc bỏ đi, hoặc thôi tu, hoặc thôi không cho y chỉ, hoặc năm tuổi hay quá năm tuổi (hạ). Có năm pháp như vậy mất y chỉ.

73. Lại có năm pháp mất y chỉ: hoặc chết, hoặc đi, hoặc thôi tu, hoặc không cho y chỉ, hoặc gặp Hòa thượng cũ. Có năm pháp như vậy mất y chỉ.

74. Lại có năm pháp mất y chỉ: hoặc chết, hoặc đi, hoặc thôi tu, hoặc thôi không cho y chỉ, hoặc Hoà thượng A-xà-lê qua đời. Có năm pháp như vậy mất y chỉ.

75. Lại có năm pháp mất y chỉ: hoặc chết, hoặc đi, hoặc thôi tu, hoặc không cho y chỉ, hoặc Hòa thượng A-xà-lê thôi tu. Có năm pháp như vậy mất y chỉ.

76. Lại có năm pháp mất y chỉ: hoặc chết, hoặc đi, hoặc thôi tu, hoặc thôi không cho y chỉ, hoặc trở lại theo Hòa thượng cũ. Có năm pháp như vậy mất y chỉ.

77. Có năm pháp phải xua đuổi đệ tử: hoặc Hòa thượng nói với đệ tử: - Nay tôi đuổi ông đi, - Ông không được vào phòng tôi, - Ông không được giúp

---

[486] Bị đuổi ra ngoài trú xứ.

[487] Ra khỏi đồng trú xứ với thầy y chỉ có ý định không trở lại.

[488] Thầy y chỉ dứt y chỉ.

việc cho tôi, - Ông đừng đến chỗ tôi, - Tôi không nói với ông. Đây là năm pháp Hòa thượng xua đuổi đệ tử.

78. A-xà-lê có năm pháp xua đuổi đệ tử:[489] - Nay tôi đuổi ông đi,

- Ông không được vào phòng tôi, - Ông không được giúp việc cho tôi,

- Ông đừng đến chỗ tôi, - Tôi không nói với ông. Đây là năm pháp A- xà-lê xua đuổi đệ tử.

79. Đệ tử có năm pháp bị Hòa thượng A-xà-lê xua đuổi: không tàm, không quí, không thể dạy bảo, chẳng phải oai nghi, không cung kính. Đệ tử có năm pháp như vậy bị Hòa thượng A-xà-lê xua đuổi.

80. Lại có năm pháp: không tàm, không quý, không thể dạy bảo, gần ác tri thức, thường đến nhà dâm nữ.[490] Có năm pháp như vậy bị Hòa thượng A-xà-lê xua đuổi. (cũng như vậy, ưa đến nhà phụ nữ,[491] nhà phụ nữ chưa chồng, nhà huỳnh môn, chỗ Tỳ-kheo-ni, chỗ thức-xoa-ma-na, chỗ sa-di-ni, chỗ người bắt rùa trạnh.[492] Mỗi bốn sự như mục trên, thêm một trong các sự này, thành mỗi cụm năm pháp).

---

[489] Dứt y chỉ.

[490] Thập tụng luật 49 (T23n1435 tr.359b17), - Phật nói, Tỳ-kheo có năm chỗ không nên lai vãng: phụ nữ chưa chồng, đàn bà goá, phụ nữ có chồng, dâm nữ, Tỳ-kheo-ni. Lại có 5 chỗ: nhà giặc cướp, nhà chiên-đà-la (thịt chó), nhà đồ tể, nhà dâm nữ, nhà bán rượu.

[491] Đã có chồng.

[492] Chỉ chung những người làm chài lưới.

81. Có năm cách dữ dục: Nói, - Tôi gởi dục nơi Thầy, - Nhờ vì tôi thuyết dục, ra dấu bằng thân, miệng nói, ra dấu bằng thân cùng miệng nói. Đó là năm thứ dữ dục.

82. Có năm trường hợp mất dục: Tỳ-kheo nhận dục qua đời, hoặc thôi tu, hoặc nhập chúng ngoại đạo, hoặc nhập Tăng bộ khác,[493] hoặc đến trên giới trường sau khi tướng bình minh đã xuất hiện.[494] Đó là năm thứ mất dữ dục.

83. Có năm thứ gởi thanh tịnh và gởi tự tứ (cũng như trên, nếu mất cũng như trên).

84. Đức Như Lai ra đời thấy những sai lầm của các Tỳ-kheo nên vì năm lợi nghĩa mà chế pháp ngọa cụ: không khiến gió thổi, nước mưa thấm ướt, nắng xém, bụi đất, không khiến chim quạ làm bẩn. Đó là năm.

85. Hòa thượng có năm phi pháp thì đệ tử nên sám hối rồi bỏ đi. Nên thưa với Hòa thượng: - Con có như pháp hay không, Hòa thượng không biết. Con không như pháp, Hòa thượng cũng không biết. Con phạm giới mà Hòa thượng bỏ bê, không dạy, không quở trách. Phạm cũng không biết. Phạm mà sám hối cũng không biết. Hòa thượng có năm pháp như vậy, đệ tử nên sám hối mà xin đi.

86. Tỳ-ni có năm sự [495] trả lời: tựa, chế, trùng

---

[493] Người nhận dục bỗng biến đổi giới tính.

[494] Vì đã qua ngày khác.

[495] chỉ cơ sở (để trả lời trong vấn đáp nghĩa tỳ-ni).

chế, Tu-đa-la, tùy thuận tu-đa-la.[496] Đó là năm.

87. Lại có năm pháp gọi là trì luật: biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng, rộng tụng hai bộ giới. Đó là năm.

88. Lại có năm pháp: biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng, rộng tụng tỳ-ni. Đó là năm.

89. Lại có năm pháp: biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng, an trụ tỳ-ni mà không động. Đó là năm.

90. Lại có năm pháp: biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng, tránh sự khởi khéo hay diệt trừ. Đó là năm.

91. Có năm hạng trì luật: tụng thuộc tựa giới, bốn sự, mười ba sự, hai bất định, rộng tụng ba mươi sự. Đó là hạng trì luật thứ nhất. Nếu tụng thuộc tựa giới, bốn sự, mười ba sự, hai bất định, rộng tụng ba mươi sự, rộng tụng chín mươi sự. Là hạng trì luật thứ hai. Nếu rộng tụng giới tỳ-ni là hạng trì luật thứ ba. Nếu rộng tụng hai bộ giới tỳ-ni là hạng trì luật thứ tư. Nếu tụng toàn bộ tỳ-ni là hạng trì luật thứ năm. Ở đây xuân, thu, và đông nên y theo bốn hạng trì luật đầu, nếu không y vào đó để sống thì phạm Đột-kiết-la. Hạ an cư nên y vào hạng trì luật thứ năm. Không y vào đó để sống

[496] Tham chiếu Pāli, Vin. v. 130, trì luật ngu si với 5 pháp: không biết nhân duyên (nidānam, nguyên nhân Phật chế giới Hán dịch là tự 序), không biết chế (paññttim), không biết tùy chế (anupaññattim, quy định phụ; Hán dịch là trùng chế 重制), không biết ngữ pháp thích đáng (anusandhivacanam).

thì phạm Ba-dật-đề.

92. Người trì luật có năm công đức: giới phẩm kiên cố, khéo thắng các oán địch, giữa đại chúng quyết đoán không sợ, có nghi hối có thể khai giải, khéo trì tỳ-ni khiến chánh pháp tồn tại lâu dài. Đó là năm.

93. Có năm thứ tâm giặc: tâm hắc ám, tâm tà vạy, tâm khúc lệ, tâm bất thiện, tâm thường muốn lấy trộm vật của người. Đó là năm.

94. Lại có năm hạng giặc: cương quyết mà lấy, đe dọa lấy, gởi vật lấy, thấy bèn lấy, ỷ thác lấy.[497] Đó là năm.

95. Lại có năm hạng: đồng nghiệp với người tội, chỉ dẫn người làm giặc cướp, dò xét chỗ để tài vật cho cướp, giữ vật cho giặc cướp, canh chừng cho giặc cướp. Đó là năm.

96. Lại có năm loại phạm:[498] Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba- dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la. Đó là năm. Cũng gọi là năm loại chế giới, cũng gọi là năm tụ phạm.[499]

97. Nếu không biết, không thấy năm loại phạm này, Ta nói người đó ngu si: Ba-la-di, Tăng-già-

---

[497] 497. Hán: quyết định thủ 決定取, khủng khiếp thủ 恐怯取, ký vật thủ 寄物取 (lấy bằng cách gởi nơi vật khác, tức lấy bằng cách che dấu), kiến tiện thủ 見便取 (có lẽ như Pāli: pasayha, áp chế, được đọc là pasaya: thấy), ỷ thác thủ 倚託取 (có lẻ chỉ sự rút thăm). Tham chiếu Pāli (Vin. v. 129), năm sự tước đoạt (pañca avahārā): đoạt bằng cách trộn lấy (theyya-), bằng cưỡng bức

(pasayha-), bằng mưu mô (parikappa-), bằng cất dấu (panicchanna-) bằng rút thăm (kusa-). Xem Thập tụng 50 (T23n1435 tr.363b19), năm hình thức lấy vật của người khác: kiếp thủ 劫取, đạo thủ 盜取, trá thủ 詐取 để mạn thủ 詆謾取 (bịp mà lấy), pháp thủ 法取 (lấy hợp pháp).

[498] Pāli (Vin.v. 128, 91): pañca āpattiyo.

[499] Năm tụ phạm, hay năm tụ tội, hay năm thiên tội, đồng nghĩa. Pāli: pañca āpattikkhadā. Vin.v.1.

bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la. Đó là năm loại phạm.

Năm loại chế giới cũng như vậy. Năm tụ phạm cũng như vậy.

98. Nếu không biết, không thấy năm phạm, Ba-la-di, Tăng-già- bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la, Tăng nên trao cho pháp yết-ma quở trách.

Năm loại chế giới cũng như vậy. Năm phạm tụ cũng như vậy.

99. Lại có năm loại phạm: hoặc có phạm tự tâm niệm sám hối,[500] hoặc có phạm tiểu tội đến người khác sám hối,[501] hoặc có phạm trung tội đến người khác sám hối,[502] hoặc có phạm không thể sám hối.[503]

97. Có năm pháp, Tăng nên trao cho yết-ma quở trách: phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc hủy báng Phật và Pháp. Đó là năm.

100. Lại có năm pháp: phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hủy báng Phật và Tăng. Đó là năm.

101. Lại có năm: phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hủy báng Pháp và Tăng. Đó là năm pháp nên trao cho yết-ma ha trách. Yết-ma tẫn, yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y, yết-ma cử tội cũng như

---

[500] Chỉ các tội Đột-kiết-la và ác thuyết.

[501] Các tội Ba-dật-đề, và Ba-la-đề-đề-xá-ni.

[502] Thâu-lan-già và Tăng-già-bà-thi-sa.

[503] 503. Phạm Ba-la-di.

vậy.

102. Có năm pháp tác yết-ma ha trách phi pháp, phi tỳ-ni, yết-ma không thành, không đúng cách. Năm pháp là: không tác cử, không tác ức niệm, không tác tự ngôn, phi pháp, biệt chúng. Đó là năm.

103. Lại có năm pháp: không phạm, phạm không thể sám, phạm đã sám, phi pháp, biệt chúng. Đó là năm pháp yết-ma không thành, không đúng cách.

104. Lại có năm pháp yết-ma như pháp thành tựu, đúng cách: (ngược lại câu trên).

105. Người bị yết-ma ha trách có năm việc không được làm (như trong Kiền độ Ha trách [504] đã nói).

106. Người bị cử có năm pháp không được cho giải yết-ma: mạ báng Tỳ-kheo; phương tiện làm cho Tỳ-kheo khác tổn giảm, mất lợi ích; (làm cho Tỳ-kheo khác) mất chỗ ở; trong nội giới hay ngoại giới nhận thiện Tỳ-kheo lễ bái cúng dường; ở chỗ không có Tỳ-kheo. Tỳ- kheo có năm pháp như vậy không được cho giải yết-ma bị cử.

107. Lại có năm pháp nên cho giải yết-ma bị cử. (ngược với câu trên).

108. Nếu Tỳ-kheo bị yết-ma cử tôi vì không thấy tội nên bằng năm sự mà tự quán sát: - Nếu ta

[504] 504. Trong bản Hán, Phần iii, Ch.viii. Bản Việt, Phần iii, Ch.xi.

không thấy tội thì các Tỳ-kheo không cùng ta yết-ma, thuyết giới, tự tứ, đồng phòng ngủ; không cùng đồng một chỗ ngồi; tiểu thực đại thực, không tùy theo thứ tự lớn nhỏ; không chắp tay lễ bái cung kính hỏi chào. Đây là người bị yết-ma bất kiến tội cử, dùng năm việc này để quán sát.

Yết-ma không sám hối, yết-ma cử tội ác kiến không xả, cũng như vậy. Tác yết-ma cử tội bất kiến đối với người khác cũng phải bằng vào năm này để quán sát.

Yết-ma không sám hối, cử tội không xả ác kiến, cũng như vậy.

109. Tỳ-kheo có năm pháp, Tăng không nên tác yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y: không hiếu với cha, với mẹ; không kính Sa-môn; Bà-la-môn; không khéo nhận lời nói.[505] Có năm pháp như vậy không được tác yết-ma ngăn không đến nhà bạch y.

110. Có năm pháp nên tác yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y: (ngược lại câu trên).

111. Lại có năm pháp nên cho tác yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y: ưa mạ báng bạch y; phương tiện làm cho bạch y tổn giảm, mất lợi ích; làm cho (bạch y) không có chỗ ở; gây mâu thuẫn giữa bạch y.[506] Đó là năm pháp.

---

[505] 505. Xem phần iii, chương xi - Khiển trách. Các cht. 28-30.

[506] Xem cht. 30, phần iii, chương xi.

112. Lại có năm pháp, trước mặt bạch y mà hủy báng Phật, Pháp, Tăng, mạ bạch y, làm nghiệp thấp hèn, hoặc dối gạt bạch y. Đó là năm pháp.

113. Tỳ-kheo có năm pháp khiến cho bạch y không tin: (như trường hợp - gây mâu thuẫn giữa bạch y trên).

114. Tỳ-kheo lại có năm pháp khiến bạch y không tin (như trường hợp - dối gạt bạch y trên).

115. Đối với bạch y có năm pháp, Tăng không được tác yết-ma úp bát: bất hiếu với cha, với mẹ, không kính Sa-môn, Bà-la-môn, không kính thờ Tỳ-kheo. Đó là năm.

116. Với bạch y có năm pháp, Tăng nên cho tác yết-ma úp bát: (ngược với câu trên).

117. Có năm pháp, Tăng nên cho tác úp bát: mạ báng Tỳ-kheo, làm Tỳ-kheo tổn giảm, làm mất lợi ích, làm cho không có trú xứ, đấu loạn Tỳ-kheo. Đó là năm.

118. Lại có năm pháp: đối trước Tỳ-kheo mà hủy báng Phật, Pháp, Tăng, dùng vô căn bất tịnh hạnh vu khống Tỳ-kheo, phạm Tỳ-kheo-ni. Đó là năm.

119. Có năm trường hợp chê bai mà phạm Ba-dật-đề: không vì nghĩa, không vì pháp, không vì tỳ-ni, không vì giáo thọ, không vì thân hậu. Có năm trường hợp chê bai như vậy phạm Ba-dật-đề.

120. Lại có năm pháp chê bai không phạm Ba-

dật-đề. (ngược với câu trên).

121. Nếu Tỳ-kheo nào không được Tăng không sai mà, bằng năm sự,[507] kể tội Tỳ-kheo khác với người chưa thọ đại giới, phạm Ba-dật-đề. Năm sự đó là: nói tên tuổi, dòng họ, tướng mạo, y phục, phòng xá. Đó là năm việc.

122. Có năm đối tượng hành dâm phạm Ba-la-di: phụ nữ, đồng nữ, hai căn, huỳnh môn, nam tử. Đó là năm.

123. Có năm trường hợp ăn trộm phạm Ba-la-di: tự mình lấy, chỉ thị lấy, sai phái đi lấy, trọng vật, dời khỏi vị trí. Đó là năm.

124. Lại có năm việc: với ý tưởng vật không phải sở hữu của mình, không tạm lấy, không do thân tình mà lấy, trọng vật, dời khỏi chỗ cũ. Đó là năm.

125. Lại có năm: của người, có ý tưởng là của người, trọng vật, với tâm trộm, dời khỏi chỗ cũ. Đó là năm.

126. Người chết có năm điều bất hảo: 1. bất tịnh, 2. hôi thối, 3. ghê sợ, 4. khiến người ghê sợ nên ác quỷ được cơ hội, 5. trú xứ cho ác thú, phi nhân. Đó là năm.

Người phạm giới có năm sự thiệt hại: có thân, khẩu, ý nghiệp bất tịnh. Như sự bất tịnh của tử thi kia, Ta nói người này cũng như vậy. Hoặc có thân,

---

[507] Sự, đây chỉ lý lịch bản thân, hay nhân thân của một cá nhân.

khẩu, ý nghiệp bất tịnh, tiếng xấu đồn khắp. Như tử thi kia, hôi thối từ đó tiết ra, Ta nói người này cũng như vậy. Người kia có thân, khẩu, ý nghiệp bất tịnh, các thiện Tỳ-kheo sợ tránh. Như tử thi kia khiến người ghê sợ, Ta nói người này cũng như vậy. Có thân khẩu ý nghiệp bất tịnh, khiến các thiện Tỳ-kheo thấy sinh ác tâm nói: - Sao ta lại thấy người ác như vầy? Như người thấy tử thi sinh ghê sợ, khiến cho ác quỷ có cơ hội. Ta thấy người này cũng như vậy. Có thân khẩu ý nghiệp bất tịnh ở chung cùng người bất tịnh. Như chỗ tử thi kia có ác thú, phi nhân cùng ở, Ta thấy người kia cũng như vậy. Đó là năm điều mất mát của người phạm giới như tử thi kia.

127. Người không nhẫn nhục có năm thiệt hại: 1. Hung ác bất nhẫn, 2. Sau sinh hối hận, 3. Nhiều người không ưa, 4. Tiếng xấu đồn khắp, 5. Chết đọa ác đạo. Đó là năm.

128. Người hay nhẫn nhục có năm công đức: (ngược lại câu trên).

129. Sưởi lửa có năm điều mất mát: 1. khiến cho người không nhan sắc, 2. Không có sức khỏe, 3. Khiến cho con mắt mờ, 4. Khiến nhiều người tập hợp làm ồn, 5. Nói nhiều việc đời. Đó là năm.

130. Thường tới lui nhà bạch y, Tỳ-kheo có năm điều mất mát: 1. Không dặn Tỳ-kheo bèn vào thôn xóm, 2. Ngồi trong chỗ nam nữ có dục ý, 3.

Ngồi một mình, 4. Ngồi chỗ khuất, chỗ kín, 5. Không có trí nam tử mà nói pháp cho người nữ quá năm, sáu lời.[508] Đó là năm.

131. Lại có năm: 1. Thường gặp nữ nhân, 2. Đã gặp nhau thì gần gũi nhau, 3. Chuyển thành thân tình, 4. Đã thân tình rồi dục ý sinh, 5. Đã có dục ý, hoặc phạm tử tội, hay gần tử tội. Đó là năm.

132. Ngủ với tâm tán loạn có năm điều thiệt hại: thấy ác mộng, chư thiên không vệ hộ, tâm không nghĩ đến pháp, không buộc ý nơi ánh sáng, xuất bất tịnh. Đó là năm.

133. Ngủ với tâm không tán loạn có năm công đức: (ngược với câu trên).

134. Uống rượu có năm điều mất mát: không nhan sắc, cơ thể không sức lực, mắt mờ, ưa hiện tướng sân, mất của cải. Đó là năm.

135. Lại có năm việc: sinh thân bệnh, ưa đấu tranh, tiếng xấu đồn khắp, trí tuệ kém dần, chết đọa ác đạo. Đó là năm.

136. Phá giới có năm điều mất mát: tự hại, bị người trí quở trách, có tiếng xấu đồn khắp, khi gần chết hối hận, chết đọa ác đạo. Đó là năm.

137. Trì giới có năm công đức: (ngược với câu trên).

138. Lại có năm việc: vật mà trước chưa được thì không được; đã được thì không giữ nổi; hoặc ở

---

[508] Xem, Tỳ-kheo, Ba-dật-đề 9.

tại giữa bất cứ đám đông nào, hoặc chúng sát-lợi, chúng Bà-la-môn, chúng cư sĩ, chúng Tỳ-kheo, trong đó đều có sự hổ thẹn; trong phạm vi vô số do tuần Sa-môn Bà-la-môn xưng nói cái ác kia; người ác phá giới chết đọa đường dữ. Đó là năm.

139. Trì giới có năm công đức: (ngược với câu trên).

140. Không xỉa răng có năm điều thiệt hại: miệng hôi thúi, không khéo phân biệt mùi vị, nhiệt ấm không tiêu, không dẫn thực, mắt không sáng. Đó là năm.

141. Xỉa răng có năm điều tốt. (trái với câu trên).

142. Ăn cháo có năm điều tốt: trừ đói, giải khát, tiêu thức ăn qua đêm, đại tiểu tiện thông lợi, trừ phong. Đó là năm.

143. Kinh hành có năm điều tốt: có thể đi xa, có thể tư duy, ít bệnh, tiêu thực, đắc định và an trú lâu.

144. Có năm thức ăn: cơm, lương khô, bách bột, (1006a1) thịt và cá.[509]

145. Có năm thứ muối: muối xanh, muối đen, muối tỳ-trà, muối lam-bà, muối chi-đô-tỳ.[510] Đó là năm.

146. Lại có năm thứ muối: muối đất, muối tro,

---

[509] Xem phần iii, chương vii - Thuốc", cht. 1.

[510] Xem phần iii, chương vii - Thuốc, cht. 31, 32.

muối đỏ, muối đá, muối biển. Đó là năm.

147. Thức ăn khư-xà-ni, có năm trường hợp không được ăn: phi thời, bất tịnh, không cho, không thọ, không tác pháp dư thực. Đó là năm.

Có năm việc nên ăn (ngược với câu trên).

148. Có năm thứ thọ thực: thân trao thân thọ, y trao y thọ, khủy tay trao khủy tay thọ, đồ trao đồ thọ, khi có nhân duyên để dưới đất thọ. Đó là năm.

149. Lại có năm: thân trao thân thọ, hoặc thân trao vật thọ, hoặc vật trao thân thọ, hoặc vật trao vật thọ, hoặc từ xa quăng rơi vào trong tay. Đó là năm.

150. Có năm thứ quả được tác:[511] tác tịnh bởi lửa, tác tịnh bởi dao, tác tịnh bởi mụt nhọt, tác tịnh bởi chim cắn, tác tịnh bởi loại hột trỉa không mọc. Đó là năm.

151. Lại có năm: bóc ít vỏ, bóc hết vỏ, ung thối, bị dập vỡ, bướu. Đó là năm.

152. Có năm thứ mỡ: mỡ gấu, mỡ cá, mỡ lừa, mỡ chó, mỡ cá sấu.[512] Đó là năm.

153. Có năm thứ da không được dùng: da sư tử, da cọp, da báo, da rái cái, da chồn mèo. Đó là năm.

154. Lại có năm thứ da: da người, da độc trùng, da chó, da cẩm văn trùng, da cáo đồng. Đó là năm.

---

[511] Năm loại tịnh quả: hỏa tịnh, đao tịnh, san tịnh, điểu tịnh, bất nhiệm chủng tịnh. 火淨刀淨瘡淨鳥淨不任種淨. Xem phần iii, chương vii - Thuốc, cht. 108-110.

[512] Nguyên Hán: thất thủ ma la.

155. Có năm loại da không được chứa: da voi, da ngựa, da lạc đà, da bò, da lừa. Đó là năm.

156. Lại có năm: da linh dương, da dê trắng, da hươu, da báo, da y-sư. Đó là năm.

157. Có năm loại thịt không được ăn: thịt voi, thịt ngựa, thịt người, thịt báo, thịt thú độc trùng. Đó là năm.

158. Lại có năm: thịt sư tử, thịt cọp, thịt báo, thịt gấu, thịt bò. Đó là năm.

159. Có năm cách thuyết giới: Nói bài tựa rồi, nên bạch Tăng:

- Ngoài ra, như Tăng thường nghe. Hoặc nói bài tựa, nói bốn Ba-la-di rồi nên bạch Tăng: - Ngoài ra, như Tăng thường nghe. Hoặc nói bài tựa, nói bốn Ba-la-di, nói mười ba tăng tàn rồi nên bạch Tăng: - Ngoài ra, như Tăng thường nghe. Hoặc nói bài tựa, bốn Ba-la-di, tăng tàn, hai bất định rồi nên bạch Tăng: - Ngoài ra, như Tăng thường nghe. Hay là tụng đầy đủ. Đó là năm.

160. Lại có năm: Nói bài tựa, bốn Ba-la-di rồi nên bạch Tăng:

- Ngoài ra, như Tăng thường nghe. Nói bài tựa, bốn Ba-la-di, tăng tàn rồi nên bạch Tăng: - Ngoài ra, như Tăng thường nghe. Nói bài tựa, bốn Ba-la-di, tăng tàn, hai bất định rồi bạch Tăng: - Ngoài ra, như Tăng thường nghe. Nói bài tựa, bốn Ba-la-di, tăng tàn, hai bất định, ba mươi Ni-tát-kỳ Ba-

dật-đề rồi bạch Tăng: - Ngoài ra, như Tăng thường nghe. Hay nói đầy đủ. Đó là năm.

161. Lại có năm: Nói bài tựa, bốn Ba-la-di, tăng tàn rồi bạch Tăng: - Ngoài ra như Tăng thường nghe. Cũng vậy, mỗi mỗi đều bạch Tăng, cho đến Ba-dật-đề. Hay nói đầy đủ. Đó là năm.

162. Có năm pháp không được sai làm người chia cháo, nếu đã sai không được chia. (Như trong Kiền độ Phòng xá [513] đã nói).

163. Do năm nhân duyên thọ công đức y: được chứa trường y, lìa y ngủ, ăn biệt chúng, lần lượt ăn, không dặn được vào thôn. Có năm nhân duyên này thọ công đức y.

164. Thọ công đức y rồi được năm việc (ngược với câu trên.)[514]

165. Có năm nhân duyên gởi tăng-già-lê: mất an ninh, nguy cơ mất an ninh, trời mưa, nghi sẽ mưa, kinh dinh may tăng-già-lê hoặc giặt nhuộm hoặc cất dấu kỹ. Đó là năm nhân duyên để gởi Tăng-già-lê.

166. Có năm nhân duyên gởi y tắm mưa: nhận thọ thực ngoài giới, lội nước, bệnh, ăn no rồi, kinh dinh may y tắm mưa, hoặc giặt nhuộm hoặc cất dấu kỹ. Do năm nhân duyên này gởi y tắm mưa.

167. Hạ an cư rồi nên làm năm việc: tự tứ, giải

---

[513] Bản Hán, phân iv, kiền-độ i. Bản Việt, phần iv, ch. i, đoạn 18.

[514] Có thể có nhầm lẫn trong bản Hán. Nên hiểu, - Không thọ công đức y không được năm sự.

giới, kết giới lại, thọ y công đức, chia ngọa cụ. Đó là năm.

168. Tỳ-kheo có năm pháp không được coi là thân hậu: ưa đấu tranh, nhiều tác nghiệp,[515] tranh chấp với Tỳ-kheo hơn mình giữa đại chúng, ưa đi du hành không chấm dứt, không vì người nói pháp chỉ cho người biết việc thiện việc ác. Đó là năm.

169. Có năm pháp nên làm cho thân tình: (ngược với câu trên).

170. Có năm pháp nên sai giáo thọ Tỳ-kheo-ni: thọ trì đầy đủ Ba- la-đề-mộc-xoa giới, đa văn, khéo sử dụng ngôn ngữ, luận nói rõ ràng khiến người nghe hiểu được, không vì Phật xuất gia mà phạm trọng tội, hai mươi tuổi hay hơn. Đó là năm.

171. Có năm pháp khiến chánh pháp mau diệt:

a. Có Tỳ-kheo không lắng nghe thọ tụng, ưa quên nhầm, văn không đầy đủ mà đem dạy người khác, văn đã không đầy đủ mà nghĩa lại thiếu. Đó là điều thứ nhất làm cho chánh pháp mau tiêu diệt.

b. Lại nữa, có Tỳ-kheo là bậc thắng nhân thượng tọa ở trong Tăng, cả nước tôn trọng, mà phần nhiều không trì giới, chỉ tu các pháp bất thiện, phóng xả giới hành, không siêng năng tinh tấn để đắc điều chưa sở đắc, nhập điều chưa sở nhập, chứng điều chưa được chứng. Tỳ-kheo- niên thiếu hậu sinh bắt chước tập theo hạnh đó, phá giới

[515] Tức bận rộn nhiều chuyện đời.

nhiều, tu pháp bất thiện, phóng xả giới hành, không siêng năng tinh tấn để đắc điều chưa sở đắc, nhập điều chưa sở nhập, chứng điều chưa được chứng. Đó là điều thứ hai làm cho chánh pháp mau tiêu diệt.

c. Lại nữa, có Tỳ-kheo đa văn trì Pháp, trì Luật, trì Ma-di, nhưng không đem sự hiểu biết của mình dạy cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà- tắc, Ưu-bà-di, bèn qua đời. Vị kia đã qua đời khiến chánh pháp đoạn diệt. Đó là điều thứ ba khiến chánh pháp mau diệt.

d. Lại nữa, có Tỳ-kheo khó có thể giáo thọ, không công nhận lời hay, không thể nhẫn nhục, các thiện Tỳ-kheo liền xả trí. Đó là điều thứ bốn khiến chánh pháp mau tiêu diệt.

e. Lại nữa, có Tỳ-kheo ưa đấu tranh, mạ lị nhau, hơn thua với nhau, tuôn ra lời như đao kiếm, xoi bói tốt xấu nhau. Đó là điều thứ năm khiến chánh pháp mau tiêu diệt.

172. Lại có năm pháp khiến chánh pháp tồn tại lâu dài (ngược với câu trên).

173. Tỳ-kheo có năm pháp không được làm bạn đồng hành: ưa đi trước quá xa; ưa đi sau xa; ưa nhại theo lời nói của đoán nhân; không phân biệt thiện, ác ngữ; thiện ngữ không khen, khen ác ngữ; được của lợi như pháp không vì người kia thọ đúng lúc. Có năm pháp như vậy không được làm

bạn cùng đi.

174. Có năm pháp làm bạn cùng đi (ngược lại câu trên).

175. Tỳ-kheo có năm pháp tự tổn giảm: có phạm bị người trí quở trách mắc tội vô lượng; nhiễm ô đối với người không khiến cho thanh tịnh; vì người kia tác phạm, không tác vô phạm; thọ nhận tự ngôn của vị kia mà không tri như tự ngôn pháp; không biết được lời nói xa gần có tổn giảm. Đó là năm.

176. Lại có năm pháp không tự tổn giảm (ngược với câu trên).

177. Lại có năm pháp tự tổn giảm: không hiểu điều đã được nói; cũng không khéo ghi nhớ nhận biết; lời nói vị kia nên nạn vấn lại không nạn vấn; người kia nạn vấn đến thì không thể hiểu; không thọ trì đủ Ba- la-đề-mộc-xoa giới. Đó là năm.

178. Lại có năm pháp không tự tổn giảm (ngược với câu trên).

179. Lại có năm pháp không tự tổn giảm: ưa sân nhuế; không phóng xả; tăng thêm lời nói của người; chịu lời nói bất thiện, xa lìa lời nói thiện. Đó là năm.

180. Lại có năm pháp không tự tổn giảm (ngược với câu trên).

181. Người bệnh có năm pháp khó chăm nuôi, có năm pháp dễ chăm nuôi, có năm pháp nên thọ

y của người bệnh (như trong - Kiền độ Y [516] đã nói).

182. Tỳ-kheo có năm pháp người đời nghi hoặc, cho đến A-la- hán: Tỳ-kheo thường đến nhà dâm nữ, nhà phụ nữ, nhà đàn bà chưa chồng, nhà huỳnh môn, nhà Tỳ-kheo-ni, đó là năm.

183. Tỳ-kheo có năm pháp làm cho bạch y không ưa gặp: ưa gần bạch y, ưa giận bạch y, cưỡng bức đến nhà bạch y, ưa cùng bạch y nói lén, ưa xin xỏ. Đó là năm điều mà bạch y không ưa gặp.

184. Có năm pháp bạch y ưa gặp (ngược với câu trên).

185. Đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chắp tay bạch Phật:

- Tỳ-kheo-niên thiếu đối trước Tỳ-kheo Thượng tọa sám hối, có bao nhiêu pháp?[517]

Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

Có năm pháp: trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân, đầu gối bên phải chấm đất, chắp tay nói tên và chủng tánh tội như sau: - Tôi Tỳ-kheo tên là... phạm tội như vậy như vậy, đến Trưởng lão sám hối. Thượng tọa nên trả lời: - Tự

[516] Bản Hán, phần iii, kiền-độ iii. Bản Việt, phần iii, chương vi, đoạn 11 - Di vật của Tỳ- kheo.

[517] Xem thêm mục - Bốn pháp, hạng mục 23.

trách tâm thầy, sinh yểm ly. Vị kia trả lời: - Xin vâng. Tỳ-kheo-niên thiếu ở trước Thượng tọa sám hối nên dùng năm pháp này.

186. Ưu-ba-ly lại hỏi:

- Tỳ-kheo khách niên thiếu kính lễ Tỳ-kheo cựu Thượng tọa nên dùng bao nhiêu pháp?

Đức Phật bảo:

Tỳ-kheo khách niên thiếu nên dùng năm pháp kính lễ Tỳ-kheo cựu Thượng tọa: để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên phải chấm đất, nắm hai chân Thượng tọa, nói: - Đại đức, tôi hòa nam. Đó là năm pháp. Cựu Tỳ-kheo-niên thiếu kính lễ Tỳ-kheo Thượng tọa khách cũng như vậy.

187. Có năm hạng người không được kính lễ: tự nói phạm biên tội, phạm Tỳ-kheo-ni, tặc tâm thọ giới, phá nhị đạo, huỳnh môn. Đó là năm.

188. Lại có năm pháp: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, ác tâm làm thân Phật ra máu.[518] Đó là năm.

189. Lại có năm cử chỉ oai nghi không được kính lễ: đại tiện, tiểu tiện, ở trần, khi cạo tóc, hoặc khi nói pháp. Đó là năm.

190. Lại có năm: xỉa răng, súc miệng, ăn, uống, ăn trái cây. Đó là năm.

191. Thượng tọa, thứ tọa có năm pháp không lợi ích đối với Tỳ- kheo đấu tranh: không thọ trì

[518] Xem đoạn trên. Trên kia, được kể là 5 già nạn. Ở đây được kể là không nên lễ bái người như vậy.

đủ hai trăm năm mươi giới, không đa văn, không rộng tụng hai bộ giới, không thể vấn đáp, không thể như pháp quở trách và tác diệt tẫn khiến được hoan hỷ, không khéo hay diệt đấu tranh sự. Đó là năm.

192. Lại có năm pháp Thượng tọa hoặc thứ tọa đối với Tỳ-kheo đấu tranh có lợi ích (ngược với câu trên).

193. Có năm pháp gọi là đại tặc, suốt đời tạo tội nặng, nhưng không bị trói cột câu thúc. Năm pháp là: Nếu ở chỗ vô định, có bạn tốt. Hoặc có nhiều đao gậy. Hoặc giàu to, của tiền nhiều, người kia nghĩ:

- Nếu có bắt ta, ta sẽ cho họ nhiều của cải. Hoặc có đại nhân thân tình; dựa thế vua, hoặc đại thần; người ấy nghĩ: - Nếu có bắt ta, vua và đại thần sẽ giúp ta. Hoặc đến phương xa làm giặc rồi trở về. Đó là năm. Cũng vậy, Tỳ-kheo phá giới có năm pháp suốt đời tạo ra nhiều tội, không sớm bị người cử tội: Hoặc trụ chỗ vô định, có bạn đãng. Hoặc đa văn. Hoặc nghe có thể nhớ giữ; có đa văn như vậy, lời nói khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối, đều thiện, có văn có nghĩa, nói đầy đủ tịnh hạnh; ở trong pháp như vậy có thể nhớ giữ, có thể thiện tâm tư duy thâm nhập chánh kiến. Hoặc có thể đặng y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men; Tỳ-kheo ấy nghĩ: - Nếu có cử tội ta, ta sẽ cho vật dụng. Hoặc có đại nhân là chỗ thân tình,

Thượng tọa hay thứ tọa; Tỳ-kheo ấy nghĩ: - Nếu có cử tội ta, thượng tọa thứ tọa sẽ giúp ta. Hoặc trụ nơi hoang vắng mà đến đại gia cầu xin lợi dưỡng. Đó là năm pháp, mà Tỳ-kheo phá giới suốt đời tạo ra nhiều tội lỗi, nhưng không sớm bị người cử tội.

194. Có năm sự ngăn thuyết giới phi pháp: ngăn bằng Ba-la-di vô căn, Tăng-già-bà-thi-sa vô căn, Ba-dật-đề vô căn, Ba-la-đề-đề-xá-ni vô căn, Đột-kiết-la vô căn. Đó là năm.

195. Có năm như pháp ngăn thuyết giới (ngược với câu trên).

196. Có năm sự rút thăm phi pháp: không rõ đoán sự mà nhận thẻ, không đồng ý mà nhận thẻ, không có thiện Tỳ-kheo mà nhận thẻ, phi pháp biệt chúng nhận thẻ. Đó là năm.

197. Có năm như pháp rút thăm (ngược với câu trên).

198. Có năm sự im lặng phi pháp, có năm sự im lặng như pháp, có năm sự hòa hợp như pháp (như trong - Kiền độ linh tinh" đã nói).[519]

Có năm pháp xả khí (như trong - Kiền độ Câu-thiểm-di" nói).[520]

199. Bấy giờ Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

- Các ngươi chớ nên lúc nào cũng cử tội Tỳ-

[519] Bản Hán, phần iv, kiền-độ ii - Tạp kiền-độ. Bản Việt, phần iv, chương ii - Tạp sự.

[520] Bản Hán, phần iii, kiền-độ sáu. Bản Việt, phần iii, chương ix - Câu-thiểm-di.

kheo khác. Tại sao vậy? Người cử tội Tỳ-kheo khác, thân oai nghi không thanh tịnh mà cử tội người thì khiến người ấy nói: - Thưa Trưởng lão, trước tiên nên tự làm cho bản thân thanh tịnh đã. Ưu-ba-ly, nếu thân oai nghi thanh tịnh mà cử tội người thì không khiến người ấy nói như vậy.

Lời nói không thanh tịnh, mạng không thanh tịnh cũng như vậy.

- Lại nữa, Ưu-ba-ly, nếu kẻ ít nghe, không biết Tu-đa-la mà cử tội người khác, thì khiến người ấy nói: - Thưa Trưởng lão, việc này thế nào? Điều này có nghĩa gì? Người cử tội không thể phân biệt để trả lời thì khiến vị kia liền nói: - Thưa Trưởng lão, trước hết nên tụng Tu-đa- la đã, sau đó sẽ biết. Ưu-ba-ly, nếu Tỳ-kheo đa văn tụng Tu-đa-la thì không khiến người ấy nói như vậy.

- Lại nữa, Ưu-ba-ly, Tỳ-kheo ít nghe, không tụng tỳ-ni mà cử tội vị kia, thì khiến người ấy nói: - Thưa Trưởng lão, đây là nói về cái gì? Nhân đâu mà phát khởi? Nếu không thể nói chỗ phát khởi, thì khiến vị kia liền nói: - Thưa Trưởng lão, trước hết nên tụng tập tỳ-ni. Ưu-ba-ly, nếu Tỳ-kheo đa văn, tụng tập tỳ-ni mà cử tội người, không khiến người ấy nói như vậy.

- Ưu-ba-ly, Tỳ-kheo có năm pháp như vậy, nên đúng thời như pháp cử tội vị kia.

Khi ấy Ưu-ba-ly tin ưa hoan hỷ thọ trì.

200. Đức Thế Tôn ở trong rừng Nhuy-la, nước Ca-lăng-già. Bấy giờ Trưởng lão Ba-ma-na đến chỗ Đức Thế Tôn đầu mặt đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, bạch Đức Thế Tôn:

- Kính bạch Đại đức, do nhân duyên gì sau khi Đức Như Lai diệt độ, chánh pháp nhanh chóng diệt, không tồn tại lâu dài? Lại do nhân duyên gì chánh pháp không diệt mà được tồn tại lâu dài?

Đức Phật bảo Ba-ma-na:

- Sau khi Như Lai diệt độ, Tỳ-kheo không tôn kính Phật, Pháp, Tăng và giới định. Do nhân duyên này mà chánh pháp nhanh chóng diệt độ, không tồn tại lâu dài. Ba-ma-na, sau khi Như Lai diệt độ, nếu có Tỳ-kheo tôn kính Phật, Pháp, Tăng và giới định, thì do nhân duyên này chánh pháp không diệt, đặng tồn tại lâu dài.

Đức Thế Tôn ở trong vườn của vua, nước Kim-tỳ-la. Bấy giờ Trưởng lão Kim-tỳ-la đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt đảnh lễ sát chân, ngồi qua một bên, bạch Đức Thế Tôn:

- Do nhân duyên gì sau khi Như Lai diệt độ chánh pháp nhanh chóng diệt, không tồn tại lâu dài? (hỏi đáp đều như trước không khác).

201. Bấy giờ, có Tỳ-kheo nọ đến chỗ Đức Phật đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

- Bạch Đại đức, vì nhân duyên gì chánh pháp

nhanh chóng diệt mà không tồn tại lâu dài?

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

- Nếu Tỳ-kheo xuất gia trong pháp luật, không chí tâm vì người nói pháp; cũng không chí tâm nghe pháp nhớ giữ; giả sử có kiên trì mà không thể tư duy nghĩa thú; vị kia không biết nghĩa, không thể như pháp tu hành; không thể tự lợi, cũng không lợi người.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

Vì những nhân duyên như vậy khiến cho chánh pháp nhanh chóng diệt, mà không tồn tại lâu dài.

- Bạch Đại đức, lại nữa, do nhân duyên gì khiến chánh pháp tồn tại lâu dài, mà không nhanh chóng tiêu diệt? (ngược với câu trên).

202. Khi ấy, có Tỳ-kheo khác đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, thưa:

- Lành thay, Đại đức, vì con lược nói pháp. Con sẽ ở riêng một chỗ, siêng năng tinh tấn tu hành, không phóng dật.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

- Nếu ngươi biết thế pháp không thể xuất ly, hoặc biết có ái không thể vượt qua, hoặc biết có dục không được vô dục, hoặc biết có kết không thể vô kết, hoặc biết thân cận sinh tử không được không thân cận. Ngươi Tỳ-kheo quyết định nên biết, đây là phi pháp phi tỳ-ni, phi lời Phật dạy.

- Này Tỳ-kheo, ngươi biết pháp này là xuất ly, chẳng phải thế pháp, là vượt qua chẳng phải pháp ái, là ly dục chẳng phải có dục, là vô kết chẳng phải có kết, là không thân cận sinh tử chẳng phải thân cận.

- Này Tỳ-kheo, ngươi nên quyết định biết pháp này là pháp, là tỳ-ni, là lời Phật dạy.

Tỳ-kheo kia nghe Đức Thế Tôn lược nói lời giáo thọ, liền ở riêng một chỗ khuất, siêng năng tinh tấn, không phóng dật. Đầu đêm cuối đêm tỉnh ý tư duy nhất tâm tu tập đạo phẩm, do lòng tin ưa xuất gia hành đạo, không bao lâu, hiện thế chứng đắc A-la-hán, - sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Tỳ-kheo kia tự biết đắc A-la-hán.

Đức Phật nói pháp như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, tin ưa hoan hỷ thọ trì.

203. Bấy giờ, có Tỳ-kheo nọ đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

- Lành thay, Đại đức, vì con lược nói pháp. Con sẽ ở một mình nơi chỗ khuất, siêng năng tinh tấn tu tập, không phóng dật.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

- Nếu ngươi biết có pháp khiến nhiều dục, không khiến ít dục, khiến vô yểm không tri túc, khiến khó bảo hộ, không dễ bảo hộ, khiến khó

nuôi dưỡng, không dễ nuôi dưỡng, khiến ngu si không trí tuệ. Này Tỳ-kheo, ngươi nên biết pháp như vậy là phi pháp, phi tỳ-ni, chẳng phải là lời dạy của Đức Phật.

- Nếu Tỳ-kheo biết có pháp khiến thiểu dục không đa dục, khiến tri túc không vô yểm, khiến dễ bảo hộ không khó bảo hộ, khiến dễ nuôi dưỡng không khó nuôi dưỡng, khiến có trí tuệ không ngu si. Này Tỳ- kheo, ngươi nên quyết định và biết pháp này là tỳ-ni, là lời Phật dạy.

Tỳ-kheo kia sau khi nghe Đức Phật lược nói rồi, liền ở riêng chỗ khuất tư duy như trên đã nói.[521]

204. Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Những ba-đà-xá, a-nậu ba-đà-xá, tiện-xà-na, a-nậu-tiện-xà-na, ác-xoa-la, a-nậu-ác-xoa-la [522] nào mà Ta cho phép, các ngươi nên làm như vậy.[523] Những ba-đà-xá, a-nậu ba-đà-xá, tiện-xà-na, a-nậu-tiện- xà-na, ác-xoa-la, a-nậu-ác-xoa-la nào mà Ta không cho phép, thì các ngươi không được tùy thuận, nên chê trách. Hãy làm như vậy. Những ba-đà-xá, a-nậu ba-đà-xá, tiện-xà-na, a-

[521] Hết quyển 59.

[522] Các thành phần của ngôn ngữ: ba-đà-xá 波陀舍 (Skt., Pāli: pada, cú, câu hay mệnh đề), a- nậu-ba-đà-xá 阿(少/兔)波陀舍(Skt., Pāli: anupada, tùy cú), tiện-xà-na 便闍那 (Skt. vyađjana: văn, từ ngữ), a-nậu-tiện-xà-na 阿(少/兔)便闍那 (Skt., Pāli: anuvyađjana: tùy văn), ác-xoa-la 惡叉羅 (Skt. akara, Pāli: akkhara, tự, tự mẫu, âm tiết), a-nậu-ác-xoa-la 阿(少/兔)惡叉羅 (Skt. anu-akara, tùy tự).

[523] Câu này có thể hiểu như sau: - Những âm vận, từ ngữ, cú pháp nào mà Ta chấp thuận, các ngươi hãy theo đó mà làm. Điều này liên hệ việc chuyển thể kinh Phật sang ngôn ngữ Sanskrit chuẩn của Vệ-đà mà Phật không cho phép. Xem phần iv, chương ii - Tạp sự", đoạn 17, cht. 62.

nậu-tiện-xà-na, ác-xoa-la, a-nậu-ác-xoa-la nào mà Ta ngăn cản, thì các ngươi không nên làm. Những ba-đà-xá, a-nậu ba-đà-xá, tiện-xà-na, a-nậu-tiện-xà-na, ác- xoa-la, a-nậu-ác-xoa-la nào mà Ta không ngăn cản, các ngươi nên tuỳ thuận, không nên chê trách.

205. Bấy giờ, Xá-lợi-phất cùng với năm trăm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo- ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng với năm trăm Tỳ-kheo-ni; A-nan-phân- đề [524] cùng với năm trăm Ưu-bà-tắc; Tỳ-xá-khư Mẫu [525] cùng với năm trăm Ưu-bà-di, như trong kiền độ Câu-thiểm-di [526] đã nói.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

206. Tỳ-kheo đến trong Tăng, trước hết phải có năm pháp: nên đến với từ tâm, nên tự ti xem mình như cái khăn lau bụi, nên khéo léo biết việc ngồi việc đứng, nếu thấy Thượng tọa thì không được ngồi yên, nếu thấy hạ tọa thì không được đứng dậy. Tỳ-kheo đến trong Tăng không được bàn nói chuyện của thế tục, nên tự nói pháp, hay thỉnh người nói pháp, nếu thấy trong Tăng có sự việc bất khả, tâm không nhịn yên, thì nên im lặng. Tại sao vậy? Sợ tăng phân hóa. Tỳ-kheo trước hết phải có năm pháp này, sau đó mới đến trong Tăng.

---

[524] 524. A-nan-phân-đề 阿難分; phiên âm của Skt. (Pāli) Anāthapittika, dịch là Cấp Cô Độc. Các đoạn trên kia phiên âm là A-nan-bân-đề 阿難, dịch là Cấp Cô Độc Thực.

[525] Tỳ-xá-khư Mẫu, trên kia cũng nói là Tỳ-xá-khư Vô-la-di Mẫu. Pāli: Visākhā-Magāra- Matā.

[526] Xem, bản Việt, phần iii, chương ix - Câu-thiểm-di, đoạn 5.

207. Này Xá-lợi-phất, có năm pháp này Tỳ-kheo ở trong Tăng không được nói.

Lại có năm pháp ở trong Tăng nên nói. Ở đây có sáu pháp [527] như trên đã nói trong pháp tự tổn giảm.

208. Có năm pháp để cử tội người khác: thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, đa văn, khéo léo việc nói năng, có ức niệm, có trí tuệ. Đó là năm.

Có năm pháp nên cử tội người khác: có tâm từ bi, vì muốn lợi ích, khiến tăng trưởng, khiến sám hối, thanh tịnh. Có năm pháp như vậy nên cử tội người.

Muốn cử tội người nên có năm pháp, như đã nói ở trên trong - Kiền độ Ngăn.[528]

209. Có năm cử tội phi pháp: phi thời chứ không phải đúng thời, không thật chư không phải như thật, tổn giảm chứ không lợi ích, thô lỗ chứ không nhu hòa, sân nhuế chứ không từ tâm. Đó là năm.

210. Có năm cử tội như pháp: (ngược với câu trên).

Bất thiện, thiện; phi tỳ-ni, tỳ-ni; thế gian, xuất thế gian; tổn giảm, lợi ích; cũng nói như vậy.

Có năm câu, không có câu thứ ba: thời cùng phi thời, câu này không có câu thứ ba. Thật cùng

---

[527] Gồm sau hạng mục cho 5 pháp - nên nói và - không nên nói. Như các hạng mục 180-185 trên

[528] Bản Hán, phần iii, chương xi - Già kiền-độ. Bản Việt, phần iii, chương xiv - Già yết-ma.

không thật, câu này không có câu thứ ba. Tổn giảm với có lợi ích, câu này không có câu thứ ba. Thô lỗ với nhu hòa, câu này không có câu thứ ba. Sân nhuế với từ tâm, câu này không có câu thứ ba. Đó là năm câu không có câu thứ ba.

211. Nói năm lời xả giới: - Tôi xả Phật, xả Pháp, xả Tăng, xả Hòa Thượng, xả đồng Hòa Thượng. Cứ mỗi năm lời như vậy làm thành một hạng mục, cho đến - ...phi Sa-môn Thích tử.[529]

212. Đức Như Lai ra đời thấy có sự lỗi lầm nên vì năm nghĩa lợi mà chế giới cho các Tỳ-kheo: nhiếp thủ đối với Tăng, khiến Tăng hoan hỷ, khiến Tăng an lạc, khiến kẻ không tin thì tin, kẻ tin rồi tăng trưởng.[530] Đó là năm. Cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài cũng như vậy.

213. Đức Như Lai ra đời thấy các Tỳ-kheo có sự lỗi lầm nên vì năm nghĩa lợi mà chế yết-ma ha trách cho các Tỳ-kheo: nhiếp thủ đối với Tăng, khiến Tăng hoan hỷ, khiến Tăng an vui, khiến kẻ không tin thì tin, kẻ tin rồi Tăng trưởng. Đó là năm. Cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Mỗi năm pháp làm thành một hạng mục cũng như vậy. Cho đến bảy diệt tránh cũng như vậy.[531]

VI. SÁU PHÁP

---

[529] Xem các hạng mục, - Một pháp, hạng mục 1 & 2; - Hai pháp, hạng mục 126; - Ba pháp, hạng mục 153; - Bốn pháp, hạng mục 56.

[530] Xem trên, - Hai pháp, hạng mục 136; - Ba pháp, hạng mục 156; - Bốn pháp, hạng mục 57.

[531] Chi tiết, xem - Bốn pháp, hạng mục 58.

1. Có sáu phi pháp ngăn nói giới, ngăn phá giới vô căn, tác hay bất tác,[532] phá kiến; phá oai nghi cũng như vậy. Đó là sáu.

Có sáu như pháp ngăn thuyết giới (ngược với câu trên).

2. Có sáu pháp nên sai giáo thọ Tỳ-kheo-ni: thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, đa văn, rộng tụng hai bộ giới tỳ-ni, có khả năng về ngôn ngữ, luận biện nghĩa cú rõ ràng, không vì Phật xuất gia mà phạm trọng tội, hai mươi hay hơn hai mươi hạ. Đó là sáu pháp nên sai giáo thọ Tỳ- kheo-ni.

3. Tỳ-kheo đặt nghi vấn cho Tỳ-kheo bằng sáu pháp: hoặc tính tuổi đời, hoặc tính tuổi hạ, hoặc dùng tính thọ đại giới, hoặc nghiệm yết-ma, hoặc phạm, hoặc y trên pháp. Đó là sáu.

4. Có sáu chỗ phát sinh sự phạm:[533] hoặc có phạm do thân khởi chẳng phải tâm hay miệng, hoặc có phạm khởi nơi miệng không do thân hay tâm, hoặc có phạm từ thân và miệng khởi không do tâm, hoặc có phạm từ thân và tâm khởi chẳng phải do miệng, hoặc có phạm khởi từ miệng và tâm chẳng phải do thân, hoặc có phạm từ thân, miệng và tâm khởi. Đó là sáu.

5. Có sáu gốc rễ của đấu tranh, như trong A-hàm [534] đã nói.

---

[532] Xem phần iii, ch. xiv - Già yết-ma đoạn 2, các cht. 7, 8, 9.

[533] Pāli, Vin. v. 92, 133: cha āpattisamutthānā, sáu tội đẳng khởi.

[534] Xem Trường A-hàm 8 (T01n01 tr.51c26): lục tránh bản. Xem thêm, Trung A-hàm 52 (T01n26 tr.753c9).

6. Có sáu trường hợp ăn trộm phạm Ba-la-di: tự mình lấy, hoặc chỉ thị lấy, sai phái người đi lấy, trọng vật, với tâm trộm, dời khỏi chỗ cũ.[535] Đó là sáu.

7. Lại có sáu (trường hợp khác): với tưởng chẳng phải của mình, ý tưởng không tạm lấy, ý tưởng chẳng phải thân tình, trọng vật, với tâm trộm, dời khỏi chỗ cũ. Đó là sáu.

VI. BẢY PHÁP

1. Có bảy phi pháp ngăn thuyết giới: ngăn bằng Ba-la-di vô căn, cho đến ác thuyết vô căn.[536] Đó là bảy.

2. Có bảy tụ phạm:[537] Ba-la-di cho đến ác thuyết. Đó là bảy.

3. Có bảy loại tinh: sắc đỏ, cho đến sắc lạc tương.[538] Đó là bảy.

4. Có bảy diệt tránh, như trên, trong văn giới đã nói.[539]

5. Có bảy pháp gọi là trì luật: biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng, biết hữu dư, biết vô dư, rộng tụng hai bộ tỳ-ni. Đó là bảy.

6. Lại có bảy: sáu pháp đầu đồng như trước.

Thập tụng 50 (T23n1435 tr.367a07), lục tránh bản 六諍本: 1. sân hận bất ngữ, 2. ác tánh dục hại, 3. tham tật, 4. siểm khúc, 5. vô tàm quý, 6. ác dục tà kiến. Tham chiếu Pāli, Sangi, D. iii. 246: cha vivādamulāni.

[535] Xem mục - Năm pháp, hạng mục 129.

[536] Ngăn bằng bảy thiên tội. Xem phần iii. Ch. xiv - Già yết-ma", đoạn 2 - Già thuyết giới.

[537] Bảy thiên tội, hay bảy tụ tội. Pāli: sattāpattikkhandhā. Xem mục - Năm pháp", hạng mục 93.

[538] Xem phần i, Tăng-già-bà-thi-sa 1. Bản Việt, quyển 1, tr. 93.

[539] Bản Việt, quyển 2, tr. 975.

Pháp thứ bảy: rộng tụng tỳ-ni. Đó là bảy.

7. Lại có bảy: sáu pháp đầu đồng như trước. Pháp thứ bảy: trụ tỳ- ni không lay không động. Đó là bảy.

8. Lại có bảy: sáu pháp đầu đồng như trước. Pháp thứ bảy: khéo hay diệt tránh sự. Đó là bảy.

9. Lại có bảy: sáu pháp đầu đồng như. Pháp thứ bảy: tự nhớ biết các đời sống trước, với đủ các hình thức khác nhau.[540] Đó là bảy.

Lại có bảy: sáu pháp đầu đồng như trước. Pháp thứ bảy: bằng thiên nhãn thấy chúng sinh chết đây sinh kia làm một câu mẫu. Đó là bảy.

Lại có bảy: sáu pháp đầu đồng như trước. Pháp thứ bảy: bằng lậu tận được vô lậu, tâm giải thoát, huệ giải thoát, hiện đời này được quả chứng, - sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, quyết không còn tái sinh nữa.. Đó là bảy.

10. Không cung kính có bảy: không kính Phật, Pháp, Tăng, giới, định, phụ mẫu và thiện pháp. Đó là bảy.

11. Cung kính có bảy (ngược với câu trên).

12. Xả giới có bảy lời: - Tôi xả Phật, Pháp, Tăng, xả Hòa thượng, xả đồng Hòa thượng, xả A-xà-lê, xả đồng A-xà-lê. Đó là bảy. Cho đến... phi

---

[540] Để bản: sử 使. Các bản khác: canh 更. Tham chiếu Pāli, Vin. v. 135: thành tựu bảy pháp được gọi là Tỳ-kheo trì luật (nhiều tụ bảy như Hán): biết tội, không tội... nhớ nhiều đời quá khứ khác nhau (anekavihita pubbenivāsan anussarati).

Sa-môn Thích tử cũng như vậy.[541]

13. Do bảy nghĩa mà Đức Như Lai ra đời vì các Tỳ-kheo chế giới: nhiếp thủ đối với Tăng, khiến Tăng hoan hỷ, khiến Tăng an vui, khiến kẻ không tin thì tin, kẻ đã tin tăng trưởng, kẻ khó điều khiến điều, người tàm quý được yên vui. Đó là bảy. Cũng vậy: mỗi bảy pháp làm thành một hạng mục, cho đến - chánh pháp tồn tại lâu dài cũng như vậy.[542]

14. Do bảy nghĩa mà Đức Như Lai ra đời vì các Tỳ-kheo chế yết ma ha trách: từ - nhiếp thủ đối với Tăng, cứ mỗi bảy pháp làm thành hạng mục, cho đến - chánh pháp tồn tại lâu dài cũng như vậy.[543] Cho đến bảy diệt tránh cũng như vậy, cũng như yết-ma ha trách làm thành hạng mục.

VIII. TÁM PHÁP

1. Có tám sự ngăn thuyết giới một cách phi pháp; ngăn bằng phá giới vô căn, tác hay bất tác; phá kiến vô căn, tác bất hay tác; phá oai nghi vô căn, tác bất hay tác, phá chánh mạng vô căn, tác hay bất tác.[544] Đó là tám.

2. Có tám như pháp ngăn thuyết giới (ngược với câu trên).

3. Có tám pháp nên sai giáo thọ Tỳ-kheo-ni:

---

[541] Xem mục - Năm pháp, hạng mục 219.

[542] Xem trên, - Hai pháp, hạng mục 136; - Ba pháp, hạng mục 156; - Bốn pháp, hạng mục 57; - Năm pháp, hạng mục 220.

[543] Xem hạng mục 13 trên.

[544] Xem mục - Sáu pháp, hạng mục 1.

thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới; đa văn; tụng hai bộ giới tỳ-ni; có khả năng ngôn ngữ luận; biện nghĩa câu chữ rõ ràng, từ đại tánh xuất gia như sát-lợi, Bà-la- môn, cư sĩ; hình mạo đoan chánh; không vì Phật xuất gia mà phạm trọng tội; hai mươi hay hơn hai mươi hạ. Đó là tám.

4. Có tám pháp không thể vượt qua,[545] như trong - Kiền độ Tỳ- kheo-ni đã nói.

5. Bạch y có tám pháp nên tác pháp úp bát:[546] mạ báng Tỳ-kheo, làm cho (Tỳ-kheo) thiệt hại, không làm cho lợi ích, làm cho (Tỳ-kheo) không có trú xứ, làm cho Tỳ-kheo đấu loạn nhau, trước Tỳ-kheo mà hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Đó là tám.

6. Tỳ-kheo có tám pháp khiến bạch y không tin: mạ báng bạch y, gây thiệt hai (cho bạch y), là mất lợi ích (của bạch y), làm cho (bạch

y) không có chỗ ở, làm cho bạch y đấu loạn nhau, trước bạch y mà hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Đó là tám. Tỳ-kheo có tám pháp như vậy nên trao cho pháp yết-ma ngăn không đến nhà bạch y, như trên đã nói.

7. Có tám pháp nên sai làm bạn người sai phái: có khả năng nghe, có khả năng nói, tự mình hiểu rõ, khiến người hiểu rõ, có khả năng ghi nhận, có

---

[545] Tức - Tám kỉnh pháp.

[546] Xem phần iv, chương ii - Tạp sự, đoạn 27 - Úp bát.

khả năng ghi nhớ không mất, biết tốt xấu, nói ý nghĩa lý thú. Đó là tám.

8. Bấy giờ Đức Thế Tôn ở bên ao Già-già tại thành Chiêm-bà. Ngày mười lăm có trăng, là ngày thuyết giới, Ngài ngồi chỗ đất trống cùng chúng Tăng đông đủ xoay quanh bốn bên. Khi ấy, có Tỳ-kheo bằng kiến, văn, nghi mà cử tội Tỳ-kheo kia. Khi bị cử tội, Tỳ-kheo kia liền dùng dư ngữ (nói quanh) để trả lời.[547] Do đó có sự sân hận nổi lên. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nên thẩm định hỏi người kia. Người kia ở trong Phật pháp chẳng có ích gì,[548] không tăng trưởng gì. Giống như người nông phu làm ruộng lúa, cỏ dại mọc lẫn với lúa. Lúa và cỏ dại giống nhau không khác, nhưng nó làm hại lúa. Cho đến khi trổ bông, kết hạt, mới biết nó không phải là lúa. Biết nó không phải là lúa rồi, phải nhanh chóng nhổ trừ tận gốc. Tại sao vậy? Vì sợ nó làm hại lúa. Tỳ-kheo cũng như vậy. Có ác Tỳ-kheo tới lui, đứng ngồi, nhiếp trì y bát như thiện Tỳ-kheo không khác, chừng nào mà chưa bị phát hiện tội. Khi tội đã phát hiện rồi, mới biết loại cỏ dại, khác với Tỳ-kheo. Đã biết là khác rồi, nên hoà hiệp chúng mà diệt tẫn nó đi. Tại sao vậy? Sợ nó làm phương hại thiện Tỳ- kheo.

- Thí như người nông phu sẩy thóc, đón chiều

---

[547] Xem, Tỳ-kheo, Ba-dật-đề 12.

[548] Để bản: vô sở nhiệm 無所任. Các bản khác: vô sở trụ.

gió mà rê đi thóc lép, giữ lại thóc tốt. Tại sao vậy? Vì sợ nó làm xấu lúa tốt. Cũng vậy, ác Tỳ-kheo tới lui, đứng ngồi, nhiếp trì y bát như thiện Tỳ-kheo không khác, chừng nào mà chưa bị phát hiện tội. Khi tội đã phát hiện rồi, mới biết là loại thóc lép, cỏ rác, trong Tỳ-kheo. Biết rồi, nên hoà hiệp chúng mà diệt tẫn nó đi.

- Giống như có người cần cây để làm lan can giếng. Người ấy ra khỏi thành, cầm búa vào rừng, gõ khắp hết các loại cây. Cây nào có ruột chắc thật thì âm thanh chắc thật. Cây nào bộng ruột thì âm thanh rỗng như tiếng ghè vỡ. Nhưng cây rỗng ruột ấy có gốc, thân, nhánh lá giống như cây chắc ruột không khác. Chỉ khi nào gõ vào mới biết bên trong trống rỗng. Biết nó rỗng ruột rồi, thì chặt bỏ nhánh lá, róc bỏ những chỗ thô kệch, sau đó mới đẽo chuốt làm cho trơn nhẵn cả trong lẫn ngoài, đem dùng rào giếng. Cũng vậy, ác Tỳ-kheo tới lui, đứng ngồi, nhiếp trì y bát như thiện Tỳ-kheo không khác, chừng nào mà chưa bị phát hiện tội. Khi tội đã phát hiện rồi, mới biết là loại thóc lép, cỏ rác, cây rỗng ruột giữa các Tỳ-kheo. Đã biết là khác rồi, nên hoà hiệp chúng mà diệt tẫn nó đi. Tại sao vậy? Sợ nó làm phương hại thiện Tỳ-kheo.

Đức Phật nói kệ:

Sống chung, biết tánh hạnh
Ganh tị, ưa sân hận
Giữa chúng, nói lời hay

Chỗ khuất làm phi pháp.
Phương tiện bày vọng ngữ
Kẻ sáng hay giác tri
Cỏ dại nên trừ bỏ
Cho đến cây bộng ruột.
Tự nói là Sa-môn
Hư vọng nên diệt tẫn
Đã tác diệt tẫn rồi
Đuổi người ác, phi pháp.
Người thanh tịnh sống chung
Nên biết là sáng chói
Hòa hợp cùng diệt tẫn
Hòa hợp dứt gốc khổ.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa thọ trì.

8. Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta nói cho các ngươi về tám thứ ngựa dữ và tám hạng người dữ.[549] Các ngươi lắng nghe! Những gì là tám? Hoặc có ngựa dữ, khi tra dàm dùng roi muốn khiến cho nó chạy tới, nó lại gặc đầu dậm chân không chịu đi. Hoặc có thứ ngựa dữ khi tra dàm dùng roi muốn nó chạy tới, nó lại dựa vào hai bên cây gọng mà không bước tới. Hoặc có thứ ngựa dữ khi tra dàm dùng roi muốn nó chạy tới, nó lại lộn nhào ngã xuống đất làm cho đầu gối bị thương, lại gãy gọng xe. Hoặc có thứ ngựa dữ,

[549] Xem Tạp A-hàm 33 (T02n99 tr.235a6). Pāli, A. viii. 14. Assakhaluka.

khi tra dàm dùng roi muốn nó chạy tới, nó lại bước lui chứ không đi tới. Lại có thứ ngựa dữ, khi tra dàm dùng roi muốn nó chạy tới, nó lại chạy ra ngoài đường làm cho hỏng bánh xe, gãy trục. Lại có loại ngựa dữ, khi tra dàm dùng roi muốn nó chạy tới, nó không sợ người cầm cương, cũng không sợ roi, mà cố nhai cái hàm sắt, chạy lung tung không có cách nào ngăn chận. Lại có loại ngựa dữ khi tra dàm dùng roi muốn nó chạy tới, nó lại dựng hai chân trước lên, đứng như người, phun nước bọt ra. Hoặc có loại ngựa dữ khi tra dàm dùng roi muốn nó chạy tới, nó lại ngồi hay nằm xuống. Đó là tám thứ ngựa dữ.

- Tám hạng người ác là những gì? Hoặc có Tỳ-kheo bằng kiến văn nghi mà cử tội vị kia. Tỳ-kheo kia lại nói: - Tôi không nhớ, tôi không nhớ. Cũng như con ngựa dữ khi tra dàm dùng roi muốn nói đi tới mà lại gặc dậm chân không đi. Ta nói người này cũng như vậy. Hoặc có Tỳ- kheo bằng kiến văn nghi mà cử tội vị kia. Tỳ-kheo kia không nói phạm, không nói không phạm, mà ngồi trơ im lặng. Cũng như con ngựa dữ kia khi tra dàm dùng roi muốn nó chạy tới, nó lại dựa hai bên gọng xe không chạy tới. Ta nói người này cũng như vậy. Hoặc có Tỳ-kheo bằng kiến văn nghi cử tội vị kia. Vị kia nói như sau: - Trưởng lão cũng phạm tội thì làm sao cử tội người khác? Cũng như con ngựa dữ kia, khi tra dàm dùng roi muốn nó chạy tới mà lại

lộn nhào ngã xuống đất, làm cho đầu gối bị thương lại gãy gọng xe. Ta nói người này cũng như vậy. Hoặc có Tỳ-kheo bằng kiến văn nghi mà cử tội vị kia. Tỳ-kheo kia lại nói:

- Trưởng lão si mê, cần phải được dạy, lại muốn dạy tôi. Cũng như con ngựa dữ kia khi tra dàm dùng roi muốn nó chạy tới mà lại đi lui. Ta nói người này cũng như vậy. Hoặc có Tỳ-kheo dùng kiến văn nghi cử tội vị kia, vị kia lại nói chuyện khác để trả lời nên sinh ra sân nhuế. Cũng như con ngựa dữ kia khi tra dàm dùng roi muốn nó chạy tới mà lại chạy ra ngoài đường làm cho gãy trục, hư bánh xe. Ta nói người này cũng như vậy. Hoặc có Tỳ-kheo bằng kiến văn nghi mà cử tội vị kia. Tỳ- kheo kia không sợ chúng Tăng cũng không sợ phạm, không nhận sự cử tội, bèn lấy tọa cụ để trên vai ra đi, không thể quở trách hay ngăn cấm được. Như con ngựa dữ kia, khi tra dàm dùng roi muốn nó chạy tới mà nó không sợ người cầm cương, cũng không sợ roi, cắn cái hàm sắt vụt chạy không thể cấm ngăn được. Ta nói người này cũng như vậy. Hoặc có Tỳ-kheo bằng kiến văn nghi mà cử tội vị kia. Tỳ-kheo kia lật ngược y uất-đa-la-tăng, giữa chúng Tăng đưa tay lên nói: - Các thầy muốn dạy tôi sao? Cũng như con ngựa dữ kia khi tra khi dàm dùng roi muốn nó chạy tới, nó lại đứng hai chân trước lên như người, phun nước bọt ra. Ta nói người này cũng như vậy. Hoặc có Tỳ-

kheo Hoặc có Tỳ-kheo bằng kiến văn nghi mà cử tội vị kia. Tỳ-kheo kia nói: - Trưởng lão không cho tôi y bát, ngọa cụ, thuốc men, thì tại sao lại dạy tôi? Nói xong liền xả giới, chọn con đường dưới,[550] đến chỗ các Tỳ-kheo nói: - Đại đức, tôi đã thôi tu, ngài vừa ý lắm phải không? Cũng như con ngựa dữ kia, khi tra dàm dùng roi muốn nó chạy tới, nó lại ngồi hay nằm xuống. Ta nói người này cũng lại như vậy. Đó là tám hạng người ác.

- Ta đã nói về tám thứ ngựa dữ và tám loại người dữ rồi, như điều Thế Tôn cần làm vì từ mẫn đối với các đệ tử, Ta đã nói đầy đủ cả rồi. Nay các thầy hãy đến trụ nơi trống vắng, dưới gốc cây, tu tập thiền định, đừng phóng dật để rồi sau này phải hối hận. Đây là lời răn dạy của ta.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

9. Bấy giờ, đức Thế tôi ở tại nước Câu-tát-la, cùng với một ngàn hai trăm năm năm mươi Tỳ-kheo, du hành trong nhân gian. Giữa đường thấy có một đám lửa cháy lớn. Thấy vậy, Đức Phật đến bên đường, dưới một gốc cây, trải chỗ ngồi ngồi, bảo các Tỳ-kheo:[551]

- Các ngươi thấy đám lửa lớn đang cháy kia không?

---

[550] Thủ ư hạ đạo 取於下道. Nghĩa là trở lại đời sống thế tục. Hán dịch sát nghĩa đen, cf. Pāli: hīnāya āvattati.

[551] Tham chiếu Pāli, A. iv. 128: Aggikkhandhopama.

Nếu người nào ôm lấy ngọn lửa kia thì liền sẽ bị đốt cháy tiêu hết da thịt, xương cốt. Lại có người ôm lấy sát lợi nữ, Bà-la-môn nữ, tỳ-xá nữ, thủ-đà-la nữ, vuốt ve và hôn. Hai việc làm trên, việc nào là tốt hơn?

Các Tỳ-kheo bạch Phật

- Bạch Đại đức, nếu ôm lấy sát lợi nữ, v.v.. vuốt ve và hôn; việc này tốt hơn. Vì sao vậy? Vì nếu ôm lấy lửa thì liền sẽ bị cháy tiêu hết da thịt, gân cốt, bị đại khổ thống không thể chịu nổi!

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta nói với các ngươi, thà là ôm lấy lửa kia để rồi bị cháy hết da thịt, gân cốt, thì việc này vẫn là điều tốt hơn. Tại sao vậy? Vì không do nhân này mà đọa ác đạo. Còn nếu chẳng phải Sa-môn mà tự nói là Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, tự nói là tịnh hạnh, phá giới làm điều ác, hoàn toàn không trì giới, oai nghi, tà kiến, nơi chỗ khuất kín làm điều tội lỗi. Bên trong trống rỗng, hư nát, bên ngoài hiện ra là hoàn thiện. Vì ăn đồ ăn của tín thí mà không tiêu được nên phải đọa vào ba đường ác, thọ khổ lâu dài. Cho nên các ngươi cần phải trì tịnh giới mới ăn của người tín thí; dùng các thứ cần thiết như y phục, ngọa cụ, thuốc men, mới có thể khiến cho tín thí được đại quả báo, và mục đích của người xuất gia làm Sa-môn cũng được thành tựu.

- Này các Tỳ-kheo, các ngươi nên cầm cây kích đốt nóng chích vào chân, hay là nhận sự lễ bái dưới chân của thiện nam tử, thiện nữ nhân có tâm tín mộ? Hai việc như vậy, việc nào là tốt hơn?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Nên nhận sự lễ bái dưới chân của thiện nam tử, thiện nữ nhân có tâm tín mộ. Tại sao vậy? Vì dùng cây kích đốt nóng chích vào chân phải chịu sự đại thống khổ!

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta bảo các ngươi, thà dùng cây kích nóng chích vào thân còn hơn. Tại sao vậy? Vì không do nhân này mà đọa vào ba đường ác. Nếu chẳng phải Sa-môn mà tự nói là Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, tự nói là tịnh hạnh, phá giới làm điều ác, hoàn toàn không trì giới, oai nghi, tà kiến, nơi chỗ khuất kín làm điều tội lỗi. Bên trong trống rỗng, hư nát, bên ngoài hiện ra là hoàn thiện. Vì ăn đồ ăn của tín thí mà không tiêu được nên phải đọa vào ba đường ác, thọ khổ lâu dài. Cho nên các ngươi cần phải trì tịnh giới mới ăn của người tín thí; dùng các thứ cần thiết như y phục, ngọa cụ, thuốc men, mới có thể khiến cho tín thí được đại quả báo, và mục đích của người xuất gia làm Sa-môn cũng được thành tựu.

- Này các Tỳ-kheo, nên tự cầm búa nóng chém vào thân vào đầu mình, hay là nhận bàn tay của

thiện nam tử, thiện nữ nhân có tâm tín mộ vuốt ve thân thể? hai việc này việc nào là tốt hơn?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Đại đức, nên nhận bàn tay của thiện nam tử, thiện nữ nhân có tâm tín mộ vuốt ve thân thể. Tại sao vậy? Vì cầm búa nóng chém vào thân vào đầu phải thọ đại khổ thống!

- Này các Tỳ-kheo, nay Ta bảo các ngươi nên cầm búa nóng chém vào thân vào đầu, việc này mới là tốt hơn. Tại sao vậy? Vì không do nhân duyên này mà đọa vào ba đường ác. Còn lại, văn cú như trên đã nói.

- Này các Tỳ-kheo, các ngươi nên lấy sắt nóng làm y để đốt cháy hết thân này, hay là nhận mặc các loại y tốt của thiện nam tử, thiện nữ nhân tín mộ? Hai việc này việc nào là tốt hơn?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Đại đức, nên nhận các loại y tốt. Tại sao vậy? Vì loại y bằng sắt nóng kia đốt cháy thân hình, phải chịu đại khổ thống!

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nay ta bảo các ngươi là nên nhận lấy y bằng sắt nóng kia để đốt cháy thân hình. Tại sao vậy? Vì không do nhân duyên ấy mà đọa vào ba đường ác. Còn lại, văn cú như trên đã nói.

- Này các Tỳ-kheo, nên nuốt hoàn sắt nóng cháy cả ngũ tạng rồi tuôn tháo ra ngoài, hay là

nhận thức ăn cúng dường của kẻ thiện nam tử, thiện nữ nhân tín mộ? Hai việc này việc nào là tốt hơn?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Nên nhận thức ăn cúng dường kia. Tại sao vậy? Nuốt hoàn sắt nóng kia phải chịu đại khổ thống! Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nay ta bảo các ngươi, thà là nuốt hoàn sắt nóng. Tại sao vậy? Vì không do nhân duyên này mà không đọa vào ba đường ác. Còn lại, văn cú như trên đã nói.

Nhận các thứ cháo cũng như vậy.

- Này các Tỳ-kheo, nên nằm trên giường sắt nóng để tự đốt cháy hết thân hình, hay là nhận các loại giường tốt, ngọa cụ tốt của thiện nam tử thiện nữ nhân tín mộ để ngồi nằm? Hai việc này điều nào là tốt hơn?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Nên nhận các thứ giường, ngọa cụ tốt kia. Tại sao vậy? Vì ngồi nằm trên giường sắt nóng tự đốt cháy thân hình thọ đại khổ thống!

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nay ta bảo các ngươi, thà nhận giường, tọa cụ bằng sắt nóng kia để tự đốt cháy thân hình. Tại sao vậy? Vì không do nhân duyên này mà đọa vào ba đường ác. Còn lại, văn cú như trên đã nói.

- Này các Tỳ-kheo, nên ở trong nhà bằng sắt

nóng để thân hình bị đốt cháy, hay là nhận phòng nhà của thiện nam tử, thiện nữ nhân tín mộ để ngủ nghỉ? Hai việc này điều nào là tốt hơn?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Nên nhận phòng nhà kia để nghỉ ngơi. Tại sao vậy? Vì ở trong phòng nhà bằng sắt nóng sẽ bị thiêu đốt thân hình thọ đại thống khổ!

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Thà ở trong nhà sắt nóng kia để tự đốt cháy thân hình. Tại sao vậy? Vì không do nhân duyên này mà đọa vào ba đường ác. Ngoài ra như trên đã nói.

Khi Đức Thế Tôn nói những lời này, có sáu mươi vị Tỳ-kheo máu tuôn ra từ lỗ chân lông nơi mặt; sáu mươi vị Tỳ-kheo xả giới thôi tu; sáu mươi vị Tỳ-kheo đặng tâm vô lậu giải thoát; số đông Tỳ-kheo viễn trần ly cấu, đặng con mắt pháp thanh tịnh.

IX. CHÍN PHÁP

1. Nhà bạch y có chín pháp, chưa làm đàn-việt thì không được làm. Đến nhà đó, (Tỳ-kheo) không được ngồi. Chín pháp gì? Thấy Tỳ- kheo không hoan hỷ đứng dậy; không hoan hỷ tác lễ; không hoan hỷ mời Tỳ-kheo ngồi; không hoan hỷ khi Tỳ-kheo ngồi; giả sử (Tỳ-kheo) có nói điều gì, người ấy cũng không tín thọ; nếu có y phục ẩm thực, và những thứ mà (Tỳ-kheo) cần dùng, thì khinh mạn

Tỳ-kheo nên không cho; hoặc có nhiều mà cho ít; hoặc có thứ tinh tế mà cho thứ thô xấu; hoặc cho mà không có lòng cung kính. Đó là nhà bạch y có chín pháp thì không được đến.

2. Lại có chín pháp chưa làm đàn-việt thì nên làm đàn-việt, đã làm thì (Tỳ-kheo) nên đến và ngồi (ngược nghĩa câu trên).

3. Có chín sự ngăn thuyết giới không như pháp: dẫn bằng chứng sự phá giới vô căn mà ngăn vì tác, ngăn vì bất tác, hay ngăn vì vừa tác vừa bất tác; phá kiến, phá oai nghi cũng như vậy.[552] Đó là chín.

4. Có chín như pháp ngăn thuyết giới (ngược nghĩa câu trên).

5. Có chín lời xả giới: - Tôi xả Phật, xả Pháp, xả Tăng, xả Hòa thượng, xả đồng Hòa thượng, xả A-xà-lê, xả đồng A-xà-lê, xả các phạm hạnh, xả giới. Đó là chín. Cũng vậy, mỗi mỗi chín lời làm thành một hạng mục, cho đến - ... chẳng phải Sa-môn Thích tử cũng như vậy.[553]

6. Đức Như Lai ra đời thấy có sự lầm lỗi nên vì chín nghĩa mà chế giới cho các Tỳ-kheo: nhiếp thủ đối với Tăng, cho đến đoạn hữu lậu vị lai.[554] Đó là chín.

---

[552] X em phần iii, chương xiv, đoạn 2 - Già yết-ma. Về ý nghĩa tác và bất tác, xem các cht. 7, 8, 9 cũng trong đoạn dẫn trên.

[553] Xem mục - Năm pháp, hạng mục 219.

[554] Xem trên, - Hai pháp, hạng mục 136; - Ba pháp, hạng mục 156; - Bốn pháp, hạng mục 57; - Năm pháp, hạng mục 220.

Đức Như Lai ra đời, thấy có sự lỗi lầm nên vì chín lợi nghĩa mà chế yết-ma ha trách cho các Tỳ-kheo: từ nhiếp thủ đối với Tăng, cho đến đoạn hữu lậu vị lai. Đó là chín.

Cho đến bảy diệt tránh cũng như vậy.

X. MƯỜI PHÁP

1. Có mười thứ y: y câu-xa, y kiếp-bối, y khâm-bạt-la, y sô-ma, y xoa-ma, y xá-nậu, y gai bố, y sí-di-la, y câu-giá-la, y sai-la-ba-ni.[555] Đó là mười thứ y nên nhuộm làm màu y ca-sa để thọ trì.

2. Có mười thứ y phấn tảo:[556] y trâu nhơi, y chuột gặm, y bị cháy, y nguyệt thủy, y sản phu,[557] y thần miếu, y gò mả, y nguyện, y thọ Vương chức,[558] y vãng hoàn. Đó là mười loại y.

3.Có mười sự ngăn thuyết giới phi pháp: không được kể vào trong Ba-la-di;[559] chẳng phải xả giới; không được kể vào trong xả giới; tùy thuận yêu cầu như pháp của Tăng;[560] không trái nghịch yêu cầu như pháp của Tăng;[561] không được kể vào trong sự trái nghịch yêu cầu như pháp của Tăng; phá giới không được thấy, nghe, nghi phá

---

[555] Xem phần i, Tỳ-kheo, Ni-tát-kỳ 1, cht. 8; bản Việt, quyển 1, tr.236. Phiên âm ở đây có vài chỗ khác với phiên trong đoạn dẫn trên. Xem thêm, Phần iii, chương vi - Y.

[556] Xem phần iii, chương vi - Y, cht. 7.

[557] Trong bản: sơ sản y. Có bản chép: sơ hư. Trên kia, đoạn đã dẫn (cht. 217) nói là - y sản phụ.

[558] Trong bản Hán: lập Vương y. Trên kia, đoạn đã dẫn (cht. 217) nói là - y thọ Vương chức.

[559] Thập tụng 33: Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, nhưng chưa được Tăng nêu tội. Nghĩa là, chưa bị buộc tội là phạm Ba-la-di.

[560] Thập tụng 33: tuỳ thuận Tăng sự như pháp.

[561] Thập tụng 33: không khinh Tăng, tức không chống đối các quyết định như pháp của Tăng.

kiến không được thấy, nghe, nghi; phá oai nghi không được thấy, nghe, nghi.[562] Đó là mười.

4. Có mười như pháp ngăn thuyết giới (trái với câu trên).

5. Lại có mười sự ngăn thuyết giới phi pháp: không phạm biên tội, không được kể vào biên tội, không phạm Tỳ-kheo-ni, không được kể vào phạm Tỳ-kheo-ni, không tặc tâm thọ giới, không được kể vào tặc tâm thọ giới, không phá nội ngoại đạo, không được kể vào phá nội ngoại đạo, chẳng phải huỳnh môn, không được kể vào huỳnh môn.[563]

Đó là mười.

6. Có mười pháp ngăn thuyết giới (ngược với câu trên).

7. Có mười pháp nên sai giáo thọ Tỳ-kheo-ni: thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, đa văn, rộng tụng hai bộ giới tỳ-ni, có khả năng về ngôn ngữ, biện thuyết rõ ràng, từ đại tánh xuất gia như Sát-lợi Bà-la-môn cư sĩ, hình mạo đoan chánh, Tỳ-kheo-ni cung kính, đủ khả năng vì Tỳ- kheo-ni nói pháp khiến được hoan hỷ, không vì Phật xuất gia, mặc áo ca sa mà phạm trọng tội; hai mươi hay hơn hai mươi hạ. Đó là mười.

8. Bấy giờ, Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

- Các ngươi không được lúc nào cũng cử tội

---

[562] Xem phần iii, chương xiv, đoạn 2, và xem giải thích ở đoạn 3 về 10 như pháp.

[563] 10 trong 13 già nạn. Không được nhận là Tỳ-kheo, mặc dù có thọ giới.

các Tỳ-kheo khác.[564] Tại sao? Nếu thân oai nghi không thanh tịnh mà cử tội Tỳ-kheo khác thì khiến người ấy nói: - Thưa Trưởng lão, trước phải tự mình tịnh thân oai nghi đã. Này Ưu-ba-ly, nếu Tỳ-kheo thân oai nghi thanh tịnh thì lời nói kia không phát sinh. Lời nói không thanh tịnh, mạng không thanh tịnh, không đa văn, không rộng tụng hai bộ tỳ-ni cũng như vậy (như trong - năm pháp đã nói).

9. Lại nữa Ưu-ba-ly, nếu muốn cử tội Tỳ-kheo khác thì nên tu tập năm pháp: đúng thời không được phi thời, chân thật không được không chân thật, lợi ích không được tổn giảm, dịu dàng không được thô lỗ, từ tâm không được sân nhuế. Này Ưu-ba-ly, cử tội Tỳ-kheo khác phải có mười pháp này, sau đó mới cử.

10. Có mười sự nhận thẻ phi pháp:[565] không hiểu rõ vấn đề mà nhận thẻ, không cùng với người như pháp mà nhận thẻ, muốn khiến cho người phi pháp nhiều mà nhận thẻ, biết có nhiều người phi pháp mà nhận thẻ, muốn khiến Tăng bị phá mà nhận thẻ, biết Tăng muốn phá mà nhận thẻ, do tiểu tội mà nhận thẻ, không như sự thấy biết mà nhận thẻ, phi pháp nhận thẻ, biệt chúng nhận thẻ. Đó là mười.

11. Có mười sự nhận thẻ như pháp (ngược với câu trên).

---

[564] Xem - Năm pháp hạng mục 206.

[565] Xem phần iii, chương xvi, mục iii.2(ii.c).

12. Đức Như Lai ra đời, thấy có sự lầm lỗi, (1012a1) vì mười nghĩa mà chế giới cho các Tỳ-kheo: từ nhiếp thủ đối với Tăng, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.[566] Đó là mười.

13. Có mười hạng người không được lễ bái: tự nói phạm biên tội, phạm Tỳ-kheo-ni, thọ giới với tâm giặc, phá nội ngoại đạo, huỳnh môn, giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, với tâm ác làm thân Phật ra máu. Đó là mười.

14. Tỳ-kheo có mười thứ oai nghi không được lễ bái: khi đại hành, khi tiểu hành, khi khỏa thân, khi cạo tóc, khi nói pháp, khi xỉa răng, khi súc miệng, khi uống, khi ăn, lúc ăn trái cây. Đó là mười.

15. Uống rượu có mười điều mất mát: sắc diện xấu, kém sức khỏe, mắt không sáng, ưa nổi sân, mất của, thêm bệnh, gây đấu tranh, tiếng xấu đồn khắp, không trí tuệ, chết đọa vào địa ngục. Đó là mười.

16. Người xuất gia vào cung vua, đến chỗ của thể nữ, có mười điều tai hại:

Nếu vua đang cùng phu nhân hòa hợp. Khi Tỳ-kheo vào cung đến chỗ thể nữ, phu nhân thấy Tỳ-kheo bèn cười, Tỳ-kheo thấy phu nhân cũng cười. Vua sẽ nghĩ: - Tỳ-kheo hoặc đã làm việc như vậy, hoặc sẽ làm việc như vậy. Đó là tai hại thứ nhất

[566] Xem bản Việt, quyển 1, tr. 25, các cht. 31, 32.

khi người xuất gia vào trong cung vua đến chỗ của thể nữ.

Lại nữa, vua khi say cùng phu nhân hòa hợp, rồi không nhớ; sau phu nhân có thai, vua nghĩ: - Tỳ-kheo tới lui trong cung. Đây là việc làm của Tỳ-kheo. Đó là điều tai hại thứ hai.

Lại nữa, thái tử của vua muốn làm phản giết vua. Vua nghĩ: - Tỳ- kheo tới lui trong cung nội, làm quân sư cho việc này. Đây là Tỳ-kheo xúi dục. Đó là điều tai hại thứ ba.

Lại nữa, điều mật của vua trong cung bị lộ ra ngoài. Vua nghĩ: - Tỳ-kheo này tới lui trong cung nội. Đây là do Tỳ-kheo này truyền đạt. Đó là điều tai hại thứ tư.

Lại nữa, vua mất bảo vật hay tợ bảo vật, nghĩ: - Tỳ-kheo này tới lui trong cung nội của ta. Tỳ-kheo này lấy đi. Đó là điều tai hại thứ năm.

Lại nữa, hoặc vua cất nhắc kẻ thấp kém lên địa vị cao, người ngoài không bằng lòng, nghĩ: - Tỳ-kheo này vào trong cung. Đây là việc làm của Tỳ-kheo. Đó là điều tai hại thứ sáu.

Lại nữa, vua hạ chức người ở địa vị cao, người ngoài không bằng lòng, nghĩ: - Tỳ-kheo này vào trong cung. Đây là việc làm của Tỳ-kheo. Đó là điều tai hại thứ bảy.

Lại nữa, hoặc vô sự nhân duyên phi thời mà vua tập hợp bốn bộ binh; người không bằng lòng,

nghĩ: - Tỳ-kheo này vào trong cung. Đây là việc làm của Tỳ-kheo. Đó là điều tai hại thứ tám.

Lại nữa, hoặc vua tập hợp binh nửa đường rồi trở lại, người không bằng lòng nghĩ: - Tỳ-kheo này vào trong cung. Đây là việc làm của Tỳ- kheo. Đó là điều tai hại thứ chín.

Lại nữa, vua đang ở trong chỗ thể nữ, cho xuất voi ngựa tốt, nữ nhân xinh đẹp. (Tỳ-kheo) thấy tâm sinh ái trước, chẳng phải pháp của Tỳ-kheo. Đó là điều tai hại thứ mười.

17. Có mười pháp không được trao đại giới cho người: Không thể dạy đệ tử tăng giới, tăng tâm, tăng huệ học, tăng oai nghi, tăng tịnh hạnh, tăng Ba-la-đề-mộc-xoa học, không thể dạy xả ác kiến, đệ tử không an lạc nơi trú xứ này, không thể dời đến trú xứ khác an lạc, nếu có nghi hối phát sinh không thể như pháp như tỳ-ni để khai giải quyết đoán, không đủ mười hạ. Đó là mười.

18. Có mười pháp nên trao đại giới cho người (ngược nghĩa câu trên).

19. Có mười pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, không đa văn, không thể dạy đệ tử A-tỳ- đàm. Tỳ-ni, không thể dạy xả ác kiến trụ thiện kiến, không biết Ba-la- đề-mộc-xoa, không biết thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa, không biết bố-tát, không biết yết-ma bố-tát, không đủ mười hạ. Đó là mười.

20. Có mười pháp nên trao đại giới cho người (ngược nghĩa với câu trên).

21. Có mười pháp không được sai đoán sự ở trú xứ khác: không thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, không đa văn, không rộng tụng hai bộ giới, không thiện xảo ngôn ngữ khiến người khai giải, không thể vấn đáp dạy dỗ quở trách như pháp diệt tẫn khiến được hoan hỷ, có tránh sự khởi không khéo hay diệt, không biết Ba-la-đề-mộc-xoa, không biết nói Ba-la-đề-mộc-xoa, không biết bố-tát, không biết yết-ma bố-tát. Đó là mười.

22. Có mười pháp không được sai đoán sự riêng ở trú xứ khác: sáu câu như trên; không giải đoán rõ việc đấu tranh, không biết tránh sự khởi, không biết tránh sự diệt, không biết hướng đến chỗ diệt tránh sự. Đó là mười.

23. Có mười pháp nên sai đoán sự riêng ở trú xứ khác: (ngược với câu trên).

24. Có mười pháp không được sai đoán sự riêng ở trú xứ khác: sáu câu đầu như trên; có ái, có nhuế, có bố, có si. Đó là mười.

25. Có mười pháp nên sai đoán sự riêng ở trú xứ khác (ngược với câu trên).

26. Bấy giờ, A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chắp tay bạch Phật:

- Bạch Đại đức, vì nhân duyên gì khiến Tăng

chưa có tránh sự mà khởi tránh sự; có tránh sự lại không trừ diệt được?

Đức Phật bảo A-nan:

- Cử tội Tỳ-kheo khác, không phạm nói phạm, phạm nói không phạm, nhẹ nói nặng, nặng nói nhẹ, phi pháp nói pháp, pháp nói phi pháp, phi tỳ-ni nói tỳ-ni, là tỳ-ni nói phi tỳ-ni, phi chế lại chế, chế lại đoạn. Do những nhân duyên này khiến Tăng chưa sinh tránh sự lại sinh tránh sự, đã có tránh sự thì không trừ diệt được.

A-nan lại hỏi Phật:

- Bạch Đại đức, do nhân duyên gì khiến Tăng chưa có tránh sự không sinh tránh sự, đã có tránh sự thì được trừ diệt?

Đức Phật trả lời cho A-nan: (ngược với câu trên).

27. Phật bảo A-nan tiếp:

- Có mười loại gốc rễ của tranh cãi, cần nên biết, khéo dùng phương tiện để được trừ diệt. Mười loại là gì? (ngược với câu trên).

28. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chắp tay bạch Phật:

- Kính bạch Đại đức, nói là Tăng vỡ, cho đến mức nào được gọi là Tăng vỡ? Ai phá vỡ hòa hợp Tăng?

Đức Phật trả lời: mười sự như trên. Do mười

sự này mà tìm cầu bè đãng, hoặc sai người tìm cầu, rồi thuyết giới bố-tát yết-ma biệt bộ. Cho đến mức đó, được gọi là Tăng vỡ. Đó gọi là phá vỡ hòa hợp Tăng.

Ưu-ba-ly hỏi về hoà hợp Tăng (ngược với câu trên).

XI. MƯỜI MỘT PHÁP

1. Có mười một lời xả giới: - Tôi xả Phật, xả pháp, xả Tăng, xả Hòa thượng, xả đồng Hòa thượng, xả A-xà-lê, xả đồng A-xà-lê, xả tịnh hạnh Tỳ-kheo, xả Ba-la-đề-mộc-xoa, xả tỳ-ni, xả học sự. Đó là mười một. Cũng vậy, cứ mỗi mỗi mười lời làm thành một hạng mục, cho đến - ... chẳng phải Sa-môn Thích tử" cũng như vậy.

2. Bấy giờ Đức Thế Tôn ở trong rừng thành Bất-thi,[567] bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo ở bất cứ chỗ nào cũng không được đấu tranh, mạ lị nhau, tuôn ra lời như đao kiếm, bươi móc việc tốt việc xấu. Khi nhớ đến còn không vui huống là sống với nó. Các ngươi quyết định nên biết ba pháp nhanh chóng dập tắt, nên biết ba pháp tăng trưởng. Ba pháp gì? Niệm xuất ly, niệm không sân nhuế, niệm không tật đố. Ba sự này nhanh chóng dập tắt. Ba pháp làm cho tăng trưởng là gì? Niệm tham dục, niệm sân nhuế, niệm tật đố. Ba pháp này làm tăng trưởng. Vì vậy, bất

[567] Bất-thi thành lâm 不尸城林.

cứ ở chỗ nào nếu đấu tranh, mạ lị lẫn nhau, miệng tuôn ra lời như đao kiếm, bươi móc xấu tốt nhau, khi nhớ đến còn không vui huống là sống với nó; cho nên các ngươi quyết định nên biết ba pháp tổn giảm, và ba pháp tăng trưởng này.

Nếu Tỳ-kheo ở bất cứ chỗ nào mà không cùng đấu tranh nhau. (ngược nghĩa với câu trên).

3. Trường hợp nếu có đấu tranh, hai bên đều không nhẫn nhịn, lòng ôm lấy sự cấu uế, ghét nhau, hại nhau, tăng trưởng (1013a1) sân hận, không khéo điều phục, không nhận lời dạy bảo nhau, cùng mất sự cung kính, thì nên biết tránh sự này càng lúc càng trở thành kiên cố, không thể như pháp, như luật, như lời Phật dạy để chấm dứt được.

Nếu Tỳ-kheo đấu tranh nhau, hai bên đều có thể nhẫn nhịn, lòng không ôm cấu uế, không ghét nhau, hại nhau, không tăng trưởng sân nhuế, khéo điều phục, nghe lời dạy bảo của nhau, không mất cung kính, thì tránh sự này không kiên cố, sẽ được như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà chấm dứt.

Nếu Tỳ-kheo cùng nhau tranh cải, mà hai bên đều không nhẫn nhịn, lòng ôm cấu uế, ghét nhau, hại nhau, tăng trưởng sân nhuế, không khéo điều phục, không nhận sự dạy bảo của nhau, cùng mất sự cung kính. Trường hợp này, khi tránh sự khởi lên nếu không dùng một pháp nào trong bảy diệt

tránh để chấm dứt, thì nên biết tránh sự này càng lúc càng trở thành kiên cố, không được như pháp, như luật, như lời Phật dạy để chấm dứt.

Nếu tránh sự như pháp được chấm dứt... (ngược với câu trên). Nếu Tỳ-kheo cùng đấu tranh nhau mà không cho Thượng, trung,

hạ tọa bình nghị thì không nhập, không tương ưng với Tu-đa-la,[568] Tỳ-ni pháp luật. Nếu khi tránh sự khởi lên mà không dùng một trong bảy pháp diệt tránh để chấm dứt, thì tránh sự này sẽ đưa đến tăng trưởng kiên cố, không được như pháp, như luật, như lời Phật dạy để chấm dứt.

Nếu tránh sự như pháp diệt... (ngược với nghĩa trên).

Nếu không cùng với vị trì Luật, trì Pháp, trì Ma-di, cùng bình nghị tránh sự, thì tránh sự tăng trưởng cũng như câu trên đã nói.

Nếu tránh sự như pháp chấm dứt... (thì cũng như câu trên).

4. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Ưu-ba-ly:

- Các ngươi chớ nên lúc nào cũng cử tội Tỳ-kheo khác. Tại sao vậy? Nếu cử tội người khác mà thân không thanh tịnh, khẩu không thanh tịnh thì người khác liền nói: - Thưa Trưởng lão, trước hết tự mình phải tịnh thân, khẩu, oai nghi đã. Này Ưu-ba-ly, nếu Tỳ-kheo thân, khẩu thanh tịnh thì người

[568] Trong bản, tu-đố-lộ 修路.

kia không thể nói gì được.

Lại nữa, này Ưu-ba-ly, muốn cử tội Tỳ-kheo khác, mà mạng không thanh tịnh, ít nghe, không tụng Tu-đa-la, thì khi cử tội, người kia liền nói: - Thưa Trưởng lão, trước hết phải tự thanh tịnh mạng của mình, tụng Tu-đa-la đã.

Này Ưu-ba-ly, nếu cử tội Tỳ-kheo khác mà mình không đa văn, không biết tỳ-ni, biện thuyết không rõ ràng, được ví dụ như con dê trắng, nếu cử tội người thì người kia sẽ nói: - Trưởng lão phải học tỳ-ni, học cách nói trước đã. Này Ưu-ba-ly, cử tội Tỳ-kheo khác mà mình đa văn, tụng tỳ-ni, nói năng biện thuyết rõ ràng thì người kia không nói gì được. Này Ưu-ba-ly, bởi vậy cho nên Tỳ-kheo nên biết như vậy.

5. Nếu Tỳ-kheo mà người ấy đối với mình có yêu, có kính, thì nên cử tội. Hoặc không yêu nhưng mà kính, thì nên cử. Hay không kính nhưng yêu, thì nên cử. Nếu không yêu không kính nhưng có thể khiến người ấy bỏ ác trở về thiện được thì nên cử. Nếu người ấy mà không yêu không kính cũng không thể khiến cho bỏ ác hành thiện, nhưng có Tỳ-kheo mà người ấy coi trọng, tôn kính tin tưởng, có thể khiến cho bỏ ác hành thiện, thì nên cử. Nếu không yêu không kính, không thể khiến cho bỏ ác hành thiện, lại không có Tỳ-kheo mà người ấy coi trọng, tôn kính tin tưởng, không thể khiến cho bỏ ác hành thiện. Thì này Ưu- ba-ly,

Tăng nên xả trí liền, đuổi đi, và nói: - Dù Trưởng lão muốn đi đến nơi nào, nơi đó cũng sẽ đối với thầy mà tác cử, tác ức niệm, tác tự ngôn, ngăn A-nậu-bà-đà, ngăn thuyết giới, ngăn tự tứ. Thí như ông thầy dạy ngựa, con ngựa dữ khó dạy liền gộp cả yên cương mà đuổi nó đi; Tỳ-kheo này cũng lại như vậy. Người như vậy không được đến họ cầu thính. Đây tức là thính.

Đức Phật dạy như vậy. Ưu-ba-ly sau khi nghe, hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

6. Ưu-ba-ly bạch Phật:

- Bạch Đại đức, bằng bao nhiêu pháp để khơi dậy sự việc cho Tỳ-kheo?

Đức Phật dạy:

- Việc của Tỳ-kheo được khơi dậy bằng ba pháp: phá giới, phá kiến, phá oai nghi.

Ưu-ba-ly lại hỏi:

- Sự việc được khởi lên bằng ba sự này, lại phải bằng bao nhiêu pháp để tác cử?

Đức Phật dạy:

- Nên bằng ba pháp kiến, văn, nghi để cử. Ưu-ba-ly lại hỏi:

- Bằng ba sự khởi sự; bằng ba pháp để tác cử, bên trong (người tác cử) phải có bao nhiêu pháp, sau đó mới cử?

Đức Phật dạy:

- Bên trong người ấy phải có năm pháp mới

nên tác cử. (Như trước đã nói, - đúng thời chứ không được phi thời).[569]

7. Đức Thế Tôn ở bên ao nước, tại nước Bạt-xà, bảo các Tỳ-kheo:

- Các ngươi nói Ta vì y phục, ẩm thực, thuốc men chữa bệnh, giường nằm, ngọa cụ mà nói pháp phải không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Đại đức, chúng con không dám sinh ý nghĩ như vậy. Chúng con không dám nói Đức Thế Tôn vì y phục, cho đến ngọa cụ mà nói pháp.

Đức Phật dạy:

- Nếu không nghĩ như vậy, thì nghĩ thế nào? Các Tỳ-kheo thưa:

- Chúng con có nghĩ rằng Đức Thế Tôn giũ lòng từ đối với chúng sinh nên nói pháp.

Đức Phật dạy:

- Các ngươi nếu thật sự có ý nghĩ như vậy thì đối với pháp mà ta đã giác ngộ chứng tri là, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn thần túc, bốn thiền, năm căn, năm lực, bảy giác ý, tám chánh đạo, các ngươi nên hoan hỷ hòa hợp tu học. Nếu đã hoan hỷ hòa hợp tu học thì nếu có Tỳ-kheo nào phạm giới, các ngươi không được vội vã cử tội mà nên tự quán sát: "Mong sao cho không gây phiền não cho chính mình, cũng không khiến hại người.

[569] Xem mục - Năm pháp, hạng mục 215; - Mười pháp, hạng mục 9.

Người phạm tội kia phải chăng không ưa sân hận, không kết oán hiềm, không khó giác ngộ, tự mình có thể trừ tội, có thể bỏ pháp bất thiện, trụ nơi thiện pháp?" Quán sát như vậy rồi, cần phải cân nhắc, đắn đo, nếu thấy có thể gây phiền não cho mình song sẽ không hại người. Người phạm kia có tội lại không ưa sân nhuế, không khó tỉnh ngộ, sớm có thể trừ tội, có thể bỏ pháp bất thiện, trụ thiện pháp. Tỳ-kheo kia nên nghĩ: "Tuy ta bị một ít phiền não, nhưng đối với vị kia không có hại, chỉ có ái, có lợi ích, có thể khiến cho vị ấy bỏ pháp bất thiện, mà trụ nơi thiện pháp." Thế thì nên cử tội.

- Tỳ-kheo nghĩ như vầy: "Ta cử tội người khác, sẽ tự chuốc lấy phiền não cho chính mình, nhưng không hại người kia. Vị kia có tội, ưa sân nhuế, nhưng dễ được giải ngộ, có thể nhanh chóng xả tội." Còn lại, như trên đã nói.

- Tỳ-kheo lại nghĩ: "Nếu cử tội người khác, ta sẽ tự chuốc lấy phiền não hại. Vị có tội kia ưa sân nhuế, khó có thể giải ngộ, không sớm xả tội. Nếu ta cử tội, tác pháp ức niêm, mà vị ấy sẽ dùng những lời quanh co khác để trả lời ta, rồi lại sinh sân nhuế, thì người như vậy nên xả trí, không cần phải cử tội thêm nữa."

- Tỳ-kheo hòa hợp, hoan hỷ như vậy, mà có những lời tranh cãi trong A-tỳ-đàm, thì nên nói: "Thưa các Trưởng lão, văn và nghĩa của những

điều được nói đều tương ưng, ta không nên tranh cãi nhau." Có Tỳ-kheo khác nào, mà lời nói được mọi người tin dùng, cũng nên nói: "Thưa các Trưởng lão, văn và nghĩa của những điều được nói đều tương ưng, ta không nên tranh cãi nhau." Lại còn có Tỳ-kheo khác nữa, mà lời nói được mọi người tin dùng, thì cũng nên nói như vậy.

- Lại nói như sau: "Thưa Trưởng lão, văn cú những gì đã được nói tuy khác nhau nhưng nghĩa thì đồng. Đây chỉ là việc nhỏ. Ta đừng tranh cãi nhau nữa." Nếu có ai được nhiều người tin, mà lời nói được tin dùng, thì cũng nên nói như vậy. Lại còn người khác được nhiều người tin, mà lời nói được tin dùng, thì cũng nên nói như vậy.

- Lại nói như vầy: "Thưa Trưởng lão, văn của những gì được nói thì đồng, nhưng nghĩa thì khác," cũng như vậy.

- Lại nói như vầy: "Thưa Trưởng lão, văn và nghĩa của những gì đã được nói đều khác. Ta đừng tranh cãi nhau nữa." Nếu có ai được nhiều người tin, mà lời nói được tin dùng, thì cũng nên nói như vậy. Lại còn người khác được nhiều người tin, mà lời nói được tin dùng, thì cũng nên nói như vậy.

- Nếu nói lời nói như vậy, mà chúng Tăng hòa hợp có tránh sự khởi, nên cùng hoà hợp tập trung lại. Sau khi tập trung rồi, nên tác pháp quán sát như vầy: "Nếu chúng ta tranh chấp nhau, đối với

pháp Sa-môn có gây lưu nạn hay không? Thầy nghĩ thế nào?" Tỳ-kheo nào thấy được chánh lý thì nên nói lời này: "Pháp đấu tranh đối với Sa-môn tức là lưu nạn." Lại hỏi: "Học giả có ai thấy đây là điều đáng quở trách hay không?" Vị kia nói: "Theo ý tôi, đối với pháp Sa-môn mà gây lưu nạn tức là đáng quở trách." Lại hỏi: "Nếu đối với pháp Sa-môn các lưu nạn là pháp đáng quở trách, nhưng có thể tiến đến thiện căn, đắc quả Sa-môn hay không?" Có Tỳ-kheo thấy chánh lý nói: "Theo ý tôi, điều đáng quở trách thì không thể tiến đến thiện căn, không thể đắc Sa-môn quả." Nếu làm như vậy mà tránh sự được chấm dứt thì nên nói với Tỳ- kheo kia: "Thầy vì chúng tôi mà chấm dứt tránh sự này." Tỳ-kheo kia nên trả lời: "Tôi không biết được tâm của người khác. Duy chỉ tin tưởng nơi Đức Phật mà thôi. Đức Thế Tôn có lúc vì tôi nói pháp tối thắng thượng diệu, chỉ bày thiện ác. Cứ như pháp mà tôi nghe từ Đức Thế Tôn như vậy, nay nói lại cho thầy." Nếu Tỳ-kheo kia nghe rồi liền xả bỏ tránh sự. Khi Tỳ-kheo này nói lời như vậy, đã không tự đề cao mình cũng không hạ thấp người. Như vậy, các Tỳ-kheo khác không có chỗ nào để quở trách được."

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau nghe, hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

8. Có mười ba hạng người, chưa thọ đại giới thì không được cho thọ, nếu đã thọ thì nên diệt

tẫn:[570] tự nói phạm biên tội, phạm Tỳ-kheo- ni, tặc tâm thọ giới, phá nội ngoại đạo, huỳnh môn, giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, với ác tâm làm thân Phật ra máu, phi nhân, súc sinh, hai căn. Đó là mười ba hạng người nếu chưa thọ đại giới thì không được cho thọ; đã thọ đại giới thì nên diệt tẫn.

9. Bấy giờ Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

- Các Ngươi không được lúc nào cũng cử tội Tỳ-kheo khác. Tại sao vậy? Nếu Tỳ-kheo muốn cử tội Tỳ-kheo khác mà thân không thanh tịnh thì vị kia sẽ nói: "Thưa Trưởng lão, trước hết tự mình nên tịnh thân đã." Nếu cử tội Tỳ-kheo khác mà thân mình được thanh tịnh thì vị kia sẽ không nói được gì.

Cũng vậy, miệng không thanh tịnh, mạng không thanh tịnh, không đa văn, không tụng Tỳ-ni, không quán Tu-đa-la, biện thuyết không rõ ràng, dụ như con dê trắng, đối với thiện Tỳ-kheo thân nghiệp không từ hoà, cũng như vậy.

10. Lại nữa, Ưu-ba-ly, nếu Tỳ-kheo muốn xuất tội của người, không khiến cho có tội. Có phạm thì cử, không phạm thì không cử. Căn cứ theo tự ngôn của Tỳ-kheo đó, cho yết-ma tự ngôn, khéo hay nói năng rõ ràng có lợi ích.

- Lại nữa, này Ưu-ba-ly, Tỳ-kheo cử tội người

[570] Đây nói đủ 13 già nạn. Xem phần iii, chương i - Thọ giới.

khác nên có năm pháp: đúng thời không phi thời... (như năm pháp như trên đã nói).

11. Này Ưu-ba-ly, nếu Tỳ-kheo nào có mười bảy pháp này thì nên cử tội Tỳ-kheo khác.

12. Có hai mươi hai pháp không được trao đại giới cho người: không biết pháp không, biết phi pháp, cho đến không biết thuyết, không biết phi thuyết, không biết tội có thể sám hối, không biết tội không thể sám hối, không biết sám hối, không biết sám hối thanh tịnh. Có hai mươi hai pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

Có hai mươi hai pháp nên trao đại giới cho người (ngược với câu trên).

13. Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Do hai mươi hai hành tướng để biết người bình đoán sự: thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, đa văn, khéo giải A-tỳ-đàm, Tỳ-ni, không cùng người tranh cãi, cũng không kiên trụ nơi việc này, người đáng quở trách thì quở trách rồi sau đó mới an trú, người nên dạy dỗ thì dạy dỗ rồi sau đó mới an trú, nên diệt tẫn thì diệt tẫn rồi sau đó mới an trú, không ái, không nhuế, không bố, không si, không nhận thức ăn của bộ này, cũng không nhận thức ăn của bộ kia, không nhận y bát, tọa cụ, ống đựng kim của bộ này cũng không nhận y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của bộ kia, không cung cấp bộ này, cũng không cung cấp bộ kia, không cùng với

bộ này vào xóm, cũng không cùng với bộ kia vào xóm, không cùng kỳ hẹn cũng không đến nơi kia, đến sau thì ngồi sau. Có hai mươi hai hành tướng này thì biết đó là người bình đoán sự.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau nghe, hoan hỷ, phụng hành.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 74

TỨ PHẦN
TỲ KHEO GIỚI BỔN

SỐ 1429

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1429

TỨ PHẦN TỲ KHEO GIỚI BỔN

Hán dịch: Đời Hậu Tần, Tam tạng Phật Đà Da Xá.
Đời Đường, chùa Tây Thái Nguyên, Sa-môn Hoài Tố
tập hợp đúc kết.

TỰA ĐỀ THUỘC BẢN ĐỜI MINH

Đã chính là giới thì đó là nền tảng hoành tráng của Định và Tuệ, là chỗ đứng tốt đẹp của Thánh Hiền, là điểm cuối cùng của con đường tám Chánh, là cội nguồn rốt ráo của bảy Giác chi.

Đã có hẳn hoi năm chế bản Luật được thiết lập thành khuôn phép mẫu mực, cần phải trao truyền gìn giữ sự thật, xiển dương lời dạy trong sáng của Lục-hòa. Là người học sáng suốt thì biết ghi nhận, tiếp thu, thiết tha tìm tòi để lưu hành.

Tổng hợp lại có bốn bản Luật rồi truy cứu, cái lý của nó lại đồng nhất, song tập hợp toàn bộ văn giải của bốn bản thì hiển nhiên có sự khác biệt. Do vậy, đã làm cho việc hoằng dương mất đi cốt lõi của Tông Luật, việc tuân theo để tu tập trái ngược với nghi thức hành trì, thiếu hẳn lời vi diệu ở rừng Nai, yếu chỉ của thành Văn Long.

Cho nên nay xét kỹ, kiểm tra lại bản Luật gốc, dùng tâm giới để kiểm nghiệm, rồi trên cơ sở

chánh văn biên soạn lại như phần dưới đây. May mắn, điều này khiến được thuận dòng nghiệp Bồ-đề một cách tốt đẹp, khiến thành tựu việc tìm cầu phước lành của thật tướng, làm nên chiếc bè vượt qua sáu nẻo luân hồi. Chính đấy sẽ đúc thành khuôn mực in dấu vết của ba thừa.

TỨ PHẦN TỲ KHEO GIỚI BỔN

Cúi đầu lễ chư Phật
Lễ Pháp và lễ Tăng
Nay diễn pháp Tỳ-ni
Để chánh pháp còn mãi.
Giới như biển không bờ
Như báu miệt mài tìm
Muốn giữ pháp tài Thánh
Chúng nhóm nghe tôi nói.
Muốn trừ bốn tội Khí
Diệt mười ba Tăng-tàn
Ngăn ba mươi Xả-đọa
Chúng họp nghe tôi nói.
Tỳ Bà Thi, Thi Khí
Tỳ Xá, Câu Lưu Tôn
Câu Na Hàm Mâu Ni
Ca Diếp, Thích Ca Văn.
Các Đại đức Thế Tôn
Vì chúng ta thuyết giới
Nay giới kinh, tôi tụng

Các Hiền giả cùng nghe.
Ví người chân thương tật
Không thể đi lại được
Người phá giới cũng vậy
Không sinh vào trời, người.
Muốn sinh lên chư Thiên
Hoặc sinh cõi người này
Chân giới thường bảo hộ
Đừng để cho thương tổn.
Như xe qua đường hiểm
Lo chốt rơi, trục gãy
Phá giới cũng như vậy
Khi chết canh cánh lo.
Như người tự soi gương
Vui, lo theo đẹp - xấu
Nói giới là soi gương
Vui, buồn theo vẹn - hỏng.
Như hai bên chiến đấu
Dũng thắng, khiếp nhược thua
Nói giới giống như vậy
Vui, sợ theo tịnh - nhơ.
Thế gian vua đứng đầu
Các dòng, biển hơn hết
Các sao, trăng đứng đầu
Các Thánh, Phật tối thắng.
Trong tất cả các Luật
Giới kinh là tối thượng
Như Lai lập giới cấm

Nửa tháng tụng một lần.

- Tăng tập hợp chưa? Đáp: Tăng tập hợp.

- Tăng hòa hợp không? Đáp: Hòa hợp.

- Người chưa thọ đại giới đã ra chưa?

Nếu có thì bảo ra và đáp: Người chưa thọ đại giới đã ra. Không thì đáp: Trong đây không có người chưa thọ đại giới.

- Các Tỳ-kheo không đến, có thuyết dục và thanh tịnh không? Nếu có, đúng theo pháp bạch, rồi đáp: Đã thuyết dục.

Nếu không thì đáp: Trong đây không có người thuyết dục và thanh tịnh.

- Có Tỳ-kheo-ni nào đến cầu giáo giới không?

Nếu có thì mời vào cầu giáo giới. Nếu không thì đáp: Trong đây không có Tỳ-kheo-ni nào đến cầu giáo giới.

- Nay Tăng hòa hợp để làm gì? Đáp: Yết-ma thuyết giới.

Đại đức Tăng lắng nghe! Hôm nay ngày mười lăm, Tăng thuyết giới, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý, Tăng hòa hợp để thuyết giới. Đây là lời tác bạch. Tác bạch như vậy có thành không? (Nếu thành thì đáp "Thành", không thành thì đáp "Không thành")

Thưa các Đại đức! Nay tôi thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa, các vị hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, nếu biết mình có tội thì nên sám hối, không phạm thì

im lặng, vì im lặng nên biết các Đại đức thanh tịnh, nếu có ai hỏi cũng đáp như vậy. Trong chúng, các Tỳ-kheo được hỏi ba lần như vậy, nếu nhớ mình có tội mà không sám hối thì phạm tội cố ý nói dối, Đức Phật dạy tội cố ý nói dối làm chướng ngại đạo. Tỳ-kheo nào nhớ mình có tội, muốn được thanh tịnh thì nên sám hối, sám hối thì được an vui.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói phần tựa của Giới kinh, nay xin hỏi các Đại đức trong đây thanh tịnh không? (Hỏi ba lần).

Các Đại đức trong đây thanh tịnh vì im lặng, việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là bốn pháp Ba-la-di, mỗi nửa tháng thường tụng, rút ra từ trong Giới kinh.

1. Nếu Tỳ-kheo cùng giới với các Tỳ-kheo, không xả giới, giới yếu kém cũng không sám hối, phạm hạnh bất tịnh cho đến cùng với súc sinh, Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di không được ở chung.

2. Nếu Tỳ-kheo hoặc tại thôn xóm, hoặc tại nơi vắng vẻ với tâm trộm cắp, lấy vật không được cho; tùy theo pháp luật lấy của không cho, hoặc bị lệnh vua hay đại thần của vua xử, hoặc bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc đuổi ra khỏi xứ, mắng: Ngươi là giặc, ngươi là kẻ ngu si, ngươi là kẻ chẳng biết gì. Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di, không được cùng

Tăng chung sống.

3. Nếu Tỳ-kheo cố ý tự tay giết chết mạng người, cầm dao đưa cho người và khen ngợi đề cao sự chết, khuyến khích sự chết: "Ôi, anh kia! Vận dụng các xấu xa thế này mà sống ư? Thà chết không nên sống làm gì!". Với tâm tạo tác như vậy, suy nghĩ tìm ra mọi phương cách để cổ vũ, đề cao sự chết, khuyến khích sự chết thì Tỳ-kheo này phạm Ba- la-di, không được cùng Tăng sống chung.

4. Nếu Tỳ-kheo thật sự không biết, lại tự xưng: "Tôi đắc pháp của bậc thượng nhân, tôi đã đạt được pháp thù thắng của Thánh trí. Tôi biết điều ấy, tôi thấy điều ấy". Tỳ-kheo ấy vào một thời điểm khác, hoặc được hỏi, hoặc không được hỏi, vì muốn sự thanh tịnh, nên nói: "Tôi thật không thấy, không biết mà nói biết nói thấy, tôi nói dối, lừa gạt, nói thấy, nói biết", ngoại trừ Tăng thượng mạn, Tỳ-kheo này phạm Ba- la-di, không được cùng với Tăng sống chung.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói bốn pháp Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo phạm mỗi một pháp Ba-la-di thì không được cùng sống chung với các Tỳ-kheo khác. Như trước khi chưa thọ giới, sau khi thọ mà phạm giới cũng như vậy. Tỳ-kheo này phạm tội Ba-la-di, không được cùng với Tăng sống chung.

Nay xin hỏi các Đại đức, đối với bốn pháp này

thanh tịnh cả không? (Hỏi ba lần)

Các Đại đức trong bốn pháp này đều thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin ghi nhận đúng như vậy.

Thưa các Đại đức! Sau đây là mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo cố ý làm xuất tinh, trừ chiêm bao, thì phạm Tăng- già-bà-thi-sa.

2. Nếu Tỳ-kheo với ý dâm dục, tiếp cận thân người nữ, rờ chạm họ, hoặc nắm tay, hoặc nắm tóc, hoặc chạm rờ vào bất cứ phần thân nào của họ, thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

3. Nếu Tỳ-kheo với ý dâm dục, đem lời thô tục dâm ô nói với người nữ, tùy theo cách nói lên lời thô tục dâm dục ấy, thì phạm Tăng- già-bà-thi-sa.

4. Nếu Tỳ-kheo với ý dâm dục, trước người nữ ca ngợi mình: "Này quý cô, tôi tu phạm hạnh, giữ giới, tinh tấn tu các pháp thiện, có thể đem việc dâm dục cung phụng cho tôi, sự cung phụng như vậy là tột đỉnh", thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

5. Nếu Tỳ-kheo qua lại làm mai mối cho người này người kia, đem ý người nam nói với người nữ, đem ý người nữ nói với người nam, hoặc tác hợp nên vợ chồng, hoặc làm chuyện tư thông với nhau, dù chỉ trong chốc lát, thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

6. Nếu Tỳ-kheo đích thân tìm xin phương tiện làm nhà, không có thí chủ, tự làm cho mình, thì

việc cất phải đúng lượng mức. Lượng mức ở đây là dài mười hai gang tay Phật, bên trong rộng bằng bảy gang tay Phật. Địa điểm cất phải mời các Tỳ-kheo khác đến chỉ định. Các Tỳ- kheo ấy nên chỉ cụ thể chỗ cất, nơi đó không có nạn, không có trở ngại. Nếu Tỳ-kheo cất tư thất ở chỗ có nạn, chỗ có trở ngại, không có thí chủ, tự làm cho mình, không mời các Tỳ-kheo đến chỉ định nơi chỗ, hoặc làm quá định mức thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

7. Nếu Tỳ-kheo muốn làm nhà lớn, có thí chủ làm cho mình, địa điểm cất phải mời các Tỳ-kheo khác đến chỉ định chỗ, nơi không có các nạn, không có trở ngại. Nếu chỗ có nạn, chỗ trở ngại mà Tỳ-kheo làm nhà lớn, có thí chủ làm cho mình, không mời các Tỳ-kheo khác đến chỉ định nơi chốn thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

8. Nếu Tỳ-kheo vì ấm ức, tức giận, sử dụng pháp Ba-la-di không căn cứ phỉ báng Tỳ-kheo chẳng phải phạm Ba-la-di nhằm phá hoại đức hạnh thanh tịnh của vị ấy. Vào thời gian sau, Tỳ-kheo ấy được hỏi hay không được hỏi biết việc phỉ báng này là không cơ sở, bảo: "Vì tôi tức giận mà nói lời như vậy". Tỳ-kheo phỉ báng như thế thì phạm Tăng-già- bà-thi-sa.

9. Nếu Tỳ-kheo vì ấm ức, tức giận, nên từ trong phần việc khác nhau rút ra một khía cạnh, sử dụng làm pháp Ba-la-di không căn cứ để phỉ báng Tỳ-kheo chẳng phải phạm Ba-la-di, nhằm phá

hoại đức hạnh thanh tịnh của vị ấy. Vào thời gian sau, Tỳ-kheo kia (được hỏi hay không được hỏi) biết đó là một khía cạnh lấy từ trong phần việc khác, Tỳ-kheo này tự nói: "Vì tôi tức giận nên chê bai như vậy", Tỳ-kheo phỉ báng như thế thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

10. Nếu Tỳ-kheo muốn phá hoại Tăng hòa hợp nên chấp nhận mọi phương cách nhằm phá hoại sự hòa hợp của Tăng, kiên trì không bỏ. Các Tỳ-kheo nên can gián Tỳ-kheo ấy: "Đại đức, đừng phá hoại Tăng hòa hợp, đừng bằng mọi cách phá hoại sự hòa hợp của Tăng, kiên trì không bỏ. Đại đức nên cùng Tăng hòa hợp, nên hoan hỷ không tranh cãi, cùng học một thầy, như nước với sữa hòa nhau. Được như thế thì trong pháp Phật mới có đời sống tăng ích, an vui". Tỳ-kheo này khi được can gián như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ, thì các Tỳ-kheo khác nên can gián đến lần thứ ba nhằm bỏ sự cố chấp phá hoại ấy đi. Can gián đến lần thứ ba mà bỏ thì tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo kia phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

11. Nếu Tỳ-kheo có nhiều bè cánh, hoặc với một, hoặc với hai, ba, cho đến vô số Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bè cánh ấy nói với các Tỳ-kheo nơi này: "Các Đại đức, đừng phải can gián Tỳ-kheo ấy. Tỳ-kheo kia là Tỳ-kheo nói đúng giáo lý, là Tỳ-kheo nói đúng luật Tỳ-kheo. Những điều Tỳ-kheo ấy nói, tâm chúng tôi ưa thích, chúng tôi cũng chấp

nhận những điều Tỳ-kheo ấy nói ra". Tỳ-kheo của chúng kia bảo: "Đại đức, đừng nói như vậy, đừng bảo Tỳ-kheo ấy nói đúng giáo pháp, đừng bảo Tỳ-kheo ấy nói đúng luật Tỳ-kheo, đừng bảo những vấn đề Tỳ-kheo ấy nói tâm chúng tôi ưa thích. Cũng đừng bảo những điều Tỳ-kheo ấy nói lòng chúng tôi chấp nhận được. Rõ ràng Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói chẳng đúng pháp, là Tỳ-kheo nói chẳng đúng luật. Đại đức chớ đành lòng phá hoại Tăng hòa hợp. Các vị phải sẵn lòng vui thích Tăng hòa hợp. Đại đức nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ không tranh chấp, cùng học một thầy, như nước với sữa hòa nhau. Được thế thì trong pháp Phật, sự tăng ích và đời sống an vui sẽ hiện hữu". Các Tỳ-kheo bè cánh ấy khi được can gián như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ, thì các vị Tỳ-kheo khác nên can gián ba lần để cho bỏ sự cố chấp phá hoại đó đi. Can gián đến lần thứ ba, bỏ được thì tốt, không bỏ thì các Tỳ-kheo bè cánh phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

12. Nếu Tỳ-kheo sống nương nhờ xóm làng hay thành ấp mà làm hoen ố tín đồ, làm những việc xấu xa; làm những việc xấu xa, ai cũng thấy cũng nghe; việc làm hoen ố tín đồ, ai cũng thấy cũng nghe. Các Tỳ-kheo có bổn phận nói với Tỳ-kheo ấy: "Đại đức đã làm hoen ố tín đồ, làm những việc xấu xa. Việc làm hoen ố tín đồ của Đại đức, ai cũng thấy cũng nghe. Đại đức làm những việc làm

xấu xa, ai cũng thấy cũng nghe. Đại đức! Thầy làm hoen ố tín đồ, làm các việc xấu xa. Nay tốt hơn là đi xa khỏi xóm làng này, không cần thiết sống nơi đây nữa". Tỳ-kheo ấy nói với Tỳ-kheo của chúng kia như vầy: "Đại đức! Các vị Tỳ-kheo có thương, có ghét, có sợ, có si; Tỳ-kheo có tội đồng như thế, sao có người bị đuổi, có người không bị đuổi?". Các Tỳ-kheo trả lời: "Đại đức! Thầy đừng nói lời như vậy, có thương, có ghét, có sợ, có si. Tỳ-kheo có tội đồng như thế, sao có người bị đuổi, có người không bị đuổi? Nhưng không, các Tỳ-kheo không thương, không ghét, không sợ, không si. Đại đức làm hoen ố tín đồ, làm những việc xấu xa, ai cũng thấy cũng nghe; thầy làm hoen ố tín đồ, ai cũng thấy cũng nghe; thầy làm các việc làm xấu xa". Tỳ-kheo ấy khi can gián như vậy, vẫn kiên trì không bỏ thì các Tỳ-kheo nên can gián ba lần, cốt cho bỏ sự kiên trì ấy đi. Can gián đến lần thứ ba, bỏ thì tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo kia phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

13. Nếu Tỳ-kheo bản tánh xấu, không chấp nhận lời can của ai. Đối với trong giới pháp, các Tỳ-kheo khuyên can đúng pháp, song tự thân vị ấy không chấp nhận sự can gián, lại bảo: "Các Đại đức đừng đề cập chuyện xấu hay chuyện tốt của tôi. Tôi cũng không nói chuyện tốt hay chuyện xấu của các vị. Các Đại đức hãy thôi đi, đừng can khuyên tôi nữa".

Các Tỳ-kheo can gián Tỳ-kheo ấy: "Đại đức! Đừng phủ nhận lời can gián cho tự thân, mà tự thân Đại đức phải nhận lời can gián. Đại đức như pháp can gián các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo cũng như pháp can gián Đại đức. Có như vậy, chúng đệ tử của Phật mới được sự tăng ích, mở rộng hơn nữa điều can gián cho nhau, mở rộng chuyển trao cho nhau sự chỉ bảo, cùng nhau sám hối".

Tỳ-kheo ấy khi được can gián như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ, các Tỳ-kheo nên can gián ba lần nhằm loại bỏ sự kiên trì ấy đi. Can gián đến lần thứ ba, bỏ thì tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo bản tánh xấu phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa. Chín giới trước vừa vi phạm là phạm tội. Bốn giới sau cho đến ba lần can gián mới phạm tội. Nếu Tỳ-kheo phạm mỗi một pháp, biết phạm mà che giấu thì Tăng phải bắt buộc đương sự thi hành "phép cô lập sống riêng" (Ba-lợi-bà-sa). Thực hiện xong "phép sống riêng", phải thi hành thêm "phép hoan hỷ" (Ma-na-đỏa) trong sáu đêm. Thi hành "phép hoan hỷ" rồi còn phải được giải tội.

Việc giải tội cho Tỳ-kheo này phải giữa Tăng hai mươi vị, nếu thiếu một vị, chúng không hội đủ hai mươi vị mà giải tội cho Tỳ-kheo này thì tội của Tỳ-kheo này không giải trừ được, các Tỳ-kheo cũng bị khiển trách. Quy thức này luôn phải vậy.

Nay xin hỏi các Đại đức, trong mười ba giới này có thanh tịnh không? (Hỏi ba lần). Các Đại đức trong mười ba giới ấy đều thanh tịnh vì các vị im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là hai pháp Bất định, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo cùng với người nữ (chỉ hai người) ngồi nơi chỗ khuất, chỗ kín đáo, chỗ che chắn, chỗ có thể hành dâm… nói lời phi giới pháp. Có vị Ưu-bà-di lòng tin vững chắc nhận xét: "Với cảnh này thì Tỳ-kheo phạm một trong ba pháp: hoặc tội Ba-la-di, hoặc tội Tăng-già- bà-thi-sa, hoặc tội Ba-dật-đề". Tỳ-kheo ngồi với người nữ ấy tự nói: "Tôi phạm tội ấy". Như thế phải xử trị một trong ba pháp: hoặc Ba-la- di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề, đúng như lời nói phạm của người Ưu-bà-di có lòng tin vững chắc kia. Cần phải xử trị như pháp Tỳ-kheo ấy. Đây gọi là pháp Bất định.

2. Nếu Tỳ-kheo cùng với người nữ ngồi chỗ trống, chỗ không thể hành dâm, nói lời thô tục. Có vị Ưu-bà-di lòng tin vững chắc nhận xét: "Với cảnh này thì Tỳ-kheo phạm một trong hai pháp: hoặc Tăng- già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề". Tỳ-kheo ngồi với người nữ ấy cũng tự nói: "Tôi phạm tội ấy". Như thế phải xử trị một trong hai pháp: hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề đúng như lời nói phạm của người Ưu-bà-di có lòng tin vững

chắc kia. Cần phải xử trị như pháp Tỳ-kheo ấy. Đây gọi là pháp Bất định.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói hai pháp Bất định. Nay xin hỏi các Đại đức: trong hai pháp này thanh tịnh không? (Hỏi ba lần). Các Đại đức trong hai pháp này đều thanh tịnh vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo y đã đủ rồi, y công đức đã xả, chứa y dư, trong mười ngày, không tịnh thí thì được phép cất giữ. Nếu quá mười ngày, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

2. Nếu Tỳ-kheo y đã đủ rồi, y công đức đã xả, với ba y của mình rời khỏi một y ngủ chỗ khác, trừ yết-ma Tăng cho phép, thì phạm Ni- tát-kỳ Ba-dật-đề.

3. Nếu Tỳ-kheo y đã đủ rồi, y công đức đã xả, Tỳ-kheo lại được vải phi thời, liệu cần thì nhận, nhận rồi kịp may thành y ngay. Nếu vải đủ thì tốt, vải không đủ thì được phép cất lại một tháng để chờ đủ. Nếu quá hạn này thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

4. Nếu Tỳ-kheo đến Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến lấy y trừ việc đổi chác thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

5. Nếu Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc đập thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

6. Nếu Tỳ-kheo đến cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải bà con để xin y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, trừ gặp rủi ro đặc biệt. Rủi ro đặc biệt này là: Tỳ-kheo ấy y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn… như thế gọi là rủi ro đặc biệt.

7. Nếu Tỳ-kheo y bị mất, y bị cướp, y bị cháy, y bị nước cuốn; nếu cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải thân quyến đem cúng cho nhiều y với lời mời Tỳ-kheo nhận bao nhiêu cũng được. Tỳ-kheo ấy đương nhiên phải biết vừa đủ mà nhận y. Nếu nhận quá lượng ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật- đề.

8. Tỳ-kheo nào, cư sĩ, vợ cư sĩ vì Tỳ-kheo ấy dành dụm tiền y và mua được y với tiền như thế, sẽ cúng cho Tỳ-kheo tên như vậy. Tỳ- kheo ấy trước không mời nhận tùy ý, lại đến nhà cư sĩ dặn bảo như vầy: "Thật là tốt, cư sĩ! Xin hãy vì tôi mua sắm loại y đắt giá như vậy… như vậy… cúng cho tôi" vì muốn cho tốt. Nếu nhận được y như thế thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

9. Nếu Tỳ-kheo, có hai cư sĩ và vợ cư sĩ lo liệu sắm y giá trị để cúng cho Tỳ-kheo. Mỗi bên định đem trị giá tiền y như thế mua sắm được y như thế cũng cúng cho Tỳ-kheo tên như vậy. Tỳ-kheo ấy trước không được mời nhận tùy ý, lại đến nhà hai

cư sĩ dặn bảo như vầy: "Thật là tốt, cư sĩ! Trị giá tiền lo liệu sắm y cho Tỳ-kheo như vậy… như vậy… cùng gộp chung lại sắm may một y thôi để cúng cho tôi", vì muốn được tốt đẹp. Nếu nhận được y như thế thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

10. Nếu Tỳ-kheo, hoặc vua, hoặc đại thần, hoặc Bà-la-môn, hoặc cư sĩ, vợ cư sĩ sai người đưa tiền sắm y đến cho Tỳ-kheo, bảo: "Hãy mang số tiền sắm y như vậy đến cúng cho Tỳ-kheo tên như vậy". Đến chỗ Tỳ-kheo, người sứ ấy nói với Tỳ-kheo: "Thưa Đại đức, nay được lệnh đem số tiền sắm y đến cúng cho thầy. Xin thầy nhận cho". Tỳ-kheo ấy nên nói với người sứ kia như vầy: "Nếu cần y thì tôi cũng không thể nhận được tiền may y này. Nếu hợp cách thanh tịnh thì tôi sẽ nhận y". Người sứ nói với Tỳ-kheo: "Thưa Đại đức, thầy có người giúp việc không?". Tỳ-kheo cần y thì nên nói: "Có, chính người của Tăng- già-lam hoặc Ưu-bà-tắc, đó là người chấp sự của Tỳ-kheo, thường vì các Tỳ-kheo giúp đỡ công việc". Khi đó, người sứ kia đến chỗ người chấp sự trao số tiền sắm y xong rồi quay trở lại chỗ Tỳ-kheo, nói như vầy: "Thưa Đại đức, người chấp sự tên là… mà thầy đã chỉ, tôi đã giao số tiền sắm y cho họ rồi. Thưa Đại đức, khi nào nhận thấy hợp lúc, thầy đến người đó sẽ được y". Tỳ-kheo lúc cần y nên đến chỗ người chấp sự, hoặc lần thứ hai, hoặc lần thứ ba là nhằm làm cho họ nhớ lại, nên nói: "Tôi cần y". Nếu lần

thứ hai, lần thứ ba mà khiến họ nhớ lại, lấy được y thì tốt. Nếu không được y thì lần thứ tư, lần thứ năm, lần thứ sáu, đến trước họ đứng im lặng, khiến cho họ suy nghĩ nhớ ra. Nếu lần thứ tư, lần thứ năm, lần thứ sáu đến trước họ đứng im lặng mà được y thì tốt, bằng không được y mà đòi quá sáu lần để cầu được y thì phạm Ni-tát- kỳ Ba-dật-đề.

Trường hợp không được y thì phải đến chỗ người chủ tiền cúng sắm y, hoặc tự mình đến, hoặc dặn nhờ người đến nói với thí chủ ấy: "Trước đây, người của ông mang tiền sắm y đến cúng cho Tỳ-kheo tên như vậy. Tỳ-kheo ấy rốt cuộc không được y, vậy ông hãy đến lấy về, đừng để mất tiền ấy". Đây là hợp cách.

11. Nếu Tỳ-kheo làm ngọa cụ mới bằng đủ loại tơ tằm thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

12. Nếu Tỳ-kheo sử dụng lông dê mới, toàn màu đen nhánh làm ngọa cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

13. Nếu Tỳ-kheo làm ngọa cụ mới thì nên dùng lông dê gồm hai phần đen ròng, phần thứ ba màu trắng và phần thứ tư màu xám. Nếu Tỳ-kheo không dùng hai phần đen, phần thứ ba trắng, phần thứ tư xám mà làm ngọa cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

14. Nếu Tỳ-kheo làm ngọa cụ mới thì giữ dùng đến sáu năm. Nếu dưới sáu năm, không xả cái cũ,

lại làm cái mới, trừ Tăng yết-ma, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

15. Nếu Tỳ-kheo làm tọa cụ mới thì phải lấy một miếng tọa cụ cũ vuông vức một gang tay, may lên trên tọa cụ mới, dụng ý làm hoại sắc mới. Nếu làm tọa cụ mới, không lấy một miếng tọa cụ cũ vuông vức một gang tay may lên trên tọa cụ mới để làm hoại sắc mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

16. Nếu Tỳ-kheo trên đường đi, được lông dê; nếu không có ai xách mang hộ thì được phép tự mình xách mang đi, cùng lắm là ba do- tuần. Nếu không có ai xách mang giúp mà tự mình xách mang quá ba do-tuần thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo bảo Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, chải lông dê thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

18. Nếu Tỳ-kheo tự tay cầm lấy tiền hay vàng bạc, hoặc bảo người cầm lấy, hoặc bảo đặt xuống đất để nhận thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật- đề.

19. Nếu Tỳ-kheo mua bán bất cứ các đồ vật quý báu nào thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

20. Nếu Tỳ-kheo với mọi hình thức mua bán sinh lợi, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

21. Nếu Tỳ-kheo giữ cất bát dư, không tịnh thí thì được phép cất giữ trong vòng mười ngày. Nếu quá hạn ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

22. Nếu Tỳ-kheo cất giữ bát vá hàn dưới năm chỗ, không chảy rỉ, lại tìm bát mới vì muốn cho đẹp. Nếu được bát ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Tỳ-kheo ấy nên đến giữa Tăng xả bát mới. Tăng trao xả bát lần lượt theo thứ bậc rồi lấy bát bậc thấp nhất trao cho Tỳ-kheo ấy gìn giữ sử dụng cho đến bát bể. Đây là hợp thức.

23. Nếu Tỳ-kheo đích thân đi xin chỉ sợi, nhờ cậy, bảo thợ dệt không phải thân quyến dệt y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

24. Nếu Tỳ-kheo có cư sĩ, vợ cư sĩ nhờ cậy bảo thợ dệt, dệt y cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo ấy trước không nhận lời mời tùy ý, nhưng lại đến chỗ thợ dệt bảo: "Y này được dệt cho tôi. Hãy dệt cho tôi hết sức khéo, cho thật rộng khổ, chắc chắn, sắc sảo. Đương nhiên, ít nhiều tôi cũng trả công cho anh xứng đáng". Công xứng đáng được Tỳ-kheo ấy trao cho thợ dệt giá chỉ là một bữa ăn. Nếu được y ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

25. Nếu Tỳ-kheo trước đem y cho Tỳ-kheo khác, sau do tức giận nên tự đoạt lại, hay bảo người khác đoạt lấy: "Hãy trả y lại cho tôi. Tôi không cho ông nữa". Tỳ-kheo kia trả y, Tỳ-kheo này này lấy y, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

26. Nếu Tỳ-kheo có bệnh, các thứ tàn dược, tô, dầu, sinh tô, mật, đường phèn… được giữ uống

trong vòng bảy ngày. Nếu quá bảy ngày mà còn dùng thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

27. Nếu Tỳ-kheo, mùa Xuân còn một tháng là thời gian kiếm tìm y tắm mưa, còn lại nửa tháng có thể sử dụng để tắm. Nếu Tỳ-kheo quá trước một tháng hết Xuân mà kiếm y tắm mưa và quá trước nửa tháng đến Hạ mà sử dụng để tắm thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

28. Nếu Tỳ-kheo còn mười ngày nữa là hết ba tháng kiết hạ, có thí chủ việc gấp, vội cúng y cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo biết đó là y cúng vội thì phải nhận. Nhận rồi có thể giữ cất cho đến thời của y. Nết cất giữ quá hạn ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

29. Nếu Tỳ-kheo, ba tháng kiết hạ đã xong, sau đó một tháng Ca- đề cũng hết. Tại A-lan-nhã có sự nghi ngại, đe dọa sợ hãi, Tỳ-kheo ấy sống tại nơi như vậy, trong ba y, muốn gửi một y trong nhà thôn xóm. Các Tỳ-kheo có nhân duyên ấy thì được phép rời y để ngủ, nhiều lắm là sáu đêm. Nếu quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

30. Nếu Tỳ-kheo biết đó là vật của Tăng mà lại tìm cách đưa vật ấy về thuộc mình thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Thưa Đại đức! Tôi đã nói ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nay xin hỏi các Đại đức: trong ba mươi pháp này thanh tịnh cả không? (Hỏi ba lần).

Các Đại đức trong ba mươi pháp ấy đều thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin ghi nhận đúng như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là chín mươi pháp Ba-dật-đề, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh.

1. Nếu Tỳ-kheo biết mà nói dối thì phạm Ba-dật-đề.

2. Nếu Tỳ-kheo đem dòng dõi, sắc tộc, địa vị xã hội ra mắng nhiếc, làm nhục người khác, thì phạm Ba-dật-đề.

3. Nếu Tỳ-kheo nói lời ly gián thì phạm Ba-dật-đề.

4. Nếu Tỳ-kheo, cùng một nhà có người nữ mà ngủ lại thì phạm Ba-dật-đề.

5. Nếu Tỳ-kheo cùng người chưa thọ Đại giới ngủ chung phòng quá hai đêm, đến đêm thứ ba thì phạm Ba-dật-đề.

6. Nếu Tỳ-kheo với người chưa thọ Đại giới cùng chung đọc tụng thì phạm Ba-dật-đề.

7. Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác có tội thô ác, đem nói với người chưa thọ Đại giới, trừ Yết-ma, Tăng sai, thì phạm Ba-dật-đề.

8. Nếu Tỳ-kheo, đối tượng là người chưa thọ Đại giới mà nói với họ pháp hơn người: "Tôi thấy điều ấy, tôi biết điều ấy", dù sự thật là vậy, thì phạm Ba-dật-đề.

9. Nếu Tỳ-kheo thuyết pháp cho người nữ quá

năm, sáu lời, trừ có mặt người nam hiểu biết thì phạm Ba-dật-đề.

10. Nếu Tỳ-kheo tự tay đào đất hay bảo người đào đất thì phạm Ba-dật-đề.

11. Nếu Tỳ-kheo chặt phá cây cối, là chỗ trú ngụ của hàng quỷ thần… thì phạm Ba-dật-đề.

12. Nếu Tỳ-kheo bịa chuyện, nói khác sự thật, gây phiền bực cho người khác thì phạm Ba-dật-đề.

13. Nếu Tỳ-kheo bất mãn, mắng chửi thì phạm Ba-dật-đề.

14. Nếu Tỳ-kheo lấy giường dây, giường cây, ngọa cụ, đệm ngồi của Tăng đem đặt ra nơi đất trống, hoặc bảo người đặt, nằm ngồi xong bỏ đi, không tự thu cất, không bảo ai thu dọn thì phạm Ba-dật-đề.

15. Nếu Tỳ-kheo ở trong phòng của Tăng, trải ngọa cụ của Tăng, hoặc tự trải hay bảo người trải, để nằm hay ngồi, khi đi không tự mình thu cất, không bảo người thu cất thì phạm Ba-dật-đề.

16. Nếu Tỳ-kheo biết nơi nghỉ ấy là của Tỳ-kheo đối trước, mình đến sau vẫn cưỡng lấn vào giữa, trải tọa cụ để ngủ nghỉ, với ý nghĩ: "Tỳ-kheo kia hiềm chật chội thì tự tránh ta mà đi". Chẳng có lý do nào khác ngoài việc làm mất oai nghi như vậy thì phạm Ba-dật-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo tức giận, không bằng lòng

Tỳ-kheo khác, tự mình lôi vị ấy ra khỏi phòng Tăng, hoặc bảo người khác lôi ra, thì phạm Ba-dật-đề.

18. Nếu Tỳ-kheo hoặc nằm hay ngồi lên trên giường dây, giường cây, chân ráp dễ sút, đặt ở trong phòng hay trên gác thì phạm Ba-dật- đề.

19. Nếu Tỳ-kheo biết nước có trùng mà tự mình hoặc bảo người tưới lên bùn hoặc cỏ thì phạm Ba-dật-đề.

20. Nếu Tỳ-kheo làm phòng xá lớn có đầy đủ cửa cánh, cửa sổ và trang trí các thứ lợp mái phải hướng dẫn lợp tranh chừng hai ba lớp. Nếu quá thì phạm Ba-dật-đề.

21. Nếu Tỳ-kheo không được Tăng sai mà giáo giới Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề.

22. Nếu Tỳ-kheo dù được Tăng sai mà giáo giới cho Tỳ-kheo-ni mãi đến khi mặt trời lặn thì phạm Ba-dật-đề.

23. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác như vầy: "Các Tỳ-kheo chỉ vì ăn uống mà giáo giới cho Tỳ-kheo-ni" thì phạm Ba-dật-đề.

24. Nếu Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến, trừ sự trao đổi thì phạm Ba-dật-đề.

25. Nếu Tỳ-kheo may y cho Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến thì phạm Ba-dật-đề.

26. Nếu Tỳ-kheo cùng với Tỳ-kheo-ni ngồi ở

chỗ khuất kín thì phạm Ba-dật-đề.

27. Nếu Tỳ-kheo hẹn cùng Tỳ-kheo-ni đi chung một đường, với khoảng cách đi từ một thôn đến một thôn, trừ trường hợp khác, thì phạm Ba-dật-đề. Trường hợp khác là cùng đi với khách buôn, hoặc đi khi có sự nghi ngại, sợ hãi, đây gọi là trường hợp khác.

28. Nếu Tỳ-kheo hẹn cùng Tỳ-kheo-ni đi chung một thuyền, ngược dòng hay xuôi dòng, trừ thuyền qua ngang, thì phạm Ba-dật-đề.

29. Nếu Tỳ-kheo biết thức ăn có được là do Tỳ-kheo-ni ca ngợi, khuyến hóa mà ăn, trừ đàn-việt trước đó có ý mời, thì phạm Ba-dật- đề.

30. Nếu Tỳ-kheo cùng hẹn với người nữ đi chung một đường, dù chỉ đi trong khoảng cách một thôn, thì phạm Ba-dật-đề.

31. Nếu Tỳ-kheo nơi cúng một bữa ăn, Tỳ-kheo không bệnh chỉ nên ăn một bữa. Nếu nhận ăn quá thì phạm Ba-dật-đề.

32. Nếu Tỳ-kheo cứ lần lượt nhận thức ăn, trừ trường hợp khác thì phạm Ba-dật-đề. Trường hợp khác là: khi bệnh, khi thí y, đây gọi là trường hợp khác.

33. Nếu Tỳ-kheo ăn riêng chúng, trừ các trường hợp khác thì phạm Ba-dật-đề. Trường hợp khác là: khi bệnh, khi may y, khi cúng y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại chúng tập hợp, khi

Sa-môn khác mời cúng bữa ăn, đây là trường hợp khác.

34. Nếu Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ, Tỳ-kheo được mời cúng bánh, miến và cơm… Nếu Tỳ-kheo muốn cần dùng thứ nào thì xin nhận hai, ba bát rồi về lại trong Tăng-già-lam, nên san sẻ phần ăn cho các Tỳ-kheo khác ăn cùng. Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà nhận quá hai, ba bát về Tăng-già-lam, không san sẻ phần ăn cho các Tỳ-kheo khác, thì phạm Ba-dật-đề.

35. Nếu Tỳ-kheo ăn đã đủ no, hoặc được mời nhận ăn nữa, không làm pháp thức ăn dư mà ăn tiếp thì phạm Ba-dật-đề.

36. Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác đã ăn no, hoặc biết ăn đã xong, còn mời ăn nữa mà không làm pháp thức ăn dư, lại ân cần san sẻ mời ăn: "Xin trưởng lão hãy dùng thức ăn này". Sở dĩ như vậy là để cho Tỳ-kheo ấy phạm giới, ngoài ra không còn lý do nào khác nữa, thì phạm Ba-dật-đề.

37. Nếu phi thời, Tỳ-kheo nhận thức ăn để ăn thì phạm Ba-dật-đề.

38. Nếu Tỳ-kheo ăn thức ăn còn dư để cách đêm thì phạm Ba-dật-đề.

39. Nếu Tỳ-kheo, thức ăn hay thuốc không mời nhận mà để vào trong miệng, trừ nước và tăm, thì phạm Ba-dật-đề.

40. Nếu Tỳ-kheo dù được ăn uống các thực phẩm ngon: sữa, lạc, cá và thịt… nếu Tỳ-kheo không bệnh lại đích thân đòi xin cho mình thì phạm Ba-dật-đề.

41. Nếu là ngoại đạo nam hay nữ mà Tỳ-kheo tự tay đưa thức ăn cho họ thì phạm Ba-dật-đề.

42. Nếu Tỳ-kheo trước đã nhận lời mời nhưng không dặn lại Tỳ- kheo khác, đi đến thẳng nhà người khác trước bữa ăn, sau bữa ăn, thì trừ trường hợp khác, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp khác là: lúc bệnh, lúc may y, lúc dâng y… đây là các trường hợp khác.

43. Nếu Tỳ-kheo tại nhà ăn có vật báu mà cưỡng ngồi nơi chỗ khuất thì phạm Ba-dật-đề.

44. Nếu Tỳ-kheo trong nhà có vật báu mà ngồi nơi chỗ khuất thì phạm Ba-dật-đề.

45. Nếu Tỳ-kheo cùng ngồi với người nữ, chỉ hai người ngồi ở chỗ đất trống thì phạm Ba-dật-đề.

46. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: "Đại đức cùng đi với tôi đến xóm làng, Đại đức sẽ được cúng cho thức ăn".

Cuối cùng, Tỳ-kheo ấy không bảo ai cúng thức ăn cho vị kia mà còn bảo: "Đại đức đi đi. Tôi cùng Đại đức ở cùng một chỗ này, hoặc ngồi, hoặc nói chuyện không vui đâu. Tôi ngồi một mình độc thoại thích hơn".

Chỉ với chủ đích này thôi, không còn lý do nào khác, tìm cách xua đuổi đi, thì phạm Ba-dật-đề.

47. Nếu Tỳ-kheo được mời cúng thuốc cho bốn tháng, Tỳ-kheo không bệnh có thể nhận. Nếu nhận quá, trừ nguyện thường cúng thuốc, nguyện cúng tiếp tục, nguyện cúng Tăng phân chia, nguyện cúng suốt đời thì phạm Ba-dật-đề.

48. Nếu Tỳ-kheo đi xem quân trận, trừ trường hợp có lý do, thì phạm Ba-dật-đề.

49. Nếu Tỳ-kheo có lý do đến trong quân trận thì được ngủ lại hai hoặc ba đêm. Nếu quá thì phạm Ba-dật-đề.

50. Nếu Tỳ-kheo ở trong quân trận, hai đêm, ba đêm, khi thì xem dàn quân tập trận, hoặc khi thì theo xem thế trận quân voi, quân ngựa thì phạm Ba-dật-đề.

51. Nếu Tỳ-kheo uống rượu thì phạm Ba-dật-đề.

52. Nếu Tỳ-kheo đùa giỡn trong nước thì phạm Ba-dật-đề.

53. Nếu Tỳ-kheo lấy ngón tay chọc lét nhau thì phạm Ba-dật-đề.

54. Nếu Tỳ-kheo không nhận sự can gián thì phạm Ba-dật-đề.

55. Nếu Tỳ-kheo làm Tỳ-kheo khác sợ hãi thì phạm Ba-dật-đề.

56. Nếu Tỳ-kheo nửa tháng mới tắm rửa,

không bệnh Tỳ-kheo nên giữ như vậy, không được quá định ấy, trừ trường hợp khác thì phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp khác là: khi nóng bức, khi bệnh, khi làm việc, khi bị mưa gió, khi đi đường. Đó là các trường hợp khác.

57. Nếu Tỳ-kheo không bệnh, để tự sưởi thân, đốt lửa nơi đất trống, hoặc bảo người đốt, trừ trường hợp có lý do, thì phạm Ba-dật- đề.

58. Nếu Tỳ-kheo giấu cất y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của Tỳ- kheo khác, hoặc tự cất giấu hay bảo người cất giấu, cho đến để giỡn chơi thì phạm Ba-dật-đề.

59. Nếu Tỳ-kheo đã đem y cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa- ma-na, Sa-di, Sa-di-ni. Sau đó lại không nói với người sở hữu y cho, tự lấy lại dùng thì phạm Ba-dật-đề.

60. Nếu Tỳ-kheo có được y mới, thì nên làm hoại sắc mới bằng ba loại màu, trong ba màu tùy ý chọn một: hoặc màu xanh, hoặc màu đen, hoặc màu lam, mộc lan để phá màu y mới. Nếu Tỳ-kheo không lấy ba loại màu: hoặc xanh, hoặc đen, hoặc lam, mộc lan, phá sắc màu y mới, mà mặc nguyên y mới thì phạm Ba-dật-đề.

61. Nếu Tỳ-kheo cố giết chết mạng sống súc sinh thì phạm Ba- dật-đề.

62. Nếu Tỳ-kheo biết nước có trùng mà uống

hay dùng thì phạm Ba-dật-đề.

63. Nếu Tỳ-kheo cố ý gây phiền hà Tỳ-kheo khác, dù chỉ làm cho vị ấy không được vui trong chốc lát thôi, thì phạm Ba-dật-đề.

64. Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác phạm tội thô ác mà che giấu thì phạm Ba-dật-đề.

65. Người tuổi đủ hai mươi nên cho thọ Đại giới. Nếu Tỳ-kheo biết người chưa đủ tuổi hai mươi mà cho thọ Đại giới thì người này không đắc giới, còn Tỳ-kheo ấy đáng bị quở trách bởi ngu si, phạm Ba- dật-đề.

66. Nếu Tỳ-kheo biết sự tranh cãi đã sám hối như pháp rồi, sau đó lại khởi lên làm bộc phát lại thì phạm Ba-dật-đề.

67. Nếu Tỳ-kheo biết là giặc mà kết bạn, hẹn cùng đi chung với nhau một đường, dù cho đi một khoảng cách của thôn cũng phạm Ba- dật-đề.

68. Nếu Tỳ-kheo nói như vầy: "Dựa vào pháp Phật dạy, tôi biết hành dâm dục, không phải là vấn đề chướng đạo".

Tỳ-kheo kia can Tỳ-kheo ấy: "Đại đức đừng nói như vậy, đừng hủy báng Đức Thế Tôn, hủy báng Đức Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn không nói như vậy. Đức Thế Tôn vận dụng rất nhiều hình thức để nói rõ: hành dâm dục là điều chướng đạo".

Tỳ-kheo kia khi can Tỳ-kheo này mà Tỳ-kheo

này vẫn kiên trì không bỏ thì Tỳ-kheo kia nên can gián cho đến lần thứ ba để loại bỏ sự kiên trì ấy. Nến can gián đến lần thứ ba, bỏ thì tốt, không bỏ, thì Tỳ- kheo nói như trên phạm Ba-dật-đề.

69. Nếu Tỳ-kheo biết người nói lời tội lỗi phỉ báng như vậy mà Tăng chưa tác pháp mà nói: "Tôi không bỏ tà kiến độc ác như thế", mình lại cung cấp vật cần dùng cho họ, cùng chung yết-ma, cùng chung ngủ nghỉ, nói chuyện với họ thì phạm Ba-dật-đề.

70. Nếu Tỳ-kheo biết Sa-di nói lời như vầy: "Tôi nghe Đức Phật nói: hành dâm dục không phải là vấn đề chướng đạo".

Các Tỳ-kheo phải can Sa-di này như vầy: "Ông đừng phỉ báng Thế Tôn, phỉ báng Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không hề nói như thế. Này Sa-di! Đức Thế Tôn vận dụng rất nhiều hình thức nói rõ: dâm dục chính là điều chướng đạo".

Các Tỳ-kheo khi can Sa-di này mà Sa-di này kiên trì không bỏ thì các Tỳ-kheo ấy lại nghiêm khắc can gián đến lần thứ ba nhằm loại bỏ sự kiên trì. Can gián đến lần thứ ba, lần cuối bỏ thì tốt, không bỏ thì các Tỳ-kheo kia nên bảo Sa-di này: "Từ nay về sau ông không được gọi Đức Phật là Thế Tôn của con, không còn được đi theo các Tỳ-kheo. Các Sa-di được ngủ chung cùng phòng với thầy hai, ba đêm, còn ông nay không còn đặc ân

này nữa. Ông hãy ra khỏi đây đi cho khuất, không nên sống ở đây nữa".

Nếu Tỳ-kheo biết Sa-di ấy bị đuổi giữa chúng như vậy, mà dụ đem về nuôi dưỡng, ở chung ngủ gần thì phạm Ba-dật-đề.

71. Nếu Tỳ-kheo khi được các Tỳ-kheo khác can gián đúng pháp, lại nói như vầy: "Tôi nay không học giới này. Tôi sẽ vấn nạn Tỳ-kheo trì luật có trí tuệ", thì phạm Ba-dật-đề.

Nếu vì muốn biết, muốn học hỏi thì được pháp hỏi.

72. Nếu Tỳ-kheo khi nghe thuyết giới, lại nói như vầy: "Đại đức nói những giới lỉnh kỉnh ấy làm gì? Áp dụng vào đâu? Khi nói những giới này chỉ làm cho người ta buồn lòng, xấu hổ, hoài nghi".

Vì khinh chê giới nên phạm Ba-dật-đề.

73. Nếu Tỳ-kheo khi nghe thuyết giới, nói như vầy: "Nay tôi mới biết vấn đề này là giới kinh, mỗi nửa tháng đều tụng theo trong giới kinh".

Các Tỳ-kheo khác biết Tỳ-kheo này hai ba lần ngồi trong chỗ thuyết giới, huống nữa là nhiều lần. Tỳ-kheo ấy không biết không hiểu ư? Nếu phạm tội phải như pháp trị, lại trị thêm tội không hiểu biết và bảo: "Trưởng lão, không lợi gì cho thầy, thầy không được pháp thiện. Khi tụng giới thầy không dụng tâm ghi nhớ, thầy không một lòng cũng không lắng nghe giới".

Vị ấy do không hiểu biết nên phạm Ba-dật-đề.

74. Nếu Tỳ-kheo cùng yết-ma rồi sau đó lại nói: "Các Tỳ-kheo tùy chỗ thân thuộc mình, lấy vật của chúng Tăng cho họ" thì phạm Ba- dật-đề.

75. Nếu Tỳ-kheo chúng Tăng xét xử việc chưa xong, không dữ dục mà đứng dậy đi ra, thì phạm Ba-dật-đề.

76. Nếu Tỳ-kheo dữ dục rồi sau đó hối tiếc thì phạm Ba-dật-đề.

77. Nếu Tỳ-kheo tranh cãi với các Tỳ-kheo khác rồi, mình lại lắng nghe lời người này đem nói với người kia, thì phạm Ba-dật-đề.

78. Nếu Tỳ-kheo vì tức giận, không hỷ xả, đánh Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề.

79. Nếu Tỳ-kheo vì tức giận, không hỷ xả, dùng tay tát Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề.

80. Nếu Tỳ-kheo, vì tức giận, sử dụng pháp Tăng-già-bà-thi-sa không căn cứ, phỉ báng Tỳ-kheo thì phạm Ba-dật-đề.

81. Nếu Tỳ-kheo nào đối với chủng tộc của vua Sát-đế-lợi Thủy nghiêu đầu, vua chưa ra, chưa cất vật báu, mà bước vào quá ngưỡng cửa cung ấy thì phạm Ba-dật-đề.

82. Nếu Tỳ-kheo đối với báu vật và đồ trang sức, hoặc tự cầm lấy, hoặc bảo người cầm lấy, trừ trong Tăng già lam và chỗ ngủ nhờ, thì phạm Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ở trong Tăng già lam hay chỗ ngủ nhờ, cầm lấy vật báu hoặc đồ trang sức, tự cầm hay bảo người cầm, thì phải khởi lên ý nghĩ này: "Vật có chủ, ai nhớ biết sẽ nhận lại". Ngoài tâm ý như vậy, không còn lý do nào khác.

83. Nếu Tỳ-kheo phi thời vào xóm làng mà không báo cho Tỳ- kheo khác biết thì phạm Ba-dật-đề.

84. Nếu Tỳ-kheo làm giường dây, giường cây, chân giường nên làm cao bằng tám ngón tay của Phật, trừ chỗ vào mộng cắt bỏ. Nếu cao quá thì phạm Ba-dật-đề.

85. Nếu Tỳ-kheo lấy bông, tơ độn làm nệm lớn, nệm nhỏ, nệm giường dây, giường cây thì phạm Ba-dật-đề.

86. Nếu Tỳ-kheo dùng xương, răng, sừng khoét chạm làm thành ống đựng kim thì phạm Ba-dật-đề.

87. Nếu Tỳ-kheo làm Ni sư đàn thì phải làm đúng lượng, đúng mức. Lượng mức quy định ở đây là: dài hai gang tay của Phật và rộng một gang rưỡi tay của Ngài. Lại cần thêm thì mỗi bề dày rộng thêm nửa gang tay nữa. Nếu dài quá sau khi đã cắt bỏ thì phạm Ba-dật-đề.

88. Nếu Tỳ-kheo làm y che ghẻ thì phải làm đúng lượng mức. Lượng mức định ra ở đây là: dài sáu gang tay Phật, rộng hai gang rưỡi tay của Ngài.

Nếu quá sau khi đã cắt bỏ thì phạm Ba-dật-đề.

90. Nếu Tỳ-kheo may y thì lượng mức bằng lượng mức y của Phật. Nếu may quá lượng mức ấy thì phạm Ba-dật-đề. Ở đây lượng mức y của Phật là: dài chín gang tay của Ngài, rộng sáu gang tay. Đó gọi là lượng mức y của Như Lai.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói chín mươi pháp Ba-dật-đề. Nay xin hỏi các Đại đức: Trong chín mươi pháp này thanh tịnh cả không? (Hỏi ba lần). Các Đại đức trong chín mươi pháp ấy đều thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh.

1. Nếu Tỳ-kheo vào trong xóm làng, không bệnh mà tự tay nhận lấy thức ăn từ Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến và ăn, thì Tỳ-kheo ấy phải đến Tỳ-kheo khác nói lời sám hối như sau: "Thưa Đại đức, tôi phạm phải pháp đáng trách, làm điều không đáng làm. Nay tôi hướng về Đại đức xin sám hối". Đó gọi là pháp hối tội.

2. Nếu Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ, được mời vào ăn. Tại bữa ăn này có Tỳ-kheo-ni chỉ bày, bảo đưa canh cho vị này, trao cơm cho vị kia. Tỳ-kheo ấy nên nói với Tỳ-kheo-ni kia: "Này cô, thôi đi! Để các Tỳ- kheo ăn xong đã". Nếu không có một Tỳ-kheo nào nói với Tỳ-kheo-ni ấy như vậy: "Này cô,

thôi đi! Để các Tỳ-kheo ăn xong đã", thì Tỳ-kheo ấy phải đến Tỳ-kheo khác nói lời sám hối như sau: "Thưa Đại đức! Tôi phạm phải pháp đáng trách, làm điều không đáng làm. Nay tôi hướng về Đại đức xin sám hối". Đó gọi là pháp hối tội.

3. Nếu trước đã tác pháp yết-ma "Học gia", đối với học gia như thế mà Tỳ-kheo không được mời trước, không bệnh, tự tay nhận lấy thức ăn nơi họ và ăn, thì Tỳ-kheo ấy phải đến Tỳ-kheo khác nói lời hối lỗi như sau: "Thưa Đại đức! Tôi phạm phải pháp đáng trách, làm điều không đáng làm. Nay tôi hướng về Đại đức xin sám hối". Đó gọi là pháp hối tội.

4. Nếu trú xứ của Tỳ-kheo là A-lan-nhã xa xôi hẻo lánh, có sự nghi ngờ, sợ hãi và có Tỳ-kheo nào sống tại A-lan-nhã như thế mà không báo trước cho đàn-việt biết có khủng bố. Nếu ngoài Tăng già lam thì không nhận đồ ăn của đàn-việt cúng, trong Tăng già lam không bệnh mà Tỳ-kheo ấy tự tay nhận thức ăn và ăn thì Tỳ-kheo này phải hướng đến Tỳ-kheo khác nói lời sám hối như sau: "Thưa Đại đức! Tôi phạm phải pháp đáng trách, làm điều không đáng làm. Nay tôi hướng về Đại đức xin sám hối". Đó gọi là pháp hối quá.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni. Nay xin hỏi các Đại đức đối với bốn pháp này thanh tịnh không? (Hỏi ba lần). Các Đại đức đối với các pháp ấy đều thanh tịnh vì im lặng.

Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là phép tắc chúng phải học. Cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Phải mặc "Hạ y" cho tề chỉnh, nên phải học.

2. Phải mặc ba y cho tề chỉnh, nên phải học.

3. Không được vắt ngược y đi vào nhà cư sĩ, nên phải học.

4. Không được vắt ngược y vào nhà cư sĩ ngồi, nên phải học.

5. Không được quấn y nơi cổ vào nhà cư sĩ, nên phải học.

6. Không được quấn y nơi cổ vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

7. Không được trùm đầu vào nhà cư sĩ, nên phải học.

8. Không được trùm đầu vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

9. Không được vừa đi vừa nhảy vào nhà cư sĩ, nên phải học.

10. Không được vừa đi vừa nhảy vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

11. Không được ngồi chòm hỏm trong nhà cư sĩ, nên phải học.

12. Không được chống nạnh đi vào nhà cư sĩ, nên phải học.

13. Không được chống nạnh đi vào ngồi nhà

cư sĩ, nên phải học.

14. Không được lắc mình vào nhà cư sĩ, nên phải học.

15. Không được lắc mình vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

16. Không được đánh cánh tay vào nhà cư sĩ, nên phải học.

17. Không được đánh cánh tay vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

18. Khéo che thân vào nhà cư sĩ, nên phải học.

19. Khéo che thân vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

20. Không được xoay nhìn bên trái, bên phải mà vào nhà cư sĩ, nên phải học.

21. Không được nhìn sang bên này bên kia vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

22. Yên lặng đi vào nhà cư sĩ, nên phải học.
23. Yên lặng vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

24. Không được giỡn cười đi vào nhà cư sĩ, nên phải học.

25. Không được giỡn cười đi vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

26. Chú tâm nhận thức ăn, nên phải học.

27. Nhận thức ăn ngang miệng bát, nên phải học.

28. Lấy canh vừa ngang miệng bát, nên phải học.

29. Ăn cơm và canh đồng đều, nên phải học.

30. Tuần tự ăn, nên phải học.

31. Không được moi giữa bát mà ăn, nên phải học.

32. Tỳ-kheo không bệnh, không được tự đòi cơm canh cho mình, nên phải học.

33. Không được dùng cơm che khuất canh, lại mong được thêm, nên phải học.

34. Không được liếc nhìn trong bát người ngồi bên cạnh đang ăn, nên phải học.

35. Phải chú ý vào bát mà ăn, nên phải học.

36. Không được vốc miếng cho lớn để ăn, nên phải học.

37. Không được há lớn miệng đợi thức ăn, nên phải học.

38. Không được ngậm cơm mà nói, nên phải học.

39. Không được vốc cơm ngoài xa ném vào miệng ăn, nên phải học.

40. Không được ăn rơi rớt để sót, nên phải học.

41. Không được ăn để thức ăn búng má, nên phải học.

42. Không được nhai cơm ra tiếng, nên phải học. 43. Không được hớp cơm mà ăn, nên phải học.

44. Không được le lưỡi liếm ăn, nên phải học.

45. Không được rảy tay mà ăn, nên phải học.

46. Không được lượm cơm rơi vãi mà ăn, nên phải học.

47. Không được tay bẩn cầm đồ đựng nước uống, nên phải học.

48. Không được đổ nước rửa bát trong nhà cư sĩ, nên phải học.

49. Không được đại tiểu tiện, hỉ, nhổ trên cỏ tươi, trừ bệnh, nên phải học.

50. Không được đại tiểu tiện, hỉ, nhổ vào nước sạch, trừ bệnh, nên phải học.

51. Không được đứng mà đại tiểu tiện, trừ bệnh, nên phải học.

52. Không được thuyết pháp cho người vắt ngược y, không cung kính, trừ bệnh, nên phải học.

53. Không được thuyết pháp cho người quấn y nơi cổ, trừ bệnh, nên phải học.

54. Không được thuyết pháp cho người che đầu, trừ bệnh, nên phải học.

55. Không được thuyết pháp cho người trùm đầu, trừ bệnh, nên phải học.

56. Không được thuyết pháp cho người chống nạnh, trừ bệnh, nên phải học.

57. Không được thuyết pháp cho người mang dép da trừ bệnh, nên phải học.

58. Không được thuyết pháp cho người mang guốc gỗ, trừ bệnh, nên phải học.

59. Không được thuyết pháp cho người cưỡi ngựa, trừ bệnh, nên phải học.

60. Không được ngủ nghỉ trong tháp Phật, trừ khi trông coi, nên phải học.

61. Không được cất giấu của cải trong tháp Phật, trừ nhằm cất được chắc chắn, nên phải học.

62. Không được mang dép da vào trong tháp Phật, nên phải học.

63. Không được tay cầm dép da vào trong tháp Phật, nên phải học.

64. Không được mang dép da nhiễu quanh tháp Phật, nên phải học.

65. Không được mang giày phú la vào trong tháp Phật, nên phải học.

66. Không được tay cầm giày phú la vào trong tháp Phật, nên phải học.

67. Không được ngồi dưới tháp Phật mà ăn, nên phải học.

68. Không được khiêng thây chết đi qua dưới tháp Phật, nên phải học.

69. Không được chôn thây chết dưới tháp Phật, nên phải học.

70. Không được dưới tháp đốt xác chết, nên phải học.

71. Không được hướng về tháp Phật mà đốt thây chết, nên phải học.

72. Không được đốt thây chết quanh bốn phía

tháp Phật, để mùi hôi thối bay vào, nên phải học.

73. Không được mang y và giường người chết đi qua nơi tháp Phật, trừ đã giặt nhuộm và xông hương, nên phải học.

74. Không được đại tiểu tiện dưới tháp Phật, nên phải học.

75. Không được hướng về tháp Phật mà đại tiểu tiện, nên phải học.

76. Không được đại tiểu tiện quanh bốn phía tháp Phật, để mùi hôi thối bay vào, nên phải học.

77. Không được mang ảnh tượng Phật đến chỗ đại tiểu tiện, nên phải học.

78. Không được ở dưới tháp Phật mà xỉa răng, nên phải học.

79. Không được hướng về tháp Phật mà xỉa răng, nên phải học.

80. Không được đi quanh bốn phía tháp Phật mà xỉa răng, nên phải học.

81. Không được ở bên tháp Phật hỉ mũi, khạc nhổ, nên phải học.

82. Không được hướng về tháp Phật mà hỉ mũi, khạc nhổ, nên phải học.

83. Không được bốn phía tháp Phật hỉ mũi, khạc nhổ, nên phải học.

84. Không được ngồi duỗi chân trước tháp Phật, nên phải học.

85. Không được để tượng Phật ở phòng dưới

còn mình ở phòng trên, nên phải học.

86. Người ngồi mà mình đứng, không được thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, nên phải học.

87. Người nằm mà mình ngồi, không được thuyết pháp cho họ, trừ bệnh nên phải học.

88. Người ngồi ghế mà mình ngồi chỗ chẳng phải ghế, không được thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, nên phải học.

89. Người ngồi chỗ cao mà mình ngồi chỗ thấp, không được thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, nên phải học.

90. Người đi trước mà mình đi sau, không được thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, nên phải học.

91. Người ở chỗ kinh hành cao mà mình ở chỗ kinh hành thấp, không được thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, nên phải học.

92. Người đi giữa đường mà mình đi bên lề đường, không được thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, nên phải học.

93. Không được dắt tay nhau mà đi đường, nên phải học.

94. Không được trèo cây cao quá đầu người, trừ trường hợp có lý do, nên phải học.

95. Không được xâu đãy vào đầu gậy rồi vác lên vai mà đi, nên phải học.

96. Người cầm gậy không cung kính, không nên thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, nên phải học.

97. Người cầm kiếm, không nên thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, nên phải học.

98. Người cầm mâu, không nên thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, nên phải học.

99. Người cầm dao, không nên thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, nên phải học.

100. Người cầm dù, không nên thuyết pháp cho họ, trừ bệnh, nên phải học.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói các giới phép tắc Chúng học. Nay xin hỏi các Đại đức: Đối với các giới này thanh tịnh không? (Hỏi ba lần). Các Đại đức trong các giới này đều thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là bảy pháp Diệt tránh, cứ mỗi nữa tháng đều tụng theo trong Giới kinh. Nếu có sự việc tranh cãi khởi lên trong các Tỳ-kheo, liền phải dập tắt ngay:

1. Nên áp dụng Tỳ ni Hiện tiền, thì phải áp dụng Tỳ ni Hiện tiền.

2. Nên áp dụng Tỳ ni Ức niệm, thì phải áp dụng Tỳ ni Ức niệm.

3. Nên áp dụng Tỳ ni Bất si, thì phải áp dụng Tỳ ni Bất si.

4. Nên áp dụng Tự ngôn trị thì phải áp dụng Tự ngôn tri.

5. Nên áp dụng xét tìm tội tướng thì phải áp dụng xét tìm tội tướng.

6. Nên áp dụng nhiều người xét tìm tội thì phải áp dụng nhiều người xét tìm tội.

7. Nên áp dụng như cỏ che phủ đất thì phải áp dụng như cỏ che phủ đất.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói bảy pháp Diệt tránh. Nay xin hỏi các Đại đức: Đối với bảy pháp Diệt tránh này thanh tịnh không? (Hỏi ba lần). Các Đại đức trong bảy pháp này đều thanh tịnh, vì im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói bài tựa Giới kinh, đã nói bốn pháp Ba-la-di, đã nói mười ba pháp Tăng tàn, đã nói hai pháp Bất định, đã nói ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, đã nói chín mươi pháp Ba-dật- đề, đã nói bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, đã nói các pháp Chúng học, đã nói bảy pháp Diệt tránh.

Giới kinh là bao gồm các giới điều này, do chính Đức Phật đã chế ra, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh. Còn những pháp Phật khác nữa thì trong đó hãy cùng chung hòa hợp để học.

Nhẫn nhục hạnh bậc nhất
Vô vi Phật nói hơn
Xuất gia làm người buồn
Không gọi là Sa-môn.

Đây là bài tụng Giới kinh được thuyết dạy do Đức Như Lai Tỳ Bà Thi, bậc Vô Sở Trước Đẳng

Chánh Giác.

Ví như người mắt sáng
Đường hiểm nghèo tránh được
Đời có kẻ thông minh
Thường xa rời các ác.

Đây là bài tụng Giới kinh được thuyết dạy do Đức Như Lai Thi Khí, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Không chê cũng không ghét
Với giới phải phụng trì
Ăn uống vừa biết đủ
Thường ưa chỗ thanh vắng
Tâm định vui tinh tấn
Là lời chư Phật dạy.

Đây là bài tụng Giới kinh được thuyết dạy do Đức Như Lai Tỳ Diếp La, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Như ong hút mật hoa
Không hoại sắc và hương
Chỉ lấy mật rồi đi
Tỳ-kheo vào xóm làng
Không chống trái việc người
Không nghĩ làm, không làm
Chỉ xem chính mình làm
Được chính hay không chính.

Đây là bài tụng Giới kinh được thuyết dạy do Đức Như Lai Câu Lưu Tôn, bậc Vô Sở Trước

Đẳng Chánh Giác.

Chớ khởi tâm buông lung
Thánh pháp phải cần học
Như vậy không ưu sầu
Định tâm vào Niết-bàn.

Đây là bài tụng Giới kinh được thuyết dạy do Đức Như Lai Câu Na Hàm Mâu Ni, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Tất cả ác chớ làm Phải giữ làm các thiện Tự lắng ý chí mình

Là lời chư Phật dạy.

Đây là bài tụng Giới kinh được thuyết dạy do Đức Như Lai Ca Diếp, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Với miệng khéo giữ lời
Tự lắng ý chí mình
Thân không làm các ác
Là thanh tịnh ba nghiệp
Thường làm được như thế
Chính đạo bậc Đại Tiên.

Đây là bài tụng Giới kinh được thuyết dạy do Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đã thuyết dạy cho chúng Tăng không hề có tội gì xảy ra trong suốt mười hai năm đầu. Từ đó về sau, Đức Phật thuyết dạy phân biệt, mở rộng Giới kinh. Các Tỳ- kheo nào tự thân ưa thích pháp, ưa thích Sa-môn, tự thân có biết xấu

hổ, có biết thẹn lòng, hâm mộ học giới thì phải học các Giới kinh này.

Người trí khéo giữ giới
Thường được ba điều vui
Danh tiếng và lợi dưỡng
Sinh thiên lúc qua đời.
Phải thấy rõ điều này
Có trí siêng giữ giới
Giới tịnh, trí tuệ sinh
Đạo bậc nhất liền thành.
Như chư Phật quá khứ
Cả về Phật vị lại
Các Thế Tôn hiện tại
Thắng vượt mọi ưu buồn.
Đều cũng tôn kính giới
Pháp chư Phật là đây
Nếu có thân vì thân
Muốn cầu vào Phật đạo.
Phải tôn trọng chánh pháp
Là lời chư Phật dạy
Bảy Phật là Thế Tôn
Diệt trừ mọi kiết sử.
Thuyết bảy giới kinh này
Giải thoát được buộc ràng
Đã chứng nhập Niết-bàn
Còn đâu các hý luận.
Tôn kính lời Đại Tiên
Thánh Hiền khen ngợi giới

Pháp tu của đệ tử
Nhập Niết-bàn tịch diệt.
Thế Tôn khi Niết-bàn
Với đại bi bừng dậy
Họp các chúng Tỳ-kheo
Ngài giáo giới như vầy:
Đừng tưởng Ta Niết-bàn
Không hộ trì tịnh hạnh?
Hiện giới kinh Ta nói
Cũng nói thiện Tỳ ni.
Ta tuy nhập Niết-bàn
Phải thấy giới như Phật
Đời còn mãi giới kinh
Pháp Phật được hưng thịnh.
Vì sự hưng thịnh ấy
Mà được vào Niết-bàn
Nếu không trì giới này
Không Bồ-tát như pháp.
Ví như hoàng hôn tắt
Thế giới tối mịt mù
Phải hộ trì giới ấy
Như trâu mao mến đuôi.
Hòa hợp ngồi một chỗ
Nói giới như Phật dạy
Tôi đã thuyết giới kinh
Chúng Tăng Bồ-tát rồi.
Tôi nay thuyết giới kinh
Các công đức nói giới

Giúp tất cả chúng sinh
Đều trọn thành Phật đạo.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 74

TỨ PHẦN TĂNG GIỚI BỔN

SỐ 1430

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1430

TỨ PHẦN TĂNG GIỚI BỔN
(TRÍCH TỪ BỘ ĐÀM VÔ ĐỨC)

Hán dịch: Đời Hậu Tần, Tam tạng
Phật Đà Da Xá, người nước Kế Tân.

Cúi đầu lễ chư Phật
Lễ Pháp và lễ Tăng
Nay diễn pháp Tỳ-ni
Để chánh pháp còn mãi.
Giới như biển không bờ
Như báu miệt mài tìm
Muốn giữ pháp tài Thánh
Chúng nhóm nghe tôi nói.
Muốn trừ bốn tội Khí
Muốn diệt tội Tăng-tàn
Ngăn ba mươi Xả-đọa
Chúng họp nghe tôi nói.
Tỳ Bà Thi, Thi Khí
Tỳ Xá, Câu Lưu Tôn
Câu Na Hàm Mâu Ni
Ca Diếp, Thích Ca Văn.
Các Đại đức Thế Tôn
Vì chúng ta thuyết giới
Nay giới kinh, tôi tụng

Các Hiền giả cùng nghe.
Ví người chân thương tật
Không kham chuyện đi lại
Người phá giới cũng vậy
Không sinh vào trời, người.
Muốn sinh lên chư Thiên
Hoặc sinh cõi người này
Chân giới thường bảo hộ
Đừng để cho tổn hoại.
Như đường hiểm, xe qua
Lo chốt rơi, trục gãy
Phá giới cũng như vậy
Khi chết canh cánh lo.
Như người tự soi gương
Vui, lo theo đẹp - xấu
Nói giới là soi gương
Vui, buồn theo vẹn - hỏng.
Như hai bên chiến đấu
Dũng: thắng, khiếp nhược: thua
Nói giới giống như vậy
Vui, sợ theo tịnh-nhơ.
Thế gian, vua trên hết
Mọi dòng chảy, biển hơn
Các sao, trăng sáng nhất
Các Thánh, Phật là trên.
Trong tất cả các Luật
Giới kinh là tối thượng
Như Lai lập giới cấm

Nửa tháng tụng một lần.

- Tăng hòa hợp, tập hợp đông đủ.

- Người chưa thọ Đại giới đã ra.

- Tỳ-kheo không đến Bố-tát có thuyết dục và thanh tịnh.

- Ni chúng có sai Tỳ-kheo-ni đến nhận giáo giới.

- Tăng nay hòa hợp? Làm việc gì? (Đáp lời để yết-ma nói giới)

- Đại đức Tăng hãy lắng nghe!

Hôm nay ngày mười lăm, ngày chúng Tăng thuyết giới Bố-tát, là thời gian thích hợp của Tăng. Nếu chư Tăng chấp thuận nghe giới thì hòa hợp Bố-tát tụng giới. Xin thưa rõ vấn đề như thế.

- Thưa các Đại đức! Ngay sau đây tôi sẽ thuyết giới. Chư vị hiện tập hợp trước đây hãy im lặng lắng nghe và khéo tâm niệm, suy nghĩ kỹ. Nếu xét mình có phạm thì phải phát-lồ, nếu không phạm thì im lặng, vì sự im lặng này sẽ cho biết chư Tăng thanh tịnh. Nếu có vị nào khác nêu ra điều gì thì phải đúng như sự thật mà trả lời. Như vậy, chư vị Tỳ-kheo ở trong đại chúng này có đến ba lần được xướng hỏi mà nhớ nghĩ có tội phải phát-lồ. Ai không phát lồ thì phạm tội cố ý nói dối. Đức Phật dạy: Tội cố ý nói dối là điều ngăn trở đạo nghiệp. Vị Tỳ-kheo nào đó tự thân nhớ nghĩ mình có tội, muốn cầu được thanh tịnh thì phải sám hối, sám

hối thì được an ổn, không sám hối tội càng sâu nặng thêm.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói tựa của Giới kinh. Bây giờ xin hỏi các Đại đức, đối với lời dạy mở đầu này thanh tịnh không? (Hỏi ba lần).

Các Đại đức trong vấn đề này đều thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Tiếp đây là bốn pháp Khí, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo chung một giới, cùng chung sự răn cấm, không xả giới, giới suy yếu, không tự sám hối, phạm việc bất tịnh, làm việc dâm dục, đến cả hành dâm cùng với loài súc sinh, thì Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di, không được cùng Tăng sống chung.

2. Nếu Tỳ-kheo ở trong xóm làng hoặc chỗ vắng vẻ, vật không cho, với tâm tham trộm lấy, tùy theo pháp luật lấy vật không cho, nên bị vua hay đại thần của vua xử: hoặc giết, hoặc trói, hoặc đuổi ra khỏi xứ, mắng ngươi là giặc, ngươi là kẻ ngu si, ngươi là kẻ chẳng biết gì, Tỳ-kheo trộm cắp như vậy phạm Ba-la-di, không được cùng Tăng sống chung.

3. Nếu Tỳ-kheo cố ý tự tay giết chết mạng người, hoặc cầm dao đưa cho người và khen ngợi đề cao sự chết, khuyến khích sự chết: "Ôi! Người kia! Vận dụng cái xấu xa thế này mà sống làm gì!

Thà chết đi còn hơn sống". Với tâm tạo tác như vậy, suy nghĩ tìm ra mọi phương cách, cổ vũ, đề cao sự chết, khuyến khích sự chết, thì Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di, không được cùng Tăng chung sống.

4. Nếu Tỳ-kheo thật sự không biết, lại tự xưng: "Tôi đắc pháp của bậc thượng nhân, tôi đã đạt được pháp thù thắng của Thánh trí. Tôi biết điều ấy, tôi thấy điều ấy". Tỳ-kheo ấy vào một thời điểm khác, hoặc được hỏi, hoặc không được hỏi, vì muốn sự thanh tịnh, nói thế này: "Tôi thật không thấy, không biết, tôi nói dối, lừa gạt, hư cấu, nói thấy, nói biết", ngoại trừ tăng thượng mạn, Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di, không được cùng với Tăng sống chung.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói bốn pháp Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo phạm mỗi một pháp Ba-la-di thì không được sống chung với các Tỳ- kheo khác. Như trước khi chưa thọ giới, sau khi thọ giới mà phạm giới thì cũng như vậy. Tỳ-kheo này phạm tội Ba-la-di, không được cùng với Tăng sống chung.

Nay hỏi các Đại đức, trong bốn giới Ba-la-di có thanh tịnh không? (Hỏi ba lần)

Các Đại đức trong bốn giới ấy đều thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin giữ gìn đúng như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là mười ba pháp Tăng-

già-bà-thi-sa, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo cố ý làm xuất tinh, trừ chiêm bao, thì phạm Tăng- già-bà-thi-sa.

2. Nếu Tỳ-kheo với ý dâm dục, tiếp cận thân người nữ, rờ chạm họ, hoặc nắm tay, hoặc nắm tóc, hoặc chạm rờ vào bất cứ phần thân nào của họ, thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

3. Nếu Tỳ-kheo với ý dâm dục, đem lời thô tục dâm ô nói với người nữ, tùy theo lời nói thô tục dâm dục, thì phạm Tăng-già-bà-thi- sa.

4. Nếu Tỳ-kheo với ý dâm dục, trước người nữ tự ca ngợi mình: "Này quý cô, tôi tu phạm hạnh, giữ giới, tinh tấn tu các pháp thiện, có thể đem việc dâm dục cung phụng cho tôi, sự cung phụng như vậy là tột đỉnh", thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

5. Nếu Tỳ-kheo qua lại làm mai mối cho người này người kia, đem ý người nam nói với người nữ, đem ý người nữ nói với người nam, hoặc tác hợp nên vợ chồng, hoặc làm chuyện tư thông với nhau, dù chỉ trong chốc lát, thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

6. Nếu Tỳ-kheo đích thân tìm xin phương tiện làm nhà không có thí chủ, tự làm cho mình, thì việc cất phải đúng lượng mức. Lượng mức ở đây là dài mười hai gang tay Phật, bên trong rộng bằng bảy gang tay Phật. Địa điểm cất phải mời các Tỳ-kheo khác đến chỉ định. Các Tỳ- kheo ấy nên chỉ

cụ thể nơi chỗ, nơi đó không có nạn, không có trở ngại. Nếu Tỳ-kheo cất tư thất ở chỗ có nạn, chỗ có trở ngại, không có thí chủ, tự làm cho mình, không mời các Tỳ-kheo đến chỉ định nơi chỗ, hoặc làm quá định mức thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

7. Nếu Tỳ-kheo muốn làm nhà lớn, có thí chủ làm cho mình, địa điểm cất phải mời các Tỳ-kheo khác đến chỉ định. Các Tỳ-kheo ấy nên chỉ định chỗ, nơi ấy không có các nạn, không có trở ngại. Nếu Tỳ-kheo nơi xảy ra nạn, nơi có trở ngại mà làm nhà lớn, có thí chủ làm cho mình, không mời các Tỳ-kheo khác đến chỉ định nơi chốn thì phạm Tăng-già- bà-thi-sa.

8. Nếu Tỳ-kheo vì ấm ức, tức giận, sử dụng pháp Ba-la-di không căn cứ phỉ báng Tỳ-kheo chẳng phải phạm Ba-la-di nhằm phá hoại đức hạnh thanh tịnh của vị ấy. Vào thời gian sau, Tỳ-kheo ấy - được hỏi hay không được hỏi - biết việc phỉ báng này là không cơ sở, bảo: "Vì tôi tức giận mà nói lời như vậy". Tỳ-kheo phỉ báng như thế thì phạm Tăng- già-bà-thi-sa.

9. Nếu Tỳ-kheo vì ấm ức, tức giận, nên từ trong phần việc khác nhau rút ra một khía cạnh, sử dụng làm pháp Ba-la-di không căn cứ để phỉ báng Tỳ-kheo chẳng phải phạm Ba-la-di, nhằm phá hoại đức hạnh thanh tịnh của vị ấy. Vào thời gian sau, Tỳ-kheo kia - được hỏi hay không được hỏi - biết đó là một khía cạnh lấy từ trong phần việc

khác, vị này tự nói lên: "Vì tôi tức giận nên khinh miệt như vậy", thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

10. Nếu Tỳ-kheo muốn phá hoại Tăng hòa hợp nên chấp nhận mọi phương tiện để phá hoại việc hòa hợp của Tăng, kiên trì không bỏ. Các Tỳ-kheo nên can gián Tỳ-kheo ấy: "Đại đức, đừng phá hoại Tăng hòa hợp, đừng tìm các phương tiện phá hoại sự hòa hợp của Tăng, đừng cố chấp giữ sự ngoan cố mà không xả bỏ việc phá hoại hòa hợp của Tăng. Đại đức nên cùng Tăng hòa hợp, nên hoan hỷ không tranh cãi, cùng học một thầy, như nước với sữa hòa nhau, được như thế, trong pháp Phật mới có đời sống tăng ích, an vui". Tỳ-kheo này khi được can gián như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ, thì các Tỳ-kheo nên căn gián đến lần thứ ba để cho bỏ sự cố chấp phá hoại ấy đi. Can gián đến lần thứ ba mà bỏ thì tốt, không bỏ thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

11. Nếu Tỳ-kheo có bè cánh, hoặc với một, hoặc với hai, ba, cho đến vô số Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bè cánh ấy nói với các Tỳ-kheo này: "Các Đại đức, chớ nên can gián Tỳ-kheo kia. Tỳ-kheo kia là Tỳ-kheo nói đúng pháp, là Tỳ-kheo nói đúng luật Tỳ-kheo. Những vấn đề Tỳ- kheo ấy nói, tâm chúng tôi ưa thích, lòng chúng tôi cũng chấp nhận những điều Tỳ-kheo ấy nói ra".

Các Tỳ-kheo của chúng kia nên can gián Tỳ-kheo ấy: "Đại đức, đừng nói như vậy, đừng bảo

Tỳ-kheo ấy nói đúng giáo pháp, đừng bảo Tỳ-kheo ấy nói đúng luật Tỳ-kheo, đừng bảo: Những vấn đề Tỳ-kheo ấy nói lòng chúng tôi ưa thích. Những điều Tỳ-kheo ấy nói, tâm chúng tôi chấp nhận được. Tại sao vậy? Vì Tỳ-kheo ấy nói lời chẳng đúng pháp, Tỳ-kheo ấy nói lời chẳng đúng luật Tỳ-kheo. Đại đức muốn phá hoại Tăng hòa hợp, các vị phải vui, phải sẵn lòng làm cho Tăng hòa hợp. Đại đức nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ không tranh cãi, cùng học hỏi một thầy, như nước với sữa hòa nhau. Được thế thì trong pháp Phật, đời sống an vui tăng ích mới hiện hữu".

Các Tỳ-kheo ấy khi được can gián như vậy mà kiên trì không bỏ, thì các vị Tỳ-kheo khác nên can gián ba lần để bỏ sự cố chấp phá hoại đó đi. Can gián đến lần thứ ba, bỏ được thì tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo ấy phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

12. Nếu Tỳ-kheo sống nương nhờ xóm làng hay thành ấp mà hành động xấu xa làm hoen ố tín đồ; làm những việc xấu xa, ai cũng thấy cũng nghe; việc làm hoen ố tín đồ, ai cũng thấy cũng nghe. Các Tỳ- kheo nói với Tỳ-kheo ấy: "Đại đức! Thầy đã làm những việc làm xấu xa làm hoen ố tín đồ, thầy hành động xấu xa, ai cũng thấy cũng nghe. Đại đức! Thầy làm những việc làm xấu xa làm hoen ố nhà người. Nay tốt hơn là đi xa khỏi xóm làng này, không cần thiết sống nơi đây nữa". Tỳ-kheo ấy nói với Tỳ-kheo của chúng kia: "Đại

đức! Các vị Tỳ-

kheo có thương, có ghét, có sợ, có si; Tỳ-kheo có tội đồng như thế, sao có người bị đuổi, có người không bị đuổi?".

Các Tỳ-kheo trả lời: "Đại đức! Chớ nên nói lời như vậy: Có thương, có ghét, có sợ, có si. Tỳ-kheo có tội đồng như vậy, sao có người bị đuổi, có người không bị đuổi? Tại sao vậy? Vì các Tỳ-kheo không thương, không ghét, không sợ, không si. Đại đức! Thầy hành động xấu xa làm hoen ố tín đồ, Thầy làm những việc xấu xa, ai cũng thấy cũng nghe; thầy làm hoen ố tín đồ, ai cũng thấy cũng nghe".

Tỳ-kheo ấy khi can gián như vậy, vẫn kiên trì không bỏ thì các Tỳ-kheo nên can gián ba lần, nhằm loại bỏ sự cố chấp ấy đi. Can gián đến lần thứ ba, bỏ được thì tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo ấy phạm Tăng- già-bà-thi-sa.

13. Nếu Tỳ-kheo bản tánh xấu, không chấp nhận lời khuyên can của ai, đối với giới pháp, các Tỳ-kheo khuyên can đúng pháp, song tự thân vị ấy không chấp nhận sự can gián, lại bảo: "Các Đại đức đừng đề cập chuyện xấu hay chuyện tốt của tôi. Tôi cũng không đến các Đại đức để nói chuyện tốt hay chuyện xấu. Các Đại đức thôi đi, đừng can gián tôi nữa".

Các Tỳ-kheo can gián Tỳ-kheo ấy: "Đại đức!

Đừng phủ nhận lời can gián cho tự thân thầy, mà tự thân Đại đức phải nhận lời can gián. Đại đức hãy đúng pháp can gián các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo cũng như pháp can gián Đại đức. Có như vậy, chúng đệ tử của Phật mới được tăng ích, mở rộng ra sự can gián cho nhau, mở rộng chuyển đổi cho nhau sự chỉ bảo, lần lượt sám hối, sám hối nhau".

Tỳ-kheo ấy khi được can gián như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ, các Tỳ-kheo nên can gián ba lần nhằm loại bỏ sự cố chấp ấy đi. Can gián đến lần thứ ba, bỏ thì tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo ấy phạm Tăng- già-bà-thi-sa.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa. Chín giới trước vừa vi phạm là phạm tội. Bốn giới sau cho đến ba lần can gián mới thành phạm. Nếu Tỳ-kheo phạm mỗi một pháp, biết phạm mà che giấu thì Tăng phải cưỡng bức thi hành "Phép cô lập sống riêng" (Ba-lợi-bà-sa) thi hành xong "Phép sống riêng", lại phải thi hành thêm "Sáu đêm hoan hỷ" (Ma-na-đỏa), thi hành xong "Sáu đêm hoan hỷ" rồi còn phải được giải tội.

Việc giải tội cho Tỳ-kheo này phải thực hiện giữa hai mươi vị Tăng, nếu thiếu một vị, chúng không hội đủ hai mươi vị mà giải tội cho Tỳ-kheo này thì tội của Tỳ-kheo này không giải trừ được, các Tỳ-kheo cũng bị khiển trách. Quy thức này luôn đúng như vậy.

Nay xin hỏi các Đại đức, đối với mười ba pháp này có thanh tịnh không? (Hỏi ba lần). Các Đại đức trong mười ba pháp ấy đều thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Tiếp đây là hai pháp Bất định, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo cùng người nữ (chỉ có hai người) ngồi nơi chỗ khuất, chỗ kín đáo, chỗ có thể hành dâm… nói một thứ ngôn ngữ phi giới pháp. Có vị Ưu-bà-di lòng tin vững chắc nhận xét: "Với cảnh này thì Tỳ-kheo phạm một trong ba pháp: hoặc tội Ba-la-di, hoặc tội Tăng-già- bà-thi-sa, hoặc tội Ba-dật-đề".

Tỳ-kheo ngồi chung ấy tự nói: "Tôi phạm tội ấy".

Đối với một trong ba pháp: hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi- sa, hoặc Ba-dật-đề, đúng như lời nói phạm của người Ưu-bà-di có lòng tin vững chắc ấy, nên phải xử trị như pháp Tỳ-kheo này. Đây gọi là pháp Bất định.

2. Nếu Tỳ-kheo cùng người nữ ngồi chỗ trống, chỗ không thể hành dâm, nói lời thô tục, dâm dục. Có vị Ưu-bà-di lòng tin vững chắc nhận xét: "Với cảnh này thì Tỳ-kheo phạm một trong hai pháp: hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề".

Tỳ-kheo ngồi với người nữ ấy cũng tự nói:

"Tôi phạm tội ấy". Đối với một trong hai pháp nên trị một: hoặc Tăng-già-bà-thi-sa,

hoặc Ba-dật-đề đúng như điều nói phạm của người Ưu-bà-di có lòng tin vững chắc ấy, cần phải xử trị như pháp Tỳ-kheo ấy. Đây gọi là pháp Bất định.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói hai pháp Bất định. Nay xin hỏi các Đại đức: Trong hai pháp này thanh tịnh không? (Hỏi ba lần). Các Đại đức trong hai pháp này đều thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Tiếp đây là ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh.

1. Nếu Tỳ-kheo y đã đủ rồi, y công đức đã xả, chứa để y dư, trong mười ngày, không tịnh thí thì được phép cất giữ. Nếu quá thời gian ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

2. Nếu Tỳ-kheo y đã đủ rồi, y công đức đã xả, với ba y của mình rời khỏi một y qua một đêm ngủ chỗ khác, trừ yết-ma Tăng cho phép thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

3. Nếu Tỳ-kheo y đã đủ rồi, y công đức đã xả, mà phi thời nhận được vải y, cần thì nhận, nhận rồi kịp may thành y ngay. Nếu vải đủ thì tốt, không đủ thì được phép cất lại một tháng chờ đủ vải để làm thành

y. Nếu quá hạn này thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

4. Nếu Tỳ-kheo đến Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến lấy y trừ việc đổi chác thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

5. Nếu Tỳ-kheo bảo Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc đập thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

6. Nếu Tỳ-kheo đến cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải thân quyến để xin y, trừ trường hợp khác thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Trường hợp khác là: hoặc Tỳ-kheo ấy y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn… như thế gọi là trường hợp khác.

7. Nếu Tỳ-kheo y bị mất, y bị cướp, y bị cháy, y bị nước cuốn; nếu có cư sĩ, hay vợ cư sĩ chẳng phải thân quyến đem cúng cho nhiều loại y và mời Tỳ-kheo nhận tùy ý, Tỳ-kheo ấy phải biết nhận y vừa đủ. Nếu nhận quá mức định ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

8. Nếu Tỳ-kheo, cư sĩ, hay vợ cư sĩ vì Tỳ-kheo ấy dành dụm tiền để sắm y như vậy cho Tỳ-kheo. Với số tiền của chúng ta sắm y như vậy cùng cúng cho Tỳ-kheo tên như vậy. Tỳ-kheo ấy trước không mời nhận tùy ý, đến nhà hai cư sĩ kia nói như vầy: "Cư sĩ, thật tốt lắm! Xin hãy vì tôi dành tiền sắm loại y đắt giá như vậy… cúng cho tôi" vì muốn cho đẹp. Nếu nhận được y như thế thì phạm Ni-

tát-kỳ Ba-dật-đề.

9. Nếu Tỳ-kheo, có hai gia đình cư sĩ và vợ cư sĩ lo liệu được tiền sắm y như vậy cho Tỳ-kheo. Với số tiền chúng ta sắm y như vậy cùng cúng cho Tỳ-kheo tên như vậy. Tỳ-kheo ấy trước không được mời nhận tùy ý, lại đến nhà hai cư sĩ nói như vầy: "Cư sĩ, thật tốt lắm! Hãy góp chung tiền lại may một y thôi, nên sắm như thế để cúng cho tôi", vì muốn cho đẹp. Nếu nhận được y ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

10. Nếu Tỳ-kheo, hoặc vua, hoặc đại thần, hoặc Bà-la-môn, hoặc cư sĩ, vợ cư sĩ sai người đưa tiền sắm y đến cho Tỳ-kheo, bảo: "Hãy mang số tiền sắm y như vậy đến cúng cho Tỳ-kheo tên như vậy".

Đến chỗ Tỳ-kheo, người sứ ấy nói với Tỳ-kheo: "Thưa Đại đức, nay được lệnh đem số tiền sắm y đến cúng thầy. Xin thầy nhận cho".

Tỳ-kheo ấy nên nói với người sứ kia như vầy: "Nay tôi không tiện nhận số tiền sắm y này. Nếu cần y thì phải hợp lúc và thanh tịnh thì tôi sẽ nhận".

Người sứ ấy nói với Tỳ-kheo: "Thưa Đại đức, có người nào giúp việc cho thầy không?"

Cần y thì Tỳ-kheo nên nói: "Có, chính người trông nom Tăng-già- lam hoặc Ưu-bà-tắc, đó là người chấp sự của Tỳ-kheo, thường vì các Tỳ-

kheo giúp đỡ công việc".

Người sứ kia đến thẳng chỗ người chấp sự trao số tiền sắm y cho họ rồi quay trở lại chỗ Tỳ-kheo, thưa như vầy: "Thưa Đại đức, người chấp sự tên… mà thầy đã chỉ, tôi đã giao số tiền sắm y cho họ rồi. Thưa Đại đức, khi nào nhận thấy hợp lúc, thầy đến người đó sẽ được y".

Lúc cần y thì đến chỗ người chấp sự. Nếu đến, hoặc lần thứ hai, hoặc lần thứ ba thì nói với người chấp sự: "Tôi cần y".

Nếu đến lần thứ hai, lần thứ ba nhằm làm cho họ nhớ ra, được y thì tốt. Còn không được y thì lần thứ tư, lần thứ năm, lần thứ sáu, đến trước họ đứng im lặng, khiến cho họ suy nghĩ nhớ ra. Nếu lần thứ tư, lần thứ năm, lần thứ sáu đến trước họ đứng im lặng mà được y thì tốt, không được y mà đòi quá sáu lần để cầu cho bằng được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Trường hợp không được y thì phải đến chỗ người chủ cúng tiền sắm y, hoặc tự mình đến, hoặc sai người đến nói với thí chủ: "Trước đây người của ông mang tiền sắm y đến cúng cho Tỳ-kheo tên như vậy. Tỳ- kheo ấy rốt cuộc không được y, vậy hãy đến lấy về, đừng để mất tiền ấy". Đây là hợp cách.

11. Nếu Tỳ-kheo làm ngọa cụ mới bằng đủ loại tơ tằm thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

12. Nếu Tỳ-kheo làm ngọa cụ mới bằng các loại lông dê thuần màu đen, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

13. Nếu Tỳ-kheo làm ngọa cụ mới thì nên dùng lông dê gồm hai phần thuần màu đen, phần thứ ba màu trắng và phần thứ tư màu xám. Nếu Tỳ-kheo làm ngọa cụ mới không dùng hai phần thuần màu đen, phần thứ ba màu trắng và phần thứ tư màu xám, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba- dật-đề.

14. Nếu Tỳ-kheo làm ngọa cụ mới thì nên giữ dùng đến sáu năm. Nếu dưới sáu năm, không xả cái cũ, lại làm cái mới, trừ Tăng yết-ma, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

15. Nếu Tỳ-kheo làm tọa cụ mới thì phải lấy một miếng tọa cụ cũ vuông vức một gang tay, may điểm lên trên tọa cụ mới nhằm hoại sắc. Nếu làm tọa cụ mới, không lấy một miếng tọa cụ cũ vuông vức một gang tay, may điểm lên trên tọa cụ mới để hoại sắc thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

16. Nếu Tỳ-kheo giữa đường đi, được lông dê, thấy cần thì nên lấy; nếu không có người mang hộ thì được phép tự mình mang đi, một chặng ba do-tuần. Nếu không có người mang vác hộ mà tự mình xách mang quá ba do-tuần thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo sai nhờ Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, chải lông dê thì

phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

18. Nếu Tỳ-kheo tự tay cầm lấy tiền hay vàng bạc, hay bảo người lấy, hoặc miệng bảo có thể nhận thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

19. Nếu Tỳ-kheo mua bán các loại vàng bạc, vật báu thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

20. Nếu Tỳ-kheo với mọi hình thức mua bán sinh lợi, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

21. Nếu Tỳ-kheo giữ cất bát dư, không tịnh thí thì được phép cất giữ trong vòng mười ngày. Nếu quá hạn ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật- đề.

22. Nếu Tỳ-kheo bát bị vỡ hàn gắn dưới năm chỗ, không chảy rỉ, lại tìm bát mới vì muốn cho đẹp. Nếu được bát ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Tỳ-kheo ấy nên đến giữa Tăng xả bát mới. Tăng trao xả bát lần lượt theo thứ bậc rồi lấy bát bậc thấp nhất trao cho Tỳ-kheo ấy khiến gìn giữ sử dụng cho đến bát bể.

23. Nếu Tỳ-kheo đích thân đi xin chỉ sợi, nhờ cậy bảo thợ dệt không phải thân quyến dệt y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

24. Nếu Tỳ-kheo có cư sĩ, vợ cư sĩ vì Tỳ-kheo ấy nhờ cậy bảo thợ dệt, dệt y cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo ấy trước không nhận lời mời tùy ý, nhưng lại đến chỗ thợ dệt bảo: "Y này được dệt cho tôi. Hãy dệt cho tôi hết sức khéo, cho thật rộng khổ, chắc

chắn, sắc sảo bằng đầu bằng đuôi, chỉnh cho khéo. Đương nhiên, ít nhiều tôi cũng trả công cho anh xứng đáng". Nếu Tỳ-kheo trả cho thợ dệt cái công xứng đáng ấy mà giá trị chỉ đến bằng một bữa ăn, nhận được y ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba- dật-đề.

25. Nếu Tỳ-kheo trước đem y cho Tỳ-kheo khác, sau vì tức giận hoặc tự đoạt lại, hay sai người khác đoạt lấy, nói: "Hãy trả y lại cho tôi. Tôi không cho người nữa". Tỳ-kheo ấy nên trả lại y, Tỳ-kheo nhận lấy y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

26. Nếu Tỳ-kheo có bệnh, cất giữ tô, dầu, sinh tô, mật và đường phèn… thì trong vòng bảy ngày được phép giữ để uống. Nếu quá hạn ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

27. Nếu Tỳ-kheo, mùa Xuân còn một tháng thì nên tìm kiếm y tắm mưa, còn nửa tháng dùng tắm. Tỳ-kheo trước một tháng hết Xuân mà kiến tìm y tắm mưa và quá trước nửa tháng đến Hạ dùng y tắm thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

28. Nếu Tỳ-kheo còn mười ngày nữa mới hết ba tháng kiết Hạ, mà có thí chủ vì việc gấp, vội cúng y cho các Tỳ-kheo thì nên nhận. Nhận rồi nên giữ cất cho đến thời của y. Nết cất giữ quá hạn ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

29. Nếu Tỳ-kheo ba tháng Hạ an cư xong, tiếp đó ngày mười lăm tháng tám cũng đã qua, hoặc ở

nơi xa xôi hẻo lánh nghi có sự khủng bố, nơi e sợ có nạn… Tỳ-kheo ấy sống tại những nơi như vậy, thì trong ba y, có thể gửi lại một y trong nhà thôn xóm và có lý do để rời y ngủ, nhiều lắm là sáu đêm. Nếu quá hạn ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

30. Nếu Tỳ-kheo biết người khác muốn cúng vật cho Tăng lại xoay xở đem về cho mình thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nay xin hỏi các Đại đức: Đối với ba mươi pháp này thanh tịnh không?

(Hỏi ba lần). Các Đại đức trong ba mươi pháp ấy đều thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Tiếp đây là chín mươi pháp Ba-dật-đề, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh.

1. Nếu Tỳ-kheo cố ý nói dối thì phạm Ba-dật-đề.

2. Nếu Tỳ-kheo đem dòng dõi, sắc tộc, địa vị xã hội ra để mắng nhiếc, làm nhục Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề.

3. Nếu Tỳ-kheo dùng miệng lưỡi hai chiều để ly gián thì phạm Ba-dật-đề.

4. Nếu Tỳ-kheo cùng một nhà có người nữ mà ngủ lại thì phạm Ba-dật-đề.

5. Nếu Tỳ-kheo cùng người chưa thọ Đại giới cho họ ngủ chung phòng quá hai đêm, đến đêm thứ ba thì phạm Ba-dật-đề.

6. Nếu Tỳ-kheo với người chưa thọ Đại giới cùng đọc tụng thì phạm Ba-dật-đề.

7. Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác có tội thô ác, đem nói với người chưa thọ Đại giới, trừ Tăng Yết-ma, thì phạm Ba-dật-đề.

8. Nếu Tỳ-kheo, đối tượng là người chưa thọ Đại giới mà đem pháp hơn người nói với họ: "Tôi thấy điều ấy, tôi biết điều ấy", dù sự thấy biết là thật đi nữa, cũng phạm Ba-dật-đề.

9. Nếu Tỳ-kheo thuyết pháp cho người nữ quá năm, sáu lời, thì phạm Ba-dật-đề, trừ có mặt người nam hiểu biết.

10. Nếu Tỳ-kheo tự tay đào đất hay bảo người đào đất thì phạm Ba-dật-đề.

11. Nếu Tỳ-kheo chặt phá cây cối là chỗ cư ngụ của quỷ thần… thì phạm Ba-dật-đề.

12. Nếu Tỳ-kheo bịa chuyện, nói lời khác sự thật, gây phiền bực cho người khác thì phạm Ba-dật-đề.

13. Nếu Tỳ-kheo hiềm hận, mắng chửi thì phạm Ba-dật-đề.

14. Nếu Tỳ-kheo lấy giường dây, giường cây, đệm nằm ngồi của Tăng đem đặt ra nơi đất trống, hoặc bảo người đặt ra, nằm ngồi xong bỏ đi, không

tự thu dọn, không bảo ai thu dọn thì phạm Ba-dật-đề.

15. Nếu Tỳ-kheo ở trong phòng của Tăng, trải ngọa cụ đệm ngồi của Tăng, hoặc tự trải hay bảo người trải, để nằm hay ngồi lên đó. Sau lại bỏ đó đi, không tự thu dọn hay bảo ai thu dọn, thì phạm Ba-dật-đề.

16. Nếu Tỳ-kheo biết chỗ nghỉ đó là của Tỳ-kheo ấy, mình đến sau lại cưỡng lấn vào giữa, trải tọa cụ để ngủ nghỉ, với ý nghĩa: "Tỳ-kheo kia hiềm chật chội thì tự tránh ta mà đi". Chẳng có lý do nào khác ngoài việc làm mất oai nghi như vậy thì phạm Ba-dật-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo tức giận Tỳ-kheo khác, không thích vị này ở trong phòng của Tăng, tự tay kéo ra hay bảo người khác kéo ra ngoài, thì phạm Ba-dật-đề.

18. Nếu Tỳ-kheo phòng trên nhà gác đặt giường dây, giường cây, chân ráp dễ sút ra, mà nằm ngồi trên đó thì phạm Ba-dật-đề.

19. Nếu Tỳ-kheo biết nước có trùng mà tự lấy tưới lên bùn đất, lên cỏ hay bảo người khác tưới thì phạm Ba-dật-đề.

20. Nếu Tỳ-kheo muốn làm nhà lớn có đầy đủ cửa cánh, cửa sổ và trang trí các thứ thì việc lợp mái phải hướng dẫn lợp tranh chừng hai ba lớp là vừa. Nếu lợp quá định mức ấy, thì phạm Ba-dật-

đề.

21. Nếu Tỳ-kheo Tăng không sai mà giáo thọ cho Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề.

22. Nếu Tỳ-kheo dù được Tăng sai mà giáo thọ cho Tỳ-kheo-ni mãi đến khi mặt trời lặn thì phạm Ba-dật-đề.

23. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: "Các Tỳ-kheo chỉ vì ăn uống mà giáo thọ Tỳ-kheo-ni" thì phạm Ba-dật-đề.

24. Nếu Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến, trừ đổi chác, thì phạm Ba-dật-đề.

25. Nếu Tỳ-kheo may y cho Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến thì phạm Ba-dật-đề.

26. Nếu Tỳ-kheo cùng với Tỳ-kheo-ni ngồi ở chỗ vắng khuất thì phạm Ba-dật-đề.

27. Nếu Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo-ni hẹn đi chung một đường, dù chỉ đến một thôn xóm, trừ trường hợp khác, thì phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp khác là bạn đường cùng đi nơi nghi có sự khủng bố, đây là trường hợp khác.

28. Nếu Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo-ni hẹn đi cùng thuyền, hoặc xuôi dòng hay ngược dòng, trừ thuyền đưa sang ngang bờ, thì phạm Ba-dật- đề.

29. Nếu Tỳ-kheo biết do nhân duyên ca ngợi của Tỳ-kheo-ni mà được đồ ăn, mà ăn trừ thí chủ trước đó có y mời, thì phạm Ba-dật-đề.

30. Nếu Tỳ-kheo cùng hẹn với người nữ đi

chung một đường, dù chỉ đến một xóm làng, thì phạm Ba-dật-đề.

31. Nếu Tỳ-kheo nơi nào chỉ cúng một bữa ăn, không bệnh thì Tỳ- kheo nên nhận một bữa. Nếu nhận ăn quá thì phạm Ba-dật-đề.

32. Nếu Tỳ-kheo cứ lần lượt ăn nhiều lần, trừ trường hợp khác thì phạm Ba-dật-đề. Trường hợp khác là: khi bệnh, khi cúng y, đây là trường hợp khác.

33. Nếu Tỳ-kheo ăn riêng chúng, trừ các trường hợp khác thì phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp khác là: khi bệnh, khi may y, khi cúng y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại hội, khi Sa-môn cúng bữa ăn, đây là trường hợp khác.

34. Nếu Tỳ-kheo đến nhà thí chủ, ân cần mời cúng bánh, bún, cơm… thấy cần thì Tỳ-kheo nên nhận hai, ba bát rồi về lại trong chùa, nên san sẻ phần ăn cho các Tỳ-kheo khác ăn cùng. Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà nhận quá hai, ba bát về trong chùa, không phân ra, san sẻ cho các Tỳ-kheo khác ăn cùng, thì phạm Ba-dật-đề.

35. Nếu Tỳ-kheo đã ăn đủ rồi, hoặc gặp lúc được mời nhận ăn thêm, mà không làm phép thức ăn dư lại ăn tiếp thì phạm Ba-dật-đề.

36. Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác đã ăn đủ hoặc nhận lời mời ăn nữa mà không làm phép thức ăn dư, ân cần mời ăn cho bằng được: "Đại đức, ăn

đồ ăn này". Chỉ với nhân duyên như vậy. Ngoài ra không còn lý do nào khác là muốn làm cho vị kia phạm, thì phạm Ba-dật-đề.

37. Nếu Tỳ-kheo ăn phi thời thì phạm Ba-dật-đề.

38. Nếu Tỳ-kheo ăn đồ ăn còn lại để qua đêm thì phạm Ba-dật-

đề.

39. Nếu Tỳ-kheo không nhận ăn mà ăn, kể cả thuốc, không nhận

mời mà đưa vào trong miệng, trừ nước và tăm xỉa răng, thì phạm Ba- dật-đề.

40. Nếu Tỳ-kheo dù được ăn thức ăn ngon bổ như: sữa, bơ, cá và thịt… nhưng không bệnh mà tự mình đòi ăn các thức ăn ấy thì phạm Ba- dật-đề.

41. Nếu là nam ngoại đạo, nữ ngoại đạo mà Tỳ-kheo tự tay đưa thức ăn cho họ thì phạm Ba-dật-đề.

42. Nếu Tỳ-kheo trước đã nhận lời mời nhưng trước bữa ăn, sau bữa ăn đến thẳng nhà người khác ăn, không dặn dò các Tỳ-kheo khác, trừ trường hợp khác, thì phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp khác là: Khi bệnh, khi may y, khi cúng y … đây là các trường hợp khác.

43. Nếu Tỳ-kheo trong nhà ăn có vật báu mà cưỡng ngồi nơi chỗ khuất thì phạm Ba-dật-đề.

44. Nếu Tỳ-kheo trong nhà có đồ quý báu mà ngồi nơi chỗ khuất thì phạm Ba-dật-đề.

45. Nếu Tỳ-kheo cùng ngồi với người nữ ở chỗ đất trống thì phạm Ba-dật-đề.

46. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác lời như vầy: "Đại đức cùng đi với tôi đến xóm làng, thầy sẽ được bữa ăn". Tỳ-kheo ấy nghe theo, đến xóm làng rồi, nhưng không được hướng dẫn ai trao cho Tỳ- kheo ấy bữa ăn, lại bảo: "Thầy đi đi. Tôi với thầy cùng chung ngồi đây, cùng chung nói năng không vui lắm đâu! Tôi ngồi một mình độc thoại vui hơn". Chỉ với lý do như thế, không còn lý do nào khác ngoài việc tìm cách xua đuổi đi, thì phạm Ba-dật-đề.

47. Nếu Tỳ-kheo được mời cúng thuốc cho bốn tháng, không bệnh Tỳ-kheo nên nhận. Nếu nhận quá hạn ấy, trừ mời thường cúng thuốc, mời cúng thuốc tiếp theo, mời cúng thuốc được Tăng phân chia, mời cúng thuốc suốt đời, thì phạm Ba-dật-đề.

48. Nếu Tỳ-kheo đến xem quân trận, trừ trường hợp có lý do, thì phạm Ba-dật-đề.

49. Nếu Tỳ-kheo có lý do đến trong quân binh mà ngủ lại quá hai đêm, đến đêm thứ ba mà ngủ lại thì phạm Ba-dật-đề.

50. Nếu Tỳ-kheo ở trong quân hai đêm, ba đêm, hoặc khi xem dàn quân chiến đấu, hoặc khi

theo xem thế lực quân voi, quân ngựa thì phạm Ba-dật-đề.

51. Nếu Tỳ-kheo uống rượu thì phạm Ba-dật-đề.

52. Nếu Tỳ-kheo đùa giỡn trong nước thì phạm Ba-dật-đề.

53. Nếu Tỳ-kheo lấy ngón tay chọc lét Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề.

54. Nếu Tỳ-kheo không nhận sự can gián thì phạm Ba-dật-đề.

55. Nếu Tỳ-kheo gây hốt hoảng sợ hãi cho Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề.

56. Nếu Tỳ-kheo mới nửa tháng tắm rửa, không bệnh Tỳ-kheo nên giữ lấy như vậy, nếu tắm rửa quá mức ấy, trừ trường hợp khác, thì phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp khác là: Khi nóng bức, khi bệnh, khi làm việc, khi bị mưa gió, khi đi xa về. Đây là các trường hợp khác.

57. Nếu Tỳ-kheo không bệnh, để tự sưởi thân, đốt lửa nơi đất trống, hoặc bảo người đốt, trừ trường hợp khác, thì phạm Ba-dật-đề.

58. Nếu Tỳ-kheo giấu y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của Tỳ-kheo khác, hoặc tự cất giấu hay bảo người cất giấu, dù chỉ ít là để vui đùa thì phạm Ba-dật-đề.

59. Nếu Tỳ-kheo đã tịnh thí y cho Tỳ-kheo,

Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, nhưng không hỏi chủ y mà vội lấy mặc thì phạm Ba-dật-đề.

60. Nếu Tỳ-kheo có được y mới, thì phải làm hoại sắc mới bằng ba loại màu: xanh, đen, lam, Tỳ-kheo nào có được y mới mà không làm hoại sắc mới bằng ba loại màu: xanh, đen, lam, cứ để nguyên y mới mà mặc thì phạm Ba-dật-đề.

61. Nếu Tỳ-kheo cố giết chết mạng sống của súc sinh thì phạm Ba-dật-đề.

62. Nếu Tỳ-kheo biết nước có trùng mà uống, dùng thì phạm Ba- dật-đề.

63. Nếu Tỳ-kheo cố ý gây phiền hà Tỳ-kheo khác, dù chỉ làm cho vị ấy không được vui trong chốc lát thôi, thì phạm Ba-dật-đề.

64. Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác có tội thô ác mà che giấu thì phạm Ba-dật-đề.

65. Nếu Tỳ-kheo, người tuổi đủ hai mươi thì phải cho thọ giới Cụ túc. Nếu Tỳ-kheo biết người chưa đủ tuổi hai mươi mà cho thọ Đại giới thì người này không đắc giới, còn Tỳ-kheo ấy đáng bị khiển trách vì ngu si, thì phạm Ba-dật-đề.

66. Nếu Tỳ-kheo biết Tăng đã đúng pháp dập tắt sự bùng lên tranh cãi rồi, sau lại khơi dậy vấn đề thì phạm Ba-dật-đề.

67. Nếu Tỳ-kheo biết giặc mà kết bạn, hẹn cùng đi chung một đường, dù chỉ đi trong một xóm

làng cũng phạm Ba-dật-đề.

68. Nếu Tỳ-kheo nói như vầy: "Tôi biết điều Phật thuyết pháp thì vấn đề dâm dục không phải pháp chướng đạo". Các Tỳ-kheo nên can Tỳ-kheo này: "Đại đức đừng nói lời như vậy, đừng phỉ báng Thế Tôn, phỉ báng Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không nói như thế. Thế Tôn vận dụng rất nhiều hình thức dạy rõ: hành dâm dục là điều chướng đạo". Tỳ-kheo ấy khi can gián như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ, nên ba lần can gián Tỳ-kheo ấy để loại bỏ sự kiên trì này. Nếu can gián đến lần thứ ba, bỏ thì tốt, không bỏ, Tỳ-kheo ấy phạm Ba-dật-đề.

69. Nếu Tỳ-kheo biết người nói lời xuyên tạc tội lỗi như thế, Tăng chưa tác pháp không bỏ ác kiến như vậy mà mình lại chứa chấp, cùng ngủ nghỉ, cùng yết-ma, thì phạm Ba-dật-đề.

70. Nếu Tỳ-kheo biết Sa-di nói lời như vầy: "Tôi biết Phật thuyết pháp thì hành dâm dục không phải là vấn đề chướng đạo". Các Tỳ-kheo phải can gián Sa-di này: "Ông đừng nói lời như vậy, đừng hủy báng Thế Tôn, hủy báng Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không nói lời như vậy. Này Sa-di! Đức Thế Tôn vận dụng rất nhiều hình thức dạy rõ: hành dâm dục chính là điều chướng đạo". Các Tỳ-kheo khi can gián như vậy mà Sa-di này kiên trì không bỏ thì các Tỳ-kheo nên ba lần can gián nhằm loại bỏ sự kiên trì này. Can gián đến lần thứ

ba, bỏ thì tốt, không bỏ thì các Tỳ-kheo nên bảo Sa-di này: "Ông từ nay trở đi chẳng phải là đệ tử Phật, không được đi theo các Tỳ-kheo khác. Các Sa-di khác được cùng Đại Tỳ-kheo ngủ gần hai đêm, ba đêm, ông nay không còn đặc ân này nữa. Ông hãy ra đi, đi cho khuất, không được sống trong đây nữa". Nếu Tỳ-kheo biết Sa-di ấy bị đuổi như vậy, mà chứa chấp, cùng ngủ nghỉ thì phạm Ba-dật-đề.

71. Nếu Tỳ-kheo trong lúc can gián Tỳ-kheo khác đúng pháp, Tỳ-kheo ấy lại nói như vầy: "Tôi sẽ hỏi vị trì luật có trí tuệ", thì phạm Ba-dật-đề. Muốn cầu sự hiểu biết, nên hỏi rõ vấn đề thì không phạm.

72. Nếu Tỳ-kheo khi nghe thuyết giới, lại nói như vầy: "Đại đức nói những giới lỉnh kỉnh ấy làm gì? Áp dụng vào đâu? Khi nói những giới này chỉ làm cho người ta phiền não, xấu hổ, hoài nghi". Vì khinh chê giới nên phạm Ba-dật-đề.

73. Nếu Tỳ-kheo khi nghe tụng giới, nói như vầy: "Đại đức, nay tôi mới biết vấn đề này là giới kinh, mỗi nửa tháng theo trong Giới kinh tụng giới". Trong lúc các Tỳ-kheo khác biết Tỳ-kheo này hai ba lần ngồi trong chỗ thuyết giới, huống nữa là nhiều lần. Tỳ-kheo ấy không biết không hiểu ư? Nếu phạm tội thì nên trị đúng pháp, lại phải tăng thêm tội không biết. "Đại đức, không lợi gì cho thầy, thầy không được pháp thiện. Khi tụng

giới thầy không dụng tâm ghi nhớ, lại không tập trung lắng nghe giới". Vì vị ấy không hiểu biết, phạm Ba-dật-đề.

74. Nếu Tỳ-kheo cùng yết-ma rồi sau đó nói như vầy: "Các Tỳ- kheo tùy chỗ thân thuộc mình, lấy vật của chúng Tăng cho họ" thì phạm Ba-dật-đề.

75. Nếu Tỳ-kheo, chúng Tăng xét xử việc, không dữ dục mà đứng dậy đi ra, thì phạm Ba-dật-đề.

76. Nếu Tỳ-kheo dữ dục, sau lại quở trách thì phạm Ba-dật-đề.

77. Nếu Tỳ-kheo khác đang tranh cãi gây cấn với nhau, mình lại lắng nghe rồi đem lời người này nói với người kia, thì phạm Ba-dật- đề.

78. Nếu Tỳ-kheo vì tức giận, không hoan hỷ, đánh Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dật-đề.

79. Nếu Tỳ-kheo, vì tức giận, không hoan hỷ, dùng tay tát Tỳ- kheo khác thì phạm Ba-dật-đề.

80. Nếu Tỳ-kheo, vì tức giận, không hoan hỷ, đem pháp Tăng-già-bà-thi-sa phỉ báng Tỳ-kheo thì phạm Ba-dật-đề.

81. Nếu Tỳ-kheo nào đối với dòng vua Sát-đế-lợi Thủy nghiêu đầu, vua chưa cất vật báu, chưa thu cất bảo vật mà bước qua khỏi ngạch cửa cung thì phạm Ba-dật-đề.

82. Nếu Tỳ-kheo với báu vật và đồ trang sức,

hoặc tự cầm lấy, hay bảo người cầm lấy, trừ trong Tăng già lam và chỗ trọ ngủ, thì phạm Ba-dật-đề.

Hoặc ở trong Tăng già lam hay chỗ trọ ngủ, hoặc vật báu hoặc đồ trang sức, mà tự cầm hay bảo người cầm, thì sẽ cho người nào đó nhận lại nếu biết vật của mình. Ngoài nhân duyên như thế, không còn lý do nào khác.

83. Nếu Tỳ-kheo nào phi thời vào xóm làng mà không nói cho Tỳ-kheo khác biết thì phạm Ba-dật-đề.

84. Nếu Tỳ-kheo làm giường dây, giường cây, thì chân giường cao bằng tám ngón tay của Như Lai, trừ phần trên chỗ mộng ráp thành giường. Cắt tề chân giường rồi mà quá, thì phạm Ba-dật-đề.

85. Nếu Tỳ-kheo đem bông Đâu la độn làm đệm, giường dây, giường cây, ngọa cụ, đệm ngồi thì phạm Ba-dật-đề.

86. Nếu Tỳ-kheo dùng xương, răng, sừng làm ống đựng kim thì phạm Ba-dật-đề.

87. Nếu Tỳ-kheo làm Ni sư đàn thì phải làm đúng kích cỡ. Kích cỡ định ở đây là: dài hai gang tay của Phật và rộng một gang rưỡi tay của Ngài. Lại cần thêm thì mỗi bề dày rộng thêm nửa gang tay nữa. Nếu quá thì phạm Ba-dật-đề.

88. Nếu Tỳ-kheo làm y che ghẻ thì phải làm đúng kích cỡ. Kích cỡ định ra ở đây là: dài sáu gang tay Phật, rộng hai gang rưỡi tay của Ngài.

Thành y rồi mà quá mức ấy thì phạm Ba-dật-đề.

90. Nếu Tỳ-kheo may y thì kích cỡ ngang bằng y của Phật. Kích cỡ ở đây là: dài mười gang tay và rộng sáu gang tay của Phật. Đây là kích cỡ y của Phật.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói chín mươi pháp Ba-dật-đề. Nay xin hỏi các Đại đức: Trong chín mươi pháp này thanh tịnh không? (Hỏi ba lần). Các Đại đức trong chín mươi pháp ấy đều thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh.

1. Nếu Tỳ-kheo vào trong xóm làng, không bệnh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến tự tay nhận thức ăn và ăn, thì Tỳ-kheo này nên hướng đến Tỳ-kheo khác nói lời sám hối: "Đại đức, tôi phạm phải điều đáng khiển trách, làm việc không đáng làm. Nay tôi hướng đến Đại đức xin sám hối". Đây gọi là pháp hối quá.

2. Nếu Tỳ-kheo đến dùng bữa tại nhà cư sĩ, trong bữa ăn này có sự chỉ dẫn của Tỳ-kheo-ni: "Hãy đưa canh cho vị này, hãy đưa cơm cho vị kia". Các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo-ni ấy: "Này chị, thôi đi! Cần để các Tỳ-kheo ăn xong đã". Nếu không có một Tỳ-kheo nào nói với Tỳ-kheo-ni ấy: "Này chị, thôi đi! Cần để các Tỳ-kheo

ăn xong đã", thì Tỳ-kheo ấy phải đến Tỳ-kheo khác nói lời sám hối như sau: "Đại đức! Tôi phạm điều đáng trách, làm việc không nên làm. Nay tôi hướng đến Đại đức xin sám hối". Đó gọi là pháp Hối quá.

3. Có các học gia, Tăng đã tác pháp yết-ma học gia, nếu Tỳ-kheo biết đó là học gia, trước không mời nhận, không bệnh, tự tay nhận lấy thức ăn và ăn, Tỳ-kheo ấy phải đến Tỳ-kheo khác nói lời sám hối: "Đại đức, tôi phạm điều đáng trách, làm việc không nên làm. Nay tôi hướng đến Đại đức xin sám hối". Đó gọi là pháp hối quá.

4. Hoặc A-lan-nhã, hoặc nơi xa xôi hẻo lánh, có nghi sợ nơi có khủng bố, nếu Tỳ-kheo ở tại A-lan-nhã như thế mà không báo trước cho thí chủ biết là ngoài Tăng già lam thì không nhận đồ ăn, trong Tăng già lam không bệnh tự tay nhận thức ăn và ăn thì Tỳ-kheo này phải hướng đến Tỳ-kheo khác nói lời sám hối: "Đại đức tôi phạm điều đáng trách, làm việc không nên làm. Nay tôi hướng đến Đại đức xin sám hối". Đó gọi là pháp hối quá.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni. Nay xin hỏi các Đại đức đối với bốn pháp này thanh tịnh không? (Hỏi ba lần). Các Đại đức đối với bốn pháp ấy đều thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là các pháp học giới,

cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Mặc nội y cho tề chỉnh, nên phải học.

2. Phải mặc ba y cho tề chỉnh, nên phải học.

3. Không được vắt ngược y đi vào nhà cư sĩ, nên phải học.

4. Không được vắt ngược y đi vào nhà cư sĩ ngồi, nên phải học.

5. Không được quấn y nơi cổ vào nhà cư sĩ, nên phải học.

6. Không được quấn y nơi cổ vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

7. Không được trùm đầu vào nhà cư sĩ, nên phải học.

8. Không được trùm đầu vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

9. Không được vừa đi vừa nhảy vào nhà cư sĩ, nên phải học.

10. Không được vừa đi vừa nhảy vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

11. Không được ngồi xoạc đùi trong nhà cư sĩ, nên phải học.

12. Không được chống nạnh đi vào nhà cư sĩ, nên phải học.

13. Không được chống nạnh đi vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

14. Không được lắc mình vào nhà cư sĩ, nên phải học.

15. Không được lắc mình vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

16. Không được đánh cánh tay vào nhà cư sĩ, nên phải học.

17. Không được đánh cánh tay đi vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

18. Khéo che thân vào nhà cư sĩ, nên phải học.

19. Khéo che thân vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

20. Không được xoay nhìn bên trái, bên phải mà vào nhà cư sĩ, nên phải học.

21. Không được nhìn bên này bên kia vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

22. Yên lặng đi vào nhà cư sĩ, nên phải học.

23. Yên lặng đi vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

24. Không được giỡn cười vào nhà cư sĩ, nên phải học.

25. Không được giỡn cười vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

26. Chú ý nhận thức ăn, nên phải học.

27. Nhận cơm vừa miệng bát, nên phải học.

28. Nhận canh vừa miệng bát, nên phải học.

29. Cơm, canh ăn đều nhau, nên phải học.

30. Tuần tự ăn, nên phải học.

31. Không được moi chính giữa bát mà ăn, nên

phải học.

32. Không bệnh, không được tự đòi cơm canh cho mình, nên phải học.

33. Không được dùng cơm che khuất canh, lại mong được thêm, nên phải học.

34. Không được liếc nhìn trong bát người ngồi bên cạnh sinh tâm xấu, nên phải học.

35. Phải chú ý nơi bát mà ăn, nên phải học.

36. Không được vốc lớn nắm cơm để ăn, nên phải học.

37. Không được há lớn miệng đợi cơm ăn, nên phải học.

38. Không được ngậm cơm mà nói, nên phải học.

39. Không được vốc cơm ném từ xa vào miệng ăn, nên phải học.

40. Không được ăn cơm để rơi rớt sót lại, nên phải học.

41. Không được ăn để thức ăn búng má, nên phải học.

42. Không được nhai cơm thành tiếng mà ăn, nên phải học.

43. Không được hớp cơm mà ăn, nên phải học.

44. Không được le lưỡi liếm ăn, nên phải học.

45. Không được rảy tay mà ăn, nên phải học.

46. Không được nhặt cơm rơi vãi mà ăn, nên

phải học.

47. Không được tay bẩn nắm đồ đựng cơm, nên phải học.

48. Không được đổ nước rửa bát vào trong nhà cư sĩ, nên phải học.

49. Không được đại tiểu tiện, hỉ, nhổ trên cỏ tươi, trừ lúc đau ốm, nên phải học.

50. Không được đại tiểu tiện, hỉ, nhổ vào nước sạch, trừ lúc đau ốm, nên phải học.

51. Không được đứng mà đại tiểu tiện, trừ người đau bệnh, nên phải học.

52. Không được thuyết pháp cho người vắt ngược y lên vai, không cung kính, trừ người đau ốm, nên phải học.

53. Không được thuyết pháp cho người quấn y nơi cổ, trừ người đau bệnh, nên phải học.

54. Không được thuyết pháp cho người che đầu, trừ người đau bệnh, nên phải học.

55. Không được thuyết pháp cho người trùm đầu, trừ người bệnh, nên phải học.

56. Không được thuyết pháp cho người chống nạnh, trừ người bệnh, nên phải học.

57. Không được thuyết pháp cho người mang dép da, trừ người bệnh, nên phải học.

58. Không được thuyết pháp cho người mang guốc gỗ, trừ người bệnh, nên phải học.

59. Không được thuyết pháp cho người cưỡi

ngựa, trừ người bệnh, nên phải học.

60. Không được ngủ nghỉ trong tháp Phật, trừ vì trông nom giữ gìn, nên phải học.

61. Không được chôn cất của cải trong tháp Phật, trừ việc bảo vệ chắc chắn, nên phải học.

62. Không được mang dép da vào trong tháp Phật, nên phải học.

63. Không được cầm dép da vào trong tháp Phật, nên phải học.

64. Không được mang dép da nhiễu quanh tháp Phật, nên phải học.

65. Không được mang giày phú la vào trong tháp Phật, nên phải học.

66. Không được cầm giày phú la vào trong tháp Phật, nên phải học.

67. Không được ngồi dưới tháp Phật mà ăn để lại rác rưởi và thức ăn làm bẩn đất rồi bỏ đi, nên phải học.

68. Không được khiêng thây chết đi qua dưới tháp Phật, nên phải học.

69. Không được chôn thây chết cạnh dưới tháp Phật, nên phải học.

70. Không được đốt xác chết ở dưới tháp Phật, nên phải học.

71. Không được hướng về tháp Phật mà đốt xác chết, nên phải học.

72. Không được đốt xác chết cạnh bốn phía

tháp Phật khiến mùi hôi thối bay vào tháp, nên phải học.

73. Không được cầm y người chết đi qua dưới tháp Phật, trừ y đã giặt nhuộm và xông hương, nên phải học.

74. Không được đại tiểu tiện dưới tháp Phật, nên phải học.

75. Không được hướng về tháp Phật mà đại tiểu tiện, nên phải học.

76. Không được đại tiểu tiện quanh bốn phía tháp Phật, khiến mùi hôi thối bay vào, nên phải học.

77. Không được mang ảnh tượng Phật đến chỗ đại tiểu tiện, nên phải học.

78. Không được ở dưới tháp xỉa răng, nên phải học.

79. Không được hướng đến tháp Phật xỉa răng, nên phải học.

80. Không được xỉa răng quanh bốn phía tháp Phật, nên phải học.

81. Không được ở bên dưới tháp hỉ mũi, khạc nhổ, nên phải học.

82. Không được hướng về tháp hỉ, nhổ, nên phải học.

83. Không được hỉ, nhổ quanh bốn phía tháp, nên phải học.

84. Không được ngồi duỗi chân về phía tháp

Phật, nên phải học.

85. Không được đặt tượng Phật ở phòng dưới còn mình ở phòng trên, nên phải học.

86. Người ngồi mà mình đứng, không được thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

87. Người nằm mà mình ngồi, không được thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

88. Người ngồi ghế mà mình ngồi chỗ chẳng phải ghế, không được thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

89. Người ngồi chỗ cao mà mình ngồi chỗ thấp, không được thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

90. Người đi trước mà mình đi sau, không được thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

91. Người ở chỗ kinh hành cao mà mình ở chỗ kinh hành thấp, không được thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

92. Người ở tại chỗ đường đi mà mình ở chỗ chẳng phải đường đi, không được thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

93. Không được nắm dắt tay nhau trên đường đi, nên phải học.

94. Không được leo cây cao quá đầu người, trừ trường hợp đặc biệt, nên phải học.

95. Không được xỏ đãy vào đầu gậy, rồi vác

lên vai mà đi, nên phải học.

96. Người cầm gậy không cung kính, không nên thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

97. Người cầm kiếm, không nên thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

98. Người cầm mâu, không nên thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

99. Người cầm dao, không nên thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

100. Người cầm dù, không nên thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói các pháp Chúng học. Nay xin hỏi các Đại đức: Trong các pháp này thanh tịnh không? (Hỏi ba lần). Các Đại đức trong các pháp này đều thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Sau hết là bảy pháp Diệt tránh, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong giới kinh. Nếu có sự việc tranh cãi khởi lên trong các Tỳ-kheo, liền phải ngăn chặn, phải dập tắt ngay:

1. Nên áp dụng Tỳ ni Hiện tiền, thì phải áp dụng Tỳ ni Hiện tiền.

2. Nên áp dụng Tỳ ni Ức niệm, thì phải áp dụng Tỳ ni Ức niệm.

3. Nên áp dụng Tỳ ni Bất si, thì phải áp dụng Tỳ ni Bất si.

4. Nên áp dụng Tự ngôn trị, thì phải áp dụng Tự ngôn tri.

5. Nên áp dụng xét tìm tội tướng thì phải áp dụng xét tìm tội tướng.

6. Nên áp dụng nhiều người xét tìm tội thì phải áp dụng nhiều người xét tìm tội.

7. Nên áp dụng như cỏ che lấp đất thì áp dụng như cỏ che lấp đất.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói bảy pháp Diệt tránh. Nay xin hỏi các Đại đức: Đối với bảy pháp Diệt tránh này thanh tịnh không? (Hỏi ba lần). Các Đại đức trong bảy pháp này đều thanh tịnh, vì im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Tôi đã nói bài tựa Giới kinh, đã nói bốn pháp Ba-la-di, đã nói mười ba pháp Tăng tàn, đã nói hai pháp Bất định, đã nói ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, đã nói chín mươi pháp Ba-dật- đề, đã nói bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, đã nói các pháp Chúng học, đã nói bảy pháp Diệt tránh.

Giới kinh là bao gồm các giới điều này đây, do chính Đức Phật đã thuyết chế, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh. Còn những pháp Phật khác nữa thì trong đó hãy cùng chung hòa hợp mà học.

Nhẫn nhục hạnh bậc nhất
Vô vi Phật nói hơn

Xuất gia làm người buồn
Không gọi là Sa-môn.

Đây là bài tụng giới kinh được thuyết dạy do Đức Như Lai Tỳ Bà Thi, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Ví như người mắt sáng
Đường hiểm nghèo tránh được
Đời có kẻ thông minh
Thường xa rời các ác.

Đây là bài tụng giới kinh được thuyết dạy do Đức Như Lai Thi Khí, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Không chê cũng không ghét
Với giới phải phụng trì
Ăn uống vừa biết đủ
Thường ưa chỗ thanh vắng
Tâm định vui tinh tấn
Là lời chư Phật dạy.

Đây là bài tụng giới kinh được thuyết dạy do Đức Như Lai Tỳ Diếp La, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Như ong hút mật hoa
Không hoại sắc và hương
Chỉ lấy mật rồi đi
Tỳ-kheo vào xóm làng
Không chống trái việc người
Không nghĩ làm, không làm

Chỉ xem chính mình làm
Chân chính hay không chính.

Đây là bài tụng giới kinh được thuyết dạy do Đức Như Lai Câu Lưu Tôn, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Tâm đừng để buông lung
Thánh pháp phải cần học
Như vậy không ưu sầu
Định tâm vào Niết-bàn.

Đây là bài tụng giới kinh được thuyết dạy do Đức Như Lai Câu Na Hàm Mâu Ni, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Tất cả ác chớ làm
Phải giữ làm các thiện
Tự lắng ý chí mình
Là lời chư Phật dạy.

Đây là bài tụng giới kinh được thuyết dạy do Đức Như Lai Ca Diếp, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Với miệng khéo giữ lời
Ý chí tự trong sạch,
Thân không làm các ác
Là ba nghiệp thanh tịnh
Thường làm được như thế
Chính đạo bậc đại tiên.

Đây là bài tụng giới kinh được thuyết dạy do Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai, bậc Vô Sở Trước

Đẳng Chánh Giác đã thuyết dạy cho chúng Tăng không hề có tội gì xảy ra trong suốt mười hai năm đầu. Từ đó về sau, giới kinh được Đức Phật thuyết chế mở rộng không có sự phân biệt thành giới điều. Các Tỳ-kheo nào tự thân ưa thích pháp, ưa thích Sa-môn, tự thân có biết xấu hổ, có biết thẹn mà lòng hâm mộ học giới thì phải học các giới kinh này.

Người trí khéo giữ giới
Thường được ba điều vui
Danh tiếng và lợi dưỡng
Sinh thiên lúc qua đời.
Phải thấy rõ điều này
Có trí siêng giữ giới
Giới tịnh, trí tuệ sinh
Đạo bậc nhất liền thành.
Như chư Phật quá khứ
Cả về Phật vị lại
Các Thế Tôn hiện tại
Thắng vượt mọi ưu lo.
Đều cũng tôn kính giới
Pháp chư Phật là đây
Nếu có thân vì thân
Muốn cầu vào Phật đạo.
Phải tôn trọng chánh pháp
Là lời chư Phật dạy
Bảy Phật là Thế Tôn
Diệt trừ mọi kiết sử.

Thuyết bảy giới kinh này
Giải thoát được buộc ràng
Đã chứng nhập Niết-bàn
Còn đâu các hý luận.
Tôn kính lời Đại Tiên
Thánh Hiền khen ngợi giới
Pháp tu của đệ tử
Nhập Niết-bàn tịch diệt.
Thế Tôn khi Niết-bàn
Với đại bi bừng dậy
Họp các chúng Tỳ-kheo
Ngài giáo giới như vầy:
Đừng tưởng Ta Niết-bàn
Tịnh hạnh không người hộ
Hiện giới kinh Ta nói
Cũng nói thiện Tỳ ni.
Ta tuy nhập Niết-bàn
Phải thấy giới như Phật
Đời còn mãi giới kinh
Pháp Phật được hưng thịnh.
Vì sự hưng thịnh ấy
Mà được vào Niết-bàn
Nếu không trì giới này
Không Bồ-tát như pháp.
Ví như hoàng hôn tắt
Thế giới tối mịt mù
Phải hộ trì giới này
Như trâu mao mến đuôi.

Hòa hợp ngồi một chỗ
Nói giới như Phật dạy
Tôi đã thuyết giới kinh
Chúng Tăng Bồ-tát rồi.
Tôi nay thuyết giới kinh
Các công đức nói giới
Giúp tất cả chúng sinh
Đều trọn thành Phật đạo.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 74

TỨ PHẦN TỲ KHEO NI GIỚI BỔN

SỐ 1431

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1431

TỨ PHẦN TỲ KHEO NI GIỚI BỔN

Hán dịch: Đời Hậu Tần,
Tam tạng Phật Đà Da Xá.

Cúi đầu lễ chư Phật
Lễ Pháp và lễ Tăng
Nay diễn pháp Tỳ-ni
Để chánh pháp còn mãi.
Giới như biển không bờ
Như báu miệt mài tìm
Muốn giữ pháp tài Thánh
Chúng nhóm nghe tôi nói.
Muốn trừ bốn tội Khí
Muốn diệt tội Tăng-tàn
Ngăn ba mươi Xả-đọa
Chúng họp nghe tôi nói.
Tỳ Bà Thi, Thi Khí
Tỳ Xá, Câu Lưu Tôn
Câu Na Hàm Mâu Ni
Ca Diếp, Thích Ca Văn.
Các Đại đức Thế Tôn
Vì chúng ta thuyết giới
Nay giới kinh, tôi tụng
Các Hiền giả cùng nghe.

Ví người chân thương tật
Không thể đi lại được
Người phá giới cũng vậy
Không sinh vào trời, người.
Muốn sinh lên chư Thiên
Hoặc sinh cõi người này
Chân giới thường bảo hộ
Đừng để cho tổn hoại.
Như đường hiểm, xe qua
Lo chốt rơi, trục gãy
Phá giới cũng như vậy
Khi chết canh cánh lo.
Như người tự soi gương
Vui, lo theo đẹp - xấu
Nói giới là soi gương
Vui, buồn theo vẹn - hỏng.
Như hai bên chiến đấu
Dũng: thắng, khiếp nhược: thua
Nói giới giống như vậy
Vui, sợ theo tịnh - nhơ.
Thế gian, vua trên hết
Mọi dòng chảy, biển hơn
Các sao, trăng sáng nhất
Các Thánh, Phật là trên.
Trong tất cả các Luật
Giới kinh là tối thượng
Như Lai lập giới cấm
Nửa tháng tụng một lần.

- Tăng tập họp chưa? Đáp: Tăng tập họp rồi.

- Hòa hợp không?

- Hòa hợp.

- Người chưa thọ Đại giới ra chưa? (Nếu có, khiến đi ra xong, đáp: Đã ra. Không có ai thì đáp: Không).

- Các Tỳ-kheo-ni không đến Bố-tát có thuyết dục và thanh tịnh không?

(Có, thì y pháp thưa. Không, đáp: Không có)

- Tăng nay hòa hợp để làm việc gì?

Đáp: Để Yết-ma thuyết giới.

- Đại tỷ Tăng xin lắng nghe! Hôm nay ngày mười lăm, ngày chúng Tăng thuyết giới, là thời gian thích hợp của Tăng. Nếu Tăng chấp nhận nghe giới thì hòa hợp thuyết giới. Xin thưa rõ vấn đề như thế.

(Tác bạch thành, thì đáp "Thành")

Thưa các Đại tỷ! Ngay sau đây tôi sẽ tụng giới Ba-la-đề-mộc-xoa. Các vị hãy lắng nghe, suy nghĩ chín chắn vấn đề. Nếu xét biết mình có phạm giới thì phải tự sám hối ngay, còn không phạm giới thì im lặng. Chính sự im lặng này cho biết các Đại tỷ thanh tịnh. Nếu có người khác hỏi điều gì thì cũng đáp đúng sự thật như thế. Như vậy, Tỳ-kheo-ni trong chúng được hỏi đến ba lần, nhớ nghĩ có tội mà không sám hối thì phạm tội cố ý nói dối. Cố ý nói dối, Phật dạy: Đó là pháp ngăn trở đạo nghiệp.

Nếu Tỳ-kheo-ni nhớ nghĩ có tội, muốn cầu được thanh tịnh thì phải sám hối. Sám hối thì được an vui.

Thưa các Đại tỷ! Tôi đã nói lời tựa của Giới kinh. Nay xin hỏi các Đại tỷ, đối với điều dạy trong tựa này, thanh tịnh không? (Hỏi ba lần).

Các Đại tỷ, trong vấn đề này đều thanh tịnh, vì cùng im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại tỷ! Tiếp đây là tám pháp Ba-la-di, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo-ni đồng giới pháp với Tỳ-kheo-ni, không hoàn lại giới, giới suy yếu không tự sám hối, phạm vào việc dâm dục, hạnh thanh tịnh không còn, cho đến cùng súc sinh thì Tỳ-kheo-ni này phạm Ba-la-di, không được cùng chư ni sống chung.

2. Nếu Tỳ-kheo-ni - tại xóm làng hay chỗ trống vắng - vật không cho nhưng có tâm trộm cắp; tùy theo chỗ vật trộm lấy, hoặc là vua hay đại thần bắt được, hoặc xử trói, hoặc xử giết, hoặc xử đuổi ra khỏi xứ: mắng ngươi là giặc, ngươi là kẻ ngu si, ngươi là kẻ chẳng biết gì. Nếu Tỳ-kheo-ni trộm cắp vật không cho mà lấy như vậy thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm Ba-la-di, không được cùng chư ni chung sống.

3. Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay cố giết chết mạng

sống của người, hoặc cầm dao đưa cho người, hoặc khen ngợi sự chết, đề cao sự chết, khuyến khích sự chết: "Ôi, người vận dụng các xấu xa thế này mà sống ư?! Thà chết không nên sống làm gì!".

Với tâm niệm như vậy rồi tạo ra nhiều phương cách, nhiều hình thức khen chết, đề cao sự chết, khuyến khích sự chết… thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm Ba-la-di, không được cùng chư ni sống chung.

4. Nếu Tỳ-kheo-ni, thật sự không hiểu biết mà tự đề cao khen mình: "Tôi được pháp hơn người, tôi đã nhập vào pháp thù thắng của Thánh trí. Tôi biết pháp ấy, tôi thấy pháp ấy". Sau đó, vào một thời gian khác, Tỳ-kheo-ni ấy - được hỏi hay không được hỏi, vì muốn cầu sự thanh tịnh - tự nói: "Chư Đại tỷ! Tôi thật không biết, không thấy mà nói tôi biết, tôi thấy. Tôi đã hư cấu, dối gạt, tôi nói dối", trừ tăng thượng mạn, Tỳ-kheo-ni ấy phạm Ba-la-di, không được cùng chư ni sống chung.

5. Nếu Tỳ-kheo-ni với tâm nhiễm ô, cùng với người nam tâm nhiễm ô, từ nách trở xuống, từ đầu gối trở lên, thân xúc chạm nhau, hoặc nắm, xoa, hoặc kéo đẩy, hoặc bồng, hoặc rờ lên, hoặc rờ xuống, hoặc nâng lên, hoặc để xuống, hoặc ép, hoặc đè, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm Ba-la-di, không được cùng chư ni sống chung. Đây là thân xúc chạm nhau.

6. Nếu Tỳ-kheo-ni với tâm nhiễm ô, biết người nam tâm ô nhiễm mà để cho họ, nơi chỗ vắng, nắm tay, nắm y, cùng đứng, cùng nói chuyện, cùng đi, hoặc thân dựa lên nhau, hoặc cùng hẹn hò, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm Ba-la-di, không được cùng chư ni sống chung, vì phạm vào tám việc này.

7. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni khác phạm Ba-la-di mà không tự phát lồ, không nói cho người biết, không bạch đại chúng. Vào thời gian khác, Tỳ-kheo-ni ấy, hoặc qua đời, hoặc trong chúng cử tội, hoặc thôi tu, hoặc theo ngoại đạo. Sau đó nói như vầy: "Tôi trước đây có biết tội như vậy, như vậy… của cô ấy", thì Tỳ-kheo này phạm Ba-la-di, không được cùng chư ni sống chung, vì che giấu tội nặng.

8. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo Tăng đã Yết-ma cử tội đúng pháp, đúng luật, đúng như điều Phật dạy mà không phục tùng, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho sống chung nhưng mình lại thuận theo Tỳ-kheo này. Các Tỳ-kheo-ni nói: "Đại tỷ, Tỳ-kheo này, Tăng đã cử tội đúng pháp, đúng luật, đúng như điều Phật dạy mà không thuận tùng, không sám hối, Tăng chưa tác pháp cho sống chung. Cô đừng thuận theo".

Khi các Tỳ-kheo-ni can gián Tỳ-kheo-ni ấy như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ thì Tỳ-kheo-ni nên can gián lần thứ hai, lần thứ ba, khiến cho loại bỏ sự kiên trì ấy. Can gián đến lần thứ ba, bỏ thì

tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm Ba-la-di, không được cùng chư ni sống chung, vì phạm tội theo người bị cử tội.

Thưa chư Đại tỷ! Tôi đã nói tám pháp Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni phạm mỗi một pháp Ba-la-di thì không còn được cùng các Tỳ-kheo-ni sống chung. Như trước chưa thọ giới và sau khi phạm, họ cũng sống như vậy. Tỳ-kheo-ni phạm tội Ba-la-di không nên cùng chư ni sống chung.

Nay xin hỏi các Đại tỷ, đối với tám pháp Ba-la-di này thanh tịnh không? (Hỏi ba lần)

Các Đại tỷ trong tám pháp này đều thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa chư Đại tỷ! Đây là mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo-ni làm mai mối, đem lời người nam nói với người nữ, đem lời người nữ nói với người nam, hoặc tác hợp nên vợ chồng, hoặc để gian dối thông dâm, dù chỉ trong chốc lát, Tỳ-kheo-ni này vừa làm là phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

2. Nếu Tỳ-kheo-ni không hỷ xả, tức giận, đem pháp Ba-la-di không căn cứ để phỉ báng nhằm muốn phá hoại thanh tịnh của vị ấy. Về sau, vào thời gian khác, hoặc hỏi hay không hỏi, Tỳ-kheo-ni ấy bảo: "Sự việc ấy là không có cơ sở, vì tôi tức giận mà nói lời như thế" thì Tỳ-kheo-ni này vừa

làm là phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

3. Nếu Tỳ-kheo-ni không hỷ xả, tức giận, từ trong phần việc khác nhau lấy ra một khía cạnh, chẳng phải Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di, sử dụng làm pháp Ba-la-di không căn cứ phỉ báng nhằm muốn phá phạm hạnh của người ấy. Về sau, vào thời gian khác, hoặc hỏi hay không hỏi, biết là một khía cạnh trong phần việc khác, Tỳ-kheo-ni ấy vì sống trong nóng giận nên nói như vậy, Tỳ-kheo-ni này vừa làm là phạm Tăng-già- bà-thi-sa.

4. Nếu Tỳ-kheo trực tiếp đến kiện lên quan: cư sĩ hay con cư sĩ, hoặc kẻ ở hay người làm thuê, hoặc ngày hoặc đêm, hoặc khoảnh khắc của một niệm, hoặc tích tắc khảy móng tay, hoặc thoáng chốc, Tỳ- kheo-ni ấy vừa làm là phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

5. Nếu Tỳ-kheo-ni trước biết đó là giặc gái, tội đáng chết, ai cũng biết người này, không hỏi vương đại thần, không hỏi dòng họ danh tánh, bèn độ cho xuất gia thọ giới Cụ túc. Tỳ-kheo-ni này vừa làm là phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

6. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni khác đã bị Tăng cử tội đúng pháp, đúng luật, đúng như điều Phật dạy mà không tùng phục, chưa sám hối, Tăng chưa cho tác pháp Yết-ma sống chung; vì thương cô ấy nên không hỏi Tăng, Tăng không hứa, không chỉ giáo, lại ra ngoài cương giới tác Yết-ma giải

tội cho cô kia, Tỳ-kheo-ni này vừa làm là phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

7. Nếu Tỳ-kheo-ni lội qua nước một mình, vào xóm một mình, đêm ngủ một mình, một mình đi đằng sau người, Tỳ-kheo-ni ấy vừa làm là phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

8. Nếu Tỳ-kheo-ni tâm nhiễm ô, biết người nam tâm ô nhiễm mà nhận từ họ vật có thể ăn và nhận ăn bao gồm các vật khác, Tỳ-kheo-ni này vừa làm là phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

9. Nếu Tỳ-kheo-ni bảo Tỳ-kheo-ni khác: "Đại tỷ, người kia có tâm nhiễm ô hay không có tâm nhiễm ô, có ảnh hưởng gì đến cô đâu? Tâm của cô không nhiễm ô, với họ, nếu được thì ăn, miễn sao hợp thời thanh tịnh, nhận lấy mà ăn". Tỳ-kheo-ni này vừa làm là phạm Tăng- già-bà-thi-sa.

10. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn phá hoại Tăng hòa hợp nên chấp nhận các phương tiện cần thiết để phá Tăng pháp và kiên trì không bỏ. Tỳ- kheo-ni này nên can gián Tỳ-kheo kia: "Đại tỷ, cô đừng phá hoại Tăng hòa hợp, cô đừng tìm cách phá Tăng hòa hợp. Cô đừng chấp nhận phá Tăng pháp một cách kiên trì không bỏ. Đại tỷ, nên cùng Tăng hòa hợp, cùng Tăng hòa hợp thì hoan hỷ không tranh cãi, đồng một thầy học hỏi, như nước với sữa hòa nhau, có như thế thì trong pháp Phật mới sống tăng ích, an vui".

Tỳ-kheo-ni này khi can gián Tỳ-kheo-ni kia mà cô ấy vẫn kiên trì không bỏ, thì các Tỳ-kheo này nên ba lần can gián nhằm loại bỏ việc phá hòa hợp Tăng. Can gián đến lần thứ ba, bỏ thì tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nên loại bỏ ba điều phạm cố chấp.

11. Nếu Tỳ-kheo-ni có Tỳ-kheo-ni khác theo phe đảng, hoặc một, hoặc hai, hoặc ba cho đến vô số Tỳ-kheo-ni phe đảng kia nói với các Tỳ-kheo-ni ấy: "Đại tỷ, cô đừng can gián Tỳ-kheo-ni này, Tỳ-kheo-ni này nói pháp của Tỳ-kheo-ni, nói luật của Tỳ-kheo-ni. Điều Tỳ-kheo- ni này nói tâm chúng tôi vui thích, điều Tỳ-kheo-ni này nói tâm chúng tôi chấp nhận được".

Tỳ-kheo-ni nên nói với Tỳ-kheo-ni phe đảng: "Đại tỷ, đừng cường điệu bảo: Tỳ-kheo-ni này nói pháp của Tỳ-kheo-ni, nói luật của Tỳ-kheo-ni. Điều Tỳ-kheo-ni này nói tâm chúng tôi vui thích, điều Tỳ- kheo-ni này nói tâm chúng tôi chấp nhận được. Vì sao vậy? Vì vấn đề mà Tỳ-kheo-ni nói là nói điều phi pháp, là nói điều phi luật. Đại tỷ đừng phá hoại Tăng hòa hợp, mà phải sẵn lòng vui Tăng hòa hợp. Đại tỷ cùng Tăng hòa hợp mà hoan hỷ không tranh cãi, đồng một thầy học hỏi như nước với sữa hòa nhau, có như thế thì trong pháp Phật mới được đời sống an vui".

Tỳ-kheo-ni ấy khi can gián Tỳ-kheo-ni bè đảng mà vẫn kiên trì không bỏ thì Tỳ-kheo-ni ấy

ba lần can gián nhằm loại bỏ sự kiên trì của Tỳ-kheo-ni bè nhóm. Can gián đến lần thứ ba, bỏ thì tốt, không bỏ thì Tỳ-kheo-ni phe cánh ấy phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nên loại ba điều phạm cố chấp.

12. Nếu Tỳ-kheo-ni sống nương nhờ vào thành ấp hay thôn làng mà hành động xấu xa làm hoen ố tín đồ. Làm những việc xấu xa, ai cũng thấy cũng nghe; làm hoen ố tín đồ, ai cũng thấy cũng nghe. Các Tỳ-kheo-ni hãy can gián Tỳ-kheo-ni nơi ấy: "Đại tỷ, cô hành động xấu xa làm hoen ố tín đồ, cô làm những việc xấu xa, ai cũng thấy cũng nghe, làm hoen ố tín đồ, ai cũng thấy cũng nghe. Nay tốt hơn là cô nên rời khỏi thôn làng này, không cần thiết sống nơi đây nữa".

Tỳ-kheo-ni đương sự ấy nói với các Tỳ-kheo-ni can gián như vầy: "Đại tỷ! Các Tỳ-kheo-ni đều có thương, có giận, có sợ, có si; có Tỳ-kheo-ni đồng tội như vậy, lại có người bị đuổi, có người không bị đuổi?"

Các Tỳ-kheo-ni đã can gián nói với Tỳ-kheo-ni kia: "Đại tỷ! Đừng nên nói: có thương, có giận, có sợ, có si. Cũng đừng nói có Tỳ-kheo-ni tội đồng như vậy, có người bị đuổi, có người không bị đuổi? Vì sao vậy? Vì các Tỳ-kheo-ni không thương, không giận, không sợ, không si, nên chẳng có Tỳ-kheo-ni đồng tội như vậy mà có người bị đuổi có người không bị đuổi. Đại tỷ, cô

hành động xấu xa làm hoen ố tín đồ, cô làm những việc xấu xa, ai cũng thấy cũng nghe; làm hoen ố tín đồ, ai cũng thấy cũng nghe".

Các Tỳ-kheo-ni ấy khi can gián Tỳ-kheo-ni kia mà vẫn kiên trì không bỏ thì các Tỳ-kheo-ni nên can gián ba lần, nhằm loại bỏ sự kiên trì của cô này. Can gián cho đến lần thứ ba, bỏ được thì tốt, không bỏ, Tỳ-kheo-ni cố chấp phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nên loại bỏ ba điều phạm về ngoan cố.

13. Nếu Tỳ-kheo-ni tánh xấu, không chấp nhận lời của ai. Đối với trong giới pháp, các Tỳ-kheo-ni đã đúng pháp can gián, song tự thân đều phủ nhận sự can gián này, nói: "Đại tỷ, cô đừng nói với tôi những điều hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với cô điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các Đại tỷ xin thôi, đừng can gián tôi nữa".

Các Tỳ-kheo-ni đã can gián có bổn phận phải can gián Tỳ-kheo- ni ấy: "Đại tỷ! Cô đừng phủ nhận lời can gián cho tự thân. Đại tỷ! Tự thân cô phải nhận lời can gián. Đại tỷ đúng pháp can gián các Tỳ-kheo- ni và các Tỳ-kheo-ni cũng đúng như pháp can gián. Đại tỷ, có như vậy, chúng đệ tử của Phật được tăng ích, và cần phải được sự can gián cho nhau, cần phải được chỉ bảo, chỉ bảo cho nhau, cần phải được sám hối, sám hối với nhau".

Các Tỳ-kheo-ni khi được can gián như vậy mà đối tượng vẫn kiên trì không bỏ, thì các Tỳ-kheo-

ni nên can gián ba lần nhằm loại bỏ sự ngoan cố này. Can gián đến lần thứ ba, bỏ thì tốt, không bỏ thì Tỳ- kheo-ni ngoan cố phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nên loại bỏ ba điều phạm về ngoan cố.

14. Nếu Tỳ-kheo-ni sống gần gũi, thân nhau, lại cùng nhau làm việc ác, tiếng xấu đồn khắp, hết tội này đến tội khác cứ che giấu cho nhau. Các Tỳ-kheo-ni có bổn phận can gián Tỳ-kheo-ni kia: "Đại tỷ, các cô đừng gần gũi thân nhau, để cùng nhau làm việc ác tiếng xấu đồn khắp và che giấu tội cho nhau. Các cô nếu không gần gũi thân nhau thì ở trong pháp Phật được sống tăng ích an vui".

Các Tỳ-kheo-ni khi can gián Tỳ-kheo-ni kia mà vẫn kiên trì không bỏ thì các Tỳ-kheo-ni nên phải ba lần can gián nhằm loại bỏ sự ngoan cố này. Can gián đến lần thứ ba, bỏ thì tốt không bỏ thì Tỳ-kheo-ni phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nên loại bỏ ba lần phạm việc ngoan cố.

15. Nếu Tỳ-kheo-ni, khi Tỳ-kheo-ni Tăng tác pháp quở trách mà Tỳ-kheo-ni khác bày vẽ họ như vầy: "Các cô đừng ở riêng, cứ ở chung. Tôi cũng thấy các Tỳ-kheo-ni khác không ở riêng, cùng làm việc xấu, tiếng xấu đồn khắp, cùng che giấu tội cho nhau. Tăng vì giận dỗi mà bảo các cô tách sống riêng ra".

Các Tỳ-kheo-ni nên can gián Tỳ-kheo-ni xúi dục kia: "Đại tỷ, cô đừng bày vẽ Tỳ-kheo-ni khác,

nói: Các cô đừng tách sống riêng. Tôi cũng thấy Tỳ-kheo-ni khác ở chung cùng làm điều ác tiếng xấu đồn khắp, cùng che giấu tội cho nhau. Tăng vì giận dỗi nên bảo cô tách sống riêng ra".

Nay chính thức có hai Tỳ-kheo-ni sống chung, cùng nhau làm điều xấu, tiếng xấu đồn khắp, cùng che giấu tội cho nhau. Ngoài ra không còn cô nào nữa. Nếu Tỳ-kheo-ni sống riêng ra thì ở trong pháp Phật mới có sự sống tăng ích an vui.

Các Tỳ-kheo-ni khi can gián Tỳ-kheo-ni kia mà họ vẫn kiên trì không bỏ thì các Tỳ-kheo-ni nên phải ba lần can gián nhằm loại bỏ sự ngoan cố này. Can gián đến lần thứ ba, bỏ thì tốt không bỏ thì Tỳ-kheo- ni ngoan cố kia phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nên loại bỏ ba lần phạm việc ngoan cố.

16. Nếu Tỳ-kheo-ni chỉ vì một việc nhỏ, không hỷ xả, tức giận bèn nói thế này: "Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng. Đâu phải chỉ có Sa- môn Thích tử, mà còn có Sa-môn, Bà-la-môn khác tu phạm hạnh nữa. Chúng tôi cũng có thể đến chỗ họ tu phạm hạnh".

Các Tỳ-kheo-ni có trách nhiệm can gián Tỳ-kheo-ni định bỏ đạo kia: "Đại tỷ, cô đừng chỉ vì một việc nhỏ mà không hoan hỷ, tức giận bèn nói như vầy: "Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng. Đâu phải Sa-môn Thích tử độc quyền, mà cũng có Sa-môn, Bà-la-môn khác tu phạm hạnh nữa. Chúng

tôi cũng có thể đến đó để tu phạm hạnh".

Các Tỳ-kheo-ni khi can gián Tỳ-kheo-ni kia mà vẫn kiên trì không bỏ thì các Tỳ-kheo-ni nên phải ba lần can gián nhằm loại bỏ sự ngoan cố này. Can gián đến lần thứ ba, bỏ thì tốt không bỏ thì Tỳ-kheo-ni ngoan cố kia phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nên loại bỏ ba lần phạm việc ngoan cố.

17. Nếu Tỳ-kheo-ni ưa tranh cãi, nhưng không nắm vững ghi nhớ tốt việc tranh cãi. Sau đó nổi nóng giận nói càn: "Tăng có thương, có giận, có sợ, có si".

Các Tỳ-kheo-ni nên can gián Tỳ-kheo-ni kia: "Này cô, cô đừng ưa sự tranh chấp. Cô không nhớ nổi, không nắm chắc việc tranh cãi, sau đó nổi nóng tức giận, cô lại nói càn: Tăng có thương, có giận, có sợ, có si. Nhưng Tăng không thương, không giận, không sợ, không si, mà chỉ có mình cô là có thương, có giận, có sợ, có si".

Các Tỳ-kheo-ni khi can gián Tỳ-kheo-ni kia mà vẫn kiên trì không bỏ thì các Tỳ-kheo-ni nên phải ba lần can gián nhằm loại bỏ sự ngoan cố này. Can gián đến lần thứ ba, bỏ thì tốt không bỏ thì Tỳ-kheo-ni phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nên loại bỏ ba lần phạm việc ngoan cố.

Thưa các Đại tỷ! Tôi đã nói mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa. Chín giới đầu vừa phạm là kết tội. Tám giới sau tiếp phải đến ba lần can gián mới

phạm. Nếu Tỳ-kheo-ni phạm mỗi một pháp, thì giữa hai bộ Tăng buộc phải thi hành nửa tháng "Ma-na-đỏa" (ý hỷ).

Thi hành xong việc "Ma-na-đỏa" còn phải thực hiện việc giải tội. Phải đủ bốn mươi vị của hai bộ Tăng và việc giải tội cho Tỳ-kheo-ni phải giữa chúng bốn mươi vị này. Nếu thiếu một, không đủ bốn mươi vị mà giải trừ tội cho Tỳ-kheo-ni ấy thì tội của Tỳ-kheo-ni ấy không giải trừ được và các Tỳ-kheo-ni tham dự cũng bị khiển trách. Vấn đề này phải thực hành như vậy.

Nay xin hỏi các Đại tỷ, đối với mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa này thanh tịnh cả không? (Hỏi ba lần). Các Đại tỷ trong mười bảy pháp ấy đều thanh tịnh vì cùng im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Tiếp đây là ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Nếu Tỳ-kheo-ni y đã đủ rồi, y công đức đã xả, được cất để y dư trong mười ngày, không tịnh thí. Nếu quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật- đề.

2. Nếu Tỳ-kheo-ni y đã đủ rồi, y công đức đã xả, trong năm y của mình rời mỗi một y qua một đêm ngủ chỗ khác, trừ Tăng yết-ma thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

3. Nếu Tỳ-kheo-ni y đã đủ rồi, y công đức đã

xả, nếu Tỳ-kheo-ni được y phải thời, nhắm cần thì nhận, nhận rồi kịp may thành y ngay. Nếu vải đủ thì tốt, nếu không đủ thì được phép cất lại một tháng để đủ vải may thành y. Nếu quá hạn ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

4. Nếu Tỳ-kheo-ni xin y từ cư sĩ, vợ cư sĩ, chẳng phải thân quyến thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Trừ trường hợp khác: Đó là: trường hợp y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi, đây là trường hợp khác.

5. Nếu Tỳ-kheo-ni y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi. Nếu cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải thân quyến đem đến cúng cho nhiều y và xin mời nhận tùy ý. Tỳ-kheo-ni ấy nên phải biết nhận vừa đủ, nếu nhận quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

6. Nếu cư sĩ, vợ cư sĩ vì Tỳ-kheo-ni để dành tiền mua y cúng cho Tỳ-kheo-ni có tên như thế. Tỳ-kheo-ni ấy trước không mời nhận tùy ý, lại đến nhà cư sĩ nói như vầy: "Cư sĩ tốt lắm! Xin hãy vì tôi để tiền dành dụm như thế, sắm y như vậy cúng cho tôi" vì muốn cho tốt, nếu nhận được y ấy, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

7. Nếu có hai nhà cư sĩ và vợ cư sĩ dành dụm tiền sắm y cho Tỳ- kheo-ni. "Với số tiền dành dụm, chúng ta sắm y như vậy để cúng cho Tỳ-kheo-ni tên như thế…", Tỳ-kheo-ni ấy trước

không nhận lời mời tùy ý, lại đến nhà hai cư sĩ nói như vầy: "Tốt lắm cư sĩ! Dành dụm tiền để sắm y như vậy nên hợp chung may một cái y cúng cho tôi", vì muốn tốt. Nếu nhận được y ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

8. Nếu Tỳ-kheo-ni, hoặc vua, hoặc đại thần, hoặc Bà-la-môn, hoặc cư sĩ, vợ cư sĩ sai người đưa tiền sắm y đến cho Tỳ-kheo-ni, dặn:

"Hãy mang số tiền y như vậy đến cúng cho Tỳ-kheo-ni tên như vậy".

Đến chỗ Tỳ-kheo-ni, người sứ ấy nói: "Thưa Đại tỷ, số tiền y này được lệnh mang đến cúng cho cô, xin cô nhận cho".

Tỳ-kheo-ni ấy nên nói với người sứ kia: "Tôi không nên nhận số tiền sắm y này. Nếu tôi cần y thì sẽ nhận y thanh tịnh và hợp cách".

Người sứ kia nói với Tỳ-kheo-ni: "Thưa Đại tỷ, có ai giúp đỡ việc cho cô không?".

Cần y thì Tỳ-kheo-ni nên bảo người sứ: "Có, chính người thuộc Tăng-già-lam hay Ưu-bà-tắc, là người chấp sự của Tỳ-kheo-ni, thường vì các Tỳ-kheo-ni giúp đỡ công việc".

Người sứ kia đến thẳng chỗ người chấp sự, sau khi trao số tiền may y xong liền quay trở lại chỗ Tỳ-kheo-ni, nói: "Thưa cô, người chấp sự tên là… mà cô chỉ cho, tôi đã trao số tiền sắm y cho họ rồi, khi nào nhận thấy hợp lúc, cô đến người chấp sự

đó sẽ được y".

Lúc cần y, Tỳ-kheo-ni đến chỗ người chấp sự kia. Nếu đến, lần thứ hai, hoặc lần thứ ba thì nói: "Tôi cần y". Đến lần thứ hai, lần thứ ba mà người chấp sự suy nghĩ nhớ ra và nhận được y thì tốt. Còn không được y thì lần thứ tư, lần thứ năm, lần thứ sáu, đến trước họ đứng im lặng, nhằm để cho họ nhớ nghĩ lại. Nếu lần thứ tư, lần thứ năm, lần thứ sáu đến trước họ đứng im lặng mà được y thì tốt, không được y mà đến quá sáu lần để cầu cho được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Trường hợp không được y thì đến chỗ người chủ cúng tiền y, hoặc tự đến, hoặc nhờ người đến, nói: "Trước đây, người sai sứ đem tiền sắm y đến cúng cho Tỳ-kheo-ni tên như vậy. Tỳ-kheo-ni ấy rốt cuộc không nhận được y, xin người đến lại đó lấy về, đừng để mất tiền". Đây là hợp cách.

9. Nếu Tỳ-kheo-ni tự mình nhận lấy vàng, bạc hay tiền, hoặc bảo người lấy, hoặc nhận bằng miệng nói có thể, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba- dật-đề.

10. Nếu Tỳ-kheo-ni mua bán bất cứ đồ quý báu nào đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

11. Nếu Tỳ-kheo-ni bằng mọi hình thức mua bán cầu lợi nhuận, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

12. Nếu Tỳ-kheo-ni có bát vá dưới năm chỗ, mà không chảy rỉ, lại tìm xin bát mới vì để cho tốt, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Tỳ-kheo-ni ấy phải đem bát này đến giữa Ni chúng xả bát bằng cách đổi theo thứ tự, lấy bát của vị thấp nhất trao cho Tỳ-kheo-ni ấy và nói: "Cô giữ gìn sử dụng bát này cho đến khi bể". Đây là hợp thức.

13. Nếu Tỳ-kheo-ni tự mình xin chỉ sợi, rồi nhờ người thợ dệt chẳng phải thân quyến dệt y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

14. Nếu cư sĩ, vợ cư sĩ vì Tỳ-kheo-ni thuê thợ dệt, dệt làm y cho Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni đó trước không nhận lời mời tùy ý, bèn đến chỗ thợ dệt nói: "Y này dệt là để cúng cho tôi. Hãy dệt cho thật khéo, khổ cho rộng, chắc chắn, sắc sảo, chỉnh khéo cho bằng nhau. Đương nhiên, ít nhiều tôi cũng trả công cho ông xứng đáng".

Nếu Tỳ-kheo-ni trả cho thợ dệt cái công xứng đáng ấy mà giá trị chỉ đến bằng một bữa ăn để được y ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

15. Nếu Tỳ-kheo-ni trước đã đem y cho Tỳ-kheo-ni khác, sau đó tức giận, hoặc tự đoạt lấy, hay sai người khác đoạt lấy, nói: "Trả y lại cho tôi. Tôi không cho cô nữa". Tỳ-kheo-ni ấy trả lại y, cô kia nhận y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

16. Nếu Tỳ-kheo-ni có bệnh, được cất giữ các loại thuốc, tô, dầu, sinh tô, mật và đường phèn… qua đêm để uống, cho đến bảy ngày. Nếu quá hạn ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo-ni còn mười ngày nữa mới mãn ba tháng Hạ, mà có y cúng trong trường hợp vội vàng, Tỳ-kheo-ni biết y cúng trong trường hợp như thế thì nên nhận. Nhận rồi nên giữ cất cho đến thời của

y. Nếu cất giữ quá hạn ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

18. Nếu Tỳ-kheo-ni biết vật thuộc về Tăng mà tự tìm cách đem về cho mình thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

19. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn được cái này lại đòi cái kia thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

20. Nếu Tỳ-kheo-ni biết vật đàn-việt cúng để làm cho Tăng, lại xoay sử dụng làm việc khác, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

21. Nếu Tỳ-kheo-ni vật đàn-việt cúng để làm việc này, lại tự đem làm việc cho Tăng, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

22. Nếu Tỳ-kheo-ni, đàn-việt cúng vật để làm việc này, lại xoay sử dụng làm chỗ khác, khác với chỗ cúng của đàn-việt thì phạm Ni-tát- kỳ Ba-dật-đề.

23. Nếu Tỳ-kheo-ni, được đàn-việt cúng vật để làm việc này, lại tự tìm cách khác làm cho Tăng, xoay sử dụng làm chỗ khác thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

24. Nếu Tỳ-kheo-ni giữ cất bát dư thì phạm Ni-

tát-kỳ Ba-dật-đề.

25. Nếu Tỳ-kheo-ni giữ cất nhiều loại đồ dùng tốt đẹp thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

26. Nếu Tỳ-kheo-ni hứa cho Tỳ-kheo-ni nào đó y bệnh, sau lại không cho thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

27. Nếu Tỳ-kheo-ni dùng y phi thời sử dụng làm y phải thời thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

28. Nếu Tỳ-kheo-ni trao đổi y cho Tỳ-kheo-ni, sau tức giận, tự đoạt lấy lại, hay bảo người đoạt, nói: "Cô trả lại y cho tôi. Tôi không cho cô nữa. Y của cô thuộc về cô, còn y của tôi thì trả lại cho tôi" thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

29. Nếu Tỳ-kheo-ni xin y nhiều lớp thì xin loại y trị giá tiền bằng bốn lớp. Nếu quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

30. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn xin y nhẹ mát thì chỉ xin loại y trị giá tiền nhiều nhất bằng hai lớp rưỡi. Nếu quá thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật- đề.

Thưa các Đại tỷ! Tôi đã nói ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nay xin hỏi các Đại tỷ: Trong ba mươi pháp này thanh tịnh không? (Hỏi ba lần). Các Đại tỷ đối với ba mươi pháp này đều thanh tịnh vì cùng im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại tỷ! Tiếp đây là một trăm bảy mươi tám pháp Ba- dật-đề, cứ mỗi nửa tháng đều

tụng theo trong Giới kinh.

1. Nếu Tỳ-kheo-ni cố ý nói dối thì phạm Ba-dật-đề.

2. Nếu Tỳ-kheo-ni nói lời chế nhạo, chê bai thì phạm Ba-dật-đề.

3. Nếu Tỳ-kheo-ni nói lời ly gián thì phạm Ba-dật-đề.

4. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng một nhà có người nam mà ngủ lại thì phạm Ba-dật-đề.

5. Nếu Tỳ-kheo-ni đồng một nhà có người nữ chưa thọ giới mà để họ ngủ lại quá ba đêm thì phạm Ba-dật-đề.

6. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng người chưa thọ Cụ giới tụng kinh pháp thì phạm Ba-dật-đề.

7. Nếu Tỳ-kheo-ni biết ai đó có tội thô ác, đem nói với người chưa thọ Đại giới, trừ Tăng Yết-ma, thì phạm Ba-dật-đề.

8. Nếu Tỳ-kheo, đối tượng là người chưa thọ Đại giới mà nói với họ pháp hơn người: "Tôi thấy điều ấy, tôi biết điều ấy", có là sự thật, thì cũng phạm Ba-dật-đề.

9. Nếu Tỳ-kheo-ni thuyết pháp cho người nam nghe mà nói quá năm, sáu lời, trừ có người nữ có trí, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

10. Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay đào đất hay bảo người đào đất thì phạm Ba-dật-đề.

11. Nếu Tỳ-kheo-ni chặt phá cây cối là chỗ cư

trú của quỷ thần… thì phạm Ba-dật-đề.

12. Nếu Tỳ-kheo-ni bịa đặt nói khác sự thật, gây phiền bực cho người khác thì phạm Ba-dật-đề.

13. Nếu Tỳ-kheo-ni giận hờn, mắng chửi ai đó thì phạm Ba-dật-đề.

14. Nếu Tỳ-kheo-ni đem giường dây, hoặc giường cây, hoặc ngọa cụ, đệm ngồi của Tăng tự trải ra nơi đất trống, hay bảo người trải, nằm ngồi rồi bỏ đi, không đích thân thu dọn, không bảo người thu dọn thì phạm Ba-dật-đề.

15. Nếu Tỳ-kheo-ni ở trong phòng của Tăng, lấy ngọa cụ của Tăng, hoặc tự trải hay bảo người trải, hoặc nằm hay ngồi, rồi bỏ đi, không tự cất không bảo người thu dọn, thì phạm Ba-dật-đề.

16. Nếu Tỳ-kheo-ni biết trước chỗ nghỉ ấy là của Tỳ-kheo-ni, mình đến sau lại ở giữa cưỡng ép trải tọa cụ để ngủ nghỉ, nghĩ: "Cô ấy nếu hiềm chật chội thì tự phải tránh ta đi chỗ khác", với lý do như thế, chẳng khác gì ngoài lý do mất oai nghi như vậy thì phạm Ba-dật-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo-ni không hỷ xả, bực tức Tỳ-kheo-ni nào đó, trong phòng chúng Tăng, tự mình lôi kéo ra hay bảo người khác lôi kéo cô ấy ra, thì phạm Ba-dật-đề.

18. Nếu Tỳ-kheo-ni ở trên tầng gác có đặt giường dây, giường cây, chân ráp bị sút ra, mà

nằm ngồi trên đó thì phạm Ba-dật-đề.

19. Nếu Tỳ-kheo-ni biết nước có trùng mà tự sử dụng tưới lên đất bùn, lên cỏ hay bảo người khác tưới thì phạm Ba-dật-đề.

20. Nếu Tỳ-kheo-ni làm nhà lớn có đầy đủ cửa cánh, cửa sổ và trang trí các thứ thì việc lợp mái phải hướng dẫn lợp chừng hai ba lớp, nếu lợp quá mức ấy thì phạm Ba-dật-đề.

21. Nếu Tỳ-kheo-ni nào ở chỗ thí một bữa ăn, Tỳ-kheo-ni không bệnh nên ăn một lần, nếu thọ nhận quá thì phạm Ba-dật-đề.

22. Nếu Tỳ-kheo-ni ăn riêng chúng thì phạm Ba-dật-đề. Trừ các trường hợp khác. Trường hợp khác đó là: Khi bệnh, khi may y, khi cúng y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại hội, khi Sa-môn cúng bữa ăn, đó là trường hợp khác.

23. Nếu Tỳ-kheo-ni đến nhà đàn-việt, được ân cần mời cúng cho thức ăn bánh, bún. Tỳ-kheo-ni muốn cần thức ăn nào thì nên nhận hai, ba bát. Khi mang về đến chùa thì phân ra san sẻ cho các Tỳ-kheo-ni khác cùng ăn. Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà nhận quá hai, ba bát về trong chùa, không phân ra san sẻ cho các Tỳ-kheo-ni khác cùng ăn, thì phạm Ba-dật-đề.

24. Nếu Tỳ-kheo-ni ăn phi thời thì phạm Ba-dật-đề.

25. Nếu Tỳ-kheo-ni ăn thức ăn để qua đêm thì

phạm Ba-dật-đề.

26. Nếu Tỳ-kheo-ni không được mời nhận đồ ăn và thuốc mà cho vào miệng, trừ nước và tăm xỉa răng, thì phạm Ba-dật-đề.

27. Nếu Tỳ-kheo-ni trước đã nhận lời mời ăn rồi, nhưng trước, sau bữa mời ăn lại đến thẳng nhà người khác dùng mà không dặn các Tỳ- kheo-ni khác thì phạm Ba-dật-đề, trừ trường hợp khác, đó là: khi bệnh, khi may y, khi cúng y, đó là trường hợp khác.

28. Nếu Tỳ-kheo-ni trong nhà ăn có vật báu mà cưỡng ngồi lại thì phạm Ba-dật-đề.

29. Nếu Tỳ-kheo-ni trong nhà ăn có vật báu mà ngồi chỗ khuất thì phạm Ba-dật-đề.

30. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng người nam, chỉ hai người ngồi chung nơi đất trống thì phạm Ba-dật-đề.

31. Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni: "Đại tỷ, cô cùng tôi đến xóm làng, ở đó cô sẽ được cúng cho bữa ăn". Đến đó rồi, Tỳ-kheo-ni đi theo không những không được ai bảo cúng cho bữa ăn, mà Tỳ-kheo-ni ấy còn nói: "Đại tỷ đi đi. Tôi với cô cùng ngồi nói chuyện thì không vui đâu! Tôi ngồi một mình độc thoại vui hơn". Chỉ với lý do này, không còn việc gì khác hơn là tìm cách đuổi đi, thì phạm Ba-dật-đề.

32. Nếu Tỳ-kheo-ni được mời cúng thuốc cho

bốn tháng, Tỳ- kheo-ni không bệnh nên nhận. Nếu nhận quá hạn ấy thì phạm Ba-dật- đề, trừ thuốc thường mời cúng, thuốc mời cúng lại, thuốc cúng Tăng phân chia, thuốc mời cúng suốt đời.

33. Nếu Tỳ-kheo-ni đi xem quân trận thì phạm Ba-dật-đề, trừ trường hợp có lý do.

34. Nếu Tỳ-kheo-ni có nhân duyên đến trong quân đội được ngủ lại hai hoặc ba đêm, nếu quá hạn ấy thì phạm Ba-dật-đề.

35. Nếu Tỳ-kheo-ni ngủ lại trong quân đội, hai hoặc ba đêm, khi xem dàn trận chiến đấu, hoặc xem khí thế hùng dũng của quân tượng, quân mã thì phạm Ba-dật-đề.

36. Nếu Tỳ-kheo-ni uống rượu thì phạm Ba-dật-đề.

37. Nếu Tỳ-kheo-ni đùa giỡn trong nước thì phạm Ba-dật-đề.

38. Nếu Tỳ-kheo-ni lấy ngón tay chọc lét nhau thì phạm Ba-dật-đề.

39. Nếu Tỳ-kheo-ni không nhận sự can gián thì phạm Ba-dật-đề.

40. Nếu Tỳ-kheo-ni gây sợ hãi cho Tỳ-kheo-ni khác thì phạm Ba-dật-đề.

41. Nếu Tỳ-kheo-ni nửa tháng mới tắm, không bệnh Tỳ-kheo- ni nên giữ như vậy, nếu tắm rửa quá hạn ấy, thì phạm Ba-dật-đề, trừ trường hợp khác, đó là: trường hợp: khi nóng bức, khi bệnh,

khi làm việc, khi mưa, gió, khi đi xa về. Đó là các trường hợp khác.

42. Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh, để sưởi ấm thân, đốt lửa nơi đất trống, hoặc bảo người đốt, trừ trường hợp khác, thì phạm Ba-dật-đề.

43. Nếu Tỳ-kheo-ni giấu y của Tỳ-kheo-ni khác: hoặc y, hoặc bát, hoặc tọa cụ, ống đựng kim… tự mình giấu hay bảo người giấu, dù là để vui đùa thì phạm Ba-dật-đề.

44. Nếu Tỳ-kheo-ni đã tịnh thí y cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức- xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, sau không hỏi chủ mà lấy mặc thì phạm Ba-dật-đề.

45. Nếu Tỳ-kheo-ni được y mới thì phải nhuộm bằng ba loại màu, xanh, đen, mộc lan, nếu Tỳ-kheo-ni được y mới mà không làm hoại sắc bằng ba loại màu: xanh, đen, mộc lan mà dùng nguyên y mới để mặc thì phạm Ba-dật-đề.

46. Nếu Tỳ-kheo-ni cố giết chết mạng sống của súc sinh thì phạm Ba-dật-đề.

47. Nếu Tỳ-kheo-ni biết nước có trùng mà uống, dùng thì phạm Ba-dật-đề.

48. Nếu Tỳ-kheo-ni cố ý gây phiền hà cho Tỳ-kheo-ni khác, dù chỉ để họ không được vui trong chóc lát, thì phạm Ba-dật-đề.

49. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni nào đó có tội thô mà che giấu tội cho cô ấy thì phạm Ba-dật-đề.

50. Nếu Tỳ-kheo-ni biết sự tranh cãi của Tăng đã đúng theo pháp sám hối rồi, sau đó lại khơi lên, làm bộc phát trở lại, thì phạm Ba-dật- đề.

51. Nếu Tỳ-kheo-ni biết đó là kẻ giặc mà kết bạn cùng đi chung một đường, dù chỉ đi một khoảng cách xóm làng thì phạm Ba-dật-đề.

52. Nếu Tỳ-kheo-ni nói lời như vầy: "Tôi biết Phật thuyết pháp thì hành dâm dục chẳng phải là vấn đề làm chướng đạo".

Các Tỳ-kheo-ni nên can gián Tỳ-kheo-ni này: "Đại tỷ, cô đừng nói lời ấy, đừng phỉ báng Thế Tôn, phỉ báng Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không nói như thế. Thế Tôn vận dụng rất nhiều hình thức dạy rõ: hành dâm dục là chướng đạo. Phạm vào việc dâm dục thì đó là điều chướng đạo".

Tỳ-kheo-ni khi can gián Tỳ-kheo-ni này mà vẫn kiên trì không bỏ, thì các Tỳ-kheo-ni nên ba lần can gián nhằm loại bỏ sự ngoan cố ấy đi.

Can gián đến lần thứ ba, bỏ thì tốt, không bỏ, Tỳ-kheo-ni ấy phạm Ba-dật-đề.

53. Nếu Tỳ-kheo-ni biết người nói lời phỉ báng như vậy, Tăng chưa tác pháp, không bỏ tà kiến ác độc, mà Tỳ-kheo-ni còn chứa chấp, cùng ngủ nghỉ, cùng yết-ma, thì phạm Ba-dật-đề.

54. Nếu Sa-di-ni nói như vầy: "Tôi biết Phật thuyết pháp thì hành dâm dục chẳng phải là vấn

đề chướng đạo".

Các Tỳ-kheo-ni phải can gián Sa-di-ni này: "Ngươi đừng nói lời ấy, đừng phỉ báng Thế Tôn, phỉ báng Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không nói lời ấy. Này Sa-di-ni! Thế Tôn bằng nhiều hình thức nói rõ: Việc dâm dục là điều làm chướng đạo, phạm dâm dục thì đó chính là điều chướng đạo"

Các Tỳ-kheo-ni khi can gián, Sa-di-ni này vẫn kiên trì không bỏ thì các Tỳ-kheo-ni nên can trách cho đến ba lần, can gián nhằm bỏ sự ngoan cố này. Can gián đến lần thứ ba, bỏ thì tốt, không bỏ thì các Tỳ- kheo-ni nên bảo Sa-di-ni ấy: "Ngươi từ nay trở đi chẳng phải là đệ tử của Phật, không được đi theo các Tỳ-kheo-ni khác. Các Sa-di-ni khác được cùng Tỳ-kheo-ni hai đêm ngủ gần, ngươi nay không còn đặc ân này nữa. Ngươi hãy ra đi, đi cho khuất, không được ở trong đây nữa".

Nếu Tỳ-kheo-ni biết Sa-di-ni này bị đuổi như thế, mà chứa chấp, cùng ngủ nghỉ thì phạm Ba-dật-đề.

55. Nếu Tỳ-kheo-ni trong lúc đúng theo pháp can gián mà nói: "Tôi nay không học giới ấy. Tôi sẽ vấn nạn vị trì luật có trí tuệ", thì phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp vì cầu sự hiểu biết, thì nên thưa hỏi.

56. Nếu Tỳ-kheo-ni khi thuyết giới, nói như

vầy: "Đại tỷ, những giới lỉnh kỉnh ấy áp dụng vào đâu? Khi nói những giới này chỉ làm cho người ta phiền não, xấu hổ, hoài nghi". Vì khinh chê giới nên phạm Ba-dật-đề.

57. Nếu Tỳ-kheo-ni khi nghe tụng giới, nói: "Đại tỷ, nay tôi mới biết giới này, cứ mỗi nửa tháng, từ Giới kinh tụng giới".

Các Tỳ-kheo-ni khác biết Tỳ-kheo-ni ấy hoặc hai, hoặc ba lần ngồi trong chỗ tụng giới, huống nữa là nhiều lần. Tỳ-kheo-ni kia không biết không hiểu ư? Nếu phạm tội thì phải đúng theo pháp mà trị, lại trị thêm tội không hiểu biết.

"Đại tỷ không lợi gì cho cô, cô không được điều thiện. Khi thuyết giới, cô không dụng tâm ghi nhớ, cô không một lòng không lắng nghe giới".

Vì vị kia không biết, phạm Ba-dật-đề.

58. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng yết-ma sau đó lại nói: "Các Tỳ-kheo-ni tùy theo chỗ thân thuộc của mình, lấy vật của chúng Tăng cho họ" thì phạm Ba-dật-đề.

59. Nếu Tỳ-kheo-ni trong khi Tăng xét đoán việc, không dữ dục đứng lên đi, thì phạm Ba-dật-đề.

60. Nếu Tỳ-kheo-ni dữ dục rồi, sau đó lại quở trách thì phạm Ba- dật-đề.

61. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng Tỳ-kheo-ni tranh cãi, sau đó lắng nghe lời người này rồi lại đến nói với

người kia, thì phạm Ba-dật-đề.

62. Nếu Tỳ-kheo-ni, không hỷ xả, vì tức giận nên đánh Tỳ-kheo- ni khác thì phạm Ba-dật-đề.

63. Nếu Tỳ-kheo-ni, không hỷ xả, vì tức giận, dùng tay tát Tỳ- kheo-ni khác thì phạm Ba-dật-đề.

64. Nếu Tỳ-kheo-ni, không hỷ xả, vì tức giận, dùng pháp Tăng- già-bà-thi-sa không căn cứ để phỉ báng thì phạm Ba-dật-đề.

65. Nếu Tỳ-kheo-ni đối với dòng vua Sát-đế-lợi Thủy nghiêu đầu, chưa ra khỏi cung vật báu, chưa cất đồ báu mà vào cung, qua khỏi ngạch cửa cung ấy, thì phạm Ba-dật-đề.

66. Nếu Tỳ-kheo-ni của báu và đồ trang sức, tự tay cầm lấy, hoặc bảo người cầm lấy, trừ trong Tăng già lam và chỗ trọ ngủ, thì phạm Ba- dật-đề. Nếu ở trong Tăng già lam hay chỗ trọ ngủ, hoặc của báu hay đồ làm bằng của quý để trang sức, tự tay cầm hay bảo người cầm lấy, nghĩ là sẽ đưa lại cho người nào biết vật của mình. Các trường hợp như vậy là nhân duyên, chẳng còn lý do nào khác.

67. Nếu Tỳ-kheo-ni phi thời vào xóm làng mà không nói cho Tỳ- kheo-ni biết thì phạm Ba-dật-đề.

68. Nếu Tỳ-kheo-ni làm giường dây, giường cây, thì chân giường cao bằng tám ngón tay Phật, trừ phần trên chỗ mộng ráp thành giường. Nếu cắt tề rồi mà cao quá, thì phạm Ba-dật-đề.

69. Nếu Tỳ-kheo-ni dùng bông Đâu la làm giường dây, giường cây, hoặc ngọa cụ, tọa cụ thì phạm Ba-dật-đề.

70. Nếu Tỳ-kheo-ni ăn tỏi thì phạm Ba-dật-đề.

71. Nếu Tỳ-kheo-ni cạo lông ba chỗ thì phạm Ba-dật-đề.

72. Nếu Tỳ-kheo-ni dùng nước làm vệ sinh thì nên bằng mỗi đốt của đôi ngón tay để rửa. Nếu quá mức thì phạm Ba-dật-đề.

73. Nếu Tỳ-kheo-ni dùng "Hồ giao" làm nam căn thì phạm Ba- dật-đề.

74. Nếu Tỳ-kheo-ni vỗ kích thích cho nhau thì phạm Ba-dật-đề.

75. Nếu Tỳ-kheo-ni đối với Tỳ-kheo không bệnh mà hầu nước, lấy quạt để quạt thì phạm Ba-dật-đề.

76. Nếu Tỳ-kheo-ni xin các loại hạt sống thì phạm Ba-dật-đề.

77. Nếu Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện trên cỏ tươi thì phạm Ba-dật-đề.

78. Nếu Tỳ-kheo-ni ban đêm đại tiểu tiện trong đồ đựng, ban ngày

không xem bên ngoài tường rào, vứt đổ ra đó thì phạm Ba-dật-đề.

79. Nếu Tỳ-kheo-ni đến xem nghe ca nhạc thì phạm Ba-dật-đề.

80. Nếu Tỳ-kheo-ni vào trong thôn cùng người

nam, tại chỗ vắng, cùng đứng nói chuyện với nhau thì phạm Ba-dật-đề.

81. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng người nam vào chỗ khuất vắng thì phạm Ba-dật-đề.

82. Nếu Tỳ-kheo-ni vào trong thôn, đến ngõ hẻm bảo bạn đi tránh xa, tại chỗ khuất vắng cùng người nam đứng ghé tai nói chuyện với nhau thì phạm Ba-dật-đề.

83. Nếu Tỳ-kheo-ni vào ngồi trong nhà cư sĩ rồi bỏ đi mà không báo cho chủ biết thì phạm Ba-dật-đề.

84. Nếu Tỳ-kheo-ni vào trong nhà bạch y không hỏi chủ mà vội ngồi lên giường họ thì phạm Ba-dật-đề.

85. Nếu Tỳ-kheo-ni vào trong nhà cư sĩ, không hỏi chủ tự tiện trải giường tòa để ngủ nghỉ, thì phạm Ba-dật-đề.

86. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng người nam vào trong nhà tối thì phạm Ba-dật-đề.

87. Nếu Tỳ-kheo-ni không nghe cặn kẽ mà nhận lời thầy, bèn đến nói với người thì phạm Ba-dật-đề.

88. Nếu Tỳ-kheo-ni nhân có xảy ra một việc nhỏ liền thề thốt đọa vào ba đường ác, không sinh trong pháp Phật: "Nếu tôi có làm việc như vậy thì đọa vào ba đường ác không sinh trong pháp Phật" thì phạm Ba-dật-đề.

89. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng tranh cãi với nhau nhưng không nhớ chắc sự tranh cãi của mình, lại đấm ngực khóc la thì phạm Ba-dật-đề.

90. Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh, hai người nằm chung một giường thì phạm Ba-dật-đề.

91. Nếu Tỳ-kheo-ni nằm chung một nệm, cùng một mền thì phạm Ba-dật-đề, trừ nhân duyên.

92. Nếu Tỳ-kheo-ni biết mình đến sau, ở trước, biết người ở trước đến sau, vì cố gây phiền phức, ở trước họ tụng kinh, hỏi nghĩa, dạy bảo thì phạm Ba-dật-đề.

93. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng sống với nhau, Tỳ-kheo-ni bệnh không chăm sóc thì phạm Ba-dật-đề.

94. Nếu Tỳ-kheo-ni an cư, ban đầu nhận cho Tỳ-kheo-ni khác đặt giường trong phòng mình, sau tức giận đuổi ra thì phạm Ba-dật-đề.

95. Nếu Tỳ-kheo-ni không kể Xuân, Hạ, Đông, lúc nào cũng đi lại trong nhân gian thì phạm Ba-dật-đề.

96. Nếu Tỳ-kheo-ni Hạ an cư xong mà không đi thì phạm Ba-dật-đề.

97. Nếu Tỳ-kheo-ni biên giới có nghi ngờ, nơi có sự khủng bố mà đi lại trong nhân gian ở đó thì phạm Ba-dật-đề.

98. Nếu Tỳ-kheo-ni trong phạm vi nghi là nơi có sự khủng bố mà ở đó du hành nhân gian thì phạm Ba-dật-đề.

99. Nếu Tỳ-kheo-ni gần gũi với cư sĩ, con cư sĩ, sống chung với họ, hành động không phù hợp với đức hạnh của mình. Các Tỳ-kheo-ni khác nên khuyên: Đại tỷ sống riêng ra đừng sống chung với họ. Nếu sống tách riêng ra thì đối với pháp Phật có được đời sống tăng ích, an lạc".

Các Tỳ-kheo-ni khi can gián Tỳ-kheo-ni này song vẫn kiên trì không bỏ thì các Tỳ-kheo-ni nên ba lần can gián nhằm loại bỏ sự ngoan cố ấy. Can gián đến lần thứ ba, bỏ được điều này thì tốt, còn không bỏ thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm Ba-dật-đề.

100. Nếu Tỳ-kheo-ni vào cung vua, xem nhà văn hóa trưng bày tranh vẽ, vườn cây, ao tắm thì phạm Ba-dật-đề.

101. Nếu Tỳ-kheo-ni để lộ thân tắm nơi sông, nơi suối, trong dòng nước, trong ao hồ thì phạm Ba-dật-đề.

102. Nếu Tỳ-kheo-ni may y tắm nên làm đúng kích cỡ. Kích cỡ ở đây là dài sáu gang tay Phật, rộng hai gang tay rưỡi của Ngài. Nếu quá kích cỡ thì phạm Ba-dật-đề.

103. Nếu Tỳ-kheo-ni may y Tăng già lê quá năm ngày, trừ gặp trở ngại xảy ra thì phạm Ba-dật-đề. Nạn xảy ra đó là xin Tăng già lê, xả y công đức, sáu việc khó khăn khác.

104. Nếu Tỳ-kheo-ni quá năm ngày mới xem Tăng già lê của mình thì phạm Ba-dật-đề.

105. Nếu Tỳ-kheo-ni có người đem cúng y cho chúng Tăng mà cản lại, phạm Ba-dật-đề.

106. Nếu Tỳ-kheo-ni không hỏi chủ bèn lấy y của họ mặc thì phạm Ba-dật-đề.

107. Nếu Tỳ-kheo-ni đem y Sa-môn cho ngoại đạo, cư sĩ thì phạm Ba-dật-đề.

108. Nếu Tỳ-kheo-ni nghĩ như vầy: "Chúng Tăng đúng pháp phân chia y, hãy tìm cách ngăn, đừng cho chia, vì sợ đệ tử không được phần" thì phạm Ba-dật-đề.

109. Nếu Tỳ-kheo-ni nghĩ như vầy: "Làm thế nào để chúng Tăng không xả y công đức hôm nay, sau sẽ xả", vì muốn năm việc phóng xả được lâu hơn thì phạm Ba-dật-đề.

110. Nếu Tỳ-kheo-ni nghĩ như vầy: "Hãy ngăn Tỳ-kheo-ni Tăng không xả y công đức", vì muốn làm cho năm điều phóng xả được lâu hơn thì phạm Ba-dật-đề.

111. Nếu Tỳ-kheo-ni được Tỳ-kheo-ni nào đó yêu cầu: "Cô hãy vì tôi giải quyết sự tranh cãi này" mà Tỳ-kheo-ni ấy từ chối, không tạo điều kiện để giải quyết thì phạm Ba-dật-đề.

112. Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay cầm thức ăn đưa cho cư sĩ và ngoại đạo thì phạm Ba-dật-đề.

113. Nếu Tỳ-kheo-ni làm người sai sứ cho cư sĩ thì phạm Ba-dật-đề.

114. Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay quay sợi thì phạm

Ba-dật-đề.

115. Nếu Tỳ-kheo-ni vào trong nhà cư sĩ, hoặc ngồi, hoặc nằm trên giường lớn, giường nhỏ của họ thì phạm Ba-dật-đề.

116. Nếu Tỳ-kheo-ni đến nhà cư sĩ xin gia chủ được trải tọa cụ nghỉ đêm, sáng ngày bỏ đi không ngỏ lời cám ơn gia chủ thì phạm Ba- dật-đề.

117. Nếu Tỳ-kheo-ni học tụng chú thuật của thế tục thì phạm Ba- dật-đề.

118. Nếu Tỳ-kheo-ni dạy người học tụng chú thuật thì phạm Ba- dật-đề.

119. Nếu Tỳ-kheo-ni biết người nữ có thai mà độ cho họ thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

120. Nếu Tỳ-kheo-ni biết phụ nữ còn cho bú mà cho họ thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

121. Nếu Tỳ-kheo-ni biết người nữ tuổi không đủ hai mươi mà cho họ thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

122. Nếu Tỳ-kheo-ni biết thiếu nữ mười tám tuổi, chưa cho học giới hai năm, tuổi đủ hai mươi bèn cho thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật- đề.

123. Nếu Tỳ-kheo-ni biết thiếu nữ mười tám tuổi, được cho học giới hai năm, mà không trao cho sáu pháp, đủ hai mươi tuổi lại cho họ thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

124. Nếu Tỳ-kheo-ni biết thiếu nữ mười tám tuổi, được cho học giới hai năm, cũng trao cho sáu

pháp, đủ hai mươi tuổi nhưng chúng Tăng không chấp nhận, lại tự tiện cho thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật- đề.

125. Nếu Tỳ-kheo-ni độ phụ nữ mười tuổi, từng có chồng, cho học giới hai năm, tuổi đủ mười hai mới chấp nhận cho thọ giới Cụ Túc. Nếu dưới tuổi mười hai mà cho họ thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

126. Nếu Tỳ-kheo-ni độ phụ nữ nhỏ tuổi nào đó từng đã có chồng, cho học giới hai năm, tuổi đủ mười hai, không bạch với chúng Tăng, lại tự tiện cho thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

127. Nếu Tỳ-kheo-ni biết người "Như vậy" mà cho họ thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

128. Nếu Tỳ-kheo-ni độ nhiều đệ tử mà không dạy học giới hai năm, không dùng hai pháp để thu phục, dạy dỗ thì phạm Ba-dật-đề.

129. Nếu Tỳ-kheo-ni không theo Hòa thượng ni để học hỏi hai năm thì phạm Ba-dật-đề.

130. Nếu Tỳ-kheo-ni, Tăng không chấp nhận mà trao giới Cụ túc cho người thì phạm Ba-dật-đề.

131. Nếu Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai hạ mà trao giới Cụ túc cho người thì phạm Ba-dật-đề.

132. Nếu Tỳ-kheo-ni đủ mười hai hạ, nhưng chúng Tăng không cho phép, lại tự tiện trao giới Cụ túc cho người thì phạm Ba-dật-đề.

133. Nếu Tỳ-kheo-ni, Tăng không cho phép

trao giới Cụ túc cho người, bèn nói: "Chúng Tăng có thương, có giận, có sợ, có si, muốn chấp nhận ai thì cho phép, còn không muốn chấp nhận ai thì không cho phép" thì phạm Ba-dật-đề.

134. Nếu Tỳ-kheo-ni, cha mẹ hay người chồng của họ không cho xuất gia mà cho người nữ ấy thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

135. Nếu Tỳ-kheo-ni biết người nữ cùng với người nam hay đồng nam ấy yêu thương nhau hay phiền muộn, lo toan, giận hờn, cáu gắt nhau mà độ để cho xuất gia, trao giới Cụ túc cho họ thì phạm Ba-dật- đề.

136. Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Thức-xoa-ma-na: "Cô em, bỏ điều ấy, học điều ấy… thì tôi sẽ cho cô em thọ giới Cụ túc". Nếu không tạo điều kiện cho họ thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

137. Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Thức-xoa-ma-na: "Hãy đem y đến cho tôi, tôi sẽ cho cô thọ giới Cụ túc", mà không tạo điều kiện để cho họ thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

138. Nếu Tỳ-kheo-ni không đủ mười hai hạ mà trao giới Cụ túc cho người thì phạm Ba-dật-đề.

139. Nếu Tỳ-kheo-ni cho người thọ giới Cụ túc rồi lại để qua một đêm mới đưa đến Tỳ-kheo Tăng xin nhận giới Cụ túc từ Tăng trao thì phạm Ba-dật-đề.

140. Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà không

đến Tăng nhận giáo giới thì phạm Ba-dật-đề.

141. Tỳ-kheo-ni mỗi nửa tháng nên đến trong Tỳ-kheo Tăng để cầu giáo thọ. Nếu không cầu giáo thọ thì phạm Ba-dật-đề.

142. Tỳ-kheo-ni, Hạ an cư xong, nên đến trong Tỳ-kheo Tăng nói ba việc tự tứ: thấy, nghe, nghi. Nếu không đến thì phạm Ba-dật-đề.

143. Nếu Tỳ-kheo-ni ở chỗ không có Tỳ-kheo mà hạ an cư thì phạm Ba-dật-đề.

144. Nếu Tỳ-kheo-ni biết Già lam có Tỳ-kheo Tăng, không thưa chào mà vào thì phạm Ba-dật-đề.

145. Nếu Tỳ-kheo-ni mạ nhục Tỳ-kheo thì phạm Ba-dật-đề.

146. Nếu Tỳ-kheo-ni ưa tranh cãi nhưng không nhớ nổi, nắm vững vấn đề mình tranh cãi, sau đó không hỷ xả, tức giận mạ nhục chúng Tỳ- kheo-ni thì phạm Ba-dật-đề.

147. Nếu Tỳ-kheo-ni thân thể nổi ung nhọt và ghẻ chóc khắp người, không bạch chúng và người khác, lại vội nhờ người nam mổ, hoặc quấn băng thì phạm Ba-dật-đề.

148. Nếu Tỳ-kheo-ni trước đã nhận lời mời, hoặc đã ăn đủ rồi, sau lại ăn cơm bún, cơm khô, cá và thịt thì phạm Ba-dật-đề.

149. Nếu Tỳ-kheo-ni đối với nhà người mà sinh tâm ganh ghét, đố kỵ thì phạm Ba-dật-đề.

150. Nếu Tỳ-kheo-ni dùng bột hương thoa chà vào mình thì phạm Ba-dật-đề.

151. Nếu Tỳ-kheo-ni dùng cặn dầu mè thoa chà thân thì phạm Ba-dật-đề.

152. Nếu Tỳ-kheo-ni sai nhờ Tỳ-kheo-ni xoa bóp thân thì phạm Ba-dật-đề.

153. Nếu Tỳ-kheo-ni sai Thức-xoa-ma-na bóp thân thì phạm Ba- dật-đề.

154. Nếu Tỳ-kheo-ni sai Sa-di-ni bóp thân thì phạm Ba-dật-đề.

155. Nếu Tỳ-kheo-ni sai phụ nữ bạch y xoa bóp thân thì phạm Ba-dật-đề.

156. Nếu Tỳ-kheo-ni mặc y độn bông thì phạm Ba-dật-đề.

157. Nếu Tỳ-kheo-ni cất giữ những đồ trang sức của phụ nữ thì phạm Ba-dật-đề. Trừ trường hợp đặc biệt.

158. Nếu Tỳ-kheo-ni mang giày, dép, guốc hay dù thì phạm Ba- dật-đề, trừ những trường hợp đặc biệt.

159. Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh, đi các loại xe thì phạm Ba-dật- đề, trừ trường hợp đặc biệt.

160. Nếu Tỳ-kheo-ni không mặc Tăng kỳ chi mà vào thôn thì phạm Ba-dật-đề.

161. Nếu Tỳ-kheo-ni trời đã gần tối mà đến nhà cư sĩ, nếu không có sự chuẩn bị báo trước thì phạm Ba-dật-đề.

162. Nếu Tỳ-kheo-ni trời đã gần tối mà mở cửa Tăng già lam đi ra khỏi chùa không dặn báo cho Tỳ-kheo-ni khác thì phạm Ba-dật-đề.

163. Nếu Tỳ-kheo-ni mặt trời đã lặn, mở cửa Tăng già lam đi ra khỏi chùa mà không dặn cho ai biết thì phạm Ba-dật-đề.

164. Nếu Tỳ-kheo-ni không tiền an cư cũng không hậu an cư thì phạm Ba-dật-đề.

165. Nếu Tỳ-kheo-ni biết người nữ thường bị âm rỉ, đại tiểu tiện đàm dãi thường ra mà cho họ thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

166. Nếu Tỳ-kheo-ni biết người hai hình vừa nam vừa nữ mà cho họ thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

167. Nếu Tỳ-kheo-ni biết người hai đường hiệp lại mà cho họ thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

168. Nếu Tỳ-kheo-ni biết người mắc nợ, bệnh khó trị, quá khó khăn mà cho họ thọ giới Cụ túc thì phạm Ba-dật-đề.

169. Nếu Tỳ-kheo-ni học kỹ thuật của thế tục để làm nghề nuôi thân thì phạm Ba-dật-đề.

170. Nếu Tỳ-kheo-ni đem kỹ thuật của thế tục mà dạy cho cư sĩ thì phạm Ba-dật-đề.

171. Nếu Tỳ-kheo-ni bị đuổi mà không đi thì phạm Ba-dật-đề.

172. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn hỏi Tỳ-kheo về

nghĩa của vấn đề gì, lại không cần cầu trước mà hỏi thì phạm Ba-dật-đề.

173. Nếu Tỳ-kheo-ni biết mình đến sau ở trước, người đến trước ở sau, vì muốn vị kia phiền lòng, trước mặt họ kinh hành hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi thì phạm Ba-dật-đề.

174. Nếu Tỳ-kheo-ni tại Tăng già lam có Tỳ-kheo mà tự xây tháp ở đó thì phạm Ba-dật-đề.

175. Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo mới thọ giới Cụ túc thì nên đứng lên tiếp đón cung kính, lễ bái, thăm hỏi, mời vị ấy ngồi. Nếu không như vậy thì phạm Ba-dật-đề.

176. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn cho duyên dáng ẻo lả thân làm dáng thì phạm Ba-dật-đề.

177. Nếu Tỳ-kheo-ni trang điểm cho phụ nữ, dùng mùi hương xoa thân thì phạm Ba-dật-đề.

178. Nếu Tỳ-kheo-ni sai nữ ngoại đạo xoa các loại hương thơm lên thân thì phạm Ba-dật-đề.

Thưa các Đại tỷ! Tôi đã nói một trăm bảy mươi tám pháp Ba-dật- đề. Nay xin hỏi các Đại tỷ: Đối với một trăm bảy mươi tám pháp này thanh tịnh không? (Hỏi ba lần). Các Đại tỷ trong một trăm bảy mươi tám pháp này đều thanh tịnh vì cùng im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại tỷ! Tiếp đây là tám pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh.

1. Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà xin tô để ăn thì phạm pháp đáng chê trách, phải sám hối. Nên hướng đến các Tỳ-kheo-ni khác tỏ bày: "Thưa Đại tỷ! Tôi phạm pháp đáng chê trách, làm điều không nên làm. Nay tôi hướng đến Đại tỷ xin sám hối". Đây gọi là pháp hối quá.

2. Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà xin dầu để ăn thì phạm pháp đáng chê trách, phải sám hối. Nên hướng đến các Tỳ-kheo-ni khác tỏ bày: "Thưa Đại tỷ! Tôi phạm pháp đáng chê trách, làm điều không nên làm. Nay tôi hướng đến Đại tỷ xin sám hối". Đây gọi là pháp hối quá.

3. Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà xin mật để ăn thì phạm pháp đáng chê trách, phải sám hối. Nên hướng đến các Tỳ-kheo-ni khác tỏ bày: "Thưa Đại tỷ! Tôi phạm pháp đáng chê trách, làm điều không nên làm. Nay tôi hướng đến Đại tỷ xin sám hối". Đây gọi là pháp hối quá.

4. Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà xin đường phèn đen để ăn thì phạm pháp đáng chê trách, phải sám hối. Nên hướng đến các Tỳ-kheo- ni khác tỏ bày: "Thưa Đại tỷ! Tôi phạm pháp đáng chê trách, làm điều không nên làm. Nay tôi hướng đến Đại tỷ xin sám hối". Đây gọi là pháp hối quá.

5. Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà xin sữa để ăn thì phạm pháp đáng chê trách, phải sám hối. Nên hướng đến các Tỳ-kheo-ni khác tỏ bày:

"Thưa Đại tỷ! Tôi phạm pháp đáng chê trách, làm điều không nên làm. Nay tôi hướng đến Đại tỷ xin sám hối". Đây gọi là pháp hối quá.

6. Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà xin lạc để ăn thì phạm pháp đáng chê trách, phải sám hối. Nên hướng đến các Tỳ-kheo-ni khác tỏ bày: "Thưa Đại tỷ! Tôi phạm pháp đáng chê trách, làm điều không nên làm. Nay tôi hướng đến Đại tỷ xin sám hối". Đây gọi là pháp hối quá.

7. Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà xin cá để ăn thì phạm pháp đáng chê trách, phải sám hối. Nên hướng đến các Tỳ-kheo-ni khác tỏ bày: "Thưa Đại tỷ! Tôi phạm pháp đáng chê trách, làm điều không nên làm. Nay tôi hướng đến Đại tỷ xin sám hối". Đây gọi là pháp hối quá.

8. Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà xin thịt để ăn thì phạm pháp đáng chê trách, phải sám hối. Nên hướng đến các Tỳ-kheo-ni khác tỏ bày: "Thưa Đại tỷ! Tôi phạm pháp đáng chê trách, làm điều không nên làm. Nay tôi hướng đến Đại tỷ xin sám hối". Đây gọi là pháp hối quá.

Thưa các Đại tỷ! Tôi đã nói tám pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni. Nay xin hỏi các Đại tỷ trong tám pháp này thanh tịnh cả không? (Hỏi ba lần). Các Đại tỷ đối với tám pháp này đều thanh tịnh vì im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại tỷ! Tiếp đây là phép tắc giới

chúng học, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh:

1. Phải mặc hạ y tề chỉnh, nên phải học.

2. Phải mặc năm y tề chỉnh, nên phải học.

3. Không được vắt ngược y đi vào nhà cư sĩ, nên phải học.

4. Không được vắt ngược y vào nhà cư sĩ ngồi, nên phải học.

5. Không được quấn y nơi cổ vào nhà cư sĩ, nên phải học.

6. Không được quấn y nơi cổ vào ngồi nơi nhà cư sĩ, nên phải học.

7. Không được trùm đầu vào nhà cư sĩ, nên phải học.

8. Không được trùm đầu vào ngồi nơi nhà cư sĩ, nên phải học.

9. Không được vừa đi vừa nhảy vào nhà cư sĩ, nên phải học.

10. Không được vừa đi vừa nhảy vào ngồi nơi nhà cư sĩ, nên phải học.

11. Không được ngồi xoạc đùi trong nhà cư sĩ, nên phải học.

12. Không được chống nạnh đi vào nhà cư sĩ, nên phải học.

13. Không được chống nạnh đi vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

14. Không được lắc mình vào nhà cư sĩ, nên

phải học.

15. Không được lắc mình vào ngồi nơi nhà cư sĩ, nên phải học.

16. Không được đi đánh cánh tay vào nhà cư sĩ, nên phải học.

17. Không được đi đánh cánh tay vào ngồi nơi nhà cư sĩ, nên phải học.

18. Khéo phủ che thân vào nhà cư sĩ, nên phải học.

19. Khéo che phủ thân vào ngồi nơi nhà cư sĩ, nên phải học.

20. Không được quay nhìn trái, phải mà vào nhà cư sĩ, nên phải học.

21. Không được quay nhìn phải, trái mà vào ngồi nhà cư sĩ, nên phải học.

22. Yên lặng đi vào nhà cư sĩ, nên phải học.

23. Yên lặng đi vào ngồi nơi nhà cư sĩ, nên phải học.

24. Không được vừa đi vừa giỡn cười vào nhà cư sĩ, nên phải học.

25. Không được vừa đi vừa giỡn cười vào ngồi nơi nhà cư sĩ, nên phải học.

26. Chú tâm khi nhận thức ăn, nên phải học.

27. Nhận cơm vừa miệng bát, nên phải học.

28. Nhận canh vừa miệng bát, nên phải học.

29. Ăn cơm, canh đồng đều, nên phải học.

30. Tuần tự ăn, nên phải học.

31. Không được moi giữa bát mà ăn, nên phải học.

32. Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh, không được tự đòi hỏi cơm canh cho mình, nên phải học.

33. Không được dùng cơm che khuất canh, lại mong được nữa, nên phải học.

34. Không được liếc nhìn trong bát người ngồi bên cạnh, nên phải học.

35. Phải chú ý vào bát mà ăn, nên phải học.

36. Không được vốc nắm cơm lớn mà ăn, nên phải học.

37. Không được há lớn miệng đợi cơm ăn, nên phải học.

38. Không được ngậm cơm vừa nói, nên phải học.

39. Không được vốc cơm từ xa ném vào miệng ăn, nên phải học.

40. Không được ăn cơm để rơi rớt sót lại, nên phải học.

41. Không được ăn để thức ăn búng má, nên phải học.

42. Không được nhai cơm ra tiếng mà ăn, nên phải học.

43. Không được hớp lớn cơm để ăn, nên phải học.

44. Không được le lưỡi liếm thức ăn, nên phải

học.

45. Không được rảy tay mà ăn, nên phải học.

46. Không được nhặt cơm rơi vãi mà ăn, nên phải học.

47. Không được dùng tay nhơ cầm đồ đựng nước uống, nên phải học.

48. Không được đổ nước rửa bát trong nhà cư sĩ, nên phải học.

49. Không được đại tiểu tiện, hỉ, nhổ trên cỏ tươi, trừ người bệnh, nên phải học.

50. Không được đại tiểu tiện, hỉ, nhổ vào nước sạch, trừ người bệnh, nên phải học.

51. Không được đứng mà đại tiểu tiện, trừ người bệnh, nên phải học.

52. Không được thuyết pháp cho người vắt ngược y, không cung kính, trừ người bệnh, nên phải học.

53. Không được thuyết pháp cho người quấn y nơi cổ, trừ đau bệnh, nên phải học.

54. Không được thuyết pháp cho người che đầu, trừ người bệnh, nên phải học.

55. Không được thuyết pháp cho người trùm đầu, trừ người bệnh, nên phải học.

56. Không được thuyết pháp cho người chống nạnh, trừ người bệnh, nên phải học.

57. Không được thuyết pháp cho người mang giày da, trừ người bệnh, nên phải học.

58. Không được thuyết pháp cho người mang guốc gỗ, trừ người bệnh, nên phải học.

59. Không được thuyết pháp cho người cưỡi ngựa, trừ người bệnh, nên phải học.

60. Không được ngủ nghỉ trong tháp Phật, trừ người chăm nom canh giữ tháp, nên phải học.

61. Không được cất giấu của cải trong tháp Phật, trừ để cho được chắc chắn, nên phải học.

62. Không được mang dép da vào trong tháp Phật, nên phải học. 63. Không được cầm dép da vào trong tháp Phật, nên phải học.

64. Không được mang dép da nhiễu quanh tháp Phật, nên phải học.

65. Không được mang giày phú la vào trong tháp Phật, nên phải học.

66. Không được cầm giày phú la vào trong tháp Phật, nên phải học.

67. Không được dưới tháp Phật ngồi ăn xả rác và bỏ đồ ăn làm nhơ đất rồi bỏ đi, nên phải học.

68. Không được khiêng thây chết đi qua dưới tháp Phật, nên phải học.

69. Không được chôn thây chết dưới tháp Phật, nên phải học.

70. Không được dưới tháp Phật đốt xác chết, nên phải học.

71. Không được hướng về tháp Phật mà đốt xác chết, nên phải học.

72. Không được đốt xác chết quanh cạnh bốn phía tháp khiến mùi hôi thối bay vào tháp, nên phải học.

73. Không được mang áo và giường người chết đi qua dưới tháp Phật, trừ đã giặt nhuộm và xông hương, nên phải học.

74. Không được đại tiểu tiện dưới tháp Phật, nên phải học.

75. Không được hướng về tháp Phật mà đại tiểu tiện, nên phải học.

76. Không được quanh cạnh bốn phía tháp Phật đại tiểu tiện,

khiến mùi hôi thối bay vào tháp, nên phải học.

77. Không được mang tượng Phật đến chỗ đại tiểu tiện, nên phải học.

78. Không được ở dưới tháp Phật mà xỉa răng, nên phải học.

79. Không được hướng đến tháp Phật mà xỉa răng, nên phải học.

80. Không được quanh cạnh bốn phía tháp Phật mà xỉa răng, nên phải học.

81. Không được ở dưới tháp hỉ, nhổ, nên phải học.

82. Không được hướng về tháp Phật mà hỉ, nhổ, nên phải học.

83. Không được quanh cạnh bốn phía tháp Phật mà hỉ, nhổ, nên phải học.

84. Không được duỗi chân hướng về phía tháp Phật, nên phải học.

85. Không được đặt tượng Phật ở phòng dưới còn mình ở phòng trên, nên phải học.

86. Người ngồi mình đứng, không nên thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

87. Người nằm mình ngồi, không nên thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

88. Người ngồi ghế mình ngồi chỗ chẳng phải ghế, không được thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

89. Người ngồi ở chỗ cao mình ngồi ở chỗ thấp, không được thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

90. Người ở trước mình ở sau, không được thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

91. Người ở chỗ kinh hành cao mình ở chỗ kinh hành thấp, không nên thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

92. Người ở tại chỗ đường đi mà mình ở chỗ chẳng phải đường đi thì không nên thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

93. Không được nắm dắt tay nhau trên đường đi, nên phải học.

94. Không được leo cây cao quá đầu người, trừ trường hợp đặc biệt, nên phải học.

95. Không được xỏ đãy đựng bát vào đầu gậy,

rồi vác lên vai mà đi, nên phải học.

96. Người cầm gậy không cung kính, không nên thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

97. Người cầm kiếm, không nên thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

98. Người cầm mâu, không nên thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

99. Người cầm dao, không nên thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

100. Người cầm dù, không nên thuyết pháp cho họ, trừ người bệnh, nên phải học.

Thưa các Đại tỷ! Tôi đã nói phép tắc giới chúng học. Nay xin hỏi các Đại tỷ: Trong giới chúng học này thanh tịnh không? (Hỏi ba lần). Các Đại tỷ trong các pháp này đều thanh tịnh vì cùng im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại tỷ! Tiếp đây là bảy pháp Diệt tránh, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh. Nếu Tỳ-kheo-ni có xảy ra sự tranh cãi thì nên ngăn chặn, dập tắt ngay:

1. Nên áp dụng Tỳ ni Hiện tiền, thì phải áp dụng Tỳ ni Hiện tiền.

2. Nên áp dụng Tỳ ni Ức niệm, thì phải áp dụng Tỳ ni Ức niệm.

3. Nên áp dụng Tỳ ni Bất si, thì phải áp dụng Tỳ ni Bất si.

4. Nên áp dụng Tự ngôn trị, thì phải áp dụng Tư ngôn tri.

5. Nên áp dụng Đa nhân ngữ, thì phải áp dụng Đa nhân ngữ.

6. Nên áp dụng Xét tìm tội, thì phải áp dụng Xét tìm tội.

7. Nên áp dụng như cỏ che lấp đất, thì phải áp dụng như cỏ che lấp đất.

Thưa các Đại tỷ! Tôi đã nói bảy pháp Diệt tránh.

Nay xin hỏi các Đại tỷ: Trong bảy pháp Diệt tránh này thanh tịnh không? (Hỏi ba lần). Các Đại tỷ trong bảy pháp này đều thanh tịnh, vì cùng im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại tỷ! Tôi đã nói tựa của Giới kinh, đã nói tám pháp Ba-la-di, đã nói mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa, đã nói ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, đã nói một trăm bảy mươi tám pháp Ba-dật-đề, đã nói tám pháp Ba-la-đề-dề-xá-ni, đã nói phép tắc giới Chúng học, đã nói bảy pháp Diệt tránh.

Giới kinh là bao gồm các giới điều này đây, do chính Đức Phật đã thuyết chế, cứ mỗi nửa tháng đều tụng theo trong Giới kinh. Còn những pháp Phật khác nữa thì trong đó hãy cùng chung hòa hợp mà học.

Nhẫn nhục hạnh bậc nhất

Vô vi, Phật nói hơn
Xuất gia làm người buồn
Không gọi là Sa-môn.

Đây là bài tụng giới kinh được thuyết dạy do Đức Như Lai Tỳ Bà Thi, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Ví như người mắt sáng
Đường hiểm nghèo tránh được
Đời có kẻ thông minh
Thường xa rời các ác.

Đây là bài tụng giới kinh được thuyết dạy do Đức Như Lai Thi Khí, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Không chê cũng không ghét
Với giới phải phụng trì
Ăn uống vừa biết đủ
Thường ưa chỗ thanh vắng
Tâm định vui tinh tấn
Là lời chư Phật dạy.

Đây là giới kinh, bài tụng này được thuyết dạy do Đức Như Lai Tỳ Diếp La, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Như ong hút mật hoa
Không hoại sắc và hương
Chỉ lấy mật rồi đi
Tỳ-kheo vào xóm làng
Không chống trái việc người

Không nghĩ làm, không làm
Chỉ xem chính mình làm
Chân chính hay không chính.

Đây là giới kinh, bài tụng này được thuyết dạy do Đức Như Lai Câu Lưu Tôn, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Tâm đừng để buông lung
Thánh pháp phải cần học
Như vậy không ưu sầu
Định tâm vào Niết-bàn.

Đây là giới kinh, bài tụng này được thuyết dạy do Đức Như Lai Câu Na Hàm Mâu Ni, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Tất cả ác chớ làm
Phải giữ làm các thiện
Tự lắng ý chí mình
Là lời chư Phật dạy.

Đây là giới kinh, bài tụng này được thuyết dạy do Đức Như Lai Ca Diếp, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

Với miệng khéo giữ lời
Ý chí tự trong sạch,
Thân không làm các ác
Là ba nghiệp thanh tịnh
Thường làm được như thế
Chính đạo bậc Đại Tiên.

Đây là giới kinh, bài tụng này được thuyết dạy

do Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đã thuyết dạy cho chúng Tăng không hề xảy ra tội lỗi nào trong suốt mười hai năm đầu. Từ đó về sau, giới kinh được Đức Phật thuyết mở rộng không có sự phân biệt thành giới điều. Các Tỳ-kheo-ni nào tự thân ưa thích pháp, ưa thích Sa-môn, tự thân có biết xấu hổ, có biết thẹn mà lòng hâm mộ học giới thì phải học các giới kinh này.

Người trí khéo giữ giới
Thường được ba điều vui
Danh tiếng và lợi dưỡng
Sinh thiên lúc qua đời.
Phải thấy rõ điều này
Có trí siêng giữ giới
Giới tịnh, trí tuệ sinh
Đạo bậc nhất liền thành.
Như chư Phật quá khứ
Cả về Phật vị lại
Các Thế Tôn hiện tại
Thắng vượt mọi ưu lo.
Đều cũng tôn kính giới
Pháp chư Phật là đây
Nếu có thân vì thân
Muốn cầu vào Phật đạo.
Phải tôn trọng chánh pháp
Là lời chư Phật dạy
Bảy Phật là Thế Tôn

Diệt trừ mọi kiết sử.
Thuyết bảy giới kinh này
Giải thoát được buộc ràng
Đã chứng nhập Niết-bàn
Còn đâu các hý luận.
Tôn kính lời Đại Tiên
Thánh hiền khen ngợi giới
Pháp tu của đệ tử
Nhập Niết-bàn tịch diệt.
Thế Tôn khi Niết-bàn
Với đại bi bừng dậy
Họp các chúng Tỳ-kheo
Ngài giáo giới như vầy:
Đừng tưởng Ta Niết-bàn
Không hộ trì tịnh hạnh!
Hiện giới kinh Ta nói
Cũng nói thiện Tỳ ni.
Ta tuy nhập Niết-bàn
Phải thấy giới như Phật
Đời còn mãi giới kinh
Pháp Phật được hưng thịnh.
Vì sự hưng thịnh ấy
Mà được vào Niết-bàn
Nếu không trì giới này
Không Bồ-tát như pháp.
Ví như hoàng hôn tắt
Thế giới tối mịt mù
Phải hộ trì giới này

Như trâu mao mến đuôi.
Hòa hợp ngồi một chỗ
Nói giới như Phật dạy
Tôi đã thuyết giới kinh
Chúng Tăng Bồ-tát rồi.
Tôi nay thuyết giới kinh
Các công đức nói giới
Giúp tất cả chúng sinh
Đều trọn thành Phật đạo.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 74

ĐÀM VÔ ĐỨC LUẬT
BỘ TẠP YẾT MA

SỐ 1432

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1432

ĐÀM VÔ ĐỨC LUẬT BỘ TẠP YẾT MA
(TỨ PHẦN)

Hán dịch: Đời Tào Ngụy, Tam Tạng Khang Tăng Khải, người nước Thiên Trúc.

Phần 1: CÁC PHÁP KẾT GIỚI TRƯỜNG

Văn kết giới trường: (Hai giới không được chung nhau. Nếu muốn đặt giới trường bên trong đại giới thì trước hết phải dựng tướng nội giới và tướng ngoại giới thọ bốn phương giới trường, cách nhau một tầm tay, sai người xướng. Đi vòng bên trong một vòng rồi nói: "Đây là tướng nội giới và bên là tướng ngoại giới". Lần thứ hai, thứ ba cũng xướng như vậy. Người trong chúng cử một vị có khả năng Yết-ma thì hết kết giới, không được thọ dục, vì chưa kết giới):

Đại đức Tăng lắng nghe! Trụ xứ Tỳ-kheo… này, xướng tướng bốn phương của tiểu cương giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng ở trong tướng bốn phương của tiểu cương giới này kết làm giới trường. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Trụ xứ Tỳ-kheo…

này, xướng tướng bốn phương của tiểu cương giới. Nay Tăng ở trong tướng bốn phương của tiểu cương giới này kết giới trường. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng ở trong tướng bốn phương của tiểu cương giới này kết làm giới trường thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý ở trong tướng bốn phương của tiểu cương giới này kết làm giới trường. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc này nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn kết đại cương giới: (Nên kết đại giới theo thứ tự trước cắm mốc bốn phương đại giới để xác định tướng, tường bao quanh bên ngoài, không xa lắm vì sợ làm trở ngại người Bồ-tát xướng ba lần. Trong chúng nên sai vị có khả năng Yết-ma để kết, cũng không được thọ dục vì chưa kết giới):

Đại đức Tăng lắng nghe! Trụ xứ này, Tỳ-kheo… xướng tướng bốn phương của đại cương giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng ở trong tướng bốn phương của đại cương giới kết làm đại giới cùng sống chung và cùng thuyết giới. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Trụ xứ này, Tỳ-kheo… xướng tướng bốn phương của đại cương giới. Nay Tăng ở trong tướng bốn phương của đại cương giới kết đại giới cùng sống chung và cùng thuyết giới. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng ở

trong tướng bốn phương của đại cương giới này kết làm đại giới cùng sống chung và cùng thuyết giới thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý ở trong tướng bốn phương của đại giới này cùng sống chung và cùng thuyết giới kết đại giới. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc này tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn kết cương giới không mất y: (Giới không mất y hoàn toàn không có cương giới khác, nương theo tướng đại giới để kết, cho nên nói trụ xứ này).

Đại đức Tăng lắng nghe! Trụ xứ này cùng sống chung và cùng thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng kết giới không mất y, trừ ranh giới thôn và ngoài thôn. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Trụ xứ này cùng sống chung và cũng thuyết giới. Nay Tăng kết giới không mất y, trừ ranh giới thôn và ngoài thôn. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng ở trong trụ xứ này cùng sống chung và cùng thuyết giới kết giới không mất y, trừ ranh giới thôn và ngoài thôn thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý chỗ cùng sống chung và cùng thuyết giới kết giới không mất y trừ ranh giới thôn và ngoài thôn. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Nếu hai giới gần nhau nên chừa khoảng giữa, không được chồng

lên nhau. Nếu muốn giải giới thì giải giới không mất y trước, rồi sau đó giải đại giới. Không được ngăn cách do dòng nước chảy xiết, hoặc có khi dòng nước bị gián đoạn, trừ thường có cầu).

Văn giải cương giới không mất y:

Đại đức Tăng lắng nghe! Trụ xứ này, Tỳ-kheo cùng sống chung và cùng thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng giải giới không mất y. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Trụ xứ này Tỳ-kheo cùng sống chung và cùng thuyết giới. Nay Tăng giải giới không mất y. Các trưởng lão nào đồng ý với Tăng ở nơi cùng sống chung và cùng thuyết giới giải giới không mất y thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý ở nơi cùng sống chung và cùng thuyết giới giải giới không mất y. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn giải đại cương giới:

Đại đức Tăng lắng nghe! Ở nơi trụ xứ này Tỳ-kheo cùng sống chung và cùng thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng giải đại cương giới. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Nơi trụ xứ này, Tỳ-kheo cùng sống chung và cùng thuyết giới. Nay Tăng giải đại cương giới. Các trưởng lão nào đồng ý ở chỗ cùng sống chung và cùng thuyết giới giải

đại cương giới thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý ở nơi chỗ cùng sống chung và cùng thuyết giới giải đại cương giới. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn giải giới trường:

Đại đức Tăng lắng nghe! Nay có Tỳ-kheo như thế này tập hợp. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đã đồng ý. Nay Tăng giải chỗ giới trường này. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Nay có chừng này Tỳ-kheo tập họp. Nay Tăng giải chỗ giới trường này. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng giải giới trường ở trú xứ này thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý giải giới trường ở trú xứ này. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Ngày Bố-tát và ngày Tự tứ đi nếu không hòa hợp thì kết tiểu giới ở chỗ ngồi.

Văn kết tiểu cương giới chỗ ngồi:

Đại đức Tăng lắng nghe! Chỗ ngồi của Tỳ-kheo đã đầy đủ cho số Tỳ-kheo ngồi vào chỗ của mình. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng ở trong chỗ ngồi này kết tiểu cương giới. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Chỗ ngồi Tỳ-kheo đã

đầy đủ như thế. Nay Tăng ở trong chỗ ngồi này kết tiểu cương giới. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng vừa bằng chỗ ngồi của các Tỳ-kheo, lấy chỗ ngồi này kết làm tiểu giới thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý. Lấy chỗ ngồi vừa bằng số Tỳ-kheo như vậy kết tiểu cương giới. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc này tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn giải tiểu cương giới chỗ ngồi:

Đại đức Tăng lắng nghe! Chỗ ngồi vừa bằng với số Tỳ-kheo như thế. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng giải chỗ ngồi tiểu cương giới này. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Chỗ ngồi vừa bằng với số Tỳ-kheo như thế. Nay Tăng giải tiểu cương giới vừa ngang bằng chỗ ngồi này. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng ở chỗ ngồi vừa bằng số Tỳ-kheo như thế giải tiểu cương giới chỗ ngồi này thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý ở chỗ ngồi vừa ngang bằng số Tỳ-kheo như thế giải tiểu cương giới chỗ ngồi này. Tăng đồng ý vì im lặng. Việc này tôi xin ghi nhận như vậy.

Phần 2: PHÁP THỌ GIỚI

Pháp độ Sa-di: (Muốn xuống tóc ở trong Tăng-già-lam, nên thưa với tất cả Tăng. Nếu Tăng không tập hợp được thì nên đi từng phòng thưa để cho Tăng biết. Trước khi xuống tóc, Tăng tập hợp tác bạch rồi sau mới xuống tóc. Nên tác bạch như vậy).

Đại đức Tăng lắng nghe! Người này muốn cầu vị này xuống tóc. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý cho người này xuống tóc. Đây là lời bạch (Nếu ở trong Tăng-già-lam độ cho họ xuất gia, nên thưa với tất cả Tăng. Thưa rồi mới cho phép xuất gia nên tác bạch như sau).

Đại đức Tăng lắng nghe! Người này theo vị này cầu xin xuất gia. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý cho người này xuất gia. Đây là lời tác bạch (Tác bạch như vậy rồi, dạy cho người xuất gia đắp y để lộ vai bên phải, cởi dép bỏ và quỳ gối phải chấp tay thưa như sau).

Con tên là… suốt đời quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, theo Phật xuất gia, vị tên là… làm Hòa thượng. Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác là Thế Tôn của con (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy).

Con tên là… quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, theo Phật xuất gia, vị tên là… làm Hòa thượng. Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác

là Thế Tôn của con (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy, đã thọ giới).

1. Suốt đời không được sát sinh. Đây là giới Sa-di ông có thể giữ được không? (Đáp: Được).

2. Suốt đời không được trộm cắp. Đây là giới Sa-di ông có thể giữ được không? (Đáp: Được).

3. Suốt đời không được dâm dục. Đây là giới Sa-di ông có thể giữ được không? (Đáp: Được).

4. Suốt đời không được nói dối. Đây là giới Sa-di ông có thể giữ được không? (Đáp: Được).

5. Suốt đời không được uống rượu. Đây là giới Sa-di ông có thể giữ được không? (Đáp: Được).

6. Suốt đời không được đeo hoa hương, thoa dầu thơm trên thân. Đây là giới Sa-di ông có thể giữ được không? (Đáp: Được).

7. Suốt đời không được ca múa, tấu nhạc và đến xem nghe. Đây là giới Sa-di ông có thể giữ được không? (Đáp: Được).

8. Suốt đời không được ngồi trên giường cao, giường lớn. Đây là giới Sa-di ông có thể giữ được không? (Đáp: Được).

9. Suốt đời không được ăn phi thời. Đây là giới Sa-di ông có thể giữ được không? (Đáp: Được)..

10. Suốt đời không được cất giữ những vật báu, đồ trang sức quý báu như vàng bạc. Đây là giới Sa-di ông có thể giữ được không? (Đáp: Được).

Đây là mười giới Sa-di suốt đời không được phạm. Ông đã thọ giới rồi nên cúng dường Tam bảo: Phật bảo, Pháp bảo, Tỳ-kheo Tăng bảo, siêng năng tu tập ba nghiệp, tọa thiền, tụng kinh và gắng giúp đỡ việc của chúng.

Văn thỉnh Hòa thượng:

Đại đức nhất tâm niệm. Con tên là… thỉnh Đại đức làm Hòa thượng. Xin Đại đức vì con làm Hòa thượng. Con nương theo Đại đức nên được thọ giới Cụ túc (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như thế. Hòa thượng nên nói có thể được. Nếu nói có thể được thì chúng Tăng nên dẫn người muốn thọ giới Cụ túc đến chỗ thấy mà không nghe. Khi ấy, giới sư nên hỏi).

Trong chúng ai có thể vì người này làm giáo thọ sư (Nếu có thì trả

lời tôi có thể, giới sư nên tác bạch).

Đại đức Tăng lắng nghe! Người này theo vị này cầu thọ giới Cụ túc. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý vị này làm giáo thọ sư. Đấy là lời tác bạch (Giáo thọ sư nên đến chỗ đó hỏi người thọ giới).

Đây là An-đà-hội, đây là Uất-đa-la-tăng, đây là Tăng-già-lê và bát. Y bát ấy của ông phải không (Đáp: Vâng! Nên bảo:)

Thiện nam lắng nghe! Nay chính là lúc phải chân thật. Thật thì nói thật, không thật thì nói

không thật.

Ngươi đã từng làm Tỳ-kheo phải không? Nếu nói đã từng, ngươi có trì giới thanh tịnh không? Ngươi có xả giới như pháp không? Ngươi không phạm vào tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni chứ? Ngươi không với tâm giặc thọ giới chứ? Ngươi không phá nội ngoại đạo chứ? Ngươi không phải là huỳnh môn chứ? Ngươi không giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán và không phá hòa hợp Tăng chứ? Ngươi có phải là phi nhân không? Ngươi chẳng phải là súc sinh chứ? Ngươi có phải là người hai căn không? Ngươi tên là gì? Hòa thượng của ngươi hiệu gì? Ngươi đủ hai mươi tuổi chưa? Ngươi có đủ ba y và bát không? Cha mẹ có cho phép ngươi xuất gia không? Ngươi không mắc nợ chứ? Ngươi chẳng phải nô tỳ chứ? Ngươi chẳng phải là người làm quan chứ? Ngươi là đại trượng phu chứ? Ngươi là trượng phu có những bệnh như vậy, hủi, ung thư, mụt, lác, và điên cuồng không? (Đáp: Không, nên nói:) Những gì bây giờ ta hỏi ngươi thì khi đến trong Tăng cũng hỏi như vậy. Như những điều ngươi vừa trả lời với ta thì Tăng cũng trả lời như thế (Khi giáo thọ hỏi như vậy rồi trở vào trong Tăng, đứng chỗ trong tầm tay nên tác bạch như vậy).

Đại đức Tăng lắng nghe! Người… này theo vị… cầu thọ giới cụ túc. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Tôi đã hỏi rồi. Xin cho

phép tôi đưa vào. Đây là lời tác bạch (Thầy giáo thọ sư nên gọi người thọ giới đến nói: Ngươi hãy đến đây! Khi đến rồi, cầm giữ y bát và dạy họ đảnh lễ Tăng. Rồi quỳ chấp tay ở trước giới sư, thầy giáo thọ nên dạy họ cầu xin giới).

Đại đức Tăng lắng nghe. Con tên là… theo vị… cầu thọ giới cụ túc. Con tên là… nay theo Tăng xin thọ giới cụ túc. Con tên là… nay theo Tăng xin thọ giới cụ túc, Hòa thượng hiệu là… nguyện xin Tăng tế độ con thương xót chiếu cố (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Lúc ấy, giới sư nên tác bạch:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Người… này theo vị… này cầu thọ giới cụ túc. Nay người… này theo Tăng xin thọ giới cụ túc, Hòa thượng hiệu là… Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Tôi hỏi về nội pháp. Đây là lời tác bạch.

Thiện nam lắng nghe! Bây giờ chính là lúc ngươi phải chân thành, là lúc phải nói thật. Nay ta hỏi ngươi một số vấn đề, ngươi phải trả lời chân thật.

Ngươi đã từng làm Tỳ-kheo phải không? Nếu nói làm thì nên hỏi: Ngươi có trì giới thanh tịnh không? Ngươi xả giới như pháp chứ? Ngươi không phạm vào tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni chứ? Ngươi không phải với tâm giặc thọ giới chứ? Ngươi không là ngoại đạo phá nội đạo không?

Ngươi có phải huỳnh môn không? Ngươi không giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán và phá hòa hợp Tăng chứ? Ngươi có phải là phi nhân không? Ngươi không phải súc sinh chứ? Ngươi không phải là người hai căn chứ? Tên của ngươi là gì? Hòa thượng của ngươi hiệu gì? Ngươi đủ hai mươi tuổi chưa? Ba y và bát có đầy đủ không? Cha mẹ có cho phép ngươi xuất gia không? Ngươi không mắc nợ ai chứ? Ngươi chẳng phải nô tỳ chứ? Ngươi chẳng phải làm quan chứ? Ngươi là đàn ông phải không? Đàn ông phu có bệnh như vậy, hủi, ung thư, mụt, lác, và điên cuồng không? (Nếu nói không thì nên tác bạch tứ Yết-ma).

Đại đức Tăng lắng nghe! Người… này theo vị… này cầu thọ giới cụ túc. Nay người… này theo Tăng xin thọ giới cụ túc. Hòa thượng tên là… tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng trao giới cụ túc cho người… này, Hòa thượng tên là… Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Người… này theo vị… này cầu thọ giới cụ túc. Nay người… này theo Tăng xin thọ giới cụ túc, Hòa thượng tên là…, tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ. Nay Tăng trao cho người… này giới cụ túc, Hòa thượng tên là… Các trưởng lão nào đồng ý Tăng cho người… này thọ

giới cụ túc, Hòa thượng tên là… thì im lặng, vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần Yết-ma thứ nhất (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như thế).

Tăng đã đồng ý cho người… này thọ giới cụ túc, Hòa thượng tên là… Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc này tôi xin ghi nhận như vậy.

Thiện nam lắng nghe! Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói bốn pháp Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo nào phạm mỗi một pháp thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải con của dòng họ Thích.

Ngươi nhất thiết không được phạm dâm dục, làm hạnh bất tịnh.

Nếu Tỳ-kheo phạm dâm dục làm hạnh bất tịnh, cho đến cùng với súc sinh thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải con của dòng họ Thích. Suốt đời ngươi không được phạm giới này, ngươi có thể giữ được không? (Đáp: Có thể).

Ngươi nhất thiết không được ăn cắp cho đến một cộng cỏ, lá cây. Nếu Tỳ-kheo ăn cắp của người trị giá năm tiền, hoặc hơn năm tiền; hoặc tự lấy hoặc dạy người lấy; hoặc tự phá hoặc dạy người phá, hoặc thiêu, chôn và làm hoại sắc thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải con dòng họ Thích. Suốt đời ngươi không được phạm giới này, ngươi có thể giữ được không? (Đáp: Có thể).

Ngươi nhất thiết không được cố ý giết chúng sinh, cho đến con kiến. Nếu Tỳ-kheo cố ý tự tay

giết người, hoặc cầm dao đưa cho người, bảo chết, khen ngợi sự chết, khuyến khích sự chết và cho người thuốc độc, hoặc phá thai, trù yếm giết; tự nghĩ ra những thủ đoạn hoặc dạy người làm thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải con dòng họ Thích. Suốt đời ngươi không được phạm giới này, ngươi có thể giữ được không? (Đáp: Có thể).

Ngươi nhất thiết không được nói dối cho đến đùa giỡn. Nếu Tỳ- kheo không chân thật, mình chẳng có mà tự xưng là đắc pháp thượng nhân, đắc thiền, đắc giải thoát, đắc định, đắc bốn định không, đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A na hàm và quả A-la-hán; nói trời, rồng, quỷ thần đến cúng dường tôi, thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải con dòng họ Thích. Suốt đời ngươi không được phạm giới này, ngươi có thể giữ được không? (Đáp: Có thể).

Thiện nam lắng nghe! Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói bốn pháp y xứ. Tỳ-kheo xuất gia phải nương theo bốn pháp này. Pháp y người xuất gia là nương theo y phấn tảo, đó là pháp của người xuất gia làm Tỳ-kheo. Ở trong đó suốt đời ngươi có giữ được không? (Đáp: Có thể). Hoặc được lợi dưỡng dư, do đàn-việt cúng y, y bị cắt sọc, hoặc y với ba loại hoại sắc, cũng được nhận.

Người xuất gia phải nương theo khất thực, đó là pháp của người xuất gia làm Tỳ-kheo. Ở trong

ấy, suốt đời ngươi có thể giữ được không? (Đáp: Có thể). Hoặc được lợi dưỡng dư, hoặc Tăng sai đi thọ thực hoặc đàn-việt cúng thức ăn, thức ăn ngày mồng tám, thức ăn ngày mười lăm và thức ăn ngày đầu tháng; hoặc thức ăn của chánh Tăng hay thức ăn do đàn-việt thỉnh thì được thọ.

Nương nơi gốc cây là pháp của người xuất gia làm Tỳ-kheo. Trong việc này suốt đời ngươi có giữ được không? (Đáp: Có thể). Nếu được lợi dưỡng dư, hoặc phòng riêng nơi nghỉ tạm, phòng nhỏ, hang đá, hai phòng một cửa thì được thọ.

Nương nơi dược hư nát là pháp người xuất gia làm Tỳ-kheo. Trong đó suốt đời ngươi có thể giữ được không? (Đáp: Có thể). Nếu được gọi lợi dưỡng dư như là sữa, dầu, sữa sống, đường mật và đường phèn thì được thọ.

Ông đã thọ giới rồi.

Bạch tứ Yết-ma tất cả đều được thành tựu đúng như pháp, thành tựu đúng cách. Hòa thượng như pháp, A-xà-lê như pháp, chúng Tăng đầy đủ đúng như pháp, chính là lúc tốt nhất để thọ nhận giáo pháp. Ông nên tạo phước, quét tháp, cúng dường chúng Tăng. Hòa thượng A-xà- lê, những gì quý vị chỉ dạy đều đúng như pháp không được trái nghịch. Nên học hỏi, tụng kinh và siêng cầu phương tiện thì ở trong pháp Phật sẽ đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A na hàm và quả A-

la- hán. Ngươi mới phát tâm xuất gia công đức không uổng phí quả báo không đoạn. Còn những việc khác chưa biết nên hỏi Hòa thượng, A-xà- lê (Nên khiến cho người thọ giới đi ra trước).

Văn thọ y bát:

Trưởng lão nhất tâm niệm. Y Tăng-già-lê này chừng ấy đều, cắt may thành. Nay thọ trì, không lìa y ngủ qua đêm (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy. Hai y khác cũng thọ trì như vậy).

Trưởng lão nhất tâm niệm. Bát đa la ứng lượng khí này, nay thọ trì thường sử dụng (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Văn thỉnh Y chỉ:

Đại đức nhất tâm niệm. Con tên là… thỉnh Đại đức làm y chỉ A- xà-lê. Xin Đại đức làm y chỉ A-xà-lê cho con. Con xin nương theo Đại đức để ở. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Thầy trả lời). Chớ buông lung, hoặc nói tốt, hoặc nói thuận cho. Đệ tử đáp: Xin vâng.

Phần 3: CÁC PHÁP TRỪ TỘI

Văn Yết-ma Phú tàng:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn mà lại che giấu. Tôi Tỳ-kheo

tên là… phạm tội Tăng tàn, tùy theo thời gian che giấu, nay đến trước Tăng xin Yết-ma tội che giấu. Xin Tăng trao cho tôi Yết-ma tội tùy theo thời gian che giấu. Nguyện Tăng rủ lòng từ bi (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Văn trao cho Yết-ma che giấu:

Đại đức Tăng lắng nghe! Con Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn mà lại che giấu. Tỳ-kheo... này phạm tội Tăng tàn, tùy theo ngày che giấu, nay đến trước Tăng xin Yết-ma tội che giấu. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho Tỳ-kheo… này Yết-ma tội tùy theo ngày che giấu. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn mà lại che giấu. Tỳ-kheo… này phạm tội Tăng tàn, tùy theo ngày che giấu, nay đến trước Tăng xin Yết-ma tội che giấu. Nay Tăng cho Tỳ-kheo… này Yết-ma tùy tội theo ngày che giấu. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng cho Tỳ-kheo… này Yết-ma tùy theo ngày che giấu thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần Yết-ma thứ nhất (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo… này Yết-ma tùy theo ngày che giấu. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc này nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Tỳ-kheo đang hành pháp che giấu có tám trường hợp không

được tính (thất túc) mà mỗi mỗi trường hợp lại mắc tội Đột-kiết-la).

Tám trường hợp không được tính (thất túc) như sau:

1. Đến chùa khác mà không bạch.
2. Tỳ-kheo khách đến mà không bạch.
3. Có việc cần ra ngoài giới mà không bạch.
4. Trong chùa đi qua chỗ khác mà không bạch.
5. Khi bị bệnh không nhờ người bạch để nghỉ.
6. Hai, ba người cùng ngủ một phòng.
7. Ở nơi trú xứ không có Tỳ-kheo.
8. Ngày thuyết giới không bạch.

Đó là tám trường hợp không được tính ngày.

Đức Phật cho phép vào ngày thuyết giới nên bạch như vậy. Tỳ- kheo hành pháp che giấu nên đến trong Tăng, để bày vai bên phải, cởi dép bỏ qua bên, quỳ gối phải xuống đất và chấp tay thưa:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn mà che giấu. Tôi Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn, theo ngày che giấu, nay đến trước Tăng xin Yết-ma tội che giấu.

Tăng đã trao cho tôi Yết-ma tội tùy theo ngày che giấu. Tôi Tỳ- kheo tên là… đã hành pháp được bao nhiêu ngày, còn bao nhiêu này chưa hành pháp. Kính trình Đại đức Tăng cho biết: Tôi là người đang hành pháp che giấu.

Văn xin Yết-ma Ma-na-đỏa:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn mà che giấu. Tôi Tỳ-kheo tên là…phạm tội Tăng tàn, tùy theo ngày che giấu đã đến trước Tăng xin Yết-ma tội che giấu. Tôi Tỳ-kheo tên là… đã hành pháp che giấu, nay đến trước Tăng xin Yết-ma sáu đêm Ma- na-đỏa. Nguyện Tăng rủ lòng từ bi! (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Văn trao cho Yết-ma Ma-na-đỏa:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn mà che giấu. Tỳ-kheo… này phạm tội Tăng tàn, tùy theo ngày che giấu đã đến trước Tăng xin Yết-ma tội che giấu. Tăng đã trao cho Tỳ-kheo… này Yết-ma tội tùy theo ngày che giấu. Tỳ-kheo… này đã hành pháp che giấu xong. Nay đến trước Tăng xin Yết-ma sáu đêm Ma-na-đỏa. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay trao cho Tỳ-kheo… này Yết-ma sáu đêm Ma-na-đỏa. Đây là lời bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn mà che giấu. Tỳ-kheo… này phạm tội Tăng tàn, tùy theo thời gian che giấu đã đến trước Tăng xin Yết-ma tội che giấu. Tăng đã trao cho Tỳ-kheo… này Yết-ma tội tùy theo ngày che giấu. Tỳ-kheo… này đã hành pháp che giấu, nay đến trước Tăng xin Yết-ma sáu đêm Ma-na-đỏa. Nay Tăng trao cho Tỳ-kheo… này Yết-ma

sáu đêm Ma-na-đỏa. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng trao cho Tỳ-kheo… này Yết-ma sáu đêm Ma-na-đỏa thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần tác bạch thứ nhất (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Tăng đã trao cho Tỳ-kheo… này Yết-ma sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy nay tôi xin ghi nhận như vậy (Đức Phật dạy: Tỳ-kheo hành pháp Ma-na-đỏa cũng phải thực hành các trường hợp trên. Khi đang trong thời gian hành Ma-na-đỏa phải ở trong cương giới, mỗi ngày nên để bày bên vai phải, cởi giày dép bỏ bên phải, quỳ gối chấp tay bạch như vậy).

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn mà che giấu. Tôi Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn, tùy theo ngày che giấu đến trước Tăng xin Yết-ma tội che giấu. Tăng đã cho tôi Yết-ma tội tùy theo ngày che giấu. Tôi Tỳ-kheo tên là đã hành pháp che giấu. Nay đến trước Tăng xin Yết-ma sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã trao cho tôi Yết-ma sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi Tỳ-kheo tên là… đã hành pháp được bao nhiêu ngày, còn bao nhiêu ngày chưa hành pháp. Kính bạch Đại đức Tăng biết cho, tôi là người đang hành pháp Ma-na-đỏa.

Văn xin Yết-ma xuất tội:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là…

phạm tội Tăng tàn mà che giấu. Tôi Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn, tùy theo ngày che giấu đã đến trước Tăng xin Yết-ma tội che giấu. Tăng đã cho tôi Yết- ma tội tùy theo thời gian che giấu. Tôi Tỳ-kheo tên là… đã hành pháp che giấu, nay đến trước Tăng xin Yết-ma sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã trao cho tôi Yết-ma sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi đã hành pháp sáu đêm Ma-na-đỏa xong, nay đến trước Tăng xin Yết-ma xuất tội. Xin Tăng cho tôi Yết-ma xuất tội. Nguyện Tăng rủ lòng thương xót. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy)

Văn cho Yết-ma xuất tội:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn mà lại che giấu. Tỳ-kheo… này phạm tội Tăng tàn, tùy theo ngày che giấu đã đến trước Tăng xin Yết-ma tội che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo… này Yết-ma tội tùy theo ngày che giấu. Tỳ-kheo… này đã hành pháp che giấu rồi, đến trước Tăng xin Yết-ma sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo… này Yết-ma sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo… này đã hành pháp sáu đêm Ma-na-đỏa xong, nay đến trước Tăng xin Yết-ma xuất tội. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho Tỳ- kheo… này Yết-ma xuất tội. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn mà che giấu. Tỳ-kheo… này

phạm tội Tăng tàn, tùy theo ngày che giấu đã đến trước Tăng xin Yết-ma về tội che giấu. Tăng đã trao cho Tỳ-kheo… này Yết-ma tội tùy theo ngày che giấu. Tỳ-kheo… này đã hành pháp che giấu xong, đến trước Tăng xin Yết-ma sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã trao cho Tỳ-kheo… này Yết-ma sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo… này đã hành pháp sáu đêm Ma-na-đỏa xong, nay đến trước Tăng xin Yết-ma xuất tội. Nay Tăng cho Tỳ-kheo… này Yết-ma xuất tội. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng cho Tỳ-kheo… này Yết-ma xuất tội thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần Yết-ma thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy)

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo tên là… Yết-ma xuất tội. Tăng đồng ý vì im lặng. Việc này tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn phạm tội Xả đọa, chứa y sư xả trong Tăng: (Khi xả cho Tăng, người ấy nên đến trong Tăng, bày vai phải, cởi dép giày, hướng đến Thượng tọa đảnh lễ, quỳ gối chấp tay thưa như vậy:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… đã chứa chừng ấy y dư, quá mười ngày phạm tội Xả đọa. Nay tôi xả cho Tăng (xả y rồi đến trong Tăng sám hối).

Văn sám hối trong Tăng: (Đảnh lễ Tăng xong, quỳ gối chấp tay tác bạch như vậy:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là…

đã chứa từng ấy y dư, quá mười ngày phạm tội Xả đọa, y này đã xả cho Tăng. Còn nay có tội tôi đến trước Tăng sám hối. (Lần thứ hai, rồi thứ ba cũng thưa như vậy, rồi đi đến trước một Tỳ-kheo ở trong Tăng tác bạch như vậy).

Thưa Đại đức, xin cho tôi sám hối tội. Vị kia đáp:

Được.

Văn tác bạch trong Tăng nhận sự sám hối: (Người nhận sám hối nên tác bạch như vậy:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… đã cố tình chứa chừng ấy y dư, quá mười ngày phạm tội Xả đọa. Nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý cho tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo tên là… Đây là lời tác bạch. (Tác bạch như vậy rồi nên nhận sự sám hối).

Văn đến trước một người ở trong Tăng sám hối:

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… cố tình chứa chừng ấy y dư, quá mười ngày phạm tội Xả đọa. Y này đã xả cho Tăng, còn tội nay tôi đến trước Đại đức sám hối không dám che giấu. Sám hối thì được an lạc, không sám hối thì không được an lạc. Tôi nghĩ nhớ phạm nên phát lồ, biết mà không che giấu. Đại đức nhớ nghĩ tôi thanh tịnh, thân giới đầy đủ và thanh tịnh bố-tát. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy). Nói rồi,

người nhận sự sám hối nên nói như vầy: Tự trách mình, tâm ông sinh nhàm chán xa lìa. Đáp: Có thể.

Văn yết-ma Tăng trả lại y cho Tỳ-kheo này:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… cố tình chứa chừng ấy y dư, quá mười ngày phạm tội Xả đọa. Nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng đem y này trả lại cho Tỳ- kheo… này. Tác bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… cố tình chứa chừng ấy y dư, quá mười ngày phạm tội Xả đọa, nay đã xả cho Tăng. Nay Tăng đem y này trả lại cho Tỳ-kheo… Các trưởng lão nào đồng ý Tăng đem y này trả lại cho Tỳ-kheo… này thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý đem y này trả lại cho Tỳ-kheo… này rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay, tôi xin ghi nhận như vậy. (Xả cho người thứ hai, thứ ba cũng thưa như sám hối cũng thưa giống như trên).

Văn xả cho một người: (Nên đến trước Tỳ-kheo thanh tịnh để lộ vai bên phải. Nếu vị đó là bậc Thượng tọa thì đảnh lễ rồi quỳ gối chấp tay tác bạch như vậy:)

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… cố tình chứa chừng ấy y dư, quá mười ngày phạm tội Xả đọa. Nay tôi xin xả cho Đại đức; xả rồi sẽ sám hối.

Văn sám hối trước một người:

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… cố tình chứa chừng ấy y dư, quá mười ngày phạm tội Xả đọa. Y này đã xả, còn tội nay tôi đến trước Đại đức sám hối, không dám che giấu. Sám hối thì được an lạc, không sám hối thì không an lạc. Nhớ nghĩ phạm nên liền phát lồ, biết mà không che giấu. Đại đức nhớ nghĩ tôi thanh tịnh, đầy đủ thân giới và thanh tịnh bố tát. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy). Nói xong, người nhận sám hối nên nói: Ông tự trách mình tâm sinh nhàm chán xa lìa. Đáp: Có thể.

Văn phạm tội nhẹ khác bạch với một người:

Tỳ-kheo sám hối: (Nên đến một vị Tỳ-kheo thanh tịnh, để bày vai bên phải. Nếu vị ấy là bậc Thượng tọa thì nên đảnh lễ, rồi quỳ xuống chấp tay nói tên tội và loại tội nên tác bạch như vậy:)

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… phạm tội như vậy. Nay đến trước Đại đức sám hối, không dám che giấu. Sám hối thì được an lạc, không sám hối thì không an lạc. Nhớ nghĩ phạm tội nên mới phát lồ, biết mà không che giấu. Đại đức nhớ nghĩ tôi thanh tịnh, thân giới đầy đủ và thanh tịnh Bồ Tát. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy). Nói rồi, người nhận sám hối nên nói như vầy: Ông tự trách mình, tâm sinh nhàm chán xa lìa. Đáp: Có thể. (Đến hai người, ba người

sám hối cũng thưa như vậy. Trong hai người nhận sự sám hối ấy nên nói với người bên cạnh mình). Trưởng lão cho phép tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo tên là…

Đáp: Cho phép. (Cách thức)

(Pháp sám hối cũng giống như trên. Nếu muốn sám hối trong Tăng với hay với một người thì cách thức sám hối với một người cũng giống như vậy.)

Văn phát lồ nghi có tội ở trong Tăng:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… nghi ngờ đối với sự phạm tội. Nay thưa với Tăng để được biết. Sau khi không còn nghi ngờ

nữa sẽ sám hối đúng như pháp. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Hướng đến ba người, hai người hay một người cũng thưa như vậy).

Phần 4: PHÁP THUYẾT GIỚI

Văn gởi dục thanh tịnh:

Đại đức nhất tâm niệm! Hôm nay chúng Tăng bố tát thuyết giới. Tỳ-kheo tên là cũng bố tát thuyết giới. Tôi có việc Phật, Pháp, Tăng, hoặc nuôi bệnh. Tôi gởi dục và thanh tịnh nên ghi tên cho tôi. (Người bệnh có năm trường hợp gởi dục.

Hoặc nói cho ông dục, hoặc nói tôi thuyết dục, hoặc nói vì tôi thuyết dục, hoặc nói tôi thuyết dục, hoặc nói vì tôi thuyết dục, hoặc nói rộng đầy đủ là gởi dục. Nhưng không nói lời trả thì không thành.

Văn thọ dục và thanh tịnh: (Tùy theo khả năng nhớ tên nhiều hay ít. Khi được nhận nên đến trong Tăng thưa như vậy).

Đại đức nhất tâm niệm! Nhiều Tỳ-kheo có việc Phật, Pháp, Tăng, hoặc bị bệnh. Tôi nhận dục và thanh tịnh cho số nhiều Tỳ-kheo. Đối với Tăng sự như pháp tôi gởi dục thanh tịnh. Tôi đã rút thẻ cho họ.

Văn yết-ma sai người giáo thọ Ni:

Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng sai Tỳ-kheo tên là giáo thọ Tỳ-kheo-ni. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Nay Tăng sai Tỳ-kheo tên là… giáo thọ Tỳ-kheo-ni. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng sai Tỳ-kheo tên là… giáo thọ Tỳ-kheo-ni thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý sai Tỳ-kheo tên là… giáo thọ Tỳ-kheo-ni. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc này nay tôi xin ghi nhận như vậy. Người kia được sai đi giáo thọ, khi đến trong chùa Ni, nên dạy tập hợp Ni chúng rồi trước tiên nói cho họ về tám pháp không thể trái. Tám pháp đó là:

1. Dẫu cho Tỳ-kheo-ni trăm tuổi hạ, khi thấy vị Tỳ-kheo mới thọ giới cũng phải đứng dậy nghinh đón, đảnh lễ và trải tọa cụ sạch. Pháp này nên tôn trọng và tán thán, suốt đời không được vi phạm.

2. Tỳ-kheo-ni không nên trách mắng nhục mạ Tỳ-kheo, không nên phỉ báng Tỳ-kheo về phá giới, phá kiến và phá oai nghi. Pháp này nên tôn trọng và tán thán, suốt đời không được vi phạm.

3. Tỳ-kheo-ni không được tác pháp Yết-ma cử tội ức niệm, tự ngôn cho Tỳ-kheo. Không được ngăn các vị ấy kiến tội (phát lồ), thuyết giới và tự tứ, không được quở trách Tỳ-kheo mà ngược lại, Tỳ-kheo lại có quyền quở trách Tỳ-kheo-ni. Đây là pháp đáng được tôn trọng và tán thán suốt đời không được vi phạm.

4. Khi Thức-xoa-ma-na đã thọ học giới rồi, nên đến Tỳ-kheo Tăng xin thọ đại giới. Pháp này nên được tôn trọng và tán thán, suốt đời không được vi phạm.

5. Tỳ-kheo-ni phạm tội Tăng tàn, nên nửa tháng ở trong hai bộ Tăng hành pháp Ma-na-đỏa. Pháp này nên tôn trọng và tán thán, suốt đời không được vi phạm.

6. Cứ mỗi nửa tháng đến ngày thuyết giới, Tỳ-kheo-ni nên đến Tăng xin giáo thọ. Pháp này tên tôn trọng và tán thán, suốt đời không được vi

phạm.

7. Mùa hạ an cư, Tỳ-kheo-ni không nên ở chỗ không có Tỳ-kheo Tăng. Pháp này phải nên tôn trọng và tán thán, suốt đời không được vi phạm.

8. An cư xong, chúng Tỳ-kheo-ni nên đến Tỳ-kheo Tăng cầu ba việc tự tứ: kiến, văn, nghi. Pháp này nên tôn trọng và tán thán, suốt đời không được vi phạm (nói tám việc không trái phạm, rồi sau đó tùy ý thuyết pháp).

Văn bố tát thuyết giới: (Đến ngày bố tát, hoặc trong bữa ăn phụ, hay trong bữa ăn chính, vị Thượng tọa xướng như sau:)

Hôm nay là ngày bố tát, lúc… chúng Tăng tập họp ở giảng đường thuyết giới. (Nếu có bốn người hoặc hơn bốn người thì nên tác bạch trước, rồi sau thuyết giới. Còn nếu chỉ có hai người hoặc ba người thì mỗi người hướng về nhau nói:)

Trưởng lão nhất tâm niệm! Hôm nay là ngày thứ mười lăm chúng Tăng thuyết giới. Tôi Tỳ-kheo tên là… thanh tịnh (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy. Nếu chỉ có một người, nên tâm nghĩ miệng nói:)

Hôm nay là ngày thứ mười lăm chúng Tăng thuyết giới. Tôi Tỳ- kheo tên là… thanh tịnh. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Văn lược thuyết giới vì có khởi lên tám nạn sự và có nhân duyên khác:

Tám nạn: 1. Vua. 2. Giặc. 3. Lửa. 4. Nước. 5. Bệnh. 6. Người. 7.

Phi nhân. 8. Trùng độc.

Duyên khác: Khi đại chúng nhóm họp, giường tòa bị thiếu. Hoặc trong chúng tập họp có rất nhiều người bị bệnh mà trên mái nhà che không kín. Hoặc trời mưa, hoặc bố tát nhiều, hoặc nhiều việc tranh

chấp xảy ra. Luận A Tỳ thuyết pháp đêm đã qua lâu. Khi minh tướng (mặt trời) chưa xuất hiện nên tác bạch yết-ma thuyết giới. Nếu khi minh tướng xuất hiện không được nhận dục thanh tịnh cách đêm. Yết-ma thuyết giới tùy theo việc gần xa, có thể rộng thuyết giới thì rộng thuyết. Nếu không có cách gì xử lý đúng như pháp, có thể lược thuyết thì nên lược thuyết. Nếu không có cách gì xử lý đúng như pháp, hoặc nạn sự quá gần không thể lược thuyết được, thì dời chỗ ngồi đứng dậy nói lược giới, nói lời tựa rồi, ngoài ra nên nói: "Tăng thường nghe". Hoặc nói lời tựa bốn pháp Ba-la-di xong, còn những trường hợp khác chỉ nói "Tăng thường nghe". Như vậy, cho đến chín mươi tội đọa, ngoài ra những trường hợp khác cũng nói như "Tăng thường nghe".

Phần 5: PHÁP AN CƯ

Văn yết-ma tăng sai người phân phòng:

Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng sai Tỳ-kheo tên là… làm người phân phòng xá và ngọa cụ. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng sai Tỳ-kheo tên là… làm người phân phòng xá và ngọa cụ thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói ra.

Tăng đã đồng ý sai Tỳ-kheo tên là… làm người phân phòng xá và ngọa cụ. Tăng đồng ý vì im lặng. Việc này nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Pháp phân phòng, trước hết sai người trị sự chọn lấy một phòng. Còn các phòng khác thưa thượng tọa theo thứ tự nhận lấy).

Đại đức Thượng tọa, phòng xá và ngọa cụ như thế, tùy ý theo sở thích của các vị mà thọ nhận. (Trước hết là phòng của Thượng tọa, tiếp theo thứ hai, thứ ba, thứ tư cho đến pháp Hạ tọa cũng như vậy. Nếu còn phòng dư nên để dành cho Tỳ-kheo khách).

Văn an cư.

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… nay nương vào xóm làng như thế, ở phòng như thế trong Già lam như thế! Tiền an cư ba tháng trước mùa hạ. Nếu phòng xá bị hư hoại thì

sửa chữa lại. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy). Nương vào vị từ luật như thế. Nếu có việc nghi nên đến hỏi. (Pháp hậu an cư cũng nên thưa như vậy).

Văn thọ bảy ngày:

Đại đức nhất tâm niệm. Tôi Tỳ-kheo tên là… thọ pháp bảy ngày, xuất giới đi ra ngoài vì việc như vậy. Sau khi xong tôi trở về lại trong này an cư. Tôi thưa với Trưởng lão để được biết. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Văn thọ quá bảy ngày:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… thọ pháp quá bảy ngày, hoặc nửa tháng, hoặc một tháng xuất giới đi ra ngoài, vì công việc như thế. Sau khi xong, tôi trở về lại trong này an cư. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng tác bạch như vậy).

Văn yết-ma cho quá bảy ngày:

Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý cho Tỳ-kheo tên là… thọ pháp quá bảy ngày, hoặc nửa tháng, hoặc một tháng xuất giới đi ra ngoài vì công việc như vậy, vị ấy sẽ trở về trong này an cư. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… thọ pháp quá bảy ngày, hoặc nửa tháng, hoặc một tháng xuất giới đi ra ngoài vì việc như vậy, vị ấy sẽ trở về trong này an cư. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng cho phép Tỳ-kheo tên là… thọ pháp

quá bảy ngày, hoặc nửa tháng, hoặc một tháng xuất giới đi ra ngoài vì công việc như vậy, vị ấy sẽ trở lại trong này an cư thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo tên là… thọ pháp quá bảy ngày, hoặc nửa tháng, hoặc một tháng xuất giới đi ra ngoài vì công việc như vậy, vị ấy sẽ trở về trong này an cư. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay, tôi xin ghi nhận như vậy.

Phần 6: PHÁP TỰ TỨ

Văn gởi dục Tự Tứ:

Đại đức nhất tâm niệm. Hôm nay Tăng tự tứ. Tôi Tỳ-kheo tên là… cũng tự tứ. Tôi có bệnh không thể đến được. Tôi xin gởi dục tự tứ (Người bệnh có năm trường hợp gởi dục tự tứ, hoặc nói gửi ông tự tứ, hoặc nói vì tôi thuyết tự tứ, hoặc hiện thân tướng, hoặc nói rộng thì thành Tự tứ. Nếu không nói thì không thành gởi tự tứ).

Văn thọ dục Tự Tứ: (Tùy theo khả năng nhớ tên nhiều hay ít. Ba lần nói ở trong Tăng, nên thưa như vậy:)

Đại đức nhất tâm niệm! Có số đông Tỳ-kheo bị bệnh không thể đến được. Tôi nhận dục tự tứ

cho số đông Tỳ-kheo đó. Tăng sự như vậy gởi dục tự tứ.

Văn Yết-ma Tăng sai trao Tự Tứ cho ngươi:

Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng sai Tỳ-kheo tên là… tác bạch trao tự tứ cho người. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Nay Tăng sai Tỳ-kheo tên là… làm người trao tự tứ cho người. Các Trưởng lão nào đồng ý nay Tăng sai Tỳ-kheo tên là… làm người trao tự tứ cho người thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý sai Tỳ-kheo tên là… làm người trao tự tứ cho người. Tăng đồng ý vì im lặng. Nay, tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn bạch Tăng Tự Tứ:

Đại đức nhất tâm niệm! Hôm nay chúng Tăng tự tứ. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Tăng hòa hợp tự tứ. Đây là lời tác bạch. (Tác bạch như vậy rồi, sau đó tự tứ).

Văn chúng Tăng Tự Tứ:

Đại đức nhất tâm niệm! Hôm nay chúng Tăng tự tứ. Tôi Tỳ-kheo tên là… cũng tự tứ. Nếu có tội được thấy, được nghe hay được nghĩ. Đại đức thương xót chỉ bảo cho tôi. Nếu tôi thấy có tội sẽ sám hối như pháp. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Văn nếu bốn người cùng nhau Tự Tứ:

Trưởng lão nhất tâm niệm! Hôm nay chúng Tăng Tự Tứ. Tôi Tỳ- kheo tên là… cũng tự tứ, tôi thanh tịnh. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Nếu hai người, ba người cũng thưa như vậy. Nếu chỉ có một người thì tâm niệm, miệng nói tự tứ):

Hôm nay, chúng Tăng tự tứ. Tôi Tỳ-kheo tên là… cũng tự tứ, tôi thanh tịnh. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy. Pháp tự tứ năm người, hoặc dưới năm người không được thọ dục).

Văn nếu trường hợp có tám nạn bạch Tăng đều nói ba lần Tự Tứ:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tăng có nạn sự. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng đều nói ba lần tự tứ. Đây là lời tác bạch. (Tác bạch như vậy rồi, mỗi người nói ba lần tự tứ. Lại cũng nói ba lần như thế. Nếu nạn sự đến gần không được mỗi việc nói ba lần, cũng không được bạch. Tỳ-kheo kia nên bỏ nạn này đi).

Văn tác bạch Tăng thọ Y công đức:

Đại đức Tăng lắng nghe! Hôm nay chúng Tăng thọ y công đức. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý, chúng hòa hợp thọ y công đức. Đây là lời tác bạch (Tăng nên hỏi vị nào có thể giữ y công đức? Nếu có người nói có thể thì nên sai).

Văn yết-ma sai người giữ Y công đức:

Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay sai Tỳ-kheo tên là… vì Tăng giữ y công đức. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Nay Tăng sai Tỳ-kheo tên là… giữ y công đức cho Tăng. Các Trưởng lão nào đồng ý, nay Tăng sai Tỳ-kheo tên là… giữ y công đức cho Tăng thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý sai Tỳ-kheo tên là… giữ y công đức cho Tăng.

Tăng đồng ý vì im lặng. Việc này nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn yết-ma Y công đức và người thọ Y:

Đại đức Tăng lắng nghe! Nơi trụ xứ của Tăng này được y có thể phân chia, nên chia cho Tăng hiện tiền. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng đem y này giao cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ- kheo này nên giữ y này vì Tăng nhận làm y công đức, thọ trì nơi trú xứ này. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Nơi trụ xứ của Tăng này được y có thể phân chia, nên chia cho Tăng hiện tiền. Nay Tăng đem y này giao cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ-kheo… này nên giữ y này vì Tăng nhận làm y công đức, thọ trì nơi trú xứ này. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng đem y này giao cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ-kheo… này nên giữ y này vì

Tăng nhận làm y công đức, thọ trì nơi trú xứ này thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý đem y này giao cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ-kheo… này nên giữ y này vì Tăng nhận làm y công đức, thọ trì nơi trú xứ này. Tăng đồng ý vì im lặng. Việc này nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn người giữ Y công đức mang Y đến trước chúng Tăng: (Tùy theo chỗ mà các Tỳ-kheo vừa đưa tay đụng y, nói: Được. Khi được rồi, nên nói như vầy:)

Y này chúng Tăng sẽ thọ làm y công đức, y này nay chúng Tăng thọ làm y công đức, y này chúng Tăng đã thọ làm y công đức. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Văn chúng Tăng mỗi vị thọ Y công đức:

Người thọ đã khéo thọ. Trong đây những công đức có được đều có phần của tôi. Vị trì y nên trả lời: Được.

Văn xuất Y công đức:

Chúng Tăng tập họp hòa hợp, người chưa thọ đại giới đã ra, người không đến thì thuyết dục. Nay Tăng hòa hợp để làm gì? (Nên đáp: Xuất y công đức).

Đại đức Tăng lắng nghe! Hôm nay là ngày chúng Tăng xuất y công đức. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng hòa hợp

xuất y công đức. Đây là lời tác bạch.

Phần 7: PHÁP PHÂN CHIA Y VẬT

Văn Yết-ma Tăng phân chia Y vật:

Đại đức Tăng lắng nghe! Trụ xứ này hoặc y hoặc phi thời y nên phân chia cho Tăng hiện tiền. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng trao cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ-kheo ấy nên trao lại cho Tăng. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Trụ xứ này hoặc y, hoặc phi thời y nên phân chia cho Tăng hiện tiền. Nay Tăng trao cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ- kheo ấy nên trao lại cho Tăng. Các Trưởng lão nào đồng ý, trụ xứ này, hoặc y hoặc chẳng phải y nên phân chia cho Tăng hiện tiền. Nay Tăng trao cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ-kheo ấy nên trao lại cho Tăng thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý trao cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ-kheo ấy nên trao lại cho Tăng. Tăng đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Nếu trụ xứ có hai, ba người được thí y vật nên giữ lại, cùng hướng đến nhau thưa như vậy:)

Trưởng lão nhất tâm niệm! Trụ xứ này được y vật có thể phân chia cho Tăng hiện tiền nên chia.

Trong đó không đủ Tăng nên y này là vật thuộc về tôi, tôi thọ dụng. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Nếu chỉ có một người thì nên tâm niệm miệng nói).

Trụ xứ này được y vật có thể phân chia nên chia cho Tăng hiện tiền, ở đây không đủ Tăng, y này là vật thuộc về tôi, tôi thọ dụng. (Lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy).

Văn người nuôi bệnh mang Y vật của người mất đến trong Tăng thưa:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… mạng chung ở trú xứ này, những vật dụng dư nhiều như y, bát, tọa cụ, ống đựng kim, đồ đựng y và bồn chậu nên chia cho Tăng hiện tiền ở trú xứ này. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Văn Yết-ma y bát của người viên tịch cho người chăm sóc bệnh:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… viên tịch, những đồ vật dùng dư nhiều như y, bát, ngọa cụ, ống đựng kim, đồ đựng y và bồn chậu nên chia cho Tăng hiện tiền. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho người chăm sóc bệnh tên là… Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… viên tịch, những đồ vật dùng dư nhiều như y, bát, ngọa cụ, ống đựng kim, đồ đựng y và bồn chậu nên phân chia cho Tăng hiện tiền. Nay Tăng cho

người chăm sóc bệnh tên là… Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng cho người chăm sóc bệnh tên là… những đồ vật dùng dư nhiều như y, bát, ngọa cụ, ống đựng kim và bồn chậu thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý cho người chăm sóc bệnh tên là… những đồ vật dùng dư nhiều như y, bát, ngọa cụ, ống đựng kim, đồ đựng y và bồn chậu. Tăng đồng ý vì im lặng. Việc này nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn yết-ma phân chia những Y vật khác của người viên tịch cho Tăng:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… viên tịch, những đồ dùng của vị ấy hoặc y hoặc phi thời y nên chia cho Tăng hiện tiền. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ-kheo ấy sẽ trao lại cho Tăng. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… viên tịch, những đồ dùng của vị ấy hoặc y hoặc phi thời y nên phân chia cho Tăng hiện tiền. Nay Tăng cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ-kheo ấy sẽ trao lại cho Tăng. Các Trưởng lão nào đồng ý, Tỳ-kheo tên là… viên tịch, những đồ dùng của vị ấy hoặc y hoặc phi thời y nên phân chia cho Tăng hiện tiền, nay Tăng cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ-kheo ấy sẽ trao lại cho Tăng thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì

nói ra.

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ-kheo ấy sẽ trao lại cho Tăng. Tăng đồng ý vì im lặng. Việc này nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn chỉ có hai người, ba người phân chia y vật của người viên tịch: (Nếu trụ xứ chỉ có hai hoặc ba người muốn phân chia y vật của người viên tịch. Các vị nên hướng về với nhau mà thưa như vậy:)

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tỳ-kheo tên là… viên tịch, những đồ dùng của vị ấy hoặc y, hoặc phi thời y nên phân chia cho Tăng hiện tiền. Nhưng trụ xứ này không có Tăng, y vật đó thuộc về tôi. Tôi nên thọ dụng. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Nếu chỉ có một người thì tâm niệm miệng nói:)

Tỳ-kheo tên là… viên tịch, những đồ dùng của vị ấy hoặc y, hoặc phi thời y nên phân chia cho Tăng hiện tiền. Nhưng trụ xứ này không có Tăng, y vật đó thuộc về tôi. Tôi nên thọ dụng. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Phần 8: PHÁP TÁC TỊNH

Văn kết tác tịnh địa:

(Tịnh địa có bốn loại: 1. Hoặc của đàn-việt, hoặc của người kinh doanh khi làm chùa phân xử. 2. Hoặc làm chùa chưa xong. 3. Xung quanh chùa không có hàng rào hoặc vách; hoặc chỉ có nửa hàng rào và vách. 4. Tăng tác bạch nhị Yết-ma kết).

Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng kết nơi… làm tịnh địa. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Nay Tăng kết nơi… làm tịnh địa. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng kết nơi… làm tịnh địa thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý kết nơi… làm tịnh địa. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc này nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Nếu Tăng-già-lam nghi trước đã có tịnh địa thì nên giải rồi sau đó kết lại).

Văn yết-ma sai người coi xét tịnh pháp: (Người kia như pháp xem xét đồ ăn uống sạch và tăm xỉa răng, những việc như thế).

Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý cho Tỳ-kheo tên là… có thể vì Tăng làm người tịnh pháp. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… có thể vì Tăng làm người tịnh pháp. Các Trưởng lão nào đồng ý Tỳ-kheo tên là… làm người tịnh pháp

thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý Tỳ-kheo tên là… làm người tịnh pháp. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc này nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Sai làm suy-na trải ngọa cụ Tăng, phân chia cháo cho Tăng, phân chia bánh và áo tăm mưa; phân chia chỗ cho Sa-di, giữ người làm vườn của Tăng. Những việc như vậy Yết-ma giống nhau, nhưng xưng việc thì khác).

Văn chân thật tịnh thí:

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… có y dư này chưa làm thanh tịnh, nay để được thanh tịnh, tôi bố thí cho Trưởng lão làm thanh tịnh chân thật. (Người làm tịnh thí chân thật nên hỏi với thí chủ nhân sau mới được thọ dụng).

Văn lần lượt tịnh thí:

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… có y dư này chưa làm thanh tịnh. Vì để trở thành thanh tịnh tôi bố thí cho Trưởng lão. (Người thọ thỉnh nên nói như vậy).

Trưởng lão nhất tâm niệm! Ngài có y dư này chưa làm thanh tịnh. Vì để nó trở thành vật thanh tịnh nên đã bố thí cho tôi. Nay tôi xin nhận. (Nhận rồi nên hỏi người kia):

Người thí chủ là ai? (Người kia nên nói)

Đem cho người nào đó (Người thọ thỉnh nên nói như vậy).

Trưởng lão nhất tâm niệm! Ngài có y dư chưa

làm thanh tịnh. Vì để nó trở thành thanh tịnh nên đã bố thí cho tôi. Tôi đã thọ nhận y này và thuộc về vị… rồi. Ngài … nên hộ trì và sử dụng tùy ý. (Người lần lượt tịnh thí, hoặc được hỏi, không hỏi cũng tùy ý dùng).

Văn nhận thuốc bảy ngày: (Trước hết đến tịnh nhân nhận thuốc rồi mang đến chỗ đại Tỳ-kheo thưa:)

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… vì có bệnh nhận thuốc bảy ngày và ngủ chung với nó bảy ngày. Nay tôi đến trực tiếp Trưởng lão nhận. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Văn nhận thuốc suốt đời: (Trước đã đến tịnh nhận nhận rồi, mang đến chỗ Đại Tỳ-kheo thưa:)

Đại đức nhất tam niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… có bệnh, đây là thuốc dùng trọn đời và được ở chung với thuốc và dùng lâu dài. Nay tôi đến trực tiếp Trưởng lão nhận. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Không để qua đêm, không thọ bằng miệng).

Phần 9: PHÁP TINH LINH

Văn yết-ma xin làm phòng nhỏ:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là…

tự xin làm phòng, không có chủ tự làm cho mình. Nay tôi đến trước chúng Tăng xin biết chỗ không có nạn, không trở ngại. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Tăng nên xem xét Tỳ-kheo này. Nếu có thể tin tưởng thì cho phép. Nếu không tin tưởng thì tất cả Tăng nên đến chỗ đó xem, hoặc sai người tin cậy đến xem. Sau khi xem xong thì Yết-ma).

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… tự xin làm nhà, không có chủ tự làm. Nay đến trước Tăng xin chỗ đã được xem xét không có nạn, không trở ngại. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho Tỳ-kheo tên là… chỗ đã được xem xét không có nạn, không có sự trở ngại. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… tự xin làm nhà, không có chủ tự làm. Nay đến trước Tăng xin chỗ đã được xem xét không có nạn, không có sự trở ngại. Nay Tăng cho Tỳ-kheo tên là… chỗ đã được xem xét không có nạn, không có sự trở ngại. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng cho Tỳ-kheo tên là… chỗ đã được xem xét không có nạn, không có sự chướng ngại thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo tên là… chỗ đã được xem xét không có nạn, không có sự trở ngại. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Tiếp theo sau là văn Yết-ma làm phòng lớn cũng giống như văn này. Chỉ nói có chủ

là khác).

Văn thức ăn đã đủ thọ thức ăn dư: (Nên mang thức ăn đến vị Tỳ- kheo kia, thưa như vầy:

Bạch Đại đức! Tôi ăn đã đủ. Đại đức xem như vậy, biết như vậy và làm phép dư thực cho. (Người kia nên lấy một ít thức ăn rồi nói).

Tôi đã ăn (làm phép dư thực) rồi, Đại đức có thể dùng thức ăn đó đi!

Văn nhận rồi làm phép tàn thực: (Nên mang thức ăn đến trước

Tỳ-kheo kia thưa:)

Bạch Trưởng lão! Tôi đã thọ thỉnh Trưởng lão xem như vậy, biết như vậy làm phép dư thực. (Người kia nên lấy một ít thức ăn, rồi nói).

Tôi đã ăn (làm phép dư thực) rồi, Đại đức có thể dùng thức ăn đó được.

Văn thọ thỉnh rồi, trước và sau bữa ăn vào nhà người khác dặn dò:

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… đã nhận lời của người… mới, vì có duyên sự nên muốn đến xóm làng như thế, vào nhà như thế. Nay thưa để Trưởng lão biết.

Văn dặn dò vào thôn phi thời.

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi tên là… phi thời vào xóm làng như thế, đến nhà như thế vì có duyên sự như vậy. Nay tôi thưa để Trưởng lão

biết.

-oOo-

TỲ KHEO NI TẠP YẾT MA ĐÀM VÔ ĐỨC LUẬT,
TAM TẠNG PHÁP SƯ XUẤT

Phần 1: CÁC PHÁP KẾT GIỚI

(Pháp kết, giải các giới, quý vị ghi thứ tự tất cả đều giống với Đại Tăng, chỉ có khác là xưng Ni đại tỷ).

Phần 2: PHÁP THỌ GIỚI.

Văn yết-ma Tỳ-kheo-ni xin nuôi chúng:

(Nếu Tỳ-kheo-ni muốn độ người, nên đến trước Tỳ-kheo Ni Tăng, trạch vai áo bên phải, cởi giày dép, đảnh lễ Tăng rồi chấp tay thưa như vầy:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo-ni tên là… Nay đến trước Tăng xin độ người thọ giới Cụ túc. Xin Tăng cho phép tôi được độ người cho thọ giới Cụ túc. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Văn yết-ma Ni Tăng cho nuôi chúng:

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo-ni này tên là… Nay đến trước chúng Tăng xin độ người cho thọ giới Cụ túc. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng đồng ý cho Tỳ-kheo-ni

tên là… độ người cho thọ giới Cụ túc. Đây là lời tác bạch.

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo-ni này tên là… Nay đến trước chúng Tăng xin độ người cho thọ giới Cụ túc. Nay Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo-ni tên là… độ người cho thọ giới Cụ túc. Các Đại tỷ nào đồng ý Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… độ người cho thọ giới Cụ túc thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo-ni tên là… độ người cho thọ giới cụ túc. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn độ Sa-di-ni.

(Nếu người đó muốn cạo tóc ở trong chùa thì đến từng phòng các vị thưa họ biết, rồi sau đó mới cạo tóc. Nên thưa như vầy:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Người… này muốn theo vị tên là… cạo tóc.

Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý cho người tên là… cạo tóc. Đây là lời tác bạch. (Nên tác bạch xong rồi mới cạo tóc. Nếu muốn xuất gia ở trong Tỳ-kheo-ni thì nên đến từng phòng các vị Tăng thưa cho họ biết. Nên thưa như vầy).

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Người… này muốn đến cầu xuất gia với vị tên là… Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý cho người… này xuất

gia. Đây là lời tác bạch. (Tác bạch như vậy rồi mới cho xuất gia. Dạy người xuất gia mặc cà sa rồi, để lộ vai bên phải, cởi giày dép, quỳ gối chấp tay, dạy họ thưa như vầy:)

Con tên là… quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng. Nay con xuất gia theo Đức Phật, Hòa thượng của con tên là… Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác là Thế Tôn của con. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Con tên là… quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng. Nay con xuất gia theo Đức Phật. Hòa thượng của con tên là… Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác là Thế Tôn của con. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Thưa như vậy rồi thọ giới).

Suốt đời không được sát sinh. Đây là giới Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Suốt đời không được trộm cắp. Đây là giới Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Suốt đời không được dâm dục. Đây là giới Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Suốt đời không được nói lời dối trá. Đây là giới Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Suốt đời không được uống rượu. Đây là giới Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Suốt đời không được thoa dầu thơm, đeo hoa trên thân. Đây là giới Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Suốt đời không được ca múa, tấu nhạc cũng không được đến xem nghe. Đây là giới Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Suốt đời không được ngồi trên giường cao, giường lớn. Đây là giới Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Suốt đời không được ăn phi thời. Đây là giới Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Suốt đời không được cất giữ vàng bạc, châu báu và vật báu. Đây là giới Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Đây là mười giới của Sa-di-ni suốt đời không được phạm, nên cúng dường Tam bảo: Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo, siêng năng tu tập ba nghiệp, tọa thiền, tụng kinh và làm việc trong chúng sai. (Cho phép đồng nữ mười tám tuổi hai

năm học giới, đủ hai mươi tuổi ở trong Tỳ-kheo Tăng thọ đại giới. Nếu người đã có chồng phải mười tuổi. Cho họ học giới hai năm, đủ mười hai tuổi cho thọ giới Cụ túc. Nên cho hai năm học giới như vậy).

Văn Thức-xoa-ma-na thọ sáu pháp:

(Sa-di-ni nên đến trong chùa Tỳ-kheo-ni, để lộ vai bên phải, cởi dép đảnh lễ Tỳ-kheo Ni Tăng, rồi quỳ gối chấp tay thưa như vầy).

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Con Sa-di-ni tên là… theo Tăng xin hai năm học giới. Hòa thượng của con tên là… Nguyện Tăng tế độ con, xin Tăng rủ lòng thương xót cho con hai năm học giới. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Nên dẫn Sa-di-ni đến chỗ không nghe mà thấy. Sau đó, trong chúng sai người có khả năng Yết-ma, tác bạch như vầy).

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Sa-di-ni này tên là… theo Tăng xin hai năm học giới, Hòa thượng Ni tên là… Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho Sa-di-ni tên là… hai năm học giới, Hòa thượng Ni tên là… Đây là lời tác bạch.

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Sa-di-ni này tên là… theo Tăng xin hai năm học giới, Hòa thượng Ni tên là… Nay Tăng cho Sa-di-ni tên là… hai năm học giới. Hòa thượng Ni tên là… Các Đại tỷ nào

đồng ý Tăng cho Sa-di-ni tên là… hai năm học giới, Hòa thượng tên là… thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là Yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Tăng đã đồng ý cho Sa-di-ni tên là… hai năm học giới, Hòa thượng tên là… Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Nên gọi đương sự đến đảnh lễ Tăng và giới sư cho sáu pháp).

Ngươi hãy lắng nghe! Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói sáu pháp:

1. Không được phạm hạnh bất tịnh, hành pháp dâm dục. Nếu Thức-xoa-ma-na, chẳng phải Thích chủng tử. Nếu cùng với người nam có tâm nhiễm ô hai thân xúc chạm nhau thì phạm giới nên phải thọ giới lại. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

2. Không được trộm cắp, cho đến một cộng cỏ lá cây. Nếu Thức- xoa-ma-na nào lấy của người năm tiền hoặc hơn năm tiền, tự mình lấy hay dạy người lấy, tự đoạn hay dạy người đoạn, tự phá hay dạy người phá, hoặc đốt, hoặc chôn, hoặc làm cho hoại sắc thì chẳng phải là Thức- xoa-ma-na, chẳng phải Thích chủng nữ. Nếu lấy dưới năm tiền thì phạm giới phải thọ lại. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

3. Không được cố ý giết hại chúng sinh, cho đến loài kiến. Nếu Thức-xoa-ma-na nào cố ý tự tay mình đoạn mạng người, tìm dao đưa cho người, bảo chết, khuyên chết, khen chết, hoặc cho người uống thuốc độc, hoặc làm đọa thai, hoặc dùng bùa chú trù yếm, tự mình làm hoặc dạy người làm thì chẳng phải Thức-xoa-ma-na, chẳng phải Thích chủng nữ. Nếu đoạn mạng chúng thuộc loài không thể biến hóa thì phạm giới phải thọ lại. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

4. Không được nói dối cho đến nói đùa giỡn. Nếu Thức-xoa-ma- na nào không chân thật, thực sự mình không có mà tự xưng là tôi được pháp hơn người, nói: Tôi đắc thiền, đắc giải thoát, đắc bốn định không, đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, qua A na hàm, quả A-la-hán, rồi nói, cho đến trời, rồng, quỷ thần cũng cúng dường, thì không phải là Thức-xoa-ma-na, không phải là Thích chủng nữ. Nếu ở trong chúng cố tình nói dối là phạm giới phải thọ lại. Trong giới này trọn đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

5. Không được ăn phi thời. Nếu Thức-xoa-ma-na nào ăn phi thời tức là phạm giới phải thọ giới

lại. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

6. Không được uống rượu. Nếu Thức-xoa-ma-na nào uống rượu tức là phạm giới phải thọ giới lai. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Thức-xoa-ma-na học hết tất cả giới của Tỳ-kheo-ni, trừ vì Tỳ- kheo-ni tự lấy thức ăn mà ăn, quá thực.

Văn Thức-xoa-ma-na Ni ở trong Tăng thọ đại giới (Nên cầu Hòa thượng, văn tác bạch như sau:)

Đại tỷ nhất tâm niệm! Con tên là… nay cầu A di làm Hòa thượng, cúi xin A di vì con làm Hòa thượng. Con nương nơi A di được thọ giới. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Vị Hòa thượng nên trả lời: Được! Nếu Thức-xoa-ma-na nào học giới rồi, đã đủ hai mươi tuổi, hoặc đủ mười hai tuổi nên cho thọ đại giới. Bạch tứ Yết-ma cho giới như vậy:

Dẫn người thọ giới đến đứng chỗ mắt thấy mà tai không nghe, trong khi ấy giới sư nên sai một vị giáo thọ, tác bạch như sau:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Người này tên là… đến Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Nếu thời

gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý Tỳ-kheo-ni tên là… làm giáo thọ sư. Đây là lời tác bạch.

Giáo thọ sư nên đến chỗ người thọ giới nói:

Này cô! An-đà-hội, Uất-đa-la-tăng, Tăng-già-lê, Tăng-yết-chi, Y phú kiên và bình bát. Những y bát này ngươi đã có chưa?

Đáp: Đã có.

Cô hãy lắng nghe! Nay chính là lúc cần nói đúng sự thật! Nay tôi hỏi cô. Có thì cô nói có, không thì nói không. Cô chưa từng làm Tỳ-kheo-ni chứ? Cô không phải với tâm giặc thọ giới chứ? Cô không giết cha, giết mẹ và giết A-la-hán chứ? Cô chẳng phải phi nhân chứ? Cô chẳng phải súc sinh, chẳng phải người hai căn chứ? Cô tên gì? Hòa thượng của cô hiệu gì? Cô đã đủ hai mươi tuổi chưa? Y bát có đủ không? Cha mẹ hoặc phu chủ có cho phép cô không? Cô không mắc nợ của ai chứ? Cô không phải là tôi tớ chứ? Cô có phải là người nữ không? Người nữ có mắc các căn bệnh hủi trắng, ung thư, càn tiêu, lác, điên cuồng, hai căn, hai đường hiệp lại, đại tiểu tiện thường rỉ chảy, đàm giải thường tiết ra. Cô có các chứng bệnh như vậy không?

Đáp: Không (Nên nói với họ).

Như tôi đã hỏi, chút nữa trong Tăng cũng sẽ hỏi như vậy, cô cũng phải trả lời đúng như vậy. (Vị giáo thọ hỏi xong, trở lại trong Tăng, với oai

nghi bình thường, chỗ có thể đưa tay đụng các Tỳ-kheo-ni, đứng nơi đó tác bạch).

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Người này tên là… đến Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Tôi đã giáo thọ xong, Tăng cho phép tôi sẽ kêu họ vào. Đây là lời tác bạch. (Giáo thọ sư nên gọi người thọ giới vào, vào rồi bưng y bát dạy đảnh lễ Tỳ-kheo Ni Tăng, rồi quỳ trước mặt giới sư chấp tay bạch:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Con tên là… đến Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Nay con tên là… đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… cúi xin chúng Tăng cứu vớt con, từ bi. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Khi ấy giới sư nên tác bạch).

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Người này tên là… đến Hòa thượng hiệu là… cầu thọ đại giới. Nay người này tên là… đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý cho phép tôi hỏi các nạn sự. Đây là lời tác bạch:

Cô hãy lắng nghe! Nay chính là lúc cần nói đúng sự thật. Nay tôi hỏi cô. Có thì nói có, không thì nói không.

Cô chưa từng làm Tỳ-kheo-ni chứ? Cô không phải với tâm giặc thọ giới chứ? Cô không giết cha, giết mẹ và giết A-la-hán chứ? Cô không phải là

phi nhân chứ? Cô chẳng phải là súc sinh chứ? Cô không phải là người hai căn chứ? Cô tên gì? Hòa thượng của cô hiệu gì? Cô đã đủ hai mươi tuổi chưa? Y bát có đủ không? Cha mẹ và phu chủ có cho phép cô không? Cô không phải là người mắc nợ chứ? Cô không phải là tôi tớ chứ? Cô là người nữ phải không? Người nữ có các chứng bệnh hủi trắng, ung thư, càn tiêu, lác, điên cuồng, hai căn, hai đường hiệp lại, đường đại tiểu tiện thường bị rỉ chảy, đàm giải thường tiết ra. Cô có các chứng bệnh như vậy không?

Đáp: Không (nên tác bạch:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Người này tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu… xin thọ đại giới. Nay người này tên là… đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… người này nói thanh tịnh không có các nạn sự, đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng trao cho người tên là… đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Đây là lời tác bạch.

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Người này tên là… cầu Hòa thượng Ni hiệu là… thọ đại giới. Nay người này tên là… đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Người này nói thanh tịnh không có các nạn sự, đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ. Nay Tăng trao cho người này tên là… đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là. Các Đại tỷ nào đồng ý nay Tăng trao cho người tên là… đại giới, Hòa thượng Ni

hiệu là… thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần Yết-ma thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã đồng ý cho người tên là… thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn người thọ giới cùng với Tỳ-kheo Ni Tăng đến trong đại giới Tỳ-kheo Tăng:

(Người thọ giới nên cùng Tỳ-kheo Ni Tăng đến trong Tỳ-kheo Tăng, đảnh lễ sát chân, rồi quỳ gối chấp tay thưa:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Con tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Con tên là… nay đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… cúi xin Tăng cứu vớt con, từ bi! (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Giới sư trong này nên tác bạch đã hỏi các nạn sự).

Đại đức Tăng lắng nghe! Người này tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Người này tên là… nay đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý cho phép tôi hỏi các nạn sự. Đây là lời tác bạch.

Cô hãy lắng nghe! Nay chính là lúc cần nói đúng sự thật, thật thì nói thật, không thật thì nói không thật. Nay tôi hỏi, cô cần phải trả lời đúng sự thật:

Cô chưa từng làm Tỳ-kheo-ni chứ? Cô không phải với tâm giặc thọ giới chứ? Cô không giết cha mẹ và A-la-hán chứ? Cô không phải là phi nhân chứ? Cô không phải là súc sinh chứ? Cô không phải là người hai căn chứ? Cô tên gì? Hòa thượng của cô hiệu gì? Cô đã đủ hai mươi tuổi chưa? Y bát có đủ không? Cha mẹ và phu chủ có cho phép cô không? Cô không phải là người mắc nợ chứ? Cô không phải là nô tỳ chứ? Cô là người nữ phải không? Người nữ có các chứng bệnh hủi trắng, ung thư, càn tiêu lác, điên cuồng, hai căn, hai đường hợp lại, đường đại tiểu tiện thường rỉ chảy, đàm dải thường tiết ra. Cô có các chứng bệnh như vậy không? (Nếu trả lời không thì nên hỏi).

Cô học giới chưa? Cô có thanh tịnh không? (Nếu nói đã học giới, đã thanh tịnh thì nên hỏi Tỳ-kheo-ni khác).

Cô này đã học giới chưa và thanh tịnh không? (Nếu nói đã học giới và đã thanh tịnh thì nên tác bạch yết-ma).

Đại đức Tăng lắng nghe! Người này tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Người này tên là… nay đến Tăng xin thọ đại giới. Người này tên là… nay đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… đã nói thanh tịnh không có các nạn sự đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ, đã học giới và thanh tịnh. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho người tên là…

thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Người này tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Nay người này tên là… đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… đã nói thanh tịnh, không có các nạn sự, đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ và đã học giới thanh tịnh. Nay Tăng cho người tên là… này thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… các Trưởng lão nào đồng ý Tăng cho người tên là… thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần Yết-ma thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Tăng đã đồng ý cho người tên là… thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc này nay tôi xin ghi nhận như vậy. Thiện nữ hãy lắng nghe! đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói tám pháp Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni nào phạm thì chẳng

phải là Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ nữa.

1. Nhất quyết không được làm hạnh bất tịnh, hành pháp dâm dục. Nếu Tỳ-kheo nào làm hạnh bất tịnh, hành pháp dâm dục, cho đến cùng loài súc sinh thì vị ấy chẳng phải là Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, cô có thể giữ được không?

Đáp: Được.

2. Không được trộm cắp, cho đến cộng cỏ là cây. Nếu Tỳ-kheo-ni nào lấy của người năm tiền hoặc hơn năm tiền, tự lấy hoặc dạy người khác lấy, tự phá hoại hoặc dạy người khác phá hoại, tự đoạn hoặc dạy người khác đoạn, hoặc đốt, chôn và làm hoại sắc thì vị ấy chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, cô có thể giữ được không?

Đáp: Được.

3. Không được đoạn mạng chúng sinh, cho đến loài kiến nhỏ. Nếu Tỳ-kheo-ni nào tự tay đoạn mạng người, hoặc dạy người giết, cầm dao đưa cho người, hướng dẫn sự chết khen sự chết, khuyên chết, cho người uống thuốc độc, làm đọa thai, dùng chú thuật, nguyền rủa yếm hại, hoặc tự làm, phương tiện dạy người làm thì vị ấy chẳng phải Tỳ-kheo- ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, cô có thể giữ được không?

Đáp: Được.

4. Không được nói dối, cho đến nói đùa giỡn. Nếu Tỳ-kheo-ni nào không chân thật, mình chẳng có mà tự xưng mà tự xưng: "Tôi đắc pháp thượng nhân, đắc thiền, đắc giải thoát, Tam-muội chánh thọ, đắc quả Tu-đà-hoàn, đắc quả Tư-đà-hàm, đắc quả A na hàm, đắc quả A-la- hán. Nói trời, rồng,

quỷ thần đến cúng dường tôi, thì vị ấy chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, cô có thể giữ được không?

Đáp: Được.

5. Không được hai thân xúc chạm nhau, cho đến cùng với loài súc sinh. Tỳ-kheo-ni nào có tâm nhiễm ô cùng với người nam tâm nhiễm ô hai thân xúc chạm nhau, từ nách trở xuống, từ đầu gối trở lên, hoặc xoa, hoặc đẩy, hoặc rờ xuôi, hoặc rờ ngược, hoặc kéo, hoặc xô, hoặc bồng lên, hoặc thả xuống, hoặc nắm, hoặc chà nhanh, thì vị ấy chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, cô có thể giữ được không?

Đáp: Được.

6. Không được phạm tám việc, cho đến cùng với loài súc sinh. Nếu Tỳ-kheo-ni nào có tâm nhiễm ô cho người nam tâm nhiễm ô nắm tay, nắm y cho đến chỗ vắng, đứng nơi chỗ vắng, nói chuyện nơi chỗ vắng, hoặc cùng đi, hoặc hai thân kề nhau, cùng hẹn. Nếu ai phạm tám việc này thì chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, cô có thể giữ được không?

Đáp: Được.

7. Không được che giấu trọng tội của người,

cho đến Đột-kiết- la, thuyết ác. Nếu Tỳ-kheo-ni nào biết Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di mà không cử tội, không thưa Tăng, không nói với ai. Sau đó, vào một thời gian khác Tỳ-kheo-ni này thôi tu, hoặc bị diệt tẫn, hoặc không cho sống và sinh hoạt chung với Tăng, hoặc vào ngoại đạo. Sau đó, vị ấy nói như vầy: Trước đây, tôi biết người này phạm tội như vậy, như vậy thì vị ấy chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ, vì che giấu trọng tội của người khác. Trong giới này suốt đời không được phạm, cô có thể giữ được không?

Đáp: được.

8. Không được tùy tiện theo Tỳ-kheo bị cử tội, cho đến Sa-di. Nếu Tỳ-kheo-ni nào biết Tỳ-kheo bị Tăng cử tội như pháp, như Tỳ-ni, như lời Phật dạy, phạm oai nghi chưa sám hối, không được tác pháp cộng trú mà tùy tiện theo Tỳ-kheo kia để nói chuyện. Các Tỳ-kheo kia can gián Tỳ-kheo-ni này: Đại tỷ, Tỳ-kheo kia bị Tăng cử tội đúng pháp, đúng Tỳ-ni, đúng lời Phật dạy, phạm oai nghi chưa sám hối, không tác pháp cộng trú, cô đừng tùy tiện theo Tỳ-kheo kia để nói chuyện. Khi các Tỳ-kheo-ni kia can gián mà Tỳ-kheo-ni này kiên trì không bỏ, các Tỳ-kheo-ni nên can gián cho đến ba lần để bỏ việc này. Đến ba lần can gián bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì vị này chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ, vì phạm tội tùy tiện theo người bị cử tội. Trong giới này suốt đời không

được phạm, cô có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Thiện nữ hãy lắng nghe! Đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói pháp bốn y. Người xuất gia làm Tỳ-kheo-ni phải nương theo đó, vì pháp của người xuất gia.

1. Nương nơi y phấn tảo là pháp của Tỳ-kheo-ni xuất gia. Trong pháp này, suốt đời cô có thể giữ được không? Đáp: Được. Nếu được lợi dưỡng, Đàn-việt cúng y, cắt rọc may thành thì nên nhận.

2. Nương nơi khất thực là pháp của Tỳ-kheo-ni xuất gia. Trong pháp này, suốt đời cô có thể giữ được không? Đáp: Được. Nếu được lợi dưỡng, hoặc Tăng sai thọ trai, đàn-việt cúng thức ăn vào những ngày mồng tám, mười lăm, mồng một, hoặc chúng Tăng thường thọ trai, đàn- việt thỉnh thọ trai thì được nhận.

3. Nương dưới gốc cây để ngồi là pháp của Tỳ-kheo-ni xuất gia. Trong pháp này suốt đời cô có thể giữ được không? Đáp: Được. Nếu được lợi dưỡng, người cho phòng riêng, nhà có nóc nhọn, phòng nhỏ, hang đá, hai phòng có một cửa thông thì được nhận.

4. Nương nơi thuốc hư nát là pháp của Tỳ-kheo-ni xuất gia. Trong pháp này suốt đời cô có thể giữ được không? Đáp: Được. Nếu được lợi dưỡng như tô, dầu, sinh tô, mạch, đường phèn thì

được nhận.

Cô đã thọ giới rồi, bạch tứ Yết-ma như pháp thành tựu, đúng cách, Hòa thượng như pháp, A-xà-lê như pháp và có đầy đủ hai bộ Tăng. Cô nên khéo thọ giáo pháp, nên siêng năng giáo hóa làm việc phước đức, tu bổ tháp, cúng dường Phật, Pháp, Tăng. Hòa thượng, A-xà-lê dạy bảo những điều như pháp cô không được chống lại. Nên học hỏi, tụng kinh, siêng cầu phương tiện để ở trong Pháp Phật đạt được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A na hàm và quả A-la-hán thì tâm xuất gia ban đầu của cô mới không bị uổng phí, không đoạn dứt quả báo. Những gì chưa biết nên hỏi Hòa thượng, A-xà-lê. (Khi giải tán, bảo người thọ đi trước).

Văn thọ y bát:

(Văn thọ ngũ y bát và văn thỉnh y chỉ, nó hoàn toàn giống, chỉ khác từ Ni tỷ).

Phần 3: PHÁP TỘI KHÁC

Văn Tỳ-kheo-ni đến hai bộ Tăng xin Yết-ma ma-na-đỏa:

(Trị Tỳ-kheo-ni phạm tội Tăng Tàn, không che giấu chỉ có nửa tháng, đến trong hai bộ Tăng hành Ma-na-đỏa. Khi hành Ma-na-đỏa xong cho xuất tội. Khi Yết-ma Ma-na-đỏa, đại Tăng phải có đủ bốn (người) vị trở lên, Ni Tăng cũng vậy. Còn khi

xuất tội, mỗi bộ Tăng cần phải có đủ hai mươi vị. Cô Ni ấy đến trong Tăng, cởi giày dép, để lộ vai bên phải, đảnh lễ Tăng rồi quỳ gối chấp tay, theo hai bộ Tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa, nên thưa như vầy:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Con Tỳ-kheo-ni tên là… phạm tội Tăng tàn … Nay đến hai bộ Tăng xin Yết-ma nửa tháng hành Ma-na-đỏa. Cúi xin Tăng cho con Yết-ma nửa tháng hành Ma-na-đỏa. Từ bi! (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Văn cho Yết-ma ma-na-đỏa:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo-ni tên là… phạm tội Tăng tàn… Nay đến hai bộ Tăng xin Yết-ma nửa tháng hành Ma-na-đỏa. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho Tỳ-kheo tên là… Yết-ma nửa tháng hành Ma-na-đỏa. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo-ni tên là… phạm tội Tăng tàn… Nay đến hai bộ Tăng xin Yết-ma nửa tháng hành Ma-na-đỏa. Nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… Yết-ma nửa tháng hành Ma-na-đỏa. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… Yết-ma nửa tháng hành Ma-na-đỏa thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là Yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo-ni tên là… Yết-

ma nửa tháng hành Ma-na-đỏa. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc này nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Pháp hành Ma-na-đỏa giống như pháp của Đại Tỳ-kheo không khác. Vị hành Ma-na-đỏa ở trong Ni Tăng, nhưng hàng ngày đến tác bạch Đại Tăng khiến cho biết. Thưa như vầy).

Đại đức Tăng lắng nghe! Con Tỳ-kheo-ni tên là… phạm tội Tăng tàn… đến hai bộ Tăng xin Yết-ma nửa tháng hành Ma-na-đỏa. Tăng đã cho con Yết-ma nửa tháng hành Ma-na-đỏa. Con Tỳ-kheo-ni tên là… đã hành được chừng ấy ngày, còn lại chừng ấy ngày nữa. Con thưa Đại đức Tăng đến khiến các vị biết con đang hành pháp Ma-na-đỏa.

Văn Yết-ma xuất tội:

(Tỳ-kheo-ni kia đến trong hai bộ Tăng xin Yết-ma xuất tội, nên tác bạch xin như vầy:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Con Tỳ-kheo-ni tên là… đã phạm tội Tăng tàn… đã đến hai bộ Tăng xin Yết-ma nửa tháng hành Ma-na-đỏa. Tăng đã cho con Yết-ma nửa tháng hành Ma-na-đỏa. Con ở trong hai bộ Tăng nửa tháng hành Ma-na-đỏa đã xong, nay đến Tăng xin Yết-ma xuất tội. Cúi xin Tăng cho con Yết-ma xuất tội, từ bi! (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Văn yết-ma cho xuất tội:

Đại đức Tăng lắng nghe! Con Tỳ-kheo-ni tên là… phạm tội Tăng tàn… đã đến hai bộ Tăng xin

Yết-ma nửa tháng hành Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo-ni tên là… Yết-ma nửa thánh hành Ma-na-đỏa. Tỳ- kheo-ni… này đã ở trong hai bộ Tăng nửa tháng hành Ma-na-đỏa xong, nay đến Tăng xin Yết-ma xuất tội. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… Yết-ma xuất tội. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo-ni tên là… phạm tội Tăng tàn… đã đến hai bộ Tăng xin Yết-ma nửa tháng hành Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo-ni tên là… Yết-ma nửa tháng hành Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo- ni… này đã ở trong hai bộ Tăng nửa tháng hành Ma-na-đỏa xong, nay đến Tăng xin Yết-ma xuất tội. Nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… Yết- ma xuất tội. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… Yết-ma xuất tội thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần Yết-ma thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo-ni tên là… Yết-ma xuất tội. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc này nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn ở trong Tăng xả y, xả đọa:

(Ở trong Tăng xả y, xả đọa, xả rồi ở trong Tăng sám hối. Thỉnh một người có khả năng nhận, đến trước một người sám hối, Yết-ma trả lại y ấy, đến ba, hai hoặc một người bên cạnh xả, sám hối đều

cũng như vậy. Phạm các tội khác đến hai ba người sám hối, người nhận thưa với người bên cạnh. Nghi tội Tăng hướng đến ba, hai hoặc một người phát lồ. Văn ghi chép tên thứ tự, chỉ khác là Ni tỷ).

Phần 4: PHÁP THUYẾT GIỚI

Văn yết-ma Ni Tăng sai người cầu giáo thọ:

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ-kheo Ni Tăng, nửa tháng đến trong đại Tỳ-kheo Tăng cầu giáo thọ. Đây là lời tác bạch.

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Nay Tăng sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ- kheo Ni Tăng, nửa tháng đến trong đại Tỳ-kheo Tăng cầu giáo thọ. Các đại tỷ nào đồng ý Tăng sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ-kheo Ni Tăng nửa tháng đến trong đại Tỳ-kheo Tăng cầu giáo thọ thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ-kheo Ni Tăng nửa tháng đến trong đại Tỳ-kheo Tăng cầu giáo thọ. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc này nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Hai người vì chúng Tỳ- kheo-ni đến trong đại Tăng, đến chỗ

của Tỳ-kheo đảnh lễ rồi cúi đầu chấp tay thưa:)

Đại đức nhất tâm niệm! Tỳ-kheo Ni Tăng hòa hợp, đảnh lễ Tỳ- kheo Tăng cầu giáo thọ. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Nhận lời chỉ dạy của Tỳ-kheo Tăng, khi thuyết giới thưa như vậy).

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Ni Tăng hòa hợp, đảnh lễ Tăng cầu giáo thọ. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Ngày mai Tỳ- kheo-ni nên đến hỏi có thể nhận lời không? Tỳ-kheo nên đúng giờ đến. Tỳ-kheo-ni đúng giờ đó ra nghinh đón. Khi Tỳ-kheo đến, những vị nghe giáo thọ nên ra đứng hai bên đường nghinh đón Tỳ-kheo Tăng vào chùa, đồng thời cung cấp đầy đủ những đồ vật cần dùng, đồ rửa ráy, cháo thức ăn, trái cây để cúng dường Tỳ-kheo. Nếu không có thì phạm tội Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo đều bị bệnh hết, hoặc không hòa hợp, hoặc chúng không đầy đủ thì nên sai người mang thư đến đảnh lễ, thăm hỏi. Nếu Tỳ-kheo-ni đều bị bệnh hết, hoặc chúng không hòa hợp hoặc chúng không đầy đủ thì cũng nên sai người mang thư đến đảnh lễ thăm hỏi. Nếu không đến phạm tội Đột-kiết-la.

Văn gởi dục và thanh tịnh:

(Pháp gởi dục và thanh tịnh, thọ dục và thanh tịnh, bố tát thuyết giới, tám nạn và duyên thuyết giới lược. Văn ghi chép tên thứ tự đều giống, chỉ khác Ni tỷ).

Phần 5: PHÁP AN CƯ

(Văn sai người phân chia phòng xá, an cư, thọ bảy ngày, thọ quá bảy ngày và pháp quá bảy ngày, văn ghi chép tên thứ tự, tất cả đều giống nhau, chỉ khác Ni tỷ).

Phần 6: PHÁP TỰ TỨ

Văn Ni Tăng sai người đến trong Đại Tăng cầu Yết-ma Tự Tứ:

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ-kheo Ni Tăng đến trong Đại Tăng, thưa ba việc tự tứ thấy, nghe và nghi. Đây là lời tác bạch.

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Nay Tăng Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ-kheo Ni Tăng đến trong đại Tăng thưa ba việc tự tứ (kiến) thấy, nghe và nghi. Các Đại tỷ nào đồng ý Tăng sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ-kheo Ni Tăng đến trong Đại Tăng thưa ba việc tự tứ thấy, nghe và nghi thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ-kheo Ni Tăng đến trong Đại Tăng thưa ba việc tự tứ thấy, nghe và nghi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc này nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Hai vị Tỳ-kheo-ni vì chúng Tỳ-kheo-ni đến trong Đại Tăng đảnh lễ Tăng rồi quỳ xuống cúi đầu, chấp tay thưa như vậy).

Tỳ-kheo Tăng mùa hạ an cư đã xong, Tỳ-kheo-ni mùa hạ an cư đã xong, đến Tỳ-kheo Tăng thưa ba việc tự tứ thấy, nghe và nghi. Xin Đại đức Tăng rủ lòng thương xót nói cho con. Nếu con thấy có tội sẽ nên như pháp sám hối. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Vị Ni kia làm tự tứ cùng một ngày với Tỳ-kheo Tăng tự tứ nên Tỳ-kheo rất mệt. Đức Phật dạy: Không được như vậy. Tỳ-kheo Tăng tự tứ ngày mười bốn, Tỳ-kheo-ni tự tứ ngày mười lăm. Nếu Đại Tăng có bệnh, hoặc chúng không hòa hợp, hoặc chúng không đủ, Tỳ-kheo-ni nên sai người mang thư đến đảnh lễ, thăm hỏi. Nếu không phạm tội Đột-kiết-la. Nếu chúng Tỳ-kheo-ni bị bệnh, hoặc chúng không hòa hợp, chúng không đầy đủ. Tỳ-kheo-ni cũng nên sai người mang thư đến đảnh lễ thăm hỏi. Nếu không thì phạm tội Đột-kiết-la.

Văn gởi dục Tự Tứ:

(Gởi dục tự tứ, người thọ dục tự tứ, bạch Tăng tự tứ, Ni Tăng tự tứ thì bốn người, ba người, hai

người nên thưa qua lại với nhau. Còn chỉ có một người thì tâm niệm! Nói tám việc bạch Tăng ba lần nói tự tứ. Bạch Tăng, người thọ y công đức, Yết-ma y cho giữ y, đến trước Tăng thưa. Chúng Tăng Ni thọ y công đức, bạch xuất y công đức. Văn ghi chép tên thứ tự đều giống với Tăng, chỉ khác Ni tỷ).

Phần 7: PHÁP PHÂN CHIA Y VẬT.

(Yết-ma phân chia y vật. Hai hoặc ba người thì cùng hướng đến nhau thọ nhận. Còn chỉ một người thì tâm niệm thọ nhận. Cho phép người nuôi bệnh mang y vật của người chết đến trong Tăng thưa. Yết- ma y bát và Yết-ma y dư phân chia. Nếu có ba hoặc hai người thì hướng đến nhau thọ nhận, còn chỉ có một người thì tâm niệm thọ nhận. Tất cả đều giống Tăng, chỉ khác là Ni tỷ).

SỐ 1433

YẾT MA
(TRÍCH TỪ LUẬT ĐÀM VÔ ĐỨC)

Hán dịch: Đời Tào Ngụy, Sa-môn
Đàm Vô Đức ở An Tức.

Phần 1: PHÁP KẾT GIỚI

(Phàm các yết-ma tác pháp, trước nên tác bạch, người chưa thọ giới cụ túc đi ra ngoài, Tỳ-kheo không đến thì thuyết dục và thanh tịnh. Nay, Tăng hòa hợp để làm gì? Một người trong Tăng tùy theo sự việc để trả lời: Yết-ma việc như thế, trừ pháp kết giới không cho phép thọ dục:

Lại, pháp kết giới. Hai giới không được tiếp giáp nhau, nên chừa lại khoảng giữa, cũng không được kết cách giữa con sông, trừ thường có cầu. Nếu muốn kết giới trường ở trong đại giới thì trước phải lập tướng bốn phương giới trường, bên ngoài ít nhất cách nhau khoảng một tầm tay thành lập tướng bên trong bên ngoài của đại giới thì tùy theo gần hay xa cũng lập tướng bốn phương. Sai một cựu Tỳ-kheo xương tướng bốn phương ấy. Trong chúng sai một vị có khả năng yết-ma để kết, nên kết đại giới trước, rồi sau kết giới trường. Như

người muốn xướng tướng của đại giới này, trước kết bắt đầu từ gốc Đông nam tướng bên ngoài đi một vòng bốn phương. Lại xướng tướng bên trong cũng đều đi một vòng rồi nói, đây là tướng bên trong, kia là tướng bên ngoài, là một vòng tướng bên trong, tướng bên ngoài của đại giới. Xướng như vậy ba lần. Nếu bên trong không có giới trường thì chỉ xướng tướng bên ngoài. Pháp kết đại giới, tiểu giới, Tăng nên tập họp kết, không được thọ dục. Người thọ dục không biết tướng nên mất y, phá hạ)

Phàm dục có ba trường hợp:

1. Khi thuyết giới giữ dục thanh tịnh.
2. Khi Tự tứ giữ dục tự tứ.
3. Yết-ma khác thì chỉ nói giữ dục.

Văn Yết-ma kết đại giới:

Đại đức Tăng lắng nghe! Trong trụ xứ này, Tỳ-kheo tên là… xướng tiêu tướng bốn phương của đại giới. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng dựa vào bên trong tướng bốn phương này kết làm đại giới, đồng trụ xứ và đồng thuyết giới. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Trong trụ xứ này, Tỳ-kheo tên là… xướng tiêu tướng bốn phương của đại giới. Nay Tăng dựa vào bên trong tiêu tướng bốn phương kết làm đại giới, đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới. Các Trưởng lão nào đồng ý

nay Tăng dựa vào bên trong tiêu tướng bốn phương này kết làm đại giới, đồng một trụ xứ, đồng một nói giới thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý dựa vào bên trong tiêu tướng bốn phương này kết làm đại giới, đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc này, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn Yết-ma kết giới trường:

(Nguyên nhân thành lập giới trường là vị trụ xứ ấy đại chúng tập họp khó khăn, nên kết giới này để cho tiện. Trong chúng có việc cần, tùy theo thời gian mà tác pháp; không cho phép giải ngay. Nếu người không nương vào trụ xứ, chỉ vì tạm thời tác pháp thì khi việc xong liền giải ngay. Nếu không giải thì phạm tội, vì làm trở ngại người kết giới sau)

Đại đức Tăng lắng nghe! Ở trụ xứ này, Tỳ-kheo tên là… xướng tướng bốn phương của tiểu giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng căn cứ vào bên trong tiêu tướng bốn phương của tiểu giới kết làm giới trường. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Ở trụ xứ này, Tỳ-kheo tên là… xướng tiêu tướng bốn phương của tiểu giới. Nay Tăng căn cứ vào bên trong tiêu tướng bốn phương của tiểu giới này kết làm giới

trường. Các Trưởng lão nào đồng ý, Tăng căn cứ vào bên trong tiêu tướng bốn phương của tiểu giới này kết làm giới trường thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý ở bên trong tiêu tướng bốn phương này kết làm giới trường rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn yết-ma giải đại giới, giới trường:

(Một Yết-ma này giải luôn cả hai giới. Trong văn Yết-ma chỉ gọi giải giới nên tên không câu nệ vào bên nào cả. Nó ở vào vị trí nào thì thuộc vị trí đó; khi đang tác pháp thì tùy theo sự việc xướng giải giới trường, chỉ trừ đồng trụ xứ, đồng thuyết giới là khác).

Đại đức Tăng lắng nghe! Nay Tỳ-kheo ở trụ xứ này đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý giải giới. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo ở trụ xứ này đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới, nay giải giới. Các Trưởng lão đồng ý Tăng đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới, giải giới thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới giải giới rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc này, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn yết-ma kết giới không mất y:

(Giới không mất y tức là kết nương theo tướng của đại giới, không có tướng riêng biệt. Trong văn lại gọi là trụ xứ này. Nếu có thôn làng thì trừ thôn xóm ra. Nếu không có thôn xóm thì không cần xướng từ thôn và ngoài thôn).

Đại đức Tăng lắng nghe! Trụ xứ này đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp với Tăng. Nay Tăng đồng ý kết giới mất y, trừ sinh giới của thôn và ngoài thôn. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Trụ xứ này đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới. Nay Tăng kết giới không mất y, trừ sinh giới của thôn và ngoài thôn. Các Trưởng lão nào đồng ý, Tăng ở trong trụ xứ này đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới kết giới không mất y trừ sinh giới của thôn và ngoài thôn thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý nơi đây đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới kết giới không mất y, trừ sinh giới của thôn và ngoài thôn. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn yết-ma giải giới không mất y:

(Đại giới và giới không mất y đã là một chỗ, vì kết lại nên trước sau giải kết đều hoàn toàn khác nhau. Nếu người muốn giải thì trước giải giới không mất y, rồi sau đó giải đại giới.)

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo ở trụ xứ này đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng giải giới không mất y. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo ở trụ xứ này đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới. Nay Tăng giải giới không mất. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới giải giới không mất y thì im lặng, vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới, không mất y rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn yết-ma kết tiểu giới:

(Nếu ngày bố-tát, các Tỳ-kheo đang ở trong thôn hoặc đi trên đường vắng. Muốn thuyết giới mà chúng đông khó tập họp, không được hòa hợp. Đức Phật cho phép tùy ý cùng thầy hoặc thiện hữu tri thức, xuống bên đường riêng tập họp một chỗ, kết tiểu giới, thuyết giới, không cần xướng tiêu tướng chỉ đếm người kết).

Đại đức Tăng lắng nghe! Nay có số Tỳ-kheo chừng ấy tập họp, kết tiểu giới. Các Trưởng lão nào đồng ý số Tỳ-kheo chừng ấy tập họp kết tiểu thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý số Tỳ-kheo chừng ấy tập họp kết tiểu giới rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc

ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy (Bốn người thì nói bốn người, năm người thì nói năm người, không định số lượng, chỉ nói chừng ấy Tỳ-kheo tập họp).

Văn yết-ma giải tiểu giới:

Đại đức Tăng lắng nghe! Nay có số Tỳ-kheo chừng ấy tập họp. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý giải chỗ tiểu giới này. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Nay có số Tỳ-kheo chừng ấy tập họp giải chỗ tiểu giới này. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng giải chỗ Tiểu giới này thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý giải chỗ tiểu giới này rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Pháp kết tiểu giới Tự Tứ:

(Chẳng phải thôn A-lan-nhã, đang đi trên đường đi muốn tự tứ bất đồng ý kiến, không được hòa hợp mà tự tứ. Nên cùng thầy, hoặc bạn ở chỗ khác kết tiểu giới tự tứ. Đây là chỗ ngươi ngồi đã đủ, giới không cần không tiêu tướng)

Đại đức Tăng lắng nghe! Chỗ ngồi của các Tỳ-kheo đã đầy đủ và số Tỳ-kheo chừng ấy đã ngồi đầy đủ. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng ở nơi này kết tiểu giới. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Chỗ ngồi chừng ấy và số Tỳ-kheo ấy đã ngồi đầy đủ, Tăng ở chỗ này kết tiểu giới. Các Trưởng lão nào đồng ý chỗ ngồi chừng ấy và số Tỳ-kheo có chừng ấy đã ngồi đầy đủ, Tăng ở trong ấy kết tiểu giới thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý chỗ ngồi chừng ấy và số Tỳ-kheo chừng ấy đã ngồi đầy đủ kết tiểu giới. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn yết-ma kết đồng một thuyết giới, đồng một lợi dưỡng:

(Nếu trụ xứ này và trụ xứ kia riêng biệt nay muốn cùng một thuyết giới cùng một lợi dưỡng. Trước kết hai trụ xứ này giải giới của mình, sau đó lại trụ xứ mới dựng chung một tiêu tướng, hợp làm một giới. Tăng tập họp hết một chỗ Yết-ma kết giới)

Đại đức Tăng lắng nghe! Tiêu tướng của giới như đã nói, nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý ở trong trụ xứ này và trụ xứ kia kết chung đồng một thuyết giới đồng một lợi dưỡng. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tiêu tướng của giới như đã nói. Nay Tăng ở trong hai trụ xứ đây và kia kết chung đồng một thuyết giới, đồng một lợi dưỡng. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng ở trong

trụ xứ này và trụ xứ kia đồng một thuyết giới, đồng một lợi dưỡng kết giới thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý ở trong trụ xứ này và trụ xứ kia đồng một thuyết giới, đồng một lợi dưỡng kết giới rồi. Tăng đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn yết-ma đồng một thuyết giới, khác lợi dưỡng:

(Trước tiên, trụ xứ này và trụ xứ kia cũng phải giải giới của mình, rồi sau đó hai giới dựng chung một tiêu tướng, hợp làm một giới, Tăng tập họp kết một chỗ tác pháp Yết-ma để kết.)

Đại đức Tăng lắng nghe! Như phương tướng của giới đã nói. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng ở trong chỗ này kết đồng một thuyết giới khác lợi dưỡng riêng. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Phương tướng giới như đã nói. Nay Tăng ở trong chỗ này kết đồng một thuyết giới mà khác lợi dưỡng riêng. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng ở trong tiêu tướng bốn phương này kết đồng một thuyết giới mà khác lợi dưỡng riêng thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý ở bên trong tiêu tướng của bốn phương này kết đồng một thuyết giới mà lợi

dưỡng riêng. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Nếu hai trụ xứ, trước đây cùng đồng thuyết giới đồng lợi dưỡng, hoặc đồng thuyết giới mà khác lợi dưỡng. Sau đó muốn kết riêng, nên trước hết phải giải giới rồi sau đó mỗi giới tự xướng tiêu tướng, giống như kết riêng biệt cũ).

Văn yết-ma kết thuyết giới riêng, đồng một lợi dưỡng:

Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng ở trong trụ xứ này và trụ xứ kia kết thuyết giới riêng mà đồng một lợi dưỡng, vì để giữ gìn trụ xứ. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Nay Tăng ở trong trụ xứ này và trụ xứ kia kết thuyết giới riêng mà đồng một lợi dưỡng vì giữ gìn trụ xứ. Các Trưởng lão nào đồng ý, Tăng ở trong trụ xứ này và trụ xứ kia kết thuyết giới riêng mà đồng một lợi dưỡng, vì giữ gìn trụ xứ thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý ở trong trụ xứ này và trụ xứ kia kết thuyết giới riêng mà đồng một lợi dưỡng, vì giữ gìn trụ xứ rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Phần 2: PHÁP THỌ GIỚI

(Nếu muốn cạo tóc ở trong Tăng-già-lam nên bạch tất cả Tăng. Nếu Tăng không hòa hợp thì đến từng phòng thưa để các vị biết, rồi sau đó cho cạo tóc. Nếu Tăng hòa hợp thì nên tác bạch, tác bạch rồi sau đó cho cạo tóc. Tác bạch như sau:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Người này tên là… muốn cầu Tỳ-kheo hiệu là… cho xuất gia. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý cho người tên là… xuất gia. Đây là lời tác bạch (Nếu muốn độ cho xuất gia ở trong Tăng-già-lam nên bạch tất cả Tăng. Tác bạch xong sau đó cho phép xuất gia. Tác bạch như vậy).

Đại đức Tăng lắng nghe! Người này tên là… muốn cầu xuất gia từ Tỳ-kheo hiệu là… Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng đồng ý cho người tên là xuất gia. Đây là lời tác bạch. (Tác bạch như vậy rồi cho xuất gia. Nên dạy họ đắp y, để lộ vai bên phải, cởi bỏ giày dép, quỳ xuống đất chấp tay thưa như vầy).

Con tên là… quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, theo Đức Như Lai xuất gia, Tỳ-kheo hiệu là… làm Hòa thượng. Đức Như Lai bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác là Thế Tôn của con (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Con tên là… quy y như Phật, quy y Pháp, quy

y Tăng rồi, theo Đức Như Lai xuất gia, Tỳ-kheo hiệu là… làm Hòa thượng. Đức Như Lai bậc

Chí Chân Đẳng Chánh Giác là Thế Tôn của con (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

1. Suốt đời không được sát sinh là giới của Sa-di, người giữ được không?

Đáp: Được.

2. Suốt đời không được trộm cắp là giới của Sa-di, ngươi giữ được không?

Đáp: Được.

3. Suốt đời không được dâm dục là giới của Sa-di, ngươi giữ được không?

Đáp: Được.

4. Suốt đời không được nói dối là giới của Sa-di, ngươi giữ được không?

Đáp: Được.

5. Suốt đời không được uống rượu là giới của Sa-di, ngươi có giữ được không?

Đáp: Được.

6. Suốt đời không được đeo tràng hoa, hay xức dầu thơm vào mình là giới của Sa-di, ngươi có giữ được không?

Đáp: Được.

7. Suốt đời không được ca múa, xướng hát và cố ý đến xem nghe là giới của Sa-di, ngươi có giữ được không?

Đáp: Được.

8. Suốt đời không được nằm ngồi trên giường cao rộng lớn là giới của Sa-di, ngươi có giữ được không?

Đáp: Được.

9. Suốt đời không được ăn phi thời là giới của Sa-di, ngươi có giữ được không?

Đáp: Được.

10. Suốt đời không được nắm sinh tượng, vàng bạc, vật báu là giới của Sa-di, ngươi có giữ được không?

Đáp: Được.

Đây là mười giới của Sa-di suốt đời không được phạm. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Ngươi đã thọ giới rồi, nên cúng dường Tam bảo: Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo, siêng năng tu tập ba nghiệp, tụng kinh ngồi thiền và siêng làm việc chung.

Văn thọ đại giới pháp thỉnh Hòa thượng:

Đại đức nhất tâm niệm! Con tên là… thỉnh Đại đức làm Hòa thượng. Cúi xin Đại đức vì con làm Hòa thượng, con nương theo Đại đức được thọ giới túc từ bi! (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Hòa thượng nên nói tốt, hoặc nói được. Bấy giờ, chúng Tăng nên sắp xếp cho người muốn thọ giới đứng chỗ không nghe mà chỉ thấy, rồi

Giới sư nên hỏi:)

Trong chúng vị nào có thể làm thầy giáo thọ cho người tên là… Nếu có người trả lời là: Tôi có thể làm Giới sư thì nên tác bạch.

Pháp sai giáo thọ:

Đại đức Tăng lắng nghe! Người này tên là… theo Hòa thượng hiệu là… cầu thọ giới Cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý vị Tỳ-kheo hiệu là… làm Giáo thọ sư. Đây là lời tác bạch. (Thầy giáo thọ nên đến chỗ người thọ giới hỏi):

Đây là An-đà-hội, đây là Uất-đa-la-tăng, đây là Tăng-già-lê, đây là bát. Y bát này ông đã nói có chưa?

Đáp: Có rồi.

Thầy giáo thọ nên nói:

Thiện nam lắng nghe! Nay chính là lúc chân thành, chính là lúc phải nói đúng sự thật, sự thật thì nói thật, không thật thì nói không thật.

Ngươi không phạm biên tội chứ? Ngươi không phạm tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni chứ? Ngươi không phải với tâm giặc thọ giới chứ? Ngươi không phải là người phá nội đạo và ngoại đạo chứ? Ngươi không phải là huỳnh môn chứ? Ngươi không phải là người giết cha chứ? Ngươi không phải là người giết A-la-hán chứ? Ngươi không phải là người phá Tăng chứ? Ngươi không phải

với tâm ác làm thân Phật ra máu chứ? Ngươi chẳng phải phi nhân chứ? Ngươi không phải là súc sinh chứ? Ngươi không phải là người hai căn chứ? Ngươi tên gì? Hòa thượng của ngươi hiệu gì? Ngươi đủ hai mươi tuổi chưa? Ngươi có đủ ba y và bát chưa? Cha mẹ có cho phép ngươi không? Ngươi không phải là người mắc nợ chứ? Ngươi không phải đầy tớ chứ? Ngươi không phải quan chức chứ? Ngươi có phải là trượng phu không? Trượng phu có những chứng bệnh như bệnh hủi, ung thư, hủi trắng, càn tiêu, điên cuồng, ngươi không có những chứng bệnh ấy chứ? (Đương sự trả lời không thì nên nói với họ).

Như tôi vừa hỏi ông, lát nữa ở trong Tăng cũng sẽ hỏi ông như vậy. Vừa rồi ông trả lời với tôi như thế nào thì giữa Tăng ông cũng trả lời như vậy. (Vị giáo thọ hỏi như vậy rồi, trở vào trong chúng Tăng, với oai nghi như thường lệ, đứng trước chúng khoảng cách vừa tầm tay, tác bạch:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Người này tên là… theo Hòa thượng hiệu là… cầu thọ giới cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Tôi đã hỏi xong, cho phép họ vào. Đây là lời tác bạch (Giáo thọ sư gọi người thọ giới vào. Ngươi vào đi! Rồi cầm y bát cho họ, giới sư dạy họ đảnh lễ Tăng, ở trước giới sư quỳ gối phải xuống đất, chấp tay và giáo thọ sư nên hướng dẫn họ tác bạch xin giới như sau:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Con tên là… theo Hòa thượng hiệu là… cầu thọ giới cụ túc. Con tên là… nay đến trong chúng Tăng xin thọ giới cụ túc. Hòa thượng hiệu là… xin chúng Tăng rủ lòng thương cứu vớt con. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Bây giờ giới sư nên tác bạch:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Người này tên là… theo Hòa thượng hiệu là… cầu thọ giới cụ túc. Nay người này tên là… theo chúng Tăng xin thọ giới cụ túc, Hòa thượng tên là… Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý cho phép tôi hỏi các nạn sự. Đây là lời tác bạch. (Tác bạch như vậy rồi nên hỏi:)

Thiện nam! Nay chính là lúc chân thành, là lúc nói lời chân thật.

Nay ta hỏi ngươi. Ngươi nên trả lời đúng như sự thật:

Ngươi không phạm biên tội chứ? Ngươi không phạm giới thanh tịnh của Tỳ-kheo-ni chứ? Ngươi không phải với tâm giặc xuất gia chứ? Ngươi không phá hoại nội đạo ngoại đạo chứ? Ngươi không phải huỳnh môn chứ? Ngươi không phải là người giết cha chứ? Ngươi không phải là người giết A-la-Hán chứ? Ngươi không phải là người phá Tăng chứ? Ngươi không phải với tâm ác làm thân Phật ra máu chứ? Ngươi chẳng phải phi nhân chứ? Ngươi không phải là súc sinh chứ? Ngươi

không phải là người hai căn chứ? Ngươi tên gì? Hòa thượng của ngươi là ai? Ngươi đủ hai mươi tuổi chưa? Ba y và bát đã đầy đủ chưa? Cha mẹ ngươi có cho phép ngươi không? Ngươi không phải là người mắc nợ chứ? Ngươi không phải Nô Tỳ chứ? Ngươi có phải là người của quan không? Ngươi có phải trượng phu không? Trượng phu có những chứng bệnh như hủi, ung thư, hủi trắng, càn tiêu, điên cuồng. Hiện tại ngươi có những căn bệnh như vậy không? (Nếu nói đương sự không thì bạch tứ Yết-ma như sau:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Người này tên là… theo Hòa thượng hiệu là… cầu thọ giới cụ túc. Người này tên là… nay đến trong Tăng xin thọ giới cụ túc, Hòa thượng hiệu là… Người này tên là… tự nói thanh tịnh không có các nạn sự, tuổi đủ hai mươi, ba y và bát đều đầy đủ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng trao cho người tên là… giới cụ túc. Tỳ-kheo hiệu là… làm Hòa thượng. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Người này tên là… theo Hòa thượng hiệu là… cầu thọ giới cụ túc. Người này tên là… nay đến Tăng xin thọ giới cụ túc với Hòa thượng hiệu là… Người này tên là tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, đủ hai mươi tuổi, y và bát đều đầy đủ. Nay Tăng trao cho người này tên là… giới cụ túc, Tỳ-kheo hiệu là… làm Hòa thượng. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng trao

cho người tên là… giới cụ túc, Tỳ-kheo hiệu là… làm Hòa thượng thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần yết-ma thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy.)

Chúng Tăng đã đồng ý cho người tên là… thọ giới cụ túc, Tỳ-kheo hiệu là… làm Hòa thượng rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Thiện nam lắng nghe! Đức Như Lai bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói bốn pháp Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo nào phạm một trong bốn pháp này thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích chủng tử.

1. Đối với tất cả, ngươi không được phạm dâm dục, làm hạnh bất tịnh. Nếu Tỳ-kheo phạm hạnh bất tịnh, theo pháp dâm dục, cho đến cùng với loài súc sinh thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích chủng tử, như cục đá bị đập vỡ không thể gắn lại được. Đây là điều mà suốt đời không được phạm. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

2. Đối với tất cả, ngươi không được trộm cắp, cho đến một lá cây cộng cỏ. Nếu Tỳ-kheo ăn trộm của người năm tiền hoặc hơn năm tiền. Tự mình lấy hoặc dạy người lấy; tự mình phá hoặc dạy người phá; tự mình chặt hoặc dạy người chặt; tự mình đốt hoặc dạy người đốt hoặc chôn hoặc làm

hoại sắc thì người ấy chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích chủng tử, như người bị chặt đầu không thể sống được. Trong điều này suốt đời ngươi không được phạm. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

3. Đối với tất cả, ngươi không được đoạn mạng sống của chúng sinh, cho đến loài kiến. Nếu Tỳ-kheo cố ý tự tay mình đoạn mạng người, hoặc cầm dao trao cho người, dạy cách chết, khen ngợi sự chết, khuyến khích sự chết, cho người uống thuốc độc; hoặc làm đọa thai, hoặc nguyền rủa trù ẻo cho chết; tự mình tạo phương tiện thì người ấy chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích chủng tử. Như cây Đa-la cắt tim thì không thể sống lại được. Trong điều này suốt đời ngươi không được phạm. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

4. Đối với tất cả, ngươi không được nói dối, cho đến nói đùa giỡn. Nếu Tỳ-kheo chẳng phải chân thật, chẳng phải mình có chứng mà tự nói: Tôi được pháp thượng nhân, đắc thiền, đắc giải thoát, đắc định, đắc bốn định không; đạt được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-Na- hàm, quả A-la-Hán. Nói rằng trời, rồng, quỷ thần đến cúng dường tôi thì người đó chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích chủng tử, giống như cái kim bị hư lỗ không sử dụng lại được. Trong điều này suốt đời

ngươi không được phạm. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được

Thiện nam lắng nghe! Đức Như Lai bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói pháp tứ y. Tỳ-kheo y nơi pháp này xuất gia thọ giới cụ túc.

Nương nơi y phấn tảo là pháp của người xuất gia làm Tỳ-kheo.

Trong pháp này suốt đời ngươi có thể thọ trì được không?

Đáp: Được.

Nếu được lợi dưỡng do đàn-việt bố thí y, y cắt hư hoại thì được nhận. Tỳ-kheo nương nơi y này đi khất thực, đây là pháp của người xuất gia làm Tỳ-kheo. Trong pháp này suốt đời ngươi có thể thọ trì được không?

Đáp: Được.

Nếu được lợi dưỡng, hoặc Tăng sai đi thọ trai nay đàn-việt dâng cúng thức ăn vào những ngày mồng tám, rằm, mồng một, hoặc chúng Tăng thường thọ trai, đàn-việt thỉnh thọ trai thì được nhận. Nương ngồi dưới gốc cây là pháp của người xuất gia làm Tỳ-kheo. Trong pháp này suốt đời ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Nếu được lợi dưỡng phòng riêng, nhà nóc nhọn phòng nhỏ, hang đá, hai phòng một cửa thì

được nhận. Nương nơi thuốc Hủ lạn là pháp của người xuất gia làm Tỳ-kheo. Trong pháp này, suốt đời ngươi có thể thọ trì được không?

Đáp: Được

Nếu được lợi dưỡng như sữa, dầu, đề hồ, mạch và đường phèn thì được thọ nhận.

Ngươi đã thọ giới rồi, bạch tứ Yết-ma như pháp thành tựu, được đúng cách, Hòa thượng như pháp; A-xà-lê như pháp, chúng Tăng đầy đủ, ngươi nên khéo thọ nhận giáo pháp, nên siêng năng giáo hóa, làm việc phước đức, tu sửa tháp, cúng dường chúng Tăng, Hòa thượng, A- xà-lê và những gì quý vị dạy như pháp, không được chống đối lại. Nên học hỏi, tọa thiền, tụng kinh, siêng năng cầu phương tiện thì ở trong pháp Phật đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, và quả A-la-hán. Có như vậy mới khỏi uổng phí công đức ngươi mới phát tâm xuất gia ban đầu và quả báo cũng không cùng tận. Còn những việc khác chưa biết thì nên hỏi Hòa thượng, A-xà-lê (Nên bảo người thọ giới đi ra trước.)

Văn thọ y bát:

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi tên là… y Tăng-già-lê này với chừng ấy điều đã cắt may thành. Nay tôi xin thọ trì không lìa ngủ (Thưa như vậy ba lần. Hai y kia cũng như vậy.)

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi tên là… Bát Đa

La ứng lượng khí này, nay tôi xin thọ trì sử dụng hàng ngày. (Thưa ba lần như vậy)

Văn thỉnh y chỉ:

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi tên là… thỉnh Đại đức làm y chỉ A-xà- lê cho tôi. Nguyện xin Đại đức vì tôi làm y chỉ A-xà-lê. Tôi nương Đại đức sống đúng chánh pháp. (Thưa như vậy ba lần. Thầy nên nói: Chớ buông lung, hoặc nói tốt. Người kia trả lời: Xin vâng)

Phần 3: PHÁP TRỪ TỘI

Pháp sám hối tội Tăng tàn:

(Thiên thứ hai này, tội ấy đã nặng cho nên cần phải đến chúng sám hối, hành pháp điều phục. Nhưng pháp điều phục có hai:

1. Trị lỗi.
2. Trị tội.

Pháp Yết-ma che giấu đầu tiên là trị lỗi, không phải trị tội. Khi cho Yết-ma phú tàng thì trước phải sám hối tội Đột-kiết-la che giấu, sau đó mới cho pháp trị Yết-ma phú tàng, sáu đêm xuất tội. Chính sám hối Tăng tàn, người có che giấu thì phải đủ ba loại Yết-ma, người không che giấu chỉ cho đêm xuất tội.

Văn xin Yết-ma Phú Tàng:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn… đã che giấu. Tôi Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn tùy theo số ngày che giấu. Nay tôi đến Tăng xin Yết-ma che giấu. Cúi xin Tăng cho tôi Yết-ma tùy theo số ngày che giấu (Thưa như vậy ba lần).

Văn cho Yết-ma che giấu:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi tên là… phạm tội Tăng tàn… đã che giấu. Tỳ-kheo tên là… này phạm tội Tăng tàn tùy theo số ngày che giấu đã đến Tăng xin Yết-ma che giấu. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho Tỳ-kheo tên là… Yết-ma tùy theo số ngày che giấu. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn… đã che giấu. Tỳ-kheo tên là… này phạm tội Tăng tàn tùy theo số ngày che giấu đã đến Tăng xin Yết-ma che giấu. Nay Tăng cho Tỳ-kheo tên là… Yết-ma tùy theo số ngày che giấu. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng cho Tỳ-kheo tên là… Yết-ma tùy theo số ngày che giấu thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần yết-ma đầu tiên (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy.)

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo tên là… Yết-ma tùy theo số ngày đã che giấu rồi. Tăng đã đồng ý

vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

(Người hành phú tàng (che giấu) nên tu đầy đủ bốn pháp Yết-ma và giáo pháp ấy nên khắc ghi ở trong lòng quyết định ba mươi lăm việc là pháp chiết phục chớ có vi phạm, phải hạ mình làm những việc khổ cực của chúng, cung phụng Tỳ-kheo thanh tịnh, pháp điều phục mỗi mỗi phải thực hành theo. Thưa tám việc là pháp lồ sám hối, phải có tâm rất hổ thẹn, trong lòng tự nghĩ trách mình rồi y theo pháp để thưa, chớ nên để thiếu đêm. Nếu thiếu một đêm thì phạm một tội Đột-kiết-la. Tám việc đó là:

1. Đến chùa khác không bạch.

2. Có khách Tỳ-kheo đến không bạch.

3. Có duyên sự tự đi ra ngoài không bạch.

4. Trong chùa những vị đi thong thả không bạch.

5. Bệnh không sai người tin cậy bạch.

6. Hai ba người ngủ chung một phòng.

7. Ở chỗ không có Tỳ-kheo.

8. Mỗi nửa tháng lúc thuyết giới không bạch. Đó là tám việc mất

đêm.

Đức Phật cho phép nửa tháng khi thuyết giới thưa như vậy. Người

thực hành phú tàng (che giấu) kia nên đến trong Tăng, để lộ vai bên phải, cởi bỏ giày dép,

quỳ gối phải xuống đất, chấp tay tác bạch như vậy:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn đã che giấu. Tôi Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn tùy theo số ngày che giấu. Nay đến Tăng xin Yết-ma che giấu. Tăng đã cho tôi Yết- ma tùy theo số ngày che giấu. Tôi Tỳ-kheo tên là… đã thực hành được chừng ấy ngày, còn chừng ấy ngày chưa hành. Tôi thưa với Đại đức để Đại đức biết tôi hành phú tàng (Có ba việc thấp nhất: 1. Đi sau chót các đại Tỳ-kheo. 2. Được nhận ngọa cụ xấu nhất. Có ba việc tùy theo thứ tự mỗi việc, khi Tăng được thí vật, khi tự tứ và khi khất thực.)

Văn Yết-ma xin Ma-na-đỏa:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn… đã che giấu. Tôi Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn tùy theo số ngày che giấu đã đến Tăng xin Yết-ma che giấu. Tăng đã cho tôi Yết-ma tùy theo số ngày che giấu. Tôi Tỳ-kheo tên là… đã hành pháp phú tàng xong, nay đến Tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Cúi xin Tăng cho tôi sáu đêm Ma-na-đỏa. (Thưa ba lần như thế).

Văn Yết-ma cho Ma-na-đỏa:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn… đã che giấu. Tỳ-kheo này tên là… phạm tội Tăng tàn tùy theo số ngày che giấu

đã đến Tăng xin Yết-ma che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo tên là… Yết-ma tùy theo số ngày che giấu. Tỳ-kheo này tên là… đã hành pháp phú tàng xong, nay đến Tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn… đã che giấu. Tỳ-kheo này tên là… phạm tội Tăng tàn tùy theo số ngày che giấu đã đến Tăng xin Yết-ma che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo tên là… Yết-ma tùy theo số ngày che giấu. Tỳ-kheo này tên là… đã hành pháp phú tàng xong, đến Tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Nay Tăng cho Tỳ- kheo tên là… sáu đêm Ma-na-đỏa. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng cho Tỳ-kheo tên là… sáu đêm Ma-na-đỏa thì im lặng, vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần Yết-ma thứ nhất (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Tăng đã cho Tỳ-kheo tên là… sáu đêm Ma-na-đỏa rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

(Đức Phật dạy: Cho phép Tỳ-kheo hành Ma-na-đỏa cũng thực hành giống như trên. Người hành Ma-na-đỏa nên thường ngủ trong Tăng để hàng ngày tác bạch. Vị ấy để lộ vai bên phải, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên phải quỳ xuống đất, chấp tay, tác bạch như vậy:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là…

phạm tội Tăng tàn…đã che giấu. Tôi Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn, tùy theo số ngày che giấu đã đến Tăng xin Yết-ma. Tăng đã cho tôi Yết-ma tùy theo số ngày che giấu. Tôi Tỳ-kheo tên là… đã hành pháp phú tàng xong, đến Tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi Tỳ-kheo tên là… đã thực hành chừng ấy ngày, còn chừng ấy ngày chưa thực hành. Nay thưa với Đại đức để Đại đức biết cho tôi đang hành pháp Ma-na-đỏa. (Thưa ba lần).

Văn Yết-ma xin xuất tội:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn… đã che giấu. Tôi Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn tùy theo số ngày che giấu đã đến Tăng xin Yết-ma che giấu. Tăng đã cho Yết-ma tùy theo số ngày che giấu. Tôi Tỳ-kheo tên là… đã thực hành pháp phú tàng xong, đến Tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi sáu đêm Ma- na-đỏa. Tôi Tỳ-kheo tên là… hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong, nay đến Tăng xin Yết-ma xuất tội. Cúi xin Tăng cho tôi Yết-ma xuất tội. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Văn Yết-ma cho xuất tội:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn… đã che giấu. Tỳ-kheo này tên là… phạm tội Tăng tàn tùy theo số ngày che giấu đã đến Tăng xin Yết-ma che giấu. Tăng đã cho Tỳ-

kheo tên là… Yết-ma tùy theo số ngày che giấu. Tỳ-kheo này tên là… đã hành pháp phú tàng xong, đã đến Tăng xin sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ- kheo tên là… sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo này tên là… đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong, nay đến Tăng xin Yết-ma xuất tội. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… phạm tội Tăng tàn đã che giấu. Tỳ-kheo này tên là… phạm tội Tăng tàn tùy theo số ngày che giấu đã đến Tăng xin Yết-ma che giấu. Tăng đã cho Tỳ-kheo tên là… Yết-ma tùy theo số ngày che giấu. Tỳ-kheo này tên là… đã hành pháp phú tàng xong, đã đến Tăng xin Yết-ma sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo tên là… Yết-ma sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo này tên là… đã hành sáu đêm Ma-na-đỏa xong, đến Tăng xin Yết-ma xuất tội. Nay, Tăng cho Tỳ-kheo tên là… Yết-ma xuất tội. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng cho Tỳ-kheo tên là… Yết-ma xuất tội thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần Yết-ma lần thứ nhất (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo tên là… Yết-ma xuất tội rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Pháp sám hối Xả đọa:

(Thiên thứ ba này là lỗi Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Phạm hai thiên tăng thiên pháp chiết phục, cần phải xả ở trong Tăng. Nếu như ở trụ xứ không có Tăng thì xả trước ba người, hai người hay một người cũng được. Nhưng không được xả chúng riêng không thành).

Văn mang y xả đọa đến xả ở trong Tăng:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… cố ý chứa chừng ấy y dư, đã quá mười ngày phạm tội xả đọa. Nay tôi xin trả cho Tăng. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Khi xả xong liền đến trong Tăng sám hối).

Văn đến Tăng xin sám hối:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… cố ý chứa chừng ấy y dư, đã quá mười ngày phạm tội xả đọa. Y này tôi đã xả cho Tăng, còn phạm tội… nay đến chúng Tăng xin sám hối. Cúi xin Tăng cho phép tôi Tỳ-kheo tên … sám hối. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Trong Tăng thỉnh riêng một người vì người sám hối đến chỗ Tỳ-kheo thanh tịnh. Tác bạch như vậy).

Tôi Tỳ-kheo tên là… thỉnh Đại đức sám hối. (Người nhận sám hối nên bạch Tăng, rồi sau đó nhận sám hối).

Văn người nhận sám hối bạch trong Tăng:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… cố ý chứa chừng ấy y dư, quá mười ngày phạm tội xả đọa. Y này đã xả cho Tăng, còn có tội… nay đến

trong Tăng sám hối. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo tên là… Đây là lời tác bạch.

Văn sám hối với một người ở trong Tăng:

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… cố ý chứa chừng ấy y dư, quá mười ngày phạm tội xả đọa. Y này tôi đã xả cho Tăng, nay có tội nên đến Đại đức sám hối không dám che giấu. Sám hối thì được an lạc, không sám hối thì không an lạc. Tôi nhớ nghĩ lại có phạm nên mới phát lồ, biết nên không dám che giấu nữa. Đại đức ghi nhớ tôi thanh tịnh, thân giới đầy đủ, thanh tịnh bố-tát. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Thưa xong, người nhận sự sám hối nên nói:)

Ông tự trách mình, tâm sinh nhàm chán xa lìa. (Người kia nên đáp)

Văn yết-ma Tăng trả y lại cho Tỳ-kheo này:

(Pháp xả đọa trả y, nếu người có chứa y nhuộm thì nên để trả qua một đêm mới Yết-ma trả. Nếu có viền cho phép Yết-ma ngày đó, nhưng cần phải gọi người khác chuyển giao, không nên trực tiếp trả lại. Nếu không nhuộm đều trả ban ngày. Nay chứng y dư phạm xả đọa trả y này là văn Yết-ma trải qua đêm rồi hoàn trả lại.)

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… cố ý chứa chừng ấy y dư, quá mười ngày phạm tội xả đọa. Y này đã xả cho Tăng. Nếu thời gian thích

hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng mang y này trả lại cho người tên là… Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… cố ý chừa chừng ấy y dư, quá mười ngày phạm tội xả đọa. Y này đã xả cho Tăng. Nay Tăng đem y này trả lại cho Tỳ-kheo tên là… Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng đem y này trả lại cho Tỳ-kheo tên là… thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý mang y này trả lại cho Tỳ-kheo tên là… rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn xả đọa trước ba người, hai người và một người:

(Nếu pháp xả trước ba người, hai người, một người đều giống như trên, chỉ khác là không xưng Tăng. Pháp sám hối với ba người, hai người hay một người, người nhận sự sám hối nên nói với người bên cạnh rồi sau đó nhận sư sám hối. Còn đối với một người thì xả trực tiếp ngay người ấy rồi sám hối.)

Văn người nhận sám hối trong hai, ba người nói với người bên cạnh:

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo tên là… (Người kia nói: Vâng. Pháp sám hối giống như trên)

Pháp sám hối tội khác:

(Nói tội khác trừ hai thiên trên và Ni-tát-kỳ ra,

từ các tội khác Ba-dật-đề trở xuống hai thiên Thâu-lan-giá và Đột-kiết-la. Trong khác này thì Ba-dật-đề và Đề-xá-ni đều là đối thứ sám hối. Tội thiên thứ năm đều tâm niệm sám hối. Tội Thâu-lan-giá nặng thì sám hối ở trong chúng, còn tội nhẹ thì đối diện sám hối. Cho nên, rút cuộc pháp sám hối thứ bậc bất đồng).

Văn sám hối với một Tỳ-kheo:

(Nên đến một Tỳ-kheo thanh tịnh trạch vai bên phải, đảnh lễ Thượng tọa, quỳ gối xuống đất chấp tay nói tên tội, nói loại tội tác bạch như vậy:)

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… phạm tội là… Nay đến Trưởng lão sám hối, không dám che giấu. Sám hối thì được an lạc, không sám hối thì không an lạc, tôi nhớ nghĩ có phạm nên phát lồ, biết nên không che giấu. Trưởng lão nhớ cho tôi thanh tịnh, thân giới đầy đủ, Bố-tát thanh tịnh. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Người nhận sự sám hối nên nói:)

Ông nên tự trách mình, sinh tâm nhàm chán xa lìa. (Đương sự liền đáp: Xin vâng).

Văn sám hối với hai Tỳ-kheo:

(Nên đến hai Tỳ-kheo thanh tịnh thỉnh hai vị ấy cho mình sám hối. Một vị Tỳ-kheo đối sám hối. Người nhận sám hối trước nên hỏi người kia. Tỳ-kheo thứ hai nên thưa:)

Trưởng lão lắng nghe! Tôi nhận sự sám hối của

Tỳ-kheo tên là… (Người đáp: Xin vâng. Cách sám hối cũng giống như trên.)

Văn sám hối với ba Tỳ-kheo:

(Nên đến chỗ ba Tỳ-kheo thanh tịnh, cũng thỉnh một vị Tỳ-kheo trong ba vị ấy đối sám hối. Còn những cách thức khác cũng giống như pháp sám hối với hai người ở trên.)

Văn sám hối trong Tăng:

(Nên đến trong Tăng để lộ vai bên phải, cởi bỏ giày dép, đảnh lễ dưới chân Tăng, rồi quỳ gối phải xuống đất chấp tay thưa:)

Đại đức Tăng lắng nghe. Tôi Tỳ-kheo tên là… đã phạm tội… Nay đến Tăng xin sám hối. (Thưa như vậy ba lần. Trong Tăng thỉnh riêng một vị đối sám hối đến Tỳ-kheo thanh tịnh thưa:)

Tôi Tỳ-kheo tên là… thỉnh Đại đức sám hối. (Người nhận sám hối nên thưa Tăng trước rồi sau mới nhận sám hối. Thưa như vầy)

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo kia tên là… phạm tội… nay đến Tăng sám hối. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nhận sự sám hối của Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch. (Thưa như vậy rồi nhận sám hối. Còn cách sám hối ở đây cũng giống như trên.)

Văn tất cả Tăng cùng phạm liền đến trong Tăng sám hối:

(Ở trụ xứ khi gần đến ngày thuyết giới mà tất cả Tăng cùng phạm nhưng những người đồng phạm không được hướng đến nhau sám hối. Đã gần đến giờ thuyết giới, lại không cho phép ra ngoài cầu Tỳ-kheo thanh tịnh được. Lấy việc thuyết giới làm trọng, cho phép chúng dùng đơn bạch mà sám hối, nếu được thì mới thuyết giới nên tác bạch như vậy.)

Đại đức Tăng lắng nghe! Tất cả Tỳ-kheo này phạm tội. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý tất cả Tăng này sám hối. Đây là lời tách bạch. (Thưa như vậy rồi sau đó mới thuyết giới)

Văn phát lồ nghi có tội:

(Đến một Tỳ-kheo thanh tịnh, để lộ vai bên phải, cởi bỏ giày dép, đảnh lễ dưới chân Tăng, rồi quỳ gối xuống đất, chấp tay, tự xưng tên giới mình đã phạm. Thưa như vậy.)

Đại đức Tăng nhớ nghĩ! Tôi phạm tội… nhưng lại sinh nghi, nay thưa với Đại đức. Sau khi tôi không còn nghi ngờ nữa thì sẽ sám hối đúng như pháp.

Văn phát lồ ở trong Tăng tất cả Tăng đồng phạm sinh nghi

(Ngay vào lúc sắp thuyết giới phạm tội mà sinh nghi ngờ phát lồ cách sám hối đều giống như cách sám hối ở trên. Nên tác bạch như vậy.)

Đại đức Tăng lắng nghe! Tất cả Tăng này phạm tội có nghi ngờ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý chúng Tăng đây tự nói tội. Đây là lời tác bạch. (Thưa như vậy rồi sau mới được nói giới).

Phần 4: PHÁP THUYẾT GIỚI

Văn gởi dục và thanh tịnh:

(Nếu có việc Phật, Pháp, Tăng, bệnh, hoạn nạn và nuôi bệnh thì cho pháp gởi dục thanh tịnh)

Đại đức nhất tâm niệm! Hôm nay là ngày chúng Tăng bố-tát thuyết giới. Tôi tên là… vì duyên sư… nên như pháp Tăng sự gởi dục thanh tịnh. (Có năm trường hợp gởi dục: Hoặc nói cho ngài dục, hoặc nói tôi nói dục, hoặc nói cho tôi nói dục, hoặc biểu hiện thân tướng, hoặc nói rộng cuối cùng thành gởi dục. Nếu không có người thì gởi dục không thành. Khi tự tứ gởi dục cũng giống như vậy. Chỉ có khác là nói tôi gởi dục tự tứ)

Văn nhận dục thanh tịnh:

(Tùy theo khả năng nhớ tên thì được nhận bấy nhiêu đến Tăng nên thưa như vậy.)

Đại đức nhất tâm niệm! Nhiều Tỳ-kheo trong chúng vì duyên sự như thế tôi nhận dục thanh tịnh

cho số đông Tỳ-kheo trong chúng Tăng như pháp sự gởi dục thanh tịnh.

Văn chuyển gởi dục thanh tịnh:

(Nhận dục thanh tịnh của vị kia rồi, nhưng sau đó mình có việc xảy ra nên phải đem dục thanh tịnh của mình và người kia chuyển lại cho người khác, thưa:)

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… nhận dục thanh tịnh cho nhiều Tỳ-kheo trong chúng. Nay có duyên sự nên những vị kia và tôi như pháp Tăng sự gởi dục thanh tịnh.

Văn bố-tát thuyết giới:

(Đến ngày Bố-tát hoặc vào bữa ăn sáng, hoặc vào bữa ăn trưa vị Thượng tọa xướng)

Hôm nay là ngày Bố-tát, vào thời gian… chúng Tăng hòa hợp, tập họp ở giảng đường thuyết giới. (Nếu có bốn người hoặc bốn người trở lên thì nên tác bạch trước rồi sau mới thuyết giới. Người tác bạch như trong giới đã nói. Nếu chỉ có hai người hoặc ba người thì hướng đến nhau nói ba lần Bố-tát, nói:)

Trưởng lão nhất tâm niệm! Hôm nay là ngày mười lăm chúng Tăng thuyết giới, tôi tên là… thanh tịnh. (Nói như vậy ba lần. Nếu chỉ một người thì tâm niệm nói:)

Hôm nay là ngày mười lăm chúng Tăng thuyết giới. Tôi tên là … thanh tịnh. (Nói như vậy ba lần)

Văn báo cho biết thanh tịnh:

(Có ba ngày Bố-tát, hoặc ngày thứ mười sáu, ngày thứ mười lăm và ngày thứ mười bốn. Nếu có khách, cựu Tỳ-kheo đã nói, chưa nói người đến có trước sau. Chúng có số lượng bao nhiêu hay bằng nhau. Hoặc khách đã nói, sau có cựu Tỳ-kheo đến, số ấy nhiều hay bằng nhau đều phải thuyết giới lại. Nếu số cựu Tỳ-kheo ít thì nên xuất giới ra ngoài thuyết giới. Nếu cựu Tỳ-kheo đã nói giới, sau đó Tỳ-kheo khách đến nhiều hơn số cựu Tỳ-kheo thì phải thuyết giới lại. Nếu số Tỳ-kheo khách ít hơn hay bằng thì nên tự xuất giới ra ngoài thuyết giới. Hoặc thuyết giới cùng ngày mà thời gian thì khác. Số Tỳ-kheo khách và số cựu Tỳ-kheo trước sau hoặc bằng nhau. Nếu sau khi cựu Tỳ-kheo thuyết giới xong Tỳ-kheo khách mới đến với số lượng nhiều thì đợi, đều phải thuyết giới lại. Nếu số khách Tỳ-kheo ít nên bảo thanh tịnh. Nếu sau khi khách Tỳ-kheo thuyết giới cựu Tỳ-kheo đến số nhiều thì đợi, rồi khách Tỳ-kheo cũng thuyết giới lại, còn ít thì bảo thanh tịnh. Theo thứ tự ngồi nghe. Nếu cả chúng đứng dậy, hoặc số nhiều nói hay không nói ý nghĩa đều giống với pháp bảo thanh tịnh ở trên, nói:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi tên là… thanh tịnh. (Nói như vậy ba lần rồi ngồi theo thứ tự.)

Văn lược thuyết giới vì có nạn sự và các

nhân duyên khác:

Tám nạn sự: Nạn vua, nạn giặc, nạn lửa, nạn nước, nạn bệnh, nạn người, nạn phi nhân và nạn trùng độc. Các nhân duyên khác: Đại chúng tập họp giường tòa bị thiếu, hoặc trong chúng có nhiều người bệnh, đại chúng tập họp chỗ che không đủ, hoặc trời mưa, hoặc Bồ-tát nhiều, hoặc xảy ra sự tranh chấp, luận A-tỳ-đàm-tỳ-ni, hoặc đêm thuyết pháp đã lâu, mặt trời chưa mọc nên tác pháp Yết-ma thuyết giới, nên tùy theo sự việc gần hay xa, có thể nói rộng giới thì nói rộng, nếu không làm thì như pháp mà trị tội. Có thể nói lược thì lại nói lược, nếu không làm thì như pháp mà trị tội. Nếu nạn sự xảy ra gần quá thì nên đứng dậy đi ngay. Lược thuyết giới là nói lời tựa của giới, còn các việc khác nên nói Tăng thường nghe; hoặc nói lời tựa của giới và bốn trọng tội rồi, còn những việc khác nên nói, Tăng thường nghe. Như vậy cho đến Đề-xá- ni, còn các việc khác cũng nói, Tăng thường nghe.

Pháp giáo giới Tỳ-kheo-ni:

(Khi Tăng thuyết giới, người tụng giới nên hỏi: Có ai sai Tỳ-kheo- ni đến thỉnh giáo giới Ni không? Người nhận giáo thọ nên bạch Tăng:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Ni Tăng những vị tên là… hòa hợp đảnh lễ Đại đức Tăng cầu giáo thọ. (Nói ba lần như thế, trong chúng nếu

có người giáo thọ nên sai. Nếu không có người thì Thượng tọa nên làm pháp giáo giới cho họ).

Văn yết-ma sai người giáo thọ Tỳ-kheo-ni:

Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Tăng sai Tỳ-kheo tên là… giáo thọ Tỳ-kheo-ni. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tăng sai Tỳ-kheo tên là… giáo thọ Tỳ-kheo-ni. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng sai Tỳ-kheo tên là… giáo thọ Tỳ-kheo-ni thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý sai Tỳ-kheo tên là… giáo thọ Tỳ-kheo-ni. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy nay tôi xin ghi nhận như vậy.

(Người được Tăng sai, khi đến chùa Ni nên dạy tập họp Ni Tăng.)

Trước hết nói tám pháp không nên trái lại:

1. Dù cho Tỳ-kheo-ni trăm tuổi hạ, nhưng khi thấy Tỳ-kheo mới thọ giới nên đứng dậy đón tiếp đảnh lễ và trải tòa thỉnh ngồi. Đây là pháp nên tôn trọng và tán thán, suốt đời không được vi phạm.

2. Tỳ-kheo-ni không nên chửi mắng Tỳ-kheo, trách móc Tỳ-kheo, không nên nhục mạ Tỳ-kheo rằng phá giới, phá kiến, phá oai nghi. Pháp này nên tôn trọng và tán thán, suốt đời không được vi phạm.

3. Tỳ-kheo-ni không được vì Tỳ-kheo tác cử,

tác ức niệm, tác tự ngôn, không được ngăn người khác tìm tội, ngăn nói giới, ngăn tự tứ.

Tỳ-kheo-ni không được quở trách Tỳ-kheo mà Tỳ-kheo có quyền quở trách Tỳ-kheo-ni. Pháp này nên được tôn trọng và khen ngợi, suốt đời không được vi phạm.

4. Thức-xoa-ma-na học giới xong, nên đến Tỳ-kheo Tăng xin thọ đại giới. Pháp này nên được tôn trọng và tán thán, suốt đời không được vi phạm.

5. Tỳ-kheo-ni phạm tội Tăng tàn phải mỗi nửa tháng ở trước hai bộ Tăng hành Ma-na-đỏa. Pháp này nên được tôn trọng và tán thán, suốt đời không được vi phạm.

6. Mỗi nửa tháng, Tỳ-kheo-ni phải đến Tăng cầu thỉnh giáo thọ. Pháp này nên được tôn trọng và tán thán, suốt đời không được vi phạm.

7. Tỳ-kheo-ni không được an cư vào mùa hạ ở chỗ không có Tỳ- kheo. Pháp này phải được tôn trọng và tán thán, suốt đời không được vi phạm

8. Sau khi an cư xong Tỳ-kheo Ni Tăng nên đến Tỳ-kheo Tăng cầu ba việc tự tứ thấy, nghe và nghi. Pháp này nên tôn trọng và tán thán, suốt đời không được vi phạm. (Nói tám điều không được vi phạm xong, sau đó mới tùy ý thuyết pháp)

Văn Thượng tọa giáo thọ chỉ dạy:

Nơi này không có người giáo thọ, Ni chúng nên Bố-tát như pháp, cẩn thận chớ buông lung.

(Ngày mai, khi Ni đến tập họp, người nhận lời chỉ dạy nên trả lại theo như văn này).

Phần 5: PHÁP AN CƯ

Văn yết-ma tăng sai người chia phòng xá, ngọa cụ:

Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý sai Tỳ-kheo tên là… chia ngọa cụ, phòng xá. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tăng sai Tỳ-kheo tên là… chia phòng xá, ngọa cụ. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng sai Tỳ-kheo tên là… chia phòng xá, ngọa cụ thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý sai Tỳ-kheo tên là… chia ngọa cụ, phòng xá rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Cách chia phòng, trước hết sai người trị sự chọn nhận một phòng rồi, còn các phòng khác thì bạch với các Thượng tọa theo thứ tự nhận phòng, tác bạch)

Đại đức Thượng tọa! Phòng xá, ngọa cụ tốt như vậy, tùy ý theo

sở thích của quý ngài mà thọ nhận. (Trước hết cấp phòng cho Thượng tọa lớn, tiếp theo Thượng

tọa thứ hai, thứ ba, thứ tư cho đến bậc Hạ tọa. Nếu còn phòng dư nên giữ lại cho Tỳ-kheo khách.)

Văn an cư:

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… nương phòng xá ở nơi xóm làng… hay Tăng-già-lam… tiền an cư ba tháng mùa hạ, phòng xá bị hư hỏng phải sửa chữa lại. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy.) Nương theo vị trì luật tên là… Nếu có nghi ngờ điều gì nên đến hỏi. (Pháp an cư ba tháng sau của mùa hạ cũng như vậy. Chỉ nói khác là từ hậu an cư)

Văn thọ pháp bảy ngày:

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… thọ pháp bảy ngày để đi ra ngoài lo công việc như vậy… Khi công việc này xong sẽ trở về trong giới an cư. Tôi thưa với Trưởng lão để Trưởng lão biết. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy)

Pháp yết-ma thọ quá bảy ngày:

(Pháp Yết-ma này rút ra từ Chiêm Ba Kiền Độ của luật này. Căn cứ theo đây để kiểm tra thì bản cũ gọi văn Yết-ma không đủ, cho nên phải sửa đổi để được rõ ràng và chính xác hơn.)

Văn Yết-ma xin thọ quá bảy ngày:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… ở trú xứ này an cư ba tháng hạ, thọ pháp quá bảy ngày hoặc mười lăm ngày hay một tháng để ra ngoài giới vì công việc như vậy. Sau khi xong

công việc sẽ trở về trong giới an cư. Nay đến Tăng xin thọ pháp quá bảy ngày Yết-ma mười lăm ngày hoặc một tháng. Cúi xin Tăng cho tôi Tỳ-kheo tên là… thọ pháp quá bảy ngày, Yết-ma mười lăm ngày hay một tháng, từ bi! (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Văn yết-ma cho quá bảy ngày:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… ở trụ xứ này an cư ba tháng hạ thọ pháp quá bảy ngày, mười lăm ngày hoặc một tháng để ra ngoài vì công việc như vậy… Sau khi công việc xong sẽ trở về trong giới này an cư. Nay đến Tăng xin pháp thọ quá bảy ngày Yết-ma mười lăm ngày hay một tháng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho Tỳ-kheo tên là… pháp thọ quá bảy ngày Yết-ma mười lăm ngày hoặc một tháng. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… ở trụ xứ này an cư ba tháng hạ thọ pháp quá bảy ngày hoặc mười lăm ngày hay một tháng để đi ra ngoài vì công việc như vậy. Sau khi công việc xong sẽ trở lại trong giới này an cư. Nay đến Tăng xin thọ pháp quá bảy ngày Yết-ma mười lăm ngày hay một tháng. Nay Tăng cho Tỳ-kheo tên là… Yết-ma thọ pháp quá bảy ngày hoặc mười lăm ngày hay một tháng. Các Trưởng lão nào đồng ý nay Tăng cho Tỳ-kheo tên là… Yết-ma thọ pháp

quá bảy ngày hoặc mười lăm ngày hay một tháng thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo tên là…Yết-ma thọ pháp quá bảy ngày hoặc mười lăm ngày hay một tháng. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Phần 6: PHÁP TỰ TỨ

Văn Yết-ma Tăng sai người Tự Tứ:

Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý sai Tỳ-kheo tên… làm người thọ tự tứ. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tăng sai Tỳ-kheo tên là… làm người thọ tự tứ. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng sai Tỳ-kheo tên là… làm người thọ tự tứ thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý sai Tỳ-kheo tên là… làm người thọ tự tứ. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn bạch Tăng Tự Tứ:

Đại đức Tăng lắng nghe! Hôm nay chúng Tăng tự tứ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý hòa hợp tự tứ. Đây là lời tác bạch. (Tác

bạch xong rồi mới tự tứ.)

Văn chúng Tăng Tự Tứ:

Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… cũng tự tứ. Nếu thấy, nghe, nghi tôi có tội. Xin Đại đức Trưởng lão thương xót chỉ bảo cho tôi. Nếu tôi thấy có tội sẽ như pháp sám hối. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy.)

Văn hoặc bốn người tự tứ với nhau:

Trưởng lão nhất tâm niệm! Hôm nay chúng Tăng tự tứ, tôi Tỳ- kheo tên là… cũng tự tứ. (Thưa ba lần như vậy. Nếu hai người hoặc ba người cũng thưa như vậy. Nếu chỉ một người thì tâm niệm nói tự tứ.)

Hôm nay chúng Tăng tự tứ, tôi Tỳ-kheo tên là… cũng tự tứ (Thưa ba lần như vậy. Pháp tự tứ, nếu năm người hoặc dưới năm người thì không được thọ dục)

Văn có tám nạn sự xảy ra bạch Tăng mỗi vị nói ba lần Tự Tứ:

Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý, nay Tăng mỗi vị nói ba lần tự tứ. Đây là lời tác bạch. (Thưa như vậy rồi, mỗi vị nói ba lần tự tứ. Lại nói một lần cũng như vậy. Nếu nạn sự xảy ra quá gần không đủ thời gian cùng nhau nói ba lần tự tứ thì cũng không được tác bạch với Tỳ-kheo kia, nên đi khỏi nạn sự này.)

Văn Yết-ma sai người trì công đức Y:

(Trước Tăng nên hỏi, vị nào có khả năng giữ y công. Nếu có người nói có khả năng thì nên sai.)

Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý sai Tỳ-kheo tên là… giữ y công đức cho Tăng. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tăng sai Tỳ-kheo tên là… giữ y công đức cho Tăng. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng sai Tỳ-kheo tên là… giữ y công đức cho Tăng thì im lặng, vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý sai Tỳ-kheo tên là… giữ y công đức cho Tăng rồi.

Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn yết-ma đem y cho người trì y công đức:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tăng ở trú xứ này được chia y, nên chia cho Tăng hiện tiền. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng đem y này giao cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ-kheo này tên là… sẽ giữ y này vì Tăng thọ làm y công đức ở trong trụ xứ này. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tăng ở trụ xứ này được chia y, nên chia cho Tăng hiện tiền. Nay Tăng đem y này giao cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ-kheo tên là… sẽ giữ y này thọ nhận làm y công đức cho Tăng, giữ ở trong trụ xứ này. Các Trưởng

lão nào đồng ý, Tăng đem y này giao cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ-kheo tên là… sẽ giữ y này thọ nhận làm y công đức cho Tăng, giữ ở trong trụ xứ này thì im lặng, vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo tên là… y. Tỳ-kheo tên là… này giữ y này ở trong trụ xứ này rồi, Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Pháp bạch Tăng thọ y công đức:

Đại đức Tăng lắng nghe! Hôm nay chúng Tăng thọ y công đức. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng hòa hợp thọ y công đức. Đây là lời tác bạch.

Pháp người thọ trì Y công đức mang Y đến trước chúng Tăng thưa:

(Đem y công đức để dài ra, từ Thượng tọa trở xuống đều lấy tay đặt lên y. Mỗi người đều nắm vào y. Sau khi đặt tay vào y rồi thì nói: Xin vâng.)

Y này chúng Tăng sẽ thọ nhận làm y công đức, y này nay chúng Tăng thọ nhận làm y công đức, y này chúng Tăng đã thọ nhận làm y công đức. (Thưa như vậy ba lần)

Pháp của người nắm Y thọ Y công đức:

(Người thọ y đưa tay nắm vào y, theo thứ tự đều nói: Người thọ y nên nói như thế này: Người thọ y đã thọ tốt đẹp. Trong này đã có nghĩ công đức gì tôi đều dự phần. Người trì y nói: Vâng!

Theo như vậy đều nói kết. Sau đó chuyển y công đức đến các vị dưới, đều đưa tay nắm y và nói pháp thọ như trước, như vậy cho đến vị cuối cùng.

Phần 7: PHÁP CHIA Y

Pháp yết-ma chia phi thời Tăng được thí:

(Tăng được thí có hai trường hợp: 1. Đúng thời Tăng được thí là trong an cư vào mùa hạ pháp đúng thời cho nên tùy theo trụ xứ an cư mà thọ trì. 2. Phi thời Tăng được thí là không phải trong mùa an cư nên phải tác pháp Yết-ma chia:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Trụ xứ này hoặc y, hoặc phi y nên chia cho Tăng hiện tiền. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý, Tăng giao cho Tỳ-kheo tên là… vị… kia sẽ giao lại cho Tăng. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Trụ xứ này hoặc y hoặc phi y nên chia cho Tăng hiện tiền. Tăng giao cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ-kheo… kia sẽ trả lại cho Tăng. Các Trưởng lão nào đồng ý trụ xứ này, hoặc y hoặc phi y nên chia cho Tăng hiện tiền, Tăng giao cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ-kheo kia sẽ trả lại cho Tăng thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý giao cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ-kheo… kia sẽ trả lại cho Tăng rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Nếu trụ xứ chỉ có hai người, hay ba người được thí y vậy thì mỗi người tự hướng đến nhau nói:)

Trưởng lão nhất tâm niệm! Trụ xứ này được chia y nên chia cho Tăng hiện tiền. Nhưng trong đây không có Tăng, nên y vật này thuộc về tôi và Trưởng lão. Tôi và Trưởng lão thọ dụng. (Nói ba lần như thế. Nếu chỉ có một người thì nên tâm niệm nói:)

Trụ xứ này được chia y vật nên chia cho Tăng hiện tiền. Nhưng trong đây không có Tăng nên y vật này thuộc về tôi. Tôi nên thọ dụng (Nói ba lần như vậy)

Pháp yết-ma chia y vật của người mất:

(Người xuất gia cùng tuân theo lệnh xuất ly, những hành động của thân đều được sự quản lý của Tăng pháp. Cho nên những đồ dùng của Tăng pháp, những đồ dùng của vị ấy sau khi chết đều thuộc của Tăng tứ phần. Ý nghĩa đồ dùng của nó giống với phi thời Tăng được thí. Lại nữa, Tăng được thí sử dụng có hai: Tùy theo trú xứ, tùy theo người. Vì thế tùy theo thí chủ xác định. Y vật của vị Tỳ-kheo qua đời theo trọng lượng hoặc khinh để phân chia. Vật trọng thì tùy theo đó mà nhập

vào trụ xứ, thì Tăng tác pháp Yết-ma chia)

Pháp người nuôi bệnh mang y vật và dụng cụ của người chết đến xả cho Tăng:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… qua đời ở trụ xứ này, những đồ dùng hoặc phi y đều chia cho Tăng hiện tiền ở trụ xứ này. (Thưa như vậy ba lần)

Văn yết-ma đem y bát của người chết giao cho người nuôi bệnh:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… qua đời ở trụ xứ này, những đồ dùng y bát, tọa cụ, ống đựng kim, đãy đựng y và bình đựng nước nên chia cho Tăng hiện tiền. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng giao cho Tỳ-kheo tên là… người nuôi bệnh. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… qua đời ở trụ xứ này, những đồ dùng y bát, tọa cụ, ống đựng kim, đãy đựng y và bình đựng nước nên chia cho Tăng hiện tiền. Nay Tăng giao cho Tỳ-kheo tên là… người nuôi bệnh. Các Trưởng lão nào đồng ý, Tăng giao cho Tỳ-kheo tên là… người nuôi bệnh y bát, tọa cụ, ống đựng kim, đãy đựng y và bình đựng nước thì im lặng. Các vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý giao cho Tỳ-kheo tên là… người nuôi bệnh y bát, tọa cụ, ống đựng kim, đãy đựng y và bình đựng nước. Tăng đã đồng ý vì im

lặng. Việc này nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn yết-ma chia vật khinh của người đã qua đời cho Tăng hiện tiền:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… qua đời ở trụ xứ này, những đồ dùng hoặc y hoặc chẳng phải y nên chia cho Tăng hiện tiền. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng giao cho tên là… Tỳ-kheo tên là… sẽ trả lại cho Tăng. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… qua đời ở trụ xứ này, những đồ dùng hoặc y hoặc chẳng phải y nên chia cho Tăng hiện tiền. Nay Tăng giao cho tên là… Tỳ-kheo tên là… sẽ trả lại cho Tăng. Các Trưởng lão nào đồng ý, Tỳ-kheo tên là… qua đời ở trụ xứ này, những đồ dùng hoặc y hoặc chẳng phải y nên chia cho Tăng hiện tiền. Nay Tăng cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ-kheo tên là… sẽ trả lại cho Tăng thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo tên là… Tỳ-kheo tên là… sẽ trả lại cho Tăng rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn chia y vật của người chết cho hai người hoặc ba người:

(Nếu trụ xứ chỉ có hai người hay ba người, muốn chia y vật của người chết thì một người nên tác pháp, còn các việc khác thì không cần. Tác

pháp như vầy:)

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tỳ-kheo tên là … qua đời ở trụ xứ này, những đồ dùng hoặc y hoặc chẳng phải y nên chia cho Tăng hiện tiền. Nhưng trụ xứ này không có Tăng nên y vật đó thuộc về tôi và Trưởng lão. Tôi và Trưởng lão thọ dụng. (Thưa ba lần như thế).

Nếu chỉ có một người thì tâm niệm, miệng nói: Tỳ-kheo tên là… qua đời ở trụ xứ này, những đồ dùng hoặc y hoặc chẳng phải y nên chia cho Tăng hiện tiền. Nhưng ở trụ xứ này không có Tăng nên y vật đó thuộc về tôi. Tôi nên thọ dụng. (Nói như vậy ba lần)

Phần 8: TỊNH PHÁP Y DƯỢC

Văn chân thật tịnh trí:

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… có y dư này tác tịnh. Nay vì để thanh tịnh nên xả cho Trưởng lão làm chân thật tịnh thí.

Văn lần lượt tịnh thí:

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… có y dư này chưa tác tịnh. Vì muốn trở thành vật thanh tịnh nên tôi thí cho Trưởng lão. (Người thọ thỉnh nên nói:)

Trưởng lão nhất tâm niệm! Đại đức có y dư này chưa tác tịnh. Vì muốn trở thành vật thanh tịnh nên bố thí cho tôi. Tôi đã thọ nhận. (Thọ nhận rồi nên hỏi người kia: Đại đức thí cho ai? Vị kia nên trả lời: Tôi thí cho Tỳ-kheo tên là… (Người thọ thỉnh nên nói như vầy:)

Trưởng lão nhất tâm niệm! Đại đức có y dư này chưa tác tịnh, vì muốn trở thành vật thanh tịnh nên đã thí cho tôi. Tôi đã thọ nhận rồi. Là y… đã có. Đại đức vì vị… ấy khéo hộ trì và sử dụng tùy ý. (Người thực hiện chân thật thí nên hỏi chủ rồi, sau đó được sử dụng. Người lần lượt tịnh thí hoặc hỏi, hoặc không hỏi cứ tùy ý sử dụng.

Văn ăn đủ rồi làm phép dư thực:

(Nên mang thức ăn đến trước Tỳ-kheo kia nói:)

Đại đức! Tôi đã ăn đủ rồi, Trưởng lão xem như vậy, biết như vậy tác pháp dư thực. (Người kia nên lấy một ít ăn, ăn rồi, nói:) Tôi đã làm phép dư thực rồi (đã ăn). Đại đức nên dùng thức ăn này. (Nếu thọ thỉnh thức ăn đủ thì tác pháp dư thực cũng như vậy, chỉ xưng thọ thỉnh là khác.)

Văn dặn dò đã nhận lời mời bữa ăn trước bữa ăn sau đi vào thôn

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… đã nhận lời mời của người tên là… nhưng có duyên sự muốn vào xóm làng… đến nhà… nên

thưa với Trưởng lão để biết cho.

Văn nhận thuốc bảy ngày:

(Trước đến tịnh nhân nhận rồi mang đến chỗ Đại Trưởng lão thưa:)

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… có bệnh duyên. Đây là thuốc bảy ngày, phải ngủ chung với thuốc bảy ngày để dùng. Nay được nhận trực tiếp từ Trưởng lão. (Nói như vậy ba lần)

Văn kết tịnh địa:

(Có bốn thứ tịnh địa: 1. Khi bắt đầu xây dựng Tăng-già-lam nên phân định chỗ. 2. Tăng-già-lam phân nửa có rào ngăn. 3. Xây cất Tăng- già-lam mới mà chưa ở. Ba trường hợp này không cần Yết-ma kết. 4.Tăng đã ở rồi thì phải tác pháp Yết-ma kết. Nếu Tăng-già-lam cũ, nghi trước đã có tịnh địa, nên giải rồi sau mới kết lại.)

Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng kết chỗ… làm tịnh địa. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Nay Tăng kết chỗ… làm tịnh địa. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng kết chỗ… làm tịnh địa thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý kết chỗ… làm tịnh địa rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Phần 9: PHÁP PHÒNG XÁ LINH TINH

Văn yết-ma xin làm phòng nhỏ:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… tự xin làm phòng, không có chủ tự mình làm. Nay đến Tăng xin ấn định cho chỗ này không có nạn, chỗ không có sự trở ngại. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Tăng nên xem xét Tỳ-kheo này, nếu có thể tin tưởng thì nên cho phép, nếu không thể tin tưởng thì tất cả Tăng nên đến chỗ đó xem. Nếu xa thì sai người có thể tin tưởng đến xem rồi tác pháp Yết-ma.)

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… tự xin làm phòng, không có chủ tự làm. Nay đến Tăng xin ấn định chỗ không có nạn, không có sự chướng ngại. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng ấn định cho Tỳ-kheo tên là… chỗ không có nạn sự, không có trở ngại. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… tự xin làm phòng, không có chủ tự mình làm. Nay đến Tăng xin ấn định chỗ không có nạn sự, chỗ không có trở ngại. Nay Tăng ấn định cho Tỳ-kheo tên là… chỗ không có nạn sự, chỗ không có chướng ngại. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng ấn định cho Tỳ-kheo tên là… chỗ không có nạn sự,

chỗ không có trở ngại thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý ấn định cho Tỳ-kheo tên là… chỗ không có nạn sự, chỗ không có trở ngại. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Tiếp theo là Yết-ma phòng lớn, tất cả đều giống với trên đây, chỉ xưng có chủ là khác)

Văn kết phòng làm kho chứa:

Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý kết phòng… làm nhà kho. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tăng kết phòng… làm nhà kho. Các Trưởng lão nào đồng ý, Tăng kết phòng… làm nhà kho thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý kết phòng… làm nhà kho rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn yết-ma sai người giữ kho vật:

Đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý, Tăng sai Tỳ-kheo tên là… làm người giữ vật. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tăng sai Tỳ-kheo tên là… làm người giữ vật. Các Trưởng lão nào đồng ý, Tăng sai Tỳ-kheo tên là… làm người giữ vật thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra

Tăng đã đồng ý sai Tỳ-kheo tên là… làm người

giữ vật. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Sai làm suy na, sai là cơm, trái cây, tăm xỉa răng, trải ngọa cụ cho Tăng, chia cháo cho Tăng, chia bánh, chia áo tắm mưa, phân chia Sa-di giữ vườn cho Tăng như pháp. Văn yết-ma các pháp trên đều giống nhau, chỉ khác là khi xưng sự việc.)

Văn yết-ma xin Tỳ-kheo già bệnh được dùng gậy và túi đựng:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… già bệnh đi lại cần phải có gậy và túi đựng. Nay đến Tăng xin được sử dụng gậy và túi đựng. Cúi xin Tăng cho phép tôi Tỳ-kheo tên là… sử dụng gậy và túi đựng. (Thưa như vậy ba lần)

Văn yết-ma cho Tỳ-kheo già bệnh được dùng gậy và túi đựng:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là… già bệnh đi lại cần phải có gậy và túi đựng. Nay đến Tăng xin được sử dụng gậy và túi đựng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý Tỳ-kheo tên là… sử dụng gậy và túi đựng. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo tên là… già bệnh khi đi lại cần phải sử dụng gậy và túi đựng. Nay đến Tăng xin được sử dụng gậy và túi đựng. Nay Tăng cho phép Tỳ-kheo này sử dụng gậy và túi đựng. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng cho

phép Tỳ-kheo tên là… sử dụng gậy và túi đựng thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo tên là… sử dụng gậy và túi đựng.

Tăng đã đồng ý và im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn dặn dò phi thời vào thôn xóm:

Trưởng lão nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo tên là… phi thời vào thôn xóm… đến nhà… vì công việc… Tôi thưa với Trưởng lão để Trưởng lão biết cho.

-oOo-

PHÁP YẾT MA TỲ KHEO NI

Phần 1: PHÁP KẾT GIỚI

(Tất cả các tác pháp Yết-ma kết giới đều giống với pháp Yết-ma của Đại Tăng, chỉ xưng Ni đại tỷ là khác)

Phần 2: PHÁP THỌ GIỚI

Văn yết-ma Tỳ-kheo-ni xin nuôi chúng:

(Nếu Tỳ-kheo-ni muốn độ người nên đến trong Tỳ-kheo Tăng, để lộ vai bên phải, cởi bỏ giày dép, đảnh lễ dưới chân Tăng rồi quỳ xuống đất chấp tay Yết-ma xin nuôi chúng. Tác bạch như vầy:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo-ni tên là… nay đến Tăng xin độ người thọ giới cụ túc. Cúi xin Tăng cho phép tôi được độ người thọ giới cụ túc. (Thưa như vậy ba lần)

Văn yết-ma cho nuôi chúng:

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo-ni tên là… nay đến Tăng xin độ người thọ giới cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho phép Tỳ-kheo-ni tên là… độ người cho thọ giới cụ túc. Đây là lời tác bạch.

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo-ni này tên là… nay đến Tăng xin độ người xuất gia cho thọ giới cụ túc. Nay Tăng cho phép Tỳ-kheo-ni tên là… được độ người thọ giới cụ túc. Các Đại tỷ nào đồng ý Tăng cho phép Tỳ-kheo-ni tên là… độ người thọ giới cụ túc thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo-ni tên là… độ người thọ giới Cụ túc rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn độ Sa-di-ni:

(Nếu muốn xuống tóc cho người ở trong chùa nên thưa tất cả Tăng biết. Nếu Tăng không hòa hợp nên đi từng phòng thưa để cho các ngài biết. Nếu Tăng hòa nên thưa rồi sau mới cho xuống tóc, nên thưa như vầy.)

Đại tỷ lắng nghe! Người này tên là… muốn theo vị Tỳ-kheo tên là… cầu xuất gia. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý cho người tên là… xuất gia. Đây là lời tác bạch. (Thưa rồi cho xuống tóc. Nếu muốn xuất gia ở trong chùa thì nên thưa với tất cả Tăng. Nếu Tăng không hòa hợp thì nên đi từng phòng thưa để cho quý thầy biết. Nếu Tăng hòa hợp thì nên tác bạch rồi sau đó cho xuất gia, tác bạch:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Người có tên là… này muốn theo vị hiệu là… cầu xuất gia. Nếu thời gian

thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý cho người này xuất gia. Đây là lời tác bạch. (Thưa như vậy rồi sau mới cho xuất gia. Hướng dẫn họ mặc cà sa để lộ vai bên phải, cởi bỏ giày dép, quỳ gối xuống đất chấp tay dạy họ thưa:)

Con tên là… quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng. Nay con đã theo Phật xuất gia, Hòa thượng Ni hiệu là… Đức Như Lai bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác là Thế Tôn của con. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Trao giới cho họ)

1. Suốt đời không được sát sinh là giới của Sa-di, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

2. Suốt đời không được trộm cắp là giới của Sa-di, ngươi có thẻ giữ được không?

Đáp: Được.

3. Suốt đời không được dâm dục là giới của Sa-di, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

4. Suốt đời không được nói dối là giới của Sa-di, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

5. Suốt đời không được uống rượu là giới của Sa-di, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

6. Suốt đời không được đeo tràng hoa, xức dầu thơm trên thân là giới của Sa-di, ngươi có thể giữ

được không?

Đáp: Được.

7. Suốt đời không được ca múa xướng hát, cũng không được cố ý đến xem nghe là giới của Sa-di, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

8. Suốt đời không được nằm ngồi trên giường cao rộng lớn là giới của Sa-di, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

9. Suốt đời không được ăn phi thời là giới của Sa-di, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

10. Suốt đời không được cầm nắm sinh tượng, vàng bạc, vật báu là giới của Sa-di, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Đây là mười giới của Sa-di suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Có thể.

Ngươi đã thọ giới rồi, nên cúng dường Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng, nên tu tập ba nghiệp, tọa thiền, tụng kinh, làm việc cho chúng. (Đồng nữ mười tám tuổi cho phép hai năm học giới, đủ hai mươi tuổi đến trong hai bộ Tăng thọ đại giới. Nếu mười tuổi mà đã từng có chồng cho phép hai năm học giới, khi đủ mười hai tuổi cho thọ đại giới.

Nên cho hai năm học giới như sau:)

Văn Thức-xoa-ma-na thọ sáu pháp:

(Sa-di-ni nên đến trong chúng Tỳ-kheo-ni để lộ vai áo bên phải, cởi bỏ giày dép, đảnh lễ Tỳ-kheo Ni Tăng rồi quỳ gối phải xuống đất, chấp tay thưa như vậy:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Con Sa-di tên là… nay đến Tăng xin hai năm học giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Cúi xin Tăng cứu độ con, rủ lòng thương xót cho con hai năm học giới. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Nếu dẫn Sa-di đến chỗ không nghe mà chỉ thấy rồi sai một người trong chúng có khả năng Yết-ma được như trên, tác bạch:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Sa-di-ni này tên là… nay đến Tăng xin hai năm học giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho Sa-di-ni tên là… hai năm học giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Đây là lời tác bạch.

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Sa-di-ni này tên là… nay đến Tăng xin hai năm học giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Nay Tăng cho Sa-di-ni tên là… hai năm học giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Các Đại tỷ nào đồng ý Tăng cho Sa-di-ni tên là… hai năm học giới, Hòa thượng Ni hiệu là… thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần Yết-ma thứ

nhất. (Thưa ba lần như vậy)

Tăng đã đồng ý cho Sa-di-ni tên là… hai năm học giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy (Nên cho sáu pháp như vậy.)

Người kia hãy lắng nghe! Đức Như Lai bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói sáu pháp:

1. Không được phạm hạnh bất tịnh, hành pháp dâm dục. Nếu Thức-xoa-ma-na hành pháp dâm dục thì chẳng phải Thức-xoa-ma-na, chẳng phải Thích chủng nữ. Nếu cùng với người nam có tâm nhiễm ô hai thân xúc chạm nhau thì giới bị thuyết nên phải thọ giới lại. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có giữ được không?

Đáp: Được.

2. Không được trộm cắp cho đến một lá cây, cộng cỏ. Nếu Thức- xoa-ma-na lấy của người năm tiền hoặc hơn năm tiền, tự mình lấy hoặc dạy người lấy, tự mình phá hoặc dạy người phá, tự mình chặt hoặc dạy người chặt, hoặc đốt, hoặc chôn, hoặc làm cho hoại sắc. Người ấy chẳng phải Thức-xoa-ma-na, chẳng phải Thích chủng nữ. Nếu lấy dưới năm tiền thì bị khuyết giới nên cho thọ giới lại. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

3. Không được cố ý giết chúng sinh cho đến

loài kiến. Nếu Thức- xoa-ma-na cố ý tự tay giết người, hoặc cầm dao đưa cho người, dạy chết, khuyến khích sự chết, khen ngợi sự chết; hoặc cho người uống thuốc độc, hoặc làm đọa thai, hoặc nguyền rủa, dùng bùa chú, hoặc tự làm hoặc dạy người làm thì chẳng phải Thức-xoa-ma-na, chẳng phải Thích chủng nữ. Nếu giết những loài súc sinh không thể biến hóa thì bị khuyết giới nên cho thọ giới lại. Trọng giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

4. Không được nói dối cho đến nói đùa giỡn. Nếu Thức-xoa-ma- na chẳng phải đều chân thật, chính mình không có mà tự nói: Tôi đắc pháp thượng nhân, nói đạt được thiền, đạt được giải thoát, đạt được Tam-muội chánh thọ, đắc quả Tu-đà-hoàn, đắc quả Tư-đà-hàm, đắc quả A na hàm, đắc quả A-la-hán. Rồi nói, trời, rồng, quỷ thần đến cúng dường tôi thì người ấy chẳng phải Thức-xoa-ma-na, chẳng phải Thích chủng nữ. Nếu ở trong chúng cố tình nói dối thì bị khuyết giới nên cho thọ lại. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

5. Không được ăn phi thời. Nếu Thức-xoa-ma-na ăn phi thời thì phạm giới nên cho thọ giới lại. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi

có thể giữ được không?

Đáp: Được.

6. Không được uống rượu. Nếu Thức-xoa-ma-na uống rượu thì phạm giới nên cho thọ giới lại. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Thức-xoa-ma-na nên học tất cả giới của Ni, trừ ra vì quá thực của Tỳ-kheo-ni nên tự nhận thức ăn để ăn.

Pháp Thức-xoa-ma-na thọ đại giới:

(Nếu Thức-xoa-ma-na học giới xong, đủ hai mươi tuổi hoặc đủ mười hai tuổi thì cho thọ đại giới. Trước hết đến trong Tỳ-kheo Ni Tăng thỉnh Hòa thượng. Thưa như vầy:)

Đại tỷ nhất tâm niệm! Con tên là… cầu A Di làm Hòa thượng. Cúi xin A Di làm Hòa thượng của con. Con nương theo A Di nên được thọ đại giới. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Hòa thượng Ni nên đáp:) Vâng. (Ngươi nên thọ giới như vậy. Dẫn người thọ giới đến chỗ không nghe chỉ thấy, nên sai người làm giáo thọ sư thì ở trong ấy giới sư nên hỏi như vầy:)

Trong chúng này ai có khả năng làm giáo thọ sư cho người tên là… (Nếu có người trả lời! Tôi có thể. Khi ấy giới sư liền tác bạch.)

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Người này tên là… đến

Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý vị tên là… làm giáo thọ sư. Đây là lời tác bạch. (Giáo thọ sư nên đến nói với người thọ giới.)

Đây là y An-đà-hội, Uất-đa-la-tăng, Tăng già-lê, Tăng-kỳ-chi, Phá-kiên và bát. Y Bát này ông đã có chưa?

Đáp: Có.

Thiện nữ hãy lắng nghe! Nay chính là lúc cần sự chân thành. Nay ta hỏi ngươi, có thì nói có, không thì nói không:

Ngươi không phạm biên tội chứ? Ngươi không phạm tịnh hạnh Tỳ- kheo chứ? Ngươi không phải với tâm giặc thọ giới chứ? Ngươi không phá nội ngoại đạo chứ? Ngươi không phải huỳnh môn chứ? Ngươi không giết cha, giết mẹ, giết chân nhân A-la-hán chứ? Ngươi không phá Tăng chứ? Ngươi không với tâm ác làm thân Phật chảy máu chứ? Ngươi không phải phi nhân chứ? Ngươi không phải là người hai căn chứ? Ngươi tên gì? Hòa thượng của ngươi là ai? Ngươi đủ hai mươi tuổi chưa? Y bát có đầy đủ không? Cha mẹ và phu chủ có cho phép ngươi không? Ngươi không phải là người mắc nợ chứ? Ngươi không phải là nô tỳ chứ? Ngươi là người nữ chứ? Người nữ có những căn bệnh hủi, ung thư, lác trắng, càn tiêu, điên cuồng, hai căn, hai đường hợp lại, đường đại tiểu

tiện thường rỉ chảy, đàm dãi thường chảy ra. Ngươi có những căn bệnh như vậy không? (Nếu trả lời là không thì nên nói:) Như ta vừa hỏi ngươi. Lát nữa ở trong Tăng cũng sẽ hỏi ngươi như vậy. Vừa rồi ngươi trả lời với ta như thế nào thì ở trong Tăng ngươi cũng trả lời như vậy. (Vị giáo thọ sư nói như vậy rồi, trở vào trong chúng với oai nghi như thường lệ, đứng chỗ vừa tầm tay trước chúng, tác bạch.)

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Người này tên là… đến Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Tôi đã hỏi xong, cho phép họ vào. Đây là lời tác bạch. (Người kia nên nói họ vào. Khi đương sự vào rồi, cầm y bát cho họ, bảo họ đảnh lễ Tăng, quỳ trước giới sư, chấp tay bảo họ tác bạch xin)

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Con tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là... cầu thọ đại giới. Nay con đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Cúi xin Tăng thương xót cứu độ con. (Thưa ba lần như vậy rồi, trong đó vị giới sư nên tác bạch:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Người này tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Nay người này đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Tôi đã hỏi các nạn sự. Đây là lời tác bạch.

(Vị Yết-ma hỏi giới tử) Thiện nam hãy lắng nghe! Nay chính là lúc chân thành, cần nói lên sự thật. Nay ta hỏi ngươi. Nếu có thì ngươi trả lời có, không thì trả lời không. Ngươi không phạm biên tội chứ? Ngươi không phạm tịnh hạnh Tỳ-kheo chứ? Ngươi không phải với tâm giặc thọ giới chứ? Ngươi không phạm tội phá nội ngoại đạo chứ? Ngươi chẳng phải huỳnh môn chứ? Ngươi không giết cha, giết mẹ, giết chân nhân A-la-hán chứ? Ngươi không phá Tăng chứ? Ngươi không phải với tâm ác làm thân Phật chảy máu chứ? Ngươi không phải phi nhân chứ? Ngươi chẳng phải súc sinh chứ? Ngươi không phải người hai căn chứ? Ngươi tên gì? Hòa thượng của ngươi hiệu gì? Ngươi đủ hai mươi tuổi chưa? Y bát đã đủ chưa? Cha mẹ và phu chủ có cho phép ngươi không? Ngươi không mắc nợ ai chứ? Ngươi chẳng phải nô tỳ chứ? Ngươi là người nữ chứ? Người nữ có các chứng bệnh: hủi, ung thư, lác trắng, càn tiêu, điên cuồng, hai căn, hai đường hợp lại, đường đại tiểu tiện thường rỉ chảy, đàm dãi thường chảy ra. Ngươi có những căn bệnh như vậy không? (Nếu đương sự trả lời không nên tác bạch.)

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Người này tên là… theo Hòa thượng hiệu là… cầu thọ đại giới. Nay người… này đến Tăng xin thọ giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Người này tự nói thanh tịnh không có các nạn sự, đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ. Nếu

thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho người tên là… thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Người này tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Nay người… này đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là. Người tên là… tự nói thanh tịnh không có các nạn sự, đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ. Nay Tăng cho người tên… này thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Các Đại tỷ nào đồng ý, nay Tăng cho người tên là… thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần Yết-ma thứ nhất. (Thưa ba lần như vậy).

Tăng đã đồng ý cho người tên là… thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Pháp Ni đến trong Tỳ-kheo Tăng thọ đại giới.

(Người thọ đại giới kia cùng Tỳ-kheo Ni Tăng đến trong Tỳ-kheo Tăng đảnh lễ dưới chân Tăng rồi, quỳ gối phải xuống đất chấp tay thưa:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Con tên là… theo Hòa thượng hiệu là… cầu thọ đại giới. Con tên là… nay đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng hiệu là… Cúi xin Tăng rủ lòng thương xót cứu độ con. (Thưa ba lần như vậy. Ở trong đây giới sư hỏi

các nạn sự)

Đại đức Tăng lắng nghe! Người này tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Nay người này đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Tôi hỏi các nạn sự. Đây là lời tác bạch.

Thiện nữ hãy lắng nghe! Nay chính là lúc chân thành, cần nói lên sự thật. Nay ta hỏi ngươi. Nếu có thì ngươi trả lời có, không thì trả lời không.

Ngươi không phạm biên tội chứ? Ngươi không phạm tịnh hạnh Tỳ- kheo chứ? Ngươi không phải với tâm giặc thọ giới chứ? Ngươi không phá nội ngoại đạo chứ? Ngươi chẳng phải huỳnh môn chứ? Ngươi không giết cha, giết mẹ, giết chân nhân A-la-hán chứ? Ngươi không phá Tăng chứ? Ngươi không phải với tâm ác làm thân Phật chảy máu chứ? Ngươi không phải phi nhân chứ? Ngươi chẳng phải súc sinh chứ? Ngươi không phải người hai căn chứ? Ngươi tên gì? Hòa thượng của ngươi hiệu gì? Ngươi đủ hai mươi tuổi chưa? Y bát đã đủ chưa? Cha mẹ và phu chủ có cho phép ngươi không? Ngươi không mắc nợ ai chứ? Ngươi chẳng phải nô tỳ chứ? Ngươi là người nữ chứ? Người nữ có các chứng bệnh: hủi, ung thư, lác trắng, càn tiêu, điên cuồng, hai căn, hai đường hợp lại, đường đại tiểu tiện thường rỉ chảy, đàm dãi thường chảy ra. Ngươi có những căn bệnh như vậy không? (

Đương sự trả lời không, nên hỏi:)

Ngươi đã học giới chưa? Có thanh tịnh không? (Đương sự trả lời là đã học giới và thanh tịnh, nên hỏi các Tỳ-kheo-ni khác:)

Ngươi tên là… đã học giới chưa? Có thanh tịnh không? (Nếu trả lời là đã học giới và thanh tịnh thì nên tác bạch:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Người này tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là cầu thọ đại giới. Nay người tên… này đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Người này tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ đã học giới và thanh tịnh. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho người tên là… thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Người này tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Nay người… này đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Người này tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ, đã học giới và thanh tịnh. Nay Tăng cho người… này thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng cho người tên là… thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần Yết-ma thứ nhất. (Thưa ba lần như vậy)

Tăng đã đồng ý cho người tên là… thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Thiện nữ hãy lắng nghe! Đức Như Lai bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói tám pháp Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni nào phạm thì chẳng phải là Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ.

1. Không được làm hạnh bất tịnh, hành pháp dâm dục. Nếu Tỳ- kheo-ni nào làm hạnh bất tịnh, hành pháp dâm dục, cho đến cùng vơi loài súc sinh thì vị ấy chẳng phải là Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

2. Không được trộm cắp cho đến cộng cỏ lá cây. Nếu Tỳ-kheo-ni nào ăn cắp lấy của người năm tiền hoặc hơn năm tiền, hoặc tự lấy hoặc dạy người khác lấy, hoặc tự đoạn hoặc dạy người khác đoạn, hoặc tự phá hoặc dạy người khác phá, hoặc đốt, hoặc chôn, hoặc làm hoại sắc thì vị ấy chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được

3. Không được đoạn mạng sống của chúng sinh cho đến loài kiến. Nếu Tỳ-kheo-ni nào tự tay giết người, cầm dao đưa cho người, hoặc hướng

dẫn cách chết, khen ngợi sự chết, khuyến khích sự chết, cho uống thuốc độc, làm đọa thai, nguyền rủa, dùng chú thuật, hoặc tự làm, dùng phương tiện dạy người làm thì vị ấy chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này, suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

4. Không được nói dối cho đến nói đùa giỡn. Tỳ-kheo-ni nào không chân thật, chẳng phải mình có chứng đắc mà tự nói: Tôi đạt được pháp thượng nhân, đắc thiền, đắc giải thoát Tam-muội chánh thọ, đắc quả Tu-đà-Hoàn, đắc quả Tư-đà-hàm, đắc quả A-na-hàm, đắc quả A- la-hán. Rồi nói, trời, rồng, quỷ thần đến cúng dường tôi, thì vị ấy chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

5. Không được hai thân xúc chạm nhau, cho đến cùng với loài súc sinh. Nếu Tỳ-kheo-ni nào có tâm nhiễm ô cùng với người nam có tâm nhiễm ô hai thân xúc chạm nhau từ nách trở xuống, từ đầu gối trở lên, hoặc sờ, hoặc bóp, hoặc rờ xuôi, rờ ngược, hoặc kéo, hoặc xô, hoặc bồng lên, hoặc để xuống, hoặc chà nhanh, hoặc chà chậm thì vị ấy chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng

nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

6. Không được phạm tám việc, cho đến cùng với loài súc sinh. Nếu Tỳ-kheo-ni nào có tâm nhiễm ô cho người nam có tâm nhiễm ô nắm tay, nắm y, cho đến nơi chỗ vắng, đứng nơi chỗ vắng, nói chuyện nơi chỗ vắng, hoặc cùng đi, hoặc hai thân gần sát nhau, hoặc cùng hẹn. Phạm tám việc này thì vị ấy chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

7. Không được che giấu tội của người khác, cho đến Đột-kiết-la ác thuyết. Tỳ-kheo-ni nào biết Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di mà không tự cử tội cũng không bạch Tăng, không nói với ai để biết. Sau đó, vào một thời gian khác, Tỳ-kheo-ni này thôi tu, hoặc bị đuổi, hoặc không cho sống chung, hoặc vào ngoại đạo. Rồi vị ấy nói: Trước đây tôi biết người này phạm tội như vậy, như vậy thì vị ấy chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ vì che giấu trọng tội của người khác. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có giữ được không?

Đáp: Được.

8. Không được tùy tiện theo Tỳ-kheo bị cử tội,

cho đến Sa-di. Nếu Tỳ-kheo-ni nào biết Tỳ-kheo bị Tăng cử tội đúng pháp, đúng Tỳ- ni, đúng với lời Phật dạy, phạm oai nghi chưa sám hối, không tác pháp cộng trú mà tùy thuận theo Tỳ-kheo kia để nói chuyện. Tỳ-kheo-ni phải can gián Tỳ-kheo-ni này: Đại tỷ! Tỳ-kheo kia bị Tăng cử tội đúng như pháp, đúng Tỳ-ni, đúng lời Phật dạy, phạm oai nghi chưa sám hối, không tác pháp cộng trú, cô đừng tùy thuận theo Tỳ-kheo kia nói chuyện. Khi Tỳ-kheo-ni kia can gián Tỳ-kheo-ni này mà vẫn kiên trì không bỏ, các Tỳ-kheo-ni nên can gián cho đến ba lần để bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì vị ấy chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ, vì đã tùy thuận theo kẻ bị cử tội. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Thiện nữ hãy lắng nghe! Đức Như Lai bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói pháp tứ y. Tỳ-kheo-ni nương nơi đây xuất gia thọ đại giới. Đó là pháp của Tỳ-kheo-ni.

1. Nương nơi y phấn tảo xuất gia thọ đại giới là pháp của Tỳ- kheo-ni. Trong điều này suốt đời ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được

Nếu được lợi dưỡng, hoặc đàn-việt cúng y, hoặc được y rẻ, hoặc được y cắt rọc may thành thì

nhận.

2. Nương nơi việc khất thực xuất gia thọ đại giới là pháp của Tỳ- kheo-ni. Trong điều này suốt đời ngươi có thể thọ trì được không?

Đáp: Được.

Nếu được lợi dưỡng, hoặc Tăng sai thọ trai, hoặc đàn-việt cúng thức ăn vào những ngày mồng tám, mười lăm, mồng một, hoặc chúng Tăng thường thọ trai, hai đàn-việt mời thì nên nhận.

3. Nương ở dưới gốc cây để ngồi, xuất gia thọ đại giới là pháp của Tỳ-kheo-ni. Trong điều này suốt đời ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Nếu được lợi dưỡng hoặc phòng riêng, lầu gác, phòng nhỏ, hang đá, hai phòng có một cửa thông thì nên nhận.

4. Nương nơi thuốc hư nát xuất gia thọ đại giới là pháp của Tỳ- kheo-ni. Trong điều này suốt đời ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Nếu được lợi dưỡng như tô, dầu, sinh tô, mạch, đường phèn thì nên nhận.

Ngươi đã thọ giới rồi, bạch tứ Yết-ma như pháp thành tựu, đúng cách, Hòa thượng như pháp, A-xà-lê như pháp có đầy đủ hai bộ Tăng. Ngươi nên khéo thọ nhận giáo pháp, siêng năng cúng dường Phật, Pháp, Tăng, Hòa thượng A-xà-lê dạy

bảo ngươi tất cả những điều như pháp, nhất quyết không được chống trái. Nên học hỏi, tụng kinh, siêng cầu phương tiện mới ở trong Pháp Phật đắc quả Tu-đà-hoàn, đắc quả Tư-đà- hàm, quả A na hàm và quả A-la-hán thì tâm xuất gia ban đầu của ngươi mới không uổng phí, quả báo không bị đoạn dứt. Còn những gì ngươi chưa biết nên đến hỏi Hòa thượng, A-xà-lê (Khi giải tán, bảo người thọ giới đi trước)

Phần 3: PHÁP TRỪ TỘI

Pháp sám hối tội Tăng tàn của Ni:

(Vì Ni là người nữ yếu đuối, sự việc gì cũng nhờ vào duyên mạnh mẽ, nên cho họ số ngày. Nếu như họ tự còn giữ việc ác, thời tự hoại và hoại người khác thì phạm tội không nhẹ.) Ni che giấu tội Tăng tàn chỉ tăng thêm tự tội, nửa tháng hành Ma-na-đỏa, không riêng pháp che giấu điều phục. Ni sám hối Tăng tàn cần phải ở trong hai bộ Tăng tác Yết-ma Ma-na-đỏa. Cả hai bộ đại Tăng và Ni phải có đủ bốn người. Nếu tác pháp Yết-ma xuất tội hai bộ đại Tăng và Ni mỗi bộ phải đủ hai mươi người, không được thiếu.)

Văn yết-ma xin Ma-na-đỏa:

(Tỳ-kheo-ni phạm tội Tăng tàn, nên ở trong Tăng nửa tháng hành Ma-na-đỏa. Khi hành Ma-na-đỏa nên đến trong hai bộ Tăng để lộ vai bên phải, cởi bỏ giày dép, đảnh lễ dưới chân Tăng rồi quỳ gối xuống đất, chấp tay tác bạch xin:)

Đại đức Tăng lắng nghe! Con Tỳ-kheo-ni tên là… phạm… chừng ấy tội Tăng tàn, nay đến hai bộ Tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Cúi xin Tăng rủ lòng thương xót cho con nửa tháng Ma-na-đỏa. (Thưa ba lần như vậy)

Văn yết-ma cho Ma-na-đỏa:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo-ni này tên là… phạm… chừng ấy tội Tăng tàn, nay đến hai bộ Tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… nửa tháng Ma-na-đỏa. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… phạm… chừng ấy tội Tăng tàn, nay đến hai bộ Tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… nửa tháng Ma-na-đỏa. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… nửa tháng Ma-na-đỏa thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần tác bạch thứ nhất. (Thưa ba lần như vậy)

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo-ni tên là… nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc

ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy. Tỳ- kheo-ni hành pháp Ma-na-đỏa giống như pháp của Đại Tăng ở trên, chỉ khác là hàng ngày đến trong hai bộ Tăng tác bạch như vậy.)

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Con Tỳ-kheo-ni tên là… phạm… chừng ấy tội Tăng tàn, đã đến hai bộ Tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho con nửa tháng Ma-na-đỏa. Con Tỳ-kheo-ni tên là… đã thực hành qua chừng ấy ngày, còn có chừng ấy ngày nữa. Bạch Đại đức Tăng để quý vị biết con đang hành Ma-na-đỏa.

Văn yết-ma xin xuất tội:

(Tỳ-kheo-ni hành nửa tháng Ma-na-đỏa, nên đến trong hai bộ Tăng tác bạch xin như vậy.)

Đại đức Tăng lắng nghe! Con Tỳ-kheo-ni tên là… phạm… chừng ấy tội Tăng tàn, đã đến hai bộ Tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho con nửa tháng Ma-na-đỏa. Con đã ở trong hai bộ Tăng hành nửa tháng Ma-na-đỏa xong, nay con đến Tăng xin Yết-ma xuất tội. Cúi xin Tăng rủ lòng thương xót cho con Yết-ma xuất tội. (Thưa ba lần như vậy.)

Văn yết-ma cho xuất tội:

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo-ni tên là… phạm… chừng ấy tội Tăng tàn, đã đến hai bộ Tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa, Tỳ-kheo-ni… này đã ở trong hai bộ Tăng hành nửa tháng Ma-na-đỏa

xong, nay đến Tăng xin Yết-ma xuất tội. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… Yết-ma xuất tội. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo-ni… này… phạm chừng ấy tội

Tăng tàn, đã đến hai bộ Tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo-ni tên là… nửa tháng Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo-ni… này đã ở trong hai bộ Tăng hành nửa tháng Ma-na-đỏa xong, nay đến Tăng xin Yết- ma xuất tội. Nay Tăng đã cho Tỳ-kheo-ni tên là… Yết-ma xuất tội. Các Trưởng lão nào đồng ý nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… Yết-ma xuất tội thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần Yết-ma thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy.)

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo-ni tên là… Yết-ma xuất tội rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Phần 4: PHÁP THUYẾT GIỚI

(Pháp thuyết giới của Tỳ-kheo-ni hoàn toàn giống với pháp của đại Tăng)

Văn Ni Tăng yết-ma sai người thỉnh giáo thọ:

(Mỗi nửa tháng Ni Tăng phải nên đến trong đại Tăng thỉnh giáo giới. Cho nên nay cần phải sai người sứ này. Nếu Ni Tăng thỉnh giáo giới, sai như vậy:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng sai Tỳ-kheo-ni tên là… Vì Tỳ-kheo Ni Tăng nửa tháng đến trong Tỳ-kheo Tăng cầu giáo thọ. Đây là lời tác bạch.

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Nay Tăng sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ- kheo Ni Tăng nửa tháng đến trong Tỳ-kheo Tăng cầu giáo thọ. Các Đại tỷ nào đồng ý, Tăng sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ-kheo Ni Tăng nửa tháng đến trong Tỳ-kheo Tăng cầu giáo thọ thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ-kheo Ni Tăng, nửa tháng đến trong Tỳ-kheo Tăng cầu giáo thọ rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Lại sai thêm hai người nữa để làm bạn, vào trong đại Tăng, đến chỗ Tỳ-kheo cửu trụ đảnh lễ rồi, quỳ xuống cúi đầu, chấp tay tác bạch như vậy:)

Đại đức nhất tâm niệm! Tỳ-kheo Ni Tăng hòa hợp, đảnh lễ Tỳ- kheo Tăng cầu giáo thọ. (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Tỳ- kheo nhận lời tác bạch, khi thuyết giới nên thưa như vậy.)

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Ni Tăng chúng hòa hợp, đảnh lễ Đại đức Tăng cầu giáo thọ. (Thưa ba lần như vậy.)

Sáng mai Tỳ-kheo-ni nên đến hỏi Tăng có chấp thuận không. Tỳ- kheo giáo thọ sư nên hẹn thời gian đến. Tỳ-kheo-ni đúng thời gian đó ra đón rước Tỳ-kheo. Tỳ-kheo hẹn thời gian đến mà không đến phạm Đột-kiết-la, Tỳ-kheo-ni đúng lúc nghinh đón không ra nghinh đón phạm tội Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni khi nghe thầy giáo thọ đến thì nên ra nửa do-tuần đón rước vào chùa, cung cấp những đồ cần dùng tắm rửa, cháo, đồ uống, thức ăn, trái cây để cúng dường vị giáo thọ. Nếu không như vậy thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo Tăng bệnh hết, hoặc chúng không hòa hợp, hoặc chúng không đủ thì nên sai thiện tính đến đảnh lễ thăm hỏi. Nếu Tỳ-kheo Ni Tăng đều bệnh hết, hoặc không hòa hợp, hoặc chúng không đủ cũng nên sai thiện tính đến đảnh lễ thăm hỏi, nếu không như vậy phạm Đột-kiết-la.

Phần 5: PHÁP AN CƯ

(Pháp An Cư của Ni đều giống với pháp của đại Tăng ở trên.)

Phần 6: PHÁP TỰ TỨ

Văn yết-ma sai người đến trong đại Tăng thọ tự tứ:

(Tỳ-kheo Ni Tăng mùa hạ an cư xong phải đến trong đại Tăng thọ tự tứ, nên sai người đại diện này vì Ni Tăng đến trong đại Tăng xin thọ tự tứ. Văn tác bạch sai như vầy:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ-kheo Ni Tăng đến trong Đại Tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe và nghi. Đây là lời tác bạch.

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Nay Tăng sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ- kheo Ni Tăng đến trong Đại Tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe và nghi. Các Đại tỷ nào đồng ý Tăng sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ-kheo Ni Tăng đến trong Đại Tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe và nghi thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ-kheo Ni Tăng đến trong đại Tăng nói ba việc tự tứ rồi, Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn đến trong đại Tăng thọ tự tứ:

(Sai thêm hai người nữa đi làm bạn, đến trong Tăng đảnh lễ Tăng, khom người, cúi đầu, chấp tay thưa như vậy.)

Tỳ-kheo Ni Tăng an cư ba tháng hạ đã xong, Tỳ-kheo Tăng an cư ba tháng hạ đã xong, Tỳ-kheo Ni Tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe và nghi. Đại đức Tăng rủ lòng thương xót nói cho con. Nếu con thấy có tội sẽ như pháp sám hối. (Nói ba lần như thế)

Tỳ-kheo Ni Tăng kia ngày đó tự tứ rồi lại tự tứ nữa nên đều rất mệt. Phật dạy: Không nên như vậy. Nếu Tỳ-kheo Tăng tự tứ ngày mười bốn thì Tỳ-kheo Ni Tăng tự tứ ngày mười lăm. Nếu Đại Tăng bị bệnh hoặc không hòa hợp, hoặc chúng không đủ thì Tỳ-kheo-ni nên sai thiện tín đến đảnh lễ hỏi thăm, nếu không phạm tội Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo Ni Tăng bệnh, hoặc chúng không hòa hợp, hoặc chúng không đủ, Tỳ- kheo Ni Tăng cũng nên sai thiện tín đến đảnh lễ thăm hỏi, nếu không như vậy thì phạm tội Đột-kiết-la (Người ấy đến trong Đại Tăng thọ tự tứ xong, trở lại cùng với Ni Tăng tự tứ. Pháp tự tứ của Ni Tăng cũng giống như Đại Tăng.)

Phần 7: PHÁP CHIA Y

(Giống như pháp của Đại Tăng ở trên)

Phần 8: PHÁP Y THỰC TỊNH

(Ni không tác pháp dư thực, từ đây ra, tất cả còn lại đều giống với pháp của Đại Tăng.)

Phần 9: PHÁP LINH TINH

(Ni không có pháp xin chỉ chỗ làm phòng. Còn các pháp khác đều giống với pháp của Đại Tăng.)

Pháp yết-ma nội hộ giáp cho Tăng chúng tẫn phạt:

Luật Tạng đã nói chánh pháp của Tăng, cốt yếu có ba nên kết lập gọi là pháp, là Tỳ-ni, là lời Phật dạy.

- Pháp có năm loại hạnh viễn ly:

1. Pháp xuất ly chẳng phải thế gian.
2. Pháp vượt qua chẳng phải thọ nhập.
3. Vô dục chẳng phải hữu dục.
4. Không kết chẳng phải có kết.
5. Không thân cận sinh tử chẳng phải thân cận sinh tử.

- Tỳ-ni có năm loại cốt yếu xuất ly:

1. Thiểu dục chẳng phải đa dục.
2. Biết đủ chẳng phải không biết đủ.

3. Dễ hộ trì chẳng phải khó hộ trì.

4. Dễ nuôi dưỡng chẳng phải khó nuôi dưỡng.

5. Trí huệ chẳng phải ngu si.

- Lời của Đức Phật dạy có năm hạnh giáo giới:

1. Người có tội thì cấm.

2. Người không có tội thì cho phép.

3. Hoặc cấm hoặc cho phép mà có người giới bị khuyết thì như pháp cử tội họ.

4. Người luôn luôn vi phạm thì nên chiết phục và ức niệm.

5. Công đức chân thật thích nghĩ gọi là tốt.

Cho nên, trong kinh dạy: chánh pháp tục, chánh pháp diệt, nghĩa là người truyền pháp này cũng có ba điều, nên lời bậc Thánh gọi là biết pháp, biết luật, biết Ma-di (Luận).

Biết pháp, nghĩa là khéo thọ trì Tạng Tu-đa-la, như A-nan v.v… Biết luật, nghĩa là khéo thọ trì Tạng Tỳ-ni, như Ưu-ba-ly v.v… Biết luận, nghĩa là khéo lãnh đạo cầm cân nảy mực như Đại Ca-diếp v.v…. cho nên, phàm muốn làm rạng rỡ con đường của bậc Thánh, để hưng thịnh đạo giáo, kế thừa phép tắc, đời sau không bị đoạn tuyệt lúc đó chẳng phải các vị ấy thì ai!

- Năm pháp nhập chúng:

1. Nên thể hiện tâm từ.

2. Nên tự hạ mình xuống như cái thân lau bụi.

3. Khéo biết lúc đứng ngồi phải có oai nghi

trên dưới.

4. Không nói lung tung chuyện thế tục, vì chúng thuyết pháp, hoặc thỉnh người khác nói.

5. Nếu trong Tăng có việc không thể cung kính tâm không an nhẫn thì nên im lặng.

- Năm việc im lặng như pháp:

1. Thấy người khác phi pháp im lặng.

2. Không có người hỗ trợ im lặng.

3. Phạm tội nặng im lặng.

4. Đồng túc im lặng.

5. Đồng túc ở chỗ khác im lặng.

- Năm việc im lặng phi pháp:

1. Yết-ma như pháp tâm bất đồng mà vẫn mặc tình im lặng.

2. Được bạn đồng ý mà vẫn mặc tình im lặng.

3. Hoặc thấy tội nhỏ mà vẫn im lặng.

4. Vì làm biệt trú mà im lặng.

5 .Ở trên giới trường mà im lặng.

- Có năm loại pháp bỏ:

1. Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo khác hỏi: Ông có thấy mình phạm tội không? Đáp: Không thấy. Vị kia nói: Nếu ông thấy tội thì nên sám hối.

2. Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo khác hỏi: Ông có thấy mình phạm tội không? Đáp: Không thấy. Người kia nói: Nếu ông thấy tội nên sám hối trong Tăng.

3. Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo khác hỏi: Ông có thấy mình phạm tội không? Đáp: Không thấy. Người kia nói: Nếu ông thấy mình có tội thì nên ở trong Tăng này sám hối.

4. Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo khác hỏi: Ông có thấy mình phạm tội không? Đáp: Không thấy. Chúng Tăng nên bỏ không nói nữa, ông không thấy tội lỗi thì tùy ý muốn đi chỗ nào thì đi, không cho ông bố- tát, như ngựa chứng khó điều phục, hàm, cương, nọc đều bỏ. Ông cũng giống như vậy.

5. Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo khác hỏi: Ông có thấy mình phạm tội không? Đáp: Không thấy! Người kia nên ở trong chúng tác pháp Yết-ma cử tội không thấy.

- Có năm loại tác pháp Yết-ma:

1. Hiện tiền.
2. Tự nói.
3. Không thanh tịnh.
4. Như pháp.
5. Hòa hợp.

Tư nghĩa là biết bệnh, biết thuốc, biết đối trị. Thiện ở trong nghi phế, lập, thông, tắc, tồn hộ. Cho nên, cuối cùng đưa đến công giữ gìn, nghĩa rõ ở đây.

- Ba loại pháp điều:

1. Yết-ma quở trách.
2. Yết-ma khu tẫn (đuổi).

3. Yết-ma y chỉ.

- Ba loại pháp diệt:

1. Chỗ phạm tội.

2. Nhiều người nói.

3. Như cỏ che đất.

- Ba pháp bất cộng tục:

1. Yết-ma ba cử.

2. Trị ngửa chứng.

3. Yết-ma diệt tẫn.

Pháp Yết-ma quở trách:

(Trước hết nêu tội phạm, tác pháp nhớ nghĩ để định tội rồi sau đó mới tác pháp Yết-ma.)

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… thích tranh chấp lẫn nhau, cùng nhau nhục mạ, nói lời hung dữ, nhau nhau hơn thua. Các Tỳ-kheo kia tự cùng nhau tranh chấp rồi. Nếu lại có Tỳ-kheo khác tranh chấp nhau mà người kia liền đến khuyến khích: Các ông khỏe mạnh, không giống như họ. Các ông học nhiều, trí huệ, giàu có, cũng có trí thức hơn họ nhiều. Chúng tôi sẽ làm bạn với các ông để làm cho trong Tăng chưa có sự tranh cãi thì sinh ra sự tranh cãi, đã có sự tranh cãi thì không chấm dứt được. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý vì Tỳ-kheo tên là… tác pháp Yết-ma quở trách. Nếu sau cùng họ tranh chấp lại, nhục mạ với nhau lại, Tăng chúng sẽ tăng

thêm tội để trị họ. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… thích tranh chấp với nhau, cùng nhục mạ lẫn nhau, miệng toàn nói lời hung dữ, tranh nhau hơn thua. Các Tỳ-kheo kia tự tranh chấp lẫn nhau rồi, nếu lại có Tỳ-kheo khác tranh chấp thì người đó đến khuyến khích vị kia: Các ông khỏe mạnh, không giống như họ. Các ông học nhiều, có trí huệ, và giàu có, lại cũng có tri thức hơn họ nhiều. Chúng tôi sẽ làm bạn với các ông để làm cho trong Tăng chưa có sự tranh cãi thì sinh ra sự tranh cãi, đã có sự tranh cãi thì không chấm dứt được. Tăng vì Tỳ-kheo tên là… tác pháp Yết-ma quở trách. Các Trưởng lão nào đồng ý Tăng cho Tỳ-kheo tên là… Yết-ma quở trách. Nếu sau này họ lại tranh chấp nhau, nhục mạ nhau, chúng Tăng sẽ tăng thêm tội để trị họ thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần Yết-ma đầu tiên. (Thưa ba lần như vậy.)

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo tên là… tác pháp Yết-ma quở trách rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Khi cho Yết-ma rồi, đoạt ba mươi lăm việc để khiến họ chiết phục. Sau đó, nếu họ tùy thuận hối cải thì Tăng nên trả lại và Yết-ma giải cho họ.

Văn yết-ma cho chỗ phạm tội:

(Trước nêu tội phạm, tác pháp nhớ nghĩ định

tội họ rồi, sau đó mới tác pháp Yết-ma)

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… không hổ không thẹn, phạm nhiều các tội có thấy, nghe và nghi. Trước tự nói phạm, sau nói không phạm, lời nói trước sau đều trái ngược nhau. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý, nay Tăng Yết-ma định chỗ tội của Tỳ-kheo tên là… Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… vô tâm, vô quý phạm nhiều tội lỗi có thấy, nghe và nghi, trước tự nói phạm, sau nói không phạm, lời nói trước sau đều trái ngược nhau. Nay Tăng Yết-ma định chỗ tội của Tỳ-kheo… này. Các Trưởng lão nào đồng ý, nay Tăng Yết-ma định chỗ tội của Tỳ-kheo tên là… thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần Yết-ma thứ nhất. (Thưa ba lần như vậy.)

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo tên là…. Yết-ma định chỗ tội rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Cho Yết-ma rồi tước đoạt ba mươi lăm việc để cho người này về sau điều phục. Nếu tùy thuận hối cãi, Tăng nên trả lại và cho y giải.

Văn yết-ma cho diệt tẫn:

(Trước hết nêu tội phạm, tác pháp nhớ nghĩ, định tội rồi, sau đó mới tác pháp Yết-ma.)

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…

phạm tội Ba-la-di. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho Tỳ- kheo tên là… phạm tội Ba-la-di yết-ma diệt tẫn (đuổi đi) không được cùng sống chung và không được cùng làm việc. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là… phạm tội Ba-la- di. Nay Tăng cho Tỳ-kheo tên là… phạm tội Ba-la-di Yết-ma diệt tẫn, không được ở chung và không được làm việc chung. Các Trưởng lão nào đồng ý, Tăng cho Tỳ-kheo tên là… phạm tội Ba-la-di Yết-ma diệt tẫn, không được sống chung, không được làm việc chung thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói tra. Đây là lần Yết-ma thứ nhất. (Thưa ba lần như vậy.)

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo tên là… phạm tội Ba-la-di Yết-ma diệt tẫn (đuổi đi) không được ở chung, không được làm việc chung.

Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy. (Pháp này đuổi đi vĩnh viễn không giải)

Ba Yết-ma sau này đều là pháp tự phạt. Nhưng vì lỗi có nặng có nhẹ, nên thứ bậc chia làm ba: Trước Yết-ma quở trách là pháp điều phục, Yết-ma chỉ chỗ tội là pháp chiết phục, Yết-ma diệt tẫn là pháp khu xuất (đuổi đi). Vì thế, trong kinh có dạy: Người nên điều phục thì điều phục, người nên chiết phục thì chiết phục, người nên đuổi đi thì

đuổi đi. Nếu nói theo sự việc thì Yết-ma chẳng phải chỉ có một, nói đủ ở trong luật điển, làm sao sưu tập đầy đủ được, nên mỗi cái đều phân ra. Nay chỉ nêu một Yết-ma để thấy, còn các loại khác thì chuẩn theo đây có thể biết.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 74

YẾT MA

TỨ PHẦN TỲ KHEO NI YẾT MA PHÁP

SỐ 1434

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

Phần 8: TÁC TỊNH PHÁP

(Kết tịnh địa, xem xét tịnh nhân, chân tịnh lần lượt. Thọ pháp bảy ngày hoặc suốt đời. Văn ghi tên thứ tự, tất cả đều giống Tăng, chỉ khác là Ni tỷ).

Phần 9: PHÁP LINH TINH

(Tự xin làm phòng nhỏ. Ăn rồi nhận thức ăn dư, nhận lời mời rồi làm phép tàn thực, nhận lời mời bữa ăn trước, bữa ăn sau và căn dặn phi thời thôn. Văn ghi chép tên thứ tự, tất cả đều giống Tăng chỉ khác là Ni tỷ. Văn không tiện trích dẫn ra đây).

Văn Tăng Kỳ Luật một người an cư:

Tôi Tỳ-kheo tên là… ở trong Tăng-già-lam này an cư ba tháng đầu. Tôi Tỳ-kheo tên là… trú xứ hạ an cư ba tháng đầu, vì có duyên sự nên đi ra khỏi giới thọ pháp bảy ngày là trụ xứ an cư tự tứ.

-oOo-

SỐ 1434

PHÁP YẾT MA TỨ PHẦN TỲ KHEO NI

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Tam tạng Cầu Na Bạt Ma, người nước Kế Tân.

Phần 1: PHÁP KẾT GIỚI

(Các pháp Yết-ma kết giới trong đây đều giống với pháp của Đại Tăng, chỉ khác là gọi Ni Đại Sư).

Phần 2: PHÁP THỌ GIỚI

Văn Yết-ma Tỳ-kheo-ni xin nuôi chúng:

(Nếu Tỳ-kheo-ni muốn độ người, nên đến trong Tỳ-kheo Ni Tăng, để lộ vai bên phải, cởi bỏ giày dép đảnh lễ Tăng rồi, quỳ gối xuống đất yết-ma xin nuôi chúng, tác bạch như vầy:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Tôi Tỳ-kheo-ni tên là… nay đến Tăng xin được độ người trao giới cụ túc. Cúi xin Tăng cho tôi được độ người thọ giới cụ túc (Thưa ba lần như vậy).

Văn Yết-ma cho nuôi chúng:

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni này tên

là… nay đến Tăng xin độ người trao giới cụ túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… độ người trao giới cụ túc. Đây là lời tác bạch.

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo này tên là… nay đến Tăng xin độ người trao giới cụ túc. Nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… độ người trao giới cụ túc. Các Đại tỷ nào đồng ý Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… độ người trao giới cụ túc thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo-ni tên là… độ người trao giới cụ túc rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn độ Sa-di-ni:

(Nếu muốn xuống tóc cho xuất gia ở trong chùa thì phải thưa với tất cả Tăng để biết. Nếu Tăng không hòa hợp thì nên dẫn đương sự đi từng phòng thưa để quý vị biết. Nếu Tăng hòa hợp thì tác bạch rồi sau mới cho cạo đầu. Văn tác bạch như sau:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Người này tên là… muốn đến cầu tôi tên là… xuống tóc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý cho người tên là… xuống tóc. Đây là lời tác bạch. (Tác bạch rồi, vì người xuống tóc muốn xuất gia ở trong chùa thì phải thưa tất cả Tăng để biết. Nếu Tăng không hòa hợp thì nên dẫn đương sự đi từng phòng

thưa để quý vị biết. Nếu Tăng hòa hợp thì tác bạch rồi sau đó mới cho xuất gia. Văn tác bạch như sau:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Người này tên là… muốn theo Tỳ-kheo-ni tên là… cầu xuất gia. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý cho người tên là… xuất gia. Đây là lời tác bạch. (Tác bạch xuất gia rồi, dạy người xuất gia mặc cà sa để lộ vai bên phải, cởi bỏ giày dép, quỳ gối phải xuống đất, chấp tay, hướng dẫn họ tác bạch như sau:)

Con tên là… quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng. Nay con theo Phật xuất gia, Tỳ-kheo-ni hiệu là… làm Hòa thượng. Đức Như Lai bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác là Thế Tôn của con (Thưa ba lần như vậy).

Con tên là… đã quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng. Nay con đã theo Phật xuất gia rồi, Tỳ-kheo-ni hiệu là… làm Hòa thượng. Đức Như Lai bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác là Thế Tôn của con (Thưa ba lần như vậy rồi, cho thọ giới).

1. Suốt đời không được sát sinh là giới của Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

2. Suốt đời không được trộm cắp là giới của Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

3. Suốt đời không được dâm dục là giới của Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

4. Suốt đời không được nói dối là giới của Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

5. Suốt đời không được uống rượu là giới của Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

6. Suốt đời không được đeo vòng hoa, xức dầu thơm trên thân là giới của Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

7. Suốt đời không được ca múa, xướng hát, cũng không được cố ý xem nghe là giới của Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

8. Suốt đời không được ngồi nằm giường tòa cao rộng lớn là giới của Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

9. Suốt đời không được cầm nắm sinh tượng, vàng bạc, bảo vật là giới của Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

10. Suốt đời không được ăn phi thời là giới của Sa-di-ni. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Đó là mười giới của Sa-di-ni, suốt đời không được phạm. Ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Ngươi đã thọ giới rồi, nên cúng dường Tam bảo: Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo, nên tu tập ba nghiệp tọa thiền, tụng kinh và siêng năng làm việc chúng (cho phép đồng nữ mười tám tuổi học giới trong hai năm, đủ hai mươi tuổi đến hai bộ Tăng thọ đại giới. Nếu mười tuổi mà đã từng có chồng, cho hai năm học giới, đủ mười hai tuổi cho thọ đại giới. Cho thọ hai năm học giới như sau:)

Văn Thức-xoa-ma-na thọ sáu pháp:

(Sa-di-ni nên đến trong chúng Tỳ-kheo-ni, để lộ vai bên phải, cởi bỏ giày dép, đảnh lễ Tỳ-kheo Ni Tăng rồi, quỳ gối xuống đất chấp tay tác bạch như sau:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Con Sa-di-ni tên là… nay đến Tăng xin hai năm học giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Cúi xin Tăng thương xót cứu độ con (Thưa ba lần như thế. Nên bảo Sa-di-ni đến chỗ mắt thấy mà tai không nghe rồi, trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp Yết- ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Sa-di-ni này tên là… nay theo Tăng xin hai năm học giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng,

Tăng đồng ý. Nay Tăng cho Sa-di-ni tên là… hai năm học giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Đây là lời tác bạch.

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Sa-di-ni này tên là… nay đến Tăng xin hai năm học giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Nay Tăng cho Sa-di-ni tên là… hai năm học giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Các Đại tỷ nào đồng ý Tăng cho Sa-di-ni này tên là… hai năm học giới, Hòa thượng Ni hiệu là… thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì xin nói ra. Đây là lần Yết-ma thứ nhất (Thưa ba lần như vậy).

Tăng đã đồng ý cho Sa-di-ni tên là… hai năm học giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy (Tiếp theo trao cho Sa-di sau pháp như vậy:)

Này Sa-di-ni hãy lắng nghe! Đức Như Lai bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đã nói sáu pháp không được phạm.

1. Không được hành pháp dâm dục. Nếu Thức-xoa-ma-na hành pháp dâm dục thì chẳng phải Thức-xoa-ma-na, chẳng phải Thích chủng nữ. Cùng người nam có tâm nhiễm ô hai thân xúc chạm nhau là phạm giới nên phải thọ giới lại. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

2. Không được trộm cắp cho đến cộng cỏ lá

cây. Nếu Thức-xoa- ma-na lấy của người năm tiền hoặc hơn năm tiền, hoặc tự mình lấy, hoặc dạy người lấy, hoặc tự mình đoạn, hoặc dạy người đoạn, hoặc tự mình phá, hoặc dạy người phá, hoặc đốt, hoặc chôn, hoặc làm cho hoại sắc thì người đó chẳng phải Thức-xoa-ma-na, chẳng phải Thích chủng nữ. Nếu lấy dưới năm tiền thì phạm giới phải thọ giới lại. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

3. Không được cố ý đoạn mạng sống của chúng sinh, cho đến loài kiến. Nếu Thức-xoa-ma-na cố ý tự tay giết người, tìm dao trao cho người, dạy cách chết, khuyến khích sự chết, hoặc cho người uống thuốc độc, hoặc làm đọa thai, dùng bùa chú, nguyền rủa, tự mình làm dạy người làm thì người đó chẳng phải Thức-xoa-ma-na, chẳng phải Thích chủng nữ. Nếu đoạn mạng sống của súc sinh, loài không thể biến hóa thì bị phạm giới phải thọ lại. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

4. Không được nói dối, cho đến nói đùa giỡn. Nếu Thức-xoa-ma- na không chân thật, thực sự mình không chứng đắc mà tự xưng là tôi đã đạt được pháp Thượng nhân nói: Tôi đắc thiền, đắc giải thoát, đắc Tam-muội chánh thọ, đắc quả Tu-

đà-hoàn, đắc quả Tư-đà-hàm, đắc quả A-na-hàm, đắc quả A-la-hán nói rằng, trời, rồng, quỷ thần đến cúng dường tôi thì người đó chẳng phải là Thức-xoa-ma-na, chẳng phải Thích chủng nữ. Nếu ở trong chúng cố ý nói dối là phạm giới phải thọ giới lại. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

5. Không được ăn phi thời. Nếu Thức-xoa-ma-na nào ăn phi thời thì phạm giới phải thọ giới lại. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

6. Không được uống rượu. Nếu Thức-xoa-ma-na nào uống rượu là phạm giới phải thọ giới lại. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Thức-xoa-ma-na nên học tất cả giới của Tỳ-kheo-ni, trừ Tỳ-kheo- ni quá thực tự lấy thức ăn để ăn.

Pháp Thức-xoa-ma-na thọ đại giới:

(Nếu Thức-xoa-ma-na học giới đã xong, đủ hai mươi tuổi, hoặc đủ mười hai tuổi nên cho thọ đại giới. Trước hết đến trong Tỳ-kheo Ni Tăng thỉnh Hòa thượng, nên thưa như vậy:)

Đại tỷ nhất tâm niệm. Con tên là… nay cầu A

di làm Hòa thượng, cúi xin A di vì con làm Hòa thượng, con nương nơi A di được thọ đại giới (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Vị Hòa thượng nên trả lời: Được! Nên thọ trì như vậy. Dẫn người thọ giới đến đứng chỗ mắt thấy mà tai không nghe. Trong khi đó hành giới sư nên sai một vị giáo thọ hỏi rằng:) Trong đại chúng này ai có khả năng làm giáo thọ cho người tên là… (Nếu cho người trả lời tôi có thể. Khi ấy giới sư nên tác bạch:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Người này tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý cho Tỳ-kheo tên là… làm giáo thọ sư. Đây là lời tác bạch (Thầy giáo thọ nên đến chỗ người thọ giới nói:)

Này cô! An-đà-hội, Uất-đa-la-tăng, Tăng-già-lê này. Tăng-già-chi, Phú-kiên-y này. Những Y bát này ngươi đã có chưa? (Trả lời đã có).

Thiện nữ hãy lắng nghe! Nay chính là lúc chân thành cần nói lên sự thật. Nay ta hỏi ngươi. Có thì ngươi nói có, không thì ngươi nói không:

Ngươi không phạm biên tội chứ? Ngươi không phạm tịnh hạnh Tỳ-kheo-ni chứ? Ngươi không phải với tâm giặc thọ giới chứ? Ngươi không phá nội ngoại đạo chứ? Ngươi chẳng phải Huỳnh môn chứ? Ngươi không phải là ngươi giết cha chứ?

Ngươi không phải là ngươi giết mẹ chứ? Ngươi không phải là ngươi giết bậc chân nhân A-la-hán chứ? Ngươi không phá Tăng chứ? Ngươi không có tâm ác làm thân Phật chảy máu chứ? Ngươi không phải phi nhân chứ? Ngươi chẳng phải súc sinh chứ? Ngươi không phải người hai căn chứ? Ngươi tên gì? Hòa thượng của ngươi hiệu gì? Ngươi đủ hai mươi tuổi chưa? Y bát đầy đủ không? Cha mẹ và phu chủ có cho phép ngươi không? Ngươi không mắc nợ ai chứ? Ngươi không phải là tôi tớ chứ? Ngươi là người nữ chứ? Người nữ có các chứng bệnh như là hủi, lác trắng, ung thư, càn tiêu, điên cuồng, hai căn, hai đường hiệp lại, đại tiểu tiện thường rỉ chảy, đàm dãi thường tiết ra. Cô có các chứng bệnh như vậy không? Trả lời là không, nên nói: Như ta vừa hỏi ngươi, lát nữa trong Tăng cũng sẽ hỏi ngươi như vậy. Những gì ngươi trả lời với ta thì ở trong Tăng ngươi cũng trả lời như vậy (Vị giáo thọ sư hỏi xong, trở lại trong Tăng với oai nghi bình thường, đứng chỗ có thể đưa tay đụng các Tỳ-kheo-ni, tác bạch:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Người này tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý, tôi đã giáo thọ xong, cho phép kêu họ vào. Đây là lời tác bạch (Vị kia nên gọi đương sự vào, vào rồi cầm y bát hướng dẫn họ đảnh lễ Tăng rồi, quỳ

trước mặt giới sư chấp tay tác bạch xin).

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Con tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Con tên là… nay đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… cúi xin Tăng rủ lòng thương xót cứu độ con! (Lần thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy. Khi ấy, giới sư nên tác bạch:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Người này tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Người này tên là… nay đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý, cho phép. Tôi đã hỏi các nạn sự. Đây là lời tác bạch:

Ngươi hãy lắng nghe. Nay chính là lúc chân thành, lúc cần nói lên sự thật. Nay tôi hỏi ông, có thì nói có, không thì nói không.

Ngươi có phạm biên tội không? Ngươi không phạm tịnh hạnh Tỳ- kheo-ni chứ? Ngươi không phải với tâm giặc thọ giới chứ? Ngươi không phá nội ngoại đạo chứ? Ngươi chẳng phải huỳnh môn chứ? Ngươi không phải là người giết cha chứ? Ngươi không phải là người giết mẹ chứ? Ngươi không phải là người giết bậc chân nhân A-la-hán chứ? Ngươi không phá Tăng chứ? Ngươi không có tâm ác làm thân Phật chảy máu chứ? Ngươi chẳng phải phi nhân chứ? Ngươi chẳng phải súc sinh chứ? Ngươi không phải là người hai căn chứ?

Ngươi tên gì? Hòa thượng của ngươi hiệu gì? Ngươi đã đủ tuổi chưa? Y bát có đầy đủ không? Cha mẹ và phu chủ có cho phép ngươi không? Ngươi không mắc nợ ai chứ? Ngươi không phải tôi tớ chứ? Ngươi là người nữ phải không? Người nữ có những căn bệnh như hủi, lác trắng, ung thư, càn tiêu, điên cuồng, hai căn hai đường hiệp lại, đường đại tiểu tiện thường rỉ chảy, đàm dãi thường tiết ra. Ngươi có những căn bệnh như thế không? (Nếu đương sự trả lời là không thì nên tác bạch).

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Người này tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Người này tên là… nay đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… người này tự nói thanh tịnh không có các nạn sự, đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý, nay Tăng cho người tên là… thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Đây là lời tác bạch.

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Người này tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Người này tên là… nay đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… người này tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ. Nay Tăng cho người tên… thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… các Đại tỷ nào đồng ý, nay Tăng cho người tên là… thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần yết-ma thứ nhất (Lần

thứ hai, thứ ba cũng thưa như vậy).

Tăng đã đồng ý cho người tên là… thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Pháp ni đến trong Tỳ-kheo Tăng thọ đại giới:

(Người thọ giới cùng Tỳ-kheo Ni Tăng đến trong Tỳ-kheo Tăng đảnh lễ đại Tăng rồi, đầu gối phải quỳ xuống đất chấp tay tác bạch:)

Đại đức Tăng lắng nghe. Con tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Con tên là… Nay đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… cúi xin Tăng rủ lòng thương xót cứu độ con. (Thưa ba lần như vậy. Giới sư ở đây nên hỏi các nạn sự rồi tác bạch như sau:)

Đại đức Tăng lắng nghe. Người này tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Người tên là… nay đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý cho phép tôi hỏi các nạn sự. Đây là lời tác bạch.

Thiện nữ nhân hãy lắng nghe. Nay chính là lúc chân thành, lúc nói lên sự thật. Nay ta hỏi ngươi, có thì ngươi nói có, không thì nói không:

Ngươi không phạm biên tội chứ? Ngươi không phạm tịnh hạnh Tỳ- kheo chứ? Ngươi không phải với tâm giặc thọ giới chứ? Ngươi không phá nội ngoại đạo chứ? Ngươi chẳng phải huỳnh môn

chứ? Ngươi không phải là người giết cha chứ? Ngươi không phải là người giết mẹ chứ? Ngươi không phải là người giết bậc chân nhân A-la-hán chứ? Ngươi không phá Tăng chứ? Ngươi không có tâm ác làm thân Phật chảy máu chứ? Ngươi chẳng phải phi nhân chứ? Ngươi chẳng phải súc sinh chứ? Ngươi chẳng phải người hai căn chứ? Ngươi tên gì? Hòa thượng của ngươi hiệu gì? Ngươi đủ hai mươi tuổi chưa? Y bát đầy đủ chưa? Cha mẹ và phu chủ có cho phép ngươi không? Ngươi không mắc nợ ai chứ? Ngươi không phải tôi tớ chứ? Ngươi là người nữ phải không? Người nữ không có những căn bệnh như hủi, lác trắng, ung thư, càn tiêu, điên cuồng, hai căn hai đường hiệp lại, đường đại tiểu tiện thường rỉ chảy, đàm dãi thường tiết ra. Ngươi có những chứng bệnh như vậy không? (Nếu đương sự trả lời là không thì nên hỏi)

Ngươi đã học giới chưa? Có thanh tịnh không? (Nếu đương sự trả lời là đã học giới và thanh tịnh thì nên hỏi các Tỳ-kheo khác).

Người tên là… đã học giới và thanh tịnh không? (Đáp là đã học giới và thanh tịnh).

Đại đức Tăng lắng nghe. Người này tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Người này tên là… nay đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Người tên là… tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, đủ hai mươi tuổi,

y bát đầy đủ, đã học giới và thanh tịnh. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho người tên là… thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe. Người này tên là… theo Hòa thượng Ni hiệu là… cầu thọ đại giới. Người này tên là… nay đến Tăng xin thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… Người này tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, đủ hai mươi tuổi, y bát đầy đủ, đã học giới và thanh tịnh. Nay Tăng cho người tên là… thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… các Trưởng lão nào đồng ý Tăng cho người tên là… thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần yết-ma thứ nhất (Thưa ba lần như vậy).

Tăng đã đồng ý cho người tên là… thọ đại giới, Hòa thượng Ni hiệu là… rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Thiện nữ nhân hãy lắng nghe! Đức Như Lai bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói tám pháp Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni nào phạm thì chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ:

1. Không được phạm hạnh bất tịnh, hành pháp dâm dục. Nếu Tỳ- kheo-ni nào làm hạnh bất tịnh, hành pháp dâm dục cho đến loài súc sinh thì người ấy chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được

phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

2. Không được trộm cắp, cho đến lá cây, cộng cỏ. Nếu Tỳ-kheo- ni nào ăn cắp của người năm tiền, hoặc hơn năm tiền. Nếu tự lấy hoặc dạy người lấy, hoặc tự phá, hoặc dạy người phá, hoặc tự chặt, hoặc dạy người chặt, hoặc thiêu, hoặc chôn, hoặc làm hoại sắc thì người đó chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng Tử. Trong giới đây trọn đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

3. Không được đoạn mạng sống của chúng sinh cho đến loài kiến. Nếu Tỳ-kheo-ni nào hoặc tự tay giết người, hoặc cầm dao trao cho người, hướng dẫn cách chết, khuyến khích sự chết, khen ngợi sự chết, hoặc cho người uống thuốc độc, làm đọa thai, dùng chú thuật trù cỏ, nguyền rủa, hoặc làm phương tiện hay dạy người làm phương tiện thì người đó chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới đây suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

4. Không được nói dối, cho đến nói đùa giỡn. Tỳ-kheo-ni nào không chân thật, chẳng phải mình có chứng đắc mà tự xưng mình có chứng đắc pháp thượng nhân, đắc thiền, đắc giải thoát, đắc Tam-

muội chánh thọ, đắc quả Tu-đà-hoàn, đắc quả Tư-đà-hàm, đắc quả A na hàm, đắc quả A-la-hán, nói rằng trời, rồng và quỷ thần đến cúng dường tôi thì người đó chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới đây suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

5. Không được để hai thân xúc chạm nhau, cho đến cùng súc sinh. Nếu Tỳ-kheo-ni nào có tâm ô nhiễm cùng với người nam có tâm ô nhiễm hai thân xúc chạm nhau từ nách trở xuống, từ đầu gối trở lên, hoặc xoa, hoặc bóp, hoặc rờ ngược, hoặc rờ xuôi, hoặc kéo, hoặc xô, hoặc bồng lên, hoặc thả xuống, hoặc nắm gấp, hoặc trì hoãn thì người đó chẳng phải là Tỳ-kheo-ni, chẳng phải là Thích chủng nữ. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

6. Không được phạm tám việc cho đến cùng với loài súc sinh. Nếu Tỳ-kheo-ni nào có tâm nhiễm ô cho người nam có tâm nhiễm ô nắm tay, nắm y, đứng nơi chỗ vắng, cùng đứng, nói chuyện nơi chỗ vắng, cùng đi, hai thân kề nhau và cùng phạm tám việc này thì chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ. Trong giới đây suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

7. Không được che giấu trọng tội của người, cho đến Đột-kiết-la thuyết ác. Tỳ-kheo-ni nào biết Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di mà không tự cử tội cũng không bạch với Tăng, không nói với ai. Vào một thời gian khác sau đó, Tỳ-kheo-ni này thôi tu, hoặc bị diệt tẫn (đuổi đi), hoặc tác pháp không cho ở chung, hoặc vào ngoại đạo. Lúc đó, vị ấy mới nói: Trước đây, tôi biết người này như vậy, như vậy thì vị ấy chẳng phải Tỳ-kheo-ni, chẳng phải Thích chủng nữ, vì che giấu trọng tội của người khác. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

8. Không được tùy thuận theo Tỳ-kheo bị cử tội nói chuyện, cho đến Sa-di. Nếu Tỳ-kheo-ni nào biết Tỳ-kheo bị Tăng cử tội đúng như pháp, như Tỳ-ni, như lời Phật dạy, phạm oai nghi chưa sám hối, không tác pháp cong trú mà tùy thuận theo Tỳ-kheo kia để nói chuyện. Các Tỳ-kheo-ni can gian Tỳ-kheo-ni này: Đại tỷ! Tỳ-kheo kia bị Tăng cử tội như pháp, như Tỳ-ni, như lời Phật dạy, phạm oai nghi chưa sám hối, không tác pháp cong trú, cô đừng tùy thuận theo Tỳ-kheo kia để nói chuyện. Khi các Tỳ-kheo-ni can gián Tỳ-kheo-ni này kiên trì không bỏ. Các Tỳ-kheo-ni nên can gián cho đến ba lần để bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián bỏ thì tốt. Nếu không bỏ thì vị này không

phải Tỳ-kheo- ni, không phải Thích chủng nữ vì đã tùy thuận theo kẻ bị cử tội. Trong giới này suốt đời không được phạm, ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Này thiện nữ hãy lắng nghe! Đức Như Lai bậc Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác nói pháp tứ y. Tỳ-kheo-ni nương nơi đây, xuất gia thọ đại giới, đó là pháp của Tỳ-kheo-ni.

1. Nương nơi áo phấn tảo xuất gia thọ đại giới là pháp của Tỳ- kheo-ni. Trong điều này trọn đời cô có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Nếu được lợi dưỡng, hoặc đàn-việt cúng y, hoặc được y rẻ tiền, hoặc được y đã cắt rọc may thành thì nên nhận.

2. Nương nơi khất thực xuất gia thọ đại giới là pháp của Tỳ-kheo- ni. Trong điều này suốt đời ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Nếu được lợi dưỡng, Tăng sai thọ trai, hay đàn-việt dâng cúng thức ăn vào những ngày mồng tám, mười lăm và mồng một, hoặc thường thọ trai của chúng Tăng, hay đàn-việt mời thì nên nhận.

3. Nương nơi gốc cây để ngồi, xuất gia thọ đại giới là pháp của Tỳ-kheo-ni. Trong điều này suốt đời ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Nếu được lợi dưỡng cho phòng riêng, lầu gác, phòng nhỏ, hang đá, hai phòng có một cửa thông thì nên nhận.

4. Nương nơi dược hư lạn xuất gia thọ đại giới là pháp của Tỳ- kheo-ni. Trong điều này suốt đời ngươi có thể giữ được không?

Đáp: Được.

Nếu được lợi dưỡng như sữa, dầu, đề hồ, mật, đường phèn thì nên nhận.

Ngươi đã thọ giới rồi, bạch tứ yết-ma như pháp thành tựu, đúng

cách, Hòa thượng như pháp, A-xà-lê như pháp, hai bộ Tăng đầy đủ. Ngươi khéo thọ giáo pháp, nên siêng năng cúng dường Phật, Pháp và Tăng. Hòa thượng A-xà-lê dạy bảo những điều như pháp ngươi không được chống trái, nên học hỏi, tụng kinh siêng cầu phương tiện để ở trong pháp Phật đạt quả vị Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A na hàm và quả A-la-hán. Có như vậy thì tâm mới xuất gia của ngươi mới không uổng phí, quả báo không đoạn tuyệt. Những gì ngươi chưa biết nên hỏi Hòa thượng, A-xà-lê (Khi giải tán nên bảo người thọ giới đi trước).

Phần 3: PHÁP TRỪ TỘI

Pháp ni sám hối Tăng tàn:

(Ni là người nữ yếu ớt, sự việc cần phải nhờ vào bạn bè giúp nhau. Nếu để họ giữ điều ác thì tự hại mình thì phạm tội không nhẹ. Ni che giấu Tăng tàn trị tội Tăng thêm hành nửa tháng Ma-na-đỏa, không có pháp phú tàng điều phục riêng. Tỳ-kheo-ni sám hối Tăng tàn, cần phải ở trong hai bộ Tăng tác pháp yết-ma Ma-na-đỏa. Hai bộ đại Tăng và Ni Tăng mỗi bên phải có đủ bốn người. Nếu tác pháp yết-ma xuất tội, hai bộ Đại Tăng và Ni Tăng mỗi bên phải có đủ hai mươi người, không được thiếu).

Văn Yết-ma xin Ma-na-đỏa:

(Nếu Tỳ-kheo-ni phạm tội Tăng tàn nên đến trong hai bộ Tăng hành nửa tháng Ma-na-đỏa. Khi hành Ma-na-đỏa nên đến trong hai bộ Tăng, để lộ vai bên phải, cởi bỏ giày dép đảnh lễ Tăng, rồi quỳ gối phải xuống đất, chấp tay tác bạch xin như sau:)

Đại đức Tăng lắng nghe. Con Tỳ-kheo-ni tên là… phạm… chừng ấy tội Tăng tàn, nay đến hai bộ Tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Cúi xin Tăng rủ lòng thương xót cho con nửa tháng Ma-na-đỏa (Thưa ba lần như vậy).

Văn Yết-ma cho Ma-na-đỏa:

Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni này tên

là… phạm… chừng ấy tội Tăng tàn, nay đến hai bộ Tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho Tỳ-kheo… này nửa tháng Ma-na-đỏa. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni này tên là… phạm… chừng ấy tội Tăng tàn, nay đến hai bộ Tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… nửa tháng Ma-na-đỏa. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… nửa tháng Ma-na-đỏa thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần yết-ma thứ nhất (Thưa ba lần như vậy).

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo-ni tên là… nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy (Pháp Tỳ-kheo-ni hành Ma-na-đỏa đều giống với đại Tăng ở trên, chỉ có khác là mỗi ngày phải đến trong hai bộ Tăng tác bạch. Tác bạch như sau:)

Đại đức Tăng lắng nghe. Con Tỳ-kheo-ni tên là… phạm… chừng ấy tội Tăng tàn, đã đến hai bộ Tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho con nửa tháng Ma-na-đỏa. Con Tỳ-kheo-ni tên là… đã hành được chừng ấy ngày, còn có chừng ấy ngày nữa. Bạch Đại đức Tăng để quý ngài biết con đang hành Ma-na-đỏa.

Văn Yết-ma xin xuất tội:

(Tỳ-kheo-ni hành nửa tháng Ma-na-đỏa xong, nên đến trong hai bộ Tăng tác bạch xin như sau:)

Đại đức Tăng lắng nghe. Con Tỳ-kheo-ni tên là… phạm… chừng ấy tội Tăng tàn, đã đến trong hai bộ Tăng xin hành nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho con nửa tháng Ma-na-đỏa. Con đã ở trong hai bộ Tăng hành nửa tháng Ma-na-đỏa xong, nay đến Tăng xin yết-ma xuất tội. Cúi xin Tăng rủ lòng thương xót cho con yết-ma xuất tội (Thưa ba lần như vậy).

Văn Yết-ma cho xuất tội:

Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni này tên là… phạm… chừng ấy tội Tăng tàn, đã đến trong hai bộ Tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo-ni tên là… nửa tháng Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo-ni… này đã ở trong hai bộ Tăng hành nửa tháng Ma-na-đỏa xong, nay đến Tăng xin yết-ma xuất tội. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… yết-ma xuất tội. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni này tên là… phạm… chừng ấy tội Tăng tàn, đã đến hai bộ Tăng xin nửa tháng Ma-na-đỏa. Tăng đã cho Tỳ-kheo-ni tên là… nửa tháng Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo-ni… này đã ở trong hai bộ Tăng hành nửa tháng Ma-na-đỏa xong, nay đến Tăng xin yết-ma xuất tội. Nay Tăng đã cho Tỳ-kheo-ni tên là… yết-ma

xuất tội. Các Trưởng lão nào đồng ý, nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… yết-ma xuất tội thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là yết-ma lần thứ nhất (Thưa ba lần như vậy).

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo-ni tên là… yết-ma xuất tội rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Phần 4: PHÁP THUYẾT GIỚI

(Pháp thuyết giới của Tỳ-kheo-ni đều giống với Đại Tăng)

Văn Yết-ma Ni Tăng sai người thỉnh giáo thọ:

(Ni Tăng mỗi nửa tháng đến Đại Tăng thỉnh giáo thọ. Nay cần phải sai một người trong đây làm sứ giả vì Ni Tăng thỉnh giáo thọ, sai như sau:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ-kheo Ni Tăng, nửa tháng đến trong Tỳ-kheo Tăng cầu giáo thọ. Đây là lời tác bạch.

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Nay Tăng sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ- kheo Ni Tăng, nửa tháng đến trong Tỳ-kheo Tăng cầu giáo thọ. Các Đại tỷ nào

đồng ý, Tăng sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ-kheo Ni Tăng nửa tháng đến trong Tỳ-kheo Tăng cầu giáo thọ thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ-kheo Ni Tăng, nửa tháng đến trong Tỳ-kheo Tăng cầu giáo thọ. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy (Lại sai thêm một người nữa làm bạn vào trong đại Tăng, đến đảnh lễ cửu trú Tỳ-kheo rồi, quỳ xuống, cúi đầu, chấp tay tác bạch như sau)

Đại đức nhất tâm niệm. Tỳ-kheo Ni Tăng tên là… hòa hợp, đảnh lễ Tăng cầu giáo thọ (Thưa như vậy ba lần. Người nhận lời dặn dò khi Tỳ-kheo thuyết giới, nên thưa như vậy).

Chúng… Tỳ-kheo Ni Tăng hòa hợp đảnh lễ Đại đức Tăng cầu giáo thọ (Thưa ba lần như vậy). Sáng mai, Tỳ-kheo-ni nên hỏi quý Đại đức có chấp thuận không. Tỳ-kheo giáo thọ sư nên hẹn thời gian đến. Tỳ- kheo-ni đúng thời gian đó ra đón rước Tỳ-kheo. Nếu hẹn thời gian đến mà không đến phạm Đột-kiết-la, Tỳ-kheo Ni Tăng đúng thời gian mà không ra nghinh đón phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo Ni Tăng nghe giáo thọ đến nên ra nửa do-tuần nghinh đón vào chùa, cung cấp những đồ cần dùng rửa ráy, cháo, nước uống, thức ăn, trái cây để cúng dường. Nếu không như vậy thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo Tăng bệnh kết,

hoặc chúng không hòa hợp, hoặc chúng không đủ thì nên sai người tin cậy đến đảnh lễ thăm hỏi. Nếu Tỳ-kheo Ni Tăng bệnh kết, hoặc chúng không hòa hợp, chúng không đầy đủ cũng nên sai người tin cậy đến đảnh lễ thăm hỏi. Nếu không như vậy phạm tội Đột-kiết-la.

Phần 5: PHÁP AN CƯ

(Pháp an cư của Tỳ-kheo-ni đều giống pháp của Đại Tăng)

Phần 6: PHÁP TỰ TỨ

Văn Yết-ma Ni Tăng sai người đến trong đại Tăng thọ tự tứ:

(Tỳ-kheo Ni Tăng ba tháng mùa hạ an cư xong nên đến trong đại Tăng thọ tự tứ. Nay cần sai một người làm sứ giả vì Tỳ-kheo Ni Tăng đến trong đại Tăng cầu thọ tự tứ nên sai như sau:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ-kheo Ni Tăng đến trong Đại Tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe và nghi. Đây

là lời tác bạch.

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Nay Tăng sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ- kheo Ni Tăng đến trong Đại Tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe và nghi. Các Đại tỷ nào đồng ý Tăng sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ-kheo Ni Tăng đến trong đại Tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe và nghi thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra.

Tăng đã đồng ý sai Tỳ-kheo-ni tên là… vì Tỳ-kheo Ni Tăng đến trong Đại Tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe và nghi rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc này nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Văn đến trong đại Tăng thọ tự tứ:

(Nên sai một người nữa đi làm bạn, đến trong Tăng, đảnh lễ Tăng rồi, quỳ xuống, cúi đầu chấp tay thưa như sau:)

Tỳ-kheo Ni Tăng ba tháng hạ an cư đã xong. Tỳ-kheo Tăng ba tháng hạ cũng an cư đã xong, Tỳ-kheo Ni Tăng thưa ba việc tự tứ thấy, nghe và nghi. Cúi xin Đại đức Tăng rủ lòng thương xót nói cho con. Nếu con thấy có tội thì sẽ sám hối như pháp (Thưa ba lần như vậy). Trong ngày đó những người kia vừa tự tứ trong Tỳ-kheo Tăng lại về tự tứ nữa nên rất mệt nhọc. Đức Phật dạy: Không được như vậy. Nếu Tỳ-kheo Tăng tự tứ vào ngày mười bốn thì Tỳ-kheo Ni Tăng Tự tứ vào ngày mười lăm. Nếu Đại Tăng bệnh, hoặc chúng không

hòa hợp, hoặc chúng không đủ, Tỳ-kheo-ni nên sai người tin cậy đến đảnh lễ thăm hỏi. Nếu không thì phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo Ni Tăng bệnh, hoặc chúng không hòa hợp, hoặc chúng không đủ Tỳ-kheo Ni Tăng nên sai người tin cậy đến đảnh lễ thăm hỏi. Nếu không thì phạm Đột-kiết-la (Người kia đến trong Đại Tăng thọ tự tứ rồi trở về cùng Ni Tăng tự tứ. Pháp tự tứ cũng giống như Đại Tăng ở trên).

Phần 7: PHÁP CHIA Y

(Pháp của Tỳ-kheo-ni cũng giống pháp của Đại Tăng).

Phần 8: PHÁP Y THỰC TỊNH

(Tỳ-kheo-ni không tác pháp dư thực. Trừ điều này ra, những điều còn lại đều giống của Đại Tăng).

Phần 9: PHÁP LINH TINH

Pháp Yết-ma nội hộ giúp cho Tăng chúng phạt đuổi:

Luật Tạng nói rõ chánh pháp của Tăng, tổng quát có ba, cho nên kết tập gọi là pháp, là Tỳ-ni, là lời Phật dạy.

Pháp là năm hạnh viễn ly:

1. Pháp xuất ly phi thế gian. 2. Pháp vượt qua chẳng phải thọ. 3. Pháp vô dục chẳng phải có dục. 4. Vô kiết chẳng phải có sự kiết. 5. Không thân cận sinh tử chẳng phải thân cận sinh tử.

Tỳ-ni là năm hạnh cốt yết xuất ly:

1. Thiểu (ít) dục chẳng phải nhiều dục. 2. Biết đủ chẳng phải không biết đủ. 3. Dễ bảo hộ chẳng phải khó bảo hộ. 4. Dễ nuôi dưỡng chẳng phải khó nuôi dưỡng. 5. Trí huệ không phải ngu si.

Lời Phật dạy có năm hạnh giáo giới:

1. Người có tội thì ngăn. 2. Người không có tội thì cho phép. Hoặc pháp ngăn hoặc cho phép, người có khuyết giảm đều như pháp cử tội.

4. Người luôn luôn phạm thì chiết phục cho nhớ nghĩ. 5. Công đức chân thật thì thường nhớ khen ngợi cho nên trong kinh nói: Chánh pháp trụ, chánh pháp diệt, nghĩa là người truyền pháp này cũng có ba điều kiện, cho nên lời Thánh gọi là biết pháp, biết luật và biết Ma di. Biết pháp nghĩa là

khéo thọ trì Tạng Tu-đa-la, như A-nan v.v… Biết luật nghĩa là khéo thọ trì Tạng Tỳ-ni như Ưu-ba-ly v.v… Biết Ma di nghĩa là người khéo dẫn đường cầm cân nảy mực như Đại Ca-diếp. Cho nên, phàm lúc ấy muốn làm rạng rỡ Thánh tích để xiển dương đạo giáo tiếp tục làm phép tắc cho đời sau không tuyệt chẳng phải các vị ấy thì ai đây?

Tám pháp nhập chúng:

1. Nên có tâm từ. 2. Nên tự hạ mình như cái khăn lau bụi. 3. Nên ngồi đứng khéo léo, oai nghi trên dưới. 4. Không nói tạp nhạp chuyện thế tục, thuyết pháp cho chúng, hoặc thỉnh người khác thuyết. 5. Nếu thấy trong Tăng có những việc không hay xảy ra, tâm không khiên nhẫn được thì nên im lặng.

Có năm sự im lặng như pháp:

1. Thấy người khác phi pháp mà vẫn im lặng. 2. Không được bạn mà im lặng. 3. Phạm tội nặng mà im lặng. 4. Đồng trụ im lặng. 5. Chỗ đồng trú im lặng.

Có năm sự im lặng phi pháp:

1. Yết-ma như pháp mà tâm bất đồng, im lặng mặc nhiên. 2. Được đồng ý bạn cũng im lặng mặc nhiễm. 3. Hoặc thấy tội nhỏ mà im lặng.

4. Vì tác pháp biệt trụ mà im lặng. 5. Ở trên giới trường ma im lặng.

Có năm loại pháp bỏ:

1. Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo khác hỏi: Ông có thấy mình phạm tội không? Đáp: Không thấy. Vị kia nói: Nếu ông thấy tội nên sám hối. 2. Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo khác hỏi: Ông có thấy mình phạm tội không? Đáp: Không thấy. Người kia nói: Nếu ông thấy tội nên sám hối ở trong Tăng. 3. Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo khác hỏi: Ông có thấy mình phạm tội không? Đáp: Không thấy. Người kia hỏi: Nếu ông thấy tội thì sám hối ở trong Tăng này. 4. Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo khác hỏi: Ông có thấy mình phạm tội không? Đáp: Không thấy. Chúng Tăng nên bỏ đi nói: Ông không thấy mình có tội thì tùy ý đi đâu thì đi, không cho ông bố-tát, như ngựa chứng bỏ roi, bỏ giây cương, ông cũng như vậy. 5. Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo khác hỏi: Ông có thấy mình phạm tội không? Đáp: Không thấy. Người kia ở trong Tăng tác pháp yết-ma cử tội không thấy.

Có năm vấn đề tác pháp yết-ma:

1. Hiện tiền. 2. Tự nói. 3. Không thanh tịnh. 4. Như pháp. 5. Hòa hợp.

Tư nghĩa là biết bệnh, biết thuốc và biết đối trị. Thiện là đối nghi của phế, hưng, thông, tắc, tồn và hộ, nên cuối cùng mặc tình giữ nghĩa công đức đã nêu ra ở đây.

Ba pháp điều phục:

Yết-ma quở trách, yết-ma đuổi đi và yết-ma y

chỉ.

Ba loại diệt pháp:

Chỗ phạm tội, nhiều người nói và như cỏ che đất.

Ba pháp bất cộng trụ:

Ba lần yết-ma, yết-ma trị đuổi đi ngựa chứng.

Văn yết-ma quở trách:

(Trước hết cử tội tác pháp nhớ nghĩ để định tội rồi sau đó tác pháp yết-ma:)

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni này tên là… thích cùng nhau tranh chấp mạ nhục nhau, buông ra những lời như dao kiếm, xoi bói sở trường sở đoản của nhau, tự mình cùng nhau tranh chấp rồi, nếu lại có Tỳ-kheo khác tranh cãi liền đi đến chỗ họ khuyến khích: Các người mạnh mẽ, đâu phải giống như họ. Các vị đa văn, trí huệ và giàu có, có nhiều tri thức hơn họ. Chúng tôi sẽ làm bạn với các vị, để khiến cho Tăng chưa có sự tranh chấp thì khởi lên tranh chấp, đã có tranh chấp rồi thì không thể nào diệt trừ được. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý cho Tỳ-kheo-ni tên là… yết-ma quở trách. Nếu sau đó lại cùng nhau tranh cãi, cùng nhau nhục mạ nữa thì chúng Tăng sẽ tăng thêm tội để trị. Đây là lời tác bạch.

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni này tên là… thích cùng nhau tranh cãi, nhục mạ lẫn nhau, buông ra những lời như dao kiếm, xoi bói sở

trường, sở đoản của nhau, tự mình cùng nhau tranh chấp rồi, nếu lại có Tỳ-kheo khác tranh chấp nhau thì liền đến chỗ họ khuyến khích: Các vị mạnh mẽ, đâu phải giống như họ. Các vị đa văn, trí huệ, giàu có cũng có nhiều tri thức hơn họ, chúng tôi sẽ làm bạn với các vị để khiến cho Tăng chưa có sự tranh chấp thì khởi lên tranh chấp, đã có tranh chấp thì không thể diệt trừ được. Tăng cho Tỳ-kheo-ni… này yết-ma quở trách. Các Đại tỷ nào đồng ý Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… yết-ma quở trách. Nếu sau này lại cùng nhau tranh chấp, nhục mạ lẫn nhau thì chúng Tăng sẽ tăng thêm tội để trị thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần yết-ma thứ nhất (Thưa ba lần như vậy).

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo-ni tên là… pháp yết-ma quở trách rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy (Sau khi cho yết-ma rồi, tước đoạt ba mươi lăm việc để khiến cho người kia chiết phục. Nếu sau đó tùy thuận hối cải Tăng nên trả lại và cho yết-ma giải).

Văn Yết-ma chỉ cho chỗ phạm tội:

(Trước hết cử tội tác pháp nhớ nghĩ để định tội, sau đó tác pháp yết-ma).

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni tên là… không biết hổ, không biết thẹn, phạm nhiều tội có thấy, nghe và nghi. Trước tự nói phạm sau nói không phạm, lời nói trước sau đều trái nhau. Nếu

thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… yết-ma chỗ phạm tội. Đây là lời tác bạch.

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni này tên là… không biết hổ, không biết thẹn, phạm rất nhiều tội có thấy, nghe và nghi. Trước tự nói phạm, sau nói không phạm, lời nói trước sau hoàn toàn trái nhau. Nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… yết-ma chỗ tội lỗi. Các Đại tỷ nào đồng ý, nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… yết-ma chỗ phạm tội thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần yết-ma thứ nhất (Thưa ba lần như vậy).

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo-ni tên là… yết-ma chỗ phạm tội rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy (Cho yết-ma rồi, lấy đi ba mươi lăm việc để làm cho người kia chiết phục. Nếu sau đó tùy thuận hối cải, Tăng nên trao lại và cho yết-ma giải).

Văn cho Yết-ma diệt tẫn (Đuổi đi):

(Trước hết cử tội tác pháp nhớ nghĩ để định tội rồi, sau đó tác pháp yết-ma).

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni tên là… phạm tội Ba-la-di. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý. Nay Tăng cho Tỳ- kheo-ni tên là… phạm tội Ba-la-di yết-ma diệt tẫn (đuổi đi), không được sống chung, không được làm việc chung. Đây là lời tác bạch.

Đại tỷ Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni tên là… phạm tội Ba-la-di. Nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… phạm tội Ba-la-di yết-ma diệt tẫn (đuổi đi), không được sống chung, không được làm việc chung. Các Đại tỷ nào đồng ý, Tăng cho Tỳ-kheo-ni tên là… phạm tội Ba-la-di yết-ma diệt tẫn (đuổi đi), không được sống chung, không được làm việc chung thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì nói ra. Đây là lần yết-ma thứ nhất (Thưa ba lần như vậy).

Tăng đã đồng ý cho Tỳ-kheo-ni tên là … phạm tội Ba-la-di yết-ma diệt tẫn (đuổi đi), không được sống chung, không được làm việc chung rồi. Tăng đã đồng ý vì im lặng. Việc ấy, nay tôi xin ghi nhận như vậy (Pháp này vĩnh viễn không giải).

Ba yết-ma sau đây đều là pháp trị phạt, nhưng lỗi thì có nặng, có nhẹ nên chia làm ba bậc: Những yết-ma quở trách trước là pháp điều phục. Những yết-ma chỗ phạm tội là pháp chiết phục. Những pháp yết- ma diệt tẫn là pháp đuổi đi. Cho nên, trong kinh dạy: Người đáng điều phục thì nên điều phục họ, người đáng chiết phục thì nên chiết phục họ, người đáng phạt đuổi đi thì nên phạt đuổi họ đi.

Nếu theo sự mà nói thì yết-ma chẳng phải một. Nói đầy đủ luật điển thì làm dung tập được kết, cho nên mỗi phần của nó chỉ nêu ra một yết-ma, nghi thức cố định để chỉ dạy. Còn những loại khác thì chuẩn theo đây có thể biết.

-oOo-